

THÀNH KÍNH TƯỞNG NIỆM
TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG

THÍCH MINH CHÂU

(1918 - 2012)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH - HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ
& MÔN ĐỒ PHÁP QUYẾN



THÀNH KÍNH TƯỞNG NIỆM
TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG

THÍCH MINH CHÂU

(1918 - 2012)



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



Không làm mọi điều ác,
Tâm ý' quở không lành
Thành tâm với hạnh lành,
Chí' lực chui Phật dạy

(Thủ bút của Hòa thượng)





PHẦN I



DÒNG PHÁP KHÍ
TỎA SÁNG



CĂN BẠCH



Hơn 70 năm phụng sự Đạo pháp và Dân tộc, Đức cố Trưởng lão Hòa thượng Thượng Minh hạ Châu đã có những đóng góp lớn lao cho sự nghiệp chấn hưng Phật pháp, để lại những giá trị trong sáng vững bền cho tương lai Đạo pháp và Dân tộc. Cuộc đời và đạo nghiệp của Ngài mãi mãi là tấm gương sáng cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử Việt Nam noi theo trong sự nghiệp phụng Đạo hộ Đời.

Kinh *Pháp Cú* dạy rằng bậc Thánh giả hiện diện giữa cuộc đời với tâm nguyện hộ trì và che chở, giống như ong đến với hoa, chỉ nhận lấy chút phấn nhụy hoa rồi bay đi mà không làm tổn thương hương sắc của loài hoa.

Vào ngày 1 tháng 9 năm 2012, nhằm ngày 16 tháng Bảy năm Nhâm Thìn, Phật lịch 2556, Đức Trưởng lão Hòa thượng an tường xả báo thân tại phương trượng Thiền viện Vạn Hạnh, TP.Hồ Chí Minh, để lại muôn vàn tiếc thương cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam và nhiều lớp người mến mộ đạo hạnh của Ngài ở trong nước cũng như ở hải ngoại. Kinh văn truyền thống xác nhận rằng các bậc trí giả mệnh chung để lại tiếc thương cho vô số người vì những lợi lạc mà chư vị đã làm cho con người và cho cuộc đời. Tập kỷ yếu này, gồm các bài tưởng niệm và cảm niệm về cuộc đời và sự kiện viên tịch của Đức cố Trưởng lão Hòa thượng thượng Minh hạ Châu do Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Môn đồ Pháp quyền thực hiện, một phần xác tín về sự thật đáng trân trọng ấy.

Chúng tôi xin trân trọng đón nhận tâm tư chân thành của chư tôn đức Tăng Ni cùng chư thiện hữu tri thức đã trang trọng phát biểu về ân đức của Đức cố Trưởng lão Hòa thượng, xem đây là nguồn khích lệ lớn cho Phật tử Việt Nam, Môn phái Tổ đình Tường Vân, Thiền viện Vạn Hạnh và Môn đồ Pháp quyến trong sự nghiệp tu học giáo pháp giác ngộ của Đức Thế Tôn và trong tâm tưởng “âm thủy tư nguyên”.

Chúng tôi cũng xin trân trọng ghi nhận tâm tưởng của chư tôn đức Tăng Ni và chư thiện hữu tri thức ở nhiều nơi đã thể hiện lòng ái kính và thương tiếc đối với Đức cố Trưởng lão Hòa thượng qua nhiều hình thức tưởng niệm và tôn kính khác nhau. Cầu mong cho hết thầy chúng ta đều được soi sáng qua những trang kinh Phật mà Đức cố Trưởng lão Hòa thượng đã dày công phiên dịch.

Trân trọng,

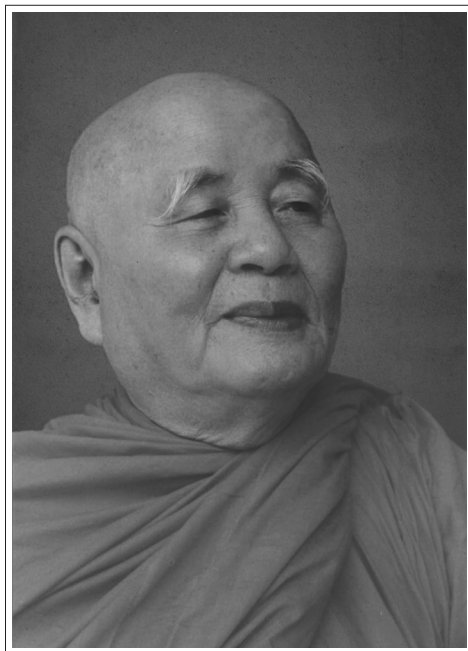
TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2014

TM.Hội đồng Trị sự GHPGVN và Môn đồ Pháp quyến

*Tỳ-kheo **Thích Chơn Thiện***

Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS GHPGVN





TIỂU SỬ
TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU
(1918 - 2012)



- Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam (HĐCM GHPGVN).
- Nguyên Đại biểu Quốc hội các khóa VII, VIII, IX và X.
- Huân chương Hồ Chí Minh.
- Huân chương Độc lập hạng nhì.

- Huân chương Đại đoàn kết.
- Nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (HĐTS TW GHPGVN).
- Nguyên Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (HĐTS GHPGVN).
- Nguyên Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo dục Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVN TN).
- Nguyên Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh.
- Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
- Nguyên Hiệu trưởng Trường Cao cấp Phật học Việt Nam, Cơ sở I, chùa Quán Sứ, Hà Nội.
- Nguyên Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.
- Trú trì Tổ đình Tường Vân, thành phố Huế, Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh, TP. Hồ Chí Minh.

A. THÂN THỂ

Hòa thượng họ Đinh, húy Văn Nam, là đệ tử của cố Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Đệ nhất Tăng thống GHPGVN TN, pháp danh Tâm Trí, pháp hiệu Viên Dung, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1918 (Mậu Ngọ) tại làng Kim Thành (Quảng Nam); nguyên quán làng Kim Khê, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Thân phụ là cụ ông Đinh Văn Chắp, pháp danh Trừng Tuệ và thân mẫu là cụ bà Lê Thị Đạt, pháp danh Trừng Tín. Gia đình Hòa thượng có 11 người con, Hòa thượng là con trai thứ tư trong gia đình. Vốn sinh trưởng trong gia đình vọng tộc Nho gia, thân sinh của Hòa thượng đỗ tiến sĩ Hoàng giáp năm 21 tuổi (khoa Quý Sửu 1913, niên hiệu Duy Tân thứ 7), Hòa thượng ảnh hưởng sâu đậm nền giáo dục của cụ ông từ bé. Vì vậy, Hòa thượng rất cần mẫn đèn sách, chăm chỉ học hành, trí tuệ phát triển sớm.

Năm 1939, Hòa thượng đỗ bằng Cao đẳng Tiểu học Đông Dương; năm 1940 Hòa thượng đỗ Tú tài Toàn phần tại trường Khải Định - Huế (nay là trường Quốc Học); và cùng thời gian này, Ngài được bổ làm Thư ký Tòa Khâm sứ, tỉnh Thừa Thiên. Sau một năm làm việc tại đây, Hòa thượng thấy nhiều bất công trong khâu xét xử, người dân bị xử oan sai nên đã xin thôi việc.

B. THỜI KỲ TÌM HIỂU GIÁO LÝ ĐẠO PHẬT VÀ XUẤT GIA HỌC ĐẠO

*** Tìm hiểu giáo lý đạo Phật**

Năm 1932, Hội An Nam Phật học ra đời, phong trào chấn hưng Phật giáo miền Trung nở rộ. Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám là nhà trí thức yêu nước cũng là một Phật tử được bầu làm Hội trưởng kiêm Chủ bút Tạp chí *Viên Âm*. Phong trào học Phật do bác sĩ tổ chức có nhiều trí thức yêu nước tham gia như: Ngô Điền, Phạm Hữu Bình, Võ Đình Cường...

Hòa thượng cùng em là Đình Văn Vinh đến với phong trào học Phật từ năm 1936 do bác sĩ Lê Đình Thám giảng và đảm nhiệm chức Chánh Thư ký của Hội. Kể từ đó Hòa thượng gắn liền với Hội và là hạt nhân nòng cốt phát động phong trào yêu nước chống Pháp và phát động thanh niên tham gia học Phật. Hòa thượng là người đi đầu trong các phong trào này.

Lúc bấy giờ, trong tư cách là một Phật tử, bên cạnh cụ Hội trưởng Tâm Minh Lê Đình Thám, Hòa thượng đã hoạt động tích cực về nhiều mặt, giúp phát triển Phật sự của 17 Tỉnh hội Phật giáo miền Trung.

Trong phong trào Thanh niên nghiên cứu đạo Phật, Hòa thượng là một trong những người sáng lập Đoàn Phật học Đức dục và Gia đình Phật hóa phổ (tên cũ của tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam sau này). Trong công cuộc chấn hưng Phật giáo từ cố đô Huế đến các tỉnh Trung Bộ, ngay từ buổi đầu Hòa thượng đã có nhiều cống hiến đáng kể như vận động một số Phật tử trong hàng hội viên của Hội quyên góp, bảo trợ cho Trường Phật học Báo Quốc, Tông lâm Kim Sơn; lúc nạn đói dưới thời kỳ Nhật chiếm đóng, Ngài đã giúp sơ tán học tăng vào Nam Bộ và gởi gắm các nơi khác có điều kiện hơn...

*** Xuất gia tu học**

Trong thời gian làm việc ở Hội quán, Hòa thượng đã học hỏi và thâm hiểu giáo lý Đại thừa từ bác sĩ Lê Đình Thám và quý vị tôn túc trong sơn môn Thừa Thiên Huế; thời gian này, Ngài đã vào ở hẳn trong chùa Tường Vân và thực tập nếp sống thiền môn như điều chúng trong chùa và cũng từ đó, Hòa thượng quyết chí xin xuất gia. Năm 1946, Ngài đầu sư với Hòa thượng húy thượng Trừng hạ Thông, tự Chơn Thường, hiệu Tịnh Khiết (Đức Đệ nhất Tăng thống GHPGVN TN) tại Tổ đình Tường Vân, thuộc làng Hạ I, xã Thủy Xuân, thành phố Huế và được Bốn sư ban cho Pháp danh là Tâm Trí. Trải qua những tháng ngày hầu Thầy và chấp tác nặng nhọc tại Tổ đình cũng như việc Hội, Hòa thượng không bao giờ trễ nải. Người lúc ấy vừa là giảng sư, vừa là chú điều đang tập sự thực hành nếp sống thiền môn. Công đức đã đầy đủ, năm 1949 (Kỷ Sửu) Hòa thượng được Bốn sư cho phép thọ Cụ túc giới tại Giới đàn Hộ Quốc chùa Báo Quốc do chính Bốn sư làm Đàn đầu Hòa thượng.

Trong Đại giới đàn này, Hòa thượng được Hội đồng Thập sư đặc cách cho thọ Tam đàn cụ túc và được Hòa thượng Bốn sư ban cho pháp tự Minh Châu, pháp hiệu Viên Dung. Sau khi đã nhập vào hàng Chúng trung tôn, Hòa thượng vẫn không ngừng sinh hoạt với Hội Phật học Trung Phần, chuyên cần diễn giảng Phật pháp khắp các chùa Hội, hướng dẫn các thanh, thiếu niên của Gia đình Phật tử, đóng góp bài viết cho các tạp chí *Viên Âm, Từ Quang, Liên Hoa,...* Chủ bút Tạp chí *Tư Tưởng* Năm 1951 khi Hội thành lập trường Trung học Bồ Đề đầu tiên ở Huế thì Hòa thượng được mời giữ chức Hiệu trưởng trường này.

Trong Hội nghị Thống nhất Phật giáo Việt Nam ba miền được tổ chức tại chùa Từ Đàm năm 1951, Hòa thượng được cử làm đại biểu tham dự chính thức.-

C. XUẤT DƯƠNG DU HỌC

Trong quá trình nghiên cứu Kinh Luật Luận Hán tạng, Hòa thượng thấy cách phiên âm các từ ngữ Pāli, Sanskrit mỗi người mỗi khác, khiến bản văn trở nên khó hiểu. Từ đó, Hòa thượng xin phép Bốn sư và Hội Phật học Trung Phần cho phép mình xuất dương tu học tại Sri Lanka và Ấn Độ về Kinh Luật Luận Pāli và Sanskrit, nguyên sau này về nước tiếp tục phiên dịch kinh điển làm phong phú kho tàng Tam tạng nước nhà.

Năm 1952, được sự chấp thuận của Giáo hội và Hòa thượng Bốn sư, Hòa thượng xuất dương du học tại Sri Lanka, học Pāli và Anh văn tại Colombo. Năm 1955, Hòa thượng được trường Đại học Sri Lanka tặng bằng Pháp sư (Saddhammacariya). Sau đó, Hòa thượng sang Ấn Độ và theo học tại Nava Nalanda Mahavihara thuộc Đại học Bihar (Ấn Độ). Trong thời gian du học tại đây, năm 1957 Hòa thượng đã gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân chuyến thăm Ấn Độ của Người.

Năm 1958, Hòa thượng liên tiếp đỗ các văn bằng cử nhân Pāli và Anh văn, đặc biệt là đỗ Thủ khoa M.A (Cao học) về Pāli và Abhidhamma trên một số đồng thí sinh Ấn Độ và nước ngoài đang theo học cùng khóa với Hòa thượng. Với luận án *So sánh tập Pāli Trung Bộ kinh với tập Trung A-hàm chữ Hán* (The Chinese Madhyama Āgama and The Pāli Majjhima Nikāya - A Comparative Study), tháng 09 năm 1961, Hòa thượng là người Việt Nam đầu tiên đỗ Tiến sĩ Phật học, Văn học Pāli tại Ấn Độ, đích thân Tổng thống Ấn Độ thời ấy đứng ra trao bằng Danh dự và khen ngợi không ngớt về luận văn này. Năm 1962-1963, Hòa thượng được Đại học Bihar (Ấn Độ) mời ở lại giảng dạy tại đây. Trước khi về nước, Hòa thượng đã viết nhiều tác phẩm bằng tiếng Anh như: *Huyền Trang, nhà chiêm bái và học giả* (Hsuan T'sang, The Pilgrim and Scholar); *So sánh tập Pāli Milindapañha với tập Na Tiên Tỳ-kheo chữ Hán* (Milindapañha and Na-Hsien Bhikshu Sūtra - A Comparative Study);

Pháp Hiển, nhà chiêm bái khiêm tốn (Fa-Hsien, The Unassuming Pilgrim)... Năm 1964, Hòa thượng trở về nước tiếp tục trước tác và dịch thuật nhiều tác phẩm có giá trị cho hàng xuất gia và tại gia tu học.

D. THỜI KỲ VỀ NƯỚC HÀNH ĐẠO

I. Công tác hoàng pháp

Tháng 4 năm 1964, sau khi trở về nước, Hòa thượng đã đem khả năng của mình để ứng dụng vào Phật sự như phiên dịch kinh tạng, mở trường Đại học Vạn Hạnh v.v... ngõ hầu báo đáp thâm ân Phật tổ. Vì thế, Hòa thượng đã được mời giữ chức vụ Phó Viện trưởng Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn (1964-1965).

Đến năm 1965, Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn được đổi thành Viện Đại học Vạn Hạnh. Từ năm 1966, với tư cách là Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo dục, Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, Hòa thượng đã tiến hành xây dựng cơ sở mới tại số 222 đường Trương Minh Giảng (nay là đường Lê Văn Sỹ), do Hòa thượng làm Viện trưởng. Viện mở thêm 5 Phân khoa: Phân khoa Phật học (Hòa thượng Thích Mãn Giác, Hòa thượng Thích Trí Tịnh làm Khoa trưởng), Phân khoa Văn khoa (Hòa thượng Thích Thiên Ân, Đại đức Thích Nguyên Tấn, Giáo sư Nguyễn Đăng Thục làm Khoa trưởng), Phân khoa Khoa học Xã hội (Giáo sư Tôn Thất Thiện, Giáo sư Bùi Tường Huân... làm Khoa trưởng), Phân khoa Giáo dục (Đại đức Thích Nguyên Hồng làm Khoa trưởng), Trung tâm Ngoại ngữ (Giáo sư Cẩm Quỳnh làm Giám đốc). Năm 1967, Hòa thượng làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút Tạp chí *Tư Tưởng*.

Năm 1975-1976, sau khi nước nhà thống nhất, Hòa thượng bàn giao Viện Đại học Vạn Hạnh cho Bộ Giáo dục quản lý. Sau đó, Hòa thượng trở về cơ sở II ở Phú Nhuận thành lập Phật học viện Vạn Hạnh, nơi đây Hòa thượng đã tập trung vào việc tiếp tục phiên dịch toàn bộ Kinh tạng Pāli sang Việt ngữ. Ngoài ra, Hòa thượng cũng dành nhiều thời giờ để nhiếp hóa đồ chúng và dạy Phật pháp cho tín đồ. Và cũng từ cơ sở này, lần đầu tiên sau ngày thống nhất đất nước, Hòa thượng mở lớp dạy Phật pháp cho Phật tử sau giờ tan sở và đề xuất với Thành hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh giảng pháp vào sáng Chủ nhật hàng tuần cho Tăng Ni, Phật tử. Các buổi giảng đầu tiên là ở chùa Ấn Quang, Xá Lợi với các Ngài giảng sư Đôn Hậu, Thiện Châu... Hòa thượng cũng tham gia thuyết giảng. Từ đó phong trào học Phật và nghe giảng pháp sáng Chủ nhật hàng tuần được lan rộng.

*** Vận động thống nhất Phật giáo**

Năm 1980, Hòa thượng cùng chư tôn Hòa thượng Thích Trí Thủ, Hòa thượng Thích Trí

Tịnh, Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Hòa thượng Thích Giới Nghiêm, Hòa thượng Thích Bửu Ý, Hòa thượng Thích Thiện Hào, Hòa thượng Thích Thiện Châu, Hòa thượng Thích Từ Hạnh... và các cư sĩ Nguyễn Hữu Thiện, Nguyễn Văn Chế, Võ Đình Cường, Tổng Hồ Cẩm ở phía Nam cũng như với chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa ở phía Bắc như Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Hòa thượng Thế Long, Hòa thượng Thích Thanh Tứ lãnh đạo các hệ phái Phật giáo Việt Nam thành lập Ban Vận động thống nhất Phật giáo nước nhà, do Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Trưởng ban, Hòa thượng làm Chánh Thư ký Ban Vận động. Đến ngày 07/11/1981, tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội, Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc đã thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hòa thượng được Đại hội suy cử giữ chức Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam liên tiếp ba nhiệm kỳ I, II và III (1981-1997).

* **Đại biểu Quốc hội**

Với uy tín của mình trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh nên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã giới thiệu Hòa thượng ra ứng cử Đại biểu Quốc hội tại đơn vị TP. Hồ Chí Minh. Từ tháng 5 năm 1981-2002, Hòa thượng là Đại biểu Quốc hội 4 khóa liên (VII đến X) và cũng trong thời gian này Hòa thượng được bầu làm Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học Xã hội TP. Hồ Chí Minh.

Năm 1989, Hòa thượng kiến nghị với Giáo hội xin phép Nhà nước cho mở Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Khi Viện Nghiên cứu được thành lập, Hòa thượng được mời làm Viện trưởng. Hai năm sau, 1991, Hòa thượng thành lập Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam do chính Ngài làm Chủ tịch. Từ đó, Đại tạng kinh Việt Nam ra đời.

Tháng 11 năm 1997, Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ IV (1997-2002) đã suy tôn Hòa thượng vào Thành viên Hội đồng Chứng minh và suy cử chức vụ Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS GHPGVN liên tiếp hai nhiệm kỳ (1997-2007).

Tháng 12 năm 2007, Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ VI (2007-2012) đã suy tôn Hòa thượng lên ngôi vị Phó Pháp chủ HĐCM GHPGVN.

II. Công trình biên soạn và phiên dịch

Mặc dù bận rộn nhiều công việc của Giáo hội, Quốc hội, việc giảng dạy, nhưng trọng tâm chính của Hòa thượng vẫn là dịch kinh và giảng kinh. Từ khi về nước cho đến nay, tác phẩm của Ngài ngày càng phong phú. Sau đây là những tác phẩm còn để lại:

*** Dịch Kinh tạng Pāli:**

1. Trường Bộ kinh (2 tập)
2. Trung Bộ kinh (3 tập)
3. Tương Ưng Bộ kinh (5 tập)
4. Tăng Chi Bộ kinh (5 tập)
5. Tiểu Bộ kinh: gồm các tập sau:
 - a. Pháp cú (Kinh Lời vàng)
 - b. Kinh Phật tự thuyết
 - c. Kinh Phật thuyết như vậy
 - d. Kinh Tập
 - e. Trường lão Tăng kệ
 - g. Trường lão Ni kệ
 - h. Bốn sanh (2 tập)

*** Dịch từ Abhidhamma:**

Thăng pháp tập yếu luận (Abhidhamma Atthasangaha)

*** Sách viết bằng tiếng Anh:**

Hsuan T'sang, The Pilgrim and Scholar (Huyền Trang, nhà chiêm bái và học giả - NS Trí Hải dịch ra Việt văn)

Fa-Hsien, The Unassuming Pilgrim (Pháp Hiển, nhà chiêm bái khiêm tốn - NS Trí Hải dịch ra Việt văn)

Milindapañha and Na-Hsien Bhikshu Sūtra - A Comparative Study (Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan dịch ra Việt văn)

The Chinese Madhyama Āgama and The Pāli Majjhima Nikāya - A Comparative Study (Luận án Tiến sĩ Phật học - NS Trí Hải dịch ra Việt văn)

Some Teachings of Lord Buddha on Peace, Harmony and Humandignity

*** Sách viết bằng tiếng Việt:**

1. *Phật pháp* (đồng tác giả)
2. *Đường về xứ Phật* (đồng tác giả)
3. *Những ngày và những lời dạy cuối cùng của Đức Phật*
4. *Đại thừa và sự liên hệ với Tiểu thừa* (dịch)
5. *Sách dạy Pāli* (dịch)
6. *Trước sự nô lệ của con người*
7. *Chữ Hiếu trong đạo Phật* (đồng tác giả)
8. *Hành thiền*
9. *Lịch sử Đức Phật Thích Ca*
10. *Hãy tự mình thấp đước lên mà đi*
11. *Chánh pháp và hạnh phúc* (2001)
12. *Đạo đức Phật giáo và hạnh phúc con người* (2002)
13. *Những mẫu chuyện đạo* (2004)
14. *Đức Phật - nhà đại giáo dục* (2004)
15. *Đức Phật của chúng ta* (2005)
16. *Tâm từ mở ra, khổ đau khép lại* (2006)
17. *Những gì Đức Phật đã dạy* (2007)
18. *Hiểu và hành Chánh pháp* (2008)
19. *Chiến thắng ác ma* (2009)
20. *Tóm tắt Kinh Trung Bộ* (2010)
21. *Dàn ý Kinh Trung Bộ và Tóm tắt Kinh Trường Bộ* (2011).

III. Công tác xây dựng cơ sở vật chất và giáo dục

Ngay khi về nước năm 1964, Hòa thượng Trí Thủ, Hòa thượng Nhất Hạnh cùng Hòa

thượng đã thừa lệnh Giáo hội, mượn chùa Pháp Hội mở trường Cao đẳng Phật học do Hòa thượng Trí Thủ làm Viện trưởng, Hòa thượng được Giáo hội cử giữ chức Phó Viện trưởng Điều hành.

Năm 1965, được sự cho phép của Bộ Giáo dục, Trường mở thêm Phân khoa Văn học và Khoa học Nhân văn (Văn khoa), Hòa thượng được cử giữ chức Khoa trưởng, sau đó mời Hòa thượng Thiên Ân đảm trách. Lúc này cũng phải tạm mượn chùa Xá Lợi làm nơi giảng dạy. Cuối năm 1965, được đổi tên thành Đại học, Hòa thượng được chỉ định giữ chức Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh kiêm Khoa trưởng Phân khoa Phật học. Cũng trong năm này, Đại học Vạn Hạnh được dời về và xây dựng cơ sở mới tại 222 Trương Minh Giảng (nay là đường Lê Văn Sỹ) và mở thêm các Phân khoa Khoa học Xã hội, Giáo dục. Hòa thượng là Khoa trưởng các phân khoa này. Sau đó, Hòa thượng mời các Giáo sư Tôn Thất Thiện, Bùi Tường Huân làm Khoa trưởng và Tiến sĩ Thích Nguyên Hồng làm Khoa trưởng Phân khoa Giáo dục và Hòa thượng đã chỉ đạo mở thêm trung tâm ngoại ngữ trong khuôn viên Đại học Vạn Hạnh.

Năm 1972, Hội đồng Viện quyết định mua cơ sở ở đường Võ Di Nguy (nay là đường Nguyễn Kiệm) để mở thêm Phân khoa Khoa học Ứng dụng. Hòa thượng về đây đảm nhiệm Khoa trưởng. Tại đây, năm 1974, Hòa thượng chủ trì Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Viện Đại học Vạn Hạnh (1964-1974) với sự tham dự của chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Giáo sư trong Ban Giáo sư của Viện và hơn 10 ngàn sinh viên.

Cũng chính tại cơ sở này, năm 1984 Hòa thượng đã mở trường Cao cấp Phật học (nay là Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh) do Hòa thượng làm Hiệu trưởng, Ngài cũng làm Đoàn đầu Hòa thượng truyền giới Cụ túc cho 60 Tăng Ni sinh khóa I này.

Năm 1981, trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở I được thành lập tại chùa Quán Sứ, Hòa thượng được mời làm Hiệu trưởng (nay là Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội).

Tại Học viện Phật giáo Việt Nam ở TP. Hồ Chí Minh, Hòa thượng đã lần lượt tổ chức tuyển sinh và đào tạo được 5 khóa cử nhân Phật học. Các khóa Tăng Ni sinh này đã đáp ứng được nhân sự phục vụ Giáo hội.

Ngày 20-10-1997, Hòa thượng chủ trì Lễ khởi công xây dựng cơ sở mới của Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh. Công trình được tiến hành gần 2 năm, đến ngày 23-04-1999 đã hoàn thành và lễ khánh thành được tổ chức.

IV. Nhiếp hóa đồ chúng

Với nhiều Phật sự của Giáo hội, giáo dục Tăng Ni, phiên dịch kinh tạng và trước tác sách

vở, nhưng Hòa thượng vẫn luôn nhớ về nguồn cội - nơi mình đã xuất gia học đạo. Vì thế, sau khi Hòa thượng Vĩnh Thừa kế vị Đức Tăng thống trú trì Tổ đình Tường Vân viên tịch, Hòa thượng được Giáo hội và toàn thể chư Tôn túc, Tăng Ni môn phái Tổ đình Tường Vân suy tôn lên ngôi vị trú trì Tổ đình năm 1984 dưới sự chứng minh của chư tôn Trưởng lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Thích Mật Hiển, Thích Thiện Siêu... Trong cương vị trú trì, Hòa thượng đã nhiếp hóa đồ chúng, tổ chức giới đàn Sa-di phương trượng cho Tăng chúng trong nội phái và chỉ đạo xây dựng, sửa sang một số công trình: khu Bảo tháp chư Tổ và Bốn sư...

Tại Thiền viện Vạn Hạnh năm 2001, Hòa thượng đã cho đại trùng tu ngôi chánh điện, và đến tháng 10 năm 2004 thì hoàn tất. Tháng 9 năm 2005, Ngài cho xây dựng mới ngôi Tăng xá và đến tháng 10 năm 2006 tổ chức lễ khánh tạ.

V. Công tác đối ngoại

Với kiến thức uyên thâm và khả năng ngoại diễn xuất sắc, Hòa thượng còn được Giáo hội giao phó nhiều trọng trách trong công tác đối ngoại.

- Tháng 6-1965, Hòa thượng viếng thăm và thuyết giảng tại Đại học Kamazawa, Taisho, Nhật Bản.
- Năm 1967, Hòa thượng tham dự Hội thảo Giáo dục tại Đại học Yale, Hoa Kỳ.
- Tháng 6-1968, Hòa thượng tham dự Đại hội giáo dục Liên Viện trường Thế giới tại Hàn Quốc. Cuối năm 1968, Hòa thượng đại diện cho các trường đại học miền Nam Việt Nam tham dự Đại hội Giáo dục Quốc tế tại Mexico.
- Hòa thượng từng tham gia rất nhiều hội nghị quốc tế, đặc biệt trong Đại hội Phật giáo châu Á vì Hòa bình (ABCP) lần thứ V - 1982 tại Ulan Bator (Mông Cổ) Hòa thượng đã được bầu giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành (1982-1985) của Hội và Phó Chủ tịch hội này.
- Tháng 6-1983, Hòa thượng tham dự Hội nghị Hòa bình Thế giới chống vũ khí hạt nhân tổ chức tại Praha, Tiệp Khắc.
- Tháng 5-1984, Hòa thượng làm trưởng đoàn tham dự Hội nghị Phật tử châu Á vì Hòa bình tại New Delhi, Ấn Độ. Trong hội nghị này, Ngài được tiếp kiến Tổng thống Ấn Độ Zuil Singh.
- Tháng 10-1984, Hòa thượng dẫn đầu phái đoàn GHPGVN tham dự Hội nghị Phật giáo thế giới với chủ đề “Đạo Phật và các nền văn hóa dân tộc” tại New Delhi, Ấn Độ.

- Tháng 2-1985, Hòa thượng tham dự Hội nghị bàn tròn với chủ đề “Các mối nguy hiểm đối với sự sống thiêng liêng của chúng ta” tại Moscow, Nga.
- Tháng 11-1985, Hòa thượng tham dự Hội nghị ABCP lần thứ VI tại Hà Nội.
- Tháng 2-1986, Người làm Phó Trưởng đoàn tham dự Đại hội VII ABCP tại Vientiane (Lào), Hòa thượng được mời giữ lại chức Phó Chủ tịch ABCP và Ủy viên Hội đồng Chấp hành ABCP Quốc tế, Hòa thượng cũng được mời làm Chủ tịch Trung tâm Quốc gia ABCP Việt Nam.
- Tháng 5-1986, Hòa thượng tham dự Hội nghị Quốc tế bàn tròn tại Moscow, Nga.
- Tháng 2-1987, Hòa thượng dẫn đầu phái đoàn PGVN tham dự Quốc dân Đại hội hòa bình Quốc tế tại Liên Xô.
- Tháng 1-1989, Hòa thượng dự Hội nghị Tôn giáo và hòa bình tổ chức tại Đại học Monash, Úc.
- Tháng 8-1989, Hòa thượng làm Trưởng Phái đoàn PGVN sang dự Hội thảo “Đạo Phật và sự lãnh đạo về hòa bình” tại Ulan Bator (Mông Cổ).
- Tháng 10-1989, Hòa thượng dẫn đầu phái đoàn Phật giáo Việt Nam sang thăm hữu nghị Phật giáo Nhật Bản tại thủ đô Tokyo.
- Tháng 9-1990, Hòa thượng làm Trưởng đoàn tham dự Hội nghị Quốc tế lần thứ VIII của Tổ chức ABCP tại Mông Cổ.
- Tháng 10-1990, Hòa thượng làm Trưởng đoàn tham dự Hội nghị Tôn giáo và hòa bình tại Bali, miền Nam nước Ý.
- Tháng 10-1991, Hòa thượng dẫn đầu phái đoàn Phật giáo Việt Nam tham dự Hội nghị “Các tôn giáo vì một đại dương hòa bình” tại Malta, Ý.
- Tháng 11-1991, Hòa thượng làm Trưởng đoàn tham dự Hội nghị “Đạo Phật với sự lãnh đạo cho hòa bình” tại Seoul, Hàn Quốc.
- Tháng 11-1992, Hòa thượng làm Trưởng đoàn tham dự Hội nghị Quốc tế ABCP tại Colombo, Sri Lanka.
- Tháng 3-1993, Hòa thượng chủ trì Hội thảo “Đạo đức Phật giáo trong thời hiện đại” tại TP. HCM.
- Tháng 4-1993, với tư cách Chủ tịch Trung tâm ABCP Việt Nam, Hòa thượng Chủ tọa Hội nghị Quốc tế giải trừ quân bị tại thủ đô Hà Nội.

- Tháng 10-1993, Người tham dự Hội nghị Tăng-già Quốc tế tại Đài Loan.
- Tháng 3-1994, Hòa thượng cùng Hòa thượng Thiện Siêu dẫn đầu phái đoàn chiêm bái Phật tích tại Ấn Độ.
- Tháng 9-1994, Hòa thượng tham dự Hội nghị Tăng-già Quốc tế tại Vancouver, Canada.
- Năm 1995, Hòa thượng chủ trì Hội thảo “Giáo dục Phật giáo trong thời hiện đại” tại TP. Hồ Chí Minh.
- Tháng 8-1995, Ngài làm Trưởng phái đoàn Phật giáo Việt Nam sang thăm hữu nghị và chủ trì cuộc Hội thảo Phật giáo tại Paris, Pháp.
- Tháng 5-1996, Hội đồng Đại học Mahachulalongkorn tại Thái Lan (Đại học Hoàng gia Thái) đã trân trọng tặng bằng Tiến sĩ danh dự cho Hòa thượng về công trình phiên dịch kinh điển và sự nghiệp giáo dục của Ngài.

Với những công đức mà Hòa thượng đã đóng góp cho Đạo pháp và Dân tộc, vào năm 2000, Nhà nước CHXHCN Việt Nam trao tặng Huân chương Độc lập hạng nhì và vào năm 2012, trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh.

Đúng vào mùa Vu lan PL 2556, vào lúc 9 giờ sáng ngày 01 tháng 9 năm 2012 (nhằm ngày 16/7 Âm lịch), Ngài đã nhẹ nhàng xả báo thân tại phương trượng Thiền viện Vạn Hạnh, hưởng thọ 95 tuổi đời và 63 hạ lạp.

Cuộc đời của Hòa thượng là một tấm gương sáng về đức trí và giáo dục cho Tăng Ni nhiều thế hệ. Ngài còn là anh cả sáng lập viên của tổ chức giáo dục thanh thiếu niên Gia đình Phật tử Việt Nam. Với tính điềm đạm và đức nhẫn nại của một bậc thực học, chơn tu khả kính và với sự nghiệp to lớn về giáo dục, phiên dịch Đại tạng kinh Pāli-Việt, Hòa thượng luôn luôn để lại cảm tình đặc biệt trong lòng Phật tử Việt Nam.

VI. Những tháng ngày cuối cùng

Những việc cần làm đã làm xong, đã đến lúc gác bút, vào sâu thiền định, sống với hàng đệ tử xuất gia và tại gia thân tín. Năm 2006, Ngài đã lui về hậu liêu an dưỡng tuổi già. Giờ đây, cuộc đời của Hòa thượng như chiếc chiếu trải rộng, không phân biệt hệ phái Nam - Bắc, Đại thừa hay Tiểu thừa. Kinh sách của Hòa thượng không phân biệt, ai muốn hiểu giáo lý cứ đọc - trong “Tiểu” có “Đại”, trong “Đại” có “Tiểu”, đó là Giáo lý Giải thoát mà Ngài đã thuyết giảng hơn 70 năm không biết mệt mỏi, như nhận bay xa, không lưu lại dấu tích.

95 năm hiện diện ở cõi Ta-bà, hơn 70 năm phục vụ cho Đạo pháp và Dân tộc, Hòa thượng đã mở trường trong đạo và ngoài đời để đào tạo hàng ngàn Tăng Ni cấp Cử nhân Phật học cho Giáo hội; hàng chục ngàn sinh viên có bằng cấp thành đạt cho xã hội.

Hôm nay, mặc dù Hòa thượng đã đi vào cõi Niết-bàn vô tung bất diệt, nhưng gương sáng trí tuệ và tinh thần giáo dục cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam, tinh thần phục vụ Đạo pháp và Dân tộc suốt đời của Ngài vẫn còn mãi mãi với non sông đất nước, với GHPGVN, với Phật tử ba miền Bắc, Trung, Nam, với Tăng Ni trong và ngoài nước, với Tổ đình Tường Vân, với Thiền viện Vạn Hạnh.

Nam-mô từ Lâm Tế chánh tông, tứ thập tam thế, Xuân Kinh Tường Vân Tổ Đình trú trì, Hồ Chí Minh thị Vạn Hạnh Thiền Viện Khai Sáng, sung Việt Nam Phật giáo Giáo hội, Chứng minh Hội đồng, Phó Pháp chủ, hứ thượng Tâm hạ Trí, tự Minh Châu, hiệu Viên Dung Trưởng lão Hòa thượng Giác linh thù từ chứng giám.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH – HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ



TƯỜNG NIỆM
CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Nam-mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch...

Trước khi cử hành lễ phụng tống kim quan Trưởng lão Hòa thượng nhập Bảo tháp, nơi an nghỉ ngàn thu của thân thể, chúng tôi xin được thay mặt Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài có đôi lời tưởng niệm.

Kính bạch Giác linh Trưởng lão Hòa thượng,

Từ vùng đất địa linh nhân kiệt, xứ Nghệ An anh dũng hào hùng, xứ học xứ hành sáng ngời khoa bảng, quê hương Hồ Chủ tịch kính yêu. Theo pháp giới duyên sinh vô tận, nơi duyên hải miền Trung xứ Quảng, nước sông Thu thao thao dòng diệu sử, dòng Hương giang gió quyện hương từ, đất Thần kinh duyên lành kết trái, quy ngưỡng ba ngôi quý báu, trọn một lòng hộ đạo giúp đời, vẹn toàn công việc Hội An Nam Phật học. Rồi đến độ tâm hoa nở rộ, nhân duyên xuất tục đến kỳ, chùa Tường Vân thế phát bửu sư, sống đời phạm hạnh, chốn không môn chuyên tâm tu tập, ngày đêm nghiên tâm giáo điển, công phu công quả chuyên cần; chùa Báo Quốc cầu thọ Tam đàn, ngôi Tam bảo Tam tôn kế vị, giới thể châu viên, giới đức trang nghiêm như ngọc sáng, Đạo thể Viên Dung.

Quả thật: “Nào ai biết được trời không ấy, một bậc chân nhân hiện giữa trần”.

*

Trên bước đường trở thành bậc tri thức Phật học uyên thâm, sau hơn 10 năm xuất dương du học, trên diễn đàn học thuật bác học đa văn, Hòa thượng là một danh Tăng của Phật giáo Việt Nam và được thế giới hết lòng kính mộ, làm gạch nối, nhịp cầu giữa Phật giáo Việt Nam và các nước.

Qua những công hạnh kỳ vĩ, sự nghiệp to lớn, kho Tam tạng Phật giáo Nguyên thủy mà

Hòa thượng đã dày công phiên dịch là cơ sở cho Tăng Ni, Phật tử Phật giáo Việt Nam nghiên cứu, tham học, trở về nguồn giáo lý như lời Phật dạy. Ngài đã có công lớn trong việc xây dựng Gia đình Phật tử Việt Nam, là bậc Thầy trong công tác giáo dục của Phật giáo Việt Nam, là nhà giáo dục mô phạm cho mọi thời đại. Có thể nói, Trưởng lão Hòa thượng đã đào tạo được nhiều thế hệ Tăng Ni tài đức, Phật tử hữu danh, có ích cho Đạo lần đời, hiện đang phục vụ các cấp Giáo hội từ Trung ương đến địa phương, trong nước và nước ngoài, góp phần xây dựng và phát triển Phật giáo Việt Nam qua từng thời đại, để cho: *“Hoa đời hoa đạo đua nhau nở, mãi mãi ngàn sau vẫn ngát hương”*.

Với ân đức uy nghiêm, đạo tâm trác thế, trí tuệ viên dung, tông lâm thạch trụ, bậc mô phạm cho đàn hậu học, cho nên mỗi lời pháp của Trưởng lão Hòa thượng là khơi nguồn trí tuệ, mỗi việc làm của Trưởng lão Hòa thượng mở lối tương lai, mỗi cử chỉ của Trưởng lão Hòa thượng là thể hiện sự khoan dung độ lượng, lòng từ chan chứa. Trưởng lão Hòa thượng chính là hình ảnh giải thoát vô ngại, là lẽ sống muôn đời cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước học tập và làm theo. Như cổ đức đã nói: *“Nước chảy theo khe nào có ý. Mây tuông đỉnh núi vẫn vô tâm”*.

Khi nước nhà thống nhất, giang sơn nối liền một dải, Bắc Nam sum họp một nhà, trong tinh thần hòa hợp, tứ chúng đồng tu, Trưởng lão Hòa thượng đã cùng chư tôn đức các tổ chức hệ phái Phật giáo Việt Nam tiến hành sự nghiệp thống nhất Phật giáo cả nước, kế thừa truyền thống 2.000 năm lịch sử Phật giáo Việt Nam, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Với nhiều trọng trách trong Giáo hội, Hòa thượng đã dành nhiều tâm huyết và công sức để làm cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày càng phát triển trang nghiêm vững mạnh trên mọi phương diện, nhất là vị thế của Giáo hội Phật giáo Việt Nam được khẳng định trên trường quốc tế. Thế giới biết đến Việt Nam; Phật giáo Việt Nam ngày càng rõ nét; quan hệ tốt đẹp hòa bình. Quả thật: *“Năm châu bốn bể là huynh đệ. Chung sống bên nhau bảo vệ hòa bình”*.

Trải qua nhiều nhiệm kỳ, hơn 60 năm hoạt động, qua các thời kỳ khác nhau của lịch sử và xã hội, Trưởng lão Hòa thượng đã có những cống hiến cao quý, là một trong những Trưởng lão Hòa thượng lãnh đạo cấp cao của Giáo hội Phật giáo Việt Nam có những quyết sách, chiến lược tầm cỡ lâu dài, hoạch định chương trình hoạt động Phật sự mang tầm vóc quốc gia và quốc tế, tích cực tham gia vào việc xây dựng và phát triển đất nước, kế thừa truyền thống 2.000 năm lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Đối với sự nghiệp giáo dục, với trách nhiệm đào tạo Tăng tài, tiếp dẫn hậu lai, truyền trì Phật pháp, chấn hưng Phật giáo nước nhà, Hòa thượng đã tham gia xây dựng và điều hành Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh, hệ thống trường Bồ Đề trong cả

nước. Hòa thượng mở Trường Cao cấp Phật học, Học viện Phật giáo Việt Nam và đào tạo nhiều thế hệ Tăng Ni tài đức, tích cực dẫn thân và kiên định trong chí nguyện phụng sự đạo pháp theo phương châm của Giáo hội. Rất nhiều thế hệ Tăng Ni, Phật tử là học đồ, môn đệ do Hòa thượng đào tạo, hoặc ảnh hưởng ân đức của Ngài, hiện nay đang đảm nhiệm nhiều trọng trách của các cấp Giáo hội, tiếp nối sự nghiệp mà Ngài đã dày công tạo dựng. Có thể nói, tinh thần và chủ trương Vạn Hạnh, con người Vạn Hạnh của Trường lão Hòa thượng mãi mãi trường tồn.

Thế hệ Tăng Ni, Phật tử hôm nay và mai sau là những người thừa hưởng sự nghiệp thống nhất Phật giáo Việt Nam, thừa hưởng sự nghiệp văn hóa, giáo dục to lớn mà Trường lão Hòa thượng đã trọn đời góp công góp sức làm nên và để lại cho Giáo hội, xã hội như ngày hôm nay. Quả thật, “*Công ai đổ xuống đất này, cho hoa Đạo pháp ngày ngày thêm tươi*”. Giáo hội Phật giáo Việt Nam sẽ luôn luôn tiếp tục phát triển ở chiều rộng lẫn chiều sâu bằng cách sống, bằng hành động, vì Đạo pháp phục vụ không biết mỏi mệt.

Trên ý nghĩa trang nghiêm ngôi Tam bảo là trang nghiêm tịnh độ tại thế gian, báo Phật ân đức và báo đáp công ơn của Thầy Tổ, Hòa thượng đã nỗ lực trùng tu chốn Tổ chùa Trường Vân, khai sáng Thiền viện Vạn Hạnh để những nơi đây xứng đáng là chốn phạm vũ huy hoàng tại nhân gian, là cơ sở của Giáo hội tại địa phương, nhất là cơ sở Học viện Phật giáo Việt Nam có tầm cỡ cho Phật giáo Việt Nam thời hiện đại.

Theo lý vô thường có sinh có diệt, Trường lão Hòa thượng đã mãn nguyện Ta-bà, thuận lý vô thường, trở về cõi Niết-bàn vô tung bất diệt. Sự ra đi của Trường lão Hòa thượng để lại một sự trống vắng to lớn, sự mất mát vô cùng cho Giáo hội, cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong nước cũng như ở ngoài nước, môn nhân đệ tử và học đồ. Song, hành trạng, công đức và đạo hạnh của Hòa thượng vẫn còn sống mãi trong tâm tư, trong ký ức của Tăng Ni, Phật tử, các cấp Giáo hội, môn đồ đệ tử và Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, nhất là trang sử vàng son của Phật giáo Việt Nam thời hiện tại.

Quả thật,

*Một mai thân xác tiêu tan
 Danh thơm vẫn ở thế gian muôn đời
 Pháp thân lồng lộng tuyệt vời
 Sáng soi Pháp giới, rạng ngời sử xanh.*

Trong giây phút nghìn thu vĩnh biệt, trước linh đài khói hương quyện tỏa, chúng tôi thay mặt Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tăng Ni, Phật tử có đôi lời tưởng niệm để vĩnh biệt bậc chân nhân sáng ngời gương đạo hạnh. Kính nguyện

Giác linh Trưởng lão Hòa thượng bất vong nguyện lực, tái hiện đàm hoa, phát triển đạo vàng, quang vinh họ Thích. Xin đốt nén tâm hương cúng dường Giác linh Trưởng lão Hòa thượng để thể hiện mối tâm giao, tình Pháp lữ đời đời trong Chính pháp. Xin hứa sẽ tiếp tục thực hiện những sự nghiệp mà Trưởng lão Hòa thượng còn để lại, nhất là làm cho ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày càng phát triển vững mạnh, trang nghiêm trong lòng dân tộc như tâm nguyện của Trưởng lão Hòa thượng lúc sinh tiền.

*Than ôi!
 Người xưa nay đã còn đâu
 Chỉ còn mây bạc lòng sầu tiếc thương
 Ra vào lòng dạ vấn vương
 Nụ cười bất diệt, dư hương hoa từ.*

Cuối cùng, trong ý nghĩa pháp giới duyên sinh vô tận, nơi Bảo tháp Pháp Lạc trang nghiêm, thân tứ đại Trưởng lão Hòa thượng hãy an nghỉ cho ngàn thu vang bóng, pháp thân lồng lộng khắp mười phương, sẽ sống mãi trong lòng Pháp lữ, trong tư duy cùng pháp giới viên dung.

Xin bái biệt Hòa thượng!



ĐIỀU VĂN CỦA PHÁP PHÁI TƯỜNG VÂN - HUẾ



- Nam-mô Việt Nam Phật giáo Giáo hội Chứng minh Hội đồng, Phó Pháp chủ, nguyên Trị sự Hội đồng Thường trực Phó Chủ tịch, Trung ương Nghiên cứu Học viện Viện trưởng, Hồ Chí Minh thành phố Phật học Học viện Viện trưởng, Xuân kinh Tường Vân Tổ đình trú trì, Sài thành Vạn Hạnh thiền viện khai sáng Viện chủ, hựu thượng Tâm hạ Trí, tự Minh Châu, hiệu Viên Dung Trưởng lão Hoà thượng Giác linh.

- Ngưỡng bạch Giác linh Hòa thượng,

Toàn thể Tăng Ni, Phật tử Pháp phái Tường Vân - Huế, xin thành kính đánh lễ Giác linh Hòa thượng, xin kính dâng lên Hòa thượng những dòng tâm tưởng.

- Ngưỡng bạch,

Vào thời điểm Đức Thế Tôn nhập diệt, Tôn giả A-nan đã không cầm được nước mắt. Hôm nay, trước linh đài, bốn chúng Pháp phái Tường Vân cũng vậy, lòng buồn vô hạn, xúc động hướng về Giác linh.

Làm sao có thể quên được những ngày tháng quê hương ly loạn của các thập niên đầu thế kỷ XX, giữa khi các nhà chí sĩ đang bôn ba tìm đường tự chủ cho dân tộc, giữa khi các thanh niên đi vào các cuộc kháng chiến cứu quốc, thì Hòa thượng, một thanh niên trí thức yêu nước, từ năm 1936, đã giác ngộ con đường thoát khổ của Phật giáo, đã cùng với nhiều trí thức Phật tử khác xây quần chúng quanh cội Bồ-đề của Phật giáo Việt Nam, bên cạnh Hội trưởng Hội Việt Nam Phật học đáng kính, Bác sĩ Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, mở đầu các bước đi chấn hưng văn hóa, giáo dục Phật giáo Việt Nam, đã sáng lập đoàn Phật học Đức Dục, Gia đình Phật hóa phổ - tiền thân của Gia đình Phật tử Việt Nam - đã hộ trì giáo dục trường Phật học Báo Quốc; Tông lâm Kim Sơn. Năm 1946, Hòa thượng xuất gia làm đệ tử Đức Pháp chủ, Hòa thượng Tăng thống Thích Tịnh Khiết, vị lãnh đạo phong trào đấu tranh Phật giáo bên bí đã bùng lên 1963 và trở thành vị Đệ nhất Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nuôi lớn hoài bão khơi sáng dòng văn hóa trí tuệ, là niềm tin của Giáo hội. Với hình ảnh ấy, bốn chúng Pháp phái xin kính cẩn nghiêng mình.

Để hoài bão trở thành hiện thực, năm 1952, Hòa thượng xuất dương tu học: học thông Anh ngữ và Pali ngữ ở Tích Lan và Phật học ở Ấn Độ, đã tốt nghiệp danh dự văn bằng Cao học và Tiến sĩ sau 9 năm nếm trải gian khó. Năm 1964, Hòa thượng về nước khởi đầu công

tác phiên dịch ra Việt văn Kinh tạng Pāli và chịu trách nhiệm lãnh đạo Tổng vụ Giáo dục Phật giáo, lãnh đạo Giáo dục Đại học, giảng dạy đủ hai dòng văn học Bắc tạng, Nam tạng và dòng Văn hóa Việt Nam cho đến ngày nay. Công trình và sự nghiệp này có giá trị rất to lớn đối với sự nghiệp phát triển Phật giáo Việt Nam, giúp thống nhất các thể loại Phật giáo trong nước, xây dựng mối liên hệ hữu nghị với các vùng văn hóa Phật giáo ở Đông Á, Nam Á và trên toàn thế giới, là thuận duyên cho con đường hội nhập kinh tế - xã hội của khu vực và toàn cầu về sau. Với Phật sự này, Pháp phái rất đỗi tự hào, chân thành kính lễ Giác linh.

- *Ngưỡng bạch,*

Làm sao có thể quên được những ngày tháng, sau ngày đất nước thống nhất năm 1975, Hòa thượng đã kiên định cùng quý tôn đức trong Giáo hội thành lập Ban Vận động Thống nhất, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện tại. Từ năm 1981 theo con đường chấn hưng Phật giáo đã mở ra từ đầu thế kỷ, Hòa thượng đã nhận lãnh trách nhiệm của một Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự kiêm Tổng Thư ký, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Hiệu trưởng Trường Cao cấp Phật học tại Hà Nội và TP.HCM, Chủ tịch Hội đồng Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam, đã khoan hòa, nhẫn nại, kiên định vượt qua vô vàn khó khăn. Hòa thượng quả là một Sứ giả của Như Lai đích thực, Pháp phái xin thành kính đánh lễ niệm ân.

- *Ngưỡng bạch Giác linh,*

Làm sao có thể quên được rất nhiều Phật sự khác mà Hòa thượng đã làm lúc sinh tiền: Biên khảo nhiều công trình Phật học rất giá trị; tham dự nhiều hội nghị và tổ chức của Phật giáo thế giới, Phó Chủ tịch Tổ chức Phật tử châu Á vì Hòa bình (ABCPC) của quốc tế, làm Đại biểu Quốc hội nước CHXHCNVN khóa VII, VIII, IX và X. Hình ảnh của Hòa thượng trong tâm tưởng của Pháp phái như là hình ảnh các vị Thiền sư thời nhà Lý, nhà Trần tỏa sáng trong sự hộ đời, hộ đạo. Pháp phái xin trân trọng truy niệm, ngưỡng mong Giác linh thùy từ chứng giám. Ngưỡng cầu Giác linh viên mãn tâm và tuệ giải thoát, sớm hội nhập Ta-bà để tiếp tục sự nghiệp cứu độ. Pháp phái xin thành kính đánh lễ.

Nam-mô Lâm Tế chánh tông, tứ thập tam thế, Việt Nam Phật giáo Giáo hội Chứng minh Hội đồng Phó Pháp chủ.

(*Đọc trong lễ Tưởng niệm, cố Trưởng lão thượng Minh hạ Châu lúc 19 giờ, ngày 8-9-2012 [23-7 Nhâm Thìn]*)

NHÂN DUYÊN KỶ NGỘ¹



Bhikkhu Bodhi

Đầu tháng 8 năm 1965, sau khi hoàn tất khóa học hè, tôi bắt đầu vân du bằng xe hơi từ New York tới California. Lúc ấy tôi 20 tuổi và tháng 9 sẽ vào năm học cuối Đại học Brooklyn. Tôi muốn đi thăm người bạn đang nghỉ hè tại San Francisco. Tôi tìm cách quá giang cùng mấy anh bạn sinh viên, và chúng tôi khởi hành từ quán ăn gần Đại học Brooklyn trong một buổi sáng thứ Hai đẹp trời. Sau một ngày rong rã đi đường, chúng tôi dừng tại Madison, Wisconsin, để ở lại qua đêm trong nhà bạn của mấy người đi cùng.

Đây là lần đầu tiên tôi đi về hướng Tây của dãy núi Pocono và trải nghiệm này đã cho tôi nhiều hứng thú. Sau một đêm ngon giấc, sáng hôm ấy, tôi quyết định đi tản bộ. Một ngày trời nắng thật đẹp. Tôi bước qua những con đường vắng vẻ tới một hồ nước rộng lớn thơ mộng ở bên cạnh Đại học Wisconsin. Rẽ vào khu bên trong, tôi nhận ra mình đang ở trong khuôn viên Đại học. Khi tôi theo lối đi bộ vào trung tâm của Đại học, một điều ngạc nhiên đã xảy đến. Ở bên phải tầm nhìn của tôi, cánh cửa của tòa nhà lớn bằng đá bỗng nhiên mở ra và bước ra là một người đàn ông trung niên nét mặt Á Đông khoác chiếc y vàng cam. Vị ấy tức thì được một người Mỹ cao to bước theo và bắt kịp, và hai người đi bên nhau trò chuyện.

Ngay khi đó, tôi nhận ra rằng tôi đang hướng nhìn một nhà sư Phật giáo. Tôi chưa bao giờ thấy một nhà sư Phật giáo nào trước đó, và ở Mỹ lúc bấy giờ con số tu sĩ Phật giáo có lẽ được tính trên đầu ngón tay của một bàn tay. Tôi chỉ mới bắt đầu đọc sách về Phật giáo trước đó vài tháng, và tôi biết các nhà sư Phật giáo khoác y vàng qua tác phẩm *Siddhartha* của Hermann Hesse. Như vậy, tôi có thể nhận biết người mà tôi đang nhìn là một vị Tỷ-kheo. Tôi hết sức ngạc nhiên sững sờ khi nhìn thấy con người an tịnh và bình thản này, đã toát lên một vẻ thanh thoát, hỷ lạc và trang nghiêm mà trước đó tôi chưa bao giờ thấy ở bất kỳ người phương Tây nào. Người đàn ông bên cạnh vị ấy, có lẽ là một giáo sư, biểu lộ vẻ tôn trọng và cung kính vị ấy. Điều này cho tôi biết vị ấy không phải là một nhà sư bình thường mà là người có thanh thế. Vừa nhìn vị ấy đi qua sân trường, lòng tôi dâng tràn niềm vui sướng và hạnh phúc. Tôi nghĩ cảm giác của tôi lúc ấy có thể giống như cảm giác của chàng thanh niên Bà-la-môn xứ Ấn thời xưa, lúc mà chàng ngược lên nhìn và, lần đầu tiên, thấy bước xuống trên con đường

¹ Bài này được chuyển ngữ từ bản Anh ngữ có tựa đề *My First Encounter with a Buddhist Monk* của Hòa thượng Bhikkhu Bodhi, nhà phiên dịch Kinh tạng Pāli sang Anh ngữ nổi tiếng và được ưa chuộng nhất hiện nay.

gần đó là một nhà sư, đệ tử của nhà khổ hạnh Gotama mà mọi người gọi là “Bậc Giác Ngộ”.

Tôi đứng cách xa con đường hai vị ấy đang đi chừng hơn 60 mét. Tôi muốn đến gần nhà sư và hỏi ngài là ai, và đang làm gì, và nhiều câu hỏi khác nữa. Nhưng tôi quá nhút nhát và e rằng tôi sẽ tỏ ra ngốc nghếch. Vì vậy, tôi chỉ đứng đó dõi theo ngài, trở mắt nhìn ngài chầm chầm, quan sát từng cử chỉ của ngài trong suốt bốn, năm phút khi hai người đi qua hết chặng đường. Tôi đã bị hút hồn mất; tôi có cảm giác bị lạc vào một cảnh giới hiện hữu khác. Một cái gì đó trong lòng tôi đã làm khơi dậy niềm khao khát sâu sắc. Tôi nghĩ nếu ai đó đến từ đằng sau và đâm tôi bằng cây kim, tôi sẽ không có cảm giác gì. Tôi quá bị cuốn hút vào phong thái của nhà sư này. Rồi vị ấy và ông giáo sư đi đến một tòa nhà khác; ông giáo sư mở cửa và hai vị biến mất vào bên trong. Tôi vẫn cảm thấy vui sướng với cơ duyên gặp gỡ nhà sư Phật giáo, nhưng niềm vui sướng ấy lập tức bị lu mờ bởi một nỗi buồn. Lòng tôi chìm vào suy tư rằng cuộc phiêu lưu này đã chấm dứt và tôi đã mất đi cơ hội tiếp thu nguồn sống trí tuệ của phương Đông. Lúc ấy, tôi nghĩ nhà sư phi thường ấy sẽ đi theo con đường của mình, và tôi phải đi con đường của tôi, và hai con đường của chúng tôi sẽ không bao giờ gặp lại nhau.

Sự vận hành của duyên nghiệp quả thật là kỳ lạ và không thể biết được! Hơn một năm sau, vào tháng 9 năm 1966, tôi đăng ký học Trường Đại học Claremont ở California (cách 25 dặm về phía Đông Los Angeles) để bắt đầu một chương trình tiến sĩ triết học. Vào kỳ học mùa xuân ấy, có một tu sĩ Phật giáo từ Việt Nam đến học cùng đại học và dọn đến ở ngay tầng phía dưới tôi trong ký túc xá hậu đại học. Vị này không được “an tịnh và bình thản” như nhà sư ở Wisconsin, mà là người “dễ dãi”, chơi đàn banjo, hát những bài hát dân ca Việt Nam, hút thuốc lá Pháp, nấu những món thịt gà và thịt heo sành điệu (cho dù xuất gia theo Phật giáo Đại thừa, thầy phải ăn chay), và học môn khoa học chính trị – một môn học mà thầy bạo miệng nói có thể làm cho Henry Kissinger đỏ mặt. Vì những lý do này, mặc dù thích Phật giáo, tôi lúc đầu vẫn giữ khoảng cách với vị thầy này. Tuy nhiên, khi tôi hiểu biết thầy, tôi bắt đầu thích và cuối cùng chấp nhận thầy là người thầy Phật giáo đầu tiên của tôi. Đến mùa hè năm 1967, chúng tôi về sống cùng căn hộ trong ký túc xá hậu đại học và sau đó dời tới một căn nhà nhỏ bên ngoài Đại học.

Một hôm (tôi nghĩ là vào tháng 11 năm 1967), thầy cho tôi biết rằng có một danh Tăng từ Việt Nam tên là Thích Minh Châu đang ở Mỹ và sắp đến thăm Los Angeles. Thầy nói Thượng tọa Minh Châu là Viện trưởng Đại học Vạn Hạnh và là một học giả Phật giáo hoàn hảo. Ngài lấy Tiến sĩ từ Đại học Phật giáo Nalanda ở Ấn Độ và đã viết một nghiên cứu đối chiếu quan trọng về *Trung Bộ* chữ Pāli và *Trung A-hàm* chữ Hán. Thầy bạn của tôi dự tính tới Los Angeles để diện kiến Thượng tọa Minh Châu và thầy mời tôi đi cùng.

Thế là, một buổi sáng cuối thu đẹp trời, chúng tôi đến nhà của một gia đình Việt Nam mà vị danh tăng ấy đang ở lại. Khi Thượng tọa Minh Châu đi ra từ phòng khách, tôi thấy một người đàn ông trung niên đập chiếc y vàng cam, an tịnh và bình thản, cung cách cao quý, toát lên vẻ thuần thiện và trí tuệ. Ngài quả thật trông rất giống nhà sư mà tôi đã thấy hai năm trước ngang qua khuôn viên Đại học Wisconsin. Tuy vậy tôi không thể chắc chắn, vì có thể có hai nhà sư trung niên Á Đông giống nhau. Tôi nhìn thấy nhà sư ở Wisconsin cách xa khoảng sáu, bảy mươi mét và như thế không thể phân biệt được chính xác nét mặt. Vì vậy tôi quyết định tìm hiểu. Tôi phải kiên nhẫn chờ đợi cho đến khi ông thấy bạn tôi, Thượng tọa Minh Châu và gia đình chủ nhà nói chuyện bằng tiếng Việt xong. Khi có được cơ hội, tôi hỏi ngài, “Đây có phải là lần đầu tiên Thượng tọa tới Mỹ không, thưa Ngài?”. Ngài nói, “Không, tôi đã đến đây cách đây mấy năm”. Đó là điều tôi mong đợi. Rồi tôi hỏi: “Thưa có phải Thượng tọa đã đến Đại học Wisconsin vào đầu tháng 8 năm 1965?”. Và ngài nói, “Đúng là tôi ở đó. Tôi khi đó đi thăm một người bạn, giáo sư Richard Robinson. Vị ấy bắt đầu mở chương trình Phật học tại đó”. Rồi tôi kể cho ngài nghe về ngày ấy, khi tôi dõi nhìn ngài đi qua khuôn viên Đại học. Ngài mỉm cười hiền từ và nói, “Như vậy đây không phải là lần đầu tiên chúng ta gặp nhau”.

Mấy năm sau khi Thượng tọa Thích Minh Châu đến thăm Mỹ (có lẽ năm 1969), ngài ở lại với chúng tôi mấy ngày tại nhà chúng tôi ở Claremont. Thậm chí sau đó, khi tôi dự định đi châu Á một chuyến để thọ giới Tỷ-kheo và học Phật pháp, thì ngài đã cho tôi lời khuyên hữu ích và chuẩn bị cho tôi một lá thư mở rất hay giới thiệu tôi tới các chức sắc Phật giáo châu Á. Tôi đã giữ lá thư ấy và mang nó theo hành trang của mình đến Kandy. Chính ngài đã đề nghị rằng, khi đến Tích Lan, tôi phải học đạo với Thượng tọa Nyanaponika. Thế nhưng tôi đã không hoàn thành mục tiêu ấy trong những năm đầu ở xứ đảo quốc này. Suốt những năm đầu làm Tăng sĩ ở Tích Lan, tôi thỉnh thoảng viết thư cho Thượng tọa Thích Minh Châu để xin lời khuyên và ngài luôn luôn trả lời nhanh chóng và chu đáo.

Trải qua mấy thập niên, Hòa thượng Thích Minh Châu đã dịch ra Việt ngữ bốn bộ Nikāya của Pāli tạng. Sự việc này tôi chỉ mới biết gần đây thôi. Thì ra, đây là điều phi thường và kỳ lạ, làm nảy sinh những câu hỏi thú vị. Ngày hôm ấy vào đầu tháng 8 năm 1965, một chàng sinh viên Mỹ 20 tuổi, mà một ngày nào đó sẽ là dịch giả của *Trung Bộ kinh*, *Tương Ưng Bộ kinh* và *Tăng Chi Bộ kinh*, tình cờ gặp một nhà sư Việt Nam lớn hơn mình gần 30 tuổi, người cũng dịch bốn bộ Nikāya ấy ra Việt ngữ. Chàng sinh viên Mỹ lúc bấy giờ chẳng dính líu gì đến nghiên cứu Phật học, mà chỉ mới bắt đầu đọc sách về Phật giáo. Chàng không có ý định gặp nhà sư ấy, và trong thực tế hai người đã không trực tiếp gặp nhau. Được nhìn từ quan điểm duyên khởi khách quan, cuộc gặp gỡ tình cờ ấy có những đặc tính hoàn toàn

giống nhau. Chàng sinh viên Mỹ chỉ tình cờ đổi hướng trong khi tản bộ trong thị trấn mà chàng tình cờ đến, nhìn thấy nhà sư từ xa và rời bỏ đi mà thậm chí không biết ngài là ai. Nhà sư cũng chẳng thấy anh chàng sinh viên người Mỹ ấy.

Nhưng điều gì đã khiến tôi quyết định đi bộ sáng hôm đó, rời rẽ ra khỏi con đường ven hồ để tới Đại học ngay tại chỗ đó và ngay tại thời điểm đó? Đó thật sự có phải là chuyện hoàn toàn tình cờ, một loạt quyết định chỉ là ngẫu nhiên chăng? Và nếu chúng ta có thể nêu lên những câu hỏi này, thì chúng ta hãy hỏi: Cái mối nhân duyên rộng lớn nào đã kết nối hành trình của tôi đến California và hành trình của ngài đến Wisconsin ngay tại thời điểm ấy? Nếu tôi nhớ không sai, chúng tôi đã định trước là rời Brooklyn sớm hơn hai ngày, nhưng chương ngại phút cuối đã buộc chúng tôi trì hoãn giờ khởi hành cho đến sáng thứ Hai. Nếu chúng tôi khởi hành như dự định ban đầu thì cuộc gặp gỡ của tôi với ngài có lẽ đã không xảy ra.

Khi tôi rời khỏi Đại học và tin chắc rằng chúng tôi sẽ không bao giờ gặp lại nhau nữa, tôi chẳng ý thức để tạo nhân duyên cho cuộc gặp gỡ khác với ngài. Tuy nhiên tôi đã tạo ra nguyên một loạt quyết định mà không có một phác họa cố ý nào. Những quyết định ấy đã đưa chúng tôi gặp nhau một lần nữa và lần này trong hoàn cảnh chúng tôi gặp nhau như là những người cùng đi theo Chánh pháp. Tôi chọn trường hậu đại học, nơi đã đưa tôi tiếp xúc với một tu sĩ Việt Nam khác và trở thành bạn – song tôi chọn trường mà chẳng biết vị thầy này sẽ học trường đó (thật ra không biết gì về các vị tu sĩ Phật giáo Việt Nam). Và thông qua quan hệ bạn bè, tôi được đến gặp nhà sư mà tôi đã nhìn thấy hai năm trước đó, cử chỉ của người đã khắc quá sâu trong lòng tôi – tuy nhiên tôi đâu có biết hai nhà sư này có quen biết nhau. Mặc dù tôi biết Hòa thượng Thích Minh Châu đã viết một bản đối chiếu uyên thâm về các kinh điển chữ Pāli và chữ Hán, nhưng mấy năm sau, khi tôi đảm nhận công tác dịch Kinh tạng Pāli, tôi vẫn không biết Ngài đã dịch các bộ Nikāya ra tiếng Việt. Thậm chí, những công trình phiên dịch sang hai ngôn ngữ mẹ đẻ của chúng tôi hầu như giống hệt nhau. Điều này phải chăng cũng là nhân duyên đã được báo trước trong cuộc gặp gỡ tại Đại học Wisconsin, nơi mà tôi chưa bao giờ trở lại kể từ cuộc gặp gỡ ấy và có lẽ sẽ không bao giờ trở lại trong kiếp sống này?

Tâm Hạnh dịch



TÁC PHẨM VÀ DỊCH PHẨM CỦA TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU



Mặc dù bận rộn nhiều công việc cho Giáo hội, cho Quốc hội, cho việc giảng dạy, nhưng trọng tâm chính vẫn là dịch kinh và giảng kinh. Trong suốt cuộc đời hành đạo, Hòa thượng đã để lại cho Đời, cho Đạo nhiều tác phẩm:

* **Dịch phẩm Kinh tạng Pāli:**

1. *Trường Bộ kinh* (2 tập)
2. *Trung Bộ kinh* (3 tập)
3. *Tương Ưng Bộ kinh* (5 tập)
4. *Tăng Chi Bộ kinh* (5 tập)
5. *Tiểu Bộ kinh*: gồm các tập sau:
 - a. *Pháp cú (Kinh Lời vàng)*
 - b. *Kinh Phật tự thuyết*
 - c. *Kinh Phật thuyết như vậy*
 - d. *Kinh Tập*
 - e. *Trường lão Tăng kệ*
 - g. *Trường lão Ni kệ*
 - h. *Bốn sanh* (2 tập)

* **Dịch phẩm Abhidhamma:**

Thắng pháp tập yếu luận (Abhidhamma Atthasangaha)

* **Tác phẩm bằng tiếng Anh:**

- 1- *Hsuan T'sang, The Pilgrim and Scholar (Huyền Trang, nhà chiêm bái và học giả - NS Trí Hải dịch ra Việt văn)*
- 2- *Fa-Hsien, The Unassuming Pilgrim (Pháp Hiển, nhà chiêm bái khiêm tốn - NS Trí Hải dịch ra Việt văn)*
- 3- *Milindapannha and Nāgasenabhikkhuṣṭra - A comparative study (Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan dịch ra Việt văn)*

4- *The Chinese Madhyama Agama and The Pāli Majjhima Nikāya (A comparative study)* - Luận án Tiến sĩ Phật học (NS Tri Hải dịch ra Việt văn)

5- *Some Teachings Of Lord Buddha On Peace, Harmony And Humanity.*

*** Tác phẩm bằng tiếng Việt:**

- 1- *Phật pháp* (đồng tác giả)
- 2- *Đường về xứ Phật* (đồng tác giả)
- 3- *Những ngày và những lời dạy cuối cùng của Đức Phật*
- 4- *Đại thừa và sự liên hệ với Tiểu thừa* (dịch)
- 5- *Sách dạy Pāli*
- 6- *Trước sự nô lệ của con người*
- 7- *Chữ Hiếu trong đạo Phật* (đồng tác giả)
- 8- *Hành thiền*
- 9- *Lịch sử Đức Phật Thích Ca*
- 10- *Hãy tự mình thấp đước lên mà đi*
- 11- *Chánh pháp và hạnh phúc*
- 12- *Đạo đức Phật giáo và hạnh phúc con người* (2002)
- 13- *Những mẫu chuyện đạo* (2004)
- 14- *Đức Phật, nhà đại giáo dục* (2004)
- 15- *Đức Phật của chúng ta* (2005)
- 16- *Tâm từ mở ra, khổ đau khép lại* (2006)
- 17- *Những gì Đức Phật đã dạy* (2007)
- 18- *Hiếu và hành Chánh pháp* (2008)
- 19- *Chiến thắng ác ma* (2009)
- 20- *Tóm tắt Kinh Trung Bộ* (2010)
- 21- *Dàn ý Kinh Trung Bộ và Tóm tắt Kinh Trường Bộ* (2011)



Trước ngày trăng tròn 2508, Viện Tăng thống có quyết định khuyến khích sự phiên dịch Tam tạng thuộc văn hệ Pāli và Hoa văn. Riêng văn hệ Pāli, Thượng tọa Minh Châu phát nguyện phiên dịch, và sẽ được xuất bản tuần tự từng tập một.

Tam tạng thuộc văn hệ Pāli là tài liệu tương đối chính xác của tư tưởng hệ Phật giáo Nguyên thủy, hiện vẫn là kinh sách căn bản của hết thầy Phật giáo ở các quốc gia Tích Lan, Thái Lan, Ai Lao, Miến Điện, Cao Miên và quốc mẫu Phật giáo là Ấn Độ.

Với Tam tạng quan trọng như vậy, ban đầu Viện Tăng thống nghĩ tổ chức một hội đồng phiên dịch và kiểm duyệt cho viên mãn. Nhưng sau thấy như vậy sẽ khó thực hiện được trong tình trạng Phật giáo hiện tại, một tình trạng “cây muốn lặng mà gió không ngừng”. Viện lại thấy công tác phiên dịch Tam tạng Pāli không thể trì hoãn, nên thà là tạm làm bởi một người, hướng chỉ người ấy là Thượng tọa Minh Châu, bác sĩ văn học Pāli xuất xứ từ Nalanda, nơi xưa kia đã đào tạo ra ngài Huyền Trang. Về sự nhuận sắc, Viện Tăng thống có ý kiến hãy để y nguyên dụng ngữ và văn khí của Thượng tọa Minh Châu, vì lẽ ai đã từng đọc dịch văn của ngài La Thập và ngài Huyền Trang thì thấy rõ là có những văn khí và từ ngữ mà nhìn vào là tức khắc biết của ngài nào, chứa đựng ý nghĩa gì.

Viện Tăng thống thiết tha cầu nguyện Phật giáo Việt Nam song song phát triển ba mặt: học lý, tổ chức và hộ pháp. Phải có ba phần ấy, Phật giáo Việt Nam mới có nội dung và hình thức, mới có bề sâu và bề rộng, mới còn và còn một cách có ý nghĩa. Công tác phiên dịch nằm trong công tác hoàng pháp, trở nên tối trọng đại chính là vì thế.

Thích Trí Quang

(Tổng Thư ký Viện Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất)

Phật lịch 2508 Saigon 1-2-1965





“**N**gày nay được đọc *Trường Bộ kinh* I, II, III, IV và *Trung Bộ kinh* I, II bản dịch của Thượng tọa Minh Châu, tôi thấy sáng lên các nghi điểm của mình ở Hán tạng tương đương và ở Đại thừa Hán tạng. Đạo Phật chỉ có một. Không có Nam hay Bắc, Đại hay Tiểu. Không có sự khác biệt trong tên gọi Đại thừa hay Tiểu thừa, bởi vì tôi không muốn chúng ta rơi lại vào vùng ngộ nhận cũ, không muốn chúng ta bị đánh lừa bởi một số tu sĩ Bà-la-môn trong âm mưu gây hiểu lầm giữa các Phật tử Nam tông và Bắc tông; chúng tôi cũng không muốn chúng ta bị đánh lừa bởi một cạm bẫy khác không kém nguy hiểm, bề trái của âm mưu đó, mà cho rằng tất cả kinh điển Đại thừa đều đi xa truyền thống Phật giáo nguyên thủy”.

Thích Thiện Siêu

(Trích lời phát biểu trong buổi lễ giới thiệu Kinh Trung Bộ tập II
tại Đại học Vạn Hạnh ngày 3-5-1974)





PHẦN II



SỨ GIẢ NHƯ LẠI



THÀNH KÍNH CẢM NIỆM

*Bảng vàng đệ nhất Ấn-Âu, Tiến sĩ Văn khoa Ngài biệt chiêm;
Dấn thân xây dựng hòa bình thế giới điểm son hồng.*

*Góp sức tham gia, Quốc hội Việt Nam ghi thắng tích;
Dấn thân xây dựng, hòa bình thế giới điểm son hồng.*

蓋世尊師弘正法;
越南佛教念深恩。

*Cái thế Tôn sư hoằng Chính pháp;
Việt Nam Phật giáo niệm thâm ân.*

Nam-mô Ma-ha Sa-môn, Cổ Trưởng lão Hòa thượng,
Thích Minh Châu giác linh tác đại chứng minh!

Ngày 28 tháng 1 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ đình Vĩnh Nghiêm,
Tỳ-khưu Bồ-tát giới **Thích Đức Nghiệp** kính niệm

GUƠNG HẠNH CAO QUÝ
VỀ HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU
BẬC DANH TẶNG THẠC ĐỨC CỦA TẶNG NI,
PHẬT TỬ VIỆT NAM

(Bài viết nhân ngày lễ Đại tường cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu)

HT.Thích Trí Quảng

*(Phó Chủ tịch HĐTS kiêm Trưởng ban Phật giáo Quốc tế Trung ương GHPGVN,
Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Trưởng ban Trị sự GHPGVN TP.HCM,
Viện trưởng Học viện PGVN tại TP.HCM, Tổng Biên tập Báo Giác Ngộ)*

Trong suốt chiều dài lịch sử hơn 2.000 năm tồn tại và phát triển trên quê hương đất Việt, Phật giáo Việt Nam từ thời du nhập đến nay luôn gắn bó và đồng hành cùng dân tộc trong quá trình dựng nước và giữ nước trên tinh thần “Đạo pháp và Dân tộc.” Kể từ năm 1981 đến nay, Phật giáo Việt Nam đã có đầy đủ cơ duyên thực hiện nguyện vọng thống nhất 9 tổ chức giáo hội và hệ phái Phật giáo cả nước,¹ hợp thành một giáo hội duy nhất

¹ Chính tổ chức Giáo hội và hệ phái Phật giáo cả nước do 9 vị Hòa thượng Giáo phẩm lãnh đạo lỗi lạc dẫn đầu

lấy tên là: GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM, dựa trên nguyên tắc hoạt động: “Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức. Đồng thời vẫn tôn trọng và duy trì các truyền thống hệ phái, cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng Chánh pháp.”² Trải qua 33 năm tương ứng hơn 6 nhiệm kỳ hoạt động,³ Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đã không ngừng phát triển bền vững và ổn định về mọi mặt hoạt động,⁴ thu hút nhiều sự quan tâm của các tín đồ Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước cũng như các tầng lớp nhân dân trong xã hội (nói riêng), các tổ chức Phật giáo ở các nước và các vùng lãnh thổ trên thế giới (nói chung); đồng thời góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thân yêu ngày càng ổn định và phát triển vững mạnh, đem lại suối nguồn an lạc và hạnh phúc cho mọi người.⁵ Tất cả đều nhờ vào sự đóng góp to lớn của các bậc tiền nhân tài đức vẹn toàn, các bậc trí thức lỗi lạc, những nhân sĩ tài ba yêu nước, các bậc chân tu thạc đức với đạo phong cốt cách, giới hạnh tinh nghiêm v.v... Quý Ngài luôn tiếp nối ghi danh thơm và công đức sáng ngời vào trang sử vàng son nước Việt và GHPGVN, luôn làm rạng danh lớp người thừa kế

bao gồm: (1) Hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam do HT.Thích Nguyên Sinh; (2) Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất do HT.Thích Thiện Siêu; (3) Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam do HT.Thích Trí Tấn; (4) Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh do HT.Thích Thiện Hào; (5) Giáo hội Tăng-già Nguyên thủy Việt Nam do HT.Thích Siêu Việt; (6) Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước miền Tây Nam Bộ do HT.Dương Nhơn; (7) Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam do HT.Thích Giác Nhu; (8) Giáo hội Phật giáo Thiên Thai Giáo Quán do HT.Thích Đạt Pháp; và (9) Hội Phật học Nam Việt do Cư sĩ Phật tử Tăng Quang. Xem thêm trong Bản Báo cáo (bản gửi đính kèm số: 341/PC/HĐTS), Văn phòng II Trung ương, Thành phần Đại biểu Tiêu biểu Phật giáo Việt Nam được Ban Vận động vào 22/10 2003, TP.HCM, trang 3ff; Bài Tham luận của HT.Thích Trí Thủ, ‘Lời Kêu Gọi của Hội Nghị Đại Biểu Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam’ trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Kỷ Yếu Hội Nghị Đại Biểu Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam, Hồ Chí Minh: Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội, 1986: tr.40ff và trong Văn phòng Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (biên soạn); Nguyễn Đại Đồng (thực hiện), Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam từ Đại Hội đến Đại Hội”, Hà Nội: Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, 2012: tr.42; Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, “Giáo hội Phật giáo Việt Nam 30 Năm Thành lập, Phát triển và Đồng hành cùng với Dân tộc” trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Kỷ Yếu Hội Tháo Kỷ Niệm 30 Năm Thành Lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam”, Hà Nội: Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, 2012: tr.22-25.

² Giáo hội Phật giáo Việt Nam, trích “Lời Nói Đầu” trong Hiến Chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hà Nội: Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, 2013: tr. 5f.

³ Xem thêm 06 nhiệm kỳ Đại hội của GHPGVN trong Văn phòng Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (biên soạn); Nguyễn Đại Đồng (thực hiện), Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam từ Đại Hội đến Đại Hội”, Hà Nội: Nhà Xuất Bản Tôn Giáo, 2012: 9ff, 71ff, 161ff, 279ff, 387, 481ff; Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, “Giáo hội Phật giáo Việt Nam 30 Năm Thành lập, Phát triển và Đồng hành cùng với Dân tộc,” sđd, trang 22-25.

⁴ Xem thêm các hoạt động của các Ban/Viện Trung ương GHPGVN, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, “Giáo hội Phật giáo Việt Nam 30 Năm Thành lập, Phát triển và Đồng hành cùng với Dân tộc,” sđd, 2012: 27ff.

⁵ Xem thêm về sự hình thành và phát triển GHPGVN, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, “Giáo hội Phật giáo Việt Nam 30 năm Thành lập, Phát triển và Đồng hành cùng với Dân tộc,” sđd, trang 24ff.

truyền thống của các bậc tiền hiền Thầy Tổ trong thời hiện đại,⁶ trong đó có hình ảnh cao quý của cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu.

Cố Hòa thượng Thích Minh Châu (*Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam; nguyên Đại biểu Quốc hội các khóa VII, VIII, IX và X; nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN; nguyên Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS GHPGVN; nguyên Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh; nguyên Viện trưởng sáng lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng Phiên dịch Đại tạng kinh Việt Nam; nguyên Hiệu trưởng Trường Cao cấp Phật học Việt Nam, Cơ sở I - Cơ sở II tại Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh; nguyên Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM; Trụ trì Tổ đình Tường Vân, TP.Huế, Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh, TP.HCM*), là một trong những bậc danh tăng thạch đức tiên nhân ở thế kỷ XX và XXI, là bậc thạch trụ chốn tông lâm, là tấm gương đạo hạnh cao cả của một hiện thân Bồ-tát, là ánh hải đăng luôn định hướng cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam đi đúng phương châm Giáo hội. Với 95 năm trụ thế, hơn 70 năm cống hiến cho đời và phục vụ Đạo pháp, Hòa thượng đã làm tròn trách nhiệm của một hiện thân Đại sĩ trong tinh thần nhập thế cứu đời, cống hiến trọn cuộc đời mình cho Đạo pháp và Dân tộc, góp phần thống nhất Phật giáo Việt Nam, xây dựng và phát triển thành tựu ngôi nhà chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trên tinh thần: *“Tục diệm truyền đăng, xiển dương Phật pháp; lợi lạc quần sanh, báo Phật ân đức”*. Cuộc đời và sự nghiệp của Hòa thượng đã để lại cho chúng ta rất nhiều bài học quý báu trên con đường tu học và hành đạo của một mẫu người tu sĩ lý tưởng của GHPGVN vào thời hiện đại. Với đức hạnh cao quý và trí tuệ tỏa sáng của người tu sĩ Phật giáo, với đức tính tinh cần tu học và hành đạo khéo léo của một sứ giả Như Lai, với phẩm chất năng động nhiệt tình và tư tưởng sâu sắc của người trí thức Phật giáo, Hòa thượng đã đóng góp to lớn trong sự nghiệp thống nhất và phát triển GHPGVN với vai trò là nhà hoạt động tích cực, nhà lãnh đạo lỗi lạc, nhà ngoại giao khéo léo, nhà học thuật, giáo dục lỗi lạc và là nhà trước tác, dịch thuật tài ba của thế kỷ XX và XXI.⁷ Quả thật, cuộc đời hành đạo của Hòa thượng xứng đáng với ý nghĩa pháp tự Thích Minh Châu của Ngài, một viên ngọc quý báu và luôn tỏa sáng không những đối với GHPGVN mà còn đối với toàn thể Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. Chúng ta luôn mãi ghi nhớ và học tập về cuộc đời và đạo hạnh của Ngài.

⁶ Xem thêm về gương hạnh của các Hòa thượng trong công tác xây dựng phát triển và bảo vệ Tổ quốc, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN, *“Giáo hội Phật giáo Việt Nam 30 năm Thành lập, Phát triển và Đồng hành cùng với Dân tộc,” sđđ*, trang 36f.

⁷ Xem thêm về các vai trò của Hòa thượng trong GHPGVN (biên soạn), *“Tiểu sử Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu,” sđđ*.

Bản thân tôi rất tôn kính và tâm đắc về những gương hạnh cao quý của Hòa thượng, đã làm tỏa sáng trên cuộc đời này, đặc biệt là gương hạnh tinh cần mà tất cả chúng ta cần nên học tập. Chính sự tinh cần dũng mãnh của Hòa thượng đã giúp cho Ngài làm được những việc mà ít có ai có thể làm được. Điển hình như:

Trước khi xuất gia, Hòa thượng đã sớm vào chùa hoạt động và tham gia tích cực mọi mặt công tác Phật sự cho 17 tỉnh hội Phật giáo miền Trung phát triển. Lúc bấy giờ, Ngài không những là hạt nhân nòng cốt phát động phong trào yêu nước chống Pháp và phát động thanh niên tham gia học Phật, mà còn là người đi đầu trong các phong trào này.⁸

Khi mới xuất gia, Hòa thượng đã vừa là giảng sư của Hội An Nam Phật học ở miền Trung, vừa là chú điều đang tập sự thực hành nếp sống thiền môn tại chùa Tường Vân, TP.Huế.⁹

Mặc dù xuất gia trẻ, dưới sự hướng dẫn tu học nghiêm minh của Hòa thượng Bốn sư húi thượng Trưng hạ Thông, tự Chơn Thường, hiệu Tịnh Khiết (*Đức Đệ nhất Tăng thống GHPGVN TN*) tại tổ đình Tường Vân - thành phố Huế, nhưng với phẩm chất tinh cần đèn sách và chăm chỉ học hành, Hòa thượng đã sớm trở thành người đệ tử xuất sắc và được Bốn sư cho phép xuất dương du học vào năm 1952. Trong thời gian tu học 12 năm tại Sri Lanka và Ấn Độ (1952 - 1964), Hòa thượng đã được Trường Đại học Tích Lan tặng bằng Pháp sư (*Saddhammācariya*), liên tiếp đỗ các văn bằng cử nhân Pāli và Anh văn, đặc biệt đỗ thủ khoa M.A (Cao học) về Pāli và Abhidhamma (Luận) vào năm 1958 tại Nava Nalanda Mahavihara thuộc Đại học Bihar (Ấn Độ), bằng Tiến sĩ Phật học và Văn học Pāli tại Ấn Độ với Luận án: "*So sánh Tập Pāli Trung Bộ Kinh với Tập Trung A-hàm chữ Hán*" (*The Chinese Madhyama Āgama and The Pāli Majjhima Nikāya*) vào tháng 9 1961, được Tổng thống Ấn Độ trao tặng văn bằng Danh dự với những lời khen ngợi tốt đẹp về luận án này.¹⁰

Sau khi trở về nước, ngoài những công trình biên soạn và phiên dịch rất nhiều bộ kinh sách phục vụ tư liệu cho công tác nghiên cứu Phật học, Hòa thượng là người đầu tiên phiên dịch toàn bộ Kinh tạng Pāli qua tiếng Việt. Đây là công trình mang ý nghĩa rất to lớn, quan trọng và đáng được tôn vinh trong sự nghiệp phiên dịch của Ngài, đóng góp cho sự phát triển

⁸ Xem thêm phần tìm hiểu giáo lý đạo Phật trong GHPGVN (biên soạn), 'Tiểu sử Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu', *Sđđ*.

⁹ Xem thêm phần xuất gia tu học trong GHPGVN (biên soạn), 'Tiểu sử Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu', *Sđđ*.

¹⁰ Xem thêm phần xuất dương du học trong GHPGVN (biên soạn), 'Tiểu sử Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu', *Sđđ*.

kho tàng văn học kinh điển Việt Nam của GHPGVN càng thêm phong phú và đa dạng.¹¹

Về công tác xây dựng và thành lập cơ sở giáo dục, Hòa thượng đã đem hết tâm lực, trí lực và đạo lực của mình để phối hợp với GHPGVN thành lập nhiều trường, viện, khoa và phân khoa Phật học cho các Tăng Ni Phật tử theo học và nghiên cứu về lời dạy trong sáng của Đức Phật. Những trọng trách của Hòa thượng đáng kể nhất là Trường Cao cấp Phật học Việt Nam (*nay là Học viện Phật giáo Việt Nam*) Cơ sở II tại Thiền viện Vạn Hạnh vào năm 1984 với cương vị là Hiệu trưởng (*nay là Viện trưởng*) và Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam vào năm 1989 với cương vị Viện trưởng, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam với cương vị Chủ tịch năm 1991. Ngày hôm nay, tôi rất may mắn được thừa hưởng ân đức của Hòa thượng và sự tin nhiệm của GHPGVN, tiếp tục kế thừa và phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo Tăng Ni, Phật tử tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM và Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam với cương vị là Viện trưởng, đồng thời tiếp tục phát triển xây dựng cơ sở mới của Học viện tại khu đất Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TP.HCM cho Tăng Ni Phật tử tu học mà Hòa thượng luôn tin tưởng.¹²

Qua gương hạnh cao quý của Hòa thượng, chúng ta càng nhận thức rõ về cuộc đời và sự nghiệp hành đạo của Hòa thượng trong suốt hơn 70 năm phục vụ cho Đạo pháp và Dân tộc, chúng ta càng kính phục và luôn noi theo gương hạnh tinh cần cao quý của Ngài. Hòa thượng đã tô điểm thêm cho cuộc đời tỏa ngát hương thơm trí tuệ và đức hạnh của người tu sĩ Phật giáo, làm tỏa sáng tinh thần trách nhiệm và ý thức đạo đức tốt đẹp của người công dân trong xã hội, và trang trọng ghi danh thơm của Ngài vào trang sử vàng son của GHPGVN về gương hạnh tinh cần của bậc danh tăng thực đức nhằm khuyến tấn Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam mãi noi theo.

¹¹ Xem thêm phần phiên dịch và trước tác trong GHPGVN (biên soạn), ‘Tiểu sử Trường lão Hòa thượng Thích Minh Châu’ *Sđđ*.

¹² Xem thêm phần công tác xây dựng cơ sở và giáo dục trong GHPGVN (biên soạn), ‘Tiểu sử Trường lão Hòa thượng Thích Minh Châu’ *Sđđ*.

NHỮNG DẤU ẤN KỶ NIỆM VỚI CỐ HÒA THƯỢNG

Tỳ-kheo Thích Thiện Nhơn

Năm 1965, khi tôi đang theo học Lớp Trung đẳng Phật học tại Phật học Viện Huệ Nghiêm - Gia Định, nay là TP.Hồ Chí Minh, vào những ngày nghỉ lễ, Chủ nhật, tôi thường đến thư viện Phật học chùa Pháp Hội - Chợ Lớn và chùa Xá Lợi - Sài Gòn, nơi đặt cơ sở Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn, do Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Viện trưởng, Thượng tọa Thích Minh Châu làm Phó Viện trưởng, Giáo sư Lữ Hồ làm Tổng Thư ký, Thượng tọa Thích Nhất Hạnh làm Trưởng ban Tu thư, Sư cô Trí Hải làm Quản thủ Thư viện ... để tham khảo các kinh sách Phật học và sách nghiên cứu.

Tôi có dịp đọc qua quyển *Đường về xứ Phật*, do Hòa thượng và Hòa thượng Thích Thiện Châu biên soạn, xuất bản năm 1964. Được biết, năm 1952, Hòa thượng được Giáo hội Tăng-già Toàn quốc giới thiệu đi du học nước ngoài trong chương trình đào tạo Tăng tài cho Phật giáo Việt Nam, gồm có, miền Bắc 03 vị: Thầy Thanh Kiểm, thầy Tâm Giác, thầy Quảng Độ; miền Trung 03 vị: Thầy Minh Châu, thầy Trí Không, thầy Thiên Ân; miền Nam 03 vị: Thầy Nhật Liên, thầy Huyền Dung, thầy Quảng Liên.

Trong thời gian từng học tại Phật học viện Nalanda - Bihar, Ấn Độ, năm 1958, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm hữu nghị Ấn Độ, Hòa thượng đã về tận thủ đô New Delhi để đón tiếp Chủ tịch, tháp tùng phái đoàn về Bồ-đề Đạo tràng thăm nơi Đức Phật thành

đạo và Hội Maha Bodhi. Hòa thượng đã tự tay thắp nến, thắp hương cho Hồ Chủ tịch dâng hương lễ Phật. Vì sự kiện này, khi Hòa thượng mãn khóa, tốt nghiệp Tiến sĩ Phật học, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa không cho Hòa thượng về nước. Mãi đến ngày cách mạng thành công, chế độ Đệ nhất Cộng hòa sụp đổ năm 1963, Hòa thượng mới được về Việt Nam để tham gia các công tác Phật sự cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất năm 1964.

Hình ảnh y vàng giải thoát, cử chỉ khoan thai, hành động cẩn cù, cẩn trọng và chiêm nghiệm trong công việc Phó Viện trưởng của Hòa thượng đã in sâu đậm trong tâm khảm của tôi vào những ngày đầu diện kiến Hòa thượng. Nhất là những giờ Hòa thượng dạy Kinh tạng Pāli cho Lớp Cao - Trung Phật học tại An Dưỡng Địa, cơ sở vật chất ban đầu còn rất thô sơ, đơn bạc, thiếu thốn. Mỗi khi chú Minh Lạc tài xế của Hòa thượng đỗ xe trước cổng của ba vị Hòa thượng trong Ban Giám đốc, thì Hòa thượng vào thăm, ngồi nghỉ tạm trong phòng ba vị Hòa thượng hay phòng đọc sách của Thư viện Phật học Viện Huệ Nghiêm, vì chưa có phòng riêng cho giáo sư như các trường lớp khác trong thành phố. Nhưng với đức tính bình dị, Hòa thượng luôn mỉm cười hoan hỷ và đều đặn đến thuyết giảng không bao giờ bỏ lớp, trừ khi đi công tác nước ngoài hay hội họp v.v... Hòa thượng đã giảng dạy như thế cho đến ngày mãn khóa năm 1967.

Năm 1968, trong chương trình trao đổi Tăng sinh các Phật học viện, tôi được duyên ra học tại Phật học viện Trung Phần Hải Đức - Nha Trang trong 3 năm học (1968 - 1970). Lần đầu tiên tiếp cận với môn học Văn học sử Phật giáo, do Giáo sư Cao Hữu Đỉnh - Giáo sư Viện Đại học Vạn Hạnh và Phật học viện Trung Phần phụ trách, đã mở ra chân trời mới về cách nhìn lịch sử, tư tưởng văn học Phật giáo dưới góc độ khoa học, khảo cổ học và ngôn ngữ học. Và cứ mỗi lần Hòa thượng ra thăm Phật học viện Trung Phần, Hòa thượng đều động viên, khuyến khích Tăng sinh: “Làm học tăng trong thời đại ngày nay, ngoài vấn đề thông hiểu Kinh Luật Luận, còn phải thông hiểu về cổ ngữ, sinh ngữ, nhất là tư tưởng văn học Phật giáo qua các thời kỳ...”. Tôi cũng ước nguyện có dịp nghiên cứu sâu rộng hơn như lời huấn thị của Hòa thượng.

Cơ duyên đã đến, năm 1971, Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm được thành lập, do Hòa thượng Thích Trí Tịnh làm Viện trưởng. Trong bài Diển văn khai giảng của Tổng vụ Văn hóa Giáo dục, Hòa thượng nhấn mạnh: Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên Tăng thông hiểu Tam tạng Kinh Luật Luận, tư tưởng văn học Phật giáo qua các thời kỳ, Phật giáo Nguyên thủy từ thời Phật tại thế đến hết thế kỷ thứ II; thời kỳ Phật giáo Bộ phái từ thế kỷ thứ II trước Tây lịch đến thế kỷ thứ III sau Tây lịch; thời kỳ Phật giáo Phát triển từ thế kỷ thứ IV trở về sau.

Trên cơ sở đó, tôi nghiên cứu kỹ hơn, sâu rộng hơn, tổng hợp, dung hòa được nền giáo lý đạo Phật, để có cái nhìn chính xác và khoa học, hợp lý. Do đó, trong suốt 4 năm cử nhân Phật học, một mình Hòa thượng phụ trách 5 môn học liên tục: Kinh tạng Pāli (*Trường Bộ 4 tập, Trung Bộ 2 tập, Luận Thắng pháp tập yếu 2 tập, Sự liên hệ giữa Tiểu thừa với Đại thừa và Pāli thực hành*). Từ đó, tôi đã tổng hợp được những dòng tư tưởng, văn học Phật giáo qua các giai đoạn.

Một kỷ niệm đáng nhớ nữa là có một lần tôi dự lễ Giới thiệu *Kinh Trường Bộ* do Hòa thượng dịch ra Việt văn, tổ chức tại Hội trường B Viện Đại học Vạn Hạnh. Hòa thượng đã phát biểu: “*Mục đích phiên dịch 5 bộ Nikāya Pāli ra tiếng Việt, với tâm nguyện duy nhất là giới thiệu đến Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam những lời dạy trung thực, chuẩn xác nhất, nguyên thủy nhất, chưa qua giải thích của các Luận sư, Tổ sư v.v...*”. Điều này làm tôi nhớ lại khi dịch *Luận Du-già sư địa* phần Bồ-tát giới, trong 45 điều có một điều là: “*Bồ-tát không được chê pháp Thinh văn, vì pháp Thinh văn cũng là pháp giải thoát, tu hành chứng quả. Vì vậy, Bồ-tát cần phải học, nếu hủy báng thời phạm giới nhiễm ô thuộc phần giới khinh*”.

Từ những kinh nghiệm có được thông qua sự tiếp cận giáo lý, phương thức hành động, sự ma sát với thực tế thuộc lĩnh vực văn học, tư tưởng Phật giáo từ Hòa thượng, do đó, từ những năm 1984, tôi được tham gia Ban Giảng huấn, giảng dạy tại Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở 2 tại TP.Hồ Chí Minh, do Hòa thượng làm Hiệu trưởng, từ năm 1997 gọi là Học viện Phật giáo Việt Nam, cũng do Hòa thượng làm Viện trưởng. Hơn 25 năm (6 khóa), Hòa thượng phụ trách giảng dạy Kinh tạng Pāli, còn tôi thì được phân công giảng dạy *Kinh tạng A-hàm, Phật học cương yếu, Luận Duy thức Tam Thập tụng, Luận Thành Duy thức, Luận Trung quán* một cách hài hòa, ổn định và hội thông, giúp cho Tăng Ni sinh có một cái nhìn bao quát, diễn tiến hợp lý, khoa học của dòng tư tưởng Phật giáo qua các thời kỳ Nguyên thủy, Bộ phái và Phát triển. Như một thân cây có gốc rễ, thân cành, nhánh lá, bông trái v.v...

Khi phục vụ Giáo hội trong các công tác Phật sự, về mặt tổ chức, hơn 30 năm qua, trên tinh thần bao dung, hòa hợp, đoàn kết và cảm thông, Giáo hội Phật giáo Việt Nam là cửa ngõ, là chìa khóa mở cửa suy nghiệm tâm linh, giao tiếp của mọi sắc thái tổng hợp mà chỉ có Phật giáo Việt Nam mới thực hiện một cách đầy đủ, trọn vẹn và ý nghĩa nhất, gồm Bắc tông, Nam tông Kinh, Nam tông Khmer, Phật giáo Khất sĩ, Phật giáo Hoa tông v.v... và những pháp môn tu học biệt truyền của các dòng tư tưởng thiên phái tại Việt Nam: Thiền Nguyên thủy (Như Lai thiền), Thiền Công án (Tổ sư Thiền Trung Hoa), Thiền Trúc Lâm, Thiền Làng Mai, Pháp môn Tịnh độ Niệm Phật, Đạo tràng Pháp hoa, Dược Sư, Mật tông (Kim Cang thừa) v.v... từ những cuộc hội thảo về Phật giáo Việt Nam, Thiền học Việt Nam do

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam mà Hòa thượng làm Viện trưởng tổ chức, từ đó làm cho tôi liên tưởng đến ý Kinh Lăng Nghiêm: “*Quy nguyên tánh vô nhị. Phương tiện hữu đa môn.* Về nguồn vốn một không hai. Pháp tu sai biệt xưa nay rõ ràng”.

Trên tinh thần và ý nghĩa đó, Hòa thượng đã giúp cho tôi có sự nhận thức đầy đủ ý nghĩa đoàn kết, hòa hợp, trong ngôi nhà chung Phật giáo Việt Nam, với vườn hoa đạo pháp muôn màu của Phật giáo Việt Nam, mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã đang thể hiện một cách trọn vẹn và đầy đủ ý nghĩa nhất trong sự nghiệp kế thừa 2.000 năm lịch sử Phật giáo Việt Nam. Quả thực:

*Mỗi người mỗi nước mỗi non
 Khi vào cửa Phật như con một nhà
 Cùng nhau thực hiện lục hòa
 Chúng sinh lợi lạc chan hòa tình thương.*

Thế rồi, dù thời gian gần 50 năm trôi qua, không gian có biến đổi, nhưng những dấu ấn kỷ niệm từ buổi đầu tiên trong ngôi nhà Chính pháp đối với Hòa thượng vẫn còn sống mãi trong tâm hồn tôi, nhất là sau một năm Hòa thượng trở về thế giới Niết-bàn vô tung bất diệt. Tôi xin ghi lại đôi dòng kỷ niệm, vừa tri ân, niệm ân và báo ân đối với Hòa thượng, đồng thời kính nguyện:

*“Dù cho Hòa thượng đi xa
 Quê hương vẫn giữ bao la hình Người.
 Pháp thân lồng lộng tuyệt vời
 Sáng soi Pháp giới rạng ngời sử xanh”.*

Mùa An cư năm 2013

KHÔNG CÓ GÌ LÀ CÓ TẤT CẢ

Trần Quang Thuận

K*hông có gì là có tất cả*". Hòa thượng Thích Minh Châu từ bỏ cuộc đời nhân thế với hai bàn tay trắng, không tiền tài, không chùa miếu, xem thế giới Ta-bà như chỗ dừng chân trong cuộc vân du hoàn vũ:

"Ta từ sinh tử về chơi/ Ngồi trên chóp đỉnh, mỉm cười với trăng... ("Đạt Đạo" - Huyền Không)

Tôi may mắn cùng Hòa thượng được Tổng hội Phật giáo Việt Nam gửi sang Tích Lan tu học năm 1952. Trong suốt hai năm, từ năm 1952 đến năm 1954, chúng tôi sống trong một ngôi chùa nhỏ tại quận Maradana trung tâm thủ đô Colombo, học tiếng Anh với một giáo sư tu sĩ Phật giáo người Anh, học văn phạm Anh với một giáo sư người Tích Lan, học Abhidhamma, đặc biệt là *Câu-xá luận* với vị sư người Tích Lan tốt nghiệp trường Đại học Cambridge ở Anh quốc với cấp bằng tiến sĩ triết học (Ph.D.) và văn chương (D.Lit) và học Pali với người đệ tử của ngài.

Mặc dầu sống trong một ngôi chùa Tích Lan thuộc Phật giáo Nam tông, Hòa thượng Viện chủ, vị giáo thọ dạy Luận tạng, vẫn cho phép chúng tôi được tiếp tục hành trì theo nghi thức và nếp sống truyền thống Phật giáo Việt Nam. Chúng tôi được phép mặc áo nâu sồng, được phép duy trì hai buổi công phu sáng chiều, được phép nấu ăn riêng...

Hàng ngày chúng tôi thức dậy lúc 4 giờ sáng, lên chùa làm lễ công phu sáng, tụng *Lăng Nghiêm, Thập chú*. Tiếng kinh quen thuộc đầy cảm xúc: “*Diệu trạm tổng trì bất động tôn, Thủ Lăng Nghiêm vương thế hy hữu, tiêu ngã ức kiếp điên đảo tường, bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân. Nguyên kim đắc quả thành bảo vương, hoàn độ như thị hằng sa chúng. Tương thử thâm tâm phụng trần sát, thị tắc danh vi báo Phật ân. Phục thỉnh Thế Tôn vị chứng minh, ngũ trước ác thế tiên nhập, như nhất chúng sinh vị thành Phật, chung bất ư thử thủ nê-hoàn. Đại hùng, đại lực, đại từ bi, hy cánh thẩm trừ vi tế hoặc, linh ngã tảo đặng vô thượng giác. Ư thập phương giới tọa đạo tràng, thuận nhĩ đa tánh khả tiêu vọng, thước ca la tâm vô động chuyển...*”.

Lời nguyện hy sinh và phụng sự vào những buổi sáng công phu trong chùa Tường Vân, Tây Thiên, Báo Quốc cổ kính đã làm cho chúng tôi xúc động và phấn khởi, giờ đây vẫn còn tác dụng không kém trong một ngôi chùa Nam tông tại xứ người.

Công phu xong, chúng tôi lo việc phục dịch: Hòa thượng Minh Châu lo dọn phòng, quét nhà, lau chùi bàn ghế, tôi lo buổi ăn sáng vào lúc 7:00 giờ. Từ 8:00 đến 10 giờ sáng là khóa học Abhidhamma cùng với chư Tăng Tích Lan và các Tăng sĩ ngoại quốc khác. 10:30-11:30 là giờ học văn phạm Anh với một giáo sư người Tích Lan mà chúng tôi thuê dạy riêng. Xong giờ học văn phạm Anh, Hòa thượng Minh Châu phụ với tôi chuẩn bị cơm trưa lúc 12:00, buổi cơm cuối cùng của ngày. Chúng tôi không dùng cơm tối theo nếp sống của chư Tăng Tích Lan. 2:00-3:30 chiều là khóa học Pāli và 4:00-5:30 chiều là giờ học tiếng Anh với một nhà sư người Anh sống trong chùa đặc biệt giúp dạy chúng tôi. 6:00-7:00 tối công phu chiều. 8:00-10:00 tối ôn bài. 10:30 tối: chỉ tịnh.

Suốt thời gian hai năm chung sống tại Colombo, chúng tôi không bỏ sót bất kỳ một thời công phu sáng hay chiều nào cả. Chúng tôi cũng không bao giờ đi lệch thời khóa biểu. Hòa thượng Minh Châu rất nghiêm túc, không lơ là, chệnh mảng trong việc hành trì. Đây là một đức tính quý mà tôi đã học được ở Hòa thượng.

Sau 3 tháng chúng tôi học xong cuốn văn phạm Anh. Chúng tôi không học văn phạm nữa mà dùng thì giờ này để trau dồi Pāli. Hòa thượng Minh Châu tỏ ra rất cần mẫn, siêng năng học tập. Hòa thượng học thuộc lòng những câu thành ngữ Anh trong cuốn văn phạm; học thuộc lòng cách chia danh từ, động từ, túc từ của văn phạm Pāli. Suốt ngày Hòa thượng học và học. Rất chuyên cần, kỷ luật, trật tự, ngăn nắp.

Hàng tháng vào ngày Chủ nhật của tuần đầu tháng, chúng tôi ra bờ biển ở Galle, hóng gió biển và nhìn băng qua Ấn Độ Dương đến Thái Bình Dương để tưởng nhớ đến quê

nhà, thầy tổ, bạn bè. Từ 2 giờ đến 4:30 giờ chiều, chúng tôi ngồi trên mòm đá đọc sách hay nhìn về cố hương.

Mặt dầu bờ biển lởm chởm đá, không có người tắm, có hấp dẫn mấy chăng nữa, chúng tôi cũng từ giã nó để về chùa đi công phu chiều. Chúng tôi không bao giờ bỏ buổi công phu sáng hay chiều suốt hai năm sống tại Tích Lan. Hòa thượng Minh Châu là người rất nghiêm túc trong lối hành trì này.

Hòa thượng Minh Châu lớn hơn tôi một giáp, kinh nghiệm đạo, đời hơn tôi bội phần nhưng chúng tôi cảm thấy thoải mái san sẻ cho nhau những ưu tư, khắc khoải đối với quê hương, xứ sở, đạo pháp, dân tộc.

Cùng chung sống trong một Phật học viện nhỏ tại Colombo, ngoài hai chúng tôi từ Việt Nam, còn có hai nhà sư Trung Hoa từ Đài Loan và Phi Luật Tân, một nhà sư người Miến Điện, 2 nhà sư người Anh, một nhà sư từ Bangladesh và nhiều nhà sư người Tích Lan. Ngoài giờ học, chúng tôi trò chuyện, trao đổi tin tức, tâm tình và hoài vọng. Đôi khi chúng tôi được ông Malalasekera, Chủ tịch Hội Phật giáo Thân hữu Thế giới (World Fellowship of Buddhists) mời về nhà dùng trà, hỏi thăm sức khỏe, học vấn, hỏi thăm Hòa thượng Tố Liên nói riêng và tình hình Phật giáo Việt Nam nói chung.

Hòa thượng Tố Liên là vị đại diện cho Phật giáo Việt Nam tham dự Đại hội Phật giáo Thế giới họp tại Colombo năm 1950, thành lập Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới, mở đầu cho việc giao lưu Phật giáo quốc tế và việc đưa Tăng sinh Việt Nam ra nước ngoài du học.

Cuối năm 1954 tôi dự thi vào trường Đại học Luân Đôn và Hòa thượng Minh Châu thi vào Đại học Nalanda ở Ấn Độ. Đầu năm 1955 tôi từ giã Hòa thượng Minh Châu đi Anh và Hòa thượng Minh Châu sẽ sang Ấn Độ vào cuối năm. Chúng tôi hẹn gặp lại nhau vào thời điểm khác ở Việt Nam để cùng nhau phụng sự, phục vụ.

Gần 6 năm trôi qua một cách nhanh chóng. Ngày 14 tháng 12 năm 1960, sau khi học xong, tôi rời nước Anh sang Pháp lên tàu, rời hải cảng Marseilles miền Nam nước Pháp trở về Sài Gòn. Ngày 23 tháng 12, tàu cập bến Bombay. Tôi xuống tàu thì thấy Hòa thượng Minh Châu đã đợi sẵn tự bao giờ. Hòa thượng cho biết đã đi tàu hỏa từ Nalanda miền Đông bắc Ấn Độ đến Bombay ở miền duyên hải Tây nam. Cuộc hành trình 2 ngày 2 đêm đã đưa Hòa thượng đến thăm tôi trong vòng 3 giờ đồng hồ. Tôi hết sức xúc động khi gặp Hòa thượng. Người đã dành cho tôi một sự ngạc nhiên, đồng thời cho tôi thấy con người tình cảm, đôn hậu của Hòa thượng như thế nào.

Chúng tôi rủ nhau vào một tiệm cơm chay ở Bombay. Tôi không quên xin họ cho một ít ớt

vì ở Anh bấy lâu không được hưởng cái hương vị đặc biệt này. Người hầu bàn không chỉ cho chúng tôi vài trái ớt mà bung lên một đĩa lớn ớt xào!

Chúng tôi vừa ăn cơm vừa nói chuyện, trao đổi kinh nghiệm học hỏi. Hòa thượng chuyên học Pāli và luận án Hòa thượng đang soạn là *So sánh bộ Majjhima Nikāya chữ Pāli và bộ Trung A-hàm*, bản dịch ra chữ Trung Hoa. Hòa thượng cũng cho biết lý do tại sao Hòa thượng đắp y kiểu Ấn Độ thay chiếc áo tràng nâu. Hòa thượng thấy chiếc y vàng rất thân thuộc với người Ấn. Chiếc y vàng làm cho chúng Tăng tại Học viện Nalanda gần gũi hơn đối với Hòa thượng.

Nalanda là một cơ sở giáo dục nổi tiếng của Phật giáo tại Ấn Độ mà trước đây khi quân Hồi đến xâm chiếm Ấn Độ thế kỷ XII đã đốt cháy quần thể Nalanda dung chứa trên 10.000 Tăng sinh thế giới suốt 3 tháng.

Buổi cơm trưa ngày ấy không làm sao tôi quên được, kéo dài trên một tiếng rưỡi đồng hồ. Ăn cơm xong chúng tôi ngân ngừ chia tay, Hòa thượng lên xe lửa trở về Nalanda, tôi lên tàu về Việt Nam.

Năm 1961, Hòa thượng tốt nghiệp học trình với cấp bằng tiến sĩ ưu hạng do Tổng thống Ấn Độ đích thân trao tặng. Năm 1963 Hòa thượng định về nước, nhưng tình hình chính trị lúc bấy giờ quá sôi động, nên đến năm 1964 Hòa thượng mới về và được Giáo hội mời làm Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo dục GHPGVN TN và Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh.

Hòa thượng không quên tôi, mời tôi giúp sức khi tôi từ chức Bộ trưởng sau vụ Hiến chương Vũng Tàu. Tôi hoan hỷ nhận lời làm Tổng Thư ký cho Viện Đại học, chưa có cơ sở nhất định. Tôi tình nguyện làm việc không lương vì ngân sách Viện quá nghèo nàn, chỉ trên 200.000\$ khi tôi bắt tay vào việc. Nhờ sự giúp đỡ của các tổ chức, cơ quan công, tư và cá nhân, trong vòng 6 tháng chúng tôi đã có một ngân quỹ trên 6 triệu, ngoài ra chúng tôi còn thành lập quỹ tu thư, quỹ học bổng, mỗi quỹ trên 1 triệu đồng. Lúc đầu Viện chỉ có 2 Phân khoa là Phân khoa Phật học và Văn khoa cùng Trường Thanh niên Phụng sự xã hội của Hòa thượng Nhất Hạnh trực thuộc Viện. Văn phòng và thư viện đặt tại chùa Pháp Hội nhưng các lớp học được tổ chức tại chùa Xá Lợi, chùa Ấn Quang, chùa Phước Hòa, chùa Pháp Vân. Trong lúc sơ khai, thiếu thốn đủ mọi điều, nhưng chúng tôi không vì vậy mà nản chí. Hai năm sau Viện có trụ sở chính tọa lạc tại đường Trương Minh Giảng.

Hòa thượng Minh Châu làm việc không thấy mệt. Hòa thượng phải dự vô số phiên họp: Hội đồng Viện, Hội đồng Văn khoa, Phật khoa, Trường Thanh niên Phụng sự xã hội, Ban Tu thư, Ban Học bổng, Ban Thư viện, Ban Bảo trợ, Ban Giao tế... Ngoài ra, Hòa thượng còn phải duyệt vô số tài liệu, biên bản, nghị quyết, dự thảo quy chế, nội quy của các ban, ngành.

Mặc dầu bề bộn công việc, Hòa thượng vẫn đảm trách giờ dạy và tiếp tục công tác dịch thuật đều đặn và bình thản. Một đức tính hiếm có.

Tình hình chính trị chuyển biến liên tục. Tôi lại phải ra tham chính. Hòa thượng Minh Châu không mấy vui, muốn tôi tiếp tục giúp Hòa thượng xây dựng Viện Đại học và chấn chỉnh nền giáo dục Phật giáo. Hòa thượng nói chính trị chỉ nhất thời, văn hóa mới vững bền. Tôi đồng ý với Hòa thượng nhưng vì tình thế bắt buộc phải từ giã Hòa thượng và mái trường thân yêu. Sau một thời gian lặn ngụp trong chính trường, bị tù tội và bị tái động viên, mỗi lần đến thăm Viện, Hòa thượng vẫn muốn tôi về với Viện. Giáo dục đối với Hòa thượng là quan trọng hơn cả. Một vị cao tăng trong Viện Hóa đạo đã nhận định về Hòa thượng như sau: “Dù Pol Pot có đến Việt Nam, Hòa thượng tuy rất đau lòng nhưng vẫn dành trọn thì giờ cho giáo dục”. Con người Hòa thượng là như vậy.

Sau 25 năm xa xứ, tôi trở về quê hương, năm 1998 và 1999, để tìm hiểu tình hình Phật giáo trong nước. Mùa xuân năm 2000 tôi về nước. Viện Cao đẳng Phật học Vạn Hạnh sau kỳ thi mãn khóa, tổ chức chuyến hành hương từ Nam ra Bắc. Hòa thượng Minh Châu đã mời tôi tháp tùng 38 Tăng Ni vừa tốt nghiệp, dưới sự hướng dẫn của hai vị giáo thọ. Tôi là người cư sĩ độc nhất trong chuyến hành hương này. Thâm tình của Hòa thượng đối với chúng tôi vẫn không thay đổi sau một phần tư thế kỷ xa cách, sống ở hai thế giới hoàn toàn khác biệt. Con người của Hòa thượng là như vậy.

Mới ngày nào đó mà giờ đây Hòa thượng Minh Châu đã trở thành người thiên cổ. Mặc dầu Hòa thượng đã về với Phật, nhưng tôi có cảm tưởng như Hòa thượng vẫn còn đâu đây trong cõi Ta-bà. Hình bóng của Hòa thượng thường ẩn hiện như muốn nhắc nhở cho các bằng hữu, cho hàng hậu sinh phải siêng năng, cần mẫn trong việc tu học, phải hòa ái, đôn hậu trong việc giao tế, nhất là phải hết lòng phụng sự, hiến dâng đời mình cho sứ mạng Như Lai. Rồi đây, một ngày nào đó tôi ước mong được Hòa thượng đóai hoài cho chúng tôi cùng Hòa thượng vân du mười phương thế giới.

Trần Quang Thuận, pháp danh Tâm Đức đệ đầu đàn lễ

“ĐẠI ĐỨC MINH CHÂU - MỘT VIÊN NGỌC SÁNG CỦA NALANDA”

Tỳ-kheo Thích Thiện Châu

Trước khi sắp lên đường sang du học ở Ấn, tôi có gặp Đại đức Đức Tâm tại Huế. Đại đức cho biết gần đây có một luồng dư luận xuyên tạc Đại đức Minh Châu phát ra từ một vài người ganh tỵ ở Huế. Đại đức Đức Tâm bảo tôi sau khi đến Ấn nên viết một vài tin tức về Đại đức Minh Châu gửi đăng *Liên Hoa* để cải chính sự cố tình xuyên tạc ấy. Tôi cười và thưa: *“Thưa thầy, cải chính làm chi cho mệt; để thầy Minh Châu về đây rồi thì họ tự mắc cỡ lấy”*. Đại đức Đức Tâm nói: *“Chúng mình thì không sao. Chỉ lo cho các em Phật tử, nhất là giới sinh viên nhẹ dạ tin theo thì có hại cho lòng tin Phật của họ ngay bây giờ”*. Tôi im lặng. Có lẽ Đại đức Đức Tâm nghĩ rằng tôi đã chấp thuận lời đề nghị của Đại đức. Và câu chuyện về Đại đức Minh Châu được chấm dứt để nhường cho những câu chuyện khác.

Từ khi gặp Đại đức Minh Châu trên đất Ấn đến nay đã hơn 5 tháng, tôi không hề có ý định làm công việc mà Đại đức Đức Tâm đã dặn. Vì tôi nghĩ thêm: *“Không cần tuyên truyền cho Đại đức Minh Châu. Nếu viết không khéo lại bị Đại đức rầy cho là khác”* (đức tánh điềm đạm và khiêm tốn của Đại đức khiến tôi suy nghĩ điều này). Và lại, theo tôi, những lời tán thán của Đại đức Mangala người Ấn sang Việt Nam vào hồi đầu năm, đã đem lại cho

Phật tử Việt Nam một nguồn vui vô biên rồi - Đại đức Mangala đã nói: *“Tôi rất kính phục Đại đức Minh Châu, một vị Đại đức Việt Nam đầu tiên tôi gặp ở đất Ấn. Về trí thức thì khỏi nói quý Thượng tọa đã nhận được kết quả về học lực của Đại đức Minh Châu rồi. Tôi muốn nói về đức hạnh. Không người Ấn hay người ngoại quốc nào sau khi gặp mà không kính phục vị học giả đạo hạnh ấy. Tôi có thể nói: Đại đức Minh Châu quả là một vị Đại đức kiểu mẫu vậy”*.

Nhưng hôm nay, nhớ lại lời dặn của Đại đức Đức Tâm, tôi đâm ra hối hận. Hối hận vì tôi đã không nghe lời Đại đức Đức Tâm để làm công việc chặn đứng sự xuyên tạc hèn hạ. Và nếu không nói lên những sự thật về Đại đức Minh Châu để san sẻ nguồn vui cho kẻ khác, tôi sẽ là người ích kỷ. Vì tôi biết rõ Phật tử Việt Nam đang khao khát được biết tin tức về Đại đức Minh Châu, một vị thầy mà họ hằng kính mến và mong đợi. Những bức thơ của tôi không bức nào là người viết thơ không hỏi đến Đại đức Minh Châu. Hơn nữa, hôm nay tôi viết cũng là để được tưởng nhớ Đại đức Minh Châu một cách đầy đủ hơn. (Đại đức có việc ở Đại học Bihar nên vắng Nalanda hơi lâu). Những dòng chữ này nếu không may lọt qua mắt Đại đức (tôi cố gắng không cho số *Liên Hoa* này đến tay Đại đức) thì xin Đại đức miễn thứ cho cái việc làm lếu láo này của tôi.

Tôi cũng như quý Phật tử ở nhà, đều biết thân thế và sự nghiệp tu hành của Đại đức Minh Châu khi ở nhà nhiều quá rồi, khỏi cần nhắc lại nơi đây. Tôi chỉ ghi nhận một vài nét mà Đại đức hiện có, sau khi tôi gặp lại Đại đức ở Ấn Độ thôi. Vừa đến Ấn, khi viếng chùa Hội quán của Hội Maha Bô-đề ở thủ đô New Delhi, cách Nalanda chỗ Đại đức Minh Châu ở gần 2.000 cây số, chúng tôi đã được nghe các Đại đức người Ấn, Thái, Cam-bốt ở đây ca ngợi Đại đức Minh Châu rồi. Về đến Nalanda, tuy chưa gặp Đại đức ở Darjeeling nhưng qua sự đón tiếp nồng hậu thân mật của chư Tăng sinh viên và học giả ở đây, chúng tôi cũng biết được một phần nào uy tín của Đại đức. Các vị ấy nhắc đến tên Đại đức Minh Châu một cách kính mến. Sau đó, Đại đức Ghosànanda, một học giả người Cam-bốt cho tôi biết: *“Ông Viện trưởng quý mến Đại đức Minh Châu lắm. Ông nói rằng Đại đức Minh Châu là Huyền Trang thứ hai của Nalanda”*. Và ông Kamesware Prasad, một học giả người Ấn, một hôm có người con từ Patna lên thăm, đã dẫn con đến thăm và trình trọng giới thiệu Đại đức Minh Châu với con mình. Ông nói: *“Đây là Đại đức Minh Châu, người Việt Nam, Đại đức là ‘Tam tạng pháp sư’ (chỉ ngài Huyền Trang) của Nalanda mới”* (Ngài Huyền Trang ở Nalanda cũ). Đại đức thông suốt Tam tạng kinh điển bằng Hán văn, Pāli và Sanskrit. Đại đức nói lưu loát tiếng Anh, Pháp, Trung Hoa và Hindi. Không những ở Nalanda mà khắp nơi, học giả và sinh viên Ấn cũng như ngoại quốc đều biết đến Đại đức Minh Châu, người đã đậu đầu kỳ thi M.A. và viết bài luận án Ph.D dày gần 1.000 trang về

vấn đề: “*A Comparative Study of the Chinese Madhyama Āgama and the Pāli Majjhima Nikāya*” bằng năm thứ chữ: Anh, Pāli, Hán, Sanskrit, Pháp. Chính ông André Bareau, một học giả hữu danh ở Pháp đã gửi thư ca ngợi bản luận án này. Ngay những người Ấn, cũng rất ít người đạt được cấp bằng cao thuộc về môn cổ ngữ và triết học này. Người ngoại quốc thì phần nhiều chỉ học đến M.A rồi về hoặc sang qua môn khác. Tại Nalanda cũng như toàn Ấn Độ, hầu hết học giả và giáo sư chỉ biết Pāli, Sanskrit và Anh văn chứ rất ít người biết cả Hán và Pháp văn. Về kinh điển thì rất hiếm người thông thạo cả Tiểu thừa và Đại thừa như Đại đức Minh Châu.

Tuy thế, chúng ta đừng vội nghĩ rằng Đại đức Minh Châu chỉ là một nhà học giả hữu danh mà phải thấy được cái toàn diện nơi Đại đức; nghĩa là phải thấy Đại đức là một vị thạc sĩ vừa là một bậc thạc đức. Chính Đại đức đã nói với tôi khi xuất dương, Đại đức chỉ có một ý nguyện là làm sao cho “Đạt đạo”. Vì thế 3 năm ở Tích Lan, Đại đức đã dành rất nhiều thì giờ cho việc đi tham khảo các bậc chơn tu và thực hành Thiền quán. Đại đức đã lên tận Miến Điện để nghiên cứu và tu tập Thiền định. Và sau cùng Đại đức mới chọn Nalanda làm nơi vừa tu tập vừa nghiên cứu. Tôi không dám bàn đến vấn đề đức hạnh của Đại đức mà chỉ kể ra đây một vài đức tánh đặc biệt của Đại đức. Tuy là người ngoại quốc, lại ở vào một nước nhỏ, nhưng với tài và đức, Đại đức đã làm cho tất cả Ban Giám đốc và toàn thể sinh viên cho đến những người giúp việc đều kính phục. Nalanda từ lâu muốn mời Đại đức ở lại luôn làm giáo sư (Đại đức đang còn lưỡng lự). Đại đức hiện là Chủ tịch Hội Phật giáo Nalanda. Hội tuy không đông hội viên nhưng có tánh cách quốc tế vì gồm tất cả các nước Nhật, Đức, Ấn, Tích Lan, Thái Lan, Cam-bốt, Lào, Tây Tạng, Miến Điện, Népal, Pakistan, Việt Nam, gồm cả Tiểu thừa và Đại thừa. Ngoài việc giao tế với các đoàn thể khác bên ngoài, Đại đức luôn luôn chu đáo mọi công việc của Hội. Không có một việc nhỏ nào mà Đại đức bỏ qua. Thậm chí Đại đức săn sóc cả việc tụng kinh, thiền định hằng ngày của chư Tăng hội viên. Có lần Đại đức đi Calcutta một thời gian hơi lâu, thế là công việc của Hội trở nên bê bối và đợi Đại đức về mới kiện toàn lại được. Những sự đòi hỏi hợp lý của sinh viên nội trú đều được Đại đức yêu cầu kết quả với Ban Giám đốc. Đại đức đang làm một gạch nối giữa Ban Giám đốc và sinh viên. Đại đức Minh Châu quả là “một viên ngọc sáng” của Nalanda. Nhờ đó, chúng tôi những người Việt Nam đến sau, được thừa hưởng uy tín của Đại đức. Trong một tháng vừa qua, trên các nẻo đường chiêm bái, đến đâu chúng tôi cũng được chư Tăng và cư sĩ đón tiếp nồng hậu. Nhiều chùa lớn đã mời Đại đức thuyết pháp và Hội Phật giáo tại Darjeeling đã mời Đại đức làm cố vấn danh dự. Chúng tôi nghĩ rằng không những Đại đức đã làm rạng danh cho Phật giáo Việt Nam mà cả dân tộc Việt Nam nữa. Chúng tôi tin tưởng Đại đức là người đủ sức đảm đương công việc liên lạc giữa Phật giáo Việt Nam và Phật giáo quốc tế, nhất là các nước Đông Nam Á.

Như tôi đã nói là từ lâu Nalanda muốn mời Đại đức ở lại làm Giáo sư. Nếu Đại đức ở lại Nalanda thì đó là một hạnh phúc cho chúng tôi; không kể đến sự học - chúng tôi học thêm với Đại đức ngày 3 giờ - mà cả đời sống tình cảm, đạo hạnh khi ở nơi xa quê hương nữa. Tôi có thể nói: Có Đại đức Minh Châu ở Nalanda là chúng tôi có tất cả. Nhưng làm sao chúng tôi lại ích kỷ như thế được. Chính tôi đã trình bày, sự cần thiết của sự trở về đất nước của Đại đức và nói lên sự mong đợi Đại đức của Phật tử Việt Nam. Qua sự trân tình của tôi, Đại đức thông cảm nhiều. Nhưng có lần Đại đức nói: *“Muốn cho người ta biết đến Phật giáo Việt Nam, mình phải đóng góp gì về văn hóa với Phật giáo quốc tế”*. Đại đức muốn nói sự nghiên cứu rộng rãi hiện nay sẽ làm cho học giả quốc tế biết đến Phật giáo Việt Nam. Thật vậy, Nalanda đã yêu cầu in bản luận án và những tập sách nghiên cứu về Phật giáo của Đại đức. Một vài nhà xuất bản ở Bombay, Calcutta yêu cầu xuất bản những sáng tác của Đại đức. Tôi rất sung sướng được thấy và đọc rất nhiều những tài liệu dịch thuật, sáng tác của Đại đức. Có một điều rất tiếc cho đại chúng Việt Nam là những bảo vật ấy phần nhiều chỉ dành riêng cho học giả hay người có tâm nghiên cứu. Giáo sư André Bareau đã gởi thư mời Đại đức sang Pháp để cùng nghiên cứu. Đại đức Pasadika cũng muốn thỉnh Đại đức sang Đức để giáo hóa. Chính Đại đức Minh Châu này đã nói: *“Nếu Đại đức Minh Châu về nước và nếu được, tôi sẽ sang Việt Nam để học với Đại đức về Pāli và Phật giáo Việt Nam”*.

Viết đến đây, một tâm trạng phân vân buồn cười phát hiện trong tôi: nửa muốn Đại đức về nước ngay lúc này để đem lại nguồn vui Chánh pháp cho Phật tử và cả đồng bào Việt Nam; nửa muốn Đại đức ở lại đây để đóng góp cho nền văn hóa Phật giáo quốc tế, và nhất là chúng tôi được nhiều lợi ích trong sự học hỏi.

Một niềm vui thanh tịnh đang dạt dào trong tâm tư lòng tôi vì đã được ca ngợi một người đáng ca ngợi: *“Đại đức Minh Châu hay là Huyền Trang Việt Nam”* (lời của Đại đức Pasadika người Đức phát biểu).

(Viết tại Nalanda xong lúc kém 10 phút đầy 1 giờ sáng ngày 26 tháng 12 Phật lịch 2505)

GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA **TRƯỜNG BỘ KINH**

Tỳ-kheo Thích Mãn Giác

Vào 10 giờ sáng ngày 4 tháng 4 năm 1973, tại giảng đường 18 của Viện Đại học Vạn Hạnh, lòng tôi đầy niềm hoan lạc khi được tham dự buổi diễn thuyết của Thượng tọa Thích Minh Châu, với đề tài “*Giá trị lịch sử của Trường Bộ kinh*”. Mở đầu, với điểm thứ nhất, Thượng tọa Thích Minh Châu cho chúng ta thấy vị trí lịch sử. Trong phần này diễn giả trình bày qua hai giai đoạn: Giai đoạn Phật giáo Nguyên thủy và giai đoạn các học phái. *Trường Bộ kinh* (Dīgha - Nikāya) gồm 4 tập mà Thượng tọa đã dịch xong, nó đại diện cho học phái Thượng tọa bộ gồm có vừa tư tưởng nguyên thủy, vừa tư tưởng của bộ phái. Với điểm này, diễn giả không chấp nhận quan điểm xem *Trường Bộ kinh* là thuần túy đại diện cho thời đại nguyên thủy. Bởi vì, theo quan niệm của các học giả khi sanh thời Đức Phật có thể nói tiếng Magadhi - đó là tiếng nói của dân chúng Magadha (Ma-kiệt-đà) - với điểm thứ hai diễn giả đề cập đến “Giá trị lịch sử”. Ở đây Thượng tọa Thích Minh Châu cho chúng ta thấy, thuở sanh thời Đức Phật đi thuyết pháp từng làng một, những làng này nằm trong vòng đai Trung Ấn. Do đó, Đức Phật phải nói tiếng nói của dân chúng Magadha.

Ngoài hai điểm chánh về lịch sử của *Trường Bộ kinh* mà Thượng tọa Thích Minh Châu đã trình bày ra, theo ý chúng tôi khi Thượng tọa Thích Minh Châu hoàn thành công tác phiên dịch *Trường Bộ kinh* đã đánh dấu một giai đoạn quan trọng trong lịch sử phát triển nền Phật học

Việt Nam. Chúng tôi nói đây là một giai đoạn quan trọng, bởi vì, kể từ đây, Phật học Việt Nam sẽ có thêm một nguồn văn học mới làm căn bản cho mọi công trình nghiên cứu và học tập.

Trên phương diện lịch sử phát triển, từ sau Pháp nạn 1963, Phật giáo Việt Nam đã thực hiện một bước tiến vĩ đại là thống nhất hai truyền thống sai biệt của Phật giáo. Sự kiện đó cho thấy rằng: Phật giáo Việt Nam luôn luôn khát vọng một đời sống thuần nhất của cộng đồng Tăng sĩ, vốn là điều mà Đức Phật thường khuyên dạy. Chỉ có sự thuần nhất của cộng đồng Tăng sĩ trên mọi lãnh vực, đạo Phật mới là nguồn hy vọng hòa bình và hạnh phúc của nhân loại. Sáng hôm nay, chúng tôi đến dự buổi diễn thuyết nói về *Giá trị lịch sử của Trường Bộ kinh* trong niềm tin tưởng đó.

Đáng khác, trên phương diện văn học và tư tưởng, truyền thống Phật giáo Việt Nam xưa nay vốn thiên trọng về Đại thừa nên không khỏi có phần coi nhẹ những kinh điển như A-hàm của Hán tạng hay Nikāya của tạng Pāli. Đó là một thiếu sót lớn lao. Do sự thiếu sót này, mỗi khi Phật giáo Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng, đã không biết dựa vào đâu để thiết lập lại thể chế sanh hoạt đúng theo tinh thần nguyên thủy của đạo Phật. Lấy thí dụ triều đại nhà Nguyễn của ta gần đây mà nói, các thể chế sanh hoạt thiên môn được lập theo khuôn sáo Trung Hoa một cách vô ý thức, mà cái khuôn sáo lại được các vua chúa Trung Hoa đặt ra một cách ác ý. Bên ngoài trông có vẻ như là chỉnh đốn quy củ tông lâm, nhưng nội dung lại là những biện pháp ngăn chặn đà phát triển đạo Phật. Vì không truy nguyên ra được hậu quả của những ác ý đó, nên trong khoảng những năm gần đây, trước tình trạng cực kỳ xáo trộn của đạo Phật tại Việt Nam, đã sản xuất nhiều khuynh hướng cải cách thể chế sanh hoạt Phật giáo mà chỉ dựa vào kiến thức thô thiển. Chẳng hạn, người ta chỉ căn cứ một cách mơ hồ vào một yếu quyết trong Luật tạng, theo đó, thể chế sanh hoạt được phép thay đổi tùy theo địa vực và truyền thống của mỗi địa phương; rồi từ đó, thiết lập một thể chế mới mà không lấy tinh thần của Luật tạng làm căn bản. Mặc dù trên phương diện tư tưởng, đạo Phật chia làm hai truyền thống Bắc và Nam nhưng tinh thần Luật tạng chỉ có một. Các nhà Đại thừa của Trung Hoa cũng đã từng nói rằng trong giáo lý của Đức Phật không ai được phép thiết lập một Giáo hội Bồ-tát Tăng. Giáo hội phải lấy Giới bốn Ba-la-đề-mộc-xoa làm sở y. Như vậy, những cải cách nếu không khéo léo dựa vào các kinh điển mà chỉ giải thích theo quan niệm riêng tư, theo chỗ kiến văn thô thiển, thì hậu quả chỉ làm cho tình trạng càng trở nên xáo trộn.

Căn cứ vào một ít trường hợp điển hình trên đây, chúng tôi mới nói rằng công tác phiên dịch Tam tạng Pāli đánh dấu một bước tiến quan trọng trong lịch sử phát triển Phật học Việt Nam. Đó chỉ mới nói về khía cạnh học thuật, tạng Pāli còn mang lại cho Phật tử Việt Nam nhiều kiến giải hào hứng. Nhứt là nhờ đó mà Phật tử Việt Nam sẽ dứt khoát với thái

độ tự cao ngã mạn một cách sai lạc về truyền thống Đại thừa. Nếu đã từng đọc các kinh điển xưa nay bị liệt vào Tiểu thừa như A-hàm hay Nikāya, đọc với một tinh thần không cố ý xuyên tạc, chúng ta sẽ thấy ngay toàn bộ giáo lý của tư tưởng Đại thừa đều được chứa đựng trong đó. Ngay như thuyết Tánh Không, được coi như một đặc sắc của tư tưởng Đại thừa. Nếu không quy nguyên ra mầm mống từ các bộ A-hàm, thuyết Tánh Không đó không những chỉ là một quan niệm hư vô và một thái độ nguy hiểm, mà còn gây nên những tai họa trầm trọng cho người học Phật. Đáng khác, ngay trong *Trường Bộ kinh* tập IV, chúng có thể đã chứa đựng những quan niệm cốt yếu của Đại thừa như Bồ-tát, Pháp thân và Pháp tánh. Nơi trang 85, bản dịch của Thượng tọa Thích Minh Châu, chúng ta đọc thấy câu này: - “*Ta là con chính* tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, do Pháp sanh, do Pháp tạo ra là con cháu thừa tự của Pháp”. So sánh với kinh *Pháp Hoa*, chúng ta cũng có câu tương tự: - “*Tùng Phật khẩu sanh, tùng Pháp hóa sanh*”. Đại thừa lấy đó để định nghĩa Bồ-tát. *Trường Bộ kinh* lấy đó để xác tính đối với Như Lai. Cũng ngay sau đó, *Trường Bộ kinh* nói rằng Như Lai đồng nghĩa với những chữ: Pháp thân, Pháp thể, Phạm thể. Đây cũng là một định nghĩa căn bản của Đại thừa về Như Lai và Pháp thân. Nếu công trình nghiên cứu tỉ mỉ giáo như vừa được kể, chắc chắn chúng ta có thể tiến đến một kiến giải chân chánh về đạo Phật, không bị chi phối bởi những giải thích theo ý kiến riêng tư, như lời Thượng tọa Thích Minh Châu có nói trong các bài tựa cho tập III và tập IV của *Trường Bộ kinh* này.

Cho đến bây giờ *Trường Bộ kinh* mới được phiên dịch và mới chỉ là một phần nhỏ của Kinh tạng Pāli, chúng ta còn đang mong đợi ngày hoàn thành của Tam tạng này gồm tất cả Kinh, Luật, Luận tạng của truyền thống Nam phương. Trong hoàn cảnh đau thương của dân tộc ta hiện tại, cái ngày ấy quả thật xa, nên niềm hy vọng quả là vô cùng to lớn. Hướng chi, các kinh trong truyền thống Bắc phương chưa được khởi công một cách có quy củ. Do vậy niềm hy vọng của chúng ta lại càng là bất khả thuyết. Nhưng nhìn lại công trình mà Thượng tọa Thích Minh Châu đã đơn độc thực hiện, trong khi công việc đa đoan của một viện trường đại học mà Thượng tọa phải đảm trách hằng ngày, chúng tôi tự thấy rằng, công trình ấy của Thượng tọa đã gợi lên một niềm tin tưởng vô biên trong lòng toàn thể Phật tử Việt Nam. Riêng cá nhân chúng tôi, chúng tôi tự thấy không đủ lời để bày tỏ tất cả sự ngưỡng mộ và kính phục của mình đối với Thượng tọa. Và, với tư cách một Tổng vụ Văn hóa của Giáo hội, công trình mà Thượng tọa đã thực hiện được quả là một khích lệ lớn lao đối với chúng tôi, trong nỗ lực cho một nền văn hóa Phật giáo Việt Nam giữa hoàn cảnh khó khăn của Giáo hội và của cả dân tộc.

(*Bài diễn thuyết tại Đại học Vạn Hạnh ngày 4-4-1973*)

CHUYỂN TRỞ LẠI VIỆT NAM 1964

BS.Erich Wulff

Lời người dịch: Đây là bài thứ tư được trích dịch từ quyển hồi ký tiếng Đức Vietnamesische Lehrjahre (Những năm dạy học tại Việt Nam), Suhrkamp Verlag, Taschenbuch Nr.73, Frankfurt a.M., Germany, 1972, từ trang 211 đến 214, với tên tác giả Georg W. Alsheimer, bút hiệu của Erich Wulff. Ông này là một bác sĩ người Đức dạy tại trường Đại học Y khoa Huế từ năm 1961 đến 1967, trong khuôn khổ viện trợ giáo dục của Tây Đức. Vì một sự tình cờ, tác giả đã chứng kiến biến cố tại Đài Phát thanh Huế đêm 8-5-1963 làm 8 Phật tử bị chết một cách thảm và đã được mời trình bày sự kiện này trước Ủy ban Điều tra đàn áp Phật giáo Việt Nam của Liên Hiệp Quốc vào tháng 9-1963.

Bài thứ tư này nói về chuyến trở lại Việt Nam vào tháng 4-1964 của tác giả sau khi chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ và được tiếp đón trọng thể tại Sài Gòn và Huế.

Chuyến trở lại Việt Nam 1964 - Hồi ký BS.Erich Wulff

Trong suốt chuyến bay từ Paris về Sài Gòn tôi chỉ biết nằm ngủ. Hai chỗ ngồi bên cạnh tôi bị bỏ trống. Khi máy bay dừng lại tại New Delhi, tôi thấy bước vào một hành khách là một vị Tăng sĩ tròn trịa, khoảng 50 tuổi vận áo vàng; khi đi ngang qua chỗ tôi ngồi, tôi nghe hình như vị ấy thì thầm vài chữ tiếng Việt. Lúc ăn sáng tại một quán ăn ở phi trường Bangkok, tôi đến ngồi bên vị ấy và gọi chuyện. Vị ấy đúng là một người Việt và đã sống 12 năm vừa qua tại Ấn Độ. “Nếu vậy,

chắc Thầy là Thượng tọa Thích Minh Châu?”. Vị ấy cười: “Còn ông, chắc ông là Bác sĩ Wulff phải không?”. Vị ấy đã nhìn thấy Sổ thông hành Đức của tôi khi tôi trình giấy tờ cho cảnh sát phi trường, do đó đã suy luận ra như thế.

Bức thư của tôi viết vào tháng 5-1963 đã đến tay Thầy⁽¹⁾ và Thầy đã báo động liền đến Tổ chức Phật giáo Thế giới. Sau đó Thầy cũng đã đọc được một vài bài báo khác của tôi. Thời gian còn lại trên chuyến bay về lại Sài Gòn quá ngắn ngủi để tôi có thể kể lại cho Thầy nghe hết những gì tôi đã chứng kiến tại Việt Nam trong những năm vừa qua. Vì đã xa quê hương hơn 12 năm nên Thầy cũng khó hình dung được tình hình hiện nay như thế nào. Thầy đã hỏi tôi về tình hình, về dư luận, về những tàn phá của cuộc chiến tranh, về sức khỏe của người anh ruột đang làm Chủ sự tại Tòa Viện trưởng Viện Đại học Huế. Thầy tỏ vẻ thông cảm với những câu trả lời chưa được hoàn hảo lắm của tôi. Thầy Minh Châu là một con người trầm tĩnh, sâu sắc; phong cách thoải mái và đượm nhiều hóm hình chứng tỏ Thầy không phải là một nhà tu khổ hạnh hay là một người xách động chính trị. Nhưng Thầy là một người quan sát tinh tường, đã đi thăm nhiều nơi tại Đông Nam Á cũng như đã ghé qua Trung Hoa lục địa. Với những kinh nghiệm giao thiệp quốc tế như thế của Thầy, điều rất còn thiếu sót nơi các vị lãnh đạo Phật giáo Việt Nam, hẳn sẽ giúp Thầy làm nhịp cầu đối với bên ngoài. Thầy nói cho tôi biết rằng trước hết Thầy muốn xem tình hình tại quê nhà như thế nào. Thầy cũng không biết sẽ ở lại hay lại ra đi. Nhưng khi về lại Sài Gòn, Thầy đã nhận lãnh nhiều vinh dự và công tác đến nỗi không còn nghĩ đến chuyện rời xa khỏi nước. Thầy đã được bổ nhiệm vào chức vụ Viện trưởng của Đại học Phật giáo Vạn Hạnh vừa mới được thành lập.

Khi máy bay hạ cánh tại Sài Gòn, tôi thấy sân bay đông nghịt cả người. Một ban quân nhạc đứng dàn chào; phía dưới cầu thang máy bay tôi thấy đã có mặt các người bạn Hoàn, Tuấn⁽²⁾ và thầy Trí Quang cùng các vị lãnh đạo Phật giáo khác. Thời tiết nóng bức dữ dội, tôi lại mặc bộ đồ veston và cầm áo choàng vì không còn chỗ để trong vali và để tránh quá kỹ. Khi bước ra máy bay, tôi lại cầm tay hộ thùng đồ to tướng của thầy Minh Châu, nên trông tôi có vẻ nực cười. Một viên đại tá giờ tay chào và xin tôi giao giấy phiếu lãnh hành lý và giành lấy thùng đồ to tướng ra khỏi tay tôi, trước khi tôi giải thích được rằng thùng đồ không thuộc về của tôi. Sau đó tôi mới có thể chào hỏi bạn bè. Tôi phải bắt tay lia lịa bên phải và bên trái của tôi. Các bạn Fritz và Miên⁽³⁾ không ra đến được sân bay. Khi chúng tôi được đưa ra khỏi phòng khách đặc biệt, tôi chợt thấy họ đứng bên cạnh xe Con Cóc 2 CV lọc cọc của Miên. Tôi muốn đi về nhà cùng với xe của họ, nhưng thầy Trí Quang nhất định mời tôi vào ngồi trong một chiếc xe Mercedes được mượn để đưa về nhà Lý, người anh của Tuấn để dự một bữa tiệc tại đó.

Những ngày tiếp theo là những buổi tiếp tân và chiêu đãi liên miên. Các chùa mời những bữa ăn chay thịnh soạn, còn các người bạn Hoàn và Oánh, Miên và Quát⁽⁴⁾ thì mời những bữa cơm

tối thân mật. Những lúc rỗi rảnh tôi đều qua biệt thự của Tuấn, nhỏ hơn ngôi nhà của họ ở Huế nhưng lúc nào cũng đầy ắp cả người giống như một chỗ cắm trại camping vào lúc cao điểm. Bà con và bạn bè từ Huế vào đều tá túc tại đây, Tuấn và người vợ, Phương, nhiều lúc cũng không có một căn phòng dành riêng cho mình. Quát vẫn ở tại ngôi nhà cũ đẹp đẽ, vì không muốn dọn vào một tòa nhà của chính phủ với nhiều điều phiền toái. Riêng Oánh và Hoàn thì dọn vào những tòa lâu đài với vườn hoa rộng lớn như công viên, có những bức tường cao bao bọc chung quanh. Đó nguyên là các tòa nhà của những nhân viên cao cấp của thực dân Pháp trước đây để lại. Bà vợ của Hoàn, trước đây làm nghề y tá tại Paris, nay đeo dây hột xoàn, đang tìm cách vô vọng thế vào vai trò của một đệ nhất phu nhân của bà Nhu trước đây. Người chồng không lấy làm vui vẻ cho lắm, nhưng không dám nói gì.

Trong những ngày đầu tiên sau khi trở lại Việt Nam, tôi không có thì giờ cho những buổi đàm luận nghiêm chỉnh. Tôi vừa mới hoàn tất những buổi gặp mặt cần thiết thì quý Thầy Trí Quang và Minh Châu muốn đi cùng tôi ra Huế. Tuấn cho rằng một chuyến đi chung như vậy có lợi về mặt chính trị. Tại phi trường Phú Bài, các sinh viên và các đồng nghiệp người Đức đã chờ đón tôi. Nhưng mà họ không có cơ hội để chào đón tôi một cách đàng hoàng. Hàng ngàn Phật tử đã chiếm lấy sân bay, hoan nghênh nhiệt liệt quý Thầy Trí Quang, Minh Châu và tôi, và vẫy lá cờ năm màu của Phật giáo quốc tế trên tay. Chúng tôi tiến vào thành phố trên những chiếc xe mui trần, đoạn đường dài 13 cây số đi qua những phong cảnh quen thuộc đang sang xuân vào lúc hoàng hôn đã làm biến mất đi dần những biên giới không gian như trong một bức tranh Tàu. Tại mỗi thôn xóm đi qua đều có các đoàn thanh niên Phật tử hân hoan đứng chào trước những căn nhà trang hoàng đầy hoa và cờ. Đoàn xe đi vào Huế, chạy dọc dòng sông Hương, đi ngang qua cư xá của chúng tôi và dừng lại tại chùa Từ Đàm, trung tâm tranh đấu chống chế độ Diệm và là nơi khởi đầu của phong trào chấn hưng Phật giáo 30 năm trước đây. Các em thiếu nhi Phật tử đứng tập hợp bên cạnh các thiếu nữ áo dài tím nhạt và các thanh niên trong đồng phục của Gia đình Phật tử. Đứng trên tầng cấp của chùa, quý Thầy Trí Quang, Minh Châu và tôi nói những lời phát biểu ngắn⁽⁵⁾.

Trong lúc đứng trên khán đài, tôi cảm nhận được niềm hân hoan phấn khởi của quần chúng. Ở nơi đây tôi có cảm giác rất mạnh mẽ nhiều hơn so với Sài Gòn về nồng độ biểu dương bề ngoài, vì thực tại chợt đến như một giấc mơ. Đó là một sự hòa nhịp giữa những tình cảm nồng cháy trộn lẫn với tâm trạng hân diện của những người chiến thắng trở về lại nơi chốn mà trước đây người ta đã gieo sợ hãi và đã trục xuất tôi đi. Nhưng trên đường trở về lại căn phòng, tôi đâm ra suy nghĩ về sự say men chiến thắng của các giới Phật tử. Điều này làm cho tôi liên tưởng đến những gì đã xảy ra trước đây do người Thiên Chúa giáo gây ra, những điều mà tôi không đồng tình và chống đối. Tuy nhiên sau khi chịu nạn kỳ thị trong 10 năm vừa qua, nay có lẽ đám đông quần chúng cần một biểu thị tự chúng tỏ sức mạnh. Một sự biểu dương lực lượng hẳn nên được chấp nhận. Nhưng điều này sẽ kéo

dài bao lâu? Tôi mong mọi rằng sự say men chiến thắng và biểu dương quyền lực mới giành được này của các Phật tử không làm mờ đi những nhiệm vụ quan trọng hơn đang đợi chờ họ.

(1926-2010)

Minh Nguyễn dịch Việt, tháng 5-2004, cập nhật tháng 9-2012

Ghi chú của người dịch:

- (¹) Bác sĩ Wulff đã biên thư cho Thầy Minh Châu kèm theo lá thư của Thầy Trí Quang báo động về vụ đàn áp tại Đài Phát thanh Huế đêm 8/5/63. Xin xem bài thứ nhất phổ biến trên các trang nhà: http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-44_4-12345_5-50_6-1_17-29_14-2_15-2_10-wulff_12-3/; <http://www.quangduc.com/phatdan/86bsiwulff.html>.
- (²) Lúc này các người bạn của tác giả đang tham gia chính quyền: Phó Thủ tướng Nguyễn Tôn Hoàn, Bộ trưởng Giáo dục Bùi Tường Huân (Xin xem ghi chú 1 của bài thứ nhất ghi lại trên đây).
- (³) tức Đại sứ Bùi Diễm; Fritz là Tùy viên Văn hóa Tòa Đại sứ Hoa Kỳ.
- (⁴) tức Thủ tướng Phan Huy Quát, và Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Oánh sau này.
- (⁵) Xin xem hình ảnh và bài viết của BS Wulff nhân kỷ niệm 40 năm nhìn lại Pháp nạn 1963: http://www.thuvienhoasen.org/D_1-2_2-44_4-5395_5-50_6-1_17-29_14-2_15-2_10-wulff_12-3/



NGƯỜI THẦY CỦA NHỮNG VỊ THẦY

HT.Thích Gia Quang

(Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Thông tin-Truyền thông T.Ư GHPGVN)

Gần đến ngày húy nhật đầu tiên của cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, con xin được kính dâng lên Ngài - **người Thầy của những vị thầy** - lòng biết ơn và tôn kính nhất bởi vì nhiều học trò, đệ tử của Hòa thượng, nay đã là giáo phẩm cao cấp của Giáo hội, là giảng sư, hiệu trưởng, trụ trì, hay là Tăng, Ni đang miệt mài tu học và dẫn thân trên con đường phụng sự đạo pháp, phục vụ dân tộc.

Hòa thượng Thích Minh Châu là một ngôi sao sáng trên nhiều lĩnh vực, trong đó có những lĩnh vực gần như gắn bó suốt cuộc đời của Ngài, đó là sự nghiệp giáo dục Phật giáo, đào tạo Tăng tài, và sự nghiệp hợp tác quốc tế vì hòa bình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới của Phật giáo Việt Nam. Tầm vóc và ảnh hưởng của Hòa thượng trong các lĩnh vực trên sẽ mãi mãi ghi đậm trong ký ức của Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam.

*** Dấu ấn về quan hệ hợp tác quốc tế**

Để có được những thành tựu trong lĩnh vực nào cũng đòi hỏi những yếu tố và nhân duyên hội tụ. Trong cuộc đời tu hành của mình, Hòa thượng Thích Minh Châu đã trên 10 năm đi du học, trong thời gian đó, Ngài đã có dịp đi qua nhiều quốc gia, gặp gỡ nhiều bậc tôn kính, bạn hữu đồng tu là môi trường thuận lợi để đặt những viên gạch đầu tiên cho ngôi

nhà hợp tác quốc tế của Phật giáo Việt Nam sau này, mà Ngài là một trong những vị sứ giả tiên phong.

Nếu điều đó được ví như là THIÊN THỜI, thì NHÂN HÒA là dấu ấn học tập, khả năng ngoại ngữ xuất chúng của Hòa thượng. Tài năng đó, đức độ đó như chất keo gắn kết những mối quan hệ vừa là năng lực ngoại tài, vừa là hội tụ tự nhiên để các bậc tu hành ngoại quốc, các bạn học đồng môn, các vị giảng sư khải kính yêu mến, nỗ lực một tâm hồn Minh Châu - tâm hồn của Phật giáo Việt Nam.

Sau thời gian du học, trở về nước, Hòa thượng tham gia sinh hoạt tại các hội, đoàn Phật giáo ở miền Nam. Ngài đã chủ động, tích cực đưa Đạo vào đời để phục vụ nhân sinh. Phải chăng đó là ĐỊA LỢI cùng với THIÊN THỜI và NHÂN HÒA để phát triển Phật giáo Việt Nam được như ngày hôm nay.

Bài viết này xin được chia ra làm hai mốc chính. Đó là những đóng góp của Hòa thượng trong việc tăng cường giao lưu và hợp tác quốc tế về Phật giáo trước và sau khi thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- Trước năm 1981: Hòa thượng đã từng viếng thăm và thuyết giảng tại Đại học Kamazawa, Taisho - Nhật Bản (tháng 8-1965), tham dự Hội thảo Giáo dục tại Đại học Yale - Hoa Kỳ (năm 1967). Tháng 6-1968, Hòa thượng tham dự Đại hội Giáo dục Liên Viện trường Thế giới tại Hàn Quốc. Cuối năm 1968, Hòa thượng đại diện cho các trường đại học miền Nam Việt Nam tham dự Đại hội Giáo dục Quốc tế tại Mỹ-tây-cơ

- Sau năm 1981: Khi đất nước hòa bình, thống nhất, các hệ phái Phật giáo Việt Nam cũng thống nhất trong ngôi nhà chung là Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Kể từ khi được thành lập cho đến những năm 1995, trải qua khoảng thời gian trong ¼ thế kỷ, Hòa thượng đã tham gia gần 100 sự kiện hợp tác quốc tế, dẫn đầu hàng chục phái đoàn đại diện cho Phật giáo Việt Nam - Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia những sự kiện lớn tại nước ngoài và tại các diễn đàn quốc tế trong nhiều lĩnh vực từ hợp tác tôn giáo, đến hợp tác quốc tế vì hòa bình, giải trừ quân bị và vì sự tiến bộ của con người, đến sự hợp tác và giao lưu hữu nghị giữa các tổ chức Phật giáo và giữa các tôn giáo.

Hòa thượng cũng đã đảm trách các Phật sự quan trọng của Giáo hội. Đó là Phó Chủ tịch Thường trực, Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Phật giáo Quốc tế Trung ương, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội Phật giáo Châu Á vì hòa bình (ABCP), Chủ tịch Trung tâm ABCP Việt Nam. Hòa thượng đã đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham dự nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế tại các quốc gia và vùng lãnh thổ như Nhật Bản,

Pháp, Liên bang Nga, Tiệp Khắc, Ấn Độ, Sri Lanka, Mông Cổ, Úc, Ý, Canada, Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan v.v..

Con còn nhớ mỗi khi ra sân bay đón các đoàn Phật giáo quốc tế thăm Việt Nam thì con thường được các vị trưởng đoàn hỏi: “Hòa thượng Thích Minh Châu Ngài có khỏe không?” nhất là các phái đoàn Phật giáo Nhật Bản, Sri Lanka, Mông Cổ... Điều này làm con suy nghĩ Hòa thượng quả là người bạn đáng kính trong lòng bạn bè quốc tế của Phật giáo Việt Nam.

Những thành tựu quan trọng, những mốc son chính trong tiến trình hợp tác quốc tế về Phật giáo trong giai đoạn nửa cuối thế kỷ XX, dù trực tiếp hay gián tiếp, ít nhiều đều gắn liền với tên tuổi và những đóng góp xuất sắc của cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu.

*** Dấu ấn trong công tác giáo dục đào tạo**

Song song với những dấu ấn trên lĩnh vực hợp tác, giao lưu quốc tế về Phật giáo, Hòa thượng là người coi trọng sự nghiệp giáo dục, đào tạo Tăng tài, vun bồi tài năng, tuyển chọn người đức hạnh cho vườn hoa Phật giáo nước nhà.

Ngay khi về nước, năm 1964, Hòa thượng đã đảm trách chức Phó Viện trưởng Điều hành Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn. Hòa thượng đã tích cực và có công trong việc mở thêm các Phân khoa Văn học và Khoa học Nhân văn (Văn khoa), và Hòa thượng được cử giữ chức Khoa trưởng... Đến năm 1965, Viện Cao đẳng Phật học đổi tên thành Viện Đại học Vạn Hạnh, Hòa thượng tiếp tục giữ chức Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh kiêm Khoa trưởng Phân khoa Phật học. Tại cơ sở mới, Hòa thượng đã mở thêm các phân khoa: Khoa học Xã hội, Giáo dục, và Hòa thượng là Khoa trưởng. Hòa thượng cũng là người đã chỉ đạo mở thêm trung tâm ngoại ngữ trong khuôn viên Đại học Vạn Hạnh.

Năm 1972, Hội đồng Viện mở thêm Phân khoa Khoa học ứng dụng tại cơ sở mới ở đường Võ Di Nguy (nay là Nguyễn Kiệm); Hòa thượng đảm nhiệm Khoa trưởng. Tại đây, năm 1974, Hòa thượng chủ trì Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Viện Đại học Vạn Hạnh (1964-1974) với sự tham dự của chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Giáo sư của Viện và hơn 10 ngàn sinh viên tham dự. Cũng chính tại cơ sở này, năm 1984, Hòa thượng đã mở Trường Cao cấp Phật học (Học viện PGVN tại TP. HCM) do Hòa thượng làm Hiệu trưởng; Ngài cũng làm Đoàn đầu Hòa thượng truyền giới Cụ túc cho 60 Tăng Ni sinh khóa I này.

Năm 1981, Giáo hội mở Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở I tại chùa Quán Sứ; Hòa thượng được mời làm Hiệu trưởng (nay là Học viện PGVN tại Hà Nội).

Tại Học viện PGVN tại TP. HCM, Hòa thượng đã lần lượt tổ chức tuyển sinh và đào tạo được 5 khóa cử nhân Phật học. Các khóa Tăng Ni sinh này đã đáp ứng được nhân sự phục

vụ Giáo hội. Ngày 20-10-1997, Hòa thượng chủ trì Lễ khởi công xây dựng cơ sở mới Học viện PGVN tại TP. HCM

Đặc biệt, Hòa thượng đã dịch hầu như toàn bộ Kinh tạng Pāli sang Việt ngữ, góp phần cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam chúng ta có Đại tạng kinh Việt Nam để Tăng Ni, Phật tử Việt Nam tu học.

Vì những đóng góp xuất sắc của Hòa thượng, tháng 5-1996, Hội đồng Đại học Mahachulalongkorn tại Thái Lan (Đại học Hoàng gia Thái) đã trân trọng tặng bằng cấp tiến sĩ danh dự cho Hòa thượng về công trình phiên dịch kinh điển và sự nghiệp giáo dục của Ngài.

Trong hàng chục năm qua, Hòa thượng đã để lại những thành tựu lớn lao trên nhiều mặt. Hòa thượng đã đào tạo nhiều thế hệ Tăng Ni tài đức, cư sĩ, Phật tử hữu danh, có ích cho đạo và đời, đã và đang phục vụ trong các cấp Giáo hội từ Trung ương đến địa phương, trong nước và nước ngoài, góp phần xây dựng và phát triển Phật giáo Việt Nam.

Trưởng lão Hòa thượng chính là hình ảnh giải thoát vô ngại. Trong suốt cuộc đời, Ngài luôn luôn giữ thái độ hiền hòa, thắm nhuần giáo nghĩa “bát phong xuy bất động”. Hòa thượng luôn giữ cuộc sống thanh đạm, giản dị vượt thắng mọi sự đối đãi khen, chê ... trở thành một trong những vị danh tăng có uy tín và ảnh hưởng nhất của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX.

Riêng con, hình ảnh về cố Trưởng lão Hòa thượng còn là những cảm niệm về bậc ân sư đã dạy dỗ con trưởng thành trên con đường Đạo, nhất là trong thời gian những năm 1980 - 1990, khi còn học trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở I; con có nhân duyên được làm thị giả Hòa thượng. Khi con công tác tại Văn phòng II Trung ương Giáo hội và Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh và kể cả những khi Hòa thượng ra Bắc làm công tác Phật sự hay trước khi đi công tác nước ngoài, con luôn được thân thừa Hòa thượng và được tiếp nhận những sự chỉ bảo ân cần của Ngài. Con lấy đó làm tư lương, hành trạng trên con đường tu tập của mình. Con còn nhớ, lời dạy của Đức Phật mà Hòa thượng đã từng viết, từng tâm niệm như lẽ sống của đời tu: “Như Lai không tranh luận với đời, chỉ có đời tranh luận với Như Lai”.

Ngài đã ra đi, dấu thể gian huyễn hoặc “có - không”, nhưng hiện hữu là hình ảnh giải thoát vô ngại, là lẽ sống mà Ngài đã để lại cho Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước học tập và noi theo.

KÍNH NGUỒNG

Pháp lữ - HT.Thích Chơn Trí

Tôi được biết cố Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu là thân tử của ông bà cụ Đình Văn Chắp (người đã đỗ đầu kỳ thi tiến sĩ khoa Quý Sửu năm 1913 triều Duy Tân thứ 7), quê quán tỉnh Nghệ An - Việt Nam.

Hòa thượng sinh trưởng trong một gia đình có văn hóa và truyền thống đạo đức. Lúc lớn lên Hòa thượng vào Nam (Huế) tiếp tục học chương trình văn hóa và tham gia sinh hoạt tại địa phương. Hòa thượng là đoàn viên Đoàn Phật học Đức dục. Ngoài trình độ văn hóa và rất có thiện chí sinh hoạt đoàn thể, Hòa thượng là một đoàn viên mẫu mực, nổi bật nhiều về đạo hạnh và có lẽ cũng do vậy rất được đoàn thể kính mến.

Vào khoảng năm 1940, Hòa thượng cùng anh em chúng tôi gồm: Hòa thượng Thích Thiên Ân, Hòa thượng Thích Đức Tâm, Hòa thượng Thích Mãn Giác, Hòa thượng Thích Trí Không đã thọ giáo với cố Đại lão Hòa thượng Thích Trí Thủ, trú trì Tổ đình Ba La Mật, TP.Huế.

Thời gian tiếp theo, Hòa thượng phát tâm xuất gia, đầu sư với Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết - trú trì Tổ đình Tường Vân.

Đầu năm Kỷ Sửu (1949), Hòa thượng thọ Đại giới Tỷ-kheo tại Giới đàn Báo Quốc. Cũng là thiện duyên sau lúc thọ giới xong, Hòa thượng xin nguyện thường trú tại nơi này, vì đây

là Phật học viện của Giáo hội Phật giáo Thừa Thiên.

Ở đây, ngoài việc tu học Hòa thượng đã tích cực tái sáng lập Gia đình Phật tử và làm Hiệu trưởng Trường Trung học Bồ Đề. Với chủ trương đào tạo Tăng tài Việt Nam, GHPGVN Trung Phần đề xuất vấn đề học tăng Việt Nam đi du học tại các Phật học viện Phật giáo nước ngoài.

Tuân thủ chủ trương trên, Hòa thượng được cử sang du học tại Phật học viện ở tiểu bang Tân Đê-li, Ấn Độ. Sau thời gian tu học mãi đến kỳ thi mãn khóa, Hòa thượng là thí sinh xuất sắc đậu thủ khoa của kỳ thi này. Trong dịp dự lễ mãn khóa, Tổng thống Ấn Độ đã đích thân đến dự và đã tự tay gắn huy chương danh dự cho Hòa thượng. Đây là một vinh dự lớn. Cũng trong buổi lễ này, dân chúng địa phương tham dự rất đông, rất có cảm tình, mọi người đều tỏ lòng mến phục.

Cũng trong lúc này, bà con nhắc lại kỷ niệm một thành tích sáng chói đó là trước đây, cũng tại nơi này đã có danh tăng Huyền Trang người Trung Hoa sang tu học; nay có Hòa thượng Thích Minh Châu người Việt Nam cũng sang tu học và cũng thành đạt khả quan trên đường học vấn và đạo hạnh. Như vậy có thể nói Hòa thượng là “Huyền Trang Việt Nam!”

Sau khi từ Ấn Độ về nước, ngoài việc tinh tấn truyền bá Đạo pháp và phiên dịch kinh điển, Hòa thượng còn xây dựng Viện Đại học Vạn Hạnh lớn nhất tại miền Nam Việt Nam.

Với con người của Đại lão Hòa thượng trong Đạo pháp chẳng khác gì “Viên ngọc sáng” mà trước đây Đức Đại lão Bổn sư Thích Tịnh Khiết truyền gắm “Pháp tự Minh Châu” thật quá tuyệt vời!

Tóm tắt về thành tích Pháp sự, đạo hạnh, và cuộc đời cố Hòa thượng, thật đáng kính nể và tán dương vô cùng. Tôi xin trích ra đây hai câu cuối của bài Pháp kệ để nói lên lòng ngưỡng mộ của mình đối với Hòa thượng:

*“Xưng dương nhược tán thán,
Ức kiếp mạc năng tận”.*

NHÀ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHO PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Thích Hạnh Bình

Nhân ngày Đại tường cổ Hòa thượng Minh Châu, môn đồ của Ngài cho ra mắt tập kỷ yếu với nội dung ghi lại những kỷ niệm vui buồn của môn đồ, của người thân đối với vị Thầy khả kính của mình.

Người viết vốn không phải là đệ tử của Hòa thượng, cũng không phải là tông môn Tổ đình Tường Vân, nhưng lại có vinh hạnh được sống gần bên Hòa thượng trong nhiều năm. Từ năm 1984 đến năm 1988 tôi là Tăng sinh khóa I, Trường Cao cấp Phật học. Sau khi tốt nghiệp, tôi lại làm việc cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam cho đến năm 1994 thì tôi mới rời Vạn Hạnh để du học Đài Loan. Trong khoảng thời gian 10 năm ấy, tôi sống tại Thiền viện Vạn Hạnh, học được rất nhiều điều từ nếp sống, cách suy tư và phương pháp làm việc của cố Hòa thượng. Có thể nói, những gì mà tôi thành tựu được như ngày hôm nay là nhờ thọ ân giáo dưỡng của Ngài rất nhiều. Với tư cách là học trò, nơi đây tôi xin khái quát và điểm lại một vài sự kiện mà cố Hòa thượng đã quan tâm và nỗ lực xây dựng Phật giáo Việt Nam.

Có thể nói, cuộc đời và sự nghiệp của cố Hòa thượng là điểm son cho lịch sử Phật giáo Việt Nam. Ngài là vị tu sĩ Phật giáo Việt Nam đầu tiên tốt nghiệp tiến sĩ ngành Phật học và

là vị đầu tiên khai mở con đường du học cho Tăng Ni sinh Việt Nam. Ngài có công trong việc khai sáng Đại học Vạn Hạnh, Viện Nghiên cứu Phật học và, điểm nổi bật nhất, Ngài là người có công chuyển dịch Kinh tạng Pāli sang tiếng Việt, để lại cho Phật giáo Việt Nam một kho tàng văn hóa và học thuật vô giá. Thế thì Hòa thượng từ động lực nào có sự đóng góp to lớn như thế? Ở đây tôi xin phân tích.

Cố Hòa thượng sinh năm 1918, trong một gia đình khoa bảng trí thức, lại rất thuần tín Tam bảo, năm 1940 đỗ tú tài tại Trường Khải Định, nay là Trường Quốc Học - Huế. Sau khi tốt nghiệp, Ngài đảm nhiệm chức vụ Thư ký cho Tòa Khâm sứ tỉnh Thừa Thiên. Trong khoảng thời gian này, ngoài công việc làm thư ký, Hòa thượng nỗ lực tìm hiểu Phật học và tham gia phong trào chấn hưng Phật giáo. Có lẽ Ngài sớm cảm nhận cuộc đời vốn tạm bợ, sự nghiệp công danh gì đi nữa, trăm năm rồi cũng trở về với cát bụi, cho nên Ngài có ý tưởng xuất gia học đạo. Vào năm 1946, Ngài đến Tổ đình Tường Vân (Huế), xin xuất gia với Hòa thượng Thích Tịnh Khiết (Đức Đệ nhất Tăng thống GHPGVN TN).

Sau khi xuất gia, dốc lòng học Phật, đồng thời tiếp tục tham gia phong trào chấn hưng Phật giáo, Ngài có nhiều hoạt động tích cực và đã đóng góp nhiều bài viết có giá trị mang tính khai mở. Tuy nhiên, bản thân Ngài tự cảm thấy khiêm khuyết cái gì đó trong việc cải cách và chấn hưng Phật giáo, vì ai cũng hiểu rằng Phật giáo vào thời bấy giờ, kinh sách Phật học rất hạn chế, chỉ có một số kinh điển Đại thừa, và một số sách Phật học bằng tiếng Hoa. Thế thì làm thế nào để cho Chánh pháp được hưng thịnh trong xã hội Việt Nam? Và nếu cuộc canh tân chấn hưng đó có thành công đi chăng nữa, thì đó cũng chỉ là cuộc chấn hưng mô phỏng theo Trung Quốc. Điều này có phù hợp với tình hình thực tế của nước ta không? Đây là một vấn đề cần phải suy nghĩ.

Có lẽ đó chính là nhân tố thôi thúc vị Tỷ-kheo trẻ trí thức Thích Minh Châu chọn con đường du học Sri Lanka, mà không phải Trung Quốc. Ước muốn du học của Hòa thượng được Giáo hội đồng tình, được Bổn sư hứa khả. Cho nên vào năm 1952, Ngài lên đường du học tại Sri Lanka, với mục đích tìm hiểu nguồn gốc của Phật pháp là gì. Khi đến đây Ngài thấy rõ, muốn thấu hiểu Phật pháp, việc đầu tiên là phải học cổ ngữ Pāli mới có thể trực tiếp duyệt đọc nguyên bản Kinh tạng Nam truyền, dĩ nhiên cũng cần phải trau dồi Anh ngữ để giao tiếp với thế giới và viết luận văn. Vì thế, Ngài đã nỗ lực để thành thạo hai ngôn ngữ này. Sau khi tốt nghiệp cao học ở đây vào năm 1954, Ngài tiếp tục du học Ấn Độ và học chương trình tiến sĩ ngành Phật học tại trường Đại học Nalanda. Năm 1961 Ngài tốt nghiệp tiến sĩ ngành Phật học với luận án "*The Chinese Madhyama Āgama and the Pāli Majjhima Nikāya - A Comparative Study*" (So sánh Kinh Trung Bộ chữ Pāli và Kinh Trung A-hàm chữ Hán). Có thể nói đây là một công trình nghiên cứu mang tính chuyên môn cao, đòi hỏi người nghiên

cứu trước tiên phải thông thạo cả hai cổ ngữ Pāli và Hán cổ, từ đó mới tiến hành so sánh, đối chiếu. Kết quả của sự so sánh này chính là câu trả lời chính xác nhất về sự tương đồng và dị biệt giữa hai nguồn tư liệu Pāli và Hán, từ đó mới đánh giá phê bình và lý giải nguyên nhân tại sao có sự tương đồng và dị biệt giữa hai nguồn tư liệu này. Nội dung nghiên cứu luận văn của Ngài đã được giới nghiên cứu Phật học đánh giá cao, có giá trị học thuật.

Ngang qua nội dung nghiên cứu của luận văn, có thể nói đây là tác phẩm mang tính định hướng giáo dục và phương pháp hoàng dương Phật pháp của Hòa thượng. Có nghĩa là, người học Phật trước hết phải học tập kinh điển Nguyên thủy, sau đó mới tìm hiểu tư tưởng bộ phái, và cuối cùng là Đại thừa, không thể vượt thứ lớp. Đồng thời, ngang qua luận văn của Ngài, chúng ta cũng có thể xem đây là lời giải đáp lý do tại sao Hòa thượng xuất gia trong tổ đình có truyền thống tu học theo Phật giáo Đại thừa, nhưng khi về nước Hòa thượng chỉ hoàng dương Phật giáo Nam truyền. Cụ thể, Ngài đã dịch kinh điển Nam truyền sang Việt ngữ và giảng dạy các kinh điển này, mà hoàn toàn không đề cập, dù chê hay khen, tư tưởng Phật giáo Đại thừa, nhất là Phật giáo Trung Quốc. Ví dụ như khi dạy thiền cho Tăng Ni sinh khóa I (có lẽ cả các khóa sau đó), Hòa thượng chỉ nói: “Trong Phật giáo có hai loại thiền: Như Lai thiền và Tổ sư thiền. Ở đây chúng tôi không hiểu về Tổ sư thiền, nên chúng tôi chỉ giới thiệu về Như Lai thiền”. Việc tự nhận “không hiểu” này của Hòa thượng là thái độ nghiêm túc của một học giả, nhưng đồng thời cũng là vấn đề để chúng ta suy gẫm.

Có một điều chúng ta cần chú ý là, dựa theo cách thờ phụng của Tổ đình Tường Vân, thì Hòa thượng thuộc thiền phái Lâm Tế, mặc dù Hòa thượng xuất gia và sống ở Tường Vân chỉ có 6 năm trong thời gian mới xuất gia. Nếu xem xét cuộc đời của Hòa thượng, thì sự hành trì cũng như tư tưởng Phật học của Ngài mang tính Phật học thuần túy, trong sáng, rõ ràng, và không xen tạp với những loại tư tưởng văn hóa khác. Vậy, chúng ta có nên chăng chú ý đến ngôn từ khi tôn xưng danh hiệu Hòa thượng cho phù hợp với cuộc đời và đạo nghiệp của Ngài?

Hơn nữa, công trình phiên dịch kinh điển của Hòa thượng có thể so sánh với Huyền Trang, La Thập, mang tính khai sáng. Nếu như Phật giáo Trung Quốc xem Huyền Trang là người có công mang hệ thống Abhidharma (Pháp Tướng tông) từ Ấn Độ về Trung Quốc, thì Phật giáo Việt Nam cũng cần phải có lòng tự hào xem Hòa thượng Minh Châu là người có công mang Kinh tạng Nikāya (Nguyên thủy) về Việt Nam và dịch sang tiếng Việt. Do đó, chúng ta cần phải xem Hòa thượng là người đã mở ra một tinh thần học Phật hiện đại trên cơ sở Kinh tạng Nikāya, mà không phải từ Phật giáo Trung Quốc. Điều này cần được xem xét và thảo luận. Đây chỉ là ý kiến riêng của tác giả.

Sau khi tốt nghiệp tiến sĩ về nước, năm 1964, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất thành lập Đại học Vạn Hạnh, và Ngài được mời làm Viện trưởng và hoạt động cho đến năm 1975. Trong giai đoạn này dưới sự lãnh đạo của Hòa thượng, Viện Đại học Vạn Hạnh đã giới thiệu Phật giáo như là một tôn giáo hoạt động theo xu hướng tri thức hơn là tín ngưỡng. Đáng tiếc, sau khi thống nhất, đất nước gặp nhiều khó khăn, nên Đại học Vạn Hạnh ngưng hoạt động. Trước tình hình này, Phật giáo sẽ lâm vào trường hợp nguy hiểm nếu như không có một hệ thống giáo dục. Cho nên sau khi thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, với tư cách là Tổng Thư ký, Hòa thượng cùng Giáo hội đề xuất xin Nhà nước cho phép Phật giáo thành lập hệ thống giáo dục Phật giáo. Quan điểm này được Nhà nước chấp nhận. Nhờ đó, Trường Cao cấp Phật học Việt Nam, cơ sở I, được hình thành tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, năm 1981; và cơ sở II tại Thiền viện Vạn Hạnh, TP. HCM, năm 1984; cả hai đều do Hòa thượng làm Hiệu trưởng. Và như vậy, sự nghiệp cải cách Phật giáo bằng con đường giáo dục được tiếp tục. Sau đó vài năm, Hòa thượng lên kế hoạch thành lập Viện Nghiên cứu Phật học, nhằm tập trung giới tri thức nghiên cứu Phật học, và ngang qua đó, thành lập Hội đồng Phiên dịch Đại tạng kinh Việt Nam, nhằm tiến hành phiên dịch biên tập bộ Đại tạng kinh Việt Nam. Có thể nói, đây là nhiệm vụ quan trọng của Giáo hội, của Tăng-già Việt Nam. Thử nghĩ xem một đất nước tự hào có chiều dài lịch sử Phật giáo gần 2.000 năm, nhưng cho đến nay vẫn chưa có bộ Đại tạng kinh bằng tiếng Việt? Đây là vấn đề mà bất cứ người lãnh đạo Phật giáo nào cũng cần phải suy nghĩ và tìm giải pháp. Dầu rằng, khi Hòa thượng ra đi bộ Đại tạng kinh Việt Nam vẫn chưa hoàn thiện, nhưng định hướng ấy đã được Ngài hoạch định và định hình để cho người sau kế thừa và thực hiện.

Ngoài những chức vụ đề cập trên, Hòa thượng giữ nhiều chức vụ không kém phần quan trọng khác, như Phó Chủ tịch ABCP thế giới kiêm Chủ tịch Trung tâm ABCP Việt Nam Chúng ta cần hiểu ở đây rằng đề cập những chức vụ của Hòa thượng không đồng nghĩa xem chuyện chức quyền như là niềm vinh hạnh tự hào, mà chúng ta chỉ xem đây như là phương tiện để thực hiện định hướng phát triển Phật giáo của Hòa thượng mà thôi. Quan điểm này chúng ta có thể thấy rõ qua sự nghiệp phiên dịch kinh điển và hình thành các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu để làm hướng đi cho sự phát triển của Phật giáo.

Có người hỏi, Hòa thượng giữ nhiều chức vụ quan trọng như thế thì giờ đâu mà dịch kinh điển? Vấn đề này được chính Hòa thượng dạy cho chúng tôi khi còn là học viên của trường. Ngài nói: “Mặc dù cuộc sống của chúng tôi bề bộn công việc điều hành Đại học Vạn Hạnh, nhưng chúng tôi không bỏ giờ tọa thiền vào buổi khuya và 2 giờ dịch kinh sau giờ tọa thiền mỗi ngày. Do vậy việc phiên dịch kinh của chúng tôi không bị trở ngại hoặc gián đoạn ...”. Đó là sự thật, là phương pháp làm việc của Hòa thượng, vì khi sống ở Vạn Hạnh

tôi thường thấy cứ 4 giờ sáng học tăng chúng tôi đi công phu khuya thì Hòa thượng thức dậy tọa thiền, sau đó Ngài phiên dịch kinh điển. Nếu ta nhẩm tính cứ mỗi ngày bỏ ra 2 giờ dịch kinh, và làm như vậy suốt vài chục năm, thì năm bộ Nikāya được Ngài dịch sang tiếng Việt cũng là điều tất yếu. Năm bộ Nikāya được Ngài dịch sang tiếng Việt là: *Trường Bộ Kinh* (*Dīghanikāya*), *Trung Bộ kinh* (*Majjhimanikāya*), *Tương Ưng Bộ kinh* (*Samyuttanikāya*), *Tăng Chi Bộ kinh* (*Anguttaranikāya*) và *Tiểu Bộ kinh* (*Khuddakanikāya*).

Ở đây cần chú ý, “*Tiểu Bộ kinh*” gồm nhiều tập, trong đó phần sau của Jātaka là do Trần Phương Lan dịch từ bản tiếng Anh. Tại sao Hòa thượng lại không dịch nốt? Phải chăng Hòa thượng quá bận việc không có thời gian hay do sức khỏe yếu? Theo tôi cả hai lý do này đều không đúng. Lý do mà Hòa thượng đắn đo không dịch chính là vì nội dung tư tưởng của bản kinh này. Những câu chuyện tiền thân Phật rõ ràng xuất hiện tương đối trẻ, chịu ảnh hưởng tư tưởng của các tôn giáo khác. Có lẽ đó là lý do mà Hòa thượng không dịch nốt bản kinh này. Có lẽ đây cũng chính là lý do tại sao nguồn tư liệu Bắc truyền ‘*Kinh A-hàm*’ chỉ có 4 bộ: “*Trường A-hàm*” (長阿含), “*Trung A-hàm*” (中阿含), “*Tạp A-hàm*” (雜阿含), “*Tăng nhất A-hàm*” (增壹阿含), mà không xếp phần “*Bốn Sanh*”, “*Bốn Sự*” vào *Kinh A-hàm*, thành 5 bộ A-hàm như Nam truyền. Như vậy, 4 (hay 5) bộ Nikāya mà Hòa thượng dịch là tư tưởng căn bản của Phật giáo Nam truyền mà Thượng tọa bộ gọi là *Kinh điển Nguyên thủy*, là lời Đức Phật giảng dạy. Riêng phần *Luận tạng*, Hòa thượng chỉ dịch “*Thăng pháp tập yếu luận*” (*Abhidhammatthasangaha*), là tác phẩm với nội dung chuyên phân tích mối quan hệ giữa sắc pháp và tâm pháp, làm rõ lộ trình hình thành và chấm dứt của các phiền não. Nội dung tác phẩm này nhằm tổng hợp, phân tích và làm rõ lộ trình tu tập đã được Đức Phật giảng dạy trong năm bộ Nikāya.

Đồng thời, đứng trước thế kỷ văn minh vật chất, xã hội quay cuồng trong hưởng thụ dục vọng và có khuynh hướng phủ nhận đời sống tương lai, xem thường luật nhân quả, nên Hòa thượng đã khảo cứu tác phẩm “*Milindapañha and Na-hsien Bhikshu Sūtra - A comparative study*”, trong đó có một phần làm rõ sự tương tục giữa cuộc sống này và đời sống kế tiếp. Tỷ-kheo Na-tiên ví sự tương tục ấy như ngọn lửa của bó đuốc, khi sắp hết nhiên liệu, nó lại được kết nối sang một bó đuốc khác. Những bó đuốc tuy có sinh diệt khác nhau, nhưng ngọn lửa vẫn tương tục, không chấm dứt. Cũng vậy, với mạng người cũng thế, thân tứ đại này đến trăm tuổi sẽ tan rã, nhưng tâm thiện ác một khi đã tạo nhân ắt hẳn phải thọ quả, nhân quả đó sẽ nối nhau tồn tại, tiếp diễn từ đời này đến đời khác. Có thể nói, đây là vấn đề tranh cãi giữa Phật giáo với ngoại đạo, giữa bộ phái này với bộ phái khác trong Phật giáo, nhất là xã hội của thế hệ trẻ, không tin nhân quả, tội phước. Có lẽ đây chính là lý do Hòa thượng muốn mượn ý tứ của Na-tiên Tỷ-kheo để gợi ý cho thế hệ trẻ rằng cần suy nghĩ lại

cách tư duy của mình nhằm thay đổi cách sống không lành mạnh trong đời hiện tại và xây dựng một đời sống tốt đẹp ở tương lai.

Cuối cùng, có hai tác phẩm rất quan trọng không thể không đề cập là “*Huyền Trang, nhà chiêm bái và học giả*” (*Hsuan T'sang, the Pilgrim and Scholar*), và “*Pháp Hiển, nhà chiêm bái khiêm tốn*” (*Fa Hsien, the Unassuming Pilgrim*). Có thể nói, đây là hai tác phẩm mà Hòa thượng muốn gửi một thông điệp cho những nhà lãnh đạo Phật giáo Việt Nam. Ngài muốn Phật giáo Việt Nam phát triển bằng cách lấy chính sách giáo dục làm đầu, xem việc du học của Tăng Ni sinh như là nền tảng để xây dựng cho sự phát triển Phật pháp trong lòng dân tộc. Đồng thời, Ngài muốn nhắc nhở rằng Tăng Ni sinh cần phải nỗ lực học tập Phật pháp, noi gương tinh thần cầu học như Ngài Pháp Hiển và Huyền Trang. Để được vậy, Tăng Ni sinh cần phải tìm đường du học, thu thập kiến thức Phật học, học tập cách sưu tập, tìm tòi tư liệu như Huyền Trang để làm hành trang cho việc nghiên cứu của mình, đồng thời cung cấp tư liệu cho người nghiên cứu Phật học trong nước. Thiết nghĩ đây chính là động cơ Ngài viết hai tác phẩm này. Chúng ta là người xuất gia, là trưởng tử Như Lai, phải xem sự tồn vong của Phật pháp là trách nhiệm của mình, thế thì sự gọi ý của Ngài đáng để chúng ta suy gẫm.

Những tác phẩm còn lại của Hòa thượng có lẽ xuất hiện trong nhiều yếu tố nhân duyên khác nhau, trong ấy có một vài điểm cần thảo luận để làm rõ tác phẩm nào do Hòa thượng viết và tác phẩm nào do thư ký chấp bút.

Qua những tác phẩm nghiên cứu và dịch thuật của cố Hòa thượng, chúng ta thấy:

1- Hòa thượng là một nhà nghiên cứu chuyên môn, một nhà giáo dục chân chính, là biểu tượng mẫu mực cho hậu thế noi gương;

2- Nếu như Phật giáo Trung Quốc tự hào Huyền Trang là Tam tạng pháp sư, có công dịch các bộ luận của Hữu bộ, thì Phật giáo Việt Nam nên tự hào Hòa thượng Minh Châu là vị có công phiên dịch năm bộ Nikāya từ cổ ngữ Pāli sang tiếng Việt và giới thiệu tư tưởng Tạng kinh này cho Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam biết về Phật giáo Nguyên thủy;

3- Hòa thượng Minh Châu là vị có công trong việc hình thành các cơ sở học thuật Phật giáo gồm các lãnh vực như giáo dục, nghiên cứu và phiên dịch kinh điển cho Phật giáo Việt Nam.

HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU
MỘT NHÂN CÁCH LỚN, MỘT BIỂU TƯỢNG
CAO QUÝ TRONG SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM

TT. Thích Huệ Thông
(UV HĐTS GHPGVN, Trưởng BTS GHPG tỉnh Bình Dương)

Không khí ấm cúng và tràn đầy tình yêu thương của mùa Vu lan PL.2556 bỗng chùng xuống khi những người con Phật trong ngôi nhà GHPGVN nhận được tin buồn Hòa thượng Thích Minh Châu vừa viên tịch. Như vậy, bậc trưởng lão vô cùng tôn kính của nền giáo dục Phật giáo Việt Nam với gương mặt phúc hậu, với ánh mắt trí tuệ, tràn đầy lòng từ bi và nụ cười luôn hoan hỷ ngày nào, nay đã thực sự rời xa chúng ta vĩnh viễn ... Trong chuỗi ngày qua, do Phật sự đa đoan, từ công việc Giáo hội cho đến những bổn phận phải thừa đương trong mùa an cư kiết hạ, tất cả đã khiến tâm tư chúng tôi dường như vô cảm với ngoại cảnh xung quanh. Vậy mà khi nhận được hung tin này, tâm hồn tôi bỗng trở nên hệt hẫng, một cảm giác mất mát to lớn ủa về. Điều này càng chứng tỏ: Nhân cách, sự nghiệp giáo dục và công đức của Hòa thượng Thích Minh Châu mãi mãi chiếm một vị trí vô cùng quan trọng trong tâm hồn bao thế hệ Tăng Ni Phật tử, mà tâm trạng hiện thời nơi bản thân tôi là một điển hình. Đối với cá nhân tôi, Ngài thực sự là một nhân cách lớn trong

ngôi nhà Phật giáo Việt Nam, Ngài đích thực là biểu tượng cao quý của nền giáo dục Phật giáo Việt Nam trong thời hiện đại.

Nói đến hành trạng và công đức của một bậc cao tăng thạch đức, với một quá trình trên nửa thế kỷ không ngừng cống hiến cho sự nghiệp giáo dục đào tạo của Phật giáo nước nhà, một bậc tôn túc đã dày công góp phần to lớn cho sự nghiệp thống nhất và phát triển Giáo hội để Phật giáo Việt Nam có được thời cực thịnh như ngày hôm nay, một tấm gương hoàng pháp lợi sanh không hề mệt mỏi cho đến hơi thở cuối cùng như Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, thì trong giới hạn một vài trang giấy khó có thể nói hết. Do vậy, xuất phát từ tâm tư tình cảm thiêng liêng trong đạo pháp và nhất là với tư cách bản thân một thời từng là học tăng đã được Ngài trực tiếp chỉ dạy, chúng tôi chỉ mạo muội đôi dòng cảm niệm, như một lời tri ân sâu sắc trước những công lao to lớn mà Ngài đã cống hiến cho nền giáo dục Phật giáo nước nhà.

Nói đến Hòa thượng Thích Minh Châu, trước tiên chúng ta phải nói đến lòng yêu nước nồng nàn của một trí thức Phật giáo. Thông qua tiểu sử, được biết, Hòa thượng sinh ra và lớn lên trong gia đình Nho gia vọng tộc. Năm 1940, dù được bổ nhiệm làm Thư ký Tòa Khâm sứ tỉnh Thừa Thiên sau khi đỗ tú tài tại trường Quốc Học, Huế, nhưng trong quá trình làm việc, hàng ngày phải chứng kiến cảnh bóc lột, bất công của chế độ phong kiến thực dân, Ngài đã xin nghỉ việc và tham gia các phong trào thanh niên Phật giáo. Như vậy ngay từ thời trai trẻ, Hòa thượng đã sớm đặt lợi ích dân tộc lên trên lợi ích cá nhân. Vào năm 1957, khi hay tin Bác Hồ sang thăm chính thức Ấn Độ, từ Trường Đại học Bihar, ngay trong đêm, Hòa thượng đã vượt hơn 1.000 cây số, đến thủ đô New Delhi để gặp Bác. Điều này càng chứng tỏ, Hòa thượng là một trí thức Phật giáo có tầm nhìn xa rộng, luôn mang trong lòng hoài bão phụng sự quê hương, dù hoàn cảnh lúc bấy giờ Ngài chỉ là một học tăng nơi đất khách. Có thể nói rằng, từ truyền thống đạo đức và tinh thần dân tộc ăn sâu vào tâm khảm của Ngài, Hòa thượng đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa yêu nước vào các hoạt động Phật sự, nhất là thời kỳ sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất. Trước những khó khăn sau chiến tranh, Ngài đã cùng chư tôn đức đứng ra thành lập Ban Vận động Thống nhất Phật giáo, làm tiền đề cho sự ra đời của GHPGVN vào năm 1981 và là nền tảng cho sự nghiệp phát triển rực rỡ của GHPGVN ngày nay.

Nhắc đến Hòa thượng Thích Minh Châu, giới học Phật trong và ngoài nước đều liên tưởng đến ngay một trí thức uyên thâm Phật học, một nhà tổ chức, điều hành và giáo dục lỗi lạc, một nhà phiên dịch lớn của Phật giáo nước nhà. Từ nhân cách, giới đức và kiến thức Phật học uyên bác, Ngài trở thành một danh tăng của Phật giáo Việt Nam được thế giới trọng vọng kính ngưỡng. Ngài hiển nhiên trở thành nhịp cầu nối quan trọng giữa Phật giáo Việt

Nam và Phật giáo các nước trên thế giới.

Để tưởng nhớ công đức to lớn của Hòa thượng đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo Tăng tài, với ý nghĩa tôn vinh một nhân cách lớn, một tâm hồn giải thoát, vị tha, vô ngã, lời tưởng niệm của HĐTS GHPGVN dành cho Hòa thượng: *“Nào ai biết được trời không ấy, một bậc chân nhân hiện giữa trời”* quả là không ngoa lắm, bởi điều này đã toát lên toàn bộ sự kính ngưỡng vô biên của các bậc giáo phẩm trong Giáo hội và tình cảm hết sức đặc biệt của các thế hệ Tăng Ni, Phật tử khi hướng về Ngài. Thật vậy, cuộc đời của Hòa thượng như bầu trời trải rộng khắp không gian Phật pháp, bởi Ngài không hề có phân biệt giữa hệ phái Nam tông với Bắc tông, giữa Đại thừa với Tiểu thừa. Ngược lại, hiển hiện trong các trang kinh sống động tràn đầy Phật chất mà Hòa thượng đã dày công phiên dịch, nhất là trong ánh mắt từ bi, trong nụ cười hoan hỷ, Hòa thượng đã thật sự mang đến cho mọi người một tinh thần đoàn kết hòa hợp, ở đó tròn đầy sự dung thông và an lạc. Sinh thời Ngài thường dạy Phật tử và nhất là các thế hệ Tăng sinh từng là học trò của Ngài rằng: *“Học Phật, trước hết là học làm người”*. Chữ *“người”* ở đây ý Ngài muốn nói đến nhân cách đích thực của một con người. Và gần nửa thế kỷ trôi qua, các thế hệ Tăng, Ni, Phật tử và ngay cả những sinh viên không phải Phật tử cũng đã được thụ hưởng tinh thần *“học làm người”* rất thực tế nhưng vô cùng sâu sắc của Hòa thượng.

Đối với hàng Tăng sinh trẻ như chúng tôi cách đây mấy mươi năm, chúng tôi suy nghĩ rất đơn giản là đi học để thu nạp kiến thức Phật học, cao hơn nữa là lấy đó làm phương tiện tu hành. Nhưng đối với Hòa thượng, mục đích xuất dương du học của Ngài là để chấn hưng Phật pháp. Đây chính là sự khác biệt trong nếp nghĩ, trong tư tưởng, cũng như tâm nguyện hoài bão vì lợi ích tha nhân của một nhân cách lớn.

Vào những năm 1989, bản thân tôi may mắn được làm Tăng sinh trưởng Cao cấp Phật học, dù là một học tăng ở một vùng quê hẻo lánh của tỉnh Sông Bé (nay là Bình Dương) nhưng lại có niềm phúc được làm một học trò qua sự giáo dục trực tiếp của Hòa thượng. Ngày xưa khi còn là một Tăng sinh trẻ, tôi chỉ được nghe nhắc đến Hòa thượng là một bậc tôn túc trang nghiêm đạo hạnh, hoặc chỉ được đọc qua các tác phẩm của Hòa thượng phiên dịch và trước tác. Nhưng đến khi vào học cao cấp Phật học, tôi mới được tiếp xúc gần gũi với Ngài. Quả thực Hòa thượng có một cuộc sống hoan hỷ, gần gũi vô cùng. Nơi Ngài luôn toát lên sự bao dung độ lượng trong mỗi thời giảng bài. Dù học tăng có hiểu hay chưa hiểu, Ngài cũng đều giảng đi giảng lại kỹ càng. Với cử chỉ hiền từ, Ngài luôn ân cần chỉ dạy cho tất cả học viên thật sự thông hiểu từng đoạn kinh văn. Trong mỗi tiết học do Ngài phụ trách, Ngài luôn bắt học tăng phải tọa thiền. Ngài tận tâm uốn nắn cho học

tăng từng tư thế ngồi, cách chú tâm vào từng hơi thở ... Điều này đã nói lên rằng, Ngài không chỉ là một bậc giáo thọ, một giảng sư, một nhà phiên dịch, mà Ngài đích thực là một nhà giáo dục lớn, tràn đầy tâm huyết độ sanh. Thật ra Ngài đã dạy hàng hậu học chúng tôi bằng cả thân giáo, trí tuệ và đạo hạnh, chứ không đơn thuần là chỉ truyền thừa kiến thức Phật học.

Hơn 60 năm phục vụ đạo pháp và dân tộc, Hòa thượng đã đào tạo nên nhiều thế hệ Tăng Ni, Phật tử tài đức. Tất cả đều trở nên người hữu dụng cho đạo pháp và dân tộc, trong đó có không ít vị giáo phẩm hiện vẫn đang phục vụ trong các cấp Giáo hội từ trung ương đến địa phương. Hòa thượng chính là hình ảnh giải thoát vô ngại, là lẽ sống cho Tăng, Ni, Phật tử noi gương học tập. Trải qua trên 60 năm hoạt động Phật sự, qua các thời kỳ lịch sử và xã hội khác nhau, Hòa thượng luôn khiêm tốn tự nhận mình chỉ là một Tỳ-kheo “cả đời chỉ biết làm công tác giáo dục”. Thật ra bên cạnh những cống hiến trong sự nghiệp giáo dục, Ngài còn là một trong những bậc tôn túc lãnh đạo cao cấp của Giáo hội, đã có những quyết sách, những chiến lược phát triển lâu dài và bền vững, tích cực tham gia hoạch định các chương trình hoạt động Phật sự mang tầm vóc quốc gia và quốc tế, hết lòng vì sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trên phương châm và định hướng “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Trong hơn 30 năm hình thành và phát triển của GHPGVN, Hòa thượng đã có nhiều công lao đóng góp vào sự nghiệp phát triển bền vững của Giáo hội, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, luôn khích lệ, động viên Tăng, Ni, Phật tử trong các phong trào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ... Dù lịch sử có trải qua bao biến cố thăng trầm, nhưng thời kỳ nào Hòa thượng vẫn luôn là tấm gương ngời sáng, tận tâm phụng sự Đạo pháp và Dân tộc.

Tinh thần hy sinh vị tha vô ngã của Ngài đã để lại tinh cảm đặc biệt trong lòng bao thế hệ Tăng, Ni, Phật tử. Do vậy, việc bày tỏ cảm xúc trước sự kiện Hòa thượng xả bỏ báo thân về miền Cực lạc, thực sự là dịp để tất cả chúng ta nhìn lại nhân cách, phẩm hạnh, giới đức, tâm huyết độ sanh, và nhất là những thành quả to lớn trong sự nghiệp giáo dục Phật giáo mà Ngài đã để lại. Chúng tôi cảm nhận sâu sắc rằng, Ngài chính là cầu nối hiệu quả giữa Chánh pháp Như Lai với đời sống cộng đồng Tăng Ni, Phật tử. Tâm hồn và trí đức nơi Ngài cũng chính là không gian lớn hòa quyện giữa văn hóa giáo dục Phật giáo với văn hóa cộng đồng xã hội. Quả thật Ngài là một nhân cách lớn, một biểu tượng cao quý của sự nghiệp giáo dục Phật giáo nước nhà trong thời đại ngày nay.

Thuận theo lý vô thường, hữu sinh tức hữu diệt, nay mãn nguyện Ta-bà, Hòa thượng đã an nhiên trở về cõi Niết-bàn. Dầu biết đời là vô thường, nhưng sự ra đi của Hòa thượng quả thật là sự mất mát vô cùng to lớn cho Giáo hội, để lại sự trống vắng hụt hẫng và buồn ngùi thương tiếc của toàn thể Phật giáo đồ. Song, hành trạng, công đức và đạo hạnh của

Hòa thượng vẫn luôn sống mãi trong tâm tư, ký ức của bao thế hệ Tăng Ni, Phật tử qua sự nghiệp giáo dục đồ sộ và công đức cao thâm của Ngài. Trang sử huy hoàng của Phật giáo Việt Nam nay lại được điểm thêm một mốc son vàng chói lọi.

Đứng trước án linh tiên, chúng tôi - chư Tăng Ni trong Ban Thường trực Tỉnh hội Phật giáo Bình Dương - thấp nén tâm hương mà lòng không tìm được nước mắt khi phải vĩnh viễn xa người thầy khả kính. Một cảm giác khó tả trong tôi khi cầm bút thay mặt đoàn viết vào sổ tang lưu niệm. Tôi biết viết gì đây? Một nhân cách quá lớn, một lòng vị tha vô biên của một hạnh nguyện như Hòa thượng mà tôi thì quá bé nhỏ. Ngôn ngữ để diễn đạt ư? Không! Ngôn ngữ thế gian thì quá ít ỏi và giới hạn, còn công đức của Hòa thượng thì lớn lao vô tận. Làm sao đem cái hữu hạn để so sánh với cái vô hạn? Niềm xúc động sao cứ trào dâng đến nỗi run cả đôi tay đã làm tôi không đủ lực để viết lời cảm tưởng. Tôi chỉ viết: "... Những người học trò của Thầy đã thật sự vĩnh viễn mất Thầy. Vĩnh biệt người Thầy khả kính! ...". Tôi không cầu nguyện Hòa thượng cao đăng Phật quốc, vì cuộc đời của Ngài là hạnh nguyện của Bồ-tát hóa thân. Đối với Ngài, Ta-bà là Tịnh độ.

Nhân dịp được thổ lộ nỗi niềm của một học trò đã từng thọ ân giáo dưỡng và với tư cách đại diện BTS GHPG tỉnh Bình Dương, chúng con xin đốt nén tâm hương kính dâng lên cúng dường Giác linh Hòa thượng. Ngưỡng nguyện Giác linh Hòa thượng luôn gia hộ chúng con đầy đủ nghị lực, đầy đủ sức gia trì, hòa hợp đoàn kết một lòng để thừa đương Phật sự và phát huy sự nghiệp đạo pháp mà Hòa thượng đã dày công gây dựng.

MỘT TẤM GƯƠNG BỒ-TÁT HẠNH

Hậu bởi HT.Thích Toàn Châu

Cố Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu là một tấm gương Bồ-tát hạnh mà bao Chàng trí thức học giả từ thế học đến Phật học đều kính mến. Chúng ta nhìn Ngài qua toàn thể nhân duyên và sự nghiệp từ đời sống thật của Ngài mới có thể thấy được phần nào tinh thần của Ngài. Tư liệu về sự nghiệp và cuộc đời Ngài cho ta một cái nhìn xuyên suốt và trong sáng.

Nhân duyên về sự nghiệp gia tộc và học vấn khoa bảng thế gian của Ngài, nói theo lý duyên sanh của Phật giáo, thì đó là quả lành của nhân đời quá khứ. Dù vậy, đó vẫn chưa phải là nhân duyên đặc biệt. Nhân duyên đặc biệt là nhân duyên đầu sư nhập đạo, nhân duyên kết thành thiện tri thức trong tiến trình tu học và hoằng pháp của Ngài.

Ngài đã đủ duyên đầu sư nhập đạo với một Đại sư thực đức trong truyền thống Thánh giáo tại cố đô Huế - cái nôi của Phật giáo Việt Nam từ xưa. Bỏn sư của Ngài là một danh Tăng tài đức nổi bật tại Huế, đó là Đức Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết; về sau khi GHPGVNTN được thành lập, Đức Đại lão Hòa thượng được suy tôn lên ngôi Đệ nhất Tăng thống của Giáo hội. Từ ban sơ đầu sư nhập đạo và được hầu cận một bậc Đại sư như thế, thì đây không phải là nhân duyên thường tình.

Tuy nhiên, theo Phật giáo, bao nhiêu nhân duyên quý giá đó vẫn chỉ là cái sơ duyên, chứ chưa

phải là thân duyên. Cái thân duyên là chính ta phát tâm Bồ-đề với thiện căn ý chí của mình.

Từ sự hội đủ cả thân duyên và sơ duyên đó, với sự du học thành đạt rạng rỡ, đủ để đưa ý chí tinh thần phụng sự Phật pháp và hạnh nguyện lợi sanh, Ngài Thích Minh Châu vững tiến trước mọi chướng duyên mà thành đạt như đã thấy. Qua sự nghiệp hoàng dương Phật pháp cũng thế, chúng ta không thể đứng về một khía cạnh nào để đánh giá con người Hòa thượng.

Trong suốt 4 năm (1971 - 1974) khi Ngài giảng dạy cho Tăng sinh Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm những bộ môn như *Trường Bộ kinh*, *Trung Bộ kinh*, *Pāli* (sách do Ngài soạn), và phụ thêm những buổi giảng về Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền, chúng tôi thấy Ngài thường nhấn mạnh đến đời sống Phạm hạnh mà mỗi một vị xuất gia cần phải có để giải thoát cho tự thân và lợi lạc cho quần sanh theo gương Đức Phật, chứ không phải đặt nặng ý niệm Đại thừa hay Tiểu thừa. Ngài còn nhấn mạnh: “Chúng tôi đào tạo quý vị không phải để làm trú trì một ngôi chùa, mà để hoàng dương Phật pháp”.

Đương thời, lúc giảng dạy cũng như lúc viết sách, Ngài Minh Châu cũng thường nhấn mạnh ý của Đức Phật trong các kinh rằng: “Đạo Phật là đến để mà thấy”. “*Thấy*” ở đây là thấy bằng trí giác nhờ sống đời sống LY DỤC THANH TỊNH. Và Ngài cũng nói rõ: “Đạo Phật không dạy ai hay bắt buộc ai đến để mà tin”. Chữ “*đến*” ở đây là đến với đạo Phật.

Đời sống Ngài Thích Minh Châu đã biểu thị một tinh thần lợi tha của Bồ-tát đạo. Suốt cuộc đời Ngài quyết hoàng dương Phật pháp và lo cho Phật pháp. Mà lo cho Phật pháp chính là lo cho tòa nhà an lạc của thế giới chúng sanh.

Đẹp hơn hết, nụ cười của Ngài luôn thể hiện một tinh thần thanh thản, không vương mắc, đó là tinh thần Bồ-tát có trong đời sống Ngài. Dù đầu óc của Ngài đã cho chúng ta thấy là đầu óc một nhà bác học, nhưng Ngài không có cái Ngã của nhà bác học. Dù Ngài đầy tài năng và chức vị, nhưng khi tiếp giao với mọi người, ta thấy, Ngài không có cái Ngã của tài năng, của chức vị. Ta chỉ thấy Ngài là một con người đạo đức, mô phạm và nhân cách đáng nể.

Nếu không có thiện căn, trí tuệ và hạnh nguyện lớn của Ngài Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, thì Việt Nam giờ đây vẫn không có ai dịch nổi những bản kinh trong hệ Pāli Nikāya thành những bản kinh tiếng Việt, bao gồm: *Trường Bộ kinh*, *Trung Bộ kinh*, *Tương Ưng Bộ kinh*, *Tăng Chi Bộ kinh*, *Tiểu Bộ kinh*, v.v...

Và chắc chắn rằng, từ đây về sau, dù ai đủ một đầu óc bác học như Ngài Minh Châu, thì cũng khó có đủ chí nguyện tâm lực để làm được việc đó. Tinh thần và trí óc của Ngài đã

làm việc quá sức chịu đựng, chưa kể việc của một vị Viện trưởng Đại học Phật giáo (Đại học Vạn Hạnh) với nhiều phân khoa, từ sự điều hành sắp xếp mời giảng viên xứng tầm, đúng chức năng, cho từng phân khoa, tức là phải lo vận hành một đại học có tầm cỡ cả trong nước và ngoài nước, mà tất cả đều “vạn sự khởi đầu nan”. Bên cạnh đó, còn bao áp lực nghịch thuận của ngoại duyên đưa tới...

Và bằng tri kiến giác ngộ, bằng tinh thần phụng sự Phật pháp và chúng sanh, Ngài Minh Châu đã kiến tạo ngôi Thiên viện Vạn Hạnh đứ ụ thể Phạm vũ giữa lòng đất Sài Gòn - Gia Định, mà nơi này 300 năm qua, chưa một vị Tăng nào nghĩ tới và dùng đạo hiệu của một vị danh tăng sáng chói của Phật giáo Việt Nam và của dân tộc Việt Nam, đó là Vạn Hạnh Thiền sư, một vị Đại danh tăng đã tạo thắng duyên cho sự mở đầu triều đại nhà Lý, một triều đại rạng rỡ của dân tộc Việt Nam.

Những công hạnh và sự hy sinh to lớn ấy của Ngài, tại sao ta không nhận ra và thương cảm? Tuôn dòng lệ để sám hối sự nông nổi của một hậu bối khi nhớ lại một bậc Thầy, một bậc Chơn sư khả kính đã khuất bóng!

Thành kính tưởng niệm Tôn sư, cố Trưởng lão Hòa thượng thượng MINH hạ CHÂU, một bậc tài trí thạc đức đã góp phần giữ vững tòa nhà Phật giáo Việt Nam, tiếp tục đốt ngọn đuốc Chánh pháp trước văn minh khoa học hiện đại.

Chúng con xin thành kính đánh lễ và không quên ân Ngài.

TIẾC THƯƠNG CỐ HÒA THƯỢNG

*Giáo sư Tiến sĩ **Trần Văn Khê***

Mặc dầu biết rằng Hòa thượng Minh Châu sức rất yếu, tuổi rất cao và bệnh nặng không còn sinh hoạt được như xưa, thì việc Thầy viên tịch là lẽ thường của sanh tử. Nhưng khi nghe tin Thầy từ nay đã vĩnh viễn ra đi, không còn có thể đến thăm Thầy tại Thiền viện Vạn Hạnh nữa, tôi cảm thấy nhói tim mà không cầm được giọt lệ.

Trong giây phút xúc động bồi hồi, tâm trí đưa tôi quay ngược dòng thời gian trở về thời quá khứ, lúc tôi mới bắt đầu gặp và biết đến Thầy năm 1965 tại Valras Plage (Pháp quốc). Tôi hết sức ngạc nhiên khi nghe báo tin Thầy Minh Châu - một vị cao tăng của nước Việt Nam đặc biệt đến gặp tôi tại Valras vì có việc rất cần, muốn tìm tôi để cùng thảo luận ...

Trong lúc đang bận rộn rất nhiều việc ở Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Pháp và Hội đồng Quốc tế Âm nhạc thuộc UNESCO, công việc lại không có liên quan đến những Phật sự Phật giáo, bản thân tôi cũng không phải là Phật tử, cho nên tôi không hiểu có việc gì quan trọng mà một vị Thầy lớn như Thầy Minh Châu lại tìm đến tận nước Pháp xa xôi này. Khi gặp mặt, Thầy Minh Châu cho tôi biết rằng Thầy sắp lập một viện Đại học Vạn Hạnh, mà trong đó Thầy định sẽ có một khoa về Việt Nam học (chuyên dạy về văn hóa Việt Nam) song song với việc giảng dạy Phật học cho hàng Tăng, Ni, Phật tử. Thầy muốn mời tôi về cộng tác với Thầy và đảm nhiệm việc giảng dạy âm nhạc truyền thống tại viện này.

Tôi rất cảm động khi nhớ lại hình ảnh Thầy Minh Châu không hề quản ngại gian khổ, lặn lội đường xa hàng ngàn cây số, bay từ Việt Nam sang Paris, rồi từ Paris phải đổi 2 lần xe lửa đến Valras Plage để tìm một người cộng sự mà Thầy nghĩ là đắc lực, ngõ lời mời tôi về dạy học tại Việt Nam. Tôi rất kính phục việc làm của Thầy Minh Châu, không những lo nghĩ cho việc giáo dục - đào tạo về Phật học mà còn lo nghĩ về vấn đề văn hóa dân tộc, muốn tinh thần dân tộc luôn luôn song hành cùng đạo pháp. Tuy nhiên, trong thời điểm đó, từ việc nghiên cứu âm nhạc đến việc giao dịch quốc tế trong lãnh vực âm nhạc của tôi đang tiến triển rất tốt, và một khi công việc của tôi được giới chuyên môn nhìn nhận, thì tôi sẽ có cơ hội để góp tiếng nói của mình giới thiệu âm nhạc dân tộc Việt Nam một cách hữu hiệu, đồng thời có thể góp phần làm cho thế giới hiểu được giá trị văn hóa Việt Nam. Thầy Minh Châu nghe vậy rất thông cảm với ý định của tôi.

Tuy vẫn tiếp tục ở bên Pháp, nhưng năm 1967, khi Nhà Xuất bản Labergerie muốn thực hiện một bách khoa từ điển về “Âm nhạc tôn giáo trên thế giới”, trong nước ta lại đang thời kỳ chiến tranh nên không có một chuyên gia nào đồng ý gởi một bài về âm nhạc tôn giáo tại Việt Nam, thì tôi được ban biên tập khẩn khoản yêu cầu tôi viết một bài về âm nhạc Phật giáo để Việt Nam có thể góp mặt với các quốc gia khác trong từ điển. Ngoài sự giúp đỡ trực tiếp của hai Thầy Thích Nhất Hạnh và Thích Thiện Châu đang có mặt tại Paris, còn có sự giúp đỡ từ phía Việt Nam của Thầy Thích Minh Châu khi Thầy yêu cầu Ban Nghiên cứu Đại học Vạn Hạnh gởi cho tôi những tư liệu về nghi lễ Phật giáo.

Đến năm 1974, khi có dịp ghé lại đất nước Việt Nam trong lúc đi dự hội nghị bên Úc châu, tôi đã được Thầy Minh Châu mời thuyết trình về “Âm nhạc truyền thống dân tộc Việt Nam” tại Đại học Vạn Hạnh, cùng với sự tham dự của các vị tu sĩ, nhân sĩ trí thức và báo giới Sài Gòn lúc bấy giờ. Lần đó, tôi được đích thân Thầy Minh Châu trao tặng món quà kỷ niệm và mời tôi cùng uống trà đàm đạo sau buổi diễn thuyết.

Trong câu chuyện trà đàm với Thầy Minh Châu, tôi mới bắt đầu biết thêm về quá trình tu tập của Thầy, từ lúc Thầy sang Ấn Độ du học và đồ bằng tiến sĩ Phật học về Kinh tạng Pāli, cùng ý định của Thầy phiên dịch từ tiếng Pāli sang tiếng Việt những bộ Kinh tạng Phật giáo có giá trị cao.

Trong những lần đi dự hội nghị quốc tế về Phật học, có lẽ Thầy thường nhắc tới tôi như một người bạn thân nên khi sang Mông Cổ với tư cách Trưởng đoàn Hội đồng Quốc tế Âm nhạc, sau khi tiếp tôi thì Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học tại Ulan Bator có nhờ tôi chuyển giao tới Thầy Minh Châu lời thăm hỏi nồng hậu mà nói rằng: *“Tôi biết rằng Giáo sư là một người bạn thân của Hòa thượng Thích Minh Châu nên tôi nhờ Giáo sư chuyển lời hỏi thăm của tôi đến Hòa thượng”*.

Sau khi nước nhà thống nhất, mỗi năm tôi đi diên dã về nước đều có đến thăm Thầy Minh Châu để nói qua kết quả tôi đã thu thập được trong mỗi việc làm của mình. Thầy Minh Châu rất quan tâm. Đến khi tôi ngỏ ý muốn dựng lại một nghi lễ cúng Ngọ đúng theo phong cách Phật giáo miền Trung thì Thầy Minh Châu sẵn sàng liên hệ một dàn nhạc biết biểu diễn Đại nhạc, Tiểu nhạc theo phong cách cung đình Huế và đích thân Thầy Minh Châu chủ lễ. Thầy đã phái Thầy Tịnh Quang giải thích cho tôi tường tận mỗi bài tán, bài tụng được dùng trong nghi lễ và tôi được phép ghi âm, ghi hình tất cả thời cúng Ngọ. Nhờ vậy mà tôi hiểu rõ chi tiết nội dung và ý nghĩa của thời cúng. Sau buổi làm việc, tôi được mời thọ trai với Thầy Minh Châu tại thiền viện Vạn Hạnh. Thầy Tịnh Quang tiếp tôi đến chiều để trả lời cho tôi về những điều tôi muốn biết trong nghi lễ Phật giáo.

Đến năm 1997, trong khóa đào tạo Tăng Ni sinh khóa IV của Học viện Vạn Hạnh, với sự đề nghị của Ni sư Thích nữ Trí Hải, Thầy Minh Châu tổ chức một buổi giảng đặc biệt của tôi về “Những nét đặc thù trong cách tán tụng theo nghi lễ Phật giáo miền Trung” cho tất cả Tăng Ni trong đại học cùng tham gia. Có rất nhiều chư Tăng Ni, khách mời từ các chùa khác tới. Chính Thầy Minh Châu chủ trì buổi giảng và giới thiệu tôi một cách rất nồng hậu.

Khi Hòa thượng Thích Thiện Siêu đến dưỡng bệnh tại Vạn Hạnh, tôi xin phép Thầy Minh Châu được vào hậu liêu để gặp Hòa thượng thì Thầy Minh Châu cùng đi theo tôi để nói chuyện với Thầy Thiện Siêu. Cử chỉ của Thầy làm cho tôi rất xúc động vì mỗi khi tôi có dịp đến Thiền viện, Thầy không bỏ qua một cơ hội nào để gặp tôi.

Khi Hòa thượng Thích Thiện Châu viên tịch, có một buổi lễ truy niệm Hòa thượng được tổ chức tại Học viện Vạn Hạnh. Tôi có đến dự nhưng lúc đó tôi từ Pháp về nên đến chùa mà vẫn mặc Âu phục. Trong chánh điện có bàn thờ để chính giữa với di ảnh của Thầy Thiện Châu. Bên mặt, chư Hòa thượng đều vận y phục chỉnh tề. Phía bên trái, mấy hàng ghế dành cho đại diện chánh quyền và quan khách mặc Âu phục. Khi dự lễ, tôi ngồi vào hàng ghế dành cho những người khách mặc Âu phục, thì Thầy Minh Châu liền cử một vị thị giả đến mời tôi sang bên hàng ghế dành cho chư Tăng để ngồi kế bên Thầy. Tôi hơi ngại vì mình không phải là một tu sĩ Phật giáo, cũng không mặc y phục theo nghi lễ như quý Thầy, nhưng Thầy Minh Châu đã nói rằng: *“Cái áo không quan trọng. Giáo sư là bạn thân của Thầy Thiện Châu, lại là bạn thân của tôi, nên chỗ ngồi của Giáo sư phải là ở bên cạnh tôi”*. Tôi vô cùng xúc động vì nhận thấy Hòa thượng Minh Châu đối xử với tôi hết sức đặc biệt và nồng hậu ...

Và gần đây nhất, vào ngày 20.10.2011, tại Thiền viện Vạn Hạnh, nhân dịp khánh tuế lần thứ 94 của Hòa thượng Thích Minh Châu, tôi được mời tham dự buổi chiếu ra mắt bộ phim *“Sen Vàng ngát hương”* nói về cuộc đời của Thầy. Nhưng không ngờ rằng, lần đến Vạn Hạnh

năm ngoái là lần mà Thầy và tôi không gặp nhau, do sức khỏe quá kém. Và đến nay thì vĩnh viễn không còn gặp nữa ...

Hôm nay nhớ lại những sự kiện đã qua, tôi không chỉ tiếc thương một vị cao tăng có đóng góp rất lớn cho Phật giáo Việt Nam, cho dân tộc Việt Nam, mà còn nhớ thương một người bạn tuy không thường gặp nhau nhưng luôn quý trọng và hiểu nhau như những người tri âm tri kỷ.

Kính bái biệt

Bình Thạnh, đêm mưa tháng Bảy Vu lan năm Nhâm Thìn 01-9-2012



KHOẢNH KHẮC ...” VIÊN THÀNH” CỦA NHÀ PHIÊN DỊCH KINH TẠNG PĀLI

Khải Thiên

Tin Sư Ông ra-đi-vê cõi bất sinh đã dệt nên những cơn bão hội, xúc động. Biết nói cái gì, và sẽ nói cái gì về một vầng ánh sáng chói lọi vừa lịm tắt? Càng cố nói về cái “rạng rỡ” thì càng trở nên vụng về! Nhưng vượt lên trên tất cả và vẫn còn hiện hữu nơi đây là tấm lòng tri ân sâu sắc đối với công trình dịch thuật Kinh tạng của Người. Lòng tri ân sâu thẳm đó vẫn âm ỉ trong tâm thức của những người từng có cơ duyên được học hỏi “triết lý giác ngộ”- một thứ triết lý *nguyên thủy* hàm chứa những kinh nghiệm chứng ngộ *rất người* của Đức Thế Tôn.

Công trình của sự nhẫn nại ...

... Đọc kinh Nikāya rất khó, dĩ nhiên, dịch kinh Nikāya lại càng khó hơn vạn lần. Cái khó ở đây không nằm ở khía cạnh văn học mà, theo lời Sư Ông kể, nó nằm ở sự nhẫn nại suy tư! Có lẽ, ngoại trừ những nhà phiên dịch cũng như những người chuyên tâm cầu đạo, không mấy ai có đủ kiên nhẫn để đọc cho hết một bản kinh từ đầu đến cuối mà không lướt qua những đoạn kinh khô khan, lặp đi, lặp lại. Nhưng đôi khi chính những đoạn ấy cứu mang những câu, chữ rất tinh tế.

Phiên dịch Kinh tạng Pāli ở thời kỳ đầu tiên khi mà thuật ngữ Phật học bằng tiếng Việt còn

rất khiêm tốn quả là một thách thức cho người dịch. Hầu hết các từ, ngữ của bản dịch phải vận dụng khá nhiều thuật ngữ *Hán-Việt-Việt hóa*, một hình thức ngôn ngữ vốn đã thấm sâu vào đời sống tâm linh của Phật tử Việt Nam.

Trong quá trình phiên dịch, Sư Ông phải bỏ rất nhiều công sức để đối chiếu, so sánh các bản kinh trong nhiều ngôn ngữ khác nhau, đặc biệt là Hán tạng, nhằm tìm ra những thuật ngữ Phật học mới mẻ, trong sáng. Phải nói rằng sự uyên thâm Nho học (chữ Hán) và Tây học (tiếng Anh và tiếng Pháp) cùng với sự sáng tạo cá nhân là những yếu tố quan trọng góp phần tạo nên một *phong cách ngôn ngữ* đặc thù của tạng kinh Nikāya bằng tiếng Việt.

Dấu ấn đọng lại trong tạng kinh Nikāya bằng tiếng Việt này là những triết lý giản dị, trong sáng bên cạnh một hệ thống *từ ngữ Phật học hiện đại* (của những thập niên 70). Đây là những từ ngữ chuyên môn có những tương ứng về ý nghĩa cũng như những liên hệ về tư tưởng trong lịch sử Phật giáo, từ Nguyên thủy đến Phát triển.

Gần năm mươi năm rồi, các từ ngữ Phật học được dùng trong các bản kinh dịch này vẫn đóng vai trò nền tảng cho việc cắt nghĩa, giải thích, và phân tích tư tưởng Phật học.

Khoảnh khắc “viên thành”...

Mười năm trước bảy lăm (1975) là thời kỳ vàng son của Đại học Vạn Hạnh. Đây là khoảng thời gian hình thành, phát triển và rồi ... chuyển sang một trang sử mới. Đây cũng là thời gian bận rộn vô cùng của Sư Ông viện trưởng. Nhưng cũng chính trong thời gian này, Sư Ông đã hoàn thành các bản dịch kinh tạng Pāli.

Sư Ông kể rằng, Người đã bắt tay vào phiên dịch trong thời điểm “tất bật” với nhiều công việc ngổn ngang của Đại học Vạn Hạnh. Và vì vậy, sau mỗi thời hành thiền, từ bốn giờ sáng đến sáu giờ sáng là thời điểm Sư Ông ngồi vào bàn phiên dịch. Sư Ông đã dành trọn cả lòng thành, hoài bão, và niềm mong ước... cho từng câu, từng chữ của các bản kinh dịch hoàn toàn mới lạ với độc giả người Việt.

Từ bốn giờ sáng đến sáu giờ sáng cứ mỗi ngày như thế, mỗi tháng như thế, mỗi năm và nhiều năm như thế... đã tạo nên khoảnh khắc viên thành của nhà phiên dịch Kinh tạng Pāli. Hẳn Người phải có một ý chí và nguyện ước phi thường mới có thể triển miên cả hàng chục năm trời để hoàn thành các bản dịch vĩ đại.

Bóng dáng thể hệ...

Hai mươi năm sau, khi các bản kinh đã được xuất bản và in ấn nhiều lần nhưng Sư Ông vẫn cặm cụi đọc tới, đọc lui, sửa chữa và ghi chú ngay trên từng bản kinh mới in với tất cả

sự cần mẫn. Sư Ông làm như thể là Người mới đọc bản kinh lần đầu. Phong thái của một học giả đức hạnh dường như lúc nào cũng có mặt cùng với Sư Ông. Phong thái ấy quả thực đã truyền một loại cảm hứng - khát khao đạo lý và tri thức - cho bất kỳ ai có duyên hội ngộ.

Hình ảnh một Sư cụ với gương mặt hồng hào tràn đầy vẻ từ ái, cùng với đôi chân mày trắng đẹp như tiên ông, cầm trên tay chiếc kính lúp và chậm rãi soi rọi từng con chữ... và nhất là với một *thân hành rất an tịnh* của Người đã thật sự để lại một bóng dáng nghìn thu, thế hệ. Bóng dáng ấy đang đi vào huyền thoại.

Chúng con thành kính tưởng niệm và tri ân Sư Ông đã cho thế hệ của chúng con cơ hội được tiếp xúc với “triết lý giác ngộ” qua những lời dạy rất chân chất, rất nguyên sơ của Đức Thế Tôn.

Sinh tử nhàn nhi dĩ! Nguyện xin Sư Ông sớm trở lại cõi đời để hoàng hóa độ sinh.

Cúi đầu



BÓNG CỦA ĐẠI SƯ

Cao Huy Thuần

Với Hòa thượng Minh Châu, một Đại sư đã ra đi. Một Đại sư cỡ ấy, thế hệ chúng ta chỉ có vài vị. Vài vị, nhưng là những ngọn đuốc soi sáng đường đi cho cả một nửa thế kỷ. Hôm nay, ngọn đuốc gần như là cuối cùng ấy đã tắt. Đã tắt, để nói với chúng ta, như Phật đã nói khi nhập diệt: “Hãy tự thắp đuốc lên mà đi”.

Thế hệ chúng ta đang mở còi Đại sư, nhưng chính tình trạng mở còi đó giúp chúng ta trưởng thành. Đừng than khóc, Phật đã dạy khi nhập diệt. Hãy sống như Đại sư đã sống, hãy nói như Đại sư đã nói, hãy làm như Đại sư đã làm. Chúng ta mở còi Đại sư nhưng chúng ta không mở còi hình ảnh của Đại sư. Hãy thấy hình ảnh đó trước mắt để sống đẹp, nói đẹp, làm đẹp trên con đường đạo mà chúng ta dừng mãnh bước tới.

Hình ảnh đó, may thay, lúc nào cũng linh hoạt, sống động trong suốt cả nửa thế kỷ, trước đây cũng như bây giờ, khi ngọn đuốc không còn nữa. Đó là một hình ảnh đặc biệt, lạ lùng, mà không một Đại sư nào trên thế gian này có được: hình ảnh của Đức Phật Di Lặc. Ai thấy Hòa thượng Minh Châu, dù chỉ một lần, dù chỉ thoáng qua, cũng đều thốt ra một lời kinh ngạc, thán phục, kính mến: “Thầy giống như Đức Phật Di Lặc!”. Hòa thượng đã đến với thế gian này và để lại thế gian này, để lại cho chúng ta, hình ảnh từ bi, hạnh phúc của Đức Phật Đương Lai Hạ Sanh.

Vào đầu thế kỷ thứ V sau Tây lịch, nhà chiêm bái Pháp Hiển đã kể lại như sau trong ký sự hành hương nước Phật của ông: Phía Tây nam một ngọn núi cao cách thành Nagara nửa do-tuần, Đức Phật đã để lại cái bóng của Ngài trong một hang động. Đứng cách xa mười bước, người ta có thể trông thấy cái bóng giống hệt như Phật thật với thân sắc vàng chói. Khi đến gần hơn, cái bóng mờ dần. Các quốc vương ở nhiều nước đã phái những họa sĩ tài ba đến vẽ lại cái bóng đó nhưng không ai có thể ghi lại được. Pháp Hiển xác nhận cái bóng ấy vẫn còn được thấy lúc ông đi chiêm bái. Hai trăm năm sau, Huyền Trang cũng được trông thấy và ghi lại sự lạ. Bóng ấy được tôn thờ ở Nagarahara như một xá-lợi, như một thánh tích.

Chúng ta không được cái may mắn của Pháp Hiển, Huyền Trang. Nhưng chúng ta đâu có mồ côi bóng Phật! Bóng Phật có lúc nào không ở trước mắt chúng ta! Thương tiếc Đại sư, chúng ta cũng hãy nói với nhau và với chính ta như vậy: Hình ảnh Đại sư vẫn là ngọn đuốc soi đường - ngọn đuốc ta cầm trong tay. Tại ta nghe Đại sư nhắc nhở: Hãy sống đẹp, nói đẹp, làm đẹp. Và như vậy thì bao giờ cũng gặp được Đức Phật Di Lặc, bao giờ cũng hoan hỷ, an lạc, hạnh phúc.



CUỘC SỐNG CAO ĐẸP VÀ SỰ NGHIỆP VĨ ĐẠI CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Chơn Tâm Lương Châu Phước

Khi một vị Tỳ-kheo đức hạnh từ bỏ cõi đời, Phật tử như chúng ta thường cảm thấy thương tiếc và cầu nguyện cho vị ấy sớm đạt cõi Niết-bàn. Khi một vị thầy cao thâm, một Tỳ-kheo lỗi lạc xả bỏ xác thân, những vị học trò và Phật tử còn phải học tập gương mẫu của vị ấy, để củng cố niềm tin thành, để đáp lại một phần công ơn, để nỗ lực hành trì theo Chánh pháp. Thầy Thích Minh Châu ra đi, chúng ta cùng họp với nhau đây, để tưởng nhớ Ngài và cùng nhau học tập gương mẫu của Ngài.

Ba giai đoạn tốt đẹp của cuộc đời thanh cao

Cuộc đời của Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu (dưới đây gọi là Hòa thượng, Đại đức) có thể chia thành 3 giai đoạn. Giai đoạn I là từ thời trẻ đến năm 34 tuổi. Mười tám năm đầu là tuổi trẻ lớn lên, đi học một cách bình thường; mười năm kế tiếp là đời sống của một cư sĩ Phật giáo tích cực hoạt động; sáu năm tiếp theo nữa là sinh hoạt của một tu sĩ Bắc tông dồi dào sinh lực và trí tuệ.

Thời kỳ thứ II là 12 năm du học. Ba năm đầu là tu học, rèn luyện trong truyền thống Phật giáo Nguyên thủy Tích Lan; sáu năm kế, tiếp tục trau dồi kiến thức về ngôn ngữ và Phật pháp; ba năm nữa là những thử nghiệm đầu tiên về khả năng dịch thuật, nghiên cứu.

Thời kỳ này ngắn nhưng có tính chất quyết định: nó hình thành nguyện vọng dịch và phổ biến Tam tạng Pāli, là mở trường Phật giáo cho quần chúng.

Thời kỳ thứ III là gần 50 năm còn lại, khi ấy Hòa thượng đã là nhà sư chứng chạc, là nhà giáo dục Phật học lớn, là một trong những người đứng đầu các viện đào tạo Tăng Ni và trên hết là một dịch giả của tạng Kinh Nikāya. Trong đó 11 năm là ở trong chế độ Việt Nam Cộng hòa, 37 năm trong chế độ Xã hội chủ nghĩa.

Cuộc đời của Ngài, có thể nói là tốt ở đoạn đầu, tốt ở đoạn giữa, tốt ở đoạn cuối. Hãy cùng đi vào chi tiết cụ thể ở từng giai đoạn.

Hòa thượng Thích Minh Châu có tên thế tục là Đinh Văn Nam. Ông sanh ngày 20-10-1918, năm Mậu Ngọ, tại làng Kim Thành, tỉnh Quảng Nam. Gia đình ông là người gốc làng Kim Khê, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Ông xuất thân từ một gia đình vọng tộc. Dòng họ Đinh đã có 5 đời liên tiếp đậu tiến sĩ. Thân phụ là cụ ông Đinh Văn Chấp đỗ tiến sĩ khoa năm 1913. Thân mẫu là cụ bà Lê Thị Đạt. Ông là con trai thứ tư trong gia đình có 11 anh chị em. Từ thuở nhỏ, ông đã nổi tiếng là cần mẫn, chăm chỉ học hành, có trí tuệ¹.

Năm 1939, ông đỗ bằng cao đẳng tiểu học Đông Dương; năm sau, đỗ tú tài tại Trường Khải Định (nay là Trường Quốc Học - Huế). Sau khi đỗ đạt, ông làm thư ký Tòa Khâm sứ, nhưng chỉ được một năm thì xin thôi việc.

Từ những năm 1930, ở miền Trung Việt Nam, có phong trào chấn hưng Phật giáo mà người đứng đầu là cư sĩ Phật tử lỗi lạc, bác sĩ Lê Đình Thám. Năm 1936, khi ấy mới 18 tuổi, ông Nam tham gia phong trào này, nhanh chóng được giao trách nhiệm là Chánh Thư ký. Rồi ông tham gia thành lập Đoàn Thanh niên Phật học Đức dục và Gia đình Phật tử, lúc bấy giờ gọi là Gia đình Phật hóa phổ.

Năm 28 tuổi, ông vào chùa Tường Vân ở Huế, xin xuất gia làm chú “điều” (tức Sa-di) với pháp danh Tâm Trí. Hòa thượng tế độ là Ngài Thích Tịnh Khiết, Đệ nhất Tăng thống của GHPGVNTN. Ba năm sau, ông được thọ Đại giới Tỳ-kheo, với pháp tự Minh Châu và pháp hiệu Viên Dung. Từ đây, Đại đức Thích Minh Châu đi giảng pháp ở nhiều nơi, làm Chủ bút Tạp chí *Vạn Hạnh* (rồi đổi thành *Tư Tưởng*), rồi Hiệu trưởng Trung học (Phật giáo) Bồ Đề².

12 năm du học ở Tích Lan và Ấn Độ

Trong khi nghiên cứu về Kinh tạng, thấy những chữ, những tên chuyển dịch từ tiếng Pāli, Sanskrit sang tiếng Việt có nhiều khó khăn, không đồng nhất, Đại đức có ý định tìm hiểu

vấn đề này và đi du học. Năm 1952 Đại đức du học ở Tích Lan (Sri Lanka), vừa học tiếng Anh, tiếng Pāli, vừa học giới luật, Giáo pháp và tự rèn luyện thành một Tỷ-kheo theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy (PGNT) của Tích Lan. Từ đó cho đến cuối đời Ngài vẫn giữ chiếc áo vàng Nguyên thủy.

Những năm 50 là bắt đầu thời kỳ phục hưng Phật giáo ở Tích Lan, với sự hiện diện của nhiều kinh sách Phật giáo, nhiều trường sở, nhiều vị Hòa thượng uyên thâm, nhiều học giả lỗi lạc. Và học giả phương Tây, người Đức, người Anh đến đây cầu học. Tích Lan là nơi xuất phát tổ chức truyền bá Kinh tạng Pāli bằng tiếng Anh là Pāli Text Society... Những sự kiện này có lẽ đã nung nấu ước vọng dịch và phổ biến Tam tạng gốc Pāli ra tiếng Việt và mở những trường Phật giáo cho đại chúng của Đại đức Minh Châu³.

Năm 1955, sau khi đậu bằng Pháp sư (Sadhamacariya), mức độ đào tạo cơ bản của một tu sĩ ở Tích Lan⁴. Lúc đó ở Colombo chưa có đại học cao cấp Phật giáo, Ngài sang Ấn Độ, tiếp tục học tại Viện Đại học Đại Tân Tụng lâm Nalanda (Nava Nalanda Mahavihara). Nơi đây, Đại đức thấy thêm kho giáo lý khổng lồ bằng chữ Sanskrit. Đại đức rèn luyện thêm khả năng về ngôn ngữ, về dịch thuật và nghiên cứu giáo pháp. Ngài đỗ cử nhân Pāli, cử nhân tiếng Anh, đỗ thủ khoa cao học (M.A.) về Vi diệu pháp, về tiếng Pāli. Năm 1961, Ngài trình luận án tiến sĩ *So sánh Kinh Trung A-hàm chữ Hán và Kinh Trung Bộ chữ Pāli*.

Luận án tiến sĩ của Đại đức Minh Châu là một công trình quý báu, hiếm có. Trước đó và cho đến 50 năm về sau, gần như không có một công trình tương tự.

Trong lịch sử Phật giáo, sau khi Đức Phật tịch diệt, những lời dạy của Đức Phật được kết tập bằng tiếng nói của người xứ Ma-kiệt-đà, tạm gọi là tiếng Pāli. Khoảng 400 năm sau, khi các bộ phái Phật giáo bắt đầu phân chia thành nhiều nhánh, thì nhiều kinh tạng được chuyển sang thứ tiếng “bác học” của Ấn Độ, là tiếng Sanskrit. Tạng kinh được chuyển sang Sanskrit, gọi là Kinh A-hàm (Agama Sutra). Những bản dịch Sanskrit đó lại chuyển sang các thứ tiếng khác, như tiếng Hán, tiếng Tây Tạng... Tạng A-hàm gốc Sanskrit đã thất truyền, nay chỉ còn tạng tiếng Hán, tiếng Tây Tạng.

Công trình luận án tiến sĩ của Đại đức Minh Châu là nhằm so sánh tập *Kinh Trung Bộ*, thuộc tạng Pāli của hệ phái Thượng tọa bộ (*Theravadins*), với tập *Kinh Trung A-hàm*, thuộc tạng chữ Hán, của hệ phái Nhất thiết hữu bộ (*Sarvastivadins*). *Kinh Trung Bộ* là bộ kinh cốt lõi, ở đây Phật chỉ dạy các đệ tử cách thức tu tập, hành thiền hướng đến giải thoát rốt ráo.

Công trình nghiên cứu, so sánh, đưa ra những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai phái Thượng tọa bộ và Nhất thiết hữu bộ. Đây là công việc rất hữu ích cho sự am hiểu lịch sử phát triển của Phật giáo và tính chất của các hệ phái. Trong giới tu sĩ và học giả, Đại đức là

một người rất hiếm, có đủ các điều kiện để làm việc nghiên cứu này. Ngài là người đã tu tập theo truyền thống Đại thừa, nay tiếp cận và gắn gũi với truyền thống Nguyên thủy; vốn đã thông thạo tiếng Hán, nay lại sành sỏi tiếng Pāli.

Công trình nghiên cứu dày hơn 550 trang sách, được đánh giá rất cao. Ông S. Mookerjee, Viện trưởng Đại học Nalanda tán dương: “*Công trình của ông quả thực đã mở rộng chân trời hiểu biết của chúng ta. Ông đã đề cập đề tài này với cái nhìn của học giả và với thái độ vô tư, cốt đề cao chân lý chứ không với mục đích dựng lên một giáo điều hay phân phái.*” (...) “*Tôi hết sức hài lòng vì tác phẩm này đã được hoàn tất trong khuôn viên Tân tông lâm Nalanda. Chúng tôi sẽ mãi mãi hãnh diện về những gì Tiến sĩ Thích Minh Châu và những người cộng sự của ông đã làm.*”⁵

Là người Việt Nam đầu tiên đỗ tiến sĩ Phật học tại Ấn Độ và với một luận văn xuất sắc, tu sĩ, tiến sĩ Thích Minh Châu được chính tay Tổng thống nước này đứng ra trao văn bằng. Ngay sau khi tốt nghiệp, Ngài được trường Bihar, thuộc Viện Đại học Nalanda, Ấn Độ mời ở lại dạy học.

Trong thời gian ba năm ngắn ngủi, vừa dạy học, vừa nghiên cứu, Đại đức xuất bản 3 tập sách bằng tiếng Anh: *Huyền Trang - nhà chiêm bái và học giả, Pháp Hiển - nhà chiêm bái khiêm tốn* và *Nghiên cứu đối chiếu Kinh Milinda vấn đạo chữ Pāli và Kinh Na-tiên Tỷ kheo chữ Hán*. Công trình của Huyền Trang (602-664 SCN) thì hoàn toàn nằm trong truyền thống Đại thừa với nhiều sự kiện kỳ bí. Còn trong kỷ sự trước đó gần 300 năm của sư Pháp Hiển (337-424 SCN) thì đơn giản hơn, mang dáng dấp của một vị sư Nam tông với những ghi chép về đời sống của chư Tăng ở Ấn Độ, ở Tích Lan.

Trong khi đó, tác phẩm thứ ba là tiếp tục so sánh 2 nguồn Kinh tạng, *Kinh Milinda Vấn Đạo*, tạng chữ Pāli và *Kinh Na Tiên Tỷ-kheo*, tạng chữ Hán. Tập *Vua Milinda Vấn Đạo*, xuất hiện khoảng thế kỷ thứ I. Dù không do Phật thuyết, tập kinh này được xếp vào thánh điển và thuộc *Kinh Tiểu Bộ*. Nội dung gồm những câu hỏi về nhiều vấn đề triết học rất khó, nhưng được trả lời bằng nhiều thí dụ thú vị và lời giải thích bình dân, dễ hiểu. *Kinh Milinda* có nội dung phong phú hơn rất nhiều so với *Kinh Na-Tiên*. Đại đức Minh Châu, bằng những tài liệu của 2 hệ phái, đã chứng minh rằng, cả hai tập kinh này, có gốc gác giống nhau, có lẽ từ một bản kinh gốc tiếng Pāli. Và bản Pāli hiện nay là đã được thêm một số phần vào bản gốc đã thất lạc.

Công trình nghiên cứu này cũng đã được đánh giá cao. Giáo sư Nalinaksha Dutt của Đại học Calcutta, viết: “*Tác giả là một tu sĩ Việt Nam, đã tinh thông cả hai ngôn ngữ Pāli, Hán và đã hoàn thành mọi kiến thức về ngôn ngữ Pāli tại Học viện Pāli ở Nalanda. Vốn*

uyên bác cả hai ngôn ngữ ấy, Ngài có thể so sánh cả hai bản này tận gốc trong từng vấn đề và nêu rõ các điểm tương đồng và dị biệt. Do vậy, các kết luận của Ngài rất có giá trị. Cách trình bày các tài liệu của Ngài thật sáng tỏ và gây ấn tượng. Qua tác phẩm này, Ngài đã có một cống hiến xuất sắc vào sự nghiệp nghiên cứu Phật học.”⁶

Đại học Phật giáo Vạn Hạnh

Trong thời gian Đại đức Minh Châu dạy học ở Ấn Độ, thời cuộc ở Việt Nam có những biến cố trầm trọng liên quan đến đời sống Phật giáo. Và đất nước Việt Nam sắp bước vào thời kỳ chiến tranh khốc liệt. Đại đức rất quan tâm về những chuyển biến này. Năm 1964, khi đó đã 46 tuổi, Đại đức quyết định về nước và được quần chúng đón chào rất nồng nhiệt tại Sài Gòn và sau đó tại Huế⁴. Đại đức được giao ngay nhiều trách nhiệm quan trọng của Phật giáo Việt Nam: Phó Viện trưởng Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn, Tổng vụ trưởng Tổng vụ Văn hóa và Giáo dục thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Năm 1965, Đại đức tham gia thành lập Viện Đại học Vạn Hạnh và là Viện trưởng của trường này cho đến năm 1975. Khác với các học viện Phật giáo khác, thường chỉ dành cho Tăng Ni, Đại học Vạn Hạnh mở rộng cho mọi người trong nỗ lực tìm hiểu giáo lý của Đức Phật và những lãnh vực khác của kiến thức nhân loại. Đây có lẽ là mô hình gần giống như những đại học Phật giáo ở Tích Lan, như trường Vidyodaya Pirivena, hay Vidyalankara Pirivena. Lãnh đạo đại học là các tu sĩ, nhưng môn học cũng bao gồm nhiều bộ môn, như một trường đại học bình thường.

Đại học này còn là nơi tập hợp nhân tài, trí thức Sài Gòn. Trong thời kỳ chiến tranh, nó còn là mái nhà che chở cho nhiều người, tránh bị lôi kéo vào cuộc chiến. Như các tu sĩ Tuệ Sỹ, Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Hữu Ba, Kim Định, Lê Tồn Nghiêm, Trần Thái Đình, Bùi Giáng, Phạm Thiên Thư...

Trong suốt 11 năm hiện hữu, Đại học Vạn Hạnh đã đào tạo được trên 4.500 người, trong đó có 215 tốt nghiệp bậc cao học, 568 người bậc cử nhân.⁸

Khi chiến tranh chấm dứt, nước Việt Nam bước vào một giai đoạn mới. Nhà nước đã nắm hết việc quản lý các trường sở. Đại học Vạn Hạnh, vốn là một cơ sở của Bộ Giáo dục Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, phải trả lại cho nhà nước Xã hội chủ nghĩa. Đại đức chỉ còn giữ cơ sở đường Võ Di Nguy (sau này đổi tên là đường Nguyễn Kiệm), để rồi trở lại thành những cơ sở Phật học trong những năm sau đó.

Do những duyên lành, nhất là do sự hỗ trợ đặc lực của người em là ông Minh Chi, vốn là một cán bộ kinh tế khá cao cấp của nhà nước mới, đồng thời là một cư sĩ Phật giáo, năm

1976 Đại đức “lập lại” Thiên viện Vạn Hạnh.

Năm 1981, cùng với chư Tăng, Ni khác, trong Nam, ngoài Bắc, Đại đức tham gia thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Ngài làm Tổng Thư ký; thành lập Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở I ở Hà Nội; 3 năm sau, mở thêm cơ sở II tại thành phố Hồ Chí Minh tại đường Nguyễn Kiệm. Năm 1997, đổi thành Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh. Và Ngài làm Viện trưởng của các viện Phật học này.

Tạng kinh Phật giáo Nguyên thủy

Trong thời gian làm Viện trưởng Trường Đại học và qua suốt cả 2 chế độ, dù bận rộn làm công việc giáo dục, đào tạo, Đại đức bắt đầu một công việc quan trọng bậc nhất, là phiên dịch toàn bộ Tạng kinh Nikāya, cũng gọi là Tạng kinh Pāli sang tiếng Việt.

Tháng 5, 1965, tập I của *Trường Bộ kinh (Digha Nikāya)* ra đời. Tập sách dày 220 trang, chỉ có 3 bài kinh song ngữ: tiếng gốc Pāli và tiếng Việt. Đến tháng 8, 1972, tức 7 năm sau, toàn bộ 4 tập *Trường Bộ kinh* được hoàn thành. Sau đó, 4 tập gộp lại thành 2 tập và bỏ đi bản gốc tiếng Pāli. Năm 1978, 3 tập *Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikāya)*, bộ kinh quan trọng hàng đầu trong tạng Pāli đã xuất bản. Tiếp theo đó, lần lượt các bộ kinh còn lại ra đời: *Kinh Tạng Chi Bộ (Anguttara Nikāya)* (4 tập), *Kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikāya)* (5 tập), *Kinh Tiểu Bộ (Khuddaka Nikāya)* (chỉ được 10 tập).

Ít lâu sau khi được xuất bản, các bộ kinh được tái bản nhiều lần. Ở những lần xuất bản đầu tiên, mỗi tập kinh đều có lời nói đầu, nói rõ mục đích, kể lại những khó khăn, nêu ra những nhận xét. Rất tiếc rằng, trong những lần tái bản sau, và khi phổ biến trên internet, những lời nói đầu hữu ích đó đã không được giữ lại.

Kinh Tiểu Bộ là bộ phức tạp nhất, dài nhất, gồm nhiều phần độc lập với nhau. Do tuổi tác đã cao và bệnh Parkinson đã bắt đầu phát triển vào cuối những năm 90 (khi ấy Ngài đã 81 tuổi), sức làm việc đã giảm, chỉ có 10 trong 18 phần là được hoàn thành. Và những tập cuối cùng là có sự góp sức của một vị đệ tử cư sĩ, giáo sư Anh văn Trần Phương Lan.

Đến năm 2004, công trình *Tạng Kinh* đã xuất bản gồm 24 tập, khoảng hơn 20.000 trang. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, pho sách những lời dạy đầy đủ của Đức Phật được xuất bản bằng tiếng Việt.

Việt Nam là một nước Phật giáo rất lâu đời. Theo nhiều nhà nghiên cứu, có lẽ Phật giáo đến Việt Nam trước khi đến các nước Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, Thế nhưng, kinh kệ Phật giáo, nhất là Tam tạng kinh điển gốc tiếng Pāli, vốn là những lời dạy xác thực nhất của Đức Phật thì xuất hiện chậm nhất ở Việt Nam, so với các nước Phật giáo khác. Các nước

PGNT như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Cam-bốt ... đã có bộ Tam tạng Pāli bằng tiếng nước của họ từ lâu. Các nước Phật giáo Bắc tông khác như Tây Tạng, Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, ngoài tạng gốc tiếng Hán, họ cũng đã có tạng gốc tiếng Pāli từ lâu. Ở nước ta, chỉ khi Ngài Thích Minh Châu bắt đầu dịch tạng kinh, thì bộ Đại tạng kinh gốc tiếng Pāli mới dần dần được hình thành.

Trước đây, mặc dù cũng có giáo lý nhà Phật trong các kinh tạng Bắc tông, trong Hán tạng, nhưng không đầy đủ. Người đọc các kinh Đại thừa thông dụng như *Diệu Pháp Liên Hoa*, *Bát Nhã*, *Kim Cương*, *A-di-đà* ... sẽ không tìm thấy những giáo lý căn bản nhất như *Tứ diệu đế*, *Bát chánh đạo*, *Pháp Duyên khởi*, *37 Phẩm Bồ-đề* ... Những ý niệm này chỉ tồn tại rất “mơ hồ” trong quần chúng Phật tử và ngay cả trong hàng Tăng, Ni.

Với những tập kinh *Trường Bộ*, *Trung Bộ*, *Tăng Chi*, *Tương Ưng*, *Tiểu Bộ*, bất cứ ai dù là tu sĩ hay cư sĩ, dù là Nam tông hay Bắc tông có thể tìm hiểu những lời Phật dạy trong suốt 45 năm hoàng pháp. Những lời dạy khá chân phương, dễ hiểu, không “bí truyền”, không “biệt truyền”, không có nhiều ẩn dụ đòi hỏi những giải thích phức tạp, tùy mỗi vị thầy. Và đối với những người muốn tu tập cao hơn, thì kinh kệ này là bản đồ chỉ dẫn cụ thể, đầy đủ và thâm sâu, hướng đến sự giải thoát. Kinh kệ gốc Pāli lại được các hội nghị các hàng chư Tăng cao thâm “kết tập”, tức kiểm kê lại từng tập, từng đoạn, từng chữ, qua 6 lần trong suốt quá trình dài hơn 2.500 năm. Cho nên, đây là những bộ kinh rõ ràng, nhất quán, chặt chẽ, khi thực hành thì đạt những hiệu quả. Nó không đòi hỏi sự tin tưởng mù quáng, mà đòi hỏi cố gắng tìm hiểu, thực chứng.

30 tác phẩm khác còn để lại

Song song với *Tạng Kinh*, Hòa thượng Thích Minh Châu đã để lại khoảng 30 đầu sách nghiên cứu, sách dịch, bài giảng. Trong đó, có 2 tập *Thăng pháp tập yếu luận* (dịch từ *Abhidhamma Atthasangaha* của bộ Vi diệu pháp), *Đại thừa và sự liên hệ với Tiểu thừa* (sách dịch, nguyên tác của N. Dutt), *Sách học tiếng Pāli* (3 tập), *Lịch sử Đức Phật Thích Ca*, *Chánh pháp và Hạnh phúc*, *Hãy tự mình thấp đước lên mà đi*, *Hành thiên*, *Đường về xứ Phật* ...²

Trong các tập sách, các bài giảng, Hòa thượng truyền dạy giáo pháp của Đức Phật, mở lòng từ ái, vun bồi trí tuệ. Ngài chỉ dạy nếp sống có đạo đức, biết giữ giới luật để có một đời sống trong sạch, hạnh phúc. Ngài dạy hành thiên để thanh tịnh tâm. Ngài dạy thực hành Giới Định Tuệ để giải thoát khỏi vòng luân hồi.

Văn của Hòa thượng trong sáng, rõ ràng, dễ hiểu, có sức thuyết phục. Các bài giảng đều toát lên lòng từ ái; đôi lúc nó là lời phê bình nghiêm khắc, trước những tà kiến (như bài *Dịch kinh và Đại học*), hay chan chứa những tình cảm yêu nước, thương dân (như bài *Chùa*

Việt Nam) và có lúc dạt dào tình cảm khi nó nói về dân tộc, về mẹ cha (như bài *Người Việt Nam thương mẹ kính cha*).

Từ ngày về nước, Ngài dịch kinh, giảng dạy giáo lý Nguyên thủy. Ngài hoàn toàn dựa vào Kinh tạng Pāli. Nhờ Ngài, Kinh tạng Nguyên thủy và ngôn ngữ Pāli được đưa vào hệ đào tạo chính thức các Tăng Ni, Bắc tông cũng như Nam tông, cũng như ở trường Đại học Vạn Hạnh.

Đệ tử từ nhiều nguồn, quan hệ quốc tế rộng rãi

Dưới sự chỉ đạo của Ngài, chư Tăng các tông phái đều sinh hoạt hòa hợp với nhau. Ngài là vị Hòa thượng có nhiều đệ tử nhất ở Việt Nam, trong Nam, ngoài Bắc, thuộc hệ Bắc tông, Nam tông, tu sĩ, cư sĩ ...

Trước 1975, rồi sau chiến tranh, Ngài đã nhiều lần bao bọc, chở che cho nhiều người, nhiều nhân tài, tránh được hoàn cảnh trắc trở, để có thể có cơ hội làm việc, sản xuất, đóng góp tích cực cho Phật pháp ...

Nhưng dường như không có nhiều đệ tử đi theo con đường giống như Ngài, vốn rất tế nhị, phức tạp và khó khăn.

Một số đệ tử hỗ trợ những công việc của Ngài; một số khác hoạt động trong lãnh vực riêng, mỗi người có cách đóng góp khác nhau vào sự nghiệp hoằng dương giáo pháp của Đức Phật.¹⁰

Ngài cũng có nhiều hoạt động đối ngoại, giao lưu quốc tế. Như một đại diện, một sứ giả Phật giáo Việt Nam, Ngài đã tham gia nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế về Phật giáo, về hòa bình, về giáo dục ở hầu hết các châu lục ... Trong các hội nghị đó, Hòa thượng hô hào loại bỏ mọi hình thức chiến tranh, mọi biểu hiện bạo lực, hoan nghênh mọi nỗ lực hòa bình, động viên Phật tử tham gia các phong trào hòa bình, cổ vũ tiến trình dân chủ hóa, nhân bản hóa ở mỗi nước cũng như trong quan hệ giữa các nước. Ngài kêu gọi:

“Chúng tôi, những người Phật tử xem là hết sức khẩn thiết xây dựng một nền kinh tế mới, một nền trật tự đạo đức mới có khả năng làm lắng dịu mọi sân hận và mọi biến động, làm lành mạnh hóa không khí chính trị quốc tế hiện tại, chuẩn bị cho một kỷ nguyên mới nhân đạo hơn và có ý nghĩa hơn.” ¹¹

Với những công việc to lớn đã làm, Ngài được tặng thưởng tiến sĩ danh dự, nhiều loại huân chương, và tuyên dương công đức. Đây là phần việc của xã hội, của người đời, dường như Ngài không quan tâm đến những chức danh, và những lợi lạc đời thường.

Công trình vĩ đại, sự nghiệp độc đáo

Có thể nói một cách tóm tắt rằng vai trò, đóng góp của Hòa thượng Thích Minh Châu cho

Phật giáo Việt Nam là rất độc đáo và cũng rất vĩ đại.

Độc đáo vì Việt Nam là nước duy nhất trên thế giới có cả hai hệ phái: Phật giáo Đại thừa và Phật giáo Nguyên thủy, dù hệ phái Đại thừa là chủ đạo. Và Hòa thượng Thích Minh Châu là người làm cái gạch nối hết sức cần thiết giữa hai hệ phái này. Ngài là vị Hòa thượng Bắc tông, có vai trò lãnh đạo của Giáo hội, nhưng ăn mặc, sinh sống theo Nam tông, dịch kinh sách Nguyên thủy và giảng dạy, truyền bá giáo pháp Nguyên thủy. Trên thế giới và ngay trong lịch sử Phật giáo, chưa có một mẫu tu sĩ Phật giáo nào giống như Ngài.

Ngài Minh Châu có nhiều đóng góp đa dạng cho Phật giáo Việt Nam, nhưng chỉ với công trình Tạng kinh Pāli, nhiều người đã gọi Ngài là Huyền Trang của Việt Nam. Điều đó quả không quá xa với thực tế.

Hãy tìm hiểu về việc chuyển dịch Tạng kinh của Ngài. Việc dịch kinh không phải dễ dàng, không có nhiều thuận lợi. Vào những năm 1960, ở Việt Nam, chỉ có tu sĩ gốc người Campuchia mới biết tiếng Pāli và quen với kinh kệ Pāli. Nói chung Phật tử Việt Nam chưa biết gì nhiều về kinh kệ gốc Pāli. Trong hệ phái Bắc tông gần như không có người nào thành thạo tiếng Pāli. Trong hệ phái Nam tông, Giáo hội Phật giáo Nguyên thủy mới được thành hình vào năm 1957, các vị Tăng đang tập trung xây dựng công việc nội bộ. Có dịch kinh từ nguồn Pāli thì chủ yếu để tụng đọc, làm lễ. Do đó, Đại đức Thích Minh Châu phải làm việc một mình, hay gần như một mình gần suốt 50 năm.

Cũng không có nhiều tài liệu sẵn có để có thể nương tựa. Bản tiếng Hán thì “tối nghĩa” và không thống nhất, chỉ dùng được những từ ngữ đã dịch sẵn. Đại đức phải dựa vào bản ghi chép riêng (khi còn học ở Colombo), bản tiếng Anh của Hội Pāli Text Society và bản tiếng Nhật.¹²

Ngài lại có quá ít thì giờ cho dịch thuật, luôn luôn bận bịu với các công việc của các Viện Phật học. Ngài tranh thủ từng giờ khắc, những lúc đáng lý được nghỉ ngơi: “*Chúng tôi chỉ có thể để dành những ngày nghỉ, những buổi sáng thật sớm và những buổi tối (nếu không quá mệt mỏi vì những công việc ban ngày), để phiên dịch.*”¹³

Và một trong những khó khăn không kém quan trọng là dư luận, những gièm pha, chỉ trích về tại sao lại đi dịch, đi truyền bá Kinh tạng Nam tông. Đáp lại, Ngài khẳng định:

“Có người sẽ cho, dịch Tạng Pāli là tuyên truyền cho Tiểu thừa, phân lại tư tưởng Đại thừa. Chúng ta nên chấm dứt ngay thái độ ngây thơ và buồn cười này. Đạo Phật không có Đại thừa, Tiểu thừa, không có Nam tông, Bắc tông. Đạo Phật gồm có một số giáo lý căn bản mà học phái nào cũng phải tôn trọng, một số pháp môn thiết yếu mà đệ tử Phật

tử nào cũng phải y cứ để tu hành, nếu không muốn lạc vào tà giáo, ngoại đạo. Cho dịch Tạng Pāli là chúng tôi muốn giới thiệu và tìm hiểu số giáo lý căn bản ấy và số pháp môn thiết yếu ấy.”¹⁴

Ngài xác định mục đích của việc chuyển dịch Kinh tạng Pāli:

“Khi chúng tôi dịch từ tiếng Pāli ra tiếng Việt là chúng tôi muốn giới thiệu ba Tạng Pāli cho các Phật tử và học giả Việt Nam, một tam tạng kinh điển rất phong phú, rất gần với lời dạy nguyên thủy của Đức Phật, lại được phổ biến rất rộng rãi khắp năm châu, qua công trình dịch thuật của Hội Pāli Text Society, London.”¹⁵

Và tỏ rõ thái độ không phe phái:

“Chúng tôi dịch kinh Pāli, không vì mục đích muốn ủng hộ hay không muốn ủng hộ một học phái nào, một lập trường nào.”¹⁵

“Chúng tôi cũng không có trách nhiệm nêu lên cho độc giả rõ, đoạn nào là nguyên thủy, đoạn nào không phải nguyên thủy. Chỉ có người đọc, sau khi tự mình đọc, tự mình tìm hiểu, tự mình suy tư, tự mình quan sát, tự mình chứng nghiệm trên bản thân, mới có thể tự mình tìm hiểu và thấy đoạn nào là thật sự nguyên thủy. Trách nhiệm tìm hiểu, chứng nghiệm cá nhân là trách nhiệm của người đọc, không phải của người dịch, vì Đạo Phật là Đạo đến để mà thấy chứ không phải Đạo đến để nhờ người thấy hộ, Đạo của người có mắt (Cakkhumato), không phải Đạo của người nhắm mắt; Đạo của người thấy, của người biết (Passato Jānato), không phải là Đạo của người không thấy, không biết (Apassato Ajānato). Nên chỉ có người đọc mới có thể tự mình thấy, tự mình hiểu và tự mình chứng nghiệm.” (...)

“Ở nơi đây, chúng tôi cố gắng dịch trọn vẹn, không bỏ qua một kinh nào, và dịch có in nguyên bản Pāli đối chiếu với dụng ý để người đọc có thể tự mình tìm hiểu nguyên nghĩa của từng chữ từng câu, khỏi rơi vào những giải thích hay lệch lạc của người dịch.”¹⁵

Càng đi sâu vào việc phiên dịch, Ngài càng khám phá ra những thâm ý của những người có tà kiến, những xu hướng chống đối lại Phật giáo, có từ thời Đức Phật và còn hiện hữu đến ngày nay. Ngài viết:

“Càng dịch, chúng tôi càng thấy rõ ác ý của các nhà Bà-la-môn đã dùng danh từ Tiểu thừa để gán vào những lời dạy thực sự nguyên thủy của Đức Phật và khiến cho các Phật tử không dám đọc, không dám học, không dám tu những pháp môn ấy. Càng dịch, càng thấy rõ dụng tâm hiểm độc của các vị Bà-la-môn, đã khôn khéo xuyên tạc đạo Phật, khiến cho những giáo lý căn bản, những tinh hoa cao đẹp nhất của tư tưởng nhân loại,

đã bị những tư tưởng tà giáo xen lẫn, bị ruồng bỏ, bị che giấu, không được biết đến, không được học hỏi tu hành”¹⁶.

Cũng không phải dễ dàng hiểu hết được hiện tượng Thích Minh Châu, một vị chức sắc thuộc vào hàng lãnh đạo của Phật giáo Bắc tông, nhưng lại đổ hết tâm sức vào việc phiên dịch, truyền bá giáo pháp Nguyên thủy. Hãy nghe đôi lời tâm sự của Ngài:

“Tôi tự đánh dấu hỏi, làm Viện trưởng hay làm một vị dịch kinh, làm chức vụ nào có lợi cho Phật giáo hơn? Và tôi phải tự thẳng thắn để trả lời, dịch kinh có lợi hơn! Và tôi chỉ có thể vớt vát, bằng cách để những thời giờ thông thả, chú tâm vào vấn đề phiên dịch. Chúng tôi viết những dòng chữ này vừa để sám hối, vừa mong các Phật tử và các học giả thông cảm cho.” “Cứ xem thời gian hoàn thành từng tập một, mới thấy chức vụ đa đoan của một Viện trưởng làm trở ngại cho sự phiên dịch như thế nào. Về nước năm 1964, nếu tôi không nhận chức vụ Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh thời nay tôi đã dịch ít nhất cũng trọn bộ Kinh tạng Pāli rồi”¹⁷.

Phần này, Ngài viết vào năm 1972. Nếu Ngài dốc sức hoàn toàn vào việc dịch thuật thì có thể không những Ngài hoàn thành toàn bộ tạng Kinh (với phần chú giải và tài liệu kèm theo mà Ngài đã nghĩ tới) và có thể thêm một phần của tạng Luật và tạng Vi diệu pháp.

Và khi càng đi sâu vào việc dịch kinh Pāli, Ngài có một nhận xét rất thú vị, gần giống với nhận xét nổi tiếng của nhà bác học Einstein:

“Hơn nữa, ngày nay người ta dần dần ý thức rằng chỉ có Đạo Phật nguyên thủy mới đáp ứng được những đòi hỏi của một thế giới khoa học hiện tại. Một tôn giáo muốn được giới trí thức trẻ hiện tại chấp nhận, vừa phải không mâu thuẫn với những phát minh khoa học mới mẻ nhất, vừa phải giải quyết được những vấn đề thuộc phạm vi con người của con người ở thế kỷ thứ hai mươi, hai mốt này. Chỉ có Đạo Phật nguyên thủy mới may ra đáp ứng được những đòi hỏi trên.”¹⁸

Ngày nay, dù rằng đọc các bản kinh Ngài dịch, người ta có thể thấy một số chỗ chưa chính xác hoặc còn chưa rõ nghĩa. Điều đó không có gì lạ, đối với việc lần đầu tiên Kinh tạng Pāli được biết đến và được chuyển dịch. Những bản dịch đều thống nhất, trong sáng, chân phương, trung thực. Dù chưa phải là bản dịch chuẩn mực, cho đến nay, tạng Kinh do Ngài Thích Minh Châu dịch vẫn là bản kinh đầy đủ nhất, và gần như là duy nhất để đồng đạo chư Tăng, Ni, sinh viên và người nghiên cứu thuộc nhiều thế hệ dựa vào đó, để tìm hiểu, nghiên cứu, và thực tập giáo lý của Đức Phật.

Bằng công sức chính yếu của cả một đời người, Ngài đã dịch được gần trọn bộ tạng Kinh.

Công trình vĩ đại này đã làm viên đá tảng cơ bản đầu tiên. Dựa trên đó, những công trình khác, những tập khác, những tạng khác, lần lượt được bổ sung, được hoàn thành về sau này¹⁹.

Tóm lại, cuộc đời của Hòa thượng Thích Minh Châu là một tấm gương rất sáng cho việc phục vụ Giáo pháp, phục vụ dân tộc, phục vụ loài người. Hiện tượng Thích Minh Châu có lẽ rồi sẽ còn được tìm hiểu sâu hơn nữa, được đánh giá đúng mức hơn nữa, còn sẽ được học tập, làm thành tấm gương cho thế hệ sau noi theo, không những cho người Việt Nam mà còn mở rộng cho thế giới Phật giáo ...

Mãi mãi những Phật tử Việt Nam sẽ ghi công đức lớn lao này của Hòa thượng Thích Minh Châu. Những đóng góp đã thấy được của Ngài cho nền Phật giáo Việt Nam là vĩ đại chưa từng có:

1- Ngài đã phiên dịch đầy đủ, có hệ thống, trong sáng gần như toàn bộ 1 trong 3 *Tạng Kinh Điển*, là tạng Kinh, gồm những lời dạy suốt 45 năm hoàng pháp của Đức Phật.

2- Ngài đã góp phần so sánh, soi sáng những điểm giống và khác nhau trong một số tác phẩm lớn của 2 hệ phái Phật giáo.

3- Ngài đã góp phần quan trọng vào việc xóa đi những định kiến sai lầm về “Tiểu thừa”, về Phật giáo Nguyên thủy.

4- Đã đem giáo lý Phật giáo Nguyên thủy và ngôn ngữ Pāli vào giảng dạy trong các trường đào tạo Tăng Ni, mà phần lớn thuộc hệ Phật giáo Đại thừa.

5- Đã đào tạo hàng chục ngàn Tăng Ni cho cả 2 miền Nam Bắc, cho cả 2 hệ phái PGNT và PGĐT.

6- Đã đưa giáo lý của Đức Phật vào quần chúng bằng các trường, lớp, bằng việc phổ biến kinh sách, tổ chức các buổi thuyết pháp và tập thiền hàng tuần cho công chúng.

Cái gì là lỗi cây, cái ấy sẽ tồn tại lâu dài

Sau nhiều năm bệnh tật, nhiều năm nằm ngổ một chỗ, ngày 1/9/2012, tức ngày 16 tháng 7 âm lịch, PL.2556, Hòa thượng Thích Minh Châu đã xả bỏ xác thân tại Thiền viện Vạn Hạnh, với tuổi đời 95 năm và tuổi đạo 64 hạ. Hòa thượng Thích Minh Châu đã ra đi, để lại sự thương tiếc vô cùng lớn lao cho giới Phật giáo, trí thức trong và ngoài nước. Trong những ngày đầu tháng 9, hàng trăm, hàng nghìn vòng hoa phân ưu, hàng vạn người đủ các tầng lớp, nhiều đoàn thể, nhiều đại diện trong nước, ngoài nước đã đến Thiền viện Vạn Hạnh để tỏ lòng thương tiếc, kính yêu và biết ơn đối với Hòa thượng Thích Minh Châu.

Hòa thượng đã ra đi, nhưng những gì tốt đẹp nhất sẽ còn ở lại lâu dài, như Hòa thượng đã

ghi lại trên bảo tháp của Ngài: “*Yo sāro so thassati. Cái gì là lõi cây, cái ấy sẽ tồn tại lâu dài*”. Phải chăng đó là tạng Kinh, những công trình, bài giảng, lời dạy và cả một cuộc đời phục vụ giáo pháp, phục vụ dân tộc, vượt lên những qui ước, những định kiến.

Chúng ta có mặt hôm nay ở đây, hầu hết không có may mắn được gặp mặt Ngài, không được trực tiếp đánh lễ Ngài. Nhưng có thể nói, chúng ta đều là những đệ tử của Ngài. Bởi vì, từ khi hiểu giáo pháp của Đức Phật, chúng con đã đọc tụng, nghiên cứu kinh kệ ở Đại tạng kinh Việt Nam do Ngài Minh Châu chuyển dịch.

Như là đệ tử, chúng con xin cùng đốt nén hương tưởng nhớ ân đức của Thầy. Lát nữa đây, chúng con sẽ cùng tụng những lời Phật dạy do Ngài phiên dịch, “*Hãy tự mình đốt đuốc lên mà đi*”. Và ... chúng con nguyện sống trong Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp và nương nhờ theo những lời dạy của Thầy, Hòa thượng Thích Minh Châu.

Montreal, Canada, tháng 9, 2012, PL 2556

(*Bài thuyết trình tại buổi lễ tưởng niệm 15-9-2012, Montreal, Canada. Có điều chỉnh lại*)

* Chú thích:

¹ Theo Video *Sen Vàng ngát hương*, Cuộc đời và Đạo nghiệp Thích Minh Châu.

² Các chi tiết về tiểu sử, có dựa vào bản tiểu sử chính thức, báo *Giác Ngộ điện tử* 2-9-2012.

³ Thời đó Kinh tạng được in ấn rất nhiều, các tu sĩ thâm sâu như HT.Ananda Metteya, W. Rahula, Narada, học giả G.P Malalasekara, Guruge với nhiều tác phẩm, những học giả lớn phương Tây, như Nyanatiloka, Horner, Nanamoli, Nyanaponika ... Ngài U Silananda, tu sĩ Miến Điện, sang học ở Colombo năm 1954, sau này là Viện trưởng Viện Đại học Phật giáo Theravada ...

⁴ Cấp bằng Sadhammacariya của Tích Lan có lẽ tương đương với bằng Dhammacariya của Miến Điện, là cấp đào tạo rất cơ bản và khá khó khăn, đối với một tu sĩ. Cho đến những năm 2000, một tu sĩ Việt Nam tốt nghiệp trường Phật học cao cấp, khi sang Tích Lan, vị ấy học tiếp 3 năm để có bằng Sadhammacariya. Trong khi, với văn bằng ấy của Việt Nam, nếu qua Ấn Độ, vị ấy có thể học lên cấp M.A hoặc cấp Ph.D. Do đó, cùng một trình độ, người đi du học ở Tích Lan thì được bằng Sadhammacariya, người đi học ở Ấn Độ thì có bằng Ph.D.

⁵ Lời giới thiệu sách *So sánh kinh Trung A-hàm chữ Hán và kinh Trung Bộ chữ Pāli*, bản dịch Thích nữ Trí Hải.

⁶ Lời nói đầu, *Nghiên cứu Đối chiếu Milinda Vấn Đạo, chữ Pāli và Kinh Na-Tiên Tỷ-kheo, chữ Hán*. Bản dịch Trần Phương Lan.

⁷ *Chuyến trở lại Việt Nam 1964*, E. Wuff, www.thuvienhoasen.org/.

- Lời nói đầu trong *Pháp Hiển, Nhà Chiêm Bái: “Trong lúc soạn tác phẩm này trong bầu không khí thanh bình Đại Tông Lâm Nalanda Mới, thì tại miền Nam Việt Nam, bi kịch của Phật giáo Việt Nam đang bùng nổ. Với lòng thán phục lẫn với lo lắng sâu xa, tôi đã theo dõi cuộc tranh đấu dũng cảm của Phật tử Việt Nam để bảo vệ tín ngưỡng mình, và sự đàn áp tàn bạo của chế độ Ngô Đình Diệm đối với Phật giáo”*.

⁸ *Sự đóng góp về giáo dục Phật học của Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - TP.Hồ Chí Minh 300 năm*, phần V, Thích Thiện Nhơn.

⁹ Danh sách đầy đủ các tác phẩm:

Đại tạng kinh (gốc Pāli): *Kinh Trường Bộ* (2 tập); *Kinh Trung Bộ* (3 tập); *Kinh Tương Ưng Bộ* (5 tập); *Kinh Tăng Chi Bộ* (4 tập)

Kinh Tiểu Bộ (10 tập đã dịch, gồm): *Tiểu tụng*, *Pháp Cú*, *Kinh Phật tự thuyết*, *Kinh Phật thuyết như vậy*, *Kinh Tập*, *Trường lão Tăng kệ*, *Trường lão Ni kệ*, *Truyện Thiên cung*, *Truyện Nga quý*, *Bốn Sanh* (7 tập).

- *Thăng pháp tập yếu luận* (Abhidhamma Atthasangaha), hay *Vi diệu pháp tinh yếu*.

Khoảng 30 tác phẩm tiếng Việt, tiếng Anh:

- *Phật pháp* (đồng tác giả),
- *Đường về xứ Phật* (đồng tác giả),
- *Đại thừa và sự liên hệ với Tiểu thừa* (sách dịch),
- *Sách dạy Pāli* (3 tập),
- *Chữ Hiếu trong Đạo Phật*,
- *Hành thiện*,
- *Lịch sử Đức Phật Thích Ca*,
- *Hãy tự mình thấp đước lên mà đi*,
- *Chánh pháp và Hạnh phúc*,
- *Đạo đức Phật giáo và Hạnh phúc con người*,
- *Những mẫu chuyện đạo*,
- *Tâm từ mở ra, khổ đau khép lại* (trong đó có tác phẩm *Trước sự nô lệ của con người*, viết năm 1970),
- *Những gì Đức Phật đã dạy*,
- *Hiếu và hành Chánh pháp*,
- *Chiến thắng Ác ma*,
- *Tóm tắt Kinh Trung Bộ*,
- *Dàn bài Kinh Trung Bộ, Tóm tắt Kinh Trường Bộ*.
- *The Chinese Madhyama Āgama and the Pāli Mahājñhima Nikāya - A Comparative Study* (So sánh Kinh Trung Bộ của tạng Pāli và kinh Trung A-hàm của tạng Hán. Bản dịch Trí Hải),
- *H'suan T'sang, The Pilgrim and Scholar* (Huyền Trang, nhà chiêm bái và học giả. Bản dịch Trí Hải),
- *Fa-Hsien, the Unassuming Pilgrim* (Pháp Hiền, nhà chiêm bái khiêm tốn. Bản dịch Trí Hải),
- *Milindapanha and Nāgasena-bhikṣusūtra - A Comparative Study* (Nghiên cứu So sánh Vua Mi Linh Đa vấn đạo và Kinh Na-Tiên Tỳ-kheo. Bản dịch Trần Phương Lan),
- *Some Teachings of Lord Buddha on Peace Harmony and Human dignity* (Vài lời dạy của Phật về hòa bình, hòa hợp và nhân cách con người. Sách song ngữ).

Ngoài ra còn một số tác phẩm chưa in: *Từ điển Pāli - Việt, Việt - Pāli*.

¹⁰ Có người dịch, nghiên cứu Kinh tạng Pāli, như Sư cô Thích nữ Trí Hải (dịch *Thanh Tịnh Đạo*, một thánh điển của tạng Pāli, viết *Tóm tắt Kinh Trung Bộ* và dịch nhiều sách Phật giáo khác), cư sĩ Trần Phương Lan (dịch một số một số tập trong *Kinh Tiểu Bộ* từ bản dịch tiếng Anh, soạn giáo trình dạy tiếng Anh, dựa nhiều trên Tạng kinh Pāli, dịch nhiều sách về đời Đức Phật), Hòa thượng Thích Chơn Thiện (Viện trưởng Học viện Phật giáo, Huế, soạn công trình *Lý thuyết nhân tính qua Kinh tạng Pāli*, viết *Tìm hiểu Trung Bộ kinh*).

Có người xuất bản nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử, văn hóa Phật giáo Việt Nam, như Thầy Lê Mạnh Thát (Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo, TP.HCM), có người góp phần dịch Đại tạng kinh từ chữ Hán, như Thầy Tuệ Sỹ.

Có người lo tổ chức lo dạy học, dạy thiện như Thầy Tâm Đức (Phó Viện trưởng Viện Phật học, TP.HCM), Sư Bửu Chánh (Trưởng khoa bộ môn Pāli, Viện Phật học, TP.HCM, đồng thời là trụ trì Thiên viện Phước Sơn), Sư cô Tịnh Vân (giáo sư tiếng Pāli, Viện Phật học, TP.HCM)...

¹¹ *Đạo Phật và nền trật tự, đạo đức mới*, 1989.

¹² Theo Lời nói đầu, *Kinh Trung Bộ*, bản in 1973: “Tôi dựa theo nguyên bản Pāli của Hội Pāli Text Society để phiên dịch và dùng ba bản dịch làm tài liệu. Tài liệu thứ nhất là những ghi chú bằng tiếng Anh và chữ Hán, tôi đã tự mình ghi vào bản Pāli, từng chữ, từng hàng, từng trang một, khi tôi theo học bản Pāli này, từ năm 1952 đến năm 1955 tại Hội Dharmaduta Vidhyalaya ở Colombo, Tích Lan, do Ngài Pannananda diễn giảng. Bản tài liệu thứ hai là bản dịch “The Middle Length Sayings” của cô L.B. Horner, Hội Pāli Text Society, một công trình dịch thuật rất chu toàn; và bản thứ ba là bản dịch ra tiếng Nhật của bộ Nam truyền Đại tạng kinh. Thỉnh thoảng tôi tham khảo các bản kinh Hán tạng tương đương nếu thấy cần thiết.” (...) “Các bài kinh chữ Hán tương đương trong bộ Trung A-hàm không giúp đỡ được nhiều (...) Cho nên, bản Hán tạng nhiều khi tối nghĩa và dễ phát sinh hiểu lầm.”

¹³ Lời giới thiệu *Kinh Trường Bộ*, 1972.

¹⁴ Lời giới thiệu *Kinh Trường Bộ*, tập IV, 1972.

¹⁵ Dịch kinh và Đại học, trong *Chánh pháp và Hạnh phúc*, 1996.

¹⁶ Lời nói đầu, *Kinh Trung Bộ*, bản in 1986.

¹⁷ Lời giới thiệu, *Kinh Trường Bộ*, tập IV, 1972.

¹⁸ Như trên ⁽¹⁷⁾.

- Câu nói người ta thường cho là của nhà bác học Einstein là: “Nếu có một tôn giáo nào đương đầu với các nhu cầu của khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần xét lại quan điểm của mình để cập nhật hóa với những khám phá mới của khoa học. Phật giáo không cần phải từ bỏ quan điểm của mình để xu hướng theo khoa học, vì Phật giáo bao hàm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học”.

(If there is any religion that would cope with modern scientific needs, it would be Buddhism. Buddhism requires no revision to keep it up to date with recent scientific finding. Buddhism need no surrender its view to science, because it embraces science as well as goes beyond science).

(Trích từ Collected famous quotes from Albert Einstein. http://rescomp.stanford.edu/~cheshire/Einstein_quotes.htm).

¹⁹ Trong khi HT.Thích Minh Châu dịch *Tạng kinh* Pāli thì HT.Tịnh Sự thuộc PGNT dịch toàn bộ *Tạng Vi Diệu Pháp* vào những năm 1975-1983 từ bản tiếng Thái. Các đệ tử của Ngài tu chỉnh và xuất bản vào những năm 2003-2005. Đại đức Nguyệt Thiên đã dịch và xuất bản toàn bộ *Tạng Luật* từ nguyên gốc Pāli, vào những năm 2003-2005. Đại đức đang tiếp tục dịch lại một số tập trong *Kinh Tiểu Bộ* (như *Chuyện Thiên cung*, *Chuyện Nga quý*, *Trường lão Tăng kệ*, *Trường lão Ni kệ*) và dịch thêm những tác phẩm khác (như *Phật sử* (Buddhavamsa), *Hạnh Tạng* (Cariyapitaka), *Milinda Vấn Đạo*, *Phân Tích Đạo* (Patisambhidamagga), *Thánh Nhân Ký Sự* (Apadana) và góp phần hoàn thiện *Tam tạng Pāli*.

Trong khi đó thì *Đại tạng kinh Việt Nam* có gốc chữ Hán cũng đã bắt đầu được chuyển dịch và xuất bản, dưới sự chỉ đạo của các Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Thích Thanh Từ, Thích Đức Nghiệp...

HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU MỘT NGÔI SAO CÀNG NHÌN CÀNG SÁNG

Thích Bửu Chánh

Từ năm 1974 tôi đã được biết Hòa thượng Thích Minh Châu thông qua những bộ kinh Nikāya như *Trường Bộ*, *Trung Bộ* được ngài dịch từ Pāli ra Việt ngữ.

Từ năm 1980 tôi có duyên lành đến Thiền viện Vạn Hạnh học kinh *Trung Bộ* với Hòa thượng vào mỗi chiều thứ Hai, thứ Tư, thứ Sáu hàng tuần, từ đây tôi có dịp thân cận, tiếp xúc với một bậc chân tu, đạo cao, đức trọng có một không hai trong cuộc đời này.

Tôi nhớ lúc đó lớp học khoảng 40 - 50 người, học ở bên hông ngôi chánh điện cũ, thầy Giác Đồng đọc từng đoạn trong bài kinh *Trung Bộ*, Hòa thượng giảng giải chi tiết, cứ thế cho đến khi hết một bài kinh *Trung Bộ* khoảng hai tiếng đồng hồ. Giọng đọc của thầy Giác Đồng rất đậm ấm, giọng giảng bài của Hòa thượng rất truyền cảm tạo cho lớp học một niềm cảm xúc thiêng liêng, khoảng 3 năm thì lớp học kinh *Trung Bộ* hoàn tất 3 tập với số lượng 152 bài.

Một bài kinh *Trung Bộ* như một thang thuốc bổ bồi dưỡng tinh thần cho học viên chúng tôi có thêm sức khỏe tâm linh để củng cố niềm tin đối với Phật, Pháp, Tăng. Những bài kinh trí tuệ, từ bi trong kinh *Trung Bộ* như tấm bản đồ giúp cho tôi thấy rõ con đường đang đi.

Năm 1988 duyên lành đến với tôi một lần nữa, tôi thi đậu vào khóa II trường Cao cấp Phật học Việt Nam (cơ sở 2), nay là Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh đặt cơ sở tại Thiền viện Vạn Hạnh, tôi được nhà trường bố trí nội trú tại Thiền viện Vạn Hạnh, khóa

II này chỉ có 80 Tăng Ni sinh chính thức, tôi vô cùng hạnh phúc vì được có cơ hội tu học tại ngôi chùa do Hòa thượng làm viện chủ, mỗi ngày được thấy mặt Hòa thượng, được nghe Hòa thượng nói chuyện, được Hòa thượng dạy bảo, ba tháng hạ được quá đường chung với Hòa thượng, thỉnh thoảng được Hòa thượng kể cho nghe những năm tháng Hòa thượng du học ở Sri Lanka, ở Ấn Độ.

Bây giờ tôi thêm những năm tháng bình yên như thế, thêm được làm Tăng sinh, được ở chung chùa với Hòa thượng, được nghe Hòa thượng dạy bảo, nhưng thời gian trôi qua không bao giờ trở lại.

Tôi tu học nội trú tại Thiền viện Vạn Hạnh từ năm 1988 đến năm 1995. Suốt thời gian này tôi chưa bao giờ thấy Hòa thượng tỏ thái độ giận hờn trách móc một ai. Ngài như một ông tiên càng nhìn càng hoan hỷ.

Ngày 26-11-1995 tôi rời xa Thiền viện Vạn Hạnh, xa Hòa thượng để đi du học tại Đại học New Delhi, Ấn Độ, phân khoa Phật học. Gần tám năm du học ở Ấn Độ, khi tiến hành làm luận án tiến sĩ Phật học chuyên ngành kinh điển Pāli, tôi càng nhớ ơn Hòa thượng hơn. Những bản dịch chính xác, trung thành của Hòa thượng về năm bộ Nikāya đã giúp cho tôi rất nhiều trong việc so sánh đối chiếu với bản kinh Pāli, bản kinh tiếng Anh và bản kinh tiếng Việt của Hòa thượng. Nếu không có những bản kinh tiếng Việt của Hòa thượng thì rất khó khăn cho tôi để hoàn thành luận án tiến sĩ Phật học chuyên ngành Pāli của mình. Lúc đó tôi mới thấy sự vĩ đại của Hòa thượng trong thời gian 12 năm dài du học gian khổ ở Sri Lanka và Ấn Độ, vĩ đại trong việc phiên dịch Kinh tạng Pāli ra tiếng Việt, phải so sánh đối chiếu từng chữ, từng câu của văn bản Pāli, văn bản tiếng Anh, văn bản chữ Hán rồi mới có thể dịch ra từng chữ, từng câu tiếng Việt được.

Hòa thượng thông thạo tiếng Pāli, thông thạo tiếng Anh và thông thạo tiếng Hán, nhờ vậy mà bản dịch của Hòa thượng có đầy đủ thẩm quyền.

Một đoạn kinh Pāli muốn dịch ra tiếng Việt phải mất thời gian, công sức, trình độ và sự kiên nhẫn; vậy mà Hòa thượng đã dành cả cuộc đời để hoàn thành 5 bộ kinh Nikāya, quả thật không có bút mực nào diễn tả được hết công đức to lớn của Ngài đối với đạo pháp, đối với công việc hoằng dương Chánh pháp.

Quả thật Ngài như một ngôi sao càng nhìn càng sáng. Ngài như một Đường Tăng của Việt Nam trong thời hiện đại.

*“Trung Hoa có Trần Huyền Trang
Việt Nam có ánh trăng vàng Minh Châu”.*

Đôi Lá Giang, Biên Hòa, mùa An cư 2014

MÃI KÍNH NHỚ BẠC CHÂN NHÂN THẾ KỶ XXI

Thích Kiên Định

*K*ính lay Ôn, hé cười, sen hồng nở,
 Pháp y vàng, du hóa khắp muôn nơi,
 Nikāya hiển Pháp Phật rạng ngời,
 Nhà giáo dục, đạo đời luôn kính nhớ.

Nhớ trước kia, Ôn trực tiếp giảng dạy Kinh tạng Nikāya và phương pháp tọa thiền cho Tăng Ni sinh khóa II chúng con (1988-1992), thuộc Trường Cao cấp Phật học Việt Nam Cơ sở II tại TP.Hồ Chí Minh, một trong những lớp học đặc thù có đủ ba hệ phái (Bắc tông, Nam tông và Khất sĩ) cả ba miền (Bắc, Trung và Nam). Ôn đã thi hiện “thân giáo sư” qua công hạnh tu tập, hành thiền mỗi buổi sáng, và đến lớp giảng dạy đều đặn. Chừng đó thôi cũng đủ xứng đáng cho chúng con thành tâm hàm ân và đánh lễ Ôn. Đó là chưa nói đến những khó khăn ban đầu mà Ôn đã đảm đương trong việc thành lập Trường, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Đại học Vạn Hạnh, chưa nói đến vai trò kiêm nhiệm những chức vụ quan trọng trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ôn thật sự đã góp phần giúp cho Phật giáo Việt Nam từng bước chuyển mình khởi sắc, từng bước hòa nhập vào khối đại đoàn kết toàn dân tộc và cộng đồng Phật giáo quốc tế. Khắp nơi trên mọi miền đất nước và nước ngoài đã in đậm dấu chân của Ôn với những công trình phiên dịch vĩ đại còn lưu mãi trong lòng bao thế hệ hôm nay và mai sau.

Đã hơn 20 năm rồi vậy mà ấn tượng cao đẹp của Ôn trước kia và những kỷ niệm ngộ nghĩnh khi chúng con còn là học tăng đến nay vẫn đậm nét trong lòng. Thật là khó quên, cứ mỗi sáng nào có giờ học môn Nikāya - *Trường Bộ* hay *Trung Bộ* - của Ôn dạy, thì đêm trước đó, mỗi Tăng, Ni sinh chúng con phải tự coi lại bài cũ đã học, vì “sợ Ôn dò bài”. Hễ vào đầu giờ học là Ôn thường gọi các Tăng, Ni sinh lên trả bài. Nếu vị nào không thuộc bài thì rất thẹn với học chúng và bị điểm thấp, chứ hiếm khi nghĩ rằng ‘nếu không thuộc bài thì chắc Ôn buồn lắm’. Hôm nào đến lớp, hễ thấy Ôn lật Bảng số điểm ra thì tâm lý đa số chúng con cảm thấy lo âu và hồi hộp. Khó quên nhất là khi Ôn cầm bút đỏ rà tên theo mẫu tự ABC và gọi đúng tên mình thì trống ngực ‘automatic’ nổi lên đánh thình thịch liên hồi. Và hồi hộp nhất là khi cây bút đỏ của Ôn chậm chậm rà theo số thứ tự từ vẫn A cho đến cuối trang thứ hai của Bảng số điểm và rồi xếp lại, thì ai nấy đều “thở phào nhẹ nhõm”, vì mình không bị Ôn gọi.

Một trong những kỷ niệm dễ thương nữa là giờ Thiên hành tại Chánh điện (cũ) của Thiền viện Vạn Hạnh. Được Ôn hướng dẫn cách ngồi thiền và lợi ích của hành thiền, mấy hôm đầu, ai nấy đều học đều đặn, và lắng nghe Ôn giảng kinh *Tứ Niệm Xứ* (Thân, Thọ, Tâm, Pháp) - đó là bốn nơi chốn đặt niệm ngang qua hơi thở để giúp cho thân tâm được an tịnh, nhằm nhận biết rõ các cảm thọ, đồng thời nhận thấy sự vô thường mong manh của tất cả các pháp trên cơ sở 16 đề tài quán niệm đặc thù. Đối trước Ôn, chúng con tự thấy mình còn nhỏ bé lắm, nên khi Ôn trực tiếp hướng dẫn thì ai nấy ngoan ngoãn lắng nghe và ngồi thiền rất nghiêm túc. Thế nhưng khi vắng Ôn, đến giờ hành thiền thì có một số học tăng “chuồn” vào các phòng trong Tăng xá để hàn huyên tạp thoại. Có hôm thầy Giám thị biết “bài” trốn học của học tăng, nên nhẹ chân bước vào phòng “bắt quả tang”. Biết rõ “bài lười” của các học tăng này, nên trong những giờ hành thiền kế tiếp, thầy Giám thị tiến hành điểm danh gắt gao và trừ điểm. Nhờ vậy, giờ hành thiền luôn được đông đủ và nghiêm túc.

Một trong những kỷ niệm khó quên nhất là khi gần đến kỳ thi học kỳ. Nhớ lúc ấy trong giờ ôn tập *Kinh Trung Bộ*, Ôn cho học thuộc đến 16 kinh. Cả lớp rên ầm lên vì Ôn cho học quá nhiều. Khi đó, trong lớp có vị đứng lên thưa: “Bạch Ôn, kinh nhiều quá học không xuể, Ôn ơi! Vì còn phải học nhiều môn học khác nữa, xin Ôn giảm bớt cho chúng con và cho học những kinh nào quan trọng”. Nghe học trò rên như vậy, Ôn nhìn cả lớp và chỉ cười như thể thấu hiểu tâm lý học trò chuyên đòi than van chuyện thi cử. Với chiếc y vàng tò ừng sắc diện, lưng thẳng, ngồi gọn trên chiếc ghế, hai cùi tay tựa trên mặt bàn, đôi mắt lim dim, Ôn nhã nhặn nói: “*Chúng tôi nhận thấy rằng những kinh nào Phật dạy đều là những kinh rất quan trọng, vì thế cho nên chúng ta học kinh gì thì thi kinh ấy*”. Khi nghe Ôn vừa “phán” xong, cả lớp phát ra tiếng “ồ...!” như tiếng thở dài nhẹ nhõm và chấp nhận, chứ chẳng ai dám rên nữa. Thế là học kỳ đó ai nấy đều phải học hết 16 kinh.

Không khí học thi tại Thiền viện Vạn Hạnh âm thầm mà như nắng chiều hối giục. Mỗi người tự tìm cho mình một góc yên tĩnh để học bài. Có những học tăng, sau khi tự học xong, ngồi tùm năm tùm ba dò bài lẫn nhau. Cứ như vậy ngày này qua ngày khác, không khí học thi thật vui tuy rất căng thẳng. Thậm chí, quý thầy học tăng đi dạo với nhau sau buổi cơm chiều trong sân Thiền viện mà cũng có không khí học thi. Chẳng hạn, có vị đang đi bỗng cất lên: “Quý thầy đã học thuộc hết *Trung Bộ* chưa?”. Vừa hỏi xong, vị ấy tự nắm chặt tay đưa lên ngang ngực, nói: “*Phải nghiên răng, dán chặt lưỡi lên nóc họng, lấy tâm chế ngự tâm, lấy tâm điều phục tâm, lấy tâm đánh bại tâm*”. Khi vị ấy vừa dứt lời thì cả nhóm nổi lên cười thật vui. Đó là kỷ niệm khó quên.

Vui hơn nữa là ngay sau khi thi học kỳ vừa xong, khi đi dạo trong sân Viện, có vị lớn tiếng nói “*Vậy là chúng ta đã thi xong, ‘Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, các kiết sử đã đoạn tận, không còn trở lui trạng thái này nữa, như cây ta-la bị chặt đứt đầu, không còn tái sinh trong tương lai*”. Khi vị ấy vừa dứt lời, cả chúng nhao lên cười thỏa thích. Ngôn ngữ kinh văn Nikāya cứ như thế mà thâm nhập vào các thế hệ Tăng Ni sinh của Trường, để cho Phật giáo Việt Nam trở thành một nước Phật giáo đặc thù dung hòa cả hai hệ tư tưởng Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền.

Chính giai đoạn bốn năm khổ học ấy đã trang bị cho Tăng Ni sinh những nền tảng Phật pháp căn bản và thực tiễn qua những lời dạy nguyên thủy của Đức Phật từ Kinh tạng Nikāya. Sau khi họ rời khỏi chiếc ghế nhà trường, nền tảng Phật pháp ấy có thể giúp họ niềm tự tin trên con đường tự lợi và lợi tha, cũng như trong sự nghiệp hoằng pháp mà không sợ bị lầm đường lạc lối. Đó là đóng góp vô cùng to lớn mà Ôn đã cống hiến cho giáo dục và văn hóa Phật giáo Việt Nam.

Ngày nay, nhìn lại những công trình phiên dịch và những đóng góp vĩ đại của Ôn cho Phật giáo Việt Nam, có lẽ sự viên tịch của Ôn là tiếng chuông cảnh tỉnh cho những vị lãnh đạo Giáo hội về cái tâm và tầm của người lãnh đạo, cũng như quan tâm hơn nữa cho tiền đồ của Phật pháp trong nay mai. Ngôi nhà chung của Giáo hội sẽ trở nên bền vững hơn và đi đúng Chánh pháp hơn nếu Giáo hội Phật giáo Việt Nam đào tạo ra nhiều Tăng Ni đóng góp tinh hoa và trí tuệ của mình như những gì cố Hòa thượng Minh Châu đã làm, đã sống, đã phụng sự, và đã hiến dâng. Giáo hội Phật giáo Việt Nam chắc hẳn sẽ không bao giờ quên sức kiên nhẫn bền bỉ dẻo dai của Ôn, và lấy đó làm tấm gương khích lệ các Tăng Ni trẻ học tập theo bậc cao tăng tuyệt vời của thế kỷ XX, XXI này. Lời cuối, thành kính tưởng niệm Ôn:

*Cửu thập ngũ niên hiện hồng trần,
Tùy duyên hóa kiếp mộng phù vân,
Tiêu dao hàm tiểu, đăng Bảo sở,
Tứ chúng bi ai, kính Chân nhân.*

ĐỨNG GIỮA ĐẠI HỌC NALANDA TƯỞNG NIỆM CỔ HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Thích Nguyên Hiền

Cuộc đời và sự nghiệp của Hòa thượng Thích Minh Châu đã quá nổi tiếng và được nhiều người viết lại, thậm chí đã dựng thành phim. Ở đây chúng tôi chỉ xin được tưởng niệm Hòa thượng từ một không gian khác, một góc độ khác, góc độ nhìn một du học tăng Việt Nam tại một học viện lừng danh thế giới ngày xưa giữa đồng hoang tàn đổ nát ngày nay, cũng như vai trò đặc biệt của Hòa thượng đối với Phật giáo Việt Nam hiện đại.

Chúng tôi đến Nalanda vào một buổi chiều nắng gắt, cái nắng chói chang như muốn nung cho chín thêm những viên gạch vô tri nhưng mang nhiều ẩn tích thời gian và lịch sử giữa cái hoang liêu của một viện đại học Phật giáo đầu tiên trên thế giới ngày xưa. Chẳng mấy ai biết đâu là những viên gạch của 2.000 năm trước, đâu là gạch mới được xây lên. Quá khứ và hiện tại đan xen vào nhau, chồng chất lên nhau. Thời kỳ vàng son của những Đại luận sư nổi tiếng như Long Thọ, Thánh Thiên, Vô Trước, Thế Thân, rồi Pháp Hiền, Huyền Tráng, Nghĩa Tịnh cho đến thuở Nalanda đẫm máu và bị san bằng khi quân Hồi giáo đến đây, và giữa cái hoang tàn đổ nát hôm nay, để tưởng niệm Hòa thượng Minh Châu, người từng lưu học tại Đại học Nalanda mới, trở thành giáo sư của viện và giữ chức Hội trưởng Hội Phật giáo Nalanda. Đó là không gian tưởng niệm mang nhiều ý nghĩa.

Đọc lại *Đường về xứ Phật* của ba vị Hòa thượng Minh Châu, Thiện Châu, Huyền Vi cùng ngài Pasadika, nghĩ đến những ngày tháng chư vị tu học tại đây mà trong tâm dậy lên nhiều cảm xúc đặc biệt, khi bối cảnh giao lưu văn hóa trong thời hiện đại trở thành những dấu ấn quan trọng trong sự phát triển của mỗi quốc gia.

Trong *Đường về xứ Phật*, Hòa thượng Minh Châu từng viết: “Nếu Lâm-tì-ni là thánh địa, bởi Đức Phật giáng sanh ở đó thì Nalanda là đất thiêng đã chứng kiến sự xuất hiện của hai vị đệ tử Ngài là Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên (...). Nếu Bồ-đề Đạo tràng là nơi Đức Phật viên thành Chánh pháp thì Nalanda là đất thiêng đã truyền chiếu ánh sáng ấy đến với vô số người ở khắp nơi trên thế giới. Nếu Lộc Uyển là thánh địa, bởi ở đó Đức Phật đã chuyển pháp luân lần đầu tiên thì Nalanda là đất thiêng đã hoằng truyền Chánh pháp, trong một thời gian dài hơn ngàn năm. Nếu Câu-thi-na là thánh địa, bởi ở đó Đức Phật đã nhập Niết-bàn thì Nalanda là đất thiêng đã chứng kiến sự viên tịch của Tôn giả Xá-lợi-phất. Hơn nữa, Đức Phật chưa bao giờ trở lại nhiều lần để thăm Lâm-tì-ni, Bồ-đề Đạo tràng, Lộc Uyển và Câu-thi-na, sau khi Ngài giáng sanh, đắc đạo, chuyển Pháp luân và nhập Niết-bàn, nhưng Ngài viếng thăm Nalanda rất nhiều lần”.

Những dòng chữ trên của chư vị Hòa thượng tiền bối đã khẳng định giá trị trường đại học này về mặt tôn giáo. Còn về mặt lịch sử cũng như giá trị học thuật, dù trải qua những thăng trầm đáng kể, Nalanda nghiêm nhiên trở thành một địa chỉ quan trọng để một du học tăng đặc biệt như Hòa thượng Thích Minh Châu đã chọn để đến học và hành đạo tại đây.

Đại luận sư Long Thọ (Nagarjuna), sống vào thế kỷ thứ II được xem là đã từng theo học tại Nalanda và trở thành viện trưởng của viện đại học này. Vào thế kỷ thứ VII, Đường Tăng Huyền Trang đã đến đây tu học dưới sự chỉ dạy của Viện trưởng Silabhadra (Giới Hiền). Huyền Trang đã từng tả Nalanda như sau: “Số Tăng sĩ đông đến vài ngàn, đều là những bậc tài năng xuất chúng. Những bậc này phần nhiều là những vị kỳ tài, danh tiếng vang đến cả những nước ở ngoài. Đức hạnh của những vị này hoàn toàn thanh tịnh, không thể chê trách gì. Họ theo giới luật một cách chơn thành. Quy luật của tu viện rất nghiêm khắc và tất cả Tăng sĩ đều bắt buộc phải tuân theo. Cả nước Ấn Độ đều kính phục và tuân theo những lời chỉ dạy của những vị này. Cả ngày họ không có đủ thì giờ để hỏi và trả lời những câu hỏi có ý nghĩa sâu xa. Từ sáng cho đến tối, các vị này đều luôn luôn biện luận. Già và trẻ đều giúp đỡ lẫn nhau. Những ai không thể biện luận về kinh điển đều không được kính trọng và phải lẩn tránh vì xấu hổ. Những nhà học giả từ các thành thị khác, muốn mau có danh tiếng trong các cuộc biện luận đều đến Nalanda rất đông, để được giải đáp những điểm mình còn nghi ngờ, và vì vậy danh tiếng của những vị ở Nalanda được lan truyền rất rộng. Cũng vì vậy mà có nhiều người muốn có danh của Nalanda để được người ta kính trọng.

Các người ở các giới khác muốn dự các cuộc biện luận phải bị người giữ cửa hỏi vài câu khúc mắc, nhiều người không trả lời được phải trở về. Phải học giới cả tân và cựu kinh điển mới được thâm nhận. Những sinh viên lạ mặt phải tỏ sự biệt tài của mình trong những cuộc biện luận gặt gao, và số người bị hồng so với những vị trúng tuyển độ 7, 8 phần 10". Những ghi chép của Huyền Trang trong *Đại Đường Tây Vực ký* nói trên đã khẳng định giá trị của một trường đại học ngày xưa. Nhưng tất cả đã không còn gì do chính sự kỳ thị, tàn ác của con người. Trước đây đã từng có một du học tăng Việt Nam sang Ấn Độ cầu pháp và trở thành một dịch giả nổi tiếng, có khả năng sử dụng tiếng Sanskrit một cách thông thạo, đó là Đại Thừa Đăng (Pradipa) và theo Lê Mạnh Thát, đó chính là ngài Đại Thừa Quang hay Phổ Quang, người phụ trách bút thọ trong 7, 8 phần toàn bộ sách dịch của Huyền Trang trong dịch trường nổi tiếng này. Tuy nhiên, cùng với một số du học tăng Việt Nam trong phong trào Tây du cầu pháp vào thế kỷ thứ VII, VIII và IX, Đại Thừa Đăng cũng nằm trong cái ách "An Nam đồ hộ phủ" của nhà Đường. Những gì được xem là nét son của chư vị đã bị "mẫu quốc" quy hết về cho họ. Tinh thần tự lập tự cường của dân tộc vẫn luôn luôn được thấp sáng, nhưng để tạo một sự khác biệt mang tính lịch sử phải đợi đến mười thế kỷ sau. Tất nhiên việc Tây du cầu pháp trong thời cận và hiện đại không cần phải lặn lội băng rừng vượt biển như các nhà du hành Ấn Độ ngày xưa, nhưng dù bằng đường hàng không, việc xuất dương cầu pháp của Hòa thượng Minh Châu và chư vị đồng liêu là một bước ngoặt lớn tạo tiền đề cho Phật giáo Việt Nam hiện đại.

Đứng giữa Đại học Nalanda ngày xưa, chúng tôi nhận ra sự khác biệt của những tư tưởng chủ đạo có thể dẫn đến sự khác biệt của những hiện vật xung quanh. Với cái danh tiếng ngàn năm vang bóng của Nalanda, nếu không phải nằm trong hệ tín ngưỡng Hindu thâm căn cố đế, thì dù cho Hồi giáo có san bằng Nalanda thành bình địa thì không lâu sau đó nó có thể được khôi phục trở lại. Nhưng Chính phủ Ấn Độ đã nhận ra điều này quá trễ. Nếu không nhờ lòng nhiệt thành của các nhà khảo cổ Tây phương thì đến nay Nalanda vẫn còn chìm trong quên lãng. Ngày 19 tháng 11 năm 1951, Đại học Nalanda mới được thành lập dưới sự đề xướng của Đại đức Kassapa ... Tổng thống Dr. Rajendra Prasad, Phó Tổng thống Dr. S. Radhak - Risham và Thủ tướng Nehru đều có đến tham dự. Trong bài diễn văn của Tổng thống R. Prasad đọc trong buổi lễ đặt đá có nói: "Muốn làm sống lại cái quá khứ sáng chói của Nalanda, một trung tâm học vấn của thế giới, Chính phủ Bihar phải xây dựng Nalanda mới để giúp các học giả đi sâu vào ngôn ngữ Pāli và Sanskrit, văn chương và triết học Phật giáo. Chúng tôi hết sức tán thành sáng kiến cao đẹp ấy. Tên Nalanda đã ghi những dòng chữ vàng trong quyển lịch sử của đất nước chúng ta; không những nó đã làm nẩy nở rất nhiều bông hoa tư tưởng ở tại quốc nội, mà đã là trung tâm từ đó nền giáo dục tốt đẹp đã truyền rộng ra các nước trên thế giới".

Mười năm sau khi Nalanda-mới được thành lập, Hòa thượng Thích Minh Châu, một du học tăng Việt Nam đã đến thọ giáo tại đây. Hòa thượng Thích Minh Châu là người từng đỗ đầu một kỳ thi M.A và là người đầu tiên đỗ bằng tiến sĩ của Nalanda-mới. Luận án tiến sĩ Phật học của Hòa thượng là *So sánh Trung Bộ kinh chữ Pāli với Trung A-hàm chữ Hán* (The Chinese Madhyama Āgama and The Pāli Majjhima Nikāya). Sự so sánh mở ra cái nhìn mới đầy khách quan về hai hệ thống kinh điển mà đối với Trung Hoa, mãi đến Ấn Thuận mới bắt đầu có sự so sánh đối chiếu, trong khi nơi ngài Ấn Thuận vẫn còn ít nhiều thiên kiến về Hán tạng. Sau khi tốt nghiệp tiến sĩ, chính ngài Viện trưởng Moohejree, một học giả nổi tiếng Sanskrit và Luận lý học, đã đề xuất Chính phủ Ấn Độ mời Hòa thượng Minh Châu dạy về môn Pāli và Phật học tại đại học này. Thực ra, đó không chỉ là niềm tự hào của chúng tôi khi đứng giữa Nalanda, về một người Việt Nam đã nổi tiếng tại cái nôi học thuật này, mà chính là sự đóng góp lớn lao của Hòa thượng Minh Châu đối với Phật giáo Việt Nam.

Có thể nói, gần 2.000 năm Phật giáo Bắc truyền, người Trung Hoa không hề biết có một hệ kinh điển song song với bốn bộ A-hàm của họ là Nikāya, vốn là Phật pháp căn bản (Basic Budhisme), họ vẫn luôn xem A-hàm chỉ là Nguyên thủy (Primitic Budhisme), là Tiểu thừa với hàm ý thấp kém (xem *Duy thức học thám nguyên* của Ấn Thuận). Trái lại, các nước Phật giáo Nam truyền lại không biết gì đến Phật giáo Đại thừa (Mahayana) và họ còn xem kinh điển Bắc truyền như một thứ tà đạo. Khi chúng tôi đến thăm một ngôi chùa lớn ở thủ đô Colombo của Tích Lan, nhìn chiếc áo nâu lã lẫm của tôi, các vị sư trẻ Theravada hỏi tôi về phái hệ. Sau khi biết tôi là người Việt Nam thuộc truyền thống Mahayana, họ đã khoát tay lịch sự đẩy về xã giao mà nói rằng: “Không sao không sao, mình đều là Phật tử cả”, làm như ngoài họ thì tất cả những người khác đều là ngoại đạo vậy. Nói thế để thấy rằng, Phật giáo Việt Nam hiện đại là một nền Phật giáo đặc biệt nhất thế giới khi dung hòa cả hai hệ thống kinh điển Nam tạng và Bắc tạng, và tất cả công lớn ấy đều xuất phát từ Hòa thượng Minh Châu.

Sau khi du học về nước, Hòa thượng đã dịch toàn bộ kinh tạng Pāli sang Việt ngữ, trong đó có: *Trường Bộ, Trung Bộ, Tiểu Bộ, Tăng Chi Bộ, Tương Ưng Bộ* và nhiều kinh điển khác. Trong các Học viện Phật giáo Việt Nam ngày nay, Tăng Ni sinh được học cả hai hệ thống kinh điển. Hai hệ thống bổ sung cho nhau. Chính hình ảnh Đức Phật lịch sử cùng những bài kinh gân gùi đã làm nền cho hình ảnh một Đức Phật pháp thân và những tư tưởng khai phóng tuyệt vời của kinh điển Bắc tạng. Nhờ đó, một tu sĩ Phật giáo Việt Nam có thể đi ra nước ngoài và tiếp nhận, dung hòa được văn hóa Phật giáo các nước một cách dễ dàng, không trở ngại. Sau Hòa thượng Minh Châu và các vị Hòa thượng đồng liêu như

Hòa thượng Thiện Châu, Hòa thượng Huyền Vi, có Hòa thượng Chơn Thiện cũng sang học tại Ấn Độ. Với ảnh hưởng vị tiền bối của mình, Hòa thượng Chơn Thiện đã viết *Phật học khái luận* bằng cái nhìn dung hòa cả hai hệ thống kinh điển, tạo nên một ảnh nhìn tham chiếu khá đặc sắc của Phật giáo Việt Nam. Sau Hòa thượng Chơn Thiện là đồng đạo Tăng Ni sinh Việt Nam du học Ấn Độ, cũng như bủa khắp các nước Phật giáo Nam Bắc truyền, từ Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng đến Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan. Sự đa dạng và dung hòa của Phật giáo Việt Nam sau này là điều hiển nhiên mà ngọn cờ đầu chính là Hòa thượng Thích Minh Châu.

Cách đây đúng 10 năm, người viết bài này có dịp đến ở lại tại Đại học Nalanda-mới ba ngày hai đêm. Lúc ấy có một vị Tăng Theravada người Việt Nam đang học tại đây, đó là Đại đức Thích Trí Quảng. Có hai sư cô Bắc tông Việt Nam ở đây nữa, nhưng hình như quý sư cô thuê phòng ở ngoài nên tôi không nhớ rõ pháp danh. Chính quý sư cô là người nấu cơm chay đem vào phòng của sư Trí Quảng để tiếp khách tăng Việt Nam. Trong các cuộc hàn huyên với sư Trí Quảng, nội cái chuyện chay mặn không thôi mà tôi đã không thông nổi, thì làm sao nói chuyện dung hòa đối với tư tưởng và kinh điển Nam tạng, Bắc tạng. Càng về sau, mình mới thấy cái ấu trĩ của mình khi nói chuyện với sư Trí Quảng, và càng thấy khâm phục các bậc tiền bối như Hòa thượng Minh Châu, vốn xuất thân từ Phật giáo Đại thừa truyền thống của Việt Nam sang Nalanda tu học và trở thành giáo sư tại học viện này, sau đó về nước, chỉ có chiếc y trên mình là khác với Phật giáo Việt Nam - thực ra đó mới là y phục truyền thống - còn tất cả hình ảnh của Hòa thượng là một vị danh tăng làm rạng rỡ Phật giáo Việt Nam thông qua Đại học đường Vạn Hạnh.

Đại học Vạn Hạnh được thành lập vào năm 1964, chỉ trong vòng hơn mười năm, Vạn Hạnh đã trở thành viện đại học nổi tiếng, quy tụ rất nhiều những trí thức thượng thặng miền Nam trước 1975. Tạp chí *Tư Tưởng* thuộc Tu thư Vạn Hạnh đã trở thành một tạp chí giá trị và có uy tín nhất từ trước đến nay mà hiện tại vẫn còn nhiều người tìm đọc. Dưới sự chủ trì của Hòa thượng Minh Châu, Đại học Vạn Hạnh trở thành bước đột phá của giáo dục PGVN, song song với hệ thống tư thực Bồ Đề, giáo dục PGVN đã tách riêng khỏi giáo dục công lập và trở lại đóng góp cho giáo dục nước nhà rất nhiều thành phần ưu tú cũng như tư tưởng ưu việt của Phật giáo giữa một quốc gia nhỏ bé trước sự bành trướng phương Bắc, mà vẫn tự lập tự cường và ngẩng cao đầu về phương diện học thuật rất riêng của nó.

Nếu xem kinh điển của PGVN hiện tại đã được phiên dịch gồm hai phần Nam tạng và Bắc tạng, thì có thể nói không ngoa rằng Hòa thượng Minh Châu đã gánh hết một nửa bổ chữ của kinh điển PGVN. Tất nhiên đó là nói theo hệ kinh điển chứ không nói theo số lượng. Có thể có rất nhiều người không đồng quan điểm khi nhìn Hòa thượng dưới góc độ chính

trị hay phái biệt. Nhưng dưới góc nhìn văn hóa giáo dục, hình ảnh Hòa thượng là một bậc Thầy lớn của tất cả Tăng, tín đồ Phật tử Việt Nam.

Đi một vòng quanh đất nước Ấn Độ, có rất nhiều nơi người ta không biết đến người Việt Nam. Nhưng khi phái đoàn chúng tôi đến Nalanda, vừa xuống xe, các hàng quán hai bên liền mở đĩa các Phật tích bằng tiếng Việt, tiếng Việt vang vang khắp hai bên đường trong một buổi chiều đất khách làm chúng tôi rất vui. Ngay cả các tác phẩm thủ công mỹ nghệ được bày bán ở đây cũng có cái gì đó rất Việt Nam, rất Đông Nam Á, đặc biệt là các túi xách bằng vải lụa hay các đồ vật, từ hoa văn họa tiết đến kiểu dáng đều rất Việt Nam. Chi tiết đó tuy nhỏ nhưng rất ấn tượng đối với người viết bài này.

Đứng giữa Huyền Trang Kỷ niệm đường, cách Nalanda cũ một cái hồ rất rộng, nước trong xanh và mát rượi, chúng tôi đánh lễ pho tượng của ngài Huyền Trang. Đây là một kiến trúc do Chính phủ Ấn Độ xây dựng để tưởng niệm công ơn của Đường Tăng đã đóng góp rất lớn cho việc tìm hiểu lịch sử và văn hóa Ấn Độ vào thế kỷ thứ VII. Chúng ta không thể dựng tượng Hòa thượng Minh Châu nơi này, nhưng trong một không gian tưởng niệm đặc biệt tại Nalanda, công đức của Hòa thượng Minh Châu đã dựng hình trong tâm khảm hàng Phật tử Việt Nam trên đất Ấn. Hòa thượng Thích Minh Cảnh đã nói với chúng tôi: “Nếu chưa đến Nalanda, người ta sẽ chưa thấy hết được cuộc đời và sự nghiệp của Hòa thượng Minh Châu”. Trong niềm cảm kích đó, chúng tôi đã đánh lễ trước tượng của ngài Huyền Trang như đánh lễ một vị đại diện cho các nhà chiêm bái Ấn Độ từ xưa đến nay, trong đó có hình ảnh của vị Trưởng lão Việt Nam có dáng người thấp bé với chiếc y vàng bá nạp chéo vai, có hàng lông mày trắng muốt phủ xuống hai mi mắt, nụ cười đôn hậu, hiền hòa, nhưng cuộc đời và sự nghiệp còn phải nói đến rất nhiều và lưu mãi đến ngàn sau.

CẢM NHẬN VỀ MỘT BẬC DANH TẶNG

Tiến sĩ Nguyễn Khắc Thuần

(Trưởng khoa Du lịch và Việt Nam học - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1.

Cuối năm 1962, tôi tình cờ đọc được mẩu tin rất ngắn rằng Đại đức Thích Minh Châu là bậc tu hành người Việt Nam đầu tiên đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ Phật học tại Trường Đại học Nalanda, Ấn Độ. Phải như thế chứ! Tôi reo lên vì cảm thấy thực sự mừng vui. Đại đức mà đã như vậy, ắt hẳn sau này khi được suy tôn là Thượng tọa rồi Hòa thượng, trí tuệ Thích Minh Châu sẽ tỏa sáng ngời ngời.

Sự kiện này diễn ra vào năm 1961 nhưng phải đến cuối năm 1962 tôi mới may mắn biết được bởi lẽ đơn giản là lúc ấy Nam Bắc còn phải tạm cách chia, mọi thông tin rất khó được kết nối. Hồi đó ở miền Bắc, xã hội hiểu biết về tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng còn hạn chế chứ chưa được như ngày nay. Không ít người nông cạn và quá khích dám ngang nhiên coi chùa chiền là nơi duy trì và quảng bá hành vi mê tín dị đoan. Tuy nhiên, có lẽ cũng nên nói cho công bằng, rằng xã hội hiểu chưa đúng về Phật giáo là lỗi của xã hội, còn Phật giáo chưa cố gắng làm cho xã hội hiểu đúng về mình, như thế cũng có thể nói là chưa được chu toàn. Không ai nỡ lòng trách các bậc tu hành đâu vì chuyện tế nhị này kể cũng khó nói

lắm. Bấy giờ, giáo dục phải tách hẳn khỏi tôn giáo đã dành, ngay trong đội ngũ xuất gia, tu học cho đúng nghĩa cũng đâu dễ gì công khai thực hiện.

Đạo hạnh rất được đề cao và đó cũng là lẽ đương nhiên, nhưng khao khát của các bậc chân tu về *Duy tuệ thị nghiệp* không có cơ hội để được mọi người cùng đồng lòng tôn vinh. Trong bối cảnh ấy, bảo tôi không reo lên sao được khi nghe tin Đại đức Thích Minh Châu bảo vệ thành công luận án tiến sĩ Phật học ở Ấn Độ. Nhà Phật phải như vậy, Việt Nam phải như vậy, mãi mãi phải như vậy. Nam Bắc tuy có khác biệt nhau nhưng lý tưởng không ngừng vươn lên trên con đường học vấn chân chính chẳng có gì khác nhau.

2.

Cuối năm 1972, khi cơ quan Hội Văn nghệ Giải phóng Sài Gòn - Gia Định còn đóng tại khu Lò Gò - Xóm Giữa (Tây Ninh), nhờ tiếp cận với khá nhiều phương tiện thông tin đại chúng của Sài Gòn, tôi thường theo dõi tình hình giáo dục miền Nam, trong đó có hoạt động của Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn và trường Đại học Vạn Hạnh vì cả hai cơ sở đào tạo này đều gắn liền với tên tuổi của Tiến sĩ Thích Minh Châu.

Do xuất thân là một nhà giáo, lúc nào tôi cũng chỉ mong tất cả các bậc đã quy y sẽ suốt đời tu học theo đúng nghĩa thiêng liêng và cao cả của từ này. Duyên nghiệp tuy có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhưng chắc chắn chưa thể đủ bởi tám cà-sa nào phải chỉ che chở cho một tấm thân, hơn thế nữa, còn che chở cho cả một hệ thống triết lý, tư tưởng và văn hóa đáng kính của nhân loại.

Bấy giờ, do điều kiện quá khó khăn của chiến khu, tôi chưa có cơ hội được tiếp cận với ngành *Tôn giáo học* vốn dĩ đã rất thịnh hành trên thế giới nên đành phải tự mày mò tìm hiểu theo cách riêng của mình. Dần dần, tôi đã đọc hết toàn bộ kho sách cơ quan lúc nào không hay - nhưng xin nói ngay là không phải tôi đọc nhiều mà bởi kho sách ấy nhỏ quá.

Lần đầu tiên tôi được đọc các bản dịch kinh sách của Tiến sĩ Thích Minh Châu nhưng do hiểu biết về Phật giáo còn hạn chế nên nhiều lúc cảm thấy quá lúng túng trước hàng loạt những khái niệm. Tuy nhiên, điều quan trọng là nhờ có những bản dịch này, tôi bắt đầu dành một phần thời gian rất đáng kể để nghiên cứu về Phật giáo, nhất là từ sau ngày 30-4-1975.

3.

Tháng 5 năm 1975, một trong những địa điểm đầu tiên tôi tự tìm đến là trường Đại học Vạn Hạnh, đến chỉ với mục đích tham quan một cơ sở đào tạo mà theo tôi là cần có và nên có. Nhưng trường đang phải tiến hành bàn giao cho Đại học Sư phạm nên trong buổi giao thời, tất cả còn bẽ bộn. Bù lại, tôi được gặp Tiến sĩ Thích Minh Châu (lúc này là Thượng

tọa) và thật sự có thiện cảm với bậc đại khoa tu hành này. Với phong thái ung dung, phép giao tiếp điềm đạm và nhã nhặn, cách diễn đạt tuy rất khiêm nhượng nhưng vẫn chuyển tải được lượng kiến thức thật sự uyên thâm..., ông đã để lại trong tôi những ấn tượng thật tốt đẹp và sâu sắc. Từ đó, mỗi khi có dịp tôi lại xin tới thỉnh giáo Thượng tọa Tiến sĩ Thích Minh Châu một số vấn đề về Tôn giáo học nói chung và Phật học nói riêng. Thượng tọa ưu ái dành cho tôi rất nhiều thiện cảm và thường nói với tôi rằng:

“Thầy có quyền nhìn Phật giáo theo cách riêng của Thầy. Nhưng điều quan trọng là hiện nay Thầy đang may mắn được tiếp xúc với đông đảo cán bộ nhà nước học tại các trường chính trị. Mong Thầy hãy cố gắng góp phần làm cho họ hiểu đúng về Phật giáo. Chúng tôi không dễ gì có cơ hội để làm việc này”.

Tôi vui vẻ đồng ý bởi bản thân tôi cũng mong như vậy, và nhu cầu khách quan và tự nhiên của hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội cũng như vậy. Hiểu Phật giáo có nghĩa là hiểu được bộ phận cấu thành lâu đời nhất của đời sống tư tưởng, hiểu được đầy đủ và sâu sắc hơn về những giá trị cao cả của văn hóa.

4.

Năm 1988, nhân việc Tòa thánh La Mã tiến hành phong Thánh cho 117 người tử vì đạo tại Việt Nam, một cuộc hội thảo khoa học quy mô quốc gia được tổ chức ở thành phố Hồ Chí Minh: *Lịch sử đạo Thiên Chúa trong lịch sử dân tộc Việt Nam*. Tại đây tôi lại có cơ hội gặp Tiến sĩ Thích Minh Châu (vừa được tôn phong Hòa thượng). Báo cáo của Hòa thượng đã thực sự gây được sự chú ý của tất cả mọi người bởi ngoài những giá trị khoa học sâu sắc là cách trình bày uyển chuyển và nhẹ nhàng, dễ nghe, dễ hiểu và cũng rất dễ thấm. Xưa nay, người thực tài bao giờ cũng là người biết diễn đạt những vấn đề cực kỳ phức tạp và khó hiểu bằng những lời giản dị và dễ hiểu; người bất tài thường làm ngược lại. Không phải họ thích như thế mà nguyên nhân sâu xa cũng bởi họ chỉ có thể làm được như thế.

Từ sau cuộc hội thảo khoa học này, có lẽ bởi sự đồng cảm trên nhiều lĩnh vực khác nhau, Hòa thượng Tiến sĩ Thích Minh Châu đã thân ái mời tôi tới tham gia giảng dạy tại Trường Cao cấp Phật học Việt Nam (cơ sở II). Đây đúng là nơi kết tinh tâm huyết và hoài bão của Hòa thượng đối với quá trình đào tạo Tăng Ni sinh Việt Nam. Sau khi tốt nghiệp trường này, rất nhiều Tăng Ni sinh đã noi gương sáng của Hòa thượng, nối nhau đi du học ở nước ngoài. Giờ đây, không phải hàng chục mà là hàng trăm cựu Tăng Ni sinh của trường đã được nhận bằng thạc sĩ và tiến sĩ. Họ rất xứng đáng là các bậc tu hành kế tục xuất sắc sự nghiệp lớn của Hòa thượng Tiến sĩ Thích Minh Châu, rất xứng đáng được đời trân trọng ghi nhận.

5.

Từ ngàn xưa, lịch sử và huyền thoại luôn có cuộc song hành lý thú bèn nhau và xã hội khắp Đông Tây đều cảm thấy rất vui với cuộc song hành này.

Ở Trung Quốc vào thời nhà Đường có bậc cao tăng thế danh là Trần Huy (602-664) từng tự mình tìm đường sang Ấn Độ để tu học và thỉnh kinh, sau đó về nước và trở thành dịch giả lớn vào hàng bậc nhất Trung Quốc, thành bậc khai sáng dòng Pháp Tướng tông (một dạng khác của dòng Duy Thức tông). Đó là lịch sử. Tuy nhiên, từ sự thực lịch sử đến bộ tiểu thuyết lịch sử mang tên *Tây du ký* của cây đại bút Ngô Thừa Ân (1506-1581) thực sự có một khoảng cách rất xa. Lịch sử đã trở nên ly kỳ và giàu sức hấp dẫn đến lạ lùng. Và từ bộ tiểu thuyết lịch sử của Ngô Thừa Ân, Đài Truyền hình và Cục Đường sắt Trung Quốc đã dựng thành bộ phim cùng tên *Tây du ký* dài 25 tập. Lịch sử không phải chỉ trở nên ly kỳ mà còn đậm màu huyền thoại. Ai chẳng biết các nhà biên kịch Đới Anh Lộc, Trâu Úc Thanh và Dương Khiết (đạo diễn) cùng đội ngũ các nhà quay phim lừng danh, những diễn viên tài giỏi đã khiến cho *Tây du ký* có ma lực lôi cuốn khán giả mãnh liệt chưa từng thấy, nhưng không ai phản bác những chi tiết phi lý đầy rẫy trong bộ phim này. Ở Việt Nam thời Lý có cao tăng Không Lộ và cao tăng Từ Đạo Hạnh là hai trong số rất nhiều bậc cao tăng đã có công giúp lập nhà Lý (1010-1225) và đó là lịch sử. Tuy chưa có những bộ tiểu thuyết lịch sử hấp dẫn viết về thời này và cũng tuy chưa có những bộ phim hay về hai nhân vật đặc biệt này nhưng trong kho tàng vô giá của truyền thuyết dân gian, Không Lộ và Từ Đạo Hạnh có hành trạng thật diệu kỳ và rất đáng để cho đời suy gẫm.

So sánh tất nhiên là luôn khập khiễng và rất dễ bị hiểu lầm nhưng biết đâu mai này đời sẽ có một kho tàng truyền khẩu đáng yêu về Hòa thượng Tiến sĩ Thích Minh Châu. Xin đừng vội phản bác bởi đó là quy luật đồng hành vốn có từ ngàn xưa của lịch sử và huyền thoại.

6.

Đầu năm 2013, bộ sách ảnh khổ 30 x 30 nặng 5kg, giới thiệu tóm tắt những nét nổi bật về cuộc đời và sự nghiệp của hơn 300 nhân vật thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau ở Việt Nam đã chính thức ra mắt. Bộ sách ảnh ấy mang tên *TÂM VÀ TÀI, HỌ LÀ AI* do nhiếp ảnh gia Nguyễn Á dày công thực hiện trong nhiều năm. Trước khi xuất bản, bộ ảnh rất lớn này đã được đem đi triển lãm tại các thành phố lớn của Việt Nam và hân hạnh nhận được rất nhiều thông tin phản hồi của khán giả. Hình ảnh và lời giới thiệu vắn tắt cuộc đời Hòa thượng Tiến sĩ Thích Minh Châu được in rất trang trọng.

Nói theo cách của nhà Phật, chút duyên may đã khiến tôi được mời viết lời đề tựa cho quyển sách rất bề thế này, hơn thế nữa hai vợ chồng tôi cùng có hình ảnh được in ở đây. Một

trong số những bức ảnh rất quý là bức ghi lại cảnh tôi tới thăm Hòa thượng vào cuối tháng 8 năm 2012. Hôm ấy sức khỏe của Hòa thượng Tiến sĩ Thích Minh Châu đã quá yếu để rời vào ngày 01-09-2012, Hòa thượng viên tịch.

Mỗi người có một cách tưởng nhớ danh tăng Thích Minh Châu. Có người vào chùa hoặc vào bảo tháp để thi lễ. Có người cung kính ngắm di ảnh và cũng có người vọng bái từ xa. Tôi cần mãi đọc sách Hòa thượng để lại và luôn có cảm giác rằng danh tăng Thích Minh Châu vẫn tiếp tục ung dung tại thế, mãn tuệ và đầy sức sống mãnh liệt. Sống một đời mà tồn tại với muôn đời là đây chăng? Xin các bậc cao minh giải thích giúp tôi cảm giác này.



TƯỜNG NIỆM CỦA HỘI CỤU SINH VIÊN HỌC VIỆN PGVN TẠI TP HCM

Thích Viên Giác

(*Chủ tịch Hội Cựu sinh viên HVPGVN - TP.HCM*)

Kính bạch Giác linh Thầy,

Chúng con, những người học trò cũ của Thầy, trải qua thời gian gần 30 năm, từ khóa I đến khóa VII, trong đó 5 khóa đã được thọ ân giáo dưỡng trực tiếp của Thầy. Chúng con về đây dưới danh nghĩa Hội Cựu sinh viên Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh, là tổ chức mà Thầy đã ký quyết định thành lập sau cùng trong hệ thống giáo dục của Thầy.

Giờ đây Thầy đã xả huyễn thân đi về cõi Phật, để lại niềm tiếc thương và tri ân vô hạn nơi chúng con. Thầy đã dạy chúng con những bước đi vững chãi vào lộ trình tâm linh cao thượng mà Đức Phật đã dạy ngày xưa: “*Đây là giới, đây là định, đây là tuệ, đây là giải thoát và đây là giải thoát tri kiến*”, và “*Cái gì là cái lõi thì cái ấy tồn tại*”. Nhờ có Thầy, chúng con mới có được nhân quan và thái độ sống chuẩn mực của người xuất gia để có được “*nghĩa tín thọ*” và “*pháp tín thọ*”. Thầy đã cho chúng con cái cần và đủ để đi vào lộ trình Tứ thánh. Thầy là tấm gương cho chúng con giữa biển đời quá nhiều biến động. Hành trạng của Thầy giúp chúng con biết khéo léo vượt qua bao chạm bậy của phàm tình. Hình bóng của Thầy để lại trong lòng tất cả chúng con một niềm tin bất diệt về giá trị của con đường thoát tục. Như lời thơ chúng

con tôn vinh Thầy thuở ấy vẫn còn đọng mãi trong chúng con:

*“Người đứng đó bằng đen và phần trắng
Vẽ con đường đưa đến chốn Chân như
Lời Phật dạy mấy ngàn năm xưa trước
Trên môi Người giờ hóa cánh hoa tươi”.*

Kính bạch Giác linh Thầy,

Hôm nay, đứng trước Giác linh đài khói hương mờ di ảnh, hình bóng Thầy chợt ùa về lấp đầy tâm khảm của chúng con, một nỗi buồn lan tỏa trong nỗi nhớ mệnh mang, một cảm giác mất mát thoáng hiện. Chúng con thiết nghĩ, một người nổi tiếng khi mất đi thường để lại khoảng trống trong đời, nhưng Thầy ra đi không tạo khoảng trống nào, bởi lẽ những hoài bão của Thầy, tuệ giác của Thầy đã ở trong lòng các thế hệ học trò chúng con, và những đạo lý Thầy trao đã đi vào cuộc sống, và đang tỏa sáng giữa nhân gian. Thầy đã lấp đầy tất cả. Thầy trở thành *“diệt nhi bất diệt”*.

Giờ đây, trước giờ tiễn biệt, khắp lệ bi tâm, chúng con chấp tay nguyện cầu Giác linh Thầy: *“Nhậm Bồ-đề nhi tự ý vãng sanh, Y Bát-nhã dĩ tùy duyên siêu độ”* và chúng con luôn tâm niệm rằng:

*Thầy đi để lại con đường,
Chúng con nguyện sống hoằng dương đạo vàng.*

Ngưỡng mong Giác linh Thầy thùy từ chúng giám.

Kính bái

THI ĐIỀU
TUỞNG NIỆM GIÁC LINH NGƯỜI

Tỳ-khưu Giới Đức (Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Hỡi ôi!
 Kính quý thay!
 Bi xót thay!
Sinh diệt tợ đóm hoa
Sắc không như ánh chớp
Đám mây trắng ngàn năm ly hợp
Côi bụi hồng muôn kiếp tụ tan
 Hậu học sa-môn thương tiếc, bàng hoàng
 Tử chúng đoanh vây, trái tim lệ chảy
Lẽ vô thường xót đau ba cõi
Luật hữu vi băng giá một trời
 Trường lão ra đi,
Núi non tâm, đạo đức cao ngời
Sông biển trí, nhân văn bát ngát

Chẳng lẽ từ đây
 Đúng thời mặt pháp
 Cảnh nhánh khô gãy
 Cội gốc cũng điều linh
 Nhìn dăm dăm trang giấy vô tình,
 Không nói được tấm lòng bi điệu
 Tay run môi, chữ thừa, lời thiếu
 Dấu mưa rơi, sương rí chường ngàn
Bút lẽ nào, tre chẻ Lĩnh Nam!
Mực không thể, nước đọng Đông Hải!
 Người đã trải lá bối
 Dệt vàng trăng
 Thiên thu soi đuốc tuệ
Ánh chớp hiện, nghi dung đại sĩ
Đốm hoa lưu, linh ảnh chân nhân
 Thoáng trăm năm đại nguyện vi trần
 Đàm hoa rụng thơm hương,
 Lại rơi, lại rơi...
 Rơi vào dòng bất tử...
 Trường lão ra đi
 Cội tùng già lá xanh bật khóc
 Đất thiên lâm hiu hắt giọt sương khô
Dòng nước xao, hình núi lặng tờ
Làn mây thoảng, ánh sao vời vợi!
 Hỡi ôi!
 Nhớ Giác linh xưa
 Thế danh Đinh Văn Nam
 Sinh năm Mậu Ngọ
 Nguyên quán Kim Khê
 Nghi Lộc, Nghệ An
 Từ nhỏ lớn lên

Nuôi chí sách đèn

Năm ba chín lấy bằng cao đẳng

Và sự học, thuyên êm, biển lặng

Một chín bốn mươi lại đồ tú toàn

Bồi cơm, bồi áo - làm việc tòa khâm

Vì nước, vì dân - dốc lòng phụng sự

Ngày cau mặt, xót điều phi lý

Đêm nhức đầu, đau chuyện bất công

Bồi vạy cho nên

Bỏ cửa quan, quay gót, rãnh lòng

Rời đường hoạn, phủ tay, lia bụi

Rời từ đó

Hiếu nghiệp quả, ra công học Phật

Biết duyên đời, gắng sức nghiên kinh

Sáng lập đoàn Đức Dục thanh niên

Lại dựng xây gia đình Hóa Phổ

Hiếu sức mạnh Tăng sinh tuổi trẻ

Chung tay lo học viện Kim Sơn

Rồi lại thêm Báo Quốc học đường

Không mệt mỏi ươm mầm giáo pháp

Năm bốn sáu xuất gia đầu Phật

Chùa Tường Vân, cố Tăng thống Ân sư

Bút mực, sách đèn - sớm tối kinh thư

Rau muối, tương dưa - tháng ngày công hạnh

Năm bốn chín, duyên tu thuận cảnh

Báo Quốc giới đàn minh chứng thập sư

Đặc cách thọ Tam đàn cụ túc

Minh Châu pháp tự,

Viên Dung pháp hiệu

Tâm Bồ-đề từ đây kiên cường, vững chãi

Ghé hội, đoàn - rèn tâm giảng pháp

Đến chùa, am - tập trí bàn kinh

Những tháng, những năm

Tạp chí Viên Âm,

Tạp chí Từ Quang... góp bài viết đạo tình

Chọn ý ngọc gieo ươm chánh tín**Lựa lời châu bày tỏ duyên căn**

Trường trung học Bồ Đề - hiệu trưởng đầu tiên

Với giới nghi, đầu tròn, áo vuông**Bằng mô phạm, mắt xanh, viên trắng**

Gót nhập thế, đạo đời tương đẳng

Đuốc từ bi, lạng lẽ lên đường

Một chín năm hai, đạt nguyện xuất dương

Đến Thiên Trúc tìm thầy học đạo

Gương Nghĩa Tịnh ngời soi Bắc quốc**Trăng Huyền Tráng chiếu rọi Nam bang****Vò võ đất nghèo, pháp học ra công****Quạnh quẽ phòng đơn, quặng vàng thử lửa****Thấy cám dỗ, nhẹ nhàng đóng cửa**

Nghe rử rẻ, thanh thân quay lưng

Gian khổ nhiều năm, nuôi chí hạc hồng

Bay vạm dậm câu kinh, con chữ

Anh, Hán ra sức nghiên tâm,

Sanskrit - Pāli, cổ công đối so cổ ngữ

Quyết mò châu đáy biển từ nguyên

Tay mồi, mắt đau

Tìm cho ra giọt nước trinh tuyên

Tự suối nguồn trong ngân giáo pháp

Chẳng nệ hà thử thách,**Nào sá quân gian lao****Cay đắng, chát chua - quả vị ngọt ngào****Cơ cực, khó khăn - hoa hương vi diệu**

Hai cử nhân Pāli - Anh dấu son khoa biểu
 Cao học A-tỳ-đàm nhẹ lấy thủ khoa
 Đỗ tiến sĩ Phật học,
 Văn học Pāli - đứng đệ nhất tòa
 Tổng thống Ấn Độ đích thân trao bằng danh dự
 Đại học Tích Lan, thêm bằng Pháp sư bổ xứ
 Là Sa-môn Việt đầu tiên xuất sắc nguyên khôi
 Cầm đuốc tiên phong học thuật sáng ngời
 Lấy tuệ trí phát quang con đường đại học
 Một chín sáu tư lên tàu về nước
 Rồi trọn tuổi trời lá bối chếp kinh
“Thị nghiệp” một đời **“duy tuệ”** đăng trình...

Hỡi ôi!
 Nhớ Giác linh xưa
 Tịch mịch con đường
Thê không đối chí khí kiên cường
Nguyện chẳng rời kinh văn dị giải
 Muốn học Nhật Nam tăng¹
 Cửa tùng đôi cánh gài
 Dịch kinh trên lá chuối
 Bông mây rụng áo phơi
 Lại noi Vô Ngại Thượng Nhân²
 Giữa đời xa phiền não
 Trong phố dựng già-lam
 Nhuận văn, hương ngát cõi
 Soạn sách, bút thơm lan
 Châu thiên, câu xanh móm
 Nghe giảng, vượn trắng dòm
 Dầu can qua biển động

¹ Xem “Lịch sử Phật giáo Việt Nam” của GS.Lê Mạnh Thát.

² Sách đã dẫn trên.

Dẫu rào cản trùng vây
Xem cát chạy, đá bay
Ngắm sóng dồn, gió đập
Cay cay mắt - bụi mây vinh nhục
Xót xót tai - lời gió thị phi
 Đời tối, đêm đen, đội chữ mà đi
 Phụng hiến nhân văn, lương sư hưng quốc
 Gương Vạn Hạnh, trụ thiên chống cột
 Hộ pháp ba triều, xã tắc bình yên
 Hiền đức, hiền tài, nguyên khí còn khôn
Đã vạn quyển khuyên son
Đã trăm kinh thắp lửa
 Đêm cô tịch đốt đèn soi ngũ nghia
 Thương Tăng Ni kinh chữ mượn vay
Đâu quán cao sơn, gió lạnh lắt lay
Chẳng nệ bối kinh, chợ chiều bạc bẽo
 Bút chánh pháp kế thừa ân di giáo
 Thoảng ngoài tai tám pháp thế gian!
Đã liễu tri định luật bất toàn
Đã giác ngộ căn nhân khổ đế
 Nên việc đến, tùy duyên xử sự
 Gió qua rồi ruột trúc rỗng không
Mỉm danh thân - gió sóng phiêu bồng!
Cười sự nghiệp - sương mây phiêu diểu!
 Đại trí giữa đời, cung đàn lạc điệu
 Sao lẻ đêm đông, buốt lạnh thái hư!
 Trường lão ra đi, an lạc nhiên như
 Tăng Ni hậu học, tàn che cô quạnh
Giữa cát bụi, ngồi soi giáo hạnh
Trong sa mù, rạng chiếu chân dung

Thấy tiết thu, sương giọt bầy dòng³

Nghe thời thế, gió xao ba khoảnh⁴

Tâm nhân giả, lợi danh khô lạnh

Đức trượng phu, tài sắc rỗng rang

Năng lượng từ bi, hòa ái, dịu dàng

Bồi thế cho nên

Quyên biến cơ tùy

Thân hành, ngôn giáo

Chân dung sáng, nụ cười hoan hỷ

Khiêm hư một đời

Lặng lẽ bóng hòa trăng

Mà hầy thôi

Trường lão đã trở về với cổ quận, gia hương⁵

Chẳng hữu chẳng thường

Không sinh không diệt

Cánh hạc vàng thiên thu bá biệt

Thiên hà ngôn tai

Vạn sự như lai

Giác linh đã như lai như khứ...

Đê đầu kính điếu

Hậu học sa-môn.

Huế - Thu sương trắng
Rừng Thiên Huyền Không Sơn Thượng

³ Bầy tình: Hỷ, nộ, ái ố, ai, lạc, dục.

⁴ Ba độc tham, sân, si.

⁵ Từ câu thơ của vua Trần Thái Tông: “Vinh vi lãng đặng phong trần khách, nhật viễn gia hương vạn lý trình”.

ĐỜI ÔN

Thích Giác Toàn

Đ ời “Ôn” như ánh trăng rằm
 Ban rải ơn đức thậm thâm cho đời
 Phẩm hạnh nhàn tịnh thành thời
 Tâm tánh chiếu diệu sáng ngời thanh trong.
 Đời “Ôn” gương sáng lạc thường
 Ngồi nằm đi đứng như sương nhẹ nhàng
 Nói cười từ tốn âm vang
 Thức ngủ an tịnh đạo tràng “Phật tâm”.
 Đời “Ôn” như ánh nhật hồng
 Ngày ngày rạng rỡ non sông thanh bình
 Tuệ giác nhuần rạng trang kinh
 Long lanh như ngọc quang minh nhiệm huyền.
 Đời “Ôn” gương sáng ước mơ
 Thọ học, dịch giảng kinh thư nhiệm mầu
 Đưa người vượt khỏi bến sâu
 Bước lên thuyền giác qua cầu tử sanh
 Đời “Ôn” gương sáng tu hành

Siêng năng học Phật tuổi xanh vào đời
 Trưởng thành tinh tấn tuyệt vời
 Trường-Trung-Tăng-Tiểu(1) ... chuyển lời kinh văn
 Sớm khuya chí nguyện thường hằng
 Kinh bộ Tạng Việt kết bằng tâm thiêng.
 Đời "Ôn" gương sáng đức hiền
 Nụ cười hỷ xả phúc duyên an bình
 Ánh mắt từ bi tâm linh
 Hồng hào sắc diện đạo tình thân thương.
 Chín lăm năm giấc ngủ yên
 "Ôn" nằm tĩnh lặng như tiên giữa đời;
 Đôi chân mày bạc tinh khôi
 Như đôi cánh hạc đỉnh trời hạo nhiên.
 Niết-bàn cảnh Pháp trụ thiên
 "Ôn" về bờ ấy siêu miền chơn như!
 Con quỳ trước án linh từ
 A-Di-Đà Phật! Ân sư chứng lòng.
 Nhất tâm kính lễ
 Chín lăm năm giấc ngủ yên
 "Ôn" nằm tĩnh lặng...

拈花領旨祖道久嬰懷南地雲遊惟慧是業
撥草參玄宗風長挺振柴城卓錫厥道乃珍

Lê Mạnh Thát

Âm Hán – Việt và dịch:

Niêm hoa lĩnh chỉ tổ đạo cứu anh hoài nam địa vân du duy tuệ thị nghiệp;

(Nhận lãnh niêm hoa giữ gìn tổ đạo, vân du về nam địa, chỉ xem Tuệ là nghiệp)

**Bát thảo tham huyền tông phong trường đình chấn Sài thành trác tích
quyết đạo nãi trân.**

(Tham cứu huyền môn, hưng chấn tông phong dựng gậy tại Sài thành, riêng trọng đạo đứng đầu)

ƠN THẦY
(Kính dâng HT.Minh Châu)

Ni trưởng **Thích nữ Trí Hải**

Con cá tung tăng trong đại dương
Cánh chim bay lượn giữa không gian
Nào hay biển rộng trời cao ấy
Là chỗ cá chim sống vĩnh hằng.

Ơn Thầy như biển rộng trời cao
Un đúc pháp thân thật nhiệm mầu
Thầy tạo một không gian khoáng đạt
Cho con học hiểu Pháp thâm sâu.

Một chút công lao gì nếu có
Kính dâng tất cả lên Thầy thương
Cầu xin Phật độ Thầy khang kiện
Trường thọ cho hàng đệ tử nương.

(30-6-03)

HẠNH THẦY

Một đời chuyên dịch Nikāya
 Giáo dục Tăng Ni hạnh lợi tha
 “Nhậm vận thịnh suy vô bố úy”⁽¹⁾
 Gương Thầy sáng mãi cõi Ta-bà.

⁽¹⁾ Câu rút từ bài kệ của Thiền sư Vạn Hạnh

ĐỨC THẦY

Thầy không tự tán chẳng chê người
 Nhân nhục đức Thầy rất tuyệt vời
 Giữa cuộc phong ba tâm bất động
 Nụ cười Di Lạc vẫn trên môi.

LÒNG THẦY

Từ bi vô lượng đức bao dung
 Giúp đỡ bao người chẳng kể công
 Độ chúng vô ngôn duy tuệ nghiệp
 Tâm Thầy an trú cảnh chân không.

(Trích trong tập thơ *Báo Ân ca* - tháng 6-2003)

HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU VỚI CHÙA PHẬT HỌC XÁ LỢI

Tỳ-kheo Thích Đồng Bản

Lễ Vu lan vừa xong, chúng tôi nhận được tin buồn Hòa thượng đã thân thân viên tịch vào lúc 9 giờ sáng ngày 16 tháng Bảy năm Nhâm Thìn tại Thiền viện Vạn Hạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Hòa thượng ra đi nhằm ngày Phật hoan hỷ, tức ngày chúng Tăng mãn hạ, giữa cái buồn đau của đất trời tháng Bảy sục sùi hạt mưa khóc thương...

Lần giờ lại tạp chí *Từ Quang* bộ cũ, chúng tôi mới biết được bao lớp cư sĩ tiền bối trong Hội Phật học Nam Việt trước đây, đều là học trò của Hòa thượng nơi Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn, như cư sĩ Trúc Thiên, Trần Hôn, Vũ Phan, Vũ Văn Phường... và sau này là các học tăng Học viện Phật giáo Việt Nam đang tu hành tại chùa Phật học xá Lợi. Ngay cả chúng tôi cũng là học trò của Người trong quá trình công tác trong sự nghiệp giáo dục. Chính vì thế, Hòa thượng được Ban Quản trị Hội Phật học Nam Việt trước đây, cùng Ban Trụ trì chùa Phật học xá Lợi sau này cung thỉnh (Ôn) vào Ban Giảng sư chính thức, phụ trách thuyết giảng thường xuyên tại giảng đường Chánh trí của chùa. Hòa thượng phụ trách thuyết giảng nơi này gần 20 năm cho đến khi sức khỏe của Ôn không còn cho phép.

Nhớ về những kỷ niệm với Hòa thượng, vào năm 1991, chúng tôi có bài viết về Phật giáo Nghệ Tĩnh đăng trên báo *Giác Ngộ*, tôi cầm tờ báo lên gặp Ôn để tặng và đọc cho Ôn nghe.

Nghe xong, tôi hỏi Ôn: “Con rất bức xúc vì chưa ai đứng ra giúp đỡ xây dựng lại Phật giáo Nghệ Tĩnh, Ôn là người Nghệ Tĩnh, vậy Ôn có phương cách gì, tiếng nói gì với Giáo hội và Nhà nước để thúc đẩy việc gây dựng lại chăng?”. Về trầm ngâm và từ tốn, Ôn nói: “Tôi có quan tâm và cầu nguyện cho Phật giáo quê hương sớm được phục hồi. Muốn như thế thì cần có ba yếu tố: quần chúng Phật tử, chính quyền quan tâm và con người lãnh đạo. Bây giờ ngoài nó chỉ mới có một yếu tố thôi thì chưa đủ, phải chờ thôi!”. Tôi thưa tiếp: “Bạch Ôn, đúng là xứ ấy còn thiếu hàng ngũ tu sĩ để lãnh đạo, không lẽ chúng ta cứ ngồi chờ mà không làm gì thì bao giờ mới thành tựu?”. Ôn nói: “Tôi cũng sẽ tác động với Phật giáo ngoài Bắc, vì xứ nó thuộc ngoài ấy quản lý, mình không thể đưa người ra được đâu! Tôi cũng mong rằng đến khi nào Phật giáo quê hương được phục hồi, thì tôi mới yên lòng về cõi Phật”.

Quả thật như lời kỳ vọng của Ôn, Phật giáo Nghệ An đã được thành lập năm vừa qua, rồi đến Tuần lễ Văn hóa Phật giáo Nghệ An vừa kết thúc mỹ mãn, chắc chắn rằng, Ôn đã trọn vẹn tâm nguyện của người con xứ Nghệ đối với Phật giáo quê hương. Giờ thì Ôn đã an lòng ra đi mãi mãi, để lại bao tiếc nuối cho xứ Nghệ vừa mất một bậc danh tăng cao đức, để lại ngậm ngùi kính tiếc cho bao lớp người được đào tạo từ Đại học Vạn Hạnh và Học viện Phật giáo trong Nam lẫn ngoài Bắc, nhất là xứ Huế, nơi ghi dấu Ôn đã xuất gia trở thành người con xuất chúng của Phật giáo Việt Nam.

Ban Trụ trì, Ban Phật học Xá Lợi, cùng chư Tăng và Phật tử của chùa đã tổ chức đoàn kính viếng lễ tang của Ôn nơi Thiền viện Vạn Hạnh, để tỏ lòng tri ân sâu sắc bậc cao đức đã có thời gian dài thuyết giảng nơi giảng đường Chánh Trí. Thay mặt Ban Biên tập Tủ sách Phật học Từ Quang, xin thắp nén hương tưởng niệm Giác linh Hòa thượng an dưỡng Niết-bàn:

*Đường trần Ôn thôi bước
Lời dạy vẫn đi xa
Học đờ bao nhiêu lớp
Thương tiền bậc cha già!
Hành trang cho hậu thế
Trí tuệ vượt bờ mê
Giáo dục là sự nghiệp
Ân - Đức vẹn đôi bề.
Gieo mình kính lễ Ôn
Chúng con nguyện tiếp bước
Vì thế nhân ngũ trước
Chữ HỌC - vẹn tâm hồn...*

CÂU ĐỐI

*Thành kính dâng lễ Giác linh Ân sư,
Cựu sinh viên Trường Cao cấp Phật học, khóa II
Thích nữ Minh Liên hiệp cùng Ni chúng Viên Thông tự, tại Houston, TX - USA đồng kính lễ*

Chân thành kính dâng lên Giác linh Ân sư:

*Ân giáo dục, dưỡng giới thân, nuôi huệ mạng, cống hiến cả đời cho
sự nghiệp đào tạo Tăng tài bao thế hệ.*

*Đức từ bi, hành thân giáo, dịch kinh văn, hy sinh trọn kiếp với
tâm thành hiến dương Phật pháp khắp quần sanh.*

NU CƯỜI ĐỂ LẠI

Phạm Vũ

Tin buồn lao xao truyền đi giữa các Hòa thượng, giữa các thế hệ Vạn Hạnh, giữa Gia đình Phật tử. Các Hòa thượng ở Tổ đình Tường Vân (Huế) vội vã ra sân bay, thoáng có người rơi nước mắt nhưng rất nhanh, mọi người đã bảo nhau bình tâm. Hiện hiện trong Thiền viện này, trong các trang kinh, trong tâm trí những người đã may mắn được gặp và cả chưa từng được gặp luôn là nụ cười hoan hỷ của Hòa thượng Thích Minh Châu. Cư sĩ Hà Thúc Hoan khẳng định: “Hòa thượng đã về cõi Phật, riêng nụ cười mang đến an lạc ‘Tâm bình thế giới bình; tâm an vạn sự an’ mà Hòa thượng đã tặng cho mọi người trong suốt cuộc đời gần một thế kỷ của mình sẽ vẫn còn ở lại”.

“Ôn dạy: Học Phật là học làm người,” ông Hoàng An, một cựu sinh viên Vạn Hạnh, nhắc lại. Gần nửa thế kỷ, bao nhiêu biến thiên lịch sử, các thế hệ Tăng Ni, Phật tử và cả những người không phải Phật tử nữa đã được thụ hưởng tinh thần “học làm người” của Hòa thượng Thích Minh Châu truyền vào Viện Đại học Vạn Hạnh trước đây và Viện Nghiên cứu Phật học sau này. Hàng ngàn sinh viên xuất thân từ Viện Đại học Vạn Hạnh đã đi khắp thế giới, thành đạt trên rất nhiều ngành nghề và tất cả họ đều biết giữ cái tâm lành và nhân sự lành ấy cho những người xung quanh.

Bà Lê Thị Diệp kể: “Sau khi tốt nghiệp tú tài, tôi muốn theo học chuyên ngành về

Khoa học Xã hội và đã tìm thấy chuyên khoa ấy ở Vạn Hạnh. Sau này các chuyên ngành xã hội rất phát triển và nhiều ứng dụng trong đời sống, còn khi đó Vạn Hạnh gần như là trường duy nhất có khoa này. Điều đó chứng tỏ cái nhìn sâu sắc của Hòa thượng Thích Minh Châu”.

Đạo nghiệp của hòa thượng Thích Minh Châu thì kỳ vĩ lắm. Hòa thượng Thích Chơn Thiện nói: “Chúng tôi đi học để học, Hòa thượng Thích Minh Châu đi học để chấn hưng Phật pháp, ấy là sự khác biệt”. Sau mấy mươi năm nghiên cứu Phật pháp trong các thiền viện Việt Nam, Sri Lanka, Ấn Độ, Hòa thượng đã dịch bộ Kinh tạng Pāli để Phật tử có Đại tạng kinh Việt Nam. Hơn 30 cuốn sách hoàng dương Phật pháp viết bằng tiếng Anh, tiếng Việt của Hòa thượng còn xuất bản đến tận năm 2009, năm Hòa thượng đã bước qua tuổi 90. Lễ giảng kinh, thuyết pháp mỗi sáng Chủ nhật được thiết lập và lan rộng.

Thiền viện Vạn Hạnh trở thành một địa chỉ tâm linh của TP.Hồ Chí Minh. Phật tử các hệ phái Nam tông, Bắc tông, Đại thừa, Tiểu thừa hiểu được cái gốc chung, cái quả chung để mà dung hòa, buông bỏ những chấp thủ, chia rẽ... Hòa thượng Thích Minh Châu góp phần làm cho đạo Phật trở nên đời hơn, các giáo lý Phật pháp đi vào đời sống với những ánh lấp lánh, như châm ngôn của Viện Đại học Vạn Hạnh “Duy tuệ thị nghiệp” (Lấy trí tuệ làm sự nghiệp).

“Sự nghiệp của Ôn cần cả pho sách, Ôn dạy chúng tôi bằng cả trí tuệ và đạo hạnh của người” - các học trò, đệ tử của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu hôm nay đồng lòng nhận định vậy. Và từ mọi nơi, họ cùng tụ về Thiền viện Vạn Hạnh để chung tay lo lễ nhập diệt cho Thầy, ai cũng rất mực tận tâm, cung kính. Ấy thế nhưng khi tại thế, được trọng vọng khắp năm châu bốn biển, Hòa thượng Thích Minh Châu lại chỉ muốn mọi người gọi mình là một Tỷ-kheo, người xuất gia với đạo nghiệp phổ độ chúng sinh, và chỉ nhận “Cả đời tôi là làm giáo dục”.

Với Viện Đại học Vạn Hạnh, Học viện Phật giáo Việt Nam, hơn 70 năm phục vụ “khẩu giáo, thân giáo, ý giáo”, đạo nghiệp ấy của Hòa thượng Thích Minh Châu đã thành. Hôm nay nhập cõi Niết-bàn, nụ cười an lạc của Hòa thượng Thích Minh Châu sẽ còn ở lại, như lời đạo ca chốn thiền môn:

*Dù đời còn nhiều kham khó
Lòng nguyện không hề âu lo
Nụ cười hiền hòa không thiếu
Ánh mắt sáng ngời thương yêu...*





PHẦN III



DẤU ẤN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH



Ý NGHĨA CỦA VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH

Thích Minh Châu

Tất cả những sự sụp đổ hiện nay, tất cả cơn khủng hoảng hiện nay đều xuất phát từ sự nô lệ tâm thức của cá thể. Chiến tranh xuất phát từ sự mâu thuẫn nội tại của cá thể; cơn bệnh của tập thể xuất phát từ ý thức phân tán của cá thể. Chủ nghĩa quốc gia cũng như chủ nghĩa quốc tế, không giải quyết được sự mâu thuẫn của ý thức con người; tất cả những ý thức hệ cũng đều thất bại, vì ý thức hệ trở thành quan trọng hơn con người; con người bị nô lệ vào ý thức hệ gây ra những mầm mống phân ly với nhau và hy sinh cho một tương lai ảo tưởng mà bỏ quên hiện tại sống động. Tín điều và tín ngưỡng của tôn giáo cũng gây mầm mống chia rẽ trong con người. Tất cả những cuộc cách mạng lịch sử đều thất bại, vì những cuộc cách mạng ấy đã xây dựng trên những tương quan sai lầm bất đồng giữa cá thể và tập thể, giữa tư thể và xã hội. Chỉ có một cuộc cách mạng quan trọng và có ý nghĩa, đó là cuộc cách mạng nội tâm của cá thể sáng tạo. Cách mạng nội tâm là cuộc cách mạng của ý thức, của tư tưởng toàn diện trong con người. Giáo dục chỉ có ý nghĩa khi nào giáo dục không chuẩn bị cho con người rập khuôn theo khuôn thước của định thể xã hội, định thể truyền thống, định thể dân tộc, tôn giáo tín điều. Giáo dục phải đánh thức cá thể; giáo dục gieo ý thức cho cá thể về sự tự do vô biên của tâm linh, của toàn thể khía cạnh đời sống. Giáo dục phải kêu gọi cá thể lên đường, liên tục lên đường và chối bỏ tất cả những nơi nương tựa yếu đuối. Đại học không cung cấp dụng cụ nhất thời cho xã hội, cho chính quyền, cho tổ chức hay đoàn thể; Đại học

phải là nơi nuôi dưỡng những cá thể độc lập, sáng tạo tự do, không sợ hãi, không nô lệ vào địa vị và tiền tài, danh dự và tham vọng, những cá thể ấy không phải là người trí thức thấp ngà, mà phải là những kẻ sáng tạo trong toàn diện đời sống, những kẻ phê phán những giá trị thời đại, những kẻ phê phán truyền thống và xã hội, những người sáng tạo ra những giá trị mới để nuôi dưỡng một cuộc hồi sinh toàn diện cho ý thức và tâm thức. Chỉ khi nào ý thức và tâm thức được chuyển hóa toàn diện thì tất cả sự mâu thuẫn nội tâm và sự mâu thuẫn xã hội mới chấm dứt; chiến tranh không còn lý do tồn tại và giáo dục trở thành ánh sáng chiếu trên con đường sinh thành của văn minh nhân loại. Ý nghĩa của Viện Đại học Vạn Hạnh là sự đánh thức mình trên con đường thiêng liêng ấy.

(Trích Trước sự nô lệ của con người)



NHÌN TỪ MỘT THỜI

Tỳ-kheo Thích Phước Sơn

Trải qua bao nhiêu thời gian để được gọi là một thời? Một tháng, ba tháng, nửa năm, một năm hay nhiều hơn nữa! Hầu như tất cả thời lượng đều đúng, nhưng chính yếu là trong quãng thời gian ấy phải có hay đã có một điều gì rất nổi bật, trở thành một gắn liền với hành trang tri thức của cả đời mình. Theo chiều hướng như vậy, đối với chúng tôi, một thời được nói đến trong bài viết này chính là năm học sau cùng ở trường Đại học Văn khoa Sài Gòn, niên học 1967-1968, khi chúng tôi được Hòa thượng Thích Minh Châu - ngày ấy được gọi là Thượng tọa, là Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, là giáo sư thỉnh giảng của trường Đại học Văn khoa Sài Gòn - trực tiếp giảng dạy.

Thật là hạnh phúc khi gặp được một bậc mà thời tuổi trẻ, mình hằng ngưỡng mộ và tôn kính, và đặc biệt được vị ấy trực tiếp giảng dạy. Thuở thiếu thời mới vào chùa xuất gia học đạo, một trong những cuốn sách được sưu tầm trong thư viện cá nhân chúng tôi là tập sách *Phật pháp*, đồng tác giả Minh Châu, Thiên Ân, Đức Tâm và Chơn Trí. Sách tuy là tài liệu dành cho tầng lớp thanh thiếu niên Phật tử, nhưng cũng là tài liệu rất hữu ích cho người xuất gia buổi đầu vào đạo như chúng tôi. Sách không dày lắm, nhưng nội dung chứa đựng nhiều kiến thức Phật học phổ quát, giúp người đọc hiểu được vài nét đặc sắc của đạo Phật. Câu đối nơi bảo tháp Tổ sư Liễu Quán (1667-1742) được nhắc đến trong sách: “Bảo đặc trường minh bất đoạn môn tiền lưu lục thủy. Pháp thân độc lộ y nhiên tọa

lý khán thanh san”. Nghĩa là: “*Tiếng mõ vang lòng, trước ngõ không ngừng dòng suối biếc. Pháp thân vôi vôi, quanh tòa cao ngút dẫy non xanh.*”¹ Có thể nói, ấn tượng sâu đậm nhất là khi chúng tôi được gặp một trong bốn vị tác giả của tập sách lúc ấy, đó chính là Thượng tọa Thích Minh Châu.

Năm 1965, Viện Cao đẳng Phật học đặt tại chùa Pháp Hội được chuyển về 222 Trương Minh Giảng² và chính thức đổi tên thành Viện Đại học Vạn Hạnh - tên của một vị Thiền sư nổi tiếng ở Việt Nam thời nhà Lý. Trường do Thượng tọa Minh Châu làm Viện trưởng. Nơi đây đã đào tạo nhiều tầng lớp thiện tri thức để cống hiến cho Phật giáo và góp phần xây dựng đất nước. Cũng trong năm đó, chúng tôi ghi danh vào học ở Đại học Văn khoa Sài Gòn. Văn khoa thời bấy giờ quy tụ nhiều vị giáo sư triết học, nhà nghiên cứu nổi tiếng như giáo sư Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Duy Cần... Đặc biệt, giáo sư Giác Chi là người có kiến thức uyên bác cổ kim, xuất bản nhiều tập sách có giá trị học thuật, dịch nhiều tác phẩm, đồng thời là một người Phật tử am hiểu triết lý đạo Phật. Nhưng hơn hết, Hòa thượng Thích Minh Châu đã để lại cho chúng tôi nhiều sự ngưỡng mộ.

Hình ảnh một vị Tăng sĩ trẻ khoác chiếc y vàng sậm, vóc dáng hiền từ, thông thái, nụ cười luôn ẩn hiện trước mọi người đối diện, nhất là khi gặp gỡ các học tăng trẻ. Đối với chúng tôi thời bấy giờ, đó quả là một hình ảnh tuyệt vời. Hình ảnh ấy đã làm rực sáng cả khuôn viên Đại học Văn khoa ngày nào mỗi khi Thượng tọa Minh Châu³ xuất hiện. Hình ảnh bước nhanh lên cầu thang, đi qua các hành lang để đến phòng X, nơi dành riêng cho các sinh viên theo học chứng chỉ Triết học Ấn Độ, như vẫn còn hiển hiện đâu đây. Hơn 45 năm đã trôi qua, kỷ niệm một thời ấy vẫn còn đọng lại trong tâm trí chúng tôi mỗi khi nhắc đến Hòa thượng, một bậc Thầy khả kính của nhiều thế hệ Tăng Ni Phật tử, một bậc cao tăng trong thời đương đại của chúng ta.

Tuy học ở Văn khoa, nhưng thỉnh thoảng anh em chúng tôi vẫn đến Đại học Vạn Hạnh để tham dự các buổi giảng của các vị giáo sư bên ấy, đặc biệt là các buổi giảng của Thượng tọa Viện trưởng Minh Châu. Có thể nói, Thượng tọa Minh Châu là một trong những người đặt nền móng cho việc giáo dục và nghiên cứu Phật học có tầm vóc và có hệ thống. Và Vạn Hạnh là trường đại học được ra đời bắt nguồn từ niềm khát khao cống hiến những giá trị nhân bản của Phật giáo cho cuộc đời, là sự tiếp nối và truyền trao trí tuệ từ Nalanda.⁴

¹ Đồng tác giả, *Phật pháp*, NXB.Tôn Giáo 2008, tr.253.

² Nay là đường Lê Văn Sỹ.

³ Chúng tôi dùng danh xưng Thượng tọa để chỉ cho Hòa thượng Thích Minh Châu thời ấy.

⁴ Nalanda nghĩa là nơi truyền trao và tiếp nối trí tuệ.

Nalanda là một trong những trường đại học Phật giáo danh tiếng, xuất hiện nhiều vị Thánh tăng trong Phật giáo. Hòa thượng Minh Châu đã được hấp thụ trí tuệ tại đó và đã góp phần truyền trao trí tuệ đó cho Phật tử Việt Nam.

Làm Viện trưởng, công việc bề bộn, nhưng Thượng tọa Minh Châu vẫn dành thì giờ dịch kinh, viết sách. *Kinh Trường Bộ* được dịch năm 1965, mở đầu cho việc Việt dịch 5 bộ Nikāya, góp phần chính để hoàn thành phần Phật giáo Nam truyền của Đại tạng kinh Việt Nam, tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu tạng Kinh của Thượng tọa bộ, vốn được xem là có nhiều chất nguyên thủy hơn hết. Đó là điều mà người Phật tử Việt Nam mong muốn, khao khát đã nhiều năm. Trên cương vị của một dịch giả, Thượng tọa Minh Châu đã viết:

“Chúng tôi dịch Kinh Pāli, không vì mục đích muốn ủng hộ hay không muốn ủng hộ một học phái nào, một lập trường nào. Mục đích của chúng tôi chỉ muốn giới thiệu những kinh điển có thể được xem là nguyên thủy hay gần nguyên thủy nhất, để người đọc có thể tìm hiểu lời dạy chân chính của Đức Phật, khỏi qua ống kính của một học phái nào, dầu là Ấn Độ, Trung Hoa hay Việt Nam. Chúng tôi cũng không có trách nhiệm nêu lên cho độc giả rõ đoạn nào là nguyên thủy, đoạn nào không phải nguyên thủy. Chỉ có người đọc, sau khi tự mình đọc, tự mình tìm hiểu, tự mình suy tư, tự mình quan sát, tự mình chứng nghiệm trên bản thân, mới có thể tự mình xác nhận đoạn nào là thật sự nguyên thủy. Trách nhiệm tìm hiểu, chứng nghiệm cá nhân là trách nhiệm của người đọc, không phải của người dịch, vì Đạo Phật là Đạo đến để mà thấy chứ không phải Đạo đến để nhờ người thấy hộ, Đạo của người có mắt (cakkhumato), không phải Đạo của người nhắm mắt; Đạo của người thấy, của người biết (passato jānato), không phải là Đạo của người không thấy, không biết (apassato ajānato). Nên chỉ có người đọc mới có thể tự mình thấy, tự mình hiểu và tự mình chứng nghiệm.”⁵

Hình ảnh của người con Phật là như thế, dấn thân đi vào đời làm việc đạo, bố thí pháp mà không thấy mình bố thí mới thật sự là bố thí. Giáo lý ấy rất là nhân bản, khiêm cung đúng với tinh thần Đức Thế Tôn dạy trong kinh *Tăng Chi Bộ*: “Bố thí có lòng tin, bố thí có kính trọng, bố thí đúng thời, bố thí với tâm không gượng ép, bố thí không làm thương tổn mình và người.”⁶

Thượng tọa Minh Châu còn lập ra Ban Tu thư Viện Đại học Vạn Hạnh, xuất bản tạp chí *Tu Thư*, là những thứ cần có của Viện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên; bên cạnh đó, Ban Tu thư cũng cho xuất bản các bài nghiên cứu có giá trị. Tập sách *Lý Thường Kiệt* được Viện tái bản năm 1966 là một công trình có tính tư liệu cho việc nghiên cứu

⁵ *Kinh Trung Bộ*, TT.Thích Minh Châu dịch, Tu thư Đại học Vạn Hạnh, 1973, tr.3-4.

⁶ *Kinh Tăng Chi Bộ II*, HT.Thích Minh Châu dịch, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 1996, tr.591.

sử học Việt Nam thế kỷ XX. Nói về sự gắn bó từ buổi đầu giữa Phật giáo và dân tộc Việt Nam, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã nhận định: “Đời Lý có thể gọi là đời thuần từ nhất trong lịch sử nước ta, đó là nhờ ảnh hưởng của đạo Phật.”⁷ Thượng tọa quả thật đã có tầm nhìn của một nhà văn hóa giáo dục lớn của Phật giáo với nhiều tâm huyết và đầy trách nhiệm. Cũng trong năm học ấy, môn học Triết học Ấn Độ được Thượng tọa Viện trưởng trực tiếp giảng dạy; lớp học rất vui vẻ và thoải mái. Giáo án dùng để giảng dạy cho bộ môn này là tác phẩm *Thăng pháp tập yếu luận* (Abhidhamma Atthasangaha) được Thượng tọa dịch từ tạng Pāli. Đây là một tác phẩm có giá trị đối với tạng A-tỳ-đàm. Do đó, trong phần giới thiệu, dịch giả đã trình bày: “Quyển *Abhidhamma Atthasangaha* này là quyển sách căn bản cho những ai muốn tham học tạng A-tỳ-đàm và trở thành quyển sách gối đầu giường của chư Tăng tại Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan v.v...”⁸

Hòa thượng xuất thân từ một gia đình vốn có truyền thống giáo dục, mộ đạo. Nội tổ và thân phụ đều đỗ văn bằng tiến sĩ Hán học. Cụ Đình Văn Chấn là thân phụ, không chỉ giỏi về Hán ngữ mà còn giỏi về thi ca và Phật học. Năm 1927, trên tạp chí *Nam Phong*, các số 114, 115, và 116 đã công bố 123 bài thơ Lý Trần do Đình Văn Chấn dịch. Một pháp lữ của chúng tôi là cư sĩ Đào Nguyên - Nguyên Huệ theo học Vạn Hạnh thời ấy, đã sưu tầm được 40 bài thơ của Đình Văn Chấn, đã giới thiệu trong nguyệt san *Giác Ngộ* số 126 - 9/2006, và nhận xét: “Đình Văn Chấn, một trong những người mở đầu cho công việc dịch thơ Lý - Trần”. Hiện nay, dịch phẩm của Đình Văn Chấn đã được Hoàng Hồng Cẩm hiệu chỉnh và Nhà Xuất bản Lao Động ấn hành vào năm 2011 với nhan đề *Tuyển dịch Thơ đời Lý - Trần*. Với truyền thống cao quý của gia đình, đặc biệt được kế thừa trực tiếp từ thân phụ, cộng với tư chất thông minh và cần mẫn, Hòa thượng ắt hẳn là kết tinh của tất cả truyền thống cao quý ấy, cả tài lẫn đức.

Quả thật, cuộc đời và đạo nghiệp của Hòa thượng là một tấm gương sáng ngời giữa cõi đời đầy biến động, bởi Hòa thượng đã vượt lên tất cả và đã làm những việc đáng làm. Hòa thượng rất tâm đắc lời Phật dạy: “Này các Tỷ-kheo, Ta không tranh chấp với đời, chỉ có đời tranh chấp với Ta. Này các Tỷ-kheo, người nói pháp không tranh chấp với một ai ở đời.”⁹ Thông điệp ấy như đã gắn liền với cuộc đời của Hòa thượng. Bốn mươi lăm năm đã trôi qua, hình ảnh của Thượng tọa Minh Châu ngày nào vẫn còn đọng lại trong tâm trí chúng tôi vào những ngày tháng học ở Văn khoa Sài Gòn. Đó là những cảm nhận riêng của chúng tôi về một thời để nhớ.

⁷ Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt*, Đại học Vạn Hạnh, 1966, tr.429.

⁸ *Thăng pháp tập yếu luận*, TT.Thích Minh Châu dịch, Tu thư Đại học Vạn Hạnh, 1984, tr.7.

⁹ TT.Thích Minh Châu, *Những lời dạy của Đức Phật về Hòa bình và Giá trị con người*, Thiền viện Vạn Hạnh, 1984, tr.21.

Cho đến nay, Hòa thượng là một nhà giáo dục mô phạm, một nhà phiên dịch kinh điển kiệt xuất. Hòa thượng như một bông hoa mang lại hương thơm và vẻ đẹp cho đời. Nếu có ai đó đã từng gặp gỡ Hòa thượng thì sẽ thấy đạo phong và đức tính rất thiện vị của bậc Thầy khả kính, khiêm cung, và suốt cuộc đời vì đạo. Sự dẫn thân truyền bá Chánh pháp không biết mệt mỏi của Hòa thượng khiến cho hàng hậu học càng quý kính, là niềm khích lệ lớn lao cho thế hệ tương lai noi theo bước chân của Hòa thượng trên con đường kế thừa hoàng dương những giáo pháp chân truyền của Đức Đạo Sư.

Thiền viện Vạn Hạnh



CON THUYỀN THANH LƯƠNG

Thích Chơn Nguyên

Vận mệnh dân tộc trước cảnh tranh tối tranh sáng của cuộc chiến vào những năm đầu thập niên 70 đã đẩy tôi vào ngõ cụt tăm tối. Chiến tranh xảy ra khắp mọi miền đất nước và đã tác động đến tất cả mọi giai tầng xã hội. Giới trí thức thanh niên miền Nam lúc bấy giờ không tìm thấy lối ra nên đã hành xử một cách tùy tiện và tìm cách giết thì giờ cho những cảm xúc chóng vánh. Bị tác động bởi chiến tranh và bị ảnh hưởng bởi bạn bè sách vở, tôi mất hết niềm tin vào cuộc sống và đã bỏ học đại học. Con đường phía trước mù mịt không biết đi về đâu? Trong lúc thất vọng, chán chường đến tột độ với toàn những suy nghĩ tiêu cực, tôi may mắn gặp được bậc minh sư, Hòa thượng Viện trưởng Đại học Vạn Hạnh.

Hòa thượng là một vị danh tăng mà tôi hằng cung kính và ngưỡng mộ. Đây là lần thứ hai tôi gặp Hòa thượng kể từ khi Hòa thượng trở về nước sau hơn mười năm du học ở Ấn Độ. Tuy nhiên, lần gặp gỡ này lại là cơ hội định đoạt cho tôi được gắn bó trọn đời với Hòa thượng. Hòa thượng lên Đà Lạt dự Đại hội Giáo dục Phật giáo và ở lại tại chùa Linh Sơn; và thật hạnh phúc tôi được phân công làm thị giả. Đây là nhân duyên hy hữu để tôi có cơ hội hầu chuyện với bậc thầy mà tôi tin sẽ soi đường mở lối cho tôi. Và quả thật, chính nhờ nhân duyên này mà tôi có được quyết định quan trọng là về Viện Đại học Vạn Hạnh (nay

ở đường Lê Văn Sỹ) để tiếp tục con đường học vấn. Được trở lại thời sinh viên, tôi liền ghi danh học Phân khoa Phật học và Văn khoa.

Sống ở môi trường Vạn Hạnh, tôi được tiếp nhận những tri thức mới mẻ và hiện đại, đặc biệt là những tác phẩm và dịch phẩm của Hòa thượng. Đáng chú ý nhất là những kinh điển Phật giáo thuộc văn học Pāli, trong đó bộ kinh Hòa thượng vừa dịch và in xong lúc bấy giờ là *Kinh Trung Bộ*. Đây là thể loại văn học hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Tôi cảm thấy khó hiểu vì nhiều đoạn lặp đi lặp lại dễ nhầm chán. Tôi vì tò mò mà đọc hơn là cố tìm một hướng đi mới cho cuộc đời mình. Nhưng rồi càng đọc tôi càng cảm thấy có gì đó hay hay; và càng đọc nghiền ngẫm tôi càng nhận ra được những giá trị thiết thực và gần gũi với tâm tư của mình. Những bế tắc trong đời sống tu tập được mở ra lần lần. Từ đó, tôi đọc thể loại kinh điển này với lòng hân hoan, thích thú. Những đoạn kinh trùng lặp không còn gây cảm giác nhầm chán như lúc đầu, mà trái lại, càng giúp thấm nhuần sâu sắc hơn.

Trong *Trung Bộ kinh*, hai kinh mà tôi quan tâm đọc đi đọc lại nhiều lần là “*Kinh Nhất Dạ Hiền Giả*” và “*Kinh Niệm Xứ*”. Hai bài kinh này dù nội dung rất khác nhau nhưng đều nhằm một mục tiêu chính là hướng vào thực tại, loại trừ những tâm tư dong ruổi theo thế giới của mộng tưởng. Đúng là như nắm bắt được kho báu mà một thời vì không có nó nên tôi đã dong ruổi để cuối cùng đi vào con đường bế tắc. Cũng vậy, trước đây, lúc đọc sách của triết gia Schopenhauer, ông có viết đoạn: “Sống là lo âu, luyến tiếc dĩ vãng, bất mãn với hiện tại, và mơ ước một tương lai tốt đẹp hơn. Nhưng khi tương lai đến, nó chỉ là một hiện tại thiếu sót như muôn ngàn hiện tại đã trôi qua”. Thời ấy, tôi không thể nào hiểu hết đoạn văn ý nghĩa và thiết thực này, nhưng sau khi thâm nhập vào ‘kho báu’, hiểu được ý nghĩa của hai bài kinh trên, tôi mới thật sự hiểu ông Schopenhauer muốn nói gì. Sau này tôi mới biết Schopenhauer có nghiên cứu Phật giáo và tư tưởng của ông có ảnh hưởng bởi tư tưởng Phật giáo. Đối với tôi, sau khi có được ‘kho báu’ mà Đức Phật đã ban tặng, những vướng mắc trước đây tưởng chừng như không lối thoát thì bây giờ đều được giải đáp thỏa đáng.

Đối với *Kinh Nhất Dạ Hiền Giả*, tôi chỉ cần học thuộc lòng bài kệ và nhắm tưng thường xuyên như niệm Phật hay trì chú thì niềm an lạc thanh thoát cứ vậy mà dâng theo:

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng.
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến.
Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính ở đây,*

Không động, không rung chuyển,
 Biết vậy, nên tu tập.
 Hôm nay nhiệt tâm làm,
 Ai biết chết ngày mai?
 Không ai điều đình được,
 Với đại quân thân chết.
 Trú như vậy nhiệt tâm,
 Đêm ngày không mỏi mệt,
 Xứng gọi Nhưát dạ Hiền,
 Bậc an tịnh, trầm lặng.

Đến *Kinh Niệm Xứ* (kinh số 10 của *Trung Bộ kinh*), với câu mở đầu như một tuyên ngôn, một lời khẳng định dứt khoát, Đức Phật muốn chặt đứt tất cả những mối nghi ngờ, chần chừ của chúng ta về con đường giải thoát mà Ngài đã mở ra: “Này các Tỳ-kheo, đây là con đường độc nhất, đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn”. Tôi đọc đi đọc lại đoạn này nhiều lần, và trong tôi bùng lên niềm tin: “Hướng đi chính là đây!”. Rồi tôi quyết chí buông bỏ tất cả sách, vở triết thuyết Đông, Tây, kể cả những bộ kiếm hiệp của Kim Dung ra khỏi tủ sách và ra khỏi đầu óc của mình.

Kinh Niệm Xứ có nội dung khá phong phú và hầu như có đủ các pháp môn thiền quán của Phật giáo. Nội dung của kinh là bốn chỗ đặt niệm để nhìn thấy bản chất hiện hữu của con người một cách như thật và sâu sắc. Nói cách khác, bài kinh trình bày giáo lý của Đức Phật về phương pháp quán chiếu *thân, thọ, tâm, và pháp*. Đây là bài kinh có thể ứng dụng trọn đời cũng không hết. Riêng tôi, pháp môn thiết thực cho sự tu tập trong đời sống hằng nhật là quán các hành tướng của thân: “*Tỳ-kheo, khi đi, đứng, ngồi, nằm, biết rõ việc mình đang làm; khi bước tới, bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới, ngó lui, co tay, duỗi tay, mang áo tăng-già-lê, mang bát, mang y, ăn, uống, nhai, nếm, đại tiện, tiểu tiện, đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng, biết rõ việc mình đang làm*”. Như vậy, pháp môn tu có sẵn cho chúng ta trong mọi lúc mọi nơi. Pháp môn này đã phá tan tất cả những mộng tưởng viển vông mà trước đây tôi thường bị vướng.

Ngoài ra, tôi cũng tu tập pháp môn quán tử thi và đạt được những thành quả mới lạ. Hành trì pháp môn này, ban đầu thấy ớn sợ, không tập trung được, tôi càng nỗ lực tu tập, mỗi ngày tiến bộ chút đỉnh, dần dần tìm thấy niềm vui sau mỗi thời thiền định và nhiều lần được hỷ và lạc do thiền định mang đến. Đó là những niềm vui trước đây tôi chưa từng gặp, vui tràn ngập cả người, từng tế bào, thậm chí từng lỗ chân lông cũng như đang reo vui. Thành quả này giúp tôi vững niềm tin đối với lời dạy của Đức Phật về kết quả hiện tại của pháp môn Tứ niệm xứ. Ngài dạy rằng sự chứng đắc các quả vị nhanh hay chậm là tùy vào sự tu tập của mỗi

người mà thời gian có thể rút ngắn từ bảy năm còn lại bảy ngày; và người tu tập Tứ niệm xứ sẽ chờ đợi một trong hai quả: “Chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay chứng quả Bất hoàn”. Tôi không còn nghi ngờ gì về pháp môn mà Đức Phật đã dạy.

Những thành quả ấy của tôi có được chính là nhờ được sống bên Hòa thượng. Hòa thượng không những giảng dạy cho tôi thiền Tứ niệm xứ mà còn ứng dụng, hành trì nó như là pháp môn duy nhất trong đời sống hằng ngày của Hòa thượng. Tôi may mắn vừa được chứng kiến đời sống tu tập của Hòa thượng, vừa được Hòa thượng hướng dẫn, lại vừa được đọc thẳng vào kinh văn, đồng thời có những trải nghiệm tu tập của mình, nên tôi có một niềm tin tuyệt đối về thiền Tứ niệm xứ. Từ đó tôi ổn định đời sống tại Viện Đại học Vạn Hạnh và phụ giúp Hòa thượng hướng dẫn lớp thiền dành cho sinh viên của Viện.

Hòa thượng đối với cuộc đời tôi quan trọng đến nhường nào! Từ dạo gặp Hòa thượng tại chùa Từ Đàm năm 1964 ấy, hình ảnh của Người luôn để lại trong lòng tôi một tâm thái quý mến và tuyệt đẹp mỗi khi nhớ nghĩ về Người. Ngày ấy, sau hơn mười năm du học và giảng dạy tại Ấn Độ, Hòa thượng trở về nước trong sự đón tiếp vừa long trọng vừa tưng bừng của Giáo hội và của cả hàng triệu con tim đầy ngưỡng mộ và hãnh diện. Lúc đó tôi đang ở Huế cũng háo hức ngóng trông. Và khi Hòa thượng từ Sài Gòn về Huế, chư Tăng, Ni và quần chúng Phật tử Huế, sau bao năm tháng chờ mong, đổ òa ra những con đường từ phi trường Phú Bài lên đến chùa Từ Đàm như thể ngày hội. Còn tôi thì đợi sẵn ở chùa Từ Đàm từ sáng sớm, đứng ngồi không yên bèn hòa vào không khí nao nức trông chờ thật vui nhộn. Và khi đoàn rước Hòa thượng về tới Từ Đàm, bước ra khỏi xe là một màu y vàng rực, một nụ cười an nhiên tự tại, Hòa thượng xuất hiện trước bao ánh mắt thân thương của quần chúng Phật tử đang hướng về Người. Lòng tôi cũng cảm thấy bồi hồi khôn xiết. Một số người đứng gần xe Hòa thượng sụp đầu cúi lạy; còn tôi thì đứng trân nhìn Hòa thượng và buột miệng “Phật Di Lạc!”. Rồi Hòa thượng đến trước tiền đường chùa Từ Đàm nói chuyện cùng Tăng, Ni và Phật tử. Tôi len lỏi toát mồ hôi mới đến gần để được nhìn Hòa thượng rõ hơn. Hòa thượng toát ra một vẻ đẹp thanh thoát, trang nghiêm mà đầy hoan hỷ. Tôi bị hình ảnh Hòa thượng cuốn hút mãi mê, khiến không còn bận tâm đến thiên hạ chung quanh, và ngay lúc đó trong đầu lóe lên một ước mơ: “Ước gì một mai được thân cận với Hòa thượng!”

Thế rồi ‘một mai’ đó phải mất gần bảy năm mới gặp lại, không phải ở Huế mà ở Đà Lạt trong một cơ duyên bất ngờ, để rồi nguyện ước ngày nào trở thành sự thật. Những năm

tháng tôi ở Viện Đại học Vạn Hạnh phụ giúp Hòa thượng hướng dẫn lớp thiền dành cho sinh viên của Viện trải qua được vài năm thì đến ngày 30-4-1975.

Sau ngày tháng này, Viện Đại học Vạn Hạnh không còn được hoạt động, nên số người ở trong nội xá của Viện còn lại rất ít và lần lượt ra đi. Từng người từng người trong tư thế chuẩn bị ra đi. Di vãi và anh thị giả của Hòa thượng cũng ra đi. Từ đó tôi phải quán xuyến tất cả mọi công việc trong nội xá, kể cả việc lo cơm nước cho Hòa thượng. Lúc đầu nấu ăn cho Hòa thượng, tôi mang tâm trạng lo âu vì thời làm điều chỉ biết luộc rau, nấu cơm, nhưng bây giờ nấu ăn cho một bậc cao tăng thì thật không đơn giản! Nhưng chỉ với lòng tôn kính, tôi dốc hết tâm trí để lo cho Hòa thượng. Và thật là hạnh phúc khi Hòa thượng đón nhận sự phục vụ của tôi một cách hoan hỷ và không tiếc lời khen ngợi. Tôi nghĩ Hòa thượng, với từ tâm rộng lớn, đã đón nhận cái tâm của tôi hơn là những món ăn tôi nấu. Tôi vô cùng hạnh phúc được sống dưới bóng mát của tình thương ấy! Và công việc như vậy tròn một năm thì thầy trò chúng tôi chuyển toàn bộ sang sống hẳn tại Thiền viện Vạn Hạnh cho đến bây giờ (750 Nguyễn Kiệm, Phú Nhuận). Thời gian một năm ấy là khoảng thời gian hạnh phúc nhất của tôi vì tôi được sống thân cận Hòa thượng trong tình thầy trò thật đẹp, và được làm gì đó cho Hòa thượng như mình từng mong ước!

Hòa thượng là *con thuyền thanh lương* đã đưa tôi vượt qua sông mê bể khổ, vượt qua dòng xoáy của cuộc đời. Nếu như không có duyên được gặp Hòa thượng lần thứ hai tại Đà Lạt ấy thì không biết cuộc đời của tôi sẽ trôi giạt về đâu? Và nếu như không có được lời khuyên của Hòa thượng về sống ở Viện Đại học Vạn Hạnh thì liệu tôi có cơ duyên ném được pháp vị pháp lạc của hai bài kinh *Kinh Nhất Dạ Hiền Giả* và *Kinh Niệm Xứ* như tôi đã trải nghiệm không? Ân đức ấy thật vô cùng to lớn, không thể nào đền đáp nổi! Chỉ với lòng kính ngưỡng, tôi thành tâm đánh lễ Hòa thượng và kính dâng những vần thơ chơn chất như tác lòng tri ân:

*Thầy là một bậc cao tăng
Oai nghiêm đức độ như vầng trăng thu
Dạy con học đạo, tấn tu
Cho con thoát khỏi kiếp tù đau thương.*

MỘT THỜI VẠN HẠNH

Như Đức

Màu y của Thầy một thời trải dài trong tâm thức sinh viên học tập vui chơi an lành dưới khung trời đại học. Qua ngày rằm tháng Bảy, Hòa thượng Minh Châu viên tịch vào buổi sáng chớm thu. Vu lan ngưng đọng, mây la đà bay thấp hơn, và từ đó là những ngày không có nắng. Vạn Hạnh tôn trí di ảnh của Ôn, gương mặt điểm một chút cười nhẹ. Ít khi thấy tấm ảnh nào của Ôn mà không cười. Nói theo kiểu triết học, cười là thuộc tính của Ôn.

Ngày khoác chiếc y vàng làm Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, Ôn đã mở ra chân trời đại học cho Tăng Ni và thanh niên Việt Nam. Ngày đó, sau những chao đảo pháp nạn, những mê hồn trận làm kinh tâm táng đờm tuổi trẻ, chư tôn giáo phẩm cùng Ôn đã tận lực xây dựng ngôi nhà PGVN. Mở viện đại học Phật giáo để cân bằng cán cân văn hóa giáo dục, để đứng ngang tầm với Viện Đại học Đà Lạt, viện nổi tiếng về thần học uyên bác, để hội họp thân hữu với Viện Đại học Cần Thơ, và Viện Đại học Tây Ninh đang trên đà thành hình. Ngày đó, những tân sinh viên mới ra khỏi lớp vỏ trung học, đang còn chập chững bước vào giảng đường, hình ảnh uy nghiêm thanh thoát của quý Ôn, màu áo nâu, y vàng làm lay động cả khung trời mới lạ. Ôn Viện trưởng thường bước vào lớp với nụ cười an ổn. Một tay nắm chéo y, và Thầy bắt đầu giảng kinh *Trung Bộ*, *Trường Bộ*... Những danh từ Pāli làm choáng váng, nào là Sāvathi, nào là Sāriputta... tại sao không là

Xá-vệ, Xá-lợi-phất quen thuộc như xưa? Bộ kinh dày và mệnh mông sâu thẳm như trí tuệ của Thầy. Giọng của Thầy mang âm hưởng Quảng Bình, học trò tha hồ căng hai lỗ tai, cuối giờ còn có đứa kêu kêu nói nhỏ: “Cho tui mượn tập ghi chép, tui nghe hết hơi mà hông kịp”.

Mới năm đầu tiên là như thế, qua những năm sau, không khí học đã sôi động. Hành lang Phật khoa luôn luôn ưu tiên cho Tăng Ni, ưu tiên cho sinh viên các khoa khác, sau khi học xong giờ nơi trường mình, dự thêm giờ Phật khoa để bổ sung kiến thức. Lớp bắt đầu muộn, vào cuối giờ chiều, đứng trên hành lang nhìn xuống sân thấy Thầy đi kinh hành. Một tay nắm chéo y, tay kia thông thả theo nhịp bước, Thầy đi vòng quanh sân. Bấy giờ sinh viên đã về hết, Thầy đi như một chấm màu vàng di động, như có gió thổi theo chân.

Ngày đó, những buổi chiều gió rất thích về thăm sân trường, thăm các hành lang nhộn nhịp. Giảng đường 18, giờ của thầy Nguyễn Duy Cần, luôn luôn kèm theo chiếc cặp to màu đen. Sinh viên không biết có những gì trong đó, nhưng giờ triết Đông của thầy thường ngồi kín giảng đường. Thầy biểu muốn hiểu tinh thần Đông phương, tinh thần Phật giáo thì nên mua bộ *Lục mạch thần kiếm* về xem. Báo hại, có người chong đèn thức khuya, không xem kinh mà xem Đoàn Dự đi lang thang. Mỗi giờ học là mỗi giờ thú vị. Tinh thần mạnh mẽ phóng khoáng của các thầy dù thượng thừa phương trượng hay tục gia phương ngoại đều đã thổi sinh khí cho Vạn Hạnh. Giờ học so sánh triết Đông và triết Tây nổi cộm để tài tìm hiểu mối liên hệ giữa trái hóa châu và tinh thần phương Đông. Thời đó, chiến tranh miền Nam khốc liệt. Ở vùng ngoại ô mỗi đêm đều có hỏa châu lừng lờ trên đầu. Cả lớp xôn xao về đề tài có tính cách thời sự và thách đố. Người thì nói hỏa châu là thành tựu của khoa học phương Tây, người thì phản bác lại nói thuốc súng thuốc nổ là phát minh của Trung Hoa đầu tiên. Kẻ mơ mộng hơn nói phương Đông như màn đêm huyền bí ... Mọi người tự do phát biểu tư tưởng của mình ... Tranh luận mãi rồi cũng không kết thúc được là Đông hay Tây, thòi rú nhau lên căng-tin uống sữa.

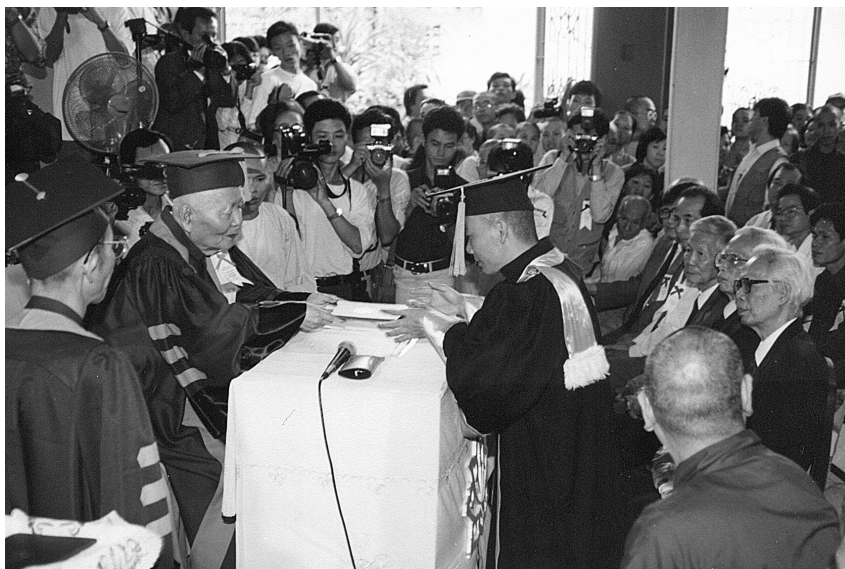
Thời đó, sinh viên sau giờ học hay ghé qua mấy quán cà-phê gần trường bàn chuyện văn chương, sách vở. Thời đó, Phạm Thiên Thư, Lê Nghị viết tràn những trang thơ. Đến khi nghe phổ nhạc “Rằng xưa có gã từ quan. Lên non tìm động hoa vàng ngủ say”, mới biết lớp mình hân hạnh có thiên... tai. Thời đó, cũng có khi trường phải bãi khóa, và sinh viên tổ chức đêm không ngủ kêu gọi hòa bình. Cũng đôi lúc văn nghệ hát nhạc Phạm Thế Mỹ hoặc hát lên ước mơ “Mai đây hòa bình, ta về ngắm lại dòng sông xưa, đồng hoang xơ xác hai bên sẽ mai này thơm mùi lúa chín”. Trên tất cả mọi thứ, vẫn có Thầy qua lại lên xuống sân trường. Màu vàng y thấp thoáng, gió thì thổi với nhau rằng những nếp y của Thầy rất ưu tư. Thầy hiện diện trong một thời tuổi trẻ bần khổ và xao động của sinh viên, và

dem tinh thần Phật giáo để hướng dẫn dạy dỗ.

Sinh viên được che chở dưới y vàng giải thoát của Thầy. Chuyện cổ tích Việt Nam có kể, thời rất xưa có cuộc trao đổi giữa Bụt và ma. Con người núp sau lưng Bụt xin che chở. Bụt chỉ giao hẹn với ma là trong phần đất bằng với tấm y của Bụt, ma không được xâm phạm, ngoài tấm y là lãnh vực của ma. Tấm y của Bụt đâu có rộng lớn gì, nên ma đồng ý ký kết. Và khi tấm y vàng bung ra, bao nhiêu gian tà, ma mị dạt hết ra ngoài. Tấm y bay choàng cả không gian thời gian, con người được an lành trong màu y của Bụt. Màu y của Thầy, một thời trải dài trong tâm thức sinh viên, học tập vui chơi an lành dưới khung trời đại học.

Một cuộc đời gắn gũi gắn liền với biết bao biến chuyển đất nước và đạo pháp, rồi cũng ra đi khi đúng hẹn. Cởi áo tử sinh và khoác áo vô sinh.

*Áo xưa vừa khoác lên người
An nhiên gửi lại nụ cười xưa sau.*



NGHĨ VỀ CON ĐƯỜNG GIÁO DỤC PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Huỳnh Kim Quang

(Cựu sinh viên Đại học Vạn Hạnh)

Trong niềm tiếc thương vô hạn đối với sự ra đi của bậc Ân sư khả kính mà người viết bài này đã từng thọ ân giáo dục, bài viết này xin được viết ra để tưởng niệm công đức lớn lao của Ngài đối với sự nghiệp giáo dục và qua đó xin trình bày một vài cảm nghĩ về con đường giáo dục của Phật giáo Việt Nam.

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam nhiều thế kỷ trở lại đây, Hòa thượng Thích Minh Châu là một trong những nhà giáo dục xuất sắc nhất đã kiên trì và tận tụy cả đời cho sự nghiệp giáo dục, đặc biệt là giáo dục thế học trong tinh thần của Phật giáo Việt Nam mà tiêu biểu cao nhất cho sự thành tựu nền giáo dục theo hướng ấy là Viện Đại học Vạn Hạnh.

Viện Đại học Vạn Hạnh đã được chính thức cho phép hoạt động với tư cách pháp nhân và pháp lý của một đại học tư thục vào ngày 17 tháng 10 năm 1964, và vị Viện trưởng là Thượng tọa Thích Minh Châu. Việc thành lập Viện Đại học Vạn Hạnh là do chủ trương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất để đáp ứng nhu cầu mở rộng công cuộc hoàng pháp vào xã hội. Giai đoạn đầu, chờ xây dựng cơ sở chính thức, Đại học Vạn Hạnh đã mượn cơ sở của chùa Xá Lợi và chùa Pháp Hội để giảng dạy với 2 phân khoa Phật học và Văn học & Nhân văn. Đến năm 1966 thì Đại học Vạn Hạnh dời về cơ sở mới được xây cất xong trên đường Trương Minh Giảng, Sài Gòn. Năm 1967, Viện mở thêm Phân khoa Khoa học Xã

hội. Năm 1970, Viện mở Phân khoa Giáo dục và năm 1973 thêm Phân khoa Khoa học Ứng dụng, với cơ sở mới tại quận Phú Nhuận mà nay là Thiển viện Vạn Hạnh. Niên khóa 1971-72, Viện mở Trung tâm Ngôn ngữ để giúp sinh viên học các ngoại ngữ. Ngoài ra, Viện còn có Thư viện, với khoảng 25.000 đầu sách, là một trong những thư viện lớn và hiện đại nhất vùng Đông Nam Á thời bấy giờ (theo www.wikipedia.org). Năm 1967, Viện cho ra đời tạp chí *Tư Tưởng* là cơ quan ngôn luận dẫn đạo về mặt tư tưởng, triết lý, giáo dục và văn hóa hàng đầu của Phật giáo Việt Nam, mà mãi đến nay (2012) vẫn chưa có tạp chí Phật giáo nào, trong và ngoài nước, có thể vượt qua được uy tín và ảnh hưởng lớn rộng của nó.

Chỉ hơn 10 năm, từ tháng 10 năm 1964 đến tháng 4 năm 1975, Đại học Vạn Hạnh đã phát triển thành một trong những đại học tư thục nổi tiếng và uy tín hàng đầu trên cả nước. Đó là một kỳ công hân hũu, một đóng góp lớn lao cho nền giáo dục trong bối cảnh bất an của xã hội Việt Nam thời chiến tranh lúc bấy giờ.

Nói như vậy để thấy rằng, vào những năm của thập niên 1960 và 1970, khi cuộc chiến khốc liệt đang xảy ra trên mọi miền đất nước, khói lửa điêu linh tang tóc diễn ra từng ngày từng giờ và trong từng gia đình người dân Việt Nam, Hòa thượng Thích Minh Châu đã nỗ lực và kiên trì trong công tác giáo dục tuổi trẻ thanh niên Việt Nam, để họ còn có chỗ dựa gửi gắm niềm tin vào tương lai. Vào thời điểm đó, vì vậy, Đại học Vạn Hạnh không chỉ là trường sở giáo dục đào tạo nhân tài với bằng cấp học vị, mà còn là biểu tượng của niềm tin và hy vọng vào tương lai của đất nước cho thế hệ tuổi trẻ Việt Nam. Chính vì thế, Tạp chí *Tư Tưởng* của Đại học Vạn Hạnh cũng trở thành biểu tượng, thậm chí một thứ mode tri thức của sinh viên thời bấy giờ.

Rồi mấy chục năm sau, từ năm 1975 đến trước khi viên tịch, cũng thế, Hòa thượng Thích Minh Châu vẫn tiếp tục con đường giáo dục với sự kham nhẫn vô bờ trước mọi chướng duyên và nghịch cảnh của xã hội để đào tạo nhiều thế hệ Tăng, Ni cho Phật giáo Việt Nam. Nếu không có những nhà giáo dục tận tụy hy sinh đời mình cho lý tưởng “Duy tuệ thị nghiệp” như Hòa thượng Thích Trí Thủ, Hòa thượng Thích Minh Châu... thì Phật giáo Việt Nam đến hôm nay đã phải trả giá rất đắt cho sự mất mát nhân sự lớn lao để thừa kế sự nghiệp hoàng pháp lợi sinh của thầy tổ.

Hòa thượng Thích Minh Châu ngay từ đầu đã chọn cho mình định hướng giáo dục và Ngài đã đem hết tâm huyết một đời cống hiến cho sự nghiệp giáo dục ấy đến hơi thở cuối cùng. Để có thể hy sinh trọn đời cho sự nghiệp giáo dục được chắc chắn, Hòa thượng đã ý thức và nhận chân được vai trò và ảnh hưởng của giáo dục đối với công cuộc chuyển hóa con người và xây dựng xã hội. Ý thức đó đã được Hòa thượng bày tỏ nơi Chương 13 “Một môi trường giáo dục tốt phải được khởi nguồn xây dựng bởi những người có ý thức và trách

nhiệm,” trong tác phẩm “Đạo đức Phật giáo và Hạnh phúc con người” của Ngài, được xuất bản vào năm 2002 tại Việt Nam (nguồn: www.thuvienhoasen.org). Trong đó, có đoạn Hòa thượng viết rằng:

“Ngày nay, với lối sống buông trôi theo dục lạc, con người hiện đại đang dần dần làm ô nhiễm và phá vỡ môi trường sống tốt đẹp của mình. Nhiều biểu hiện thiếu cân nhắc, thiếu phân tích của con người ngày nay khiến chúng ta không khỏi lo ngại đến cuộc sống hiện tại và tương lai, nếu con người không thật sự quay về để tìm xem mình đang làm gì và có thái độ sống thích hợp như thế nào. Đứng trước sự thách thức to lớn của lối sống thiếu giác tỉnh, bất chấp các hậu quả của con người ngày nay, chúng ta - những người Phật tử - cần phải tỏ rõ hơn nữa nếp sống tự ý thức và tự chế ngự của mình, đồng thời cần phải nỗ lực xây dựng nhiều môi trường sinh hoạt mang tính giáo dục cao cả cho con người”.

Trong tác phẩm nói trên, Hòa thượng còn nêu bật một yếu tính quan trọng mà suốt chiều dài lịch sử hai ngàn năm Phật giáo Việt Nam đã cư mang, đó là vai trò của ngôi chùa trong sứ mệnh giáo dục con người và xã hội. Hòa thượng viết rằng:

“Những bước đi tiếp cận chân lý giác ngộ như đã nói ở trên gợi cho chúng ta hình ảnh một môi trường giáo dục thanh thoát, đầy trí tuệ và tình người do Đức Phật xây dựng mà theo thời gian, với sự trong sáng của nó, môi trường ấy đã trở thành một truyền thống tốt đẹp, luôn luôn được giữ gìn và được xây dựng bởi những người con Phật với mục đích đem lại hạnh phúc và an lạc cho con người. Quả vậy, mỗi một ngôi chùa Phật giáo luôn luôn là một môi trường giáo dục tốt và người Phật tử đến với ngôi chùa ấy không phải chỉ để học kiến thức về kinh điển Phật giáo, mà để tu học và đóng góp sức mình cho việc xây dựng và phát huy môi trường ngày càng tốt đẹp. Và, qua nếp sống đó, Tăng Ni và Phật tử Việt Nam đang nỗ lực hướng vào mục tiêu chung của xã hội Việt Nam cũng như của thế giới ngày nay là làm trong sạch hóa môi trường sống của con người mà đạo đức là căn bản”.

Giáo dục trong nghĩa rộng là đem kiến thức và kinh nghiệm truyền trao cho người khác, hay cho thế hệ con em qua nhiều hình thái và mô thức như học đường, cơ sở tôn giáo, gia đình hay xã hội, v.v... Trong Chương thứ 13 của Công ước Quốc tế về Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa được công bố vào năm 1966, Liên Hiệp Quốc đã chính thức bảo đảm quyền giáo dục cho mọi người trên trái đất này. Giáo dục có hai lãnh vực là chính thống và không chính thống. Giáo dục chính thống là các hệ thống giáo dục học đường công lập và tư thục được nhà nước công nhận. Giáo dục không chính thống là tất cả những công tác truyền trao kiến thức và kinh nghiệm từ người này sang người kia, từ thế hệ này sang thế hệ khác qua nhiều hình thái và hoàn cảnh khác nhau như trong gia đình và bên ngoài xã hội, v.v...

Đức Phật là một nhà giáo dục mẫu mực và ưu việt đã áp dụng phương thức giáo dục giác ngộ để chuyển hóa con người và xã hội. Đức Phật dạy rằng vì vô minh che khuất chân tánh nên chúng sinh bị vọng tâm điên đảo lôi kéo vào con đường tạo nghiệp và thọ khổ trong sanh tử luân hồi. Cho nên, con đường giải thoát khổ là giác ngộ vô minh và trực nhận chân tánh. Đó là con đường của trí tuệ. Giáo dục vì vậy là giúp con người khai mở trí tuệ trong chính họ. Bốn mươi lăm năm giáo hóa độ sinh cũng chính là bốn mươi lăm năm Đức Phật thực hành công tác giáo dục để chuyển hóa con người và xã hội.

Trong việc chuyển hóa và xây dựng con người và xã hội, không có phương thức nào hữu hiệu và tác động lâu dài hơn giáo dục, nhất là giáo dục cho tuổi trẻ. Nhờ giáo dục, mỗi cá nhân con người có được kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn hay phổ thông về nhiều lãnh vực như khoa học, y học, văn học, triết lý, tôn giáo, đạo đức, luật pháp, công lý, điều đúng, điều sai, điều nên, điều hư, giả dối và chân thật, thiện và ác, vv... Nói chung, mọi thứ trong cuộc sống đều có thể tự mỗi người đem kiến thức đó ra áp dụng vào cuộc sống hàng ngày. Nhờ giáo dục mà mỗi con người trở thành một thành viên tốt trong gia đình và bên ngoài xã hội. Xã hội có nhiều cá nhân tốt như thế sẽ là một xã hội tốt. Cho nên, muốn xây dựng và phát triển xã hội căn bản và lâu dài thì điều tiên quyết cần làm là giáo dục. Chính giáo dục tạo ra những cá nhân toàn vẹn tài đức để ra giúp nước. Chính giáo dục đào tạo những nhà lãnh đạo ưu tú tận tụy hy sinh cho dân cho nước. Chính giáo dục dạy con người biết phục thiện để tránh điều ác làm điều lành và do đó giữ gìn kỷ cương cho pháp luật quốc gia và đạo đức xã hội.

Phật giáo Việt Nam ngay từ thời kỳ du nhập đã ý thức được vai trò và ảnh hưởng của giáo dục đối với công cuộc chuyển hóa con người và xã hội, cho nên, các vị Tăng Ni tự nguyện làm những nhà giáo dục, chùa chiền trở thành cơ sở giáo dục không chỉ cho Tăng, Ni mà cả quần chúng. Cho đến đời vua Lý Thánh Tông vào thế kỷ thứ XI mới mở Quốc Tử Giám để chính thức đảm trách việc đào tạo nhân tài ra giúp nước. Nhưng truyền thống giáo dục con người và xã hội vốn có của ngôi chùa thì tồn tại mãi trong dân gian. Mỗi tu sĩ khi thi hành sứ mệnh truyền bá Phật pháp cũng chính là đóng vai trò của nhà giáo dục. Chính trong ý nghĩa đó mà Đệ nhất Tổ Trúc Lâm Điều ngự Giác hoàng Trần Nhân Tông đã xuất gia hành hạnh đầu-đà đi khắp trong nhân gian để lập chùa, giảng giải Ngũ giới và Thập thiện cho dân chúng tu theo và Ngài xem đó như là một trong những phương thức xây dựng con người và xã hội nền tảng nhất.

Trong các thập niên 1960 và 70 của thế kỷ trước, Phật giáo Việt Nam đã thực hiện được hai chương trình giáo dục thành công lớn nhất trong lịch sử, đó là Viện Đại học Vạn Hạnh và hệ thống trung tiểu học tư thục Bồ Đề. Cả hai đã đóng góp thật xứng đáng công đức vào

việc giáo dục cho thế hệ thanh thiếu đồng niên Việt Nam. Và qua đó, Phật giáo Việt Nam đã góp phần giáo dục và đào tạo các thế hệ tương lai cho đất nước.

Rất tiếc là từ sau năm 1975 đến nay, Phật giáo Việt Nam trong và ngoài nước đã không thực hiện được một chương trình giáo dục nào thành công lớn lao như vậy đối với con đường giáo dục thế học. Đây là điều mà Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam nói chung, những nhà lãnh đạo Phật giáo Việt Nam nói riêng, cần đặc biệt quan tâm.

Nếu vì hoàn cảnh chưa cho phép để thực hiện các chương trình giáo dục học đường chính thống từ cấp tiểu học lên đại học để dạy thế học cho các em, chúng ta có thể thi hành chương trình giáo dục không chính thống qua nhiều lãnh vực như mở lớp dạy kèm, lớp dạy văn hóa cho các em nghèo, các em ở vùng quê hẻo lánh hay vùng núi xa xôi thiếu trường học. Trong một số chương trình phóng sự đặc biệt trong nước mà người viết có lần xem thì thấy rằng có nhiều nơi ở miền quê và miền núi cũng như ở các buôn làng của người thiểu số, các em không được đi học, hay đi học mà phải đối diện với nhiều thiếu thốn về tiền bạc, về phương tiện đi lại, sinh sống, vv... Gần đây sinh hoạt Gia đình Phật tử được khởi sắc lại ở khắp nơi. Sự ra đời của các câu lạc bộ thanh niên Phật tử hỗ trợ tinh thần và vật chất cho các em học sinh trong các mùa thi và dịp thi vào đại học nở rộ lên là một dấu hiệu tích cực đối với chương trình giáo dục không chính thống.

Tại hải ngoại, có hai chương trình giáo dục không chính thống, có nghĩa là không nằm trong hệ thống giáo dục được Bộ Giáo dục công nhận, mà Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam cần gia tâm hỗ trợ:

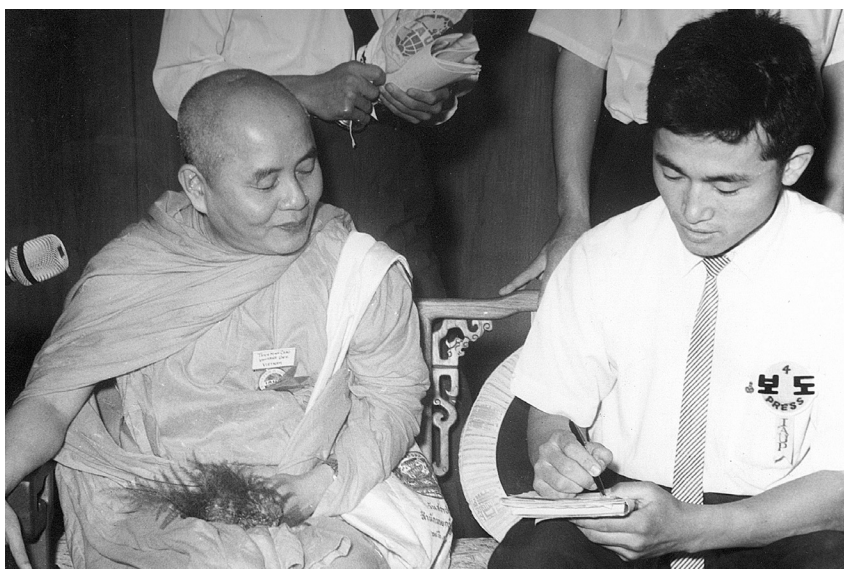
- Đối với các tổ chức Gia đình Phật tử Việt Nam và thanh thiếu niên Phật tử, đây là những tổ chức đã có nề nếp sinh hoạt từ trong nước ra hải ngoại và có sẵn chương trình giáo dục. Điều cần hỗ trợ cho họ là khuyến khích con em tham gia sinh hoạt trong các tổ chức này, tạo điều kiện thuận duyên cho các sinh hoạt của họ như cho phép họ sinh hoạt trong chùa, trong cơ sở hội và với lòng yêu thương bao dung lấy họ. Một điều nữa cũng không kém quan trọng là cố gắng đúng mức để dạy tiếng Việt cho các em đoàn sinh trong các tổ chức nói trên. Có thể nói, dạy tiếng Việt phải được xem như là ưu tiên hàng đầu trong chương trình giáo dục cho các em thanh thiếu niên Phật tử.

- Dạy tiếng Việt cho con em người Việt là chương trình giáo dục không chính thống mà Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam tại hải ngoại cần đặc biệt quan tâm và thực hiện nhiều hơn nữa. Dù biết đây là công tác giáo dục đã được nhiều Tăng, Ni và Phật tử thực hiện trong nhiều thập niên qua với nhiều thành tựu rõ ràng, nơi đây người viết cũng không thể không nhắc đến để nhấn mạnh vai trò và tác động rất lớn của nó trong việc bảo vệ và phát huy nền

văn hóa dân tộc và Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại. Dạy tiếng Việt cho con em còn có thể thực hiện thành công rất nhiều trong sinh hoạt gia đình với sự chủ tâm hướng dẫn của các bậc phụ huynh. Thực hiện việc chỉ nói tiếng Việt trong gia đình giữa tất cả các thành viên từ cha mẹ đến con cái là một trong những điều kiện tiên quyết dẫn tới thành công việc dạy tiếng Việt cho con em. Trong chiều hướng đó, cha mẹ cần phát tâm làm cho được việc này đối với con cái của mình để cống hiến vào công tác giáo dục tuổi trẻ Việt Nam ở hải ngoại.

Phật giáo Việt Nam nếu thực hiện đúng và phát huy trọn vẹn vai trò và chức năng của giáo dục chính thống cũng như không chính thống là đã góp phần rất lớn không những cho việc phát triển mà còn làm thay đổi hẳn nền tảng của xã hội và đất nước. Nếu thế hệ tuổi trẻ được giáo dục tới nơi tới chốn và đầy đủ phẩm chất về trí tuệ và đức hạnh thì chẳng phải toàn xã hội và quốc gia đó sẽ có tương lai tươi sáng hay sao?

Đó chính là những gì cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu đã tận tụy suốt đời để thực hiện. Và vì thế, Ngài xứng đáng được xưng tụng như là nhà giáo dục kiệt xuất của Việt Nam và của Phật giáo Việt Nam từ trước tới nay.



HỒI ỨC VỀ MỘT NGƯỜI THẦY

Nguyễn Hồng nhất tâm đỉnh lễ

Tôi định viết về đề tài *Tâm huyết của một người thầy*, một người đã trọn đời đem giáo dục vào cuộc sống trong tinh thần giáo dục Phật giáo. Nhưng nghĩ lại hai chữ tâm huyết có tính thể tục và không tương xứng với một bậc thầy mà tôi phải nhất tâm đỉnh lễ như đỉnh lễ một vị La-hán hay nhục thân Bồ-tát. Do vậy, tôi chỉ xin ghi nhận một số nét về người thầy mà tôi đã được học trong 3 tháng và đã được Người tạo điều kiện trưởng thành về khả năng cũng như nhân cách trong 5 năm ở Đại học Vạn Hạnh.

Năm ấy, 1946, Phật học đường Báo Quốc hoạt động trở lại sau lệnh hồi cư. Người cùng các thanh niên trong Đoàn Thanh niên Phật học Đức dục như Phạm Hữu Bình, Văn Đình Hy vv... phụ trách dạy phần thể học. Lớp tiểu học năm thứ nhất được Người đảm trách môn chính tả và giảng văn. Khai giảng vừa được 3 tháng, đến tháng Chạp thì Pháp tấn công thành phố Huế. Lệnh toàn quốc kháng chiến được ban hành, thế là trường lại ngưng hoạt động. Trong 3 tháng ở lớp tiểu học năm thứ nhất, một số khá nhiều bài giảng văn được học, và đến nay tôi vẫn còn thuộc một câu mở đầu của bài *Bạn cu li mở đi làm*. Câu mở đầu như sau: *Một hồi còi rú lên trong đêm tối mờ sương, Thuật vừa nuốt xong miếng cơm cuối cùng với một gắp dưa chua bèn chiêu vội một hơi nước với*; và tôi cũng thuộc lòng một bài thơ. Với đứa trẻ 12 tuổi, tôi đã thuộc do cảm nhận qua bài văn và bài thơ với tinh thần trong sáng của một thanh niên yêu gia đình và xã hội. Thời gian chia cách, 25 năm sau, tôi gặp lại

Người ở Đại học Vạn Hạnh mà tưởng chừng như chưa hề có cuộc chia ly.

Theo nhu cầu phát triển, Viện Đại học Vạn Hạnh cần mở thêm Phân khoa Sư phạm. Nhân dịp đạo hữu Lê Văn Lâm đi công tác ở Nhật Bản, Người khiến gặp tôi bàn về việc thành lập và tổ chức Phân khoa Sư phạm. Tôi thiết tha nhờ đạo hữu về thưa với Người là thành lập Phân khoa Giáo dục chứ không phải chỉ là Sư phạm vì những lý do tôi đã trình bày chi tiết cho đạo hữu.

Năm 1971 tôi về nước, thì Phân khoa Giáo dục đã được thành lập và đang dạy năm thứ nhất, mặc dầu hoàn toàn chưa có chương trình làm chỉ nam cho sinh viên. Người trao ngay cho tôi phần việc phụ tá khoa trưởng và bảo tôi soạn chương trình 4 năm và làm chỉ nam cho khoa. Sau đó, Người bổ nhiệm tôi chức vụ Phó Khoa trưởng và giao hoàn toàn công việc của khoa cho tôi bằng văn bản chính thức. Rồi năm 1972, tôi được Người bổ nhiệm làm Khoa trưởng, đồng thời đề cử tôi làm Phụ tá Tổng vụ trưởng Tổng vụ Văn hóa Giáo dục của GHPGVN TN.

Năm 1973, giáo sư Nakamura Hajime, giáo sư bộ môn Đông phương học của Đại học Tokyo Nhật Bản, thuyết trình bằng tiếng Anh đề tài *Contribution of Eastern Thought and Buddhism to World Culture* (Sự đóng góp của tư tưởng Đông phương và Phật giáo cho văn hóa nhân loại) và đề tài thứ hai là *Prince Shotoku's Ideal of the Buddhist State* (Lý tưởng Quốc gia Phật giáo theo Thánh Đức Thái tử). Đề tài thứ nhất Người giao cho tôi thông dịch và đề tài thứ hai được giao cho thầy Thích Tuệ Sỹ. Tôi không thắc mắc vì sao cả hai chúng tôi không phải người du học ở quốc gia mà tiếng Anh là bản ngữ lại được chỉ định làm thông dịch, trong khi ở Viện không hiếm người đã du học ở Mỹ về. Suốt buổi thuyết trình và những câu hỏi được đặt ra cho diễn giả trả lời, nhìn xuống hàng ghế đầu tôi thấy vẻ mặt Người hoan hỷ.

Thế rồi năm sau, 1973, một cuộc hội thảo về quản trị đại học của Hiệp hội Các Đại học Đông Nam Á tổ chức tại Nanyang University, Singapore, Người bảo tôi làm một bài tham luận và sẽ thuyết trình trên diễn đàn đó. Tham dự hội thảo đó, Viện Đại học Vạn Hạnh đóng góp 2 tham luận. Tôi vâng dạ và y giáo phụng hành. Tham luận của tôi đề tài là *Facing Curriculum Reform* (Đối mặt việc cải tổ chương trình học). Trên diễn đàn, tôi lại tìm được nụ cười hoan hỷ của Người như ngày nào.

Trong nội xá, anh em thân với tôi nói, tôi được điểm của Thượng tọa Viện trưởng vì câu nói của Người: “Việc gì giao cho thầy Nguyên Hồng là tôi yên tâm vô cùng”. Nhưng chính câu nói ấy mà sau này tôi đã đau lòng khi Người giao cho Phân khoa Giáo dục phụ trách số đặc san chủ đề về giáo dục. Tôi lấy chủ đề là *Giáo dục cho ngày nay và ngày mai*

và đó là bài chủ đề chính do tôi viết cho đặc san. Ngày đầu tiên in xong phát hành buổi sáng, tại Văn phòng khoa cũng như trong Viện, nhiều người tán thưởng. Một giáo sư dạy môn Ngữ học Anh của phân khoa, cô PTNH vui vẻ nói với tôi tại văn phòng: “Tụi em rất hãnh diện về bài viết của thầy”. Niềm vui chưa mấy chốc thì buổi chiều có lệnh tịch thu của nhà cầm quyền, và sau đó là trát đòi với lệnh tổng đạt Người và tôi ra trước phiên xử Tòa án Quân sự, số 3A Bến Bạch Đằng Saigon với hai lý do: “Dùng báo chí để phổ biến các tin tức, tài liệu, luận điệu có thể gây tác dụng làm phương hại nền an ninh quốc gia và trật tự công cộng” và “Dùng báo chí để phổ biến các tin tức, tài liệu, luận điệu nhằm đề cao chủ nghĩa, chủ trương hay hành động của cộng sản”. Tôi đau lòng không phải hối hận vì những gì tôi đã viết, mà đau lòng vì không làm tốt hơn để không gây hệ lụy cho Người. Trong chiếc xe của Viện đưa chúng tôi ra tòa, tôi liếc nhìn thấy vẻ mặt của Người vẫn bình thản như chẳng có chút gì động tâm.

Theo thời gian, mỗi bước đi của tôi là mỗi bước trưởng thành trong bàn tay dịu dặt vô hình của người thầy tôi đã từng gặp trong đời.

Sau 1975, khi chuyển giao Viện Vạn Hạnh, tôi về ở số 141 Ngô Tùng Châu, thì một hôm có người thị giả đến. Người thị giả nói: “Thượng tọa bảo xuống nói với thầy viết cho Thượng tọa câu đầu của 4 câu thơ cuối trong bài thơ *Mất mẹ* của Xuân Tâm”. Phút chốc hồi ức gần 30 năm qua của một cậu bé 12 tuổi ngồi học trong lớp học sống lại trong tôi. Trong gần 30 năm ấy, tôi không hề đọc lại bài thơ, cũng như trong thời gian sống ở nội xá tôi không nói cũng không hề nghe ai nói về bài thơ của Xuân Tâm. Vậy mà gần 30 năm qua, Người bảo tôi viết lại một câu của bài thơ Người đã từng giảng, quả là một điều kỳ diệu. Tôi đặt bút viết ngay 4 câu thơ cuối và trao cho cô thị giả:

*Hoàng hôn phủ trên mộ,
Chuông chùa nhẹ rơi rơi,
Tôi thấy tôi mất mẹ,
Mất cả một bầu trời.*

Người có hai lần cùng với Hòa thượng Thích GT đích thân đến số 141 Ngô Tùng Châu, nơi tôi lui về sau khi Đại học Vạn Hạnh chuyển giao. Một lần là mời tôi giữ chức vụ Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Vạn Hạnh, nhưng ra giữa cuộc họp Giáo hội, đề nghị đã bị phủ quyết; và một lần nữa là mời tôi sung vào ban giảng huấn của Viện Phật học Vạn Hạnh, và cũng như lần trước lại bị Giáo hội phủ quyết. Từ đó tôi nghĩ mình không còn cơ hội nào đóng góp được gì cho Phật giáo trong danh nghĩa Giáo hội.

Tuy không có điều kiện thường xuyên viếng thăm Người, nhưng lúc nào cũng yên tâm rằng

Người còn tại thế ở góc trời đường Nguyễn Kiệm để chúng sinh được cúng dường chiêm ngưỡng. Khi được tin Người viên tịch, trong tôi mừng tượng một cảm giác của Xuân Tâm:

*Tôi thấy tôi mất mẹ,
Mất cả một bầu trời.*



NHỮNG NGÀY THỌ NHẬN ƠN ĐỨC

Trần Tuấn Mãn

Đời tôi được may mắn sống gần gũi và được sự chỉ dạy của Đại lão Hòa thượng thượng Minh hạ Châu trong suốt 45 năm. Thực ra, cơ duyên đẩy đưa tôi đến phục vụ Ngài trong chừng ấy thời gian đã tụ hội từ trước đó nhiều năm. Tôi được nghe các bậc trưởng thượng của gia đình kể rằng những năm đầu của thập niên 40 thuộc thế kỷ trước, một thanh niên cư sĩ giỏi văn chương, triết học và uyên thâm Phật học, bạn thân của người anh cả con bác tôi (bấy giờ bác đang là Thượng thư Bộ Giáo dục), thường đến nhà bác để mượn các sách triết học và Phật học mà bác đã sưu tập khá nhiều. Vị thanh niên ấy chính là Đại lão Hòa thượng sau này, lúc bấy giờ là vị cư sĩ rất năng nổ của Hội An Nam Phật học, rồi là vị Sa-di, vị Đại đức trưởng đệ tử cố Đại lão Hòa thượng Tăng thống thượng Tịnh hạ Khiết chùa Tường Vân thành phố Huế.

Năm 1952, khi tôi đang là Đoàn sinh Thiếu niên của Gia đình Phật tử, trong một buổi sinh hoạt, Huỳnh trưởng Nguyễn Sĩ Thiều trở vào một vị thầy áo nâu guốc gỗ, phong cách thư thái hiền hòa đang đi lại phía chúng tôi. Anh dặn: “Thầy Minh Châu đấy! Anh sẽ hô: ‘Thầy đi mô?’, các em hãy đồng thanh: ‘Thầy đi Colombo’ nhé!”. Đây là lần đầu tiên tôi được tận mắt nhìn thấy Hoà thượng. Chúng tôi hô to theo lời anh Thiều. Hoà thượng cười và dịu dàng nói với chúng tôi vài lời khuyên nhủ. Năm ấy Ngài du học Colombo, rồi Ấn Độ, rồi giảng dạy Phật học tại Đại học Nalanda, Bihar. Sau 12 năm du học, năm 1964,

Ngài trở về nước với học vị Tiến sĩ Phật học.

Khi Hòa thượng giữ chức Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, tôi vẫn mong có dịp được thân cận Ngài. Thế là, tuy tiếp tục là một giáo viên tại Sài Gòn, tôi vẫn dành nhiều thời giờ đến nghe Ngài giảng dạy. Tôi còn tham gia đóng góp công sức cho Câu lạc bộ Sinh viên một thời gian dài trước khi đăng ký học Triết học tại đây trong suốt sáu năm cho đến khi hoàn tất chương trình Cao học.

Trong thời gian này, tôi được Hòa thượng cho gặp gỡ nhiều lần và được Hòa thượng chọn cho tôi học bổng du học tại Hoa Kỳ do Asia Foundation tặng; trong lúc chờ đợi đi du học, Hòa thượng đã giới thiệu tôi đến làm việc tại Thư viện của Đại học Vạn Hạnh. Tiếc là vì việc riêng, tôi đã bỏ lỡ dịp du học này.

Năm 1975, khi Viện Đại học Vạn Hạnh ngưng hoạt động, Hòa thượng mở mang xây dựng Thiền viện Vạn Hạnh, tôi lại được gần gũi Hòa thượng, tham gia công quả, theo học các khóa Phật học do Hòa thượng giảng dạy. Đến khi Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Trường Cao cấp Phật học Việt Nam được thành lập, tôi lại càng được gần gũi Hòa thượng nhiều hơn, được Hòa thượng tận tình chỉ dạy về Phật pháp, về các Phật sự của Trường, của Viện ... Tôi cũng được chỉ định vào Hội đồng Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam ... Đến năm 1988, tôi quyết định xin thôi việc giảng dạy ở các trường công lập để phục vụ hẳn cho Trường, rồi cho Học viện, và Viện Nghiên cứu Phật học. Từ đó, Hòa thượng cất nhắc tôi từ chức vụ Phó Văn phòng, rồi Trưởng Văn phòng Trường Cao cấp Phật học, rồi Giảng viên, rồi Tổng Thư ký Học viện và Tổng Thư ký Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh.

Gẫm lại, tôi đã núp bóng Hòa thượng để học Phật, để làm Phật sự, đặc biệt, trong việc nghiên cứu và giảng dạy Phật học trong suốt hàng chục năm, có được đôi phần kiến thức và công năng tu tập; ân nghĩa này thật sâu nặng, khó có thể đáp đền.

Đê đầu tưởng niệm ...

Ôn ơi!

Thế là Ôn đã về cõi tịnh, để lại bao kính tiếc cho các thân hữu trên gần khắp năm châu, cho Tăng Ni Phật tử trong ngoài nước, cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cho môn đồ pháp quyến. Riêng con, sự thiếu vắng Ôn khiến con mất chỗ nương tựa vững chắc, khiến con hụt hẫng ...

Hôm lễ tang, giữa đông đảo chư tôn túc, quan khách, Tăng Ni Phật tử, con bỗng cảm thấy, bề ngoài, mình như một khách viếng lễ tang; điều này khiến con đau lòng. Thậm chí trong lễ nhập tháp, con không dám đến gần. Kính tiếc, nghẹn ngào... sợ phải bật lên tiếng nấc, sợ phải tuôn nước mắt.

Ôn ơi, con nhớ những lần được theo hầu Ôn, tham gia cùng phái đoàn thực hành Phật sự ở nhiều nơi trong nước, những chuyến đi nước ngoài tham dự lễ lạc, hội nghị, hội thảo, tham quan... Con nhớ những lần Ôn gọi con, dặn dò về việc tham gia phái đoàn thay mặt Ôn dự một số hội nghị, hội thảo quốc tế...

Con nhớ những lúc được hầu cạnh Ôn, nghe Ôn giảng về vài vấn đề Phật học, nghe Ôn kể những kỷ niệm tu học. Con nhớ những lúc Ôn ân cần hỏi han công việc. Ôn dặn dò, gợi ý về các báo cáo, về các văn thư gửi đi trong nước và ngoài nước. Cũng vài khi muốn cho con quen việc viết lách, chấp bút thay Ôn, Ôn đã nêu kỹ nội dung đề tài để con viết diễn văn, tham luận trong các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế; tự tay Ôn sửa và giảng giải cho con những chỗ chưa được tốt. Những lúc ấy, con cảm thấy mình như đứa trẻ chấp chững đi theo sự dìu dắt của Ôn. Con nhớ, con nhớ nhiều...

Ôn ơi!

Chiều nay, trong cơn mưa lác đác đầu mùa, con đến lễ lạc tháp Ôn, ngôi lặng lẽ bên tháp. Mưa rơi, lòng hiu quạnh... nhớ Ôn nhiều!

BUNG TAY GIEO HẠT

Tịnh Minh

Lúc 3 giờ chiều ngày 1-9-2012, tức là ngày 16 tháng 7 năm Nhâm Thìn, tôi được cô Trang, nhân viên Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh gọi điện với giọng đứt quãng: “Thầy ơi, Ôn mất rồi. Ôn đi lúc 9 giờ sáng!”. “Mô Phật”, tôi giật mình nói, “Tôi qua Vạn Hạnh ngay bây giờ. Cảm ơn cô đã cho biết tin”. Sau mười lăm phút, tôi đến Vạn Hạnh, đưa tay lên ngực chào một số quý thầy quen thân ở giữa sân rồi đi ngay lên phòng HT. Phước Sơn, cao giọng khẳng định: “Thế là Ôn đã đạt được một trong mười danh hiệu của Đức Thế Tôn rồi: Thiện-thệ, Thiện-thệ!... Well-gone, Well-gone!... Ôn đã được trọn vẹn một tuổi hạ nữa! Ngày húy kỵ của Ôn dễ nhớ nhất, Phật tử dễ dự lễ nhất: Phật hoan hỷ nhật, Tăng tự tứ nhật, thật là kỳ diệu!...”

Hàn huyền với HT. Phước Sơn một lát, tôi xin cáo từ. Vừa xuống khỏi tam cấp, tôi thấy thầy Tâm Chơn, thị giả Ôn trước đây, ngồi trên ghế đá bên hông Học viện với nét mặt buồn thiu. Tôi bước đến gần, thầy meo máo nói: “Ôn đi nhẹ nhàng lắm anh ạ!”. Mặt thầy bỗng đỏ rần và nước mắt tuôn dài xuống hai gò má. Bấy giờ tôi có cảm giác toàn thân thầy mềm như một sợi bún và cũng hiểu thế nào là “không cảm được nước mắt”. Cảm động quá, tôi quay mặt sang nơi khác và sức nhớ đến cảnh ngài A-nan phải lảng ra xa để giấu đi những giọt nước mắt chân tình khi thấy Đức Bổn Sư nằm giữa hai cây Sa-la, sắp vào Niết-bàn. Thế Tôn gọi A-nan lại, ngỏ lời an ủi: “A-nan, không nên đau buồn, không nên thất vọng, hãy nhớ lời

huấn thị của Thầy! Những gì ta thích, những gì ta quý, ngày kia cũng phải chia lìa. Có gì sinh ra mà không bị biến thiên hủy hoại? Có gì sinh ra mà được mãi mãi trường tồn? A-nan, con theo hầu Thầy đã lâu, con là bạn hiền tâm phúc của Thầy. Thầy ghi nhận tâm tình của con. Con trung hậu cả ý chí, lời nói lẫn việc làm. A-nan, đừng nghĩ rằng Như Lai không còn hiện hữu giữa Tăng đoàn! Giáo pháp và Giới luật là thọ mạng của Như Lai đó!”

Phải nói là tôi có chút duyên lành, được học với Ôn một số môn và được tuyển chọn vào hệ thống giáo dục Phật giáo từ năm 1969 đến nay, một khoảng thời gian khá dài và liên tục như thế thì quả thật là vạn hạnh. Mặc dù ít được thân cận như môn đồ pháp quyến, nhưng nhờ học tập và làm công tác giảng dạy từ thời Đại học Vạn Hạnh, Trường Cao cấp Phật học Vạn Hạnh, cho đến Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh mà Ôn luôn là Viện trưởng nên thỉnh thoảng tôi có dịp hội họp, tiếp xúc và ghi nhận một số đặc điểm mắt thấy tai nghe như sau:

1. Dung nhan từ ái:

Năm 1969 tôi vào Đại học Vạn Hạnh và được học môn Pāli với Ôn. Lúc đầu lớp học khá đông, khoảng trên dưới năm chục sinh viên Phật khoa, nhưng đến giữa học kỳ thì còn chưa đầy một chục. Lý do là môn học mới lạ, động từ lại chia nhiều thì nhiều cách, rất khó nhớ nên đa số sinh viên chuyển qua học ban Hán ngữ. Mỗi lần lên lớp, thấy Ôn đứng hành lang đôi mắt trông ngóng từng cô cậu học trò thì lòng tôi bùi ngùi, nhưng vẫn chạy lẹ vô hội trường hay phòng kế bên núp, chờ Ôn vào phòng thì đến lớp của mình. Ấy vậy mà mỗi khi bất chợt gặp Ôn thì Ôn lại cười chúm chím với ánh mắt cảm thông, tha thứ cho cái tính lười nhác đó. Làm công tác giảng dạy mà có được cái nhìn rộng lượng bao dung với môn sinh như Ôn thì quả thật là hiếm có trên đời!

Còn nụ cười của Ôn thì thường “niêm hoa vi tiếu” với môn đồ pháp lữ, nhưng có lúc cũng “mãn cánh vô ưu” với hiền sĩ, trí nhân. Đúng là phong độ của một nhân cách lão sư, pháp sư, thiền sư, đạo sư. Có dịp hội họp, thảo luận hay tiếp xúc với Ôn thì thấy rõ nụ cười mang tính dung hợp, tùy duyên, lân mẫn và hóa giải. Dù cho tình huống gay gắt đến đâu, với cách góp ý nhẹ nhàng từ tốn của Ôn, cử tọa cũng liền hạ nhiệt và bầu không khí trở lại mát mẻ. Ôn cũng rất thông cảm với tính hiếu động, ham vui của tuổi trẻ. Sau 1975, mỗi khi rảnh rỗi, chúng tôi thường câu hội tại phòng thầy Phước Sơn để chơi cờ tướng, trong đó có cố bào đệ của Ôn, nhà nghiên cứu Phật học mà chúng tôi quen gọi với cái tên thân mật, quý mến là chú Minh Chi. Nhiều lúc anh em chơi tới mười giờ khuya, tranh cãi thắng thua, cười vang cả phòng, thế mà Ôn chẳng buồn phiền, còn khen: “Vui hi!...”. Nhất là chiều nào cũng đánh bóng chuyền, banh đội ình ình, các cầu thủ nghiệp dư ồm

nhóm ốm nhách nhưng hò reo rất khỏe, còn Ôn thì cầm cây chổi chà dài thượt, lặng lẽ quét rác quanh sân thiền viện. Nhiều khi chiều tối, chúng tôi ra về, thấy Ôn còn quét nên phải rụt đầu rụt cổ chạy queo sang đường khác để tránh ngượng. Thế đấy, huynh đệ Tăng tục thì nô đùa, còn Ôn thì âm thầm quét rác cho thiền môn được ngày thêm sạch đẹp.

Một điều đáng khâm phục nữa là tôi thấy Ôn luôn luôn ngồi xem văn nghệ từ đầu đến cuối vào những dịp lễ Vu lan hay Phật đản tại Thiền viện Vạn Hạnh. Có lần hầu chuyện với Ôn, tôi nói: “Văn nghệ ồn ào, nóng nực như thế mà Ôn ngồi được suốt buổi, còn vỗ tay tán thưởng nữa chứ; con xin bái phục!”. Ôn mỉm cười nói: “Các ca sĩ, nhạc sĩ nổi tiếng đến chùa mình dự lễ và phục vụ văn nghệ cho Phật tử địa phương, mình phải đãi họ bằng tấm lòng trân trọng và biết ơn. Nhưng mà họ đàn hát hay hi? Vui hi?”. Ôn cười rất tươi. Ôn chiêu cảm lòng người bằng ánh mắt và nụ cười chân tình như thế đó.

2. Bung tay gieo hạt:

Từ khi hệ thống tư thực Bồ Đề xuất hiện khắp các quận huyện miền Nam trước năm 1975, với tư cách là Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo dục, trong các cuộc đại hội, Ôn thường nói: “Chúng ta được xem là những người gieo hạt quanh năm; chúng ta phải bung hết tay cho hạt giống trải đều, không nên giữ lại một nửa theo kiểu mặt thủ bí kíp như các nhà phù thủy. Chúng ta gieo hạt với phẩm hạnh vô tư, bình đẳng; còn việc nảy mầm, phát triển, đơm hoa kết trái hay không, điều đó còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác nữa”. Ôn gọi vào ngành giáo dục là làm công tác gieo hạt, là tình nguyện làm học trò suốt đời, còn kinh văn Phật giáo gọi là khơi gợi chủng tử Bồ-đề.

*“Chư Phật lưỡng túc tôn,
Tri pháp thường vô tánh,
Phật chủng tùng duyên khởi,
Thị cố thuyết nhất thừa”.*

Đúng vậy!... Phật chủng tùng duyên khởi. Hạt giống từ bi và trí tuệ của chư Phật tùy theo cơ duyên mà nảy mầm, phát triển.

3. Nhẫn nhục như địa:

Sau nhiều năm tiếp cận với vai trò lãnh đạo của Ôn, tôi mới thấy thế nào là “nhẫn nhục như địa”. Nhẫn nhục như địa là chấp nhận nghịch duyên, chịu đựng hủy báng, như mặt đất tiếp nhận mọi thứ uế trược để rồi dần dần chuyển hóa chúng thành nhu cầu thiết yếu cho đời. Trong một kỳ đại hội giáo dục Phật giáo dưới sự chủ tọa của Ôn, có vài vị còn trẻ mà phát biểu gay gắt, lớn tiếng chỉ trích việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Bồ Đề của ngài

Tổng vụ trưởng. Vậy mà thấy Ôn ngồi điềm nhiên, mắt lim dim, miệng mỉm cười, tay xoa xoa đỉnh đầu, không một lời buồn phiền hay đĩnh chính. Họ đâu có hiểu rằng mọi thủ tục pháp lý đều được hoàn tất ở các cấp Giáo hội địa phương, Ôn chỉ ký tên, và cho đóng dấu! Có lần tôi nhắc lại điều này với hậu ý cảm thông cho vị thể lãnh đạo, Ôn xuống giọng thông cảm: “Còn trẻ là vậy đó, mai kia lớn lên các thầy ấy sẽ hiểu ra!”. Ôn nói nhẹ hều, tôi nghĩ nặng trĩch!

Một hôm, thấy Ôn ngồi trên băng đá tại Thiên viện, tôi ghé lại chào Ôn, hỏi thăm sức khỏe đòi điều và cất lời gợi ý: “Vạn Hạnh còn tối nay thì ngon Ôn hi?”. Ôn cười, đáp: “Ngon thì ngon thật, nhưng cũng nhiều khê lắm. Căn bệnh nói nhiều mà làm ít ấy mà!...”. Thảo nào trong các bài diễn văn khai giảng năm học hay tốt nghiệp ra trường, Ôn thường trích dẫn bài kệ 227 trong kinh *Pháp cú*:

*Vậy đó A-tu-la,
Xưa nay đều thế cả,
Ngồi im bị đả phá,
Nói nhiều bị người chê,
Nói ít bị người phê,
Không ai không bị trách,
Trên trần thế bộn bề!*

Kiên định nhẫn nhục quả là phép mầu đưa đến thành tựu công đức trang nghiêm.

4. Phân loại tổng hợp:

Có một lần, Viện Đại học Vạn Hạnh mời một học giả ngoại quốc, có lẽ là người Đức, thuyết trình bằng tiếng Anh về đề tài “Ăn để mà sống, hay sống để mà ăn?”. Diễn giả trình bày gần hai giờ, nội dung tán mạn, chi tiết quá nhiều. Thính chúng ngồi lâu, phân tâm tạp niệm, khó bề nắm bắt nội dung diễn giảng một cách trọn vẹn. Vậy mà Ôn, với tư cách chủ tọa, ngồi sừng sững, miệng mỉm cười, mắt lim dim, trước khi ngỏ lời cảm tạ, đã tóm tắt nội dung diễn giảng theo từng đề mục, rõ ràng, mạch lạc, khiến thính chúng vỗ tay rào rào tán thưởng vì nắm được mục tiêu trình bày của diễn giả. Tôi lại khâm phục, chờ dịp thỉnh vấn, và được Ôn khuyên: “Là vai trò lãnh đạo, chúng ta phải tập trung chú ý, phân loại tổng hợp nội dung trình bày mỗi khi hội họp hay tham dự diễn thuyết”. Chính vì thế mà khi dự buổi trình diễn âm nhạc Phật giáo của Phật tử tại chùa Linh Sơn Đà Lạt, tôi đã thủ sẵn “bầu bới” Ôn truyền nên mạnh dạn thay mặt Trường Cao cấp Phật học Vạn Hạnh phát biểu, trong đó có tán dương, góp ý, minh họa; quan khách thấy hay, vỗ tay hoan hô nhiệt liệt. Ôn Linh Sơn ôm tôi véo má hai cái, còn tôi thì ngậm cảm ơn

HT.Thích Minh Châu, bậc Tôn sư của bao lớp Tăng Ni sinh và sinh viên Vạn Hạnh.

5. Theo đuổi mục đích:

Một hôm, xem triển lãm những ấn phẩm của Ôn tại sảnh đường Đại học Vạn Hạnh, tôi đứng nhìn sững sờ các kệ sách và tự hỏi: “Bạn rộn với công việc điều hành một trường đại học như vậy mà Ôn còn dành thời giờ trước tác, phiên dịch kinh điển với một số lượng đồ sộ như thế thì quả thật là Ôn có hai bàn tay vàng”. Tôi lại chờ cơ hội gặp Ôn, bày tỏ thắc mắc, và Ôn lại cười nói: “Thế đấy!... Các vị lãnh đạo bên Đại học Minh Đức (Đại học Thiên Chúa giáo) nể tôi là vậy đó!”. Khi bắt tay vào một công trình, Ôn tiếp lời, chúng ta phải quyết tâm theo đuổi mục đích và ấn định thời gian làm việc. Giờ nào việc nấy. Hèn chi khi đi nghỉ mát, Ôn cũng mang kinh điển giấy bút theo để đảm bảo giờ giấc quy định. Ôn đã mặc nhiên truyền nhiệt cho những ai dẫn thân vào lãnh vực văn hóa văn nghệ và giáo dục Phật giáo nước nhà.

Kính lạy Giác linh Ôn, Ôn đã suốt đời tận tụy với hạnh nguyện bung tay gieo hạt, chăm sóc thiền lâm cho cây trái sum suê, sắc hoa tươi thắm. Tâm nguyện ấy trước sau như một, nhưng hoa trái thì có phần thay đổi mùi vị và kích cỡ theo thời tiết thất thường. Dù thay đổi thế nào chẳng nữa thì chúng vẫn mang đậm dấu ấn bung tay gieo hạt, tạo dáng cây cảnh của Ôn qua bao năm tháng.

Môn sinh cần niệm

ÂN TÌNH PHÁP HỘI

Tuệ Hạnh

Tôi lặng người nhìn bức hình Tuệ Sỹ, vẫn gương mặt xương xẩu, vẫn đôi má lõm sâu, vẫn cặp mắt rực sáng, vẫn gầy còm, chỉ là tóc đã bạc màu, y vàng nghiêm trang, kính cận cầm ba nén hương to, quỳ trước bàn thờ với bức ảnh hiền từ với nụ cười an lạc của Ôn. (*hình trang 485*)

Ai nghe tin Ôn thị tịch cũng xúc động, cũng phải bái lễ, thọ tang. Thấy thầy Như Minh từ Los cũng bay về, gương mặt buồn rầu như đang khóc tang. Tuệ Sỹ thuộc hàng hậu học, cũng tôn kính Ôn là bậc trưởng thượng, có gì lạ đâu. Chẳng có gì đặc biệt. Nhưng nếu có ai để ý, từ sau 1973, Chú rời Vạn Hạnh (bấy giờ đã dọn về đường Trương Minh Giảng), chỉ trụ ở Già Lam, trên lầu, chia phòng với chú Dũng,¹ thì mới có thể hiểu được ý nghĩa của tấm hình này.

Bấy giờ Vạn Hạnh còn là Viện Cao đẳng Phật học, đặt trụ sở tại chùa Pháp Hội.² Bên dưới là giảng đường, bên trên thư viện. Có những buổi trưa trời nắng gắt, kéo hai cái bàn lại để làm chỗ nghỉ trưa. Các sách vở trên kệ đều là của Ôn mang từ Ấn Độ về, những sách nghiên cứu trong thời gian làm luận án tiến sĩ, một số ngày nay không còn kiếm đâu ra. Nhưng nếu sau này lên đường Nguyễn Kiệm, sách đã đóng bụi nằm ngổn ngang trong một phòng nhỏ,

¹ Nay là Hòa thượng trụ trì tu viện Quảng Hương Già Lam.

² Bên kia đường Việt Nam Quốc Tự khi xưa.

bên kia phòng Ôn, không ai dòm ngó đến, ngoại trừ Ôn thỉnh thoảng còn qua tìm một hai quyển để tham cứu, mà thôi.

Ở Pháp Hội, chỉ lựa thưa một vài người đến tìm sách; thấy một vị Tăng trẻ, ốm nhom, mắt sáng rõ, thường ngồi ở góc phòng cố định, viết lách chi đó, viết rồi vục qua một bên, thỉnh thoảng gió xuyên cửa sổ thổi bay một vài trang giấy vào góc phòng bên kia, cũng không thèm lượm lại, cười sang sảng rồi đi ra. Chốc lát, trở vào, lại ngồi viết nữa. Ngày nào cũng vậy. Tò mò lượm xem, đọc thấy mấy chữ Jean-Paul Sartre, Albert Camus... gì đó, lấy làm lạ, chú này mà cũng đam mê chủ nghĩa hiện sinh à, cũng đọc được chữ Pháp à. Thế là sắp xếp mấy tờ giấy học trò lại, lọc cọc đánh máy, bàn máy Remington lịch kịch, mỗi lần đánh sai lại phải dùng thuốc bôi, thổi thổi cho mau khô rồi đánh lại chữ đúng, quả là cổ lỗ sĩ so với word processing ngày nay, tha hồ mà thêm chỗ này sửa chỗ kia, bóc cả đoạn đem sang chỗ khác. Nhưng mà rồi cũng xong, sau cả tuần vất vả. Không cảm ơn thì chớ, còn hất hàm hỏi:

- Cái gì đây?

- Bài của chú!

- Bài gì?

- Bài chú viết hôm rày. Chú mang qua thầy Đức Nhuận xem có đăng trên tạp chí Vạn Hạnh³ được không.

Nhăn mặt bỏ đi. Ít ngày sau hứng thú chi đó, lại nhát gừng hỏi:

- Bài hôm trước đâu?

- Bài gì?

Thế là cười hi hả, vác xấp giấy đi ra. Tháng sau thấy bài đăng, tên Tuệ Sỹ đang hoàng. Tức cười khi thấy nhiều người viết là Tuệ Sĩ, trật lất; Tuệ Sỹ, y cà lết, mới thật là Tuệ Sỹ. Bất kể là ngày nay cần nhất thống ngôn từ, nhưng đã hạ bút là Đạo Sanh, thì phải là Đạo Sanh, không được đổi thành Đạo Sinh! Bởi vì trong ngôn ngữ học, văn hóa học, sau này, biết đâu sau này, “bất tri tam bách dư niên hậu...”, có ai tìm kiếm người viết bài đó, thì phải biết y là người sanh ở miền Nam, nói rất tiếng bậy chả bậy chệt của miền Nam, trật âm trật giọng, nhưng nội dung thì không sai, thì đủ để đi vào lịch sử văn học rồi, không cần cãi vã thêm phiền phức.

³ Khi ấy TT.Thích Đức Nhuận của Thiền viện Thanh Minh xuất bản tạp chí *Vạn Hạnh* trước, nên sau đó Viện Đại học đặt tên cho tạp chí của Viện là *Tư Tưởng*, Thư ký tòa soạn: Tuệ Sỹ.

Rồi một loạt bài viết về Thế Thân, Long Thọ, xuất hiện; rồi dịch *Mười tông phái Phật giáo*,⁴ thế là đủ uy tín để Ôn hoan hỷ đặc cách mời thỉnh giảng ngay tại Giảng đường chùa Pháp Hội. Ngồi trên ghế cao, chân thông hồng đất cả tắc, bàn nhỏ với tách nước trà, tha hồ sảng khoái thao thao. Không một bằng cấp trong tay, dù chỉ trung học đệ nhất cấp, mà hiên ngang như thế, quả Ôn là bậc có mắt tinh đời, bất cần thông tục, ân cần khuyến khích hiền tài. Sau đó ít lâu, Ôn Già Lam lại bảo phải thọ Đại giới; thời Mạt pháp “Sa-di thuyết pháp Sa-môn thính” như kinh *Pháp Hoa* cho phép là chuyện ‘bất khả tư nghị’, quý thầy ở đó, hạ lạp 5-10 năm, đầu thế ngồi dưới này lắng nghe chú tiểu thượng tòa triết lý?

Vạn Hạnh là viện đại học đầu tiên trong lịch sử văn hóa của Phật giáo Việt Nam, cần phải làm sao cho xứng đáng với danh vị đó. Cho nên, Ôn ngày đêm lao tâm lao lực, ban ngày thì phải tả xông hữu đột, soạn bài giảng, tiếp khách, để mắt qua công việc văn phòng, giao dịch với những cơ quan quốc tế để trì giữ cho Vạn Hạnh được phát triển và trường tồn. Trăm chuyện ngàn chuyện, một mình gánh vác, có ai biết không? Tối về, Ôn âm thầm dịch thuật. Ngày xưa, theo tiểu sử của Đại sư La-thập (344-413), có đến 500 người phụ tá dịch kinh, và triều đình vua chúa quan lại sĩ phu ủng hộ.⁵ Đến thời đại sư Huyền Tráng (602-664), cũng có cả một ê-kíp rậm ràng.⁶ Thánh Đức Thái tử (Shotoku Daishi, 574-622) vừa là Hoàng Thái tử (Crown Prince) vừa là Nhiếp Chánh vương (Regent) cho người cô là Nữ hoàng Thôi Cổ (Suiko, trị vì 592-628) trong thời gian 30 năm (592-622), trong khi viết luận giải cho 3 bộ kinh lớn,⁷ có biết bao nhiêu là trợ bút?

Ngày nay, một mình Ôn thui thủi trong căn phòng đơn sơ đầy ắp sách vở, âm thầm dịch thuật, ngày này sang ngày khác. Hình ảnh Ôn thường thì chỉ mặc một áo vạt hò màu trắng, đôi khi có thêm một y vàng đắp ngang qua vai, thật dung dị, thật thoải mái, nhưng cũng thật nghiêm trang, thật học giả. Nhìn hình Ôn ngồi trước bàn, áo vạt trắng y vàng trạch vai, cặm cụi viết dịch, thật là cảm khái. Ước gì có hạnh duyên làm thị giả chấp bút cho Ôn, ngao

⁴ Nguyên tác: Takakusu Junjiro (Cao Nam Thuận Thứ Lang). *The Essential of Buddhist Philosophy*. Asia Publishing House, 1956. Tuệ Sỹ dịch: *Mười tông phái Phật giáo*. Vạn Hạnh xb, 1968. Tái bản nhiều lần.

⁵ 500 Tăng sĩ thâm sâu Phật pháp, được chính Cừu-ma La-thập đích thân chọn lựa, đứng đầu là Đạo Sanh của nhóm Tứ kiệt, ngồi trong đại sảnh đường, thường khi có cả hoàng đế Diêu Hưng ngự đến tham dự, chú tâm lắng nghe La-thập đọc bản Phạn văn, để tạm chuyển ngữ sang chữ Hán, ghi chép, thảo luận từng chữ từng câu, lắng nghe, góp ý, bàn cãi sôi nổi, mới cuối cùng quyết định dùng câu gì chữ gì để vừa đúng văn thể Trung Hoa vừa không đánh mất chân nghĩa của nguyên bản.

⁶ *Đại Đường Đại Từ Ân Tự Tam Tạng Pháp Sư Truyện*, Taishō q.50, mục số 2053, q.6 cho biết rằng vào năm Trinh Quán 19 (tức 645 stl), khi đại sư Huyền Tráng dịch kinh ở Hoàng Phước tự, có 12 vị Chứng nghĩa, 9 vị Chuyết văn, 1 vị Tự học (字學大德), 1 vị Chứng Phạn ngữ Phạn văn (證梵語梵文大德) phụ tá.

⁷ *Thăng Man kinh Nghĩa Sở, Pháp Hoa kinh Nghĩa Sở, Duy-ma kinh Nghĩa Sở* làm nền tảng cho sự phát triển Phật giáo tại Nhật Bản.

cuồng ôm mộng sánh ngang cùng Tăng Triệu (378-414) chấp bút cho La-thập. Nhưng tiền khiên nghiệp chướng, bao nhiêu là ràng buộc, trong giới luật, trong phong hóa ngoài đời, khiến không bao giờ tôi có thể thân cận để ước mơ chấp bút được trở thành là sự thật.

Điều tôi ước mong duy nhất bây giờ là làm sao tập thành tất cả những tấm thẻ của Ôn, ghi những thuật ngữ mà khi dịch từ Pāli (Pāli) sang Việt, Ôn ghi lại, rất nhiều, đựng mấy học. Một lần, có ai đó, lên tiếng chỉ trích Ôn còn dở, còn phải tra dò một đồng từ điển lóp ngóp trên bàn. Quả thật què lệu ngu dốt mà làm tài khôn. Trong thế giới học thuật, không ai có thể tự hào tài giỏi hơn ai cả. Ôn rất cẩn mật, nghiêm túc, tra cứu mọi sách vở Đông Tây từng câu từng chữ để khi dịch sang Việt ngữ không sai ý không lệch nghĩa, đó mới chính là học giả chân thật. Cổ đức nói: “Làm y sĩ mà sai lầm thì chết một người, làm chánh trị mà sai lầm thì chết một chế độ, làm văn hóa mà sai lầm thì chết nhiều thế hệ”. Cho nên cần phải thận trọng, không được viết bậy, luận càn.

Làm văn hóa, Ôn làm, suốt trọn cuộc đời, để cống hiến cho Việt Nam toàn bộ căn bản văn học Phật giáo: bốn bộ A-hàm, mà trong kỳ in lần đầu, dày cộm, giấy vàng nghệ, chữ in lem nhem. Mỗi khi thiết lập một từ mới, Ôn liền ghi vào một tấm thẻ nhỏ. Một lần tôi về thăm, thấy Ôn lôi ra cho xem mấy học tử đây áp những thẻ như thế, nếu tập thành được cũng sẽ là một bộ tự điển Phật học Ba-lị - Việt, Việt - Ba-lị 5-7 ngàn trang. Nhưng Ôn đi rồi, ai có nguyện vọng đền trả công ơn của Ôn đây. Người nào cũng khoa bảng, cũng có sự nghiệp riêng tư rồi, ai thềm làm phụ hộ công trình người khác, đâu đó là ân sư? Bản thân thì đã “thất thập cổ lai hy” rồi, đâu còn trí lực đâu mà múa bút nữa.

Khi Viện Cao đẳng Phật học thành lập, 1964, Thượng tọa [cố Đại lão Hòa thượng] Thích Trí Thủ (1909-1984) làm Giám đốc, trong khi chờ đợi Thượng tọa Thích Minh Châu vừa đậu bằng tiến sĩ Phật học tại Viện Đại học Nalanda, thu xếp xong mọi việc, để về đảm nhiệm chức vụ Viện trưởng. Bấy giờ có 3 người du học Ấn độ: Ôn, ĐĐ.Huyền Vi⁸ và ĐĐ.Pháp Nhãn. Nơi đó, mặc áo màu lam hay nâu đều bị xem là cư sĩ. Cho nên các vị phải đắp y vàng theo Nguyên thủy. Trước khi chuẩn bị về Việt Nam, ba vị bàn nhau là có nên mặc lại áo nâu không. Ôn nói, mình đắp y này quen rồi, thôi cứ vậy đi. Ôn đắp y vàng, nhưng vẫn ăn chay. Gương mặt Ôn đôn hậu, đôi mắt sáng rõ, hiền từ, bao dung, nụ cười mỉm thật an nhiên, đôi mày dài rủ xuống hai bên; nếu phải mô tả Đức Di-lặc, vị Phật của tương lai, thì không hình ảnh nào diễn đạt hoàn mãn hơn được. Ôn lại đắp y vàng, y của Đức Phật, y của truyền thống, một truyền thống căn bản mà cả hai hệ Nam Bắc đều chấp thủ.

Lại nghe một câu chuyện thú vị. Sau khi an trí chỗ ở xong, cả ba kéo nhau đi thăm viếng

⁸ Cố HT.Huyền Vi sáng lập Giáo hội Linh Sơn toàn cầu, nay do HT.Tịnh Hạnh truyền thừa.

vị giáo sư hướng dẫn luận án. Đến nơi, nhìn qua cửa sổ, thấy giáo sư ngồi bên trong mặc áo bà ba trắng rất nghiêm túc. Đi qua hàng giậu, một liếp vườn nhỏ, bước lên bậc, gõ cửa, chờ một chút, cửa mở, giáo sư đứng trước khung cửa miệng cười tươi, vui vẻ, bắt tay từng người một, nói nhiều lời chào hỏi, nhưng mà ông chỉ quần chiếc sà-rông trắng tinh, còn thì mình trần trùng trục, da nâu sạm màu. Cả ba ngỡ ngàng, về lại chỗ ở, thăm thì bàn nhau, không biết tại sao mà ông giáo sư lại khinh bạc bọn chúng mình đến thế, ở trần tiếp khách! Rất lâu về sau, mới khám phá ra phong tục người Ấn, ở trần trùng trục là cách tiếp khách trân trọng nhất, kính quý nhất, để cho thấy, không có giấu diếm gì, chân thật tốt độ.⁹ Có những ngộ nhận như thế, nhiều vô số kể trong cuộc đời đầy phiền não này, nỗi buồn của Chú có đáng chi đâu?

Các nước Phật giáo Nam tông đều có bộ Nikāyas Pāli phiên dịch đầy đủ sang ngôn ngữ địa phương, không những chỉ ở Miến-điện hay Thái-lan, mà cả Cam-bốt, và Lào, những xứ thường bị cho là lạc hậu hơn bốn ngàn năm văn hiến của mình, cũng có. Việt Nam, ai cũng hãnh diện là có trên hai ngàn năm lịch sử Phật giáo thế mà một bộ Đại tạng bằng Việt ngữ, hoặc chữ Nôm, lại không; lều quèo chỉ có một số các quyển kinh lớn in đi in lại, còn thì phải tìm đọc bản Hán. Đó là một thiếu sót, một thiệt thòi quá lớn. Hơn 30 năm về trước, ngay cả hai bộ Kanjur và Tanjur của Phật giáo Tây Tạng cũng đã được dịch hoàn chỉnh sang Anh ngữ rồi; chỉ in có 100 bản để tàng lưu tại các thư viện quốc gia những nước văn minh tiên tiến và các đại học nổi danh về nghiên cứu Phật học.

Bộ Đại tạng Ba-lị là bộ duy nhất được dịch sang Việt ngữ. Công đức của Ôn chỉ trong lãnh vực này cũng đủ sánh ngang với những bậc cao đức ngày xưa, Chân Đế, Khương Tăng Hội, Cưu-ma La-thập, Huyền Tráng...; các bậc long tượng vĩ đại này chỉ dịch một phần của Đại tạng Bắc tông, còn Ôn đã độc thân độc mã dịch toàn bộ Đại tạng Nam tông, ai công đức hơn ai?

Ôn còn có những viên kiến sâu xa, những kế hoạch thực tiễn, như đặc cách gửi người sang du học Đài Loan (HT.Tĩnh Hạnh,¹⁰ cố HT.Đức Niệm,¹¹ cố Pháp sư Minh Lễ,...), đi Nhật (HT.Bảo Lạc,¹² HT.Như Điển¹³...), đi Thái (HT.Giác Hoàng¹⁴...), và còn nhiều nữa.

⁹ Chuyện do HT.Thích Pháp Nhân, trụ trì chùa Liên Hoa, Dallas, kể lại.

¹⁰ Tổng trưởng Giáo hội Linh Sơn Quốc tế, Đài Loan.

¹¹ Sáng lập Phật học viện Quốc tế, Los Angeles.

¹² Trụ trì, Chùa Pháp Bảo, Sydney, Úc.

¹³ Trụ trì, Chùa Viên Giác, Đức.

¹⁴ Giáo phụ, Tu viện Linh Sơn, Paris, Pháp.

Gửi đi Úc, có ni Tuệ Hạnh, về ngành Thư viện, với mục đích là sau này về làm Thư viện trưởng cho Đại học Vạn Hạnh. Đáng tiếc thay, vì cuồng ngông, vì hiện sinh, vì chán thế, vì hoàn cảnh, tôi đã cô phụ ơn nghĩa của Ôn. Mùa xuân năm 2000, cùng với một số Tăng sinh trẻ quây quần quanh Ôn hàn huyên, Ôn vẫn còn ân cần bảo vệ đóng góp cho Viện. Tôi thưa: “Xưa Ôn cho con học ngành Thư viện, nay con chỉ về xin lãnh lo cho Thư viện thôi”. Ôn gật đầu. Ai cũng thờ phào nhẹ nhõm. Thế mà ngay cả lời trình thưa đó cũng không thực hành được. Nay Ôn ra đi rồi, còn ai để tôi báo ơn? Mà Ôn đâu cần ai báo ơn. Chỉ cần lếu láo tiếp tục một vài bài viết đó đây, những bài chẳng ai thèm đọc, chẳng thèm phổ biến, chỉ là để thỏa mãn cái đầu óc nhiều sinh hoạt trí thức của riêng mình mà thôi; lại cũng chưa học đòi được người xưa, biết ‘thao quang hỗn tích’.

Khi hay tin chị Trí Hải tử nạn trên đường chắn tế, tôi đã ngồi lặng người. Không biết bây giờ, trên bàn viết, tác phẩm nào đang được Chị dịch dang dở, đang đợi chờ người không còn bao giờ trở về nữa, để hoàn thành, đây? Chị đã dịch trên 70 tác phẩm giá trị, đóng góp không nhỏ cho gia tài văn học Phật pháp Việt Nam. Bây giờ Chị nằm xuống, ai tiếp nối công trình của Chị? Vài ngày sau, lại nghe Chú than một câu thấm thiết: “Nghịệp dĩ gì nặng thế? Cà em¹⁵ lẫn chị đều phải lãnh chịu kết cuộc thảm khốc?”.

Dịch thuật được nhiều như thế, đào tạo nhiều Ni chúng có tài như thế, làm được nhiều công cuộc cứu trợ chắn tế như thế, tất cả đều do nhờ ân đức bảo bọc của Ôn. Vì là người nữ, không thể trú xứ ngay tại Vạn Hạnh, Ôn đặc cách dành cho Chị một am viện nhỏ, sát vách với Vạn Hạnh, để Chị được tự do làm việc, để có thể qua lại Vạn Hạnh dễ dàng, để chăm sóc cho Thư viện¹⁶ với hàng ngàn sách vở phát triển từ số lượng nhỏ của Ôn. Ngay cả khi dọn về đường Nguyễn Kiệm, Ôn cũng dành Thiền viện Tuệ Uyển cho Chị, ở ngay sau lưng viện nghiên cứu. Sáng nào Chị cũng đích thân làm một bình cà-phê sữa tươi, sai người mang đặt trước cửa phòng Ôn, âm thầm cảm nhận ơn đức của Ôn, mà bắt nguồn từ đó, bao nhiêu công trình dịch thuật độ Ni chắn tế của Chị mới được hình thành.

Trên đường danh lợi, tôi không thành công được gì để Ôn nở mày nở mặt, nhưng tin rằng Ôn rất hoan hỷ vì biết rằng sự chọn lựa cho tôi du học không phải bằng thừa. Ôn đã cho tôi một cơ hội bằng vàng, đọc được các sách Anh - Pháp về Phật học, để đừng bị lừa gạt bởi những kẻ xun xoe chữ nghĩa. Chỉ biết học đòi theo người xưa: “Ngũ lậu thân thành chướng cấu đa, vi nhi vi nữ khổ bôn ba”, thế nhưng cũng nhờ đó mà bỗng nhiên “kim triều phương thức trần trung huyền, hàm tiểu liên bang thổ bích hà”¹⁷ vậy là thoáng chốc tự tại vô ngại,

¹⁵ Tức Tôn nữ Phùng Thăng.

¹⁶ Ni sư TN.Trí Hải làm Thư viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh từ 1966 đến 1975.

¹⁷ (五陋身成障垢多、爲兒爲女苦奔波、今朝方識 塵中幻、含笑蓮邦吐碧荷, xấu xí thân hình

báo đền công đức mà Ôn hơn 40 năm trước đã ân cần trao cho rồi!

Từ trong lò Vạn Hạnh, nghiêm nhiên đã có nhiều, rất nhiều, vị đã thành danh thành tài, Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Hòa thượng, Sư bà, Giáo sư các trường đại học Anh, Mỹ, Đức, Pháp, Nga, Đài Loan, tiến sĩ, thạc sĩ. Tất cả đều đi qua, chú Sỹ, chú Chiến, chú Cừ, chú Dũng..., bây giờ cũng đều là Hòa thượng cả. Duy chỉ có công trình của Ôn, một bộ Đại tạng Ba-lị bằng tiếng Việt, là còn để đời, để lại cho hậu thế những lời dạy ngàn vàng của Đức Thế Tôn, Đấng Từ Phụ.

Chú còn được dâng ba nén hương dành lễ Giác linh Ôn, tôi chỉ có thể dâng ba nén hương lòng, tưởng niệm những ngày buồn vui trên lầu thư viện Pháp Hội, bụi ngùi cho thế sự vô thường có sanh có tử; chặng giữa con đường sanh tử này, Ôn để lại cho thế hệ ngàn đời sau một gia tài Pháp bảo, những thế hệ tiếp nối nhiều tương lai, một bộ văn học đồ sộ mà pháp tử tử tôn ai cũng được hưởng phần, không ai cần tranh giành, không ai dám tranh giành, cũng không ai tranh giành được.

Hình ảnh Chú y áo chỉnh tề thấp ba nén hương lễ bái Giác linh Ôn là một thông điệp tuyệt vời, riêng với tôi, là một niềm an ủi lớn; hình ảnh thật tôn nghiêm, Giác linh Ôn vừa chứng minh cho tâm hồn Chú đã mở hoát ra, để cùng cười và ngêu ngao trong Du hí tam muội: Bạch phát thương nhan, chính thị Duy-ma cảnh giới;¹⁸ bởi vì, ‘nơi cõi đó có một mùa xuân vĩnh cửu, kết tụ thành bụi phấn hoa liểu’:

*Chi thượng liễu miên suy hựu thiếu
Thiên nhai hà xú vô phương thảo?*

(Thơ Tô Đông Pha)

Tuệ Hạnh khắp viết,
Việt Đạo Am,
Ngày rằm tháng 10, Nhâm Thìn

tội chướng đả, làm thân người nữ khổ bốn ba, sáng nay mới biết trong trần huyền, cười mỉm Liên Bang nở sen hoa”. *Liên Tu Khởi Tín Lục* (蓮修起信錄, 卅 Tục tạng kinh bộ 62, mục số 1204, quyển 3).

¹⁸ *Kinh Duy Ma Cật*.

NGƯỜI CHA ĐỠ ĐẦU CỦA TUỔI TRẺ DẪN THÂN

Giao Hưởng

Hòa thượng Thích Minh Châu từ nay đã vĩnh viễn ra đi nhưng nhân cách một nhà giáo dục vĩ đại nơi Hòa thượng vẫn còn lưu đậm nét trong ký ức các thế hệ học trò. Trong ngôi nhà Viện Đại học Vạn Hạnh, Hòa thượng đóng vai vừa là người thầy khâm kính vừa là người cha trách nhiệm, chu đáo, luôn bảo bọc các sinh viên Vạn Hạnh. Đối với đạo, Hòa thượng đã mở ra một trang sử đáng tự hào cho Phật giáo Việt Nam, cũng như cho nền văn hóa dân tộc.

Hòa thượng là bậc danh tăng đầu tiên của Việt Nam đỗ bằng tiến sĩ Phật học (năm 1961 tại Ấn Độ) với luận án: *The Chinese Madhyama Āgama and the Pāli Majjhima Nikāya*. Về nước, Hòa thượng làm Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh (Sài Gòn 1964 - 1975), Chủ tịch Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam (từ 1971), Chủ nhiệm Tạp chí *Tư Tưởng*. Hòa thượng Thích Minh Châu là người dịch kinh điển Pāli ra tiếng Việt nhiều nhất Việt Nam, gồm các bộ quan trọng như: *Trường Bộ kinh*, *Trung Bộ kinh*, *Tương Ưng Bộ kinh*, *Tăng Chi Bộ kinh*, *Tiểu Bộ kinh* với tổng số hơn 17.250 trang đã in. Hòa thượng còn là tác giả của nhiều tác phẩm và dịch phẩm như: *Phật pháp*, *Đường về xứ Phật*, *Những ngày và Những lời dạy cuối cùng của Đức Phật*, *Đường lên trời*, *Trước sự nô lệ của con người*, *Huyền Trang - nhà chiêm bái và học giả*, *Đại thừa và sự liên hệ với Tiểu thừa...*

Những năm làm Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, dù công việc nhiều nhưng Hòa thượng vẫn luôn đi sát đời sống và sinh hoạt của sinh viên. Chẳng hạn khi phong trào đấu tranh đòi hòa bình, tự do và dân chủ bùng nổ lớn tại các đô thị miền Nam vào cuối năm 1969-1970, sinh viên Đại học Vạn Hạnh trở thành một trong các mũi nhọn xung kích của phong trào. Vì vậy vào một buổi chiều đầu năm 1970, lúc các phân khoa vừa bước vào giờ học, một lực lượng cảnh sát đặc biệt với gần 100 tay súng do Đỗ Kiến Nâu chỉ huy đã theo lệnh của Tổng nha Cảnh sát Đô thành bất thần kéo đến bao vây Đại học Vạn Hạnh ở số 222 Trương Minh Giảng, quận Nhì (nay là đường Lê Văn Sĩ, quận 3) để lùng bắt lực lượng đấu tranh, trong đó đứng đầu là sinh viên Võ Như Lanh, Chủ tịch Ủy ban Đấu tranh của Viện Đại học Vạn Hạnh (sau này là Tổng Biên tập Báo *Tuổi Trẻ* và *Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn*) và Đặng Thanh Tâm, người nòng cốt tổ chức thực hiện đặc san *Hướng Đi* chống chính quyền... Nghe tin, Hòa thượng Viện trưởng Thích Minh Châu đã rời ngay cuộc họp ở phòng giám thị, tiến ra cổng trường đứng trước mũi súng và lưỡi lê của đội ngũ cảnh sát và mật vụ đang dàn hàng ngang. Đi bên Hòa thượng là Đại đức Thích Nguyên Tấnh, tức học giả Phạm Công Thiện, tác giả cuốn *Ý thức mới trong Văn nghệ và Triết học*. Hòa thượng định đặc nói lớn với Đỗ Kiến Nâu và cũng là để mọi người đang vây quanh nghe rõ:

- “Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật, thưa quý vị, quý vị không được dùng bạo lực bắt bớ sinh viên của chúng tôi trong khuôn viên nhà trường. Các vị phải tôn trọng quyền tự trị đại học đã được xác lập, tuyệt đối không được đem cảnh sát và vũ khí vào trường đại học. Yêu cầu quý vị rút lui. Nếu không, chúng tôi sẽ công bố trước dư luận trong nước và thế giới...”

Hòa thượng nói một cách ôn tồn, chậm rãi từng tiếng, nhưng hết sức kiên quyết. Bất ngờ trước hình ảnh của một Viện trưởng đích thân đi bộ ra cổng trường đối thoại, Đỗ Kiến Nâu sau một lúc đắn đo, đã chấp hai tay lại, cúi đầu chào cung kính Hòa thượng, rồi đưa chiếc ba-toong lên trời vẫy hai lần, làm hiệu lệnh cho đội cảnh sát đặc nhiệm rút lui. Hòa thượng mỉm cười, cùng học giả Phạm Công Thiện và sinh viên quay vào giảng đường 208 mà ở đó đang vang lên tiếng guitar thùng với câu hát cộng đồng giòn giã: “Dậy mà đi, hỡi đồng bào ơi...”

Đó là một trong những hình ảnh không thể quên được về một vị Viện trưởng, một Hòa thượng, một tấm lòng từ bi không rời khỏi những bước đường đấu tranh của tuổi trẻ hôm nào...

TƯỜNG NHỚ MỘT NGƯỜI THẦY TRONG ĐẠO

Trần Ngọc Ninh

Trước đây, tôi được nghe nói Trường Cao cấp Phật học Việt Nam ở chùa Ấn Quang, đường Sư Vạn Hạnh, Sài Gòn, nơi mà anh tôi Trần Ngọc Lập, bút danh Trần Việt Sơn, được mời tới giảng dạy về pháp gì trong đạo Phật tôi cũng không biết, rằng ở trường có hai vị Thượng tọa đã đậu tiến sĩ Phật học ở tu viện Nalanda, Ấn Độ, lúc ấy đang là giáo sư. Một trong hai vị này và là người đầu tiên đã đi chiêm bái, tu học và thỉnh kinh từ Thiên Trúc về Việt Nam, là Thượng tọa Minh Châu.

Cái duyên tôi được gặp Thượng tọa Thích Minh Châu lần đầu là trong một buổi lễ rất ngắn tại Bộ Quốc gia Giáo dục, đường Lê Thánh Tôn vào năm 1967. Tôi ghi lại theo cái trí nhớ đã đứt khúc trong tuổi già của tôi. Thượng tọa, mặt tròn như trăng rằm, mình mặc một tấm áo cà-sa vải vàng, đại diện cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Tôi đại diện cho Chính phủ Việt Nam Cộng hòa trong tư cách Tổng Ủy viên Văn hóa Xã hội kiêm Ủy viên Giáo dục, cùng với ông Ngô Trọng Anh, Ủy viên Công chánh của Chính phủ.

Chúng tôi ký hợp đồng cho Giáo hội thuê cơ sở mới xây bởi Bộ Công chánh trong một thời hạn là 99 năm, có thể tiếp diễn, với cái giá tượng trưng là một đồng bạc. Cái hợp đồng hôm ấy là bản khai sinh của Viện và trường Đại học Vạn Hạnh.

Thượng tọa cho tôi biết là trường Vạn Hạnh đầu tiên sẽ chỉ có hai phân khoa: Khoa Phật

học mà Khoa trường là do chính Thượng tọa giữ trọng trách, và Khoa Kinh tế Xã hội hay Khoa học Nhân văn, sẽ nhờ Giáo sư Tôn Thất Thiện làm Khoa trường. Những bước đầu sẽ rất là khó khăn, tôi đồng ý nhưng không dám có một lời đóng góp.

Tuy tôi đã có học về các đại học Âu châu từ thời Phục hưng qua Cách mệnh Pháp về những biến động của thời bấy giờ, lại đã trải qua công cuộc canh cải nền giáo dục Đại học Y khoa Việt Nam từ 1954 đến 1965 khi chuyển từ ảnh hưởng Pháp trước Thế chiến II sang pháp luật của Hoa Kỳ sau Thế chiến, nhưng về tinh thần triết lý và giáo pháp của Phật giáo thì thực sự là khi ấy tôi mù tịt. Và lại, lúc đó, tôi cũng còn đang điên đầu về sự xây dựng lại cái hạ tầng cơ sở của nền giáo dục quốc gia và việc nâng cao sự học trong nước để có thể cộng tác và cạnh tranh (hai mặt song song) với quốc tế. Công việc ở bệnh viện và ở trường Y khoa Sài Gòn tôi cũng không thể rời bỏ được, nhưng nhờ có sự giúp đỡ của các bác sĩ cộng tác viên, lại có thêm GS.P. Petit, một thầy cũ của tôi, từ Paris sang dạy đỡ, nên tôi chỉ về bệnh viện những ngày Chủ nhật khi Bộ Giáo dục đóng cửa.

Nhưng ba tháng sau khi rút ra khỏi được Bộ Giáo dục và Tổng bộ Văn hóa Xã hội, thì một buổi sáng nọ có người cầm một bức thư của Thượng tọa Viện trưởng Đại học Vạn Hạnh đến mời tôi lại Viện có việc muốn tham khảo. Ông muốn tôi làm một giáo sư của Viện. Môn gì, ông bảo để tùy tôi chọn. Nhưng tôi chưa từng đọc một câu kinh, nghe một câu kệ và cũng không bao giờ tự mình vào trong cái chùa nào để lạy (lê) Phật. Mà từ chối mãi không tiện, tôi đành phải nhận một giờ mỗi tuần với một đề tài mà tôi nghĩ rằng sẽ nói tự tâm vì không có sách, là “Khoa học với tôn giáo”, nhưng tôi sẽ chỉ nói về “Tôn giáo trước khoa học”. Nói cách khác, đây là vấn đề “Đạo lý của khoa học”.

Chuyện dạy học của tôi ở Đại học Vạn Hạnh là một đại học Phật giáo còn có lắm chuyện éo le hay là oái oăm nữa. Tôi không sợ sự tùy tâm và không có sách là vì từ tuổi nhỏ cho đến khi lớn, cha mẹ và các thầy không dạy mình cái gì thất đức, lúc đã thành người học y khoa, lại thấy tận mắt sự tàn ác của những con người học lầm hay hiểu lầm những học thuyết và những khoa học văn minh, thì đã biết, tự biết. Mà “biết” là /bodh/ diễn thuật từ Sanskrit (Phạn ngữ), căn của danh từ Buddha. Sự biết này không ở trong sách, không ở ngoài tâm. Khoa học của loài người đã lên cao lắm nhưng khoa học mà không có tâm là sự tàn phá của tinh thần.

Dạy về khoa học và tôn giáo, tôi dạy tôn giáo sơ khai và tôn giáo tiền sử, tức là một chương lớn của khoa học tôn giáo. Sau khi dạy được một năm, tôi bị bệnh nặng liệt giường gần hai tháng. Lúc hồi phục, tôi phải dùng sách, viết bài và dạy Lịch sử Văn minh (của loài người) rồi dạy Lịch sử Văn hóa Việt Nam khi tôi học về Ngữ lý Việt ngữ (Linguistique

Vietnamienne). Chẳng có một may mắn là Đạo Phật, vì khi ấy tôi đã bước vào con Đường mà Đức Phật đã chỉ để tới mặt Trăng và vượt mặt Trăng.

Tỳ-kheo Thích Minh Châu là người đã đẩy tôi lên con đường mà từ đó tôi không ra khỏi.

Hai tháng trước ngày Phật đản, Thượng tọa Viện trưởng tìm tôi và thỉnh tôi diễn giảng về cốt tủy của đạo Phật tại Đại giảng đường của Viện. Tôi được giải thích rằng đây là lễ Vesak, không phải là ngày Phật đản sinh, mà là gồm ba ngày: ngày Đản sinh, ngày Thành đạo và ngày Nhập Bát-niết-bàn.

Bao nhiêu người giỏi trong Viện cũng như ngoài Viện, tại sao không thỉnh lại gọi đến một anh mù kinh. Tôi không biết gì cả, cái vô không có, biết gì đến cái lời mà nói. Thượng tọa bảo tôi vào thư viện của trường, có khi Phật độ, thấy được chăng.

Nói đến thư viện thì tôi động lòng hiếu kỳ, muốn thấy tận mắt xem thư viện có được bao nhiêu quyển, so với *Tứ thư*, *Ngũ kinh* của Khổng Mạnh và Nho gia thì được mấy phần, còn độ với Thư viện Vatican thì chẳng cần nói cũng biết rằng chỉ là lửa đom đóm bên cạnh mặt trời. Tôi tìm đường vào thư viện, cửa mở không khóa. Ở trong là một cái phòng lớn, đèn thắp sáng ngày đêm, ở góc có một cái bàn nhỏ, có một cô đáng người mảnh mai, mình bận áo ni cô xám, đang ngồi đọc hay dịch kinh. Tôi bước lại, tự giới thiệu, và cô nói "*Đạ, thưa tôi biết. Giáo sư cần gì, tôi là Trí Hải, thủ thư của thư viện*".

Tôi học ở Pháp và đã đến những thư viện lớn nhất của nhiều nước, ở nhiều tỉnh và biết rằng thủ thư của một thư viện thường là một học giả am tường rất nhiều điều trong các sách của thư viện. Tôi hỏi cô Trí Hải ở đâu tôi có thể tìm được những lời dạy quan trọng nhất trong Giáo pháp của Đức Phật mà không bị người đời sau trích dẫn hay dịch thuật sai đi.

Cô Trí Hải cho tôi biết rằng Thượng tọa Viện trưởng đang dịch Kinh tạng Pāli, đã xong hai quyển đầu, là *Trường Bộ kinh* (Dīgha-Nikāya), và thư viện còn có những bản dịch Anh văn, Đức văn, Pháp văn và nhiều ngôn ngữ khác (Hoa, Nhật, Hàn, Nga...). Tôi là giáo sư thì có thể mượn sách về nhà để nghiên cứu, cô nói là "tụng niệm".

Đột nhiên tôi nghĩ rằng trong một giáo lý thì không có một điểm nhỏ nào không hệ trọng, nhưng có một điểm nhỏ trọng đại nhất là điều cuối cùng mà Đức Phật nói ra với các môn đồ trước lúc Người rời cõi trần. Tôi hỏi cô Trí Hải có biết kinh hay sách nào nói về những ngày tận cùng của Đức Phật không, thì cô nói ngay "*Kinh Đại Bát-Niết-Bàn* viết rất rõ", và cô lấy ra cho tôi cuốn *Trường Bộ kinh* đầu với bản dịch Anh văn và bản dịch Pháp văn để tôi đem về đối chiếu.

Tôi tìm thấy rằng Đức Phật đã bảo các học trò: “*Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình nương tựa chính mình, không nương tựa một gì khác, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa một gì khác*”. Và Ngài còn nói thêm: “*Trong năm trăm Tỷ-kheo này, Tỷ-kheo thấp nhất cũng đã chứng minh được quả Dự lưu, không còn đọa lạc, chắc chắn sẽ hướng đến Chánh giác (Sambodhi)*”.

Thực là những lời khuyến khích và an ủi mạnh mẽ và tươi mát nhất của Đấng Đại từ Đại bi cho tất cả các môn đồ đang buồn rầu và lo lắng vì bậc Đạo sư tối cao sắp vĩnh viễn lìa trần mà bản thân mỗi người thì còn đang ngụp lặn trong bể khổ không bờ. Tôi lúc đó, nhìn khắp nước Việt Nam, chỉ thấy những người què mùa vô tội đang bị lật trần để quay trên lửa đỏ, nhìn ra ngoài thế giới cũng chỉ thấy những người lo lắng và bất lực trước sự đe dọa của một cuộc chiến tận thế. Còn chính mình thì mới chỉ được một giọt nước rớt xuống từ một cành dương liễu mảnh mai. Những câu nói trên mà tôi thấy trong kinh *Đại Bát Niết-bàn* của *Trường Bộ kinh*, tôi mới chỉ hiểu một cách mập mờ và dịch ra tiếng ta đời nay, đại khái là “*Tâm trí của mỗi người, một khi đã được mở ra với Chánh pháp, thì đã là một với Chánh pháp, và là ngọn đèn chỉ con đường sáng, cứ vững lòng, tất cả mọi người đều sẽ tới nơi*”.

Thượng tọa Viện trưởng ngồi nghe tôi nói không thốt một câu. Nhưng rồi năm sau đến ngày Phật đản, tôi lại có một lời yêu cầu nữa. Tôi dâng đàn và nói về Bát chánh đạo, con đường tu tám lần song song mà tôi ví với cỗ xe tám ngựa, nhưng cả tám con ngựa ấy đều chỉ là ta: Nhìn thế nào, phóng thế nào, chạy thế nào, cân bằng thế nào, thờ thế nào, thu thân thế nào, chú tâm thế nào, quyết chí thế nào, phải theo đúng lời dạy. Thượng tọa tiến chân tôi chỉ nói rằng ít ai dám giảng Bát chánh đạo. Tôi nói rằng tôi chỉ mới học mà thôi.

Nhưng năm sau, cái đầu đề còn khó hơn nữa. Thượng tọa muốn tôi nói về triết lý cổ Ấn trong thời Đức Phật. Buổi đầu tôi nói chuyện ở Viện Đại học Vạn Hạnh, có chừng ba bốn chục người đến nghe, tất cả đều lễ phép, không ai bỏ ngang về. Buổi thứ nhì, được năm sáu mươi, với vài vị sư áo vàng. Buổi thứ ba, nói về triết học cổ Ấn tôi rợn tóc gáy vì Đại giảng đường chật ních vào khoảng bảy trăm người, với một đề tài rất khô khan khắc khổ mà tôi làm thành một giáo trình cần trọng để cho chính tôi.

Thượng tọa Viện trưởng kiên nhẫn ngồi nghe với các thánh giả và phê bình rằng bài giảng của tôi giống như một bài giảng của một vị thầy của Đại học Nalanda, nơi Thượng tọa học. Điều này không có gì lạ cả, là vì tuy các sách triết Ấn của GS. Dan Guita và của triết gia Radhakrishnan chỉ nói rất sơ sài về tư tưởng Ấn thời Đức Phật, nhưng kinh *Brahmajala*, dịch là kinh *Phạm Võng*, là cái lưới trời mà chính Đức Phật nói cho Tăng-già, đã nói hết cả. Triết học trói buộc con người vào sự khổ đau vĩnh cửu.

Bài diễn giảng cuối cùng cho ngày Vesak của tôi tại Đại học Vạn Hạnh là về *“Tu tưởng xã hội của Đức Phật”*. Khi nhận đề tài này, tôi ngỡ ngàng vì chưa hề nghe thấy một người nào, hay đọc được trong một cuốn sách nào của Anh, Pháp, Đức, Ý, Nga về Đức Phật xã hội. Nhưng tôi được biết rằng sau khi từ chối tất cả các đạo lớn, Tiến sĩ Ambedkar đã đi theo Phật giáo, mới trở lại Ấn Độ cho phép làm một buổi lễ lớn nhận một triệu người cùng đình bị ruồng bỏ được quy y Phật, và chính ông cũng bỏ đạo cũ để thờ Đức Phật. Rằng Phó Thủ tướng Anh và Chủ tịch Đảng Xã hội là Atla, sau khi đi dự Đại hội của Đảng Xã hội Miến (Myanmar, tức Burma), đã tuyên bố rằng có một đảng xã hội Á châu đặt chủ thuyết trên lòng từ bi của Đức Phật và bỏ thuyết tranh đấu giai cấp, và rằng chính sách kinh tế của Canada nói rằng chủ trương trung đạo theo Giáo pháp (Dharma) của Đức Thích-ca Mâu-ni.

Thế nhưng để diễn giảng về tư tưởng xã hội của Đức Phật thì là một chuyện khác. Tôi lại về nhà và mỗi tối đọc cho hết năm bộ của Kinh tạng để nhặt ra những lời dạy của Phật Tổ về những chế độ và tập quán trong xã hội Bà-la-môn giáo. Và tôi sáng mắt lên với những ý tưởng tân tiến của Đấng Chánh đẳng Chánh giác hơn hai ngàn sáu trăm năm trước.

Bài giảng của tôi năm ấy đã được GS.Trần Văn Từ dịch ra Anh văn, rồi lại được bà Celia Barclay, một nữ sĩ Anh dịch lại rồi lưu truyền trong đạo Quaker, một giáo phái Thiên Chúa giáo rất uy tín ở Anh quốc. Tôi cũng dùng bài này làm nền móng cho một cuốn sách nhỏ của tôi, tựa đề là *“Đức Phật giữa chúng ta”*. Tôi nghĩ rằng thế giới hiện đại có thể được sáng hơn (enlightened) nếu được nghe lại những lời Phật dạy.

Trong những năm này, ngày đêm tôi học Phật và Đức Như Lai vẫn Như Lai với tôi ngoài những lúc tôi phải hành cái nghiệp trong y học và y khoa của tôi. Tôi không được học với Thầy Minh Châu một giờ một khắc nào, nhưng Thầy đã là người tiếp dẫn tôi đến chân Đức Phật, chỉ có năm bước đường và theo đúng lời dạy tối hậu của Người, *“Tự mình là ngọn đèn cho chính mình, dùng Chánh pháp làm chỗ nương tựa”*.

Nhưng những ước mong của tôi chỉ là vọng ảo. Hiệp định Paris là kế hoạch chót để làm vỡ Thế giới Đỏ và gây một chiến cuộc mới giữa răng và môi, đồng thời lại thoát thân ra khỏi một vũng lầy chưa bao giờ bị.

Tôi còn gặp lại vị Thầy cũ trong đạo khi phải ở lại vì những xiềng xích của định mệnh. Năm 1977, Đại học Vạn Hạnh đã bị giải thể. Một buổi sáng Chủ nhật, tôi đang ngồi đọc truyện giải buồn thì Thầy Minh Châu được chở đến nhà tôi trên một chiếc Honda. Thầy kể rằng Thầy đã về ở Thiên viện Vạn Hạnh tại Phú Nhuận, mỗi ngày thức giấc từ 5 giờ sáng, xuống vườn đi vòng quanh chùng một tiếng đồng hồ rồi trở về tắm gội, ngồi thiền, xong thì ngồi

dịch kinh cho đến tối. Việc dịch kinh đã thuần thục lắm, chữ nghĩa đã thông thuộc, nhiều khi đọc một câu tiếng Phạn (Pāli ngữ) thì tay đã viết ngay câu tiếng Việt.

Thầy đã dịch xong thêm một quyển *Tiểu Bộ kinh* (*Khuddaka Nikāya*) và muốn tôi đến giới thiệu tập kinh mới với các Phật tử. Lúc ấy, hàng ngày tôi phải đối đầu với những người của chế độ mới để bảo vệ sự học của các sinh viên y khoa và giữ gìn sự an ninh của các bệnh nhân của bệnh viện nên từ chối và nhắc Thầy rằng Viện Đại học còn có những giáo sư lớn như cụ Nguyễn Đăng Thục và GS.Vũ Văn Mẫu, xin Thầy thỉnh các vị.

Tuần sau, Thầy Minh Châu lại đến cùng với Thầy Hộ Giác, cho tôi biết rằng Ủy ban Nhân dân thành phố sẽ đến dự buổi ra mắt bộ kinh, và hai giáo sư Nguyễn và Vũ đều không đến, nên nhất định tôi phải có mặt.

Tôi đã đến và giảng về Trung đạo, cái Đạo Giữa của Đức Phật, từ chối những Đường cực đoan. Sau bài giảng, tôi về thẳng nhà và hai tháng sau, bỏ lại hết mọi phiền trọc, cắt đứt mọi kiết sử, vượt biển tới Cù Lao (Pulau) Besar để chờ ngày đầu thai ở một cõi sống khác.

Thầy Minh Châu vẫn gửi các kinh sách của Thầy viết và Kinh tạng dịch từ Pāli, bản luận án tiến sĩ về *Trung Bộ kinh*, cuốn tóm lược *A-tỳ-đạt-ma* (*Abhidhamma*), cuốn *Tiểu sử Huyền Trang*, cuốn *Đốt đuốc lên mà đi...* sách nào tôi cũng đọc hết, nhập tâm và quên đi.

Tôi tiếp tục đi trên Con Đường đã dài hơn hai ngàn sáu trăm năm của Phật pháp. Không còn Thầy, tôi vào *Trung luận* với Long Thọ (Nagarjuna), vào *Duy thức* với Vô Trước (Asanga) và Thế Thân (Vasubandhu), vào *Thiền Hoa-Nhật* và *Mật tông*, không quên các vị ngoại đạo là Lão Tử, Trang Tử, Patanjali, Sankara như Thượng tọa Minh Châu đã muốn tôi làm, và luôn luôn thấp sáng ngọn đuốc tâm mà Đức Phật đã nhóm lên cho mỗi môn đồ khi Ngài nhập Đại Bát-Niết-bàn.

NHÂN DUYÊN VỚI HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Điều ngự tử Tín Nghĩa

Trước tiên, tôi xin tưởng nhớ và cảm ơn cố Hòa thượng Thích Hạnh Đạo, đã tạo điều kiện đặc biệt để cho tôi tham dự khóa học gọi là “Khóa Chuyên hóa Học đường” được tổ chức tại Viện Đại học Vạn Hạnh.

Đáng lý, tôi được học ngay từ khóa đầu, nhưng vì an cư kết hạ tại chùa Báo Ân, trước Tổng Y viện Duy Tân Đà Nẵng, nên đình hoãn và tham dự khóa 2. Lần đầu tiên trong đời, được đi Sài Gòn cả đi lẫn về bằng máy bay của Hoa Kỳ.

Khóa Chuyên hóa Học đường này đào tạo cho những giáo sư tư thực, nên khóa học của tôi cũng có một số nữ tu Thiên Chúa giáo cùng tham dự; sau khi tốt nghiệp ba tháng thì trở lại nhiệm sở để dạy thể dục cho học sinh đệ nhất và đệ nhị cấp trung học. Cả hai khóa do Viện Đại học Vạn Hạnh tổ chức và lo cả trường lớp cũng như huấn luyện viên. Hòa thượng Thích Minh Châu đương kim Viện trưởng làm Giám đốc cho khóa; thầy Thích Hải Thanh vừa là Phó Giám đốc mà cũng là Giám thị theo sát học viên suốt khóa, mỗi khi khóa học cần tài liệu, cần ra ngoài để thực tập là thầy phải trực diện, chẳng hạn như thực tập cứu thủy nạn và cách làm giám thị tại hồ bơi Nguyễn Bình Khiêm. Những lần bên Bộ Giáo dục có những chức trách qua viện thì thầy Hải Thanh tiếp, nếu là không hệ trọng lắm; còn ông Tổng trưởng Ngô Khắc Tinh qua thăm thì có Hòa thượng Viện trưởng. Những môn học

căn bản như nhạc và những vũ điệu cộng đồng vui nhộn cho lớp thanh thiếu niên, tập sẵn bản (*nhưng không học môn này*), giám thị hồ bơi để tập cứu thủy nạn, chương trình “Con kiến vàng” do Giáo sư Nguyễn Thành Nhơn đảm trách; nhạc thì có nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ hướng dẫn; bóng chuyền, vũ cầu và bóng rổ thì có chuyên viên bên Bộ biệt phái... Khóa học rất vui nhộn và đem lại nhiều lợi ích cho học viên. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh lúc này chiến tranh triển miên, nhất là vùng quê, nên sau khi tốt nghiệp về lại trường thì cũng chỉ treo chứng chỉ tốt nghiệp lên làm cảnh, chứ chẳng thực hành được có là bao.

Cũng nhờ khóa học này mà tôi được thân cận Hòa thượng Viện trưởng ba lần.

* *Lần thứ nhất*: Sau một tháng học, học viên được nghỉ ba ngày và cho ra Vũng Tàu để thư giãn, nhưng học viên phải làm một bài tường thuật trong chuyến đi ấy. Trong lúc tất cả ai ai cũng lo nhiệm vụ của mình, thì Hòa thượng Viện trưởng cùng thầy Phó Giám đốc, Thượng tọa Thích Như Mãn, cựu Tuyên úy Phật giáo thuộc Quân lực Việt Nam Cộng hòa, cô sinh viên Lan Hương, đệ tử của Hòa thượng và tôi cùng nhau lên Thiền viện Chân Không để thăm Ngài Thích Thanh Từ, đồng thời, để nghỉ trưa chút xíu, vì trời hôm ấy quá sức nóng mà chúng tôi thì không tắm biển như các nam nữ học viên.

Thiền viện Chân Không từ dưới bãi biển đi lên tận viện gần hơn 120 bậc thêm. Lên đến viện là ai ai cũng đã mỏi chân và mệt nhoài người. Vừa đến thiền đường, thì gặp ngay Thiền sư Thanh Từ đang cầm bê tuần tra thiền sinh đang ngồi thiền. Thấy phái đoàn của Hòa thượng, Ngài Thanh Từ bước ra chào và mời vào phòng khách. Câu chuyện chào hỏi giữa các vị lớn, thì thầy Hải Thanh thì thăm với tôi: “Thiền viện thì Chân Không mà Thiền sư thì đôi dép da vừa cao, vừa láng”.

Tôi nhoen miệng thưa với Ôn Minh Châu: “Bạch Thượng tọa, Ngài đặt tên là Chân Không, mà sao chân Ngài đi đôi dép vừa cao vừa đẹp?”

Ôn Minh Châu vừa cười vừa nói: “Cái chú mày nữa...!”

Tôi và thầy Hải Thanh cười thì cô Lan Hương cũng cười theo.

Chiều về, vị tài xế chở học viên không may xe bị lật, một vài ba vị bị thương làm cho Hòa thượng và Ban Giám đốc thêm phần lo lắng không ít. Và cũng từ đó, tôi, thầy Như Mãn và cô Lan Hương thân quen nhau vì trực tiếp lo liệu một phần nào trong vụ tai nạn này.

* *Lần thứ hai*: Sau khi mọi chuyện yên ổn của chuyến đi Vũng Tàu, đến ngày mãn khóa, mỗi đội như vậy cả nam lẫn nữ và tu sĩ 10 vị phải trình bày một màn: Hát, múa, kể chuyện hay hài kịch không quá 20 phút, nhưng không dưới 15 phút. Thầy Như Mãn và cô Lan Hương tốt nghiệp khóa đầu, nhưng tính thích hoạt náo nên xin theo tiếp khóa hai cho

vui. Cũng trong đêm mãn khóa, đội chúng tôi xuất sắc được chấm điểm cao và chính Hòa thượng Viện trưởng bắt diễn lại một lần nữa. Thật tình bây giờ tôi không còn nhớ đội của mình là những ai. Chỉ nhớ hai chị em họ Ông là Ông Thị Lập và Ông Thị Công. Cả hai vừa mới tốt nghiệp tú tài hai năm ấy và theo học khóa này. Sở dĩ, tôi nhớ rõ như vậy là vì nhà hai cô ở gần Viện, nên thỉnh thoảng mời qua nhà thăm chơi, lại là người gốc Đà Nẵng, thâm tín Tam bảo, mà tôi lúc ấy đang dạy tại trường Trung học Bồ Đề Đà Nẵng, ban Toán Lý Hóa, nên hai cô xem như đồng hương và dễ thân quen. Sau màn diễn của đội chúng tôi, Hòa thượng gọi tôi đến và hỏi gốc tích, thì biết tôi là đệ tử của Hòa thượng Thích Mật Hiển, dân cố đô Huế thường gọi là Ôn Trúc Lâm. Hòa thượng cười và lần lần kể chuyện xưa tích cũ khi Hòa thượng làm thông dịch viên cho phái đoàn của sư phụ tôi qua tham dự Đại lễ Phật đản ở Đông Hội, vì lúc này Hòa thượng đang học tại Ấn Độ.

Hòa thượng kể: “Khi tôi gặp Ôn Trúc Lâm tại Đông Hội, Ôn cho hay là trong danh sách nếu không có tên thì cả phái đoàn phải đình lại, Tổng thống Ngô Đình Diệm không cho đi. Cuối cùng từ Tổng thống phủ đánh điện ra cho ông Ngô Đình Cẩn lên Từ Đàm báo cho Ôn Trí Quang cho người vào thỉnh Ôn Trúc Lâm cùng đi. Và Ôn Trí Quang đích thân lái xe lên Trúc Lâm để bàn chuyện chuyến đi này. Ông Ngô Đình Cẩn biết bảm tính của Ôn Trúc, và lại, ông Cẩn rất thân với Ôn Trí Quang, ngoài Ôn ra thì không ai dám thưa thỉnh. Ông Ngô Đình Cẩn biết như vậy”.

* *Lần thứ ba:* Trước khi từ già Già Lam về tiếp tục công việc giáo dục, tôi được cô Lan Hương mời về nhà thăm bà ngoại của cô, đồng thời cúng dường một bữa cơm đạm bạc trước khi chia tay. Cô giới thiệu với bà ngoại ra sao không biết, nhưng khi đến nhà, cụ ngoại của cô rất niềm nở lại còn cho tôi một ít tịnh tài để đi đường về lại Đà Nẵng.

Sau khi cơm nước xong, độ hai giờ chiều tôi nhờ Lan Hương dẫn lên thăm Ôn Minh Châu ở Thiên viện. Bước lên bậc thêm thì gặp Ôn vừa đi ra, chúng tôi chào thì Ôn dạy:

- Thầy định đi thiên hành một chút, rồi vào dịch kinh. Vừa bước xuống thêm thì gặp con và thầy Tín Nghĩa. Thôi thì cả ba chúng ta vào văn phòng nói chuyện cho vui.

Đến văn phòng, vừa ngồi xuống, Ôn tiếp:

- May quá! Vừa rồi không có gì đáng tiếc. Thấy chiếc xe kia bị nạn, thầy run bắn cả người. Thật là tiền hung hậu kiết.

Rồi Ôn cười xòa. Cô Lan Hương thì lấy máy hình chụp lia lịa. Cô nhờ tôi chụp cho cô và Ôn nữa. Bao nhiêu chuyện xa, chuyện gần, chuyện viện, chuyện của hai khóa học đều được đem ra nói. Khi thì Ôn dạy, chúng tôi ngồi nghe, khi thì cô Lan Hương vừa cười vừa thuật

lại chuyện xe lật... Vì thì giờ của Ôn có hạn, nên chúng tôi xin đánh lễ Ôn và ra về. Cô Lan Hương về nhà, tôi trở lại Già Lam.

Mới năm nào, Lan Hương là một cô sinh viên 23 tuổi, rồi thì cũng theo gia đình đến Canada, rồi đến Hoa Kỳ và định cư tại Houston. Thỉnh thoảng chúng tôi cũng gặp nhau. Nếu con của cô ta lập gia đình thì cô sinh viên năm xưa nay là bà nội, bà ngoại. Cũng từ đạo ấy, tôi không có một cơ hội nào để gặp lại Ôn Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, Hòa thượng Thích Minh Châu.

Giờ đây, được tin Ôn hầu Phật, kẻ hậu học xin ghi lại một vài kỷ niệm tuy đơn sơ, nhưng rất tình đạo. Viết để nhớ ơn, viết để đền ơn. Nếu không có Ôn trong suốt mấy thập niên, một mình ngồi miệt mài cho văn hóa, cho dịch thuật; không có Ôn, chúng tôi làm sao có cơ duyên để đọc được những bộ kinh trong Thanh văn tạng bằng Pāli?

Trên đường phát triển nền Phật học Việt Nam, Hòa thượng Minh Châu luôn chủ trương truyền bá tư tưởng Phật học của ba bộ phái Phật giáo lớn: Thượng tọa bộ, Nhất thiết hữu bộ và Đại thừa, và thường nghĩ đến phân giáo lý Phật giáo căn bản chung cho các bộ phái để thiết lập cơ sở thống nhất về mặt tư tưởng Phật học.

Những đóng góp của Hòa thượng thật to lớn, và ảnh hưởng dài lâu cho Phật giáo, cho đất nước và nhân loại. Hậu học như tôi, nhìn công hạnh cao vời của Ngài mà chẳng biết làm sao đền đáp, chỉ xin ghi lại những nhân duyên kỷ niệm để luôn nhớ, tri ân, và noi gương trong muôn một.

THƯ GỎI THẦY

Lê Khắc Thanh Hoài

Kính Thầy,

Như vậy là Thầy đã thực sự xa lìa cõi trần ai tục lụy này hơn một năm rồi mà hình như trong lòng con vẫn không thấy có sự gì thay đổi hay khác biệt giữa mất và còn cũng như xa với gần, lạ và quen ... Bởi thế mà hôm nay con mới có bức thư này xin gửi đến Thầy. Con vẫn thấy như còn mãi đó, trước mắt con, dáng dấp của Thầy với chiếc cà-sa màu vàng rực, bờ vai trần và nụ cười thật hiền hòa luôn nở trên môi, làm cho khuôn mặt của Thầy càng thêm rạng rỡ.

Con xin nói rõ hơn, dù Thầy không còn nhưng những gì con đã học được từ Thầy, đã được đọc, được nghe, qua những bài giảng dạy, thuyết pháp, những bài báo, bài viết, bài dịch thuật, qua các công trình đóng góp đồ sộ của Thầy mà Thầy đã được trân trọng vinh danh như là Ngài Huyền Trang của nước Việt mình, thì trong lòng con, hình ảnh Thầy vẫn mãi sống động, hiển hiện và không bao giờ mất cả.

Con thực sự gặp Thầy lần đầu tiên là khi con bước chân vào khuôn viên trường Đại học Vạn Hạnh cách đây cũng đã bốn mươi sáu năm rồi, lúc ấy chỉ là một cô sinh viên nhỏ bé vừa tròn mười tám tuổi. Một cô gái vừa mới lớn và từng theo “Tây học” khá lâu với các xơ, thuộc nằm lòng những bài kinh “Lạy Cha”, “Kính mừng Mẹ Maria” được đọc bằng tiếng Pháp, mà theo như thông lệ ở các trường Công giáo thì sáng trưa chiều gì cũng phải đứng

thằng người, nghiêm chỉnh đọc một bài kinh khi vào lớp, trước khi được phép ngồi xuống và bắt đầu việc học. Nhưng khi cô gái ấy về nhà thì vẫn hấp thụ được một nền giáo dục của ông bà cha mẹ dựa trên nền tảng của Phật giáo cũng như đạo thờ cúng tổ tiên truyền thống tự ngàn xưa.

Nhờ ảnh hưởng này mà con đã không bị một nửa Tây học kia lôi cuốn, ngược lại con thao thức tìm kiếm một giá trị tâm linh đích thực. Và con đã tìm thấy điều đó khi bước vào ngôi trường đại học Phật giáo đầu tiên do chính Thầy đã sáng lập và giữ chức Viện trưởng. Quả thật con đã vô cùng may mắn. Thuở đó, Thầy đã quy tụ được rất nhiều nhân tài, giáo sư giỏi trong nhiều lãnh vực. Con vẫn còn nhớ, lớp của con, ngoài Thầy đảm nhiệm môn Phật học, còn có các Thầy khác như Thầy Mãn Giác, Thầy Nguyễn Tấn, các giáo sư khác như Ngô Trọng Anh, Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền ...

Tuy cũng đã đọc những sách báo viết về Phật giáo trước đó, nhưng con chỉ thật sự được học hành nghiêm túc khi con vào Vạn Hạnh và chính Thầy với những bài giảng về Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Thập nhị nhân duyên đã xây cho con cái nền tảng vững chắc về giáo lý nhà Phật.

Phải nói vào lớp Thầy thì luôn mang một sự trầm tĩnh và lắng đọng. Lời Thầy giảng thì nhỏ nhẹ, từ tốn, chậm rãi, không hấp tấp vội vàng lại thường điểm vào đó những nụ cười hiền lành. Một buổi học với Thầy dường như cũng quá nhẹ nhàng êm ái. Dường như cuộc đời chỉ là một con sông trôi lững lờ không gợn sóng. Dường như tâm hồn con người phải là một tờ giấy trắng phau. Dường như phong ba bão táp có đến cũng sẽ dừng lại trước cửa lớp. Dường như bước qua ngưỡng cửa lớp Thầy là bước vào vùng đất của an nhiên tự tại, tất cả phiền não và âu lo, dẫn vật và thao thức phải được bỏ lại đằng sau.

Nhưng Thầy ơi, tuổi trẻ thì nhiều khát vọng nên không tránh được dẫn vật và thao thức. Chỉ một năm sau thì cái nửa phần Tây học kia của con đã thúc giục con ra đi, bỏ ngôi trường, bỏ Thầy, bỏ bạn. Con đã ra đi nước ngoài như một tên trộm, lẳng lặng, không một lời từ giã Thầy, từ giã bạn. Như vậy đó, con đã rời xa rất nhiều người.

Và khi con quay trở về thì nhiều người con đã không thể tìm lại bóng dáng. Nhiều người đã vĩnh viễn ra đi. Ôi, cái tuổi trẻ nhiều nồng nết và đáng trách!

Nhưng có điều mà Thầy không hề biết là trước khi ra đi, đến những chân trời xa lạ đó, con đã chép tay trọn cuốn *Kinh Pháp Cú* của Thầy dịch và luôn giữ bên mình. Trải qua gần năm mươi năm, cuốn kinh đem từ thuở đó đã lưu lạc cùng con khắp bốn phương trời. Ngày nay khi dạy dỗ con cháu, con vẫn lấy kinh ấy làm kinh căn bản phải chép, phải học.

Như vậy thì Thầy hiểu vì sao con nói ở đầu thư là đối với con không có sự khác biệt giữa mất và còn. Thầy hiện diện mỗi khi con nhớ đến cuốn *Kinh Pháp Cú* của một thời tuổi trẻ nông nổi của con!

Cái dòng sông hiền lành lặng lẽ như lớp học của Thầy năm xưa lại không là dòng sông đầy bão táp phong ba của đời con mà con thì như chiếc thuyền trôi giạt ngàn nơi. Cho đến một ngày nọ, cách đây cũng phải hơn mười lăm năm rồi, bỗng dưng con được diện kiến Thầy khi thực hành công quả nơi chùa Trúc Lâm tại Pháp. Thật bất ngờ, Thầy và con đều ngạc nhiên tột cùng!

- Uả... chị?! Mà sao chị... đi chùa?

Quả tình, Thầy ngạc nhiên đến mức độ không thể ngờ là gặp lại một cô học trò của hơn ba mươi năm về trước tại một ngôi chùa nơi hải ngoại như thế này.

Trước câu hỏi của Thầy thì con chỉ có biết bối rối không tìm ra câu trả lời. Phải chăng cái chất Tây học của con đã lộ ra nơi mặt, không thể giấu diếm hay sao mà Thầy cũng phải đặt câu hỏi: “Ồ, cái cô sinh viên trẻ tuổi nông nổi ngày nào, giờ đây cũng biết lên chùa công quả ư?”. Mười mấy năm trôi qua mà con vẫn không quên buổi hội ngộ đầu tiên, và cũng là cuối cùng, duy nhất, ngắn ngủi và bất ngờ này, đồng thời thường suy gẫm về câu hỏi của Thầy. Con tin chắc Thầy không có cái suy nghĩ như con tưởng tượng, thù địch. Câu hỏi của Thầy chính là một công án hết sức sâu sắc, không phải chỉ riêng cho con, mà người nào bước chân tới cửa chùa có lẽ cũng nên một lần tự hỏi “Vì sao tôi đi chùa?”.

Câu hỏi của Thầy lại còn là câu hỏi gợi lên bao ưu tư và hoài bão trong thời hiện đại. Phải chăng mọi người nói đến “văn hóa đi chùa” và kêu gọi “đi chùa đúng Chánh pháp” là vì đã có những hành vi đi chùa thiếu văn hóa và không thực sự đúng như Chánh pháp?

Nếu mỗi người chịu khó tìm hiểu mình, soi gương mình trong câu hỏi “Vì sao tôi đi chùa?” để thấy rõ mình muốn gì, ước gì, mong gì, cầu gì ... có lẽ cũng sẽ đem lại nhiều lợi ích và an lạc cho chính bản thân cũng như cho tha nhân và cho cả Đạo pháp nữa. Con suy nghĩ như thế không biết có đúng chăng?

Kính Thầy, nhớ lại câu hỏi của Thầy dành cho con mà con cứ ngỡ như Thầy đang ra bài thi cho con năm nào và con phải cặm cụi cắn bút để nộp bài cho Thầy. Trong phần thực hành thì con nguyện luôn luôn tự nhắc nhở, tự phản tỉnh, như một thuở nào từng học Văn Tư Tu trong cái lớp học thật trầm tĩnh của Thầy.

Bây giờ cho dù cái lớp học đó đã không còn, Thầy cũng không còn, nhưng cái gì cần

phải nghe, phải suy gẫm và phải thực hành thì vẫn còn và sẽ còn mãi. Con nghĩ Thầy không mong gì hơn điều này. Và điều này mới đích thực đem lại cho Thầy nguồn an lạc. Với những công trình giảng dạy, biên khảo, dịch thuật lớn lao, Thầy đã xây dựng một nền móng thật vững chắc về tuệ học Văn Từ Tu. Thầy đã hoàn tất những gì cần làm và phải làm. Thầy đã được An Lạc rồi, đang hưởng An Lạc, hoàn toàn trú ngụ trong An Lạc.

Con nghĩ có một lời chúc gì nữa ở đây và bây giờ cũng là thừa.

Kính thư,
Con, một học trò cũ của Thầy



NGỌN LỬA CỦA THẦY TÔI

Nguyễn Thuần Trần Tuyết Hoa

(Cựu giảng nghiệm viên Đại học Vạn Hạnh)

Những năm 1965-68, tôi đang còn lang thang trong các chứng chi của ban Cử nhân Triết học Đông phương ở Đại học Văn khoa Sài Gòn, hồi đó còn ở góc đường Nguyễn Trung Trực - Gia Long (Lý Tự Trọng), nay là Thư viện Tổng hợp thành phố. Nhờ duyên lành, thế hệ chúng tôi những năm ấy được may mắn học với các bậc tôn sư, là các vị cao tăng Phật giáo và Phật tử thuần thành thông tuệ, đạo hạnh nổi danh một thời như Hòa thượng Thích Minh Châu, Hòa thượng Thích Thiên Ân, Hòa thượng Thích Mãn Giác và Giáo sư Nguyễn Đăng Thục (Khoa trưởng của trường). Các Ngài đã coi sinh viên chúng tôi như những đứa con trong một đại gia đình Đại học Văn khoa và Vạn Hạnh.

Hôm nay về đây, nhân đọc cuốn *Như thị* của anh bạn Đỗ Hồng Ngọc vừa mới tặng cho... “Có người hỏi Phật... chia sẻ cái phước cho nhiều người thì phước đó có bớt đi không?”. Phật mỉm cười bảo: “Như lửa ở một ngọn đuốc, hàng trăm, hàng ngàn người đến lấy lửa từ ngọn đuốc đó để soi sáng, để nấu ăn, thì lửa nơi ngọn đuốc kia vẫn y như cũ”, tôi hiểu sự truyền dạy của Phật giáo chính là “truyền lửa”.

André Maurois, viện sĩ hàn lâm Pháp nói đến kỹ năng nhóm lửa cho người bạn trẻ trong cuốn *“Lettres ouvertes à un jeune homme”* (*Thư Ngỏ Gửi Tuổi Đới Mười*, Nguyễn Hiến Lê dịch) rằng đó là hãy bắt đầu với những bụi nhùi, mặt cửa, những cành khô nho nhỏ, sau khi ngọn

lửa đã ngùn rồi thì mới có thể nhen dần vào những thân cây to, nhờ đó mà giữ hơi nóng bên lâu, không bị tắt ngúm!

Dạy học chính là chia lửa. Nếu dạy học chỉ là trao truyền kiến thức không thôi thì kiến thức rất mau lỗi thời, rất mau cạn kiệt, nhất là trong một xã hội thông tin vô tận như hôm nay. Để chia lửa thì trước hết phải có lửa. Muốn có lửa thì phải tự đốt mình lên và phải có nguồn nhiên liệu bất tận nơi trái tim mình. Người thầy bằng giá thì chỉ có thể truyền lạnh lẽo giá băng. Người thầy máy móc chỉ có thể truyền những động tác. Còn người thầy truyền lửa thì lửa đôi khi có thể bốc cháy nhưng thường khi chỉ ngùn ngụt, âm ỉ, đợi một cơn gió bùng lên. Ngọn lửa đã được thầy truyền trao, chia sẻ được tiếp nối từ ngọn đuốc của thầy. Ngọn lửa ấy là lòng yêu nghề, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần tự học... Ngọn lửa ấy nhiều khi chỉ là sự “dung thông” giữa thầy và trò.

Ai cũng có những người thầy trong đời mình, đã nhen cho mình ngọn lửa ấm nồng, cách này hay cách khác. Người thầy đó không nhứt thiết đứng trên bục giảng đường, miễn có một tâm số để nhận ra ngọn lửa truyền trao, nhen nhúm, đến lúc nhận ra “bán tự vi sư (nửa chữ cũng là thầy)”.

Hưởng chi các vị thầy tôi những năm ấy trên giảng đường Đại học Văn khoa Sài Gòn đã hết lòng truyền trao ngọn lửa thiêng để khai mở tuệ giác cho chúng tôi. Làm sao chúng tôi quên được Thầy Thích Minh Châu dạy môn Sanskrit (Phạn ngữ) và Triết học Phật giáo, Thầy Thích Thiên Ân dạy Zen (Thiền), Thầy Thích Mãn Giác dạy các bài kệ Pāli (thơ trong Kinh Phật Ấn Độ) và thầy Nguyễn Đăng Thục dạy Triết học Trung Hoa. Các ngọn lửa thiêng cao quý thân thương ấy đã sống mãi trong tâm trí tôi để soi sáng và nâng đỡ tôi khỏi phải vấp ngã trong cảnh Ta-bà khi vòng quanh thế giới này.

Tôi còn nhớ rất rõ năm đó tôi đang học Chứng chỉ Triết học Ấn Độ nên cùng học với tôi hầu hết là các Tăng Ni trẻ. Giờ học của Thầy Minh Châu nhằm vào trước ngày Đại lễ Phật đản nên các sinh viên Tăng Ni nghỉ học để lo việc chùa. Tôi vào lớp thấy vắng hoe, cố tìm các vị đồng môn tu sĩ mà tôi quen, vì thường để hỏi những khó khăn về bài học trong kinh kệ Phật giáo. Như Sư cô Tịnh Nguyên (bây giờ là Sư bà trụ trì chùa Phước Hải) và Đại đức Chơn Thiện (bây giờ là Hòa thượng Đại biểu Quốc hội) cũng nghỉ học luôn để lo việc chùa, vì năm đó các chùa định làm lễ lớn. (Con xin lỗi quý vị đồng môn tu sĩ thời sinh viên, nhắc lại chút kỷ niệm vui thời đi học lớp cử nhân triết Đông để quý vị thư giãn tí xíu trong công việc bề bộn của hôm nay. Kính mong quý vị lượng thứ).

Thầy Minh Châu bước vào lớp, nhìn quanh thấy có mình tôi. Thầy thân nhiên bước lên bục giảng như thường lệ. Tôi sợ quá, vội đứng lên thưa: “Thưa Thầy, ngày mai là lễ Phật đản nên

các Tăng Ni nghỉ học để lo việc chùa hết rồi. Còn mình con, thôi Thầy cho nghỉ luôn, lần sau học bù được không, thưa Thầy?”. Tôi không ngờ Thầy nghiêm giọng mà không giận: “Tầm bậy nà! Học đi!” (Ui chao! Sao giống giọng ba tôi vẫn thường rầy la tôi hồi nhỏ, lúc còn ở Huế!). Rồi Thầy ngồi vào bàn giáo sư, giảng tiếp bài kỳ trước. Thầy cứ nhìn lên trần nhà mà giảng lời Đức Phật dạy cho Ngài Ananda:

- “Này Ananda, nếu có kẻ nào mạ lỵ Thân ta, mạ lỵ Pháp ta, mạ lỵ Tăng ta, thì này Ananda, người chớ nóng giận và phản ứng không hay, mà hãy ôn tồn bảo rằng: ‘Thầy tôi không chủ trương làm vậy. Pháp tôi không chủ trương làm vậy. Tăng tôi không chủ trương làm vậy...’. Sau khi Phật nhập Niết-bàn không hề có để lại bút tích gì, chỉ có các vị đệ tử kiết tập lại, viết thành sách, thành kinh từ những lời Phật dạy, thuyết giảng. Lúc sinh thời Ngài Ananda là thị giả của Phật và là người có trí nhớ tuyệt vời, đã nhớ gần hết những lời Phật dạy. Cho nên trong các tập kinh sách để lại sau này, Ngài Ananda thường bắt đầu bằng: ‘Như thị ngã văn... (Tôi nghe như thế này...)’”.

Thầy giảng nhiều lắm, suốt cả tiết học mà chỉ mình tôi ngồi nghe, ghi ghi chép chép. Tôi trầm nghĩ: “Thật uống công Thầy quá!”. Lén nhìn lên xem Thầy có vẻ gì khó chịu vì lớp học vắng tanh như thế này không? Nhưng tuyệt nhiên không. Thầy vẫn thản nhiên vô chấp như đang giảng trước cả bao nhiêu người nghe. Tuần sau vào lớp học, mọi người đông đủ, Thầy vẫn tiếp tục giảng bài với nụ cười thản nhiên như thường lệ và không hề hỏi xem sao kỳ trước mọi người nghỉ học vậy? Đây cũng là bài học vô cùng cao quý cho tôi về phong cách một “Người Thầy” trên bục giảng, đã giúp tôi rất nhiều trong cái “nghiệp” nhà giáo của tôi cho đến ngày nay. Từ đó, mỗi lần nhìn thấy Thầy trong trường Văn khoa hay đâu đó trong Viện Đại học Vạn Hạnh là tôi thấy như một người cha đang hết lòng trao truyền ngọn lửa tuệ giác cho đàn con chúng tôi. Nhất là vào những buổi trình diễn văn nghệ của sinh viên Vạn Hạnh, Thầy luôn ngồi xem cho đến cùng, không bao giờ bỏ về giữa chừng như các thầy khác, dù Thầy rất bận. Sinh viên thường hãnh diện khoe nhau: “Thầy Viện trường là như vậy đó!”. Thật là một khách lệ không gì bằng.

Rồi đến mùa Vu lan, đoàn Sinh viên Vạn Hạnh luôn được Thầy khuyến khích. Nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ hướng dẫn sinh viên chúng tôi trình bày bản nhạc “*Bông hồng cài áo*” của anh để mở đầu cho đêm văn nghệ. Được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt, Thầy rất vui và bản nhạc đã được nổi tiếng khắp miền Nam từ đó, nhất là Sài Gòn và cả miền Trung, sau này vang danh ra cả thế giới.

Thời gian mười mấy năm, tôi đi đoàn tụ gia đình ở Canada, Pháp, Mỹ... Cứ đến mùa Vu lan là các chùa ở bên ấy đều hát vang “*Bông hồng cài áo*” vì ai cũng nghĩ đó là ngày báo hiếu Mẹ, ngày để nhớ Mẹ với những câu mà anh Mỹ đã làm nhiều người nhớ mãi

không quên:

- “Rồi một chiều nào đó anh về nhìn mẹ yêu, nhìn thật lâu rồi nói, nói với mẹ rằng: “Mẹ ơi! Mẹ ơi! Mẹ có biết hay không? Biết gì? Biết là, biết là con thương mẹ lắm không?”. Đóa hoa màu hồng vừa cài lên áo đó anh. Đóa hoa màu hồng vừa cài lên áo đó em. Thì xin anh, thì xin em, hãy cùng tôi vui sướng lên. Rủi mai này mẹ hiền có mất đi, như đóa hoa không mặt trời, như trẻ thơ không nụ cười, như đời mình không lớn khôn thêm, như bầu trời thiếu ánh sao đêm ... !”.

Mà không chỉ người Việt mê đâu, cả người nước ngoài cũng mê ngày Vu lan với “*Bông hồng cài áo*”. Họ cũng đến chùa để nghe, vì họ nói đó là “Mother’s day” của họ. Tôi về kể chuyện cho Thầy nghe, Thầy vui lắm.

Trước 1975, cùng với *Bông hồng cài áo*, Phạm Thế Mỹ cho ra một loạt ca khúc, nhạc cảnh chống chiến tranh, đòi hòa bình, chống tham quan hại dân, hại nước, như nhạc cảnh “*Sắc lụa Trữ La*”. Tôi phải đóng vai nam, Điền Quân, đi làm quan lớn ở kinh đô về thăm nhà. Thấy dân làng đói khổ, mẹ mất, người yêu tiêu tụy, Điền Quân bức xúc, cởi áo đại quan vút xuống sông để phản đối bọn tham quan gian ác. Các thầy thích lắm. Nhưng đến nhạc kịch “*Lời nguyện pháp trường*” thì ai cũng sợ, do Nguyễn Xuân An đóng vai người tử tù mặc bà ba đen, bịt mắt chờ bị bắn thì cất cao giọng hát: “Chắc trời còn xanh lắm! Cho tôi quỳ xuống đây... Tiếng ru nào của mẹ, mắt lệ nào của em? Quê hương sâu tôi đây... Xin cho tôi đừng biết, tôi là người như anh, tôi chết vì tay anh ... chết vì chiến tranh ...” - “Đừng, đừng, đừng ...”. Tiếng nổ trong đôi tay run rẩy, ngấn ngơ của người cầm súng, và người tử tù gục xuống! Cả ngàn khán giả trong rạp Thống Nhất sững sờ, chết lặng một lúc mới bùng lên vỗ tay vang dội rần rần. Nhưng rồi họ lại lo cho anh Mỹ, sợ sẽ bị bắt.

Đến 1968, sau vụ trung úy Mỹ William Calley chỉ huy vụ thảm sát trên 500 người già, em bé, phụ nữ tại Mỹ Lai, Quảng Ngãi, cả miền Nam Việt Nam không ai dám viết phản đối. Chỉ có nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ dám viết ca khúc lên án tội ác: “Cả khắp nơi xót xa vô cùng, cả nước Việt Nam đón đau vô cùng, chuyện Calley bắn Mẹ ... Mẹ van xin cúi lạy từng người ... Đâu phải một làng bị anh giết sạch, mà rất nhiều ... Tội tình gì đâu trẻ nhỏ Việt Nam? Tội tình gì đâu mẹ già Việt Nam? Hỡi Calley? Hỡi Johnson? Hỡi Nixon? (Báo đăng gần đây Calley có về Việt Nam xin lỗi tội này).

Người nhạc sĩ tài năng dũng cảm Phạm Thế Mỹ đã không sợ tù tội hiểm nguy, cứ lớn tiếng kêu gọi: “Hòa bình ơi hãy đến” trong một đất nước chiến tranh ngày càng leo thang khủng khiếp. Anh bị theo dõi dữ lắm và Thầy Minh Châu rất thương quý anh, luôn bảo vệ anh. Thầy còn huy động Đoàn Văn nghệ Vạn Hạnh chúng tôi nên đi lưu diễn càng nhiều càng

tốt cho Hòa bình Việt Nam. Thầy đã khuyến khích trong đêm văn nghệ Vạn Hạnh (gần ngày giải phóng) chào mừng 10 năm thành lập Văn khoa của Viện. Xin ghi lại lời phát biểu của Thượng tọa Thích Minh Châu, Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh: “Tình tự dân tộc là mấu chốt chung để chấm dứt 25 năm chiến tranh... Chừng nào mọi người chịu quay về với tình tự dân tộc của mình, chiến tranh mới có cơ duyên chấm dứt”. Và Thượng tọa huấn thị sinh viên Đại học Vạn Hạnh hãy đảm nhận công tác khơi dậy cái tình tự dân tộc đó trong lòng người...”. Cả sinh viên và khán giả trong hội trường vỗ tay ca ngợi Thầy ghê quá!

“Thượng tọa Thích Trí Thủ, Viện trưởng Viện Hóa đạo, linh hồn cao ngất của vận động hòa giải lịch sử hiện nay, dường như cũng cảm thấy phấn khởi vô cùng, nên đã ngồi lại xem cho đến phút chót và thỉnh thoảng gật đầu tán thưởng kèm theo những nụ cười đạo hạnh trên môi.”(HVT)

Thỉnh thoảng chúng tôi cũng mời Trịnh Công Sơn đến Đoàn Sinh viên Phật tử và Vạn Hạnh hát “*Ca khúc da vàng*” và nhạc Phật giáo như những bài “*Cát bụi*”, “*Đóa hoa vô thường*”, “*Một cõi đi về*”... và nhiều lắm. Các Thầy cũng thích lắm. Sơn là bạn rất thân với tôi ở Đại học Văn khoa, chuyên hát nhạc hòa bình cho Việt Nam với “*Ca khúc da vàng*”... Tôi luôn giới thiệu với Thầy là: “Sơn đã đưa triết học Phật giáo vào âm nhạc đó, Thầy ơi!”. Thầy thích lắm và khuyên nên cố gắng làm văn nghệ dân tộc và hòa bình cho Việt Nam mau chấm dứt chiến tranh.

Tôi không thể nào quên được vào năm 1973, tôi đã có gia đình và 2 con. Tôi đang dạy lớp 12 ở Trung học Bồ Đề, đã dạy gần 10 năm. Vậy mà, một hôm, thầy TQL, Hiệu trưởng trường gọi tôi vào bảo: “Mấy hôm nay trong trường xầm xì là chồng con bị tù vì hoạt động có lợi cho Giải phóng, thầy không biết tính sao?”. Tôi thản nhiên trả lời (chắc nhờ chút lửa còn lại của Thầy tôi mấy năm trước): “Thưa thầy, chồng con bị tù vì tội ‘phá rối trị an’, tức là hời sinh viên hay xách động biểu tình, hội thảo. Bây giờ ai muốn nói gì mà chẳng được! Còn tính gì nữa, thưa thầy? Thầy cho con cái đơn xin nghỉ dạy thôi”. Thầy QL mừng quá, vội đưa ngay lá đơn. Tôi viết và ký tên xin nghỉ dạy. Từ đó tôi ở nhà làm bánh nuôi con.

Một hôm tôi mang túi bánh đi bỏ mỗi ở Câu lạc bộ Vạn Hạnh thì gặp Thầy Minh Châu. Thầy hỏi đi tôi đâu, mang gì nặng vậy? Tôi kể hết sự tình... Thầy lắc đầu ngao ngán, bảo tôi: “Về viết đơn, Thầy cho vô làm Giảng viên Đại học Vạn Hạnh và tiếp tục cái cao học Triết đi, đừng bỏ ổng!”. Tôi bỗng nhớ lại cái câu mà sinh viên thường nói trong những buổi văn nghệ năm nào: “Thầy Minh Châu là như vậy đó! Lúc nào cũng coi học trò như con”. Tôi ứa nước mắt và nhớ mãi hình ảnh Thầy hôm đó. Trong cái tâm Phật của Thầy vừa có tình thầy-trò vừa có cả tình cha-con. Tôi về làm giảng viên, phụ khảo cho thầy

Nguyễn Đăng Thục ở Khoa Văn Đại học Vạn Hạnh cho đến ngày giải phóng 1975.

Một buổi sáng ngày đầu tháng 5-1975, toàn thể các giới đồng bào, nhân dân đều xuống đường đi diễn hành mừng ngày hòa bình thống nhất đất nước. Tôi lại thấy Thầy Minh Châu của chúng tôi, một vị Viện trưởng Đại học, lại cùng đi trong đoàn diễn hành với các tu sĩ Phật giáo, áo cà-sa vàng rực một góc trời và rực sáng trong tim chúng tôi.

Khi bàn giao Đại học Vạn Hạnh trên đường Trương Minh Giảng (nay là Lê Văn Sỹ) cho Nhà nước Việt Nam làm Đại học Sư phạm theo quy định mới của các đại học tư trong cả phía Nam, gia đình Vạn Hạnh dời về khu Thiền viện đường Võ Di Nguy (nay là Nguyễn Kiệm) trên một khoảng đất trống với một dãy nhà kho còn đơn sơ đạm bạc lắm, chứ chưa xây dựng được như bây giờ đâu. Xong công việc, tôi chạy vội về Thiền viện để thăm Thầy. Thầy đón tôi, đứng nói chuyện ngoài sân, chứ không cho vào nhà, chắc ở trong chưa có phòng tiếp khách. Tôi kêu lên: “Trời ơi, Thầy để lại tất cả bên Trương Minh Giảng, không đem gì về đây rồi Thầy sống làm sao? Và bây giờ Thầy không còn dạy nữa thì Thầy sống bằng gì?”. Thầy cười, vắn nắn cười của Phật như ngày nào: “Có chi mờ, thì các cô chú (Tăng Ni trẻ, nhân viên Vạn Hạnh cũ) ở đây biết làm xi dẫu, nước tương cũng sống được mà!”. Tôi ứa nước mắt: “Trời ơi, vậy mà Thầy còn cười được sao? Khách nước ngoài, giáo sư đại học các nước tới thăm rồi Thầy tiếp họ ở đâu?”. Thầy vẫn cười thản nhiên: “Không can chi mờ, rồi sẽ gầy dựng lại từ từ. Chớ ngày xưa Đức Phật đi tu, Ngài chỉ ngồi dựa gốc cây bồ-đề thôi mà cũng tu được đó nờ. Thôi, con về lo cho gia đình, con cái, lo đi tìm việc làm đi. Đừng lo cho ở đây. Những ngày đầu giải phóng ai cũng khó khăn hết. Sau 20 năm chiến tranh, được hòa bình mà Sài Gòn không đổ nát và không đổ máu nhiều là mừng lắm rồi. Không can chi mờ”.

Thầy ơi, trên đường về bằng xe đạp, dù khá mệt nhưng con vẫn suy nghĩ mãi... Hình ảnh Thầy với bài học hôm nay như ngọn lửa thiêng đã soi sáng tâm hồn con, giúp con có đủ sức để thất lưng buộc bụng mà lao vào công việc, đầu tắt mặt tối trong những ngày đầu cách mạng mà đất nước mới hồi sinh sau chiến tranh. Con ráng noi gương Thầy, một mình làm 3 việc cùng lúc, xen kẽ thời gian: Vừa là cán bộ nghiên cứu Viện Khoa học Xã hội, vừa là Bào chữa viên nhân dân (Luật sư) thành phố, mà còn được hân hạnh chọn làm bào chữa cho vụ án đầu tiên của cách mạng ở đây sau 75, rồi còn sinh hoạt Hội Trí thức Yêu nước nữa. Có người hỏi “khó” con: “Chớ lửa ở đâu ra mà làm việc dữ vậy?”. Con học được nụ cười của Thầy và trả lời: “Lửa ở quý vị Tôn sư của tôi đã truyền cho thời còn học Đại học Vạn Hạnh đó ạ!”.

Sau này, khi đi định cư ở nước ngoài, thời gian đầu ở Canada, gia đình chúng con cũng gian

nan khổ ải nhiều lắm. Nhưng cứ nhớ đến lời Thầy dạy, con lại gượng được, đứng lên, vừa làm việc sinh sống vừa giúp cho hai đứa con là Nguyễn Hữu Thái Hòa và Nguyễn Hữu Thiên Nga vừa đi học vừa thành lập Đoàn Văn nghệ Dân tộc Lạc Việt, hướng dẫn cho sinh viên Việt Nam và nước ngoài đi lưu diễn văn nghệ dân tộc Việt Nam ở các đại học nước ngoài và giúp các chùa vào dịp lễ, Tết... Thịnh thoảng có GS.Trần Văn Khê là thầy của hai cháu ghé qua chỉ bảo. Đoàn được khán giả Tày, ta hoan nghênh nhiệt liệt. Thái Hòa vừa ca vọng cổ theo yêu cầu khán giả Việt Nam, vừa hát nhạc Trịnh Công Sơn với cách Thiên của Phật giáo qua các bài *Cát bụi*, *Ca dao Mẹ*, *Đóa hoa vô thường*, *Cõi tạm*, *Ở trọ*, *Một cõi đi về*... và nhiều bài với chuông mõ trên tay, làm cho các cụ già Việt Nam ở Singapore lên ôm Hòa mà khóc và nói: “Ta nghe nhiều người hát Trịnh Công Sơn lắm nhưng không ai hát như con, làm ta nhớ Phật, nhớ nhà ghê quá!”. Thái Hòa nói: “Đã ngộ được Trịnh Công Sơn như vị Thiên sư trong âm nhạc vì quen cậu Sơn từ khi còn bé xíu, theo mẹ”.

Nhớ hôm con về kể lại Thầy nghe: “Con đã nhờ được học ngọn lửa Thầy vô tận Tâm-Trí, chừ dạy lại cho con cái con và sẽ truyền lại cho giới trẻ sau này nữa đó, thưa Thầy!”, Thầy cười rất vui.

Năm 2000 tôi về thăm lại Vạn Hạnh, Thiền viện đã xây thêm, có chỗ thờ Phật khang trang và Tầng Ni có thêm phòng hội, phòng học, tôi rất mừng. Nhưng khi thấy Thầy bị đau yếu, đi đứng khó khăn, phải có người nâng đỡ, tôi thật đau lòng. Vậy mà khoảng 2002 Thầy còn đến khai mạc cho buổi triển lãm tranh thủy mặc của chúng con ở hành lang Vạn Hạnh, thật là một khích lệ và vinh dự lớn lao cho chúng con! Có hôm, Thầy còn hỏi: “Có làm văn nghệ nữa không? Miền Đức Thắng cũng về đó, biểu làm văn nghệ nữa đi! Hôm mới về, thấy Thầy đau, Thắng khóc.” - “Con cũng khóc nữa đây thưa Thầy! Vậy mà Thầy còn biểu tụi con làm văn nghệ. Tụi con trên 60 hết rồi, làm văn nghệ ai mà xem?”. Thật lúc nào Thầy cũng coi chúng con như những đứa con của Vạn Hạnh ngày xưa. Làm sao mà không chảy nước mắt cho được!

Kỳ này, con về, kịp dự được lễ Mừng Thọ trên 80 của Thầy và hai anh Võ Đình Cường, Tống Hồ Cẩm ở Thiền viện Vạn Hạnh. Mừng hai anh còn khỏe mà Thầy thì phải ngồi xe lăn. Chưa hết ngạc nhiên, con ráng đến gần để chụp hình Thầy thì “Trời ơi, sao Thầy không còn nói được gì nữa, chỉ nhìn con mà chớp mắt!”. Vậy là Thầy biết con đã về thăm mà Thầy không nói được. Con đã bật khóc và khóc thật nhiều. Một chị bạn thổ con: “Mừng sinh nhật Thầy, không được khóc!”. Dạ, con phải nhịn khóc trong giảng đường, nhưng trên đường về, con không tài nào nhịn khóc được.

Thưa Thầy, chả lẽ Thầy đã chia lửa cho mấy thế hệ sinh viên chúng con để lửa chúng con

thì luôn bùng cháy mà ngọn lửa thiêng vô cùng quý hiếm của Thầy lại phải lụi dần theo thời gian và cũng sẽ có ngày tịch lặng? Nhưng không phải vậy! Nhìn kỹ ánh mắt Thầy hôm nay, dù sức khỏe có sa sút, chúng con vẫn thấy được ngọn lửa thiêng trong ánh mắt Thầy, trong tấm lòng Thầy, vẫn còn muốn tiếp tục truyền lửa cho chúng con, đàn con Vạn Hạnh năm xưa của Thầy. Ánh lửa đó là Huệ nhân, là Phật tâm của Thầy, sẽ soi sáng tâm trí chúng con mãi mãi đó, thưa Thầy!

Từ ngày về ở hẳn Việt Nam, thỉnh thoảng tôi ghé Vạn Hạnh thăm Thầy. Lúc sau này, Thầy không còn nói được nữa, chỉ nhìn mình chớp mắt thôi. Tôi buồn quá, trên đường về cứ khóc thương Thầy...!

Sáng nay ngày 1-9-2012, nghe bạn bè kêu gọi Thầy Minh Châu viên tịch rồi, tôi chạy vội qua Vạn Hạnh, lên phòng Thầy, thấy Thầy nằm yên nhưng mắt đã nhắm rồi, không còn mở ra để nhìn mình chớp chớp nữa! Tôi khóc quá chừng vì từ nay không thể nào nhìn thấy được nụ cười hay ánh mắt chớp chớp của Thầy nữa rồi, Thầy ơi! Tôi quý lạy Thầy ba lạy, rồi phải lui ra cho quý thầy vào chuẩn bị làm lễ nhập quan cho Thầy. Vậy là từ nay Thầy đã từ bỏ thế gian để đi về cõi Phật thật rồi! Chúng con không còn nhìn thấy Thầy nữa rồi! Nhưng từ nay ngọn lửa Phật tâm của Thầy vẫn sẽ soi sáng tâm trí chúng con suốt đời, Thầy ơi!

Ngày Thầy vĩnh viễn ra đi ...

Suốt 9 ngày làm lễ tang Thầy ở Thiền viện Vạn Hạnh, ai cũng công nhận là chưa có cái đám tang nào của ai mà đông người tham dự đến vậy. Tăng, Ni và Phật tử trong và ngoài nước đã về đến tận đưa Thầy trùng trùng điệp điệp suốt ngày đêm, không ai tưởng tượng nổi!

Nhưng sao con vẫn cứ vừa lạy Thầy vừa khóc mãi, Thầy ơi, không quên được ..., có phải vì "Ngọn lửa Thầy soi sáng Tâm-Trí chúng con đã từ lâu rồi, thưa Thầy?". Chúng con xin cố gắng truyền lại ngọn lửa Tâm-Trí vô cùng yêu quý này cho các em Phật tử về sau phải luôn nhớ lời Thầy giảng dạy ngày xưa trên con đường tu, học suốt đời.

Con xin tạ ơn Thầy và xin giữ mãi ngọn lửa này trong Tâm-Trí con!

Học trò cũ của Thầy

DƯỚI BÓNG CHA LÀNH

Tâm Giác Hà Xuân Kỳ

(Nguyên Bí thư Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh)

Mùa hè năm 1966 khi cuộc vận động dân chủ do Phật giáo khởi xướng tại Đà Nẵng thất bại, chúng tôi chạy ra Huế và được quý Ông bố trí ẩn trốn tại chùa Kim Tiên của Thầy Chánh Trực. Khi quân đội Thiệu - Kỳ tấn công Huế để dẹp bỏ bàn thờ Phật và lùng bắt các Huynh trưởng Phật tử và sinh viên tham gia cuộc vận động, chúng tôi được quý Ông đưa lên chùa Sư nữ Hồng Ân, tại đây tôi được Sư bà Diệu Không cho xuống tóc làm Ni cô với Pháp hiệu Diệu Cảnh, sau đó chuyển qua tịnh thất Hoàng Mai của Sư bà Thể Quán và Sư bà Cát Tường. Đến đầu năm 1967, Ông Đôn Hậu và Ông Mật Nguyễn yêu cầu Thầy Tài Quang (Chánh Tuyên úy Phật giáo Vùng I) và anh Cao Chánh Hựu (Ủy viên Chính phủ Vùng I) đưa tôi vào Sài Gòn trú tại Tổng vụ Thanh niên (số 294 Công Lý) của Hòa thượng Thiện Minh. Cuối năm 1967, các anh trong Ban Hướng dẫn T.U.GĐPTVN giới thiệu tôi với Hòa thượng Thích Minh Châu, Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh. Tôi được Hòa thượng (HT) cử làm Chánh Thư ký Vụ Giáo dục, thuộc Tổng vụ Giáo dục GHPGVN TN do HT làm Tổng vụ trưởng (văn phòng Tổng vụ Giáo dục đặt tại Viện Đại học Vạn Hạnh). Đến đầu năm 1968, tôi được chính thức cử làm Bí thư Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh (vẫn kiêm nhiệm Chánh Thư ký Vụ Giáo dục). Từ đó hàng ngày tôi được làm việc bên cạnh HT, là người

tôi hằng ngưỡng mộ. Thật là một niềm phúc to lớn, một hạnh phúc tuyệt vời không thể nào ngờ được!

Điều hết sức may mắn là trong thời gian này HT đang dịch *Trung Bộ kinh* từ Pāli sang tiếng Việt, và tôi được HT cho đọc lại bản thảo trước khi đánh máy đưa xuống nhà in. Qua hình ảnh và qua sự tu tập hàng ngày của HT cũng như qua những trang kinh tôi đọc được, tôi dần dần thấm nhuần sâu sắc lời dạy của Đức Phật và củng cố niềm tin của tôi vào Chánh pháp.

Điều hành Viện Đại học Vạn Hạnh, HT đã thỉnh mời được một tập thể giáo sư có bằng cấp chuyên môn cao, có kinh nghiệm và uy tín từ các trường đại học trong nước và quốc tế về giảng dạy. HT còn tạo môi trường nghiên cứu cho sinh viên bằng cách thành lập một thư viện khá lớn, tương đối hiện đại, đầy đủ sách, báo tham khảo, và một không gian nghiên cứu và học tập không những của giáo sư và sinh viên Đại học Vạn Hạnh mà cả các trường đại học ở Sài Gòn. HT còn chủ trương xuất bản tạp chí *Tu Tưởng*, đăng tải các tác phẩm nghiên cứu của các giáo sư, học giả và sinh viên. Đây là tạp chí có uy tín được đông đảo giới trí thức trong cả nước đón đọc. Ngoài việc học tập văn hóa, HT còn chú trọng đến việc rèn luyện thể chất của sinh viên bằng cách lập Phòng Sinh viên vụ để lo tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ và công tác xã hội. Đoàn Văn nghệ sinh viên Đại học Vạn Hạnh qua nhiều buổi diễn đã gây được tiếng vang lớn trong giới sinh viên và quần chúng Phật tử. Dưới sự lãnh đạo của HT, Đại học Vạn Hạnh đã trở thành một môi trường giáo dục sôi động và toàn diện, cả tinh thần lẫn thể chất, cả trí tuệ lẫn đạo đức, cả cá nhân lẫn xã hội.

Như chúng ta đã biết, trong những năm từ 1966 đến 1970, phong trào vận động dân chủ, hòa bình diễn ra khắp các thành phố lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng... bằng các cuộc mít-tinh, biểu tình, tuyệt thực của Phật tử và sinh viên. Trong đó, sinh viên Đại học Vạn Hạnh là lực lượng đấu tranh tích cực và hăng hái nhất, nên Tổng nha Cảnh sát chú ý và nhiều lần cho lực lượng cảnh sát đặc biệt bao vây và đòi tiến vào Viện lùng bắt các lãnh đạo sinh viên. Trong những trường hợp như thế, HT phải nhiều lần làm việc với chỉ huy lực lượng cảnh sát. Với phong thái ung dung, thái độ hòa nhã và lý lẽ vững chắc, HT đã thuyết phục chỉ huy lực lượng cảnh sát tôn trọng quyền tự trị đại học, ra lệnh rút quân, không được tiến vào khuôn viên Viện. Việc làm của HT được toàn thể giáo sư, nhân viên và sinh viên nhiệt liệt hoan nghênh.

Đối với nhân viên, HT luôn luôn ân cần, hỏi han, chia sẻ những khó khăn, và chăm lo từ tinh thần cho đến vật chất để họ yên tâm làm việc, ngoài ra, còn tạo mọi điều kiện để nhân viên được học tập và tu dưỡng. Hàng năm cứ vào chiều 30 Tết, HT cho tổ chức bữa cơm tất

niên thân mật để HT cùng các Thầy ở nội xá và các gia đình nhân viên lưu trú trong Viện gặp gỡ cuối năm và vui chơi cho đến giao thừa. Những ngày sau 30-4-1975, mặc dù tất cả tài chánh của Viện đã bị phong tỏa ở ngân hàng, nhưng HT bằng uy tín của mình đã vận động mọi nơi, mọi cách để có thể rút được tiền, giúp trang trải khoản lương tối thiểu trong những tháng đầu của buổi giao thời để nhân viên bớt khó khăn. Mặc dù ở cương vị lãnh đạo, nhưng với lòng từ bao la rộng lớn, HT đã tiếp cận rất gần gũi, rất thân thiện và rất chu đáo với mọi người xung quanh.

Sau 30-4-1975, HT lại giao cho tôi và anh Trần Thái Bình - Trưởng phòng Hành chánh Tài chánh của Viện - chuẩn bị mọi hồ sơ, sổ sách để bàn giao cơ sở Đại học Vạn Hạnh cho trường Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh, chấm dứt một thời vàng son của nền giáo dục đại học Phật giáo VN, và chấm dứt giai đoạn sống đẹp nhất của chúng tôi.

Hơn 10 năm sống và làm việc bên cạnh HT đã để lại trong tôi nhiều kỷ niệm khó quên. Đối với công việc, HT làm việc có phương pháp với một tinh thần thông thoáng. Mặc dù công việc hằng ngày hết sức đa đoan, nào là tiếp khách, giải quyết các công việc của Viện - từ hành chánh, tài chánh đến công việc của các phòng, khoa - rồi giải quyết các công việc của các Phật học viện và các trường Bồ Đề (trách nhiệm của Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo dục), nhưng HT vẫn chu tất mọi việc mà không bao giờ lộ vẻ mệt mỏi. HT luôn giữ được phong thái khoan thai, hoan hỷ - hình ảnh của vị Bồ-tát. Đối với tình người, HT dành nhiều tâm sức chăm lo đời sống tinh thần và sinh hoạt của sinh viên và nhân viên với một tâm từ rộng lớn.

Có lẽ nhờ mối nhân duyên đặc biệt mà tôi được gặp HT, được thân cận với quý Thầy và thiện hữu tri thức. Nhờ đó, chúng tôi - vợ và các con - được HT hết lòng thương yêu, đùm bọc và che chở. Trong suốt hơn 10 năm, gia đình chúng tôi được sống an lành, hạnh phúc, tràn ngập niềm vui dưới bóng từ bi của đấng cha lành.

NHỚ MÃI ÁNH MẮT VÀ NỤ CƯỜI CỦA ÔN

Thích Khinh An

1.

Lần đầu tiên con gặp Ôn tại chùa Pháp Hội, là tiền thân của Viện Đại học Vạn Hạnh, để trao một bức thư của Hòa thượng Bốn sư con từ Huế chuyển vào với lời dặn: “*Trao tận tay Thầy Minh Châu và khỏi chờ trả lời*”. Khi gặp Ôn lúc bấy giờ con là một tu sĩ trẻ (1964). Nụ cười và ánh mắt của Ôn đã khắc đậm nhiều cảm kính trong tiềm thức con. Và từ đó cho đến khi con có cơ hội gần Ôn, làm việc dưới sự lãnh đạo của Ôn, ánh mắt và nụ cười ấy lại càng sâu đậm hơn nữa.

2.

Năm 1973, với tư cách là Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo dục của Viện Hóa đạo, Ôn phải giải quyết những vấn đề khá rắc rối và khó khăn liên quan đến sự sinh hoạt của hai trường Bồ Đề: Bồ Đề Nha Trang do Hòa thượng Phước Sơn làm Hiệu trưởng, Bồ Đề Phan Thiết do Hòa thượng Huệ Tánh làm Giám học. Con với tư cách Tổng Giám thị của trường Bồ Đề Phan Thiết, cùng với mấy anh em, vì thương học sinh đã cùng nhau giúp cho một lớp học có đủ học bạ hợp pháp để tiếp tục theo học hết lớp 12. Với chúng con, sự việc hết sức đơn giản chỉ vì tương lai của con em; nhưng với Bộ Giáo dục thì không hợp lệ. Ôn phải đứng ra giải quyết và chịu trách nhiệm. Cũng ánh mắt ấy, Ôn đã ôn tồn: “*Các Thầy để đó cho Tổng vụ giải quyết việc này với Bộ Giáo dục, yên tâm về lo cho việc trường*”. Sau đó, quả nhiên mọi việc êm ả. Nhớ việc này,

chúng con khó quên Thầy Hải Thanh, anh Lê Văn Lâm và bác Trình đã tận tình gánh vác một phần giúp hai trường Bồ Đề Nha Trang và Phan Thiết không tổn thương uy tín.

3.

Thời gian chuyển giao Viện Đại học Vạn Hạnh (Cơ sở 1 ở đường Trương Minh Giảng) và giữ lại Cơ sở 2 ở đường Võ Di Nguy (bây giờ là Nguyễn Kiệm), con đang là Quản sự Đại học. Ôn vẫn với nụ cười hoan hỷ muôn thuở, vẫn với nét mặt bình thản khi nghe trình bày việc một vài anh bộ đội đã gom và đốt rất nhiều *Trường Bộ kinh* với lý do là sách đòi truy phải thiêu hủy. Con giải thích thì họ bảo là ngoan cố. Ôn cười: *"Họ không biết gì về kinh điển, văn hóa đâu. Có nói thì phải gặp cấp lãnh đạo chứ nói với các anh bộ đội ấy không ích lợi gì. Họ đốt bây giờ, sau này họ in lại. Đừng ngại!"*. Đó là lời tiên đoán hay là lời khuyên lớn an ủi của Ôn? Sau đó Ôn đưa con qua chăm lo, giữ gìn Cơ sở 2 của Viện Đại học Vạn Hạnh. Một mình con ban đêm cầm đèn pin canh tuần, ban ngày tranh thủ ngủ chút nào hay chút đó, vì bao nhiêu tài sản của Viện chưa bị tổn thất, lại thêm toàn bộ hồ sơ, bàn tủ, máy móc của Cơ sở 1 ở Trương Minh Giảng chờ qua để nghênh ngang trong ngoài chưa ổn định, thật đáng lo! Thế mà Ôn vẫn tươi vui tự tại khuyên dạy: *"Cái gì còn thì còn, cái gì mất thì thôi, Minh Tâm đừng lo. Hãy sắp xếp phòng ốc để quý Thầy chuyển qua, nhất là quý Thầy đã gắn bó với Viện như Thầy Mạnh Thát, Thầy Phước Sơn, Thầy Trung Hậu, Thầy Hải Thanh, Thầy Chơn Nguyên"*. Chính lúc đó con thấy rõ hơn sự quan tâm của Ôn với người cộng sự.

4.

Khi con nhận quyết định ủy nhiệm làm Ủy viên Công cán của Viện Hóa đạo đảm trách các tỉnh miền Nam Trung Phần, Ôn lại ân cần nhắc nhở: *"Trách nhiệm không nhẹ, nên cẩn trọng"*. Một tháng sau khi có thư của Tỉnh hội Bình Thuận mời con về gấp để lo Phật sự tại đây, hai thầy trò lại bàn luận nhất trí giao chia khóa và trọng trách quản sự ở Viện lại cho Thầy Phước Sơn. Khi con chào Ôn để về Phan Thiết, Ôn lại ân cần với vẻ lo lắng: *"Nếu về Phan Thiết thấy có gì rắc rối, trắc trở không thể vượt qua thì hãy trở vào đây cho yên ổn"*.

Và Ôn ơi! Không quá hai tháng thì con đi "nghỉ mát" đúng 5 năm 1 tháng 10 ngày.

5.

Hôm nay, Ôn đã về với Phật! Sự nghiệp Ôn để lại không chỉ là cơ sở vật chất mà quan trọng hơn là kinh sách Ôn phiên dịch và tư tưởng kiến thức Ôn trao truyền cho bao thế hệ trẻ, cho bao lớp sinh viên đã được Ôn đào tạo, cho nhiều Tăng Ni kế thừa.

Riêng con, gần Ôn không nhiều nhưng ánh mắt, nụ cười của Ôn, một hình ảnh thân giáo quả thâm sâu đã cho con nhiều ý sống!

Lạy Ôn

CẢM NIỆM ÂN SỰ

Đệ tử Diệu Tâm (Đức quốc)

Cúi lạy Giác linh Ôn!

Mây trắng thong dong cuối chân trời, nào đâu vương bận với biển khơi. Cánh nhạn đã vụt bay, dòng sông kia không hề lưu dấu, nhưng ân tình nào có thể phôi phai! Ôn đi về cảnh giới vô tung, mà bao ân tình vẫn còn đọng lại, phảng phất trước di ảnh nụ cười hỷ xả, làm ấm lòng chúng con trên con đường kế thừa sự nghiệp độ sinh của Người.

Ôn vốn sanh trưởng trong gia đình vọng tộc Nho gia, lại thâm tín Tam bảo, thân sinh là một Tiến sĩ lỗi lạc đương thời, thì chính nền tảng gia đình ấy đã chắp cho Ôn đôi cánh để tung bay xa hơn trên bầu trời của tri thức và lẽ sống. Thêm vào đó, từ nhỏ Ôn vốn rất cần mẫn, chăm chỉ học hành và trí tuệ uyên bác, đã khiến bầu trời tri thức và lẽ sống ấy của Ôn tô đậm một vết son trong lịch sử dân tộc cũng như lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Với tâm tư diêm tĩnh và phong thái diêm đạm, Ôn nhìn cuộc đời cả hai khía cạnh khổ đau và hạnh phúc. Chính cái nhìn thấu đáo ấy, chính nỗi niềm thương cảm chúng sanh đang chìm đắm trong dòng đời sanh tử mà trái tim Bồ-tát thổn thức, ngọn đuốc bi tâm được thắp lên nên Người phát tâm Bồ-đề, xuất gia học đạo. Tại chùa Tường Vân, Ôn xuất gia, thế phát bần sĩ, sống đời phạm hạnh trong chốn thiền môn, chuyên tâm tu tập, ngày

đem nghiên tâm giáo điển, công phu và công quả chuyên cần. Rồi với ý chí xuất trần đại sĩ, Ôn xuất dương du học, đồ tiến sĩ đem bằng vàng về cho dân tộc Việt Nam, cho Phật giáo Việt Nam, và mở ra một chân trời mới cho nền học thuật và nghiên cứu Phật học trên quê hương yêu dấu. Trong sự nghiệp hoằng pháp, Ôn hiến dâng trọn đời cho sự nghiệp giáo dục (cả người xuất gia và tại gia) và được mệnh danh là nhà giáo dục Phật giáo vĩ đại của thế kỷ. Điều đáng chú ý nhất là sự xuất hiện của Ôn gắn liền với sự ra đời của Tạng kinh Phật giáo Nguyên thủy, làm khởi sắc diện mạo Phật giáo, và là vết son tươi thắm cho lịch sử Phật giáo Việt Nam. Có thể nói, Ôn thị hiện trong đời như một nguyện sanh để viên thành những gì mà lịch sử hai ngàn năm của Phật giáo Việt Nam còn để trống.

Tuy vậy, đối với chúng con, Ôn là bậc Thầy gần gũi, thân thương và dễ mến, mà vẫn uy nghiêm, mô phạm. Với trí tuệ viên dung, đạo tâm trác thế, là tông lâm thạch trụ, là bậc mô phạm cho đàn hậu học, cho nên mỗi lời pháp của Ôn là khơi nguồn trí huệ cho chúng con; mỗi việc làm của Ôn đều mang một sắc thái đậm đà đạo lý, tự lợi lợi tha, ích đời lợi đạo; mỗi cử chỉ của Ôn là thể hiện sự khoan dung độ lượng, lòng từ chan chứa. Ôn chính là hình ảnh giải thoát vô ngại, là lẽ sống muôn đời cho chúng con và Tăng, Ni, Phật tử trong và ngoài nước học tập và làm theo. Như cổ đức đã nói: *“Nước chảy theo khe nào có ý. Mây tuôn đỉnh núi vẫn vô tâm”* (trích lời tưởng niệm của TW.).

Nhớ lại ngày con rời Đà Nẵng về Sài Gòn tham dự lớp học Sư phạm Mẫu giáo do Đại học Vạn Hạnh mở, trong con lại dâng tràn bao kỷ niệm về khung trời đại học, về Ôn - bậc Thầy thánh thiện và khả kính. Làm sao quên được hình ảnh khi con được xếp hạng nhì của khóa học, được Ôn đích thân trao cho con văn bằng với nụ cười hoan hỷ, ánh mắt dịu hiền, từ bi và với dáng đi thoát tục. Ánh mắt đã qua, vạn câu thơ để lại. Dáng đi nhẹ nhàng, nào vương bụi trần ai. Chính hình ảnh ban sơ ấy đã khắc sâu trong tâm khảm, để rồi, trên con đường vượt trùng dương hoằng dương Chánh pháp, con luôn canh cánh bên lòng để vượt mọi chướng duyên.

Sau ngày xa quê hương chưa về thăm được, con thỉnh thoảng gọi điện về thăm Ôn. Bất máy lên nghe tiếng con, Ôn vội vàng hỏi: “Diệu Tâm đang ở mô đó, về Sài Gòn rồi hả? Thầy cho người đem xe ra đón hí?”. Ôi, những lời nhiệt tình từ bi vô hạn của Ôn làm sao con diễn tả hết tình thương yêu lân mẫn của Ôn. Nụ cười hiền hòa bao dung, nhưng vẫn khiêm nhu giản dị của Ôn làm sao con quên được. Thầy ơi! Giờ đây, trước di ảnh Ôn, con thành kính đốt nén hương thơm để thâm niệm công hạnh và sự nghiệp độ sanh của Ôn. Công hạnh của Ôn thì vô bờ, tâm hoằng đạo của Ôn thì vô trú, làm sao con có thể níu hạnh nguyện ấy bằng cái nghĩ mong manh của cuộc đời. Do đó, khi ân tình Ôn còn đọng lại trong con như

một bậc mô phạm, là tấm gương sáng cho đàn hậu học noi theo, thì ân tình ấy là bài thơ truy tán công hạnh trang nghiêm nhất mà chúng con kính dâng lên Ôn.

Giờ đây Ôn đã thuận lý vô thường, rời bỏ huyền thân để trở về với cõi giới tịch tịnh. Sự ra đi của Ôn đã để lại một sự trống vắng to lớn, một sự mất mát cùng tột cho chúng con. Song hành trạng, công đức và đạo hạnh của Ôn vẫn còn sống mãi trong tâm tư và ký ức của chúng con. Con quỳ trước di ảnh Ôn mà lòng xót xa quặn thắt, trái tim con đang nhỏ lệ, Thầy ơi! Con cố dặn lòng không được khóc mà sao nước mắt con cứ trào ra! Con không có diễm phúc được đưa nhục thân Thầy về nơi an nghỉ cuối cùng. Giờ đây con xin đốt nén tâm hương, thành khẩn nghiêng mình vọng về danh lễ Giác linh Thầy, xin Thầy chứng giám.

Thành kính dâng lễ Ôn



ĐIỀU VĂN
TƯỜNG NIỆM GIÁC LINH
TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU
- NGUYỄN VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH

Nam-mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam-mô A Di Đà Phật

Kính bạch Giác linh Trưởng lão Hòa thượng thượng Minh hạ Châu,

Hôm nay, các huynh đệ chúng con là cựu sinh viên và nhân viên Đại học Vạn Hạnh, những đứa con tinh thần của Thầy, hội tụ về Thiền viện Vạn Hạnh nhất tâm hướng đến để tưởng niệm Thầy trước giờ vĩnh biệt, mong Giác linh Thầy chứng giám.

Than ôi!

Giữa mùa Vu lan báo hiếu, anh chị em sinh viên Vạn Hạnh chúng con đang tiếp nối bỏ được giáo dục, cấp phát học bổng cho thế hệ kế thừa tại Thiền viện Vạn Hạnh thì được tin như sét đánh ngang tai: Thầy trở bệnh nặng phải đi cấp cứu nhưng do tuổi cao sức yếu, Thầy đã thấu thân viên tịch.

Như duyên lành đã định, giờ phút cuối cùng này, chúng con được diễm phúc quây quần bên Thầy. Dầu đã thấm nhuần câu di giáo của Thiên sư Vạn Hạnh “thần như ánh chớp có rồi không” và lẽ thường “sống gửi thác về”, ấy vậy mà nay chúng con mấy ai cầm được nước mắt!

Mới ngày nào trên giảng đường Đại học Vạn Hạnh, tiếng Thầy vẫn còn vang câu “duy tuệ thị nghiệp” với dáng dấp uy nghi, tự tại, sáng ngời, với nụ cười nhân ái, cao cả.

Thầy đã theo truyền thống Thiên sư Vạn Hạnh, đó là “gặp vận thịnh suy không sợ hãi” và Thầy dạy cụ thể, “không vì sợ hãi mà im lặng, không vì sợ hãi mà lên tiếng, không vì sợ hãi mà hành động”, “giáo dục kêu gọi mỗi người lên đường tiếp tục lên đường, chối bỏ tất cả những nơi nương tựa yếu đuối” và tất cả những học trò của Người vẫn không bao giờ quên được ý chí sắt son, không gì lay chuyển được sự nghiệp giáo dục của Thầy.

Kho tàng dịch phẩm và trước tác vô giá của Thầy ghi rõ: “Tổn thất người thân, tổn thất tài sản, tổn thất danh tiếng, và tổn thất trí tuệ, trong bốn tổn thất ấy, tổn thất trí tuệ mới là khốn cùng của các tổn thất”; “tăng trưởng người thân, tăng trưởng tài sản, tăng trưởng danh tiếng, và tăng trưởng trí tuệ, trong bốn tăng trưởng ấy, tăng trưởng trí tuệ mới là tối thượng trong các tăng trưởng”.

Đó chính là chân nghĩa của “Duy tuệ thị nghiệp” tức lấy trí tuệ làm sự sống, đó là cương lĩnh của Viện Đại học Vạn Hạnh.

Nhớ Thầy xưa,

Đại học Vạn Hạnh với năm phân khoa và một trung tâm ngôn ngữ với trên cả vạn sinh viên, Thầy cùng nhiều cộng sự leo lái Đại học Vạn Hạnh vững bước đi lên, là nơi hình thành ý thức sáng tạo và đào tạo nên những lớp người sống có trách nhiệm với đất nước và hạnh phúc nhân sinh. Với hướng đi đó, Thầy thực sự trở thành nhà giáo dục lỗi lạc, một Tiến sĩ, một Viện trưởng cao cả, là ngọn đuốc trí tuệ soi đường cho tâm hồn chúng con đến chân, thiện, mỹ.

Là những đứa học trò các khoa, các khóa, chúng con nguyện sẽ mãi mãi xứng đáng là học trò của Thầy, chúng con sẽ luôn đứng thẳng và đi tới hài hòa thân tâm, hài hòa thiên nhiên, hài hòa lợi ích xã hội, vật chất và tinh thần.

Nhưng đau đớn quá từ nay âm dương cách trở! Thầy lỗi lạc và cao cả của chúng con đã xuất hiện và đã ra đi vĩnh viễn.

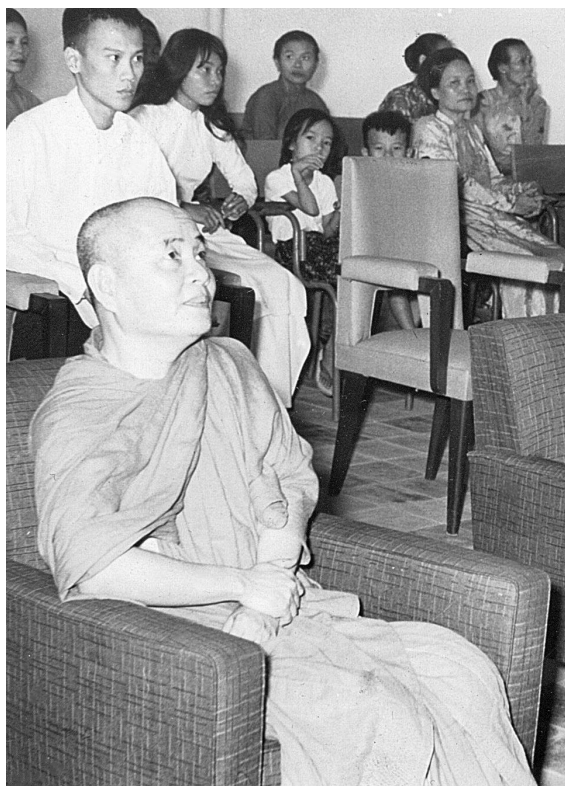
Môn sinh chúng con nay thấp nén hương thơm, khói thẳng về trên tiền Thầy về cõi Phật. Bâng khuâng người mất kẻ còn, nương ngọn nến tàn cầu Giác linh Thầy siêu sinh lạc thổ.

Thầy về với Phật Tổ, chúng con xin Thầy phò hộ!

Xin thành kính bái biệt Giác linh Thầy - Trưởng lão Hòa thượng.

Nam-mô A Di Đà Phật.

*(Do cư sĩ **Phan Ba**, Trưởng ban Liên lạc Cựu sinh viên Đại học Vạn Hạnh,
Ủy viên Ban Tổ chức Tang lễ đọc ngày 08-09-2012 tại lễ tang Hòa thượng)*



ĐIỀU VĂN
TRUY NIỆM GIÁC LINH
TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU
- NGUYÊN VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH

*(Của cựu sinh viên ĐHVH đọc trong lễ tưởng niệm Hòa thượng Viện trưởng
tại chùa Pháp Bảo, Úc châu ngày 16-09-2012)*

Nam-mô Bốn sư Thích ca Mâu ni Phật

Kính thưa Thầy Phương trưởng,

Kính thưa chư tôn giáo phẩm, chư Tăng Ni Phật tử, thưa quý bạn đồng môn,

Kính bạch Giác linh Thầy Viện trưởng Trưởng lão HT.Thích Minh Châu,

Hôm nay đông đảo Tăng Ni Phật tử và cựu sinh viên Đại học Vạn Hạnh cùng tề tựu về chùa Pháp Bảo để truy niệm Thầy, Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu. Riêng cựu sinh viên Đại học Vạn Hạnh chúng con - những đứa con tinh thần của Thầy Viện trưởng xin cúi đầu thành kính đảnh lễ trước Giác linh Thầy, Hòa thượng Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh.

Nhớ xưa Thầy Viện trưởng đã từng vạch ra bản thệ, tức Bản nguyện của Viện Đại học Vạn Hạnh, đó là giải phóng con người ra khỏi tất cả lệ thuộc, tất cả sự nô lệ trong đời sống toàn

diện của từng cá thể. Giải phóng là phương tiện đồng lúc với giải thoát của Phật giáo. Tiến thêm một bước cụ thể hơn, Thầy đã vạch ra kim chỉ nam cho sự nghiệp giáo dục:

Con người giáo dục thực sự không còn là dụng cụ của bất cứ chính thể và chính quyền nào, không bận tâm lo lắng xây dựng một tổ chức hào nhoáng đồ sộ mà bỏ quên thực chất sáng tạo của tư tưởng giải phóng. Giáo dục không còn là phương tiện để thực hiện địa vị quyền thế của con người, giáo dục thực sự không còn bị trói buộc vào những yêu sách đa dạng của xã hội và không còn lệ thuộc vào những bức bách phức tạp của những chính quyền; giáo dục không còn là dụng cụ của chính trị; giáo dục cũng không phải là nghề nghiệp mưu sinh. Con người giáo dục trước tiên phải là con người tự do toàn diện và giữ vai trò chủ động trong việc chuyển hướng văn minh nhân loại; con người giáo dục không phải chỉ là một chuyên viên kỹ thuật trong một phạm vi trí thức nhất định mà phải là kẻ phê phán truyền thống và phê phán những giá trị hiện đại. Phê phán, sáng tạo là thực chất của giáo dục trong việc thể hiện Bản thể trong đời sống toàn diện.

Thầy cũng đã trao truyền cho chúng con tinh thần “Nhậm vận thanh suy vô bố úy” để đạt tới ba lý tưởng của Viện Đại học Vạn Hạnh, đó là Chân lý, Tự do và Nhân tính. Mới ngày nào trên Giảng đường 18, 19, với dáng dấp ung dung tự tại, với nụ cười nhân ái sáng ngời, câu “Duy tuệ thị nghiệp” của Thầy vẫn còn vang vọng trong lòng của 9.000 môn sinh đệ tử, học trò mà giờ đây đã tỏa đi khắp bốn biển năm châu. Chúng con dù ở cương vị nào vẫn thấm nhuần và tiếp tục truyền thừa tinh thần đó. Chúng con sẽ tiếp tục “Tự thắp đuốc lên mà đi”. Dầu biết lẽ vô thường “Thân như điện ảnh hữu hoàn vô”, nhưng chúng con không khỏi bùi ngùi nhớ thương Ôn Viện trưởng thân thương của cựu sinh viên Đại học Vạn Hạnh. Nhớ ngày nào trong khốn khó của đất nước, một đêm cúp điện Thầy đã cầm chiếc nến đứng bên cầu thang soi sáng cho sinh viên chúng con xuống lầu, như trong cuộc sống Thầy đã cầm đuốc soi đường cho chúng con những bước đi vững chắc trong cuộc đời.

Thầy Viện trưởng thân yêu! Thầy Trưởng lão Hòa thượng cao cả! Môn sinh chúng con nay thấp nén tâm hương vĩnh biệt Thầy về Tây phương lạc thổ. Nguyện cầu Giác linh Thầy về với Phật Tổ.

Xin thành kính bái biệt Giác linh Thầy - Trưởng lão Hòa thượng.

TỰ TẠI ĐƯỜNG MÂY

Vĩnh Hảo

Từ thuở hoang sơ đã nguyện làm mây trắng
 Che mát cho đời qua những đêm ngày oi bức điều linh
 Bi mẫn lập ra muôn hạnh
 Sa mạc cháy bỏng ươm thành rừng xanh
 Trí vượt muôn trùng mê chấp
 Trong rừng già tìm cho được lõi cây (*)
 Dũng lực nhà thiên phải đâu lúc nào cũng cang cường, bất khuất
 Có khi phải tui nhục cúi mình cho đàn hậu bối vươn dậy
 Lặng lẽ đêm dài, ôi những đêm dài, ôm những thị phi
 Vẫn rạn vỡ bao dung nụ cười
 Trăm năm cuộc thế có là bao
 Nhưng bút mực, trang kinh thì trải dài cả ngàn năm lịch sử

Bi giả, nhân giả
 Nhân giả, trí giả
 Trí giả, bất động giải thoát viên dung giả.

*Tịch lặng trên chóp đỉnh cao
Đường hẹp trần gian rũ bỏ
Mênh mang trời rộng tiêu dao
Khứ-lai vận hành đã tỏ.*

*Thành kính dâng Ôn,
California, ngày 6-9-2012
(Môn sinh lười nhác thường trốn học giờ giảng kinh của Ôn)*

(*) Xem *Majjhima Nikāya* (Trung Bộ kinh - Thích Minh Châu dịch, tập 29. Đại kinh Thí dụ lõi cây / Mahasaropama-sutta) và tìm đọc bài “Giá trị hạnh phúc qua Đại kinh Ví dụ lõi cây” (viết bởi HT.Thích Minh Châu) để hiểu công hạnh và tâm hạnh một đời của Ngài. Nói theo *Kinh Lăng Già* thì, “Trí bất đắc hữu vô nhi hưng đại bi tâm”.



PHÁP THÂN

Hạnh Phương - Hoàng Kim Bích
(Cựu sinh viên Đại học Vạn Hạnh)

P háp thân hiện y vàng rạng rỡ
Bóng Tỳ-kheo dáng Bụt uy nghi
Nụ cười đẹp hoa sen chớm nở
Ánh mắt nhìn rộng mở từ bi.

Trang diệu sử Bụt xưa ngôn thuyết
Lá bối nằm kho báu ngủ yên
Thầy đánh thức nên câu thơ Việt
Ca dao kinh mưa nhuận ba miền.

Câu kinh Bụt ngọt ngào tiếng mẹ
Thấm lòng con như tiếng hát ru
Chập chững bước vỡ lòng thô thể
Sáng bừng lên trí tuệ diệu thù.

Tám đường chánh, Bốn điều sự thật
Mỗi bước Thầy mỗi bước nở hoa

Câu kinh vọng cam-lô diệu mật
Quyện triều âm chấn động sơn hà.

Hạt giống Bụt từ bi trí tuệ
Thầy đem gieo xuống đất quê nhà
Xưa non nước Lý Trần đẹp thế
Lại chừ đây trăm nụ ngàn hoa.

Con chiêm ngưỡng bóng Thầy dáng Bụt
Áo Tỳ-kheo vàng nhuộm quê ta
Sư tử hống triều âm rộn giục
Trần gian vui biển suối reo ca.

Tuổi ứng thân trùng điệp vàng hoa
Từ vô thủy... chẳng vô chung, hạn cuộc.
Giữa gió bụi cõi trần ngũ trước
Pháp thân rờng ánh ánh kim ba.

Khi Thầy đến, bạc chân sư vô nhiễm
Nay Thầy về Lạc quốc đơm hoa.
Cả một đời Tỳ-kheo thánh thiện
Ngọc minh châu lưu ảnh hiện trùng ba.



PHẦN IV



VỚI GIA ĐÌNH PHẬT TỬ
VIỆT NAM



VÌ SAO GIA ĐÌNH PHẬT TỬ RA ĐỜI

Thích Minh Châu - 1952

Trong bối cảnh hiện tại khi có nhiều người nhìn Gia đình Phật tử chúng ta như là một tổ chức già nua lạc hậu và đang loay hoay tìm một hình thức khác nhằm thay thế Gia đình Phật tử, chúng tôi nói loay hoay vì cho đến bây giờ vẫn chưa có được một giải pháp nào gọi là khả thi trong việc giáo dục thanh thiếu niên nhi đồng Phật tử theo đúng Chánh pháp, có chương trình, có phương pháp và có tính sư phạm phù hợp với từng đối tượng đoàn viên như GDPT Việt Nam. Nhằm để làm sáng tỏ thêm về một tổ chức giáo dục đặc thù của Phật giáo Việt Nam đã tồn tại trên 60 năm qua (chưa kể quá trình hình thành sơ khởi), chúng tôi xin giới thiệu bài viết sau đây của cố Hòa thượng Thích Minh Châu, bài này được viết năm 1952 nghĩa là cho đến thời điểm này thì đã trên 60 năm nhưng ý nghĩa và nội dung của nó vẫn còn nguyên giá trị cho những ai muốn hiểu biết về Gia đình Phật tử.

Gia đình Phật tử ra đời với mục đích giáo dục thanh thiếu nhi theo tinh thần đạo Phật, vì những nguyên nhân chính sau đây:

1. Một số lớn các em nhờ sự may mắn, sống trong một hoàn cảnh vật chất quá đầy đủ, do vậy không chịu lo học, lo tập sống tự lập, chỉ biết sống ỷ lại vui chơi; Gia đình Phật tử sẽ cố gắng làm một trường luyện tập các em biết sống đoàn thể, biết tự lập, biết tháo vát

để sau này gặp những hoàn cảnh khó khăn, các em có thể biết ứng dụng, sống ích lợi cho mình, cho mọi người.

2. Cuộc chiến tranh đã qua và hiện tại đã làm một số em mồ côi cha mẹ lưu lạc gia đình, sống cô quạnh, không lý tưởng. Gia đình Phật tử ra đời, thể theo lòng từ bi của chư Phật, nguyện tiếp đón các em, sống trong Đại Gia đình Phật tử, mong đem những gì vui tươi, trong sạch của tuổi trẻ cho các em.

3. Gia đình Phật tử lại có cao vọng giới thiệu một phương pháp giáo dục đặc biệt dựa trên giáo pháp Phật dạy, và một đời sống lý tưởng đúng với tinh thần đạo Phật.

Phương pháp giáo dục và lý tưởng trên có những đặc điểm sau đây:

Từ Bi, Tôn trọng sự sống

Gia đình Phật tử thể theo lòng từ bi của đạo Phật, chỉ biết tuyên dương một đời sống hòa đồng, tương trợ, tương ái, không phân biệt tôn giáo, đảng phái, chủng tộc, chỉ biết tôn trọng đời sống của mọi loài và mặc tẩn sự tàn sát. Gia đình Phật tử dạy cho các em rằng sống phải thương yêu giúp đỡ nhau, sống là phải tôn trọng sự sống của muôn loài. Chỉ có sống thương kính nhau mới là sống chơn chánh, mới đáng là một người Phật tử.

Sáng suốt, tôn trọng sự thật

Gia đình Phật tử thể theo hạnh Trí tuệ của chư Phật, chỉ biết tôn trọng sự thật, tôn trọng lý trí, soi sáng mọi người. Gia đình Phật tử dạy các em biết tôn trọng lẽ phải, tìm hiểu sự thật, phát chiếu lý trí. Gia đình Phật tử dạy các em học Phật pháp tức là học để tìm hiểu sự thật. Gia đình Phật tử nêu rõ rằng: Ngu dốt là một tội nặng đối với mình, đối với mọi người, mê mờ là chưa biết sống, vì rằng người mê mờ ngu dốt sẽ sống để tàn hại nhau. Gia đình Phật tử không bao giờ khuyên công kích và mạt sát một tôn giáo hoặc một chủ nghĩa nào, vì trong sự mạt sát và công kích đã có nghĩa là mê mờ, ngu dốt rồi. Gia đình Phật tử cố gắng phát động một phong trào văn nghệ mới xây dựng trên tinh thần Bi, Trí, Dũng của Gia đình Phật tử, của đạo Phật.

Trong sạch, An tịnh

Thể theo mục đích đạo Phật giải thoát mọi loài khỏi sự ràng buộc vật chất, Gia đình Phật tử chỉ tán thán một đời sống an tịnh giải thoát, ngoài sự chi phối của vật dục. Người Phật tử phải là người tập giữ thân thể, lời nói và ý niệm trong sạch, ăn mặc giản dị, biết đủ, vì con người có sống trong sạch, giản dị, kham khổ mới sống sáng suốt và mới làm chủ được vật dục. Gia đình Phật tử còn chú trọng giới thiệu sự hệ trọng của những phút an tịnh, lắng đứng các vọng

niệm lắng xăng, không rong ruổi ngoài cảnh. Chính những phút an tịnh làm tăng trưởng định lực con người, giúp người tự tại đối với hoàn cảnh và phát chiếu trí tuệ. Cho nên các buổi họp, các buổi trại đều có thể dành những phút tịnh niệm và trong sự tu tập hằng ngày của Huynh trưởng và nam nữ Phật tử, có giới thiệu những pháp môn quán tưởng, số tức niệm Phật để giúp đối trị loạn tưởng, chuyên tâm nhứt cảnh, tăng trưởng định lực con người.

Hỷ Xả

Người Phật tử không nên đem một bộ mặt đau thương để làm hoen ố thêm cuộc đời vốn đã đau khổ. Cho nên Gia đình Phật tử chú trọng hạnh hoan hỷ, hạnh của những người biết sống vui vẻ, dẫu gặp những chướng ngại chông gai. Gia đình Phật tử lại còn khuyến khích hạnh phóng xả, nghĩa là hạnh của những người biết quên mình hy sinh cho mọi loài, biết trừ diệt mọi sự oán thù tật đố, sống hòa thuận vui vẻ.

Gia đình Phật tử chỉ là một cơ quan giáo dục ứng dụng những phương tiện trong sạch chơn chánh

Gia đình Phật tử không phải là một cơ quan chuyên lo tuyên truyền đạo Phật để lôi cuốn tín đồ Phật tử. Gia đình Phật tử chỉ là một tổ chức giáo dục thanh thiếu nhi, dựa trên nền tảng tinh thần đạo Phật, tạo cho thanh thiếu nhi một đời sống chơn chánh lợi ích cho mình, cho mọi người. Cho nên Gia đình Phật tử chỉ áp dụng những phương tiện trong sạch chơn chánh để thực hiện mục đích của mình. Gia đình Phật tử không lôi cuốn thanh thiếu nhi cho đông để làm vây cánh đối lập với các đoàn thể khác; Gia đình Phật tử không dựa vào áp lực chính trị, không dựa vào sức mạnh khủng bố để mở rộng thế lực. Gia đình Phật tử không dùng những danh lợi vật chất, những cách tuyên truyền nhồi sọ để dụ dỗ mê hoặc thanh thiếu nhi. Gia đình Phật tử chỉ biết giới thiệu một cách vô tư một lối sống chân chánh hợp với lẽ phải, thuận với tuổi trẻ, đúng với tinh thần Bi, Trí, Dũng. Thanh thiếu nhi vào Gia đình Phật tử chỉ vì thấy đời sống của Gia đình Phật tử hợp với chí hướng của mình, có lợi cho chính mình, nên vui lòng sung sướng và vinh hạnh được làm một Phật tử trong đại Gia đình Phật tử.

Gia đình Phật tử ra đời, giới thiệu cho thanh niên một lý tưởng

Trong lúc đào tạo một thế hệ mới, biết sống đúng với nghĩa căn bản của con người, Gia đình Phật tử giúp các huynh trưởng hiểu các em mình, thương các em, biết hy sinh cho các em. Gia đình Phật tử là sợi dây liên lạc thật chặt tình anh em giữa thanh niên Việt Nam và thanh niên các nước, giữa thanh niên với thiếu nhi, giúp cho tuổi trẻ hiểu rằng phải biết sống trong tinh thần hữu, nâng đỡ dìu dắt hy sinh cho nhau.

PHỤNG BÁI

*Đàn em Gia đình Phật tử Việt Nam***N***gưỡng bái bạch Giác linh Ôn!*

Tin Ôn viên tịch, đối với chúng con, rõ là Đám hoa đã rụng, ánh phúc tinh lịm tắt trên bầu trời thái không!

Nhớ lời xưa Ôn dạy trần gian là huyền mộng, nhưng phải trân trọng cuộc đời từng hơi thở, từng bước chân, từng phút giây. Thấy rõ đấng chân thường qua dòng đời sinh diệt mới ngộ ra rằng “Tịch diệt là vui”.

Cây có cội, nước có nguồn, chim có tổ, người có tông, đạo mạch cũng có chỗ xuất sanh. Khéo khơi nguồn, khéo dẫn độ, thì trần gian dù ế ố cũng về được nguồn tịnh độ an vui.

Một chân nhập triền, thấy cuộc đời vạn biến, khởi chí xuất trần thượng sĩ, vượt qua bờ tục lụy, khẳng định mình trong một kiếp nhân sinh.

Một chân vào đạo, nhà Như Lai là tâm đại từ bi, áo Như Lai màu nhu hòa nhẫn nhục và nhà Như Lai là lập trường vạn pháp đều không. Phiêu bồng nâng bước chân trần, khứ lai tự tại ra ngoài tử sanh.

Bao nhiêu năm theo thầy học đạo, cuộc đời hư ảo như bức tường vôi, có có không không mà khai mầm đạo ý từ lứa tuổi thanh thiếu đồng nhi, từ Đồng ấu đến Gia đình Phật hóa phổ,

Thanh niên Phật học Đức dục, Hướng đạo Phật tử... và đến Gia đình Phật tử Việt Nam. Trong quốc nạn, trong pháp nạn, trong tổ chức nạn đã làm chắc đôi chân, làm vững đôi tay, nhìn xa thấy rộng xây dựng cộng đồng Phật tử Lam Viên trên mọi miền thế giới. Chúng con biết phải mở rộng tâm từ và luôn luôn thấu hiểu đạo lý nhân quả duyên sanh, trên không trách trời, dưới không trách người, thiết tha với sứ mạng giáo dục vô cầu.

Dĩ thân tác chúng, Ngài gánh vác sứ mạng giáo dục đào tạo Tăng Ni nhị bộ. Dĩ thân tác chúng, Ngài hướng dẫn hệ thống GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG từ mầm non đến đại học. Để giữ gìn nguồn cội, cương duy đạo thống, Thầy xuất dương du học hơn mười năm nơi đất Phật, học viện Nalanda, đem hết tâm can chí nguyện dịch thuật chuyển ngữ Tạng kinh Nguyên thủy sang Việt văn, cũng không quên so sánh đối chiếu với Hán tạng làm móng nền tiếp dẫn hậu lai.

Trụ thế gần tròn thế kỷ, lạp tuế cũng đã ngoài bảy mươi, việc đáng làm Ngài đã làm, việc đáng nói Ngài đã nói, còn việc gì miền mật bất khả thi nào cần đầu phải nói ra! Thị phi bất khả nại hà? Ba lãng bất năng một, vô úy năng trì bước qua.

Giờ đây Thiên viện đầy ắp hoa lạ quý biểu trưng toàn khắp cho cả ba miền. Bên trong trăm hương ngào ngạt Giác linh đường, và còn cao hơn thế nữa là Giới Định Tuệ hương, Giải thoát, Giải thoát trí khôn lường, ngào ngạt khắp muôn phương, pháp lữ đệ tử Ngài cúng dường.

Chúng con đội ơn Ôn bài học “Đến đi trong vòng tục lụy, thơm mùi phát túc siêu phương, Thầy tu vô nhất vật, thanh bản ngát hương”. Và sau cùng chắc chắn Thầy sẽ thích và ngồi bật dậy vỗ thủ xích khi nghe chúng em ca rằng:

*“Anh Nam ơi!
 Chúng em theo Thiện Tài đồng tử
 Về phương Nam theo thầy theo bạn,
 Quyết một lòng không thay ngựa, không thay xe
 Anh Nam ơi!
 Đền trí tuệ làm sao mà tắt?
 Nước Cam lộ thị độ làm sao với?
 Tình Lam đẹp lắm anh ơi!
 Tuy là HUYỀN MỘNG
 Nhưng chặt trời THÁI KHÔNG!”*

Thay lời bài biệt:

“GANG THÉP TA CHIA TAY ĐỪNG BUỒN”.

TƯỜNG NIỆM CỦA PHÂN BAN GIA ĐÌNH PHẬT TỬ GHPGVN

*Đệ tử Thiện Điều Nguyễn Thăng Nhu
(Trưởng Phân ban GDPT T.Ư GHPGVN)*

Kính bạch Giác linh cố Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu tôn kính!

Trong giờ phút này, đối trước kim quan của cố Đại lão, toàn thể chúng con, từ Phân ban GDPT Trung ương đến các Phân ban GDPT các Tỉnh, Thành hội trên cả nước, đang tràn ngập một niềm kính tiếc sâu xa và vô cùng buồn ngủi xúc động.

Kính bạch Giác linh Hòa thượng,

Thành kính đánh lễ xin Hòa thượng cho phép chúng con được nói lên lòng tri ân vô hạn công lao to lớn của Hòa thượng cả cuộc đời hết mình xây dựng nền giáo dục Phật giáo nước nhà. Sự nghiệp của Hòa thượng thật ngời sáng và lớn lao, mãi mãi trường tồn với tiền đồ Phật giáo Việt Nam.

Từ những năm đầu của thập kỷ 60 thế kỷ XX, Hòa thượng đã gây dựng Trường Đại học Vạn Hạnh tại thành phố Sài Gòn trước đây, nay là TP.Hồ Chí Minh và đã đào tạo hàng chục ngàn sinh viên cho đất nước. Sau khi Tổ quốc Việt Nam thống nhất, GHPGVN được

thành lập, Hòa thượng lại tiếp tục thiết lập Trường Cao cấp Phật học, rồi đổi thành Học viện Phật giáo tại Hà Nội và TP.Hồ Chí Minh. Mấy thập kỷ qua, Hòa thượng đã đào tạo biết bao thế hệ Tăng, Ni trong đó có nhiều Tăng, Ni sinh du học nước ngoài để phụng sự cho Phật giáo nước nhà.

Hòa thượng không chỉ là nhà giáo dục Phật giáo lớn mà còn là nhà văn hóa, nhà dịch thuật như Hòa thượng đã dịch Bộ Đại tạng kinh từ Pāli sang tiếng Việt. Ngoài ra, Hòa thượng còn biên soạn và trước tác nhiều tác phẩm có giá trị góp phần làm cho nền văn học Phật giáo ngày càng thêm phong phú. Hàng Phật tử chúng con xin dâng lên lòng thành ngưỡng mộ Hòa thượng như một ngôi sao Khuê văn hóa rạng rỡ của Phật giáo Việt Nam.

Kính bạch Giác linh Hòa thượng,

Kể từ năm 1946, sau khi Hòa thượng xin xuất gia thọ giới được Ôn Tường Vân ban cho Pháp hiệu Minh Châu, Hòa thượng là Cố vấn Giáo hạnh nhiệt tình và rất năng nổ đối với GDPT chúng con.

Vào tháng Giêng 1950, thời đó Hòa thượng đang là một Chú Minh Châu trẻ trung, tràn đầy nhiệt huyết, đã biên soạn tiết học ý nghĩa Huy hiệu Hoa Sen Trắng. Bài học nhập môn về ý nghĩa Huy hiệu Hoa Sen Trắng này đã song hành với GDPT chúng con gần 70 năm nay. Trọng đại hơn, vào kỳ Đại hội đổi danh xưng GDPT Việt Nam tổ chức tại Tổ đình Từ Đàm Huế vào hạ tuần tháng Tư năm 1951, Hòa thượng đã biên soạn ba điều luật ngành Oanh và năm điều luật Thanh, Thiếu vào Nội quy GDPT Việt Nam.

Đây là gia tài tinh thần quý giá và thiêng liêng mà Hòa thượng để lại cho GDPT Việt Nam. Mỗi một huynh trưởng cũng như đoàn sinh GDPT chúng con đều khắc sâu vào tâm trí, lấy những điều luật này làm kim chỉ nam tinh tấn tu học, để hành trì Chánh pháp và làm lẽ sống cho cuộc đời.

Kính bạch Giác linh Hòa thượng,

Đối trước kim quan của Hòa thượng, chúng con nguyện tinh tấn tu học, nguyện dũng tiến trên đường đạo, nguyện xứng đáng với tình thương lân mẫn của Hòa thượng. Kính ngưỡng Hòa thượng thù từ chứng giám lòng thành kính sâu xa của chúng con. Trong khoảnh khắc xúc động này, chúng con xin thành kính dâng lễ tri ân sâu xa.

Thay mặt toàn thể Huynh trưởng và Đoàn sinh GDPTVN

ĐIỀU VĂN TƯỞNG NIỆM
CỔ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU
THÀNH VIÊN SÁNG LẬP GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM

*Toàn thể Huynh trưởng, Đoàn sinh GDPT tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
Huynh trưởng **Tâm Hoài** chấp bút*

Chí tâm dâng lễ:

Nam-mô Phật giáo Việt Nam Giác linh Đại lão Hòa thượng Ân sư, Thành viên sáng lập Gia đình Phật tử Việt Nam, Ma-ha Sa-môn Tỳ-kheo Bồ-tát giới Pháp danh thượng Tâm hạ Trí, hiệu Viên Dung, tự Minh Châu, thế danh Đình Văn Nam, tác đại chứng minh.

Chúng con, toàn thể Huynh trưởng, Đoàn sinh Gia đình Phật tử tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu,

*Trước linh đài phủ phục dâng lên
Dưới chiếu cỏ cúi đầu lạy xuống
Lời cảm niệm bậc Thiên sư long tượng
Vị Thầy đại trí chốn phương trượng thiên gia*

Đấng Ân sư sáng lập vườn nhà
Cho đoàn Lam giữa Ta-bà hiện hữu.

Kính bạch Giác linh Thầy,

Hiệp kỳ hôm nay chúng con xin dâng lời vụng dại
Đốt nén tâm hương
Đề đầu kính lạy
Cúi xin Thầy hiển linh chứng giám.

Chúng con kính nghe rằng:

Phật pháp nhiệm mầu, pháp giới chúng sanh đồng kính ngưỡng
Pháp vương vô thượng, mười phương phàm thánh thầy quy y
Pháp thân chơn như, sống chết chẳng là gì
Pháp tánh thường trụ, có đâu sinh, diệt?
Bởi thế nên Thầy hiện thân bậc đạo sư minh triết
Phương tiện Ta-bà giáo hóa độ sanh
Hiện sanh thân – mà chúng Pháp thân
Duyên tục đế – thành thang vẽ Chân đế.

Nhớ linh xưa:

Vọng tộc Nho gia dòng khoa cử
Cần mẫn sách đèn trí tuệ sớm hanh thông
Rũ áo từ quan, rời bỏ Tòa Khâm
Về dân dã một lòng theo học Phật
Cùng bác Tâm Minh quyết tâm sáng lập
Đoàn Thanh niên Phật học Đức dục
Với đồng sự áo lam tô bồi công đức
Xây dựng đài sen trắng ngát hương
Trong phong trào “Chấn hưng Phật giáo”
Tiền phong giáo dưỡng đoàn thanh niên học Phật
Miệt mài làm Phật sự bao năm
Chánh Thư ký Hội Phật học An Nam

Vì đạo hy sinh rút ruột tơ tằm
 Cho đến lúc hình thành Gia đình Phật tử
 Báo Viên Âm một thời hương lam tỏa
 Đạo từ bi thấm đượm xứ kinh kỳ
 Đồng biên soạn những trang giáo án đầu tiên cho tổ chức
 “Phật pháp Bốn cấp” – sách gối đầu Huỳnh trường
 Viên gạch nền cho lý tưởng vươn lên
 Mấy chục năm sau trong lòng bao thế hệ Lam Viên
 Thân thương lắm! Ngôn từ “chú Châu” ngày đó
 Anh em, thầy trò dưới mái chùa gần bó
 Chia ngọt, sẻ bùi, kiến giải đồng phân
 Che chở đoàn Lam dưới vạt áo nâu sồng
 Cây Tắt-bát vẫn gieo mầm trí tuệ.

Nhớ linh xưa:

Già từ Tổ đình vân du học đạo
 Xứ Phật một lòng theo dấu Như Lai
 Sanskrit; Pāli; Anh; Hán; Phạn ... miệt mài
 Bao nội điển tiếp thu truyền hậu thế
 Ngoại điển thanh minh danh vang bốn bể
 Tiếp tục truyền thừa hậu duệ ngàn sau
 Về quê hương khai trường đại học Phật giáo khởi đầu
 Viện Vạn Hạnh đào tạo Tăng tài đất nước
 Bao thế hệ thiền môn tiên phong trí thức
 Hiểu đạo, dựng đời, yêu xứ sở quê hương
 Giữa biển sóng ba đào, thế gian ma cường pháp nhược
 Thấy an nhiên tự tại
 Kiên trì hóa độ hoàng dương
 Thế sự thịnh suy biến đổi vô thường
 Bậc đại trí vẫn tùy duyên bất biến
 Tâm bất động giữa muôn ngàn biến động
 Tùy duyên hiện tướng, phương tiện vô cùng
 Khai tràng thuyết pháp, phiên dịch tạng kinh
 Bình đẳng giáo hóa độ quần sanh - phát tung tà áo rộng

Thênh thang vào địa ngục - như du hóa thiên đường
 Chín năm ngọt bùi thế sự, tạm trú Ta-bà
 Sáu bốn mùa hạ lập, sáng tỏa thiên gia
 Hạt **Minh Châu** ngời ngời, trí Văn Thù khơi tỏ
 Hạnh nguyện Phổ Hiền quốc độ nhiếp **Viên Dung**
 Bạc Chúng Trung Tôn đại nguyện đã đắc thành
 Bao vinh nhục, thăng trầm, danh vị, huân chương...
 Vào chân đế chỉ là tướng ảo hóa!
 Gặp thời thế, thế thời phải thế!
 Rồi một sớm đầu thu, đất trời bi lệ
 Vĩnh biệt Đạo sư!
 Trăng Lãng-già xế bóng
 Rừng Ta-la thiếu bóng cội tùng già
 Đệ tử chúng con bàng hoàng thương tiếc
 Khi nghe Thầy thấu thân tịch diệt
 Mệnh mỏng bề học, bát ngát Diêm-phù
 Thuyền từ tách bến mịt mù khói sương
 Tùng lâm hoàng hạc đã lên đường
 Bạc thạc đức an nhàn về cõi Phật.

Than ôi!

Sông Hằng Hà ngậm ngùi sóng vỗ
 Núi Trường Sơn nhỏ lệ dưới mưa thu
 Phật tử mười phương chịu tang ngài Viện chủ
 Lam Viên phương này đau đớn khóc Ân sư
 Văn biết rằng thế gian vô thường sanh tử - tử sanh
 Chín mươi lăm năm trụ thế, nguyện viên thành
 Thầy trở lại cõi tịch quang thường tịnh
 Theo chân Phật, Thầy lên đài thượng phẩm
 Sao lòng chúng con thương tiếc mãi Thầy ơi!
 Tiếng "Chú" ngày xưa vọng lại nổi ngậm ngùi
 Trong tâm khảm đàn con Thầy giáo dưỡng
 Tôn sư khuất núi từ đây...
 Đường còn mê lộ bóng Thầy phương nao!

Hôm nay đây trong nỗi nghẹn ngào
Đốt hương khẩn nguyện tiễn chào Từ tôn
Sen trắng Thầy uơm vãn mọc giữa lửa hồng
Lời phát nguyện ngàn sau còn vang vọng
“Dù bao nhiêu gian khổ
“Dù gặp nhiều nguy khó
“Lý tưởng chúng con vẫn tôn thờ”.

Dưới linh đài tưởng niệm đấng Ân sư
Đốt nén tâm hương
Đề đầu lạy tiễn
Cúi xin Thầy ai lân chứng giám.

Đề đầu cần bái!



ÁNH SÁNG VIÊN MINH CHÂU

Nguyễn Tịnh

Chiều rằm mùa Vu lan Nhâm Thìn, hai tiếng sấm lớn đã làm chấn động chốn cố đô, quả địa cầu như rung chuyển. Từ thời cha sinh mẹ đẻ, có người đã năm mươi tuổi, chưa ai nghe hai tiếng sấm và tia sét khủng khiếp như vậy. Cái ngày Tắt-đạt-đa ra đời, cái ngày Sa-môn Cổ-đàm chứng đạo, cái ngày Đức Phật vận chuyển bánh xe Chánh pháp nhiệm mầu, cái ngày Thế Tôn nhập Niết-bàn, phải chăng, đại địa cũng chấn động như vậy?

Sáng ngày 16, toàn thể Phật tử chốn sông Hương bàng hoàng khi nghe tin Hòa thượng Minh Châu viên tịch. Sự chấn động hôm trước của đất trời giờ đây đã thành sự chấn động của tâm hồn người con Phật. Có cái gì đó cảm thương, quý kính, buồn đau, lo lắng, trống rỗng trong lòng hàng hậu học. Một vị cha già trí đức giới hạnh ra đi bỏ lại đàn con thơ trên chiếc thuyền lênh đênh qua ngàn trùng sinh diệt. Biết rằng chiếc thuyền cũng phải lên đường, nhưng thiếu sự chèo chống thuận thực của cha mình, chiếc thuyền ắt hẳn sẽ bấp bênh biết bao!

Tôi muốn im lặng thản nhiên mà nghĩ về Người! Đốt trầm, đốt nến lên mà ngưỡng vọng về Người. Không cần phải nói năng chi. Cõi không tịch đâu cần phải nghe thêm gì. Thế mà giờ đây tôi vẫn muốn nói, phải chăng đó là nhu yếu của loài người, loài người đang thấy lòng mất mát.

Tôi ít quan tâm tới chức vụ của từng người trong quá khứ cũng như trong hiện tại, cũng vì

lý do ấy mà tôi chỉ biết anh Đinh Văn Nam ngày xưa là một Huynh trưởng trong Gia đình Phật tử, sinh hoạt và hướng dẫn thế hệ trẻ rất hết lòng, với một đức khiêm cung hiếm có. Ánh sáng viên minh châu nơi anh Nam, tôi đã tìm thấy ở chùa Kim Sơn.

Năm 1943, Kim Sơn được dùng làm nơi tổ chức trại huấn luyện cho các em Phật tử. Anh Nam làm trại trưởng, lo sắp xếp tất cả mọi chuyện, từ học tập, sinh hoạt đến ăn uống. Cái thời nghèo khó cả dân tộc, đâu dễ dàng để tổ chức một sự kiện gì.

Buổi sáng, toàn trại được mỗi người một tô cháo trắng, sáng nào xa xỉ lắm thì có thêm ít đậu xanh. Buổi trưa được ăn cơm đạm bạc. Chiều không ăn. Anh chị em Phật tử đùm bọc thương yêu nhau trong túng thiếu. Đó cũng là lý do để mọi người thấy mình rất giàu có.

Một sáng, anh Nam về Từ Đàm có công chuyện, khi lên chở trên chiếc xe đạp cà tàng một người bạn để giúp một tay tổ chức trại. Người bạn chưa ăn sáng, anh Nam nhờ chị Chương bưng lên tô cháo của mình mời bạn. Anh bảo anh đã ăn sáng rồi. Người nào phân đó, làm gì có phần dư mà để lại phòng có ai lên đột ngột.

Đến gần trưa thì anh Nam đói bủn rủn vì đã nhịn từ trưa qua đến giờ trong khi phải lo bao nhiêu là việc. Anh đi xuống bếp gọi, “Chị Chương ơi, chị coi có cục đường đen nào không? Cho tui một miếng, tui đói quá”. Chị Chương là người được nhờ lên nấu ăn giúp, năm đó khoảng 16 hay 17 tuổi. Chị lật đật mở gói lá chuối lấy ra bốn miếng đường để trên đĩa, mỗi miếng nhỏ bằng lòng tay, tay kia bưng thêm tô nước trong: “Anh ăn đờ đi, có nước chè nhưng em không pha, đói bụng anh uống nước chè sẽ say”. Mừng quá, anh Nam đưa miếng đường lên miệng. Tiếng các em đang tập hát ngoài sân chùa vọng vào như một bản sơn ca, đẹp và trong như bình minh, như mùa xuân, như tuổi trẻ. Định cắn miếng đường ngọt lịm ấy, bỗng anh dừng lại: “Thôi chị Chương ơi, chị cắt đi! Tui là anh trưởng mà bây giờ lại ăn không đúng bữa, lại ăn đường của trại, thì làm sao tui hướng dẫn các em được? Trưa tui ăn cơm cũng được. Chị đưa tô nước tui uống được rồi; chị cắt đường đi”. Cô gái chưa tròn hai mươi ấy chứng kiến tất cả câu chuyện, chị quay mặt đi mà nước mắt cứ lăn dài trên má, chị thương sao một vị anh trưởng khiêm tốn đức độ thực lòng như vậy.

Chị Chương ngày nào giờ đã là một bà lão tuổi quá 80, vậy mà bây giờ mỗi lần kể lại, bà vẫn không cầm được nước mắt. Tôi nghe bà kể câu chuyện ấy cho riêng tôi chỉ ít cũng cả chục lần rồi. Lần nào bà cũng khóc. Lần nào tôi cũng rưng rưng. Sau mỗi lần kể chuyện, mẹ Chuông (tôi thường gọi chị Chương ngày nào với cái cách thân thương ấy) bao giờ cũng nói thêm: “Sau này chùa xây dựng, vật liệu phải vận chuyển từ dưới sông Lựu Bảo lên, và quý Thầy cùng Phật tử, ai cũng phải bưng từng viên gạch, gánh từng gánh cát gánh nước

lên để dựng chùa. Vì thế mà giờ đây, từng hạt sỏi từng nằm đất trên chùa con đều quý như xương thịt của chính con”. Mẹ lại để nước mắt rơi. Mẹ Chuông, mẹ Hương... đều đã lớn tuổi, và họ sống với những hạnh phúc ấy thật.

Ít năm sau, anh Nam phát tâm xuất gia, sau này trở thành thầy Minh Châu, một bậc đã đem toàn bộ cuộc đời mình hiến dâng cho Chánh pháp, đem nhiệt huyết trong lòng cùng những người bạn tu dịch thuật kinh điển và viết sách, đem sự thật đến với cuộc đời. Ánh sáng viên minh châu đã tỏa chiếu rất xa. Cuộc đời anh Nam khi thành thầy Minh Châu đã rất nhiều người biết đến rồi.

Có một anh Nam là đã có thầy Minh Châu. Những gì anh Nam đã làm là những gì thầy Minh Châu đã tiếp nối. Thầy Minh Châu được sinh ra nơi chí hướng và đức sống của anh Nam. Với giáo lý tương tức, chúng ta sẽ thấy điều ấy rất thật. Và thầy Minh Châu sẽ có mặt trong con cháu dòng họ tâm linh của Thầy. Con cháu trong dòng họ tổ tiên tâm linh đang tiếp tục đời sống của Thầy.

Ngồi đây giữa núi đồi Kim Sơn, tôi lại thông thả chiêm ngưỡng một lần nữa ánh sáng viên minh châu ấy. Đây cũng chính là những lời bái nguyện mà hàng hậu học chúng con muốn dâng lên vị Thầy khả kính, là nén tâm hương chúng con kính cúng dường Thầy. Nụ cười hiền, ánh mắt bao la, tình thương và tuệ giác lớn của Thầy đang có mặt trên cuộc đời này. Thầy đã thành ánh sáng của núi sông.

HỒI ỨC VỀ NGƯỜI

Hậu học Như Phương

Mới đó mà đã hơn bốn mươi bảy năm. Hồi đó Viện Đại học Vạn Hạnh như một kỳ quan trong mắt con. Thỉnh thoảng con đến Vạn Hạnh không phải là để học. Con đến để thăm Sư bà Diệu Không. Thường thì quá đường sáng xong con đến Vạn Hạnh. Lần nào cũng thế con gặp Hòa thượng nơi vị trí gần cổng trường. Dáng Người nghiêm cẩn, thanh thoát, tươi vui. Từ xa con đã chuẩn bị để chào Người, vậy mà lúc nào con cũng bị chào sau.

Với đôi tay búp sen và nụ cười tươi như Đức Phật Di Lặc của Người, con thấy buổi sáng thật đẹp và thấy mình thật diễm phúc! Như một sự bù lỗ vì sanh vào thời không có Phật, hình ảnh này luôn hiển hiện trong tâm con mỗi khi con nghĩ đến Hòa thượng.

Y vàng giải thoát trong rừng cao su Mai Thanh

Sáng tinh sương hôm ấy, các đơn vị trại còn lặng yên trong rừng cao su Mai Thanh. Dáng Người như bóng Phật, khoan thai thiên hành. Màu xanh của lá cây rừng, màu vàng của y giải thoát. Đặc biệt, chiếc y trên thân Người sao mà kỳ diệu quá, không thể lẫn lộn với ai được. Nhìn Người, con luôn nghĩ đến Sa-môn hạnh, thật đẹp và cao quý làm sao! Đó là hình ảnh nổi trội giữa trại hè của các trường Bồ Đề miền Nam từ Quảng Trị đến Cà Mau năm 1972. Lúc đó Hòa thượng là Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo dục và là Trưởng ban Tổ chức trại hè nơi rừng cao su Mai Thanh. Con có mặt vì

hỏi đó con là cô giáo của trường Bồ Đề Hạnh Đức.

Thật lạ, thân Người không lớn mà sao con có cảm tưởng như bóng Người trùm hết thầy chúng con mấy vạn người. Với trí tuệ và phong cách nhu thuận của bậc trí giả, Người đã đem lại cho trại hè một chốn bình yên, tươi vui, phúc lạc.

Người vẫn thông dong

Sau ngày thống nhất đất nước, việc đạo việc đời còn lắm nhiều khê. Những tin không vui làm lòng người héo lại. Con lại đến Vạn Hạnh nhưng không phải Vạn Hạnh ở Trường Minh Giảng mà Vạn Hạnh ở Võ Di Nguy (bây giờ là Nguyễn Kiệm), Phú Nhuận. Quý trước Người, con rụt rè hỏi: “Bạch Thượng tọa, lúc này có nhiều việc, Thượng tọa có vất vả lắm không?”. Hòa thượng với nụ cười hoan hỷ cố hữu nhìn con trả lời: “Cảm ơn cô đã quan tâm. Có việc, nhưng không nhiều. Tôi không sao đâu!”. Nghe Hòa thượng nói và nhìn phong cách khoan thai, vững chãi của Người, bao nỗi lo về Người trong con tan thành mây khói. Con đứng lên chấp tay cảm tạ và chào Người ra về mà lòng chan chứa niềm vui. Vui vì Người vẫn là Đức Phật Di Lặc trong con, dấu biển đời mệnh mông sáng gió.

*Di Lặc vẫn cười tươi vạn kỷ
Biển đời cho dấu sóng mệnh mang.*

(Trích trong “*Nụ cười Di Lặc*” của Đàm Liên)

Người là biểu tượng thế gian đấng

Một lần khác, cũng vào buổi sáng sớm, sau thời công phu khuya, không khí tĩnh lặng bao trùm ngôi chùa Vô Ưu. Con ra ngôi trước hiên chùa, nhìn ra Quan Âm cảnh. Lúc đó, hoa sen trong ao đang nở, trên bờ hoa cỏ bao quanh. Bỗng đứng lòng con tràn đầy an lạc. Lòng chan chứa tâm niệm tri ân, con chợt nghĩ về Người. Đối với con, Người là biểu tượng đẹp nhất, thích hợp nhất để con nói lời tri ân. Người là biểu tượng của Tăng bảo, của thiện tri thức. Con đã đến Thiên viện Vạn Hạnh gặp Người để tôn kính, đánh lễ, cúng dường.

Chiếc xe đã cũ

Lần cuối cùng con được nhìn thấy Người trong buổi lễ cấp phát văn bằng tốt nghiệp khóa IV. Con có mặt vì có thư mời. Nhìn Người, con biết sự nghiệp hoàng pháp của Người trên cõi đời này sắp viên mãn, bởi tấm thân đã già như cỗ xe đã cũ. Con xót xa, tiếc cho bao thế hệ Tăng Ni sau này không được gặp Người. Rồi việc gì đến phải đến. Dầu đã nhiều năm báo trước, nhưng con không khỏi bàng hoàng khi Người viên tịch. Tiếc cho con, tiếc cho Phật giáo Việt Nam, tiếc cho bao thế hệ Tăng Ni bây giờ và mai sau... không còn thấy được hình ảnh vị Sa-môn Minh Châu. Phải rồi, Người là Minh Châu của thời cách Phật quá xa! Con tự an ủi, được thấy Người một lần trong cõi đời này là đã diễm phúc, hưởng chi con đã

được gặp Người nhiều lần.

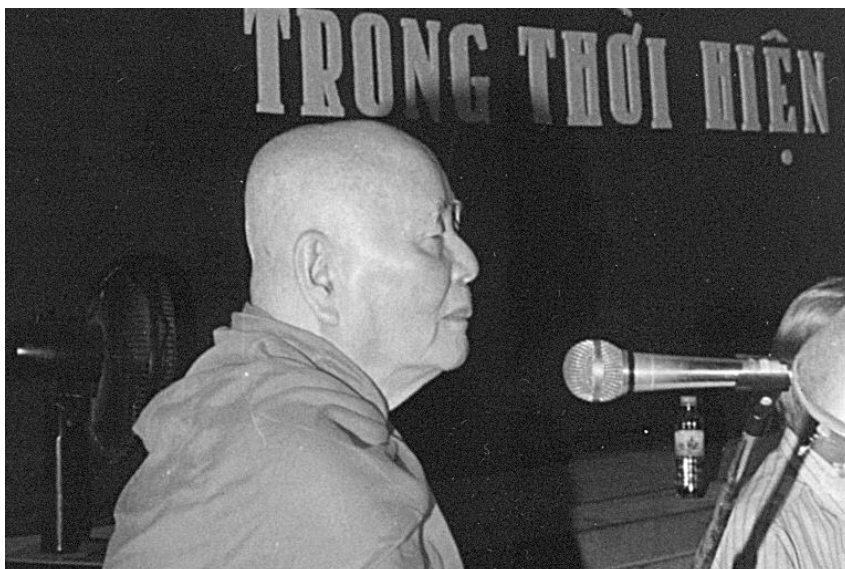
Con học nơi Người hai bài học lớn:

Bài học thứ nhất là đức tính khiêm cung, sẵn sàng chào hỏi trước. Phải chăng Người luôn thấy được tánh Phật nơi mọi người?

Bài học thứ hai là sự sáng suốt, trạch pháp, nhìn sự vật đúng như là..., không bị sự rườm rà của thị phi chi phối. Nhờ vậy, tuy phải giải quyết nhiều việc mà không đa đoan, nên Người đã nói với con: “Có việc, nhưng không nhiều.” Phải chăng nhờ vậy mà Người luôn nở nụ cười tươi sáng trong biển đời dậy sóng?

Con nguyện trọn đời tu tập hai đức tính của Người.

Thành kính dâng lễ



HOÀI NIỆM

Thuần Tánh
(*Thiền viện Linh Chiếu*)

Con xin được gọi tiếng “Thầy” thân kính mà chúng con thường gọi quý Thầy có vấn giáo hạnh trong Gia đình Phật tử.

Ngưỡng bạch Thầy! Con được sinh ra trong một gia đình Nho giáo, tin Phật, nhưng lại lớn lên ở vùng đất phương Nam, vùng sông nước Cửu Long miền Tây Nam Bộ, nơi mà tôn giáo rất phức tạp và Phật giáo rất đa dạng. Theo đạo Phật lúc bấy giờ là đến chùa mồng một và rằm để lễ Phật, tụng kinh, ăn chè... và nhất là được xem “ông quy” lụp cụp từ ao sen lên chánh điện nghe kinh.

Rồi một hôm, đoàn Như Lai sứ giả từ học đường Nam Việt, chùa Ấn Quang, Sài Gòn, về đây. Pháp âm vang khắp tỉnh thành. Người người đi nghe pháp, lễ Phật. Chúng con cũng nô nức tham gia. Những giáo lý luân hồi, nghiệp báo, nhân quả đã giúp chúng con hiểu được phần nào những “*Vì sao?*” của cuộc đời. Đạo Phật thu hút giới trẻ tham gia học tập, rồi phổ biến cho mọi người, đem đạo vào đời. Và Gia đình Phật tử (GDPT) được thành lập đã thu hút thanh thiếu niên gia nhập, học tập, vui chơi theo tinh thần Phật giáo. Chúng con cũng vào đoàn, học hết 4 bậc Phật pháp, và qua một khóa huấn luyện huynh trưởng, rồi “cầm đoàn”, vừa học vừa làm.

Năm 1955, Đại hội Huynh trưởng GDPT toàn quốc tổ chức tại Đà Lạt. Chúng con cũng được tham gia. Ở đây các bậc tôn túc, Hòa thượng, Thượng tọa đã giảng cho chúng con về đức Bi-Trí-Dũng – châm ngôn của GDPT Việt Nam – và dạy cho chúng con hạnh vô úy. Còn các anh chị lớn kỳ cựu của GDPT thì nói rõ về sự hình thành và phát triển của GDPT VN: Khởi đầu từ Đoàn Thanh niên Phật học Đức dục mà Thầy là Đoàn trưởng, rồi GD Phật hóa phổ và cuối cùng là GDPT VN. Trong Đại hội này, Thầy vắng mặt vì đang du học tại Ấn Độ; chúng con vô cùng thán phục và thầm mơ ước!

Từ đấy, chúng con thường xuyên sinh hoạt trong GDPT ở Cần Thơ, Sài Gòn, Đà Lạt..., theo học các lớp Phật pháp tại chùa Ấn Quang và cũng biết được tin tức về Phật giáo ở nhiều nơi. Được biết Thầy đã bảo vệ xuất sắc luận án Tiến sĩ Phật học tại Đại học Nalanda, Ấn Độ, và vinh hạnh được Tổng thống Ấn Độ trao bằng Tiến sĩ danh dự.

Năm 1964, Thầy hồi hương và có buổi nói chuyện với Phật tử tại chùa Phước Viên, Tân Định, Sài Gòn, vào ngày 10-05-1964 về đề tài “Trong thời kỳ đấu tranh vừa qua, Phật giáo quốc tế đối với Phật giáo VN ra sao?” Con cũng dự nghe.

Thầy đã tu, đã học, và giờ đây Thầy trở về quê hương hành đạo. Thầy sáng lập Đại học Vạn Hạnh, điều hành và giảng dạy tại đây. Tuy không phải là sinh viên của trường, con cũng “bon chen” tham gia các buổi sinh hoạt, các buổi hội họp, tham luận, văn nghệ....

Đại hội Huynh trưởng GDPT toàn quốc năm 1964 tại chùa Xá Lợi, Sài Gòn, đã quyết định tách rời sinh hoạt hai ngành Nam - Nữ trong GDPT. Để đáp ứng nhu cầu nữ huynh trưởng tại các tỉnh miền Nam, ngành Nữ đã “bạo gan” tổ chức một trại Huấn luyện Nữ Huynh trưởng cấp I tại Sài Gòn, chùa Phước Hải, Q. 10. Ngày mở trại Thầy bận việc không đến dự, nhưng ngày bế mạc Thầy đã hoan hỷ tham dự trò chơi lớn tổ chức ở ngoại ô Sài Gòn.

Giờ hành lễ sắp bắt đầu, các trại sinh sắc phục chỉnh tề, hàng ngũ ngay ngắn, nghiêm trang chờ lệnh:

*“A Dục vương, đây là gương, nghìn sau vẫn còn truyền lưu, chúng ta đạo tâm vô lượng.
A Dục vương, đây là gương, để cho chúng mình cùng noi gieo rắc tình thương...
... Cùng nhau đưa đàn em chúng ta tiến đến Đạo thiêng, hào quang chói lòa...”*

Tiếng trại ca trầm hùng dứt trong không khí trang nghiêm của buổi lễ, Thầy trang trọng tán thán việc làm của ngành Nữ GDPT và nhắc nhở các trại sinh: “Hãy cố gắng trau dồi bản thân, trung thành với lý tưởng GDPT. Thầy hoan hỷ nhận thấy sự tiến bộ của ngành Nữ. Hãy mạnh dạn tiến lên. Ngành Nữ đã làm thì không thua sút ai. Hãy tinh tấn”. Rồi

Thầy vui vẻ chụp ảnh kỷ niệm với Ban quản trại.

Năm 1975, tại trường con đang dạy - Trường nữ Trung học Tổng hợp Sương Nguyệt Ánh - có nhiều thay đổi. Trường được đổi tên thành Trung học cấp II - III Sương Nguyệt Ánh, thu nhận cả nam sinh. Một số giáo viên không đến trường nữa; một số giáo viên từ trường khác đến. Trong số này có hai nữ giáo viên Anh văn từ Huế chuyển về. Đó là Phương Lan và Như Mai, hai chị em ruột, hai người đẹp “xứ dân gầy”, hai nàng công chúa kiêu sa, kín đáo. Ấy vậy mà chúng con lại thân nhau, vì cùng sinh hoạt chung trong tổ chuyên môn Ngoại ngữ. Hai bạn dạy Anh văn; con Pháp văn. Không lâu sau, vì nhu cầu, Phương Lan chuyển về dạy Trường Marie Curie. Đến lúc trường giải thể cấp III, con về Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong, còn Như Mai cũng chuyển trường khác.

Ít lâu sau, thân mẫu hai bạn qua đời. Sau khi tang lễ xong, mỗi đêm hai bạn đến chùa Thích Ca, Q.3 để cầu siêu cho mẹ. Sau đó hai bạn có ý muốn quy y Tam bảo và nhờ con hướng dẫn nên quy y với Thầy nào? Con thật bất ngờ nhưng vui mừng. Con phân vân vì bấy giờ quý Thầy mà con quen biết trước đây phần lớn không còn ở Sài Gòn nữa. Sau cùng, con báo hiện nay có hai Thầy con biết còn ở Sài Gòn. Đó là Hòa thượng Trí Quang ở chùa Ấn Quang, Q.10, có rất nhiều đệ tử nhưng hơi khó, và Hòa thượng Minh Châu ở Thiền viện Vạn Hạnh, Q. Phú Nhuận, rất hoan hỷ nhưng nghe đâu Thầy rất ít nhận đệ tử. Quy y Thầy nào, thật đáng phân vân?

Cuối cùng ba chị em con cùng quyết định: mình đang ở Q.3 thuận đường lên Phú Nhuận, vậy lên Vạn Hạnh trước, rồi tùy duyên đưa đẩy. Thế là ba chị em lại lợc cọc đập ba chiếc mini cà tàng đi Phú Nhuận mà canh cánh lo trong bụng. Rất may, đến nơi, chúng con được Thầy Chơn Thiện niềm nở tiếp và dẫn vào gặp Thầy. Thầy trò nói chuyện rất tương đắc. Thầy giới thiệu nhiều kinh sách mới xuất bản, các sách Thầy vừa phiên dịch sang tiếng Anh ... và cho chúng con rất nhiều kinh sách. Về sau, hai bạn thường đến Vạn Hạnh nhận công việc Thầy giao: rà soát lại các sách vừa được Thầy dịch, dịch các mẩu chuyện đạo để đăng nguyệt san *Giác Ngộ* ... và nhất là các bạn đã soạn được bộ Giáo án Tiếng Anh cho 4 năm học của Cao đẳng Phật học. Các bạn cũng hay giúp Thầy thông dịch trong các dịp tiếp khách nước ngoài.

Sau khi hưu trí, con xuất gia tu học tại Thiền viện Linh Chiếu ở Long Thành, Đồng Nai. Một lần nọ, Thầy đến thăm Thiền viện Thường Chiếu theo lời mời của Hòa thượng Thanh Từ, Viện chủ Thiền viện Thường Chiếu, người lúc bấy giờ đang giảng dạy tại Học viện Vạn Hạnh về Thiền tông VN. Hòa thượng đã đưa Thầy tham quan Tuệ Tĩnh đường tại Linh

Chiếu, cơ sở từ thiện y học dân tộc mà Hòa thượng thành lập để cho các thiền sinh thể hiện hạnh từ bi, giúp đỡ dân chúng ở đây mà vốn trước kia là vùng “xôi đậu” còn nhiều khó khăn và lạc hậu.

Thật bất ngờ, đoàn đã gặp con ở đây. Đi với Thầy còn có anh Cầm (Cư sĩ Tổng Hồ Cầm), Như Mai, và một số Phật tử. Một sự bất ngờ thú vị! Như Mai mừng quá chạy đến ôm con mà rưng rưng nước mắt. Thầy và anh Cầm nói: “Như vậy là tốt. Xuân Viên tu học ở đây là yên ổn và đặc kỳ sở nguyện rồi”. Té ra ai cũng quen biết nhau cả, mà không ai biết ai. Rồi Như Mai khoe: “Thầy đã quy cho tụi em rồi. Em là Nguyễn Nhật Trần Như Mai; còn chị Lan là Nguyễn Tâm Trần Phương Lan”.

Con thành tâm cảm niệm ân đức của Thầy đã mở lối cho bạn con về với Chánh pháp, giao việc cho Phương Lan làm, hầu lấp đi các khoảng trống để bạn con khỏi phải dằn vặt ưu tư kiếp người ...

*“Nhận quá trường không
 Ảnh trầm hàn thủy
 Nhận vô di tích chi ý
 Thủy vô lưu ảnh chi tâm”.*

Nhận đã đi xa, nước không giữ bóng, nhưng sao những ký ức về Thầy vẫn không phai. Chúng con nguyện khắc ghi những lời dạy của Thầy: Sống chân chánh, sống đúng lý tưởng, như lời của Thầy trong ngày thành lập GDPT những năm đầu thập niên 50.

(Phạm Thị Xuân Viên - GDPT VN)

NHỚ LẮM NỤ CƯỜI HIỀN LÀNH CỦA HÒA THƯỢNG

Dương Kinh Thành

Buổi sáng ngày 1-9-2012, khi tôi đang ngồi tiếp chuyện anh Hai Vàm Tắc, một người bạn vong niên, thì thầy Thích Vân Phong gọi điện báo tin Hòa thượng Thích Minh Châu vừa ra đi!

Hai chúng tôi xua đi tất cả những chuyện vui buồn sau bao nhiêu tháng ngày vừa gặp lại, để chỉ xoay quanh hung tin về một người thầy khả kính. Tuy chưa có dịp tiếp xúc trực tiếp nhưng trong quá trình sinh hoạt trong màu áo Gia đình Phật tử và Học sinh Phật tử, hai anh em chúng tôi từng gần gũi Thầy trong rất nhiều nhiệm vụ.

Anh Hai Vàm Tắc luôn nhắc về một lỗi lầm mà anh cho là rất nghiêm trọng trong quá trình nghe giảng pháp ở chùa Ấn Quang hàng tuần. Khi đó hai anh em chúng tôi hầy còn rất trẻ, sôi nổi, háng hái nhưng cũng lắm bồng bột lỗi lầm.

Anh nói: *“Tui nghĩ thiệt hết sức buồn và ân hận gì đâu á. Hồi đó, mình có nhiều điểm phúc được nghe các chư Tăng thạc đức lớn giảng pháp thường xuyên. Vậy mà khi lịch giảng tới phiên Hòa thượng Thích Minh Châu là Hai tui luôn có lý do để vắng mặt. Bây giờ nghĩ lại thiệt hổng còn gì tội lỗi cho bằng. Nói thiệt, nếu bây giờ mà cho tui trở lại cái thời đầy điểm phúc đó ghen, muốn Hai tui mãn cái gì tui cũng chịu... Nhưng mà bây giờ thì Hòa thượng đi rồi, còn cái gì nữa mà mong...”*

Tính tình anh Hai Vàm Tắc là vậy, luôn nói thật lòng mình, đôi khi gây mích lòng nhiều bạn. Vậy đó mà lúc ấy anh lại là một huynh trưởng mẫu mực, luôn ở đầu sóng ngọn gió, trở thành gương soi cho huynh trưởng, đoàn sinh của mình.

Lời tự vấn lương tâm của anh Hai Vàm Tắc khiến tôi nhớ lại thuở ấy, từ năm 1975 trở về trước, chiều Chủ nhật hàng tuần đều có giảng pháp tại hội trường chùa Ấn Quang do Viện Hóa đạo và Tổng vụ Hoàng pháp phân bổ lịch giảng. "*Cái điếm phúc*" mà anh Hai Vàm Tắc nói tới, đó chính là ngoài chư tôn Hòa thượng trong Viện Tăng thống và Hòa thượng Viện trưởng Viện Hóa đạo ra, tất cả chư tôn lãnh đạo trong Hội đồng Viện, từ Tổng vụ trưởng trở xuống đều có nhiệm vụ đến giảng theo lịch đã xếp.

Cho đến bây giờ, thế hệ chúng tôi ngày ấy vẫn không sao quên được âm thanh và giọng nói của từng vị, như HT.Thích Huyền Vi, HT.Thích Thiên Định, HT.Thích Quảng Độ, HT.Thích Minh Châu, HT.Thích Thuyên Ấn, HT.Thích Tắc Phước, HT.Thích Hộ Giác, HT.Thích Pháp Tri, HT.Thích Mãn Giác, HT.Thích Giác Đức, v.v...

Mỗi vị có một phong thái và lối thuyết giảng khác nhau. Thí dụ như HT.Thích Hộ Giác thì luôn *xã hội hóa* chủ đề mình giảng và kéo xuống thấp nhất để trình độ, căn cơ mỗi người dễ tiếp thu; HT.Thích Giác Đức (khi ấy là Đại đức - Quyền Tổng vụ trưởng Tổng vụ Thanh niên) thì mạnh mẽ từng chi tiết một và tạo ra được cao trào cảm xúc, v.v...

HT.Thích Minh Châu thì điềm đạm, chú tâm vào Kinh tạng do chính Ngài dịch thuật để giảng giải. Đây chính là cơ duyên thuận lợi rất lớn cho những ai muốn chuyên sâu vào lãnh vực này. Do đó các buổi giảng của Ngài có rất đông giới nghiên cứu dự thính, ngoại trừ anh Hai Vàm Tắc, bạn của tôi, như vừa kể trên.

Vậy đó mà trong những lần làm nhiệm vụ, dàn hàng chào danh dự và bảo vệ các ngày lễ lớn, nhất là lễ Phật đản tại Lễ đài Trung ương, anh Hai Vàm Tắc từng khoe đã nhiều lần diu tay HT.Thích Minh Châu lên lễ đài và được HT tặng cây quạt.

Có một lần tôi đứng sát bên anh, khi diu và hướng dẫn HT vào văn phòng Viện theo ngõ đi riêng, HT nói "*Cảm ơn con*" mà anh Hai nhà tui lại quay sang hỏi lại tôi: "*Thầy nói cái gì tui nghe hông rõ?*". Tôi khi đó bực bội nói "*Thôi! Làm nhiệm vụ đi*". Nhưng anh ta vẫn chưa hài lòng vì nghĩ rằng đời nào mà được một vị lãnh đạo nói riêng như vậy nên hỏi nữa, tôi nói "*Thầy nói CÁM ƠN MẤY*". Anh ta há hốc mồm. Có lẽ anh Hai Vàm Tắc hiểu nhầm ý tôi là tại sao thầy lại nói như vậy, thật ra HT nói rõ ràng "*Cảm ơn con*". Hai anh em giận nhau đến ba tháng, khi tôi nằm bệnh viện và anh đến thăm.

Được nắm tay diu HT, anh Hai Vàm Tắc không tự hào sao được khi mà bàn tay ấy từng

nhận bằng Tiến sĩ từ Tổng thống Ấn Độ ở Đại học Bihar, từng bắt tay Giáo hoàng, từng bắt tay những nhân vật quan trọng trong 12 năm du học ở đất Phật, từng nắm tay và trao gởi niềm tin, vận mệnh PGVN vào tay những vị có uy tín thế giới, nhằm tìm giải pháp cứu nguy trong cơn Pháp nạn vô tiền khoáng hậu. Đọc hồi ký BS.Erich Wulff (Minh Nguyên dịch) chúng ta thấy ngay điều này... Khi anh Hai Vàm Tắc nói đến những niềm tự hào như thế khiến lòng tôi như chùng lại, và chính bản thân mình mới là người kém điểm phúc hơn anh.

Đời cư sĩ Phật tử chúng mình chỉ có thế, nhất là thế hệ Phật tử của Gia đình Phật tử, của Học sinh Phật tử như chúng tôi. Có những niềm tự hào thoáng chợt, nhưng cũng có những niềm tự hào mà không phải bất kỳ một Phật tử cư sĩ nào trong chúng mình đều có được. Thế cũng đủ an ủi lắm rồi với cháu con hiện tại.

Ngày mai anh Hai Vàm Tắc lại dong ghe bầu trở lại vùng sông nước Hậu Giang, tiếp tục tháng ngày của một lão nông mà mình mẩy đầy vết xam của ký ức Phật sự. Thương anh quá! Anh bảo rằng không có điều kiện cùng tôi lên Vạn Hạnh đình lễ Giác linh HT, nên nhờ tôi mang theo tấm chân tình này của anh, đình lễ Ngài cho anh nhẹ lòng nơi xứ sở sông nước miệt vàm. Vàng! Cảm ơn anh Hai Vàm Tắc đã giúp tôi trở lại những tháng ngày đầy vận tự hào mà cả một quãng đời thanh xuân của chúng mình đã sống, đã cống hiến không uống cho đạo pháp. Tôi sẽ mang tất cả những điều này, đứng trước linh đài HT dâng lên Ngài những lời thật ấy.

Ở đời, có những điều mình nghĩ nó không dính dấp gì đến chúng ta, hóa ra không phải như vậy. Có những khi chính những điều ấy lại có sức tác động rất lớn trong con người, trong đời sống của chính mình. Trường hợp của anh Hai Vàm Tắc và tôi, và có lẽ còn nhiều anh chị đạo hữu khác nữa, là một chứng minh.

Hòa thượng Thích Minh Châu không còn với chúng ta nữa, dù rằng với những công trình dịch thuật có bề dày cao hơn nhiều lần tuổi đời của Ngài, hay những công trình, thành quả giáo dục Phật giáo hiện nay đều là điểm son cho nhiều thế hệ phát huy. Nhưng mà mắt mát vẫn muôn đời là mắt mát! Nói như anh Hai Vàm Tắc là: *"Hai tui biết, đây là thứ ái biệt ly khổ, nhưng mà thử hỏi với anh, tui có là Bồ-tát đâu, mà Bồ-tát còn phải mắc cái vòng này. Thôi thì tui buồn, tui khóc, anh cứ để cho tui buồn, tui khóc..."*. Tôi rất hiểu anh Hai Vàm Tắc, hành động quày quà bỏ ra về miền quê sông nước cũng chính là câu trả lời cho sự lia đoạn của anh dù rằng ngôi Thiên viện Vạn Hạnh bây giờ anh chưa bao giờ thấy qua, dù chỉ trong hình ảnh. Như sau năm 1975, anh xa lìa chúng tôi chấp nhận trở thành một lão nông dân chơn chất. Anh yên tâm. Giác linh Hòa thượng sẽ hiểu cho anh. Nhưng còn phần mình, tôi hiện vẫn còn giận anh lắm, anh Hai Vàm Tắc à! Vì sao? Là vì tại sao lúc còn

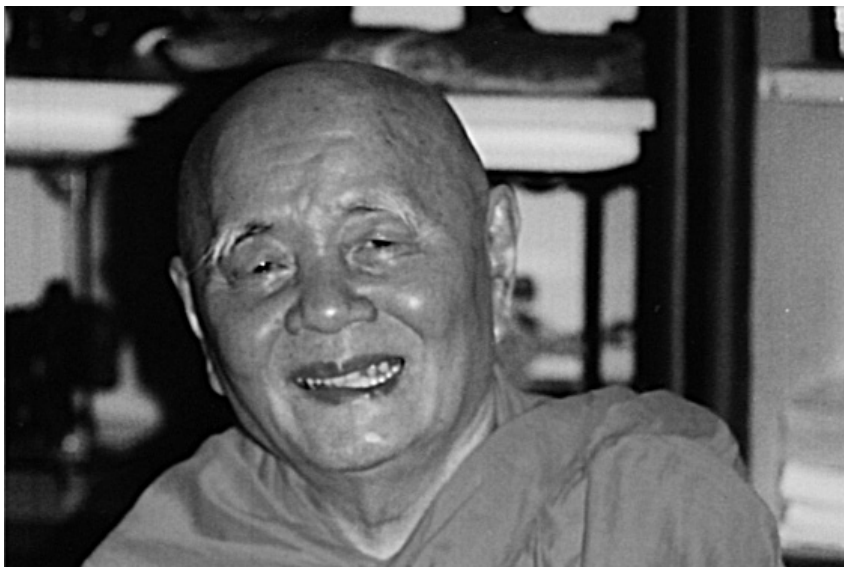
ngồi cạnh tôi anh không muốn hỏi rằng sự đau buồn về tin HT.Thích Minh Châu ra đi của tôi như thế nào?

Ngưỡng bạch Giác linh Hòa thượng!

Anh em chúng con là như vậy đó, lớn hết rồi mà vẫn còn nhốn nháo, hờn giận vu vơ. Cho nên nhớ lắm nụ cười hiền lành của Hòa thượng đối với anh em chúng con, những người mà bây giờ lại đang lặn độn trong màu áo Lam, luôn muốn giữ gìn nó không nhạt nhòa theo năm tháng. Đó là những lời nguyện dành cho GDPT, mà khi xưa Hòa thượng chính là người soạn ra những điều luật ấy.

Làm sao chúng con có thể thờ ở đây!

Mong Giác linh Hòa thượng luôn gia hộ cho chúng con.



NHỚ THẦY, NHỚ CHÙA, NHỚ QUÊ HƯƠNG, NGUỒN CỘI

Thích Minh Tuệ

Sáng hôm nay 7-10-2012 thành phố Thiên Thần - Los Angeles - vốn bận rộn lại càng bận rộn thêm vì hàng trăm chiếc xe người Việt từ khắp nơi trên đất nước Hoa Kỳ hướng về chùa Việt Nam, hội tụ hàng trăm con tim của Tăng Ni, Phật tử đồng hương Việt Nam trong một ngày thiêng liêng hướng lòng tưởng niệm và truy tán công hạnh hai bậc Thầy tôn kính của Phật giáo Việt Nam đương đại - cố Trưởng lão Hòa thượng (Trưởng lão Hòa thượng) Thích Minh Châu và Thích Mãn Giác - nhân dịp thất thứ 5 của Giác linh Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu và hỷ kỵ lần thứ 6 của Giác linh Trưởng lão Hòa thượng Thích Mãn Giác.

Buổi lễ được bắt đầu với tiếng chuông tinh thức và phút mặc niệm để tưởng nhớ công hạnh chư Phật, chư vị Tổ sư, Thánh tử đạo, và nhị vị cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu và Thích Mãn Giác, và cầu nguyện cho thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

*Ba tiếng chuông ngân bầu vũ trụ
Mười phương thế giới thảy đều nghe
Lắng lòng tưởng niệm ân Sư tổ
Hình bóng người xưa chợt hiện về.*

Tiếp theo là phân dâng hoa cúng dường với lòng tôn kính và tri ân vô hạn của tứ chúng đối với nhị vị Trưởng lão Hòa thượng. Cuộc đời quý Ngài là những đóa hoa sen tinh khiết hiển dâng nhiều hương sắc, làm lợi lạc cho đạo cho đời, nhưng không nhiễm giữa cõi đời ô trược. Hương sắc ấy rồi lại kết thành đóa hoa lòng của đàn hậu học: “*Nguyện nguyện kết đóa hoa lành cúng dường*”.

HT.Thích Như Minh, Viện chủ chùa Việt Nam, Los Angeles, căn bạch trong buổi lễ:

“Hai Ngài là thạch trụ Thiên gia của Phật giáo Việt Nam, đã ghi đậm dấu ấn trên con đường hoằng truyền Chánh pháp trong nước và hải ngoại. Trải suốt những thập niên cuối thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI với nhiều biến động của lịch sử Việt Nam và Phật giáo Việt Nam, bằng tài đức của mình, hai Ngài đã tận hiến cho sự phát triển của Phật giáo Việt Nam trong nước cũng như hải ngoại...”

Hôm nay là húy nhật lần thứ 6 của Ngài Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ (THPGVNTHK), chùa Việt Nam cử hành lễ Tưởng niệm và Truy tán Công hạnh của nhị vị Trưởng lão Hòa thượng: Trưởng lão Hòa thượng Hội chủ THPGVNTHK và làm lễ Tưởng niệm Trưởng lão Hòa thượng tân viên tịch Thích Minh Châu, nguyên Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh...”

Hòa thượng Thích Trí Tuệ, chùa Huệ Quang tại Virginia, cung tuyên tiểu sử cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Mãn Giác. Và tiếp sau đó, Hòa thượng Thích Phước Thuận, Viện chủ chùa Trí Phước, Santa Ana, Cali, cung tuyên tiểu sử Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu.

Đại chúng lắng đọng tâm tư dõi theo từng bước chân và hành trạng thuở sinh tiền của quý Ngài với những nét đặc thù của những bậc xuất trần thượng sĩ. Mặc dù hai Ngài có hoàn cảnh xuất thân cũng như hành trạng không giống nhau, nhưng sự nghiệp dẫn thân của quý Ngài có cùng một điểm chung là đặt trọng tâm vào văn hóa và giáo dục, và đặc biệt là cùng cộng tác trong Viện Đại học Vạn Hạnh. Nhị vị đã nỗ lực gắn kết văn hóa và giáo dục của Phật giáo thành một với văn hóa và giáo dục ngàn xưa của dân tộc Việt Nam.

Qua đó, cả hai Ngài suốt cuộc đời tận tụy hy hiến cho nền giáo dục, văn hóa, và mang ánh sáng đạo pháp đi khắp muôn nơi. Tất cả những việc làm khác có thể là phương tiện

trong giai đoạn, nhưng những việc làm của nhị vị Hòa thượng là công hạnh có giá trị về lâu về dài đến muôn đời... Hai vị như hai hiện thân hỗ tương cho nhau: người thì đi du học Ấn Độ, về mở trường lớp giảng dạy và phiên dịch kinh sách; người thì đi du học Nhật Bản, chuyên sâu về văn chương, nghệ thuật, triết học Đông phương; người thì nắm giữ giềng mối uy nghi; người thì tâm hồn rộng mở, khoáng đạt, bay bổng.

Huynh trưởng Trần Tư Tín - Nguyên Tịnh đại diện Ban Hướng dẫn Trung ương Gia đình Phật tử Việt Nam tại Hoa Kỳ phát biểu về mối liên hệ gắn bó giữa nhị vị Hòa thượng với Gia đình Phật tử Việt Nam. Ông nói: “Cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu là người sáng lập Gia đình Phật hóa phổ, sau này phát triển thành Gia đình Phật tử Việt Nam. Ngài dạy Nguyên Tịnh rằng học phải luôn luôn đi đôi với hành, vừa tu vừa học để trở thành một Phật tử chân chính, làm tấm gương sáng để xây dựng Gia đình Phật tử Việt Nam, và mang Phật pháp vào trong cuộc sống. Còn Hòa thượng Mãn Giác thì thổ lộ với Nguyên Tịnh rằng mỗi sáng Chủ nhật, Hòa thượng đứng trên lầu nhìn xuống sân chùa, nếu không thấy bóng dáng chiếc áo lam Phật tử thì Hòa thượng cảm thấy thiếu thiếu cái gì đó, làm mất đi một phần sinh khí. Bấy nhiêu đó cũng cho thấy được tấm lòng của quý Ngài đối với Gia đình Phật tử Việt Nam”.

Cư sĩ Trần Quang Thuận - Trí Không chia sẻ những kỷ niệm không bao giờ quên mà cư sĩ có được với hai Ngài. Trước kia, cư sĩ cũng là một tu sĩ và thọ Cụ túc giới tại Đại giới đàn Báo Quốc năm Kỷ Sửu, 1949. Lúc ấy, Tỳ-kheo Trí Không du học 2 năm tại Tích Lan cùng với Sa-môn Thích Minh Châu. Nói về sự tinh nghiêm trong đời sống tu hành, cư sĩ Trí Không kể, lúc ấy 2 vị Tỳ-kheo trẻ Việt Nam công phu sáng chiếu ngày 2 lần và vẫn giữ truyền thống ăn chay, mặc dù môi trường đó không ai bắt buộc phải như vậy. Sau đó, Tỳ-kheo Trí Không được học bổng của một trường đại học tại Luân Đôn, Anh quốc, nên lưu luyến tạm biệt Sa-môn Minh Châu để lên đường qua đó. Ông nói, “Ngày học xong, tôi trở về nước trên chuyến bay quá cảnh tại Bombay, Ngài Sa-môn Minh Châu đã lặn lội đi bằng xe lửa vượt ngàn dặm đến thăm người bạn học xưa của mình. Tôi cũng có nghe Ngài Minh Châu từng vượt ngàn hải lý đến Pháp để gặp nhạc sĩ Trần Văn Khê. Đó là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, thật chặt giải đồng tâm để tạo thành một ê-kíp hoạt động. Sau này, Ngài Minh Châu làm Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, còn tôi làm Tổng Thư ký của Viện”. Còn về phước duyên gắn gũi với cố Trưởng lão Hòa thượng Thích Mãn Giác thì, ngay sau khi du học về, Trưởng lão Hòa thượng Mãn Giác đón Thầy Trí Không tại sân bay và đưa lên Đà Lạt nghỉ 2 tuần trước khi về lại Sài Gòn. Cư sĩ cũng từng có duyên làm việc với Ngài trong những năm tháng phụ trách tại Đại học Vạn Hạnh và có duyên gắn gũi thăm viếng Ngài tại Los Angeles khi hai người cùng định cư ở Cali, Hoa Kỳ.

Đại diện cho hiện tiền chư tôn đức Tăng Ni, HT.Thích Nguyên Trí, Viện chủ chùa Bát Nhã tại Santa Ana, truy tán công hạnh của hai bậc Thầy, nhị vị tiền bối hữu công. Ngài khẳng định: “Cho dù các thế lực vô minh tìm cách đánh phá lộng giả thành chơn, đặt điều xuyên tạc về quý Ngài hồng làm lung lay niềm tin và lòng tôn kính đối với nhị vị Trưởng lão Hòa thượng, thế nhưng, là người con Phật, chúng ta không ngại trước những thủ đoạn đen tối đó. Hôm nay, cùng đến đây đánh lễ, niệm tưởng đến quý Ngài, chúng ta cần phải trân trọng công ơn trời bể của quý Ngài và nguyện đi tiếp con đường quý Ngài đã đi, sao cho Pháp luân thường chuyển để hoàng dương Chánh pháp tại hải ngoại”.

Sau đó là khóa lễ truy tiến Giác linh nhị vị Hòa thượng do HT.Thích Phước Thuận làm sám chủ cùng ban kinh sư Huệ. Cuối cùng là chương trình văn nghệ với những giai điệu quê hương và Đạo pháp. Tôi thả tâm hồn mình trong âm hưởng hai nhạc khúc *Xuân đã về chùa?* (sáng tác Huyền Không) và *Tình cha*, mà cảm nhận rằng hai Ngài đối với chúng ta như những vị cha tinh thần trong ngôi nhà tâm linh.

Nhìn lớp lớp người từ các phương xa về đây thành kính trọn một lòng tham dự lễ tưởng niệm này, tôi mới thấu hiểu được điều mà nhà thơ Nguyễn Du nói về cái chết: “*Thác là thể phách, còn là tinh anh*”. Hai Ngài, giờ này đây, biết bao nhiêu người - người cộng sự năm xưa, học trò, đệ tử, Phật tử khắp năm châu - khóc tiễn biệt Người, cảm thông sâu sắc công hạnh của hai Ngài, suốt đời “lấy từ bi xóa hận thù”.

*“Vui thay chúng ta sống
Không hận giữa hận thù
Giữa những người thù hận
Ta sống không hận thù”.*
(*Kinh Pháp Cú 197*, HT.Thích Minh Châu dịch)

Và hai Ngài đã vượt qua bao khó khăn trong sự nghiệp hoàng pháp của mình như hình ảnh con voi lâm trận, hứng chịu bao cung tên:

*“Ta như voi giữa trận
Hứng chịu cung tên rơi
Chịu đựng mọi phi báng
Ác giới rất nhiều người”.*
(*Kinh Pháp Cú 320*, HT.Thích Minh Châu dịch)

Hàng trăm hàng ngàn năm về sau nữa, lịch sử sẽ tô điểm những nét son về những đóng góp của hai Ngài. Bao thế hệ sẽ mãi mãi trân trọng nhắc nhở qua sách vở tại các thư viện trên thế giới, hay những phim ảnh, hay những lời di huấn. Hai Ngài là hai ngôi sao chói sáng vào thế

kỷ XX - XXI, là những nhà văn hóa, nhà giáo dục tài ba, bậc Thầy gương mẫu tận tụy, khai đường mở lối cho lớp lớp người đi theo.

Khi mọi người lần lượt ra về, tôi tiến bước đến án tiền lặng lẽ với tâm thành khấu đầu đánh lễ nhị vị Tôn sư ba lạy tri ân: “Trong kiếp sống này, con được duyên phước gặp gỡ trực tiếp và thọ giáo từ quý Ngài. Quý Ngài là những người khai sáng và phát triển Đại học Vạn Hạnh mà con học và trưởng thành từ nơi đó. Quý Ngài viết sách dịch kinh mà con được tưới tắm mưa móc. Quý Ngài là bậc tiền bối hữu công trong GHPGVN TN mà con đang dẫn thân phục vụ. Quý Ngài truyền trao ngọn đèn Chánh pháp từ Đức Phật, các Tổ sư đến thế hệ chúng con. Hôm nay con tưởng niệm quý Ngài, nhớ mái trường xưa, Thiền viện Vạn Hạnh, nhớ đến chiếc nôi Đạo pháp và quê hương Việt Nam”.

Bài học từ nơi thân giáo cuộc đời của hai Ngài rất nhiều: vô ngã, vị tha, dẫn thân, phục vụ, hi hiến, chịu đựng, và dồn tất cả năng lực “duy tuệ thị nghiệp” cho giáo dục Phật giáo trong sự nghiệp hoàng dương Chánh pháp. “Nguống vọng chi cao cao”, tôi khấu đầu đánh lễ. Việc cần làm đã làm xong, nhị vị Tôn sư đã xả bỏ ra đi. Trước kia, tại Đại học Vạn Hạnh, hai Ngài cũng ngồi với nhau; bây giờ nơi án tiền này, hai Ngài đang tọa vị cân phân, nơi miền tịch lạc bên kia thế giới. Hai Ngài đang gặp lại sau một cuộc vân du Ta-bà thế giới:

*Ta từ sinh tử về chơi
Ngôi trên chóp đỉnh, mỉm cười với trăng.*

Khế thủ

LỜI ÔN THẬP SÁNG ĐỜI CON

Nhất Phi

Kính lạy Giác linh Ôn!

Hôm nay đã hơn hai tuần thất rồi, kể từ ngày Ôn buông bỏ thân tứ đại để thông dong về miền an lạc, con mới có thể bình tâm gom góp chút ít lời lẽ thô thiển để kính dâng lên Ôn để biểu lộ tác lòng thành của một kẻ hậu sinh từ vùng đất châu thổ sông Cửu Long. Ngưỡng mong Giác linh Ôn thùy từ chứng giám!

Kính lạy Ôn!

Từ những năm 70 thế kỷ trước, từ khi trở về nước với bằng tiến sĩ đặc hạng danh dự sau 12 năm xuất dương tu học, Ôn là niềm tự hào của hết thầy Phật giáo đồ Việt Nam. Con thuộc một gia đình thâm tín Tam bảo, luôn ngoại hộ đắc lực cho Giáo hội thời bấy giờ cho nên niềm tự hào về một bậc tôn đức tài cao đức lớn như Ôn lại càng thêm sâu sắc, đậm đà. Bản thân con là đoàn viên GDPT, một tổ chức mà Ôn là một trong những hạt nhân đầu tiên gây dựng, dưỡng nuôi. Do vậy, mỗi bước đi, hành trạng của Ôn, chúng con đều sung sướng dõi theo với biết bao niềm ngưỡng mộ, cung kính. Ngoài ra, cũng như mọi đoàn sinh GDPT Việt Nam, qua những bài học về lịch sử của tổ chức, chúng con đều biết về anh Đinh Văn Nam (thế danh của Ôn) là một trong những thành viên đầu tiên năng nổ của

Đoàn Thanh niên Phật học Đức dục, rồi Gia đình Phật hóa phổ, cho đến khi đổi thành Gia đình Phật tử, cùng với các anh Võ Đình Cường, chị Hoàng Thị Kim Cúc...

Ngày xưa, khi Ôn là Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh, con chỉ mới lên 10, thế nhưng qua những điều được nghe, được kể về Ôn, về Đại học Vạn Hạnh, về mục tiêu, tôn chỉ của Đại học Vạn Hạnh do Ôn khởi xướng, xây dựng và vun bồi, đã khiến tâm hồn một đứa bé như con trào dâng niềm khao khát và phát khởi một ước muốn mãnh liệt: “Mai sau lớn lên, nhất định vào học Đại học Vạn Hạnh!”. Con đâu có biết rằng, vào Đại học Vạn Hạnh cũng chính là nguyện vọng thiết tha của biết bao Tăng, Ni sinh các Phật học viện trong cả nước và một phần không nhỏ các thế hệ học sinh ưu tú thời bấy giờ! Dầu rằng ước mơ ấy đã không thành hiện thực, thế nhưng sâu trong tâm khảm của con, con vẫn tự nhận mình là đệ tử của Ôn, là đứa học trò bé nhỏ của Ôn, bởi vì tuy không được vào giảng đường đại học để được học với Ôn, tuy nhiên vì là đoàn viên GDPT, cho nên hằng tuần con vẫn được học những bài Phật pháp do chính Ôn và Thầy Thiên Ân đồng soạn trong giáo trình Phật pháp dành cho GDPT (thường được chúng con gọi là cuốn *Phật pháp 4 bậc: Hướng thiện - Sơ thiện - Trung thiện và Chánh thiện*).

Những ngày ấy, con chưa được đọc một trước tác nào của Ôn cả, cho đến những năm 80, đất nước rơi vào giai đoạn khó khăn, gian khổ. Đời sống tinh thần có lúc bị xem nhẹ, khiến cho một số thanh thiếu niên vốn từng được sinh hoạt trong GDPT như chúng con trở nên hụt hẫng, chao đảo. Thực tế thời đại đã làm phát khởi nhiều lo âu, hoài nghi, thậm chí bi quan, đã khiến không ít các bạn trang lứa với con đánh mất lý tưởng, mục đích sống, buông mình đến mức vong thân theo dòng xoáy cơm áo gạo tiền với niềm thống khổ vô biên trong tâm tư không cách giải trừ. Riêng con, thật may mắn làm sao, con đã thoát ra được hố thẳm đó nhờ ánh sáng do viên ngọc “Minh Châu” đến từ Ôn chiếu rọi, như tíc duyên từ ngàn đời, đã giúp con minh định lại lý tưởng, xác định rõ con đường, chấn chỉnh lại hành vi, và nhờ đó, con đã đứng dậy để tiếp tục dẫn bước, nối lại ngọn lửa tâm huyết ngày xưa.

Ánh sáng đó đến với con quả thật hết sức tinh cờ như ngọn lửa, như tia chớp, khi trong một lần thơ thẩn tại sạp bán sách cũ ở nơi thị xã nhỏ bé thuộc miền đất cực Nam của đất nước, con đã thoáng thấy trong mớ hỗn độn, nhàu nhò, thượng vàng hạ cám các loại sách bày bán bên lề đường, một tia sáng lóe lên hút chặt lấy con. Hầu như trong tình trạng vô thức, con vội cầm lên, dòng chữ tác giả và tác phẩm hiện rõ mồn một, một tác phẩm đã in sâu vào tâm trí con, đánh dấu một bước chuyển hóa quan trọng trong đời con: *TT.Thích Minh Châu “TRƯỚC SỰ NÔ LỆ CỦA CON NGƯỜI, Con đường thử thách của văn hóa Việt Nam” (Nha Tu thư và Sưu khảo Viện Đại học Vạn Hạnh - 1970)*. Cầm quyển sách trên tay mà con cứ ngỡ mình nằm mơ! Từng lời, từng chữ của Ôn lúc đó như nói riêng

với con, như nhả nhủ, động viên, khích lệ con, thỉnh thoảng lại như quở trách nhẹ nhàng. Con vui mừng rơi lệ hết như kẻ nghèo bỗng được nhật được của báu. Đời con chuyển sang bước ngoặt lớn từ đây.

Từng lời của Ôn như tiếng sấm động trong tâm thức con: *“Chúng tôi ước mong rằng tập sách này sẽ gợi lại một niềm tin nào đó trong lòng người thanh niên Việt Nam hiện nay, một niềm tin quyết liệt vào vận mệnh thiêng liêng của dân tộc trong ý thức thể hiện và vượt qua nỗi phân ly bi đát của bản tính con người để mà có thể chịu đựng và bước tới một cách can đảm trên con đường của chân lý và sáng tạo”* (Trích Lời tựa - Sách đã dẫn). Ôi! Con làm sao tỏ bày nỗi niềm của con đây? Đến bây giờ đây, mỗi lần đọc lại những dòng này, một dòng điện lại rần rần theo sống lưng con ... Nổi gai, sờn ốc!

Xin hãy lắng tâm đọc lại lời Ôn ngày xưa để thâm cảm trí tuệ phi thường, sự thông đạt thể lý của Ngài: *“... giáo dục cũng không phải là nghề nghiệp mưu sinh: con người giáo dục trước tiên phải là con người tự do toàn diện và giữ vai trò chủ động trong việc chuyển hướng văn minh nhân loại”* (Sdd - Phần: Ý nghĩa Giáo dục). Qua lời dạy này của Ôn, con đã vượt qua được mặc cảm tự ti về bằng cấp, nhận thức được ý nghĩa đích thực của giáo dục để tự hoàn thiện mình, trở nên có ích đối với nhân quần, xã hội. Thực tế đời con về sau đã minh chứng lời dạy của Ôn thật là sáng suốt và thâm sâu.

Từ sau cuốn sách quý giá ấy, như một hạnh duyên bất tư nghì, con lại tiếp tục nhận được nhiều trước tác khác của Ôn. Trong đó cuốn *“Huyền Trang, nhà chiêm bái và học giả”* được một người anh trong GDPT gửi tặng như tiếp thêm sức mạnh cho con khi anh em chúng con quyết tâm cùng nhau gây dựng lại mái nhà Lam GDPT sau gần 10 năm bị đình chỉ sinh hoạt. Cứ thế, tuy rằng xa cách và chưa bao giờ được đủ duyên lành diện kiến đánh lễ Ôn, nhưng con vẫn luôn cảm thấy có Ôn trong mỗi bước đi của mình, bước đi trên con đường phụng sự Đạo pháp.

Được sự khích lệ mạnh mẽ từ lời dạy của Ôn, con đã vượt qua bao bão giông từ nội tâm đến ngoại cảnh, để dần chuyển hóa đời mình theo hướng Chân - Thiện - Mỹ, một ý hướng chủ đạo, như sợi chỉ đỏ xuyên suốt tâm nguyện dẫn thân vào đời để thực hiện hạnh nguyện Phổ Hiền của Ôn.

Những năm về sau, như lẽ thường tình trong chốn bụi bặm Ta-bà đây uest trước, xung quanh Ôn dấy lên những dư luận, thị phi. Trong tất cả mọi nhốn nháo đó, Ôn vẫn an nhiên miệt mài dịch kinh. Một Phật sự mà Ôn hằng đau đầu áp ủ từ những ngày còn là du học sinh nơi quê người.

Con nhớ có lần đọc bút ký của Hòa thượng Huyền Vi trên tạp chí *Hoàng Pháp* kể về

chuyến chiêm bái Tứ động tâm trên đất Ấn Độ của Hòa thượng với Ôn và Hòa thượng Thiện Châu, trong đó có đoạn Hòa thượng Huyền Vi kể lại: “Khi quý Ngài đến Câu-thi-na đánh lễ tôn tượng Đức Thế Tôn, lúc ấy cũng có một đoàn các vị sư Đài Loan cũng đến chiêm bái, quý Ngài bèn hỏi mượn một cuốn *Kinh Niết Bàn* (bằng chữ Hán) để tụng. Đoàn các vị sư Đài Loan hết sức hoan hỷ và cùng tề tựu để tụng thì bị một phen chứng hứng vì ... họ không hiểu quý Ngài tụng bằng ‘cái thứ tiếng gì?’, một thứ tiếng mà quý Ngài thường tự trào là Tàu nghe như điếc, còn ta nghe cũng chẳng hiểu”. Con nghĩ có lẽ điều này đã thôi thúc Ôn quyết tâm dịch toàn bộ lời dạy nguyên thủy của Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni ra tiếng Việt cho người Việt đọc tụng và tu tập. Có lần Ôn tỏ ra bức xúc khi nói đến việc người Anh đã dịch được Tam tạng giáo điển ra Anh ngữ chỉ sau gần 200 năm đến Ấn Độ, còn nước ta tự hào có gần 2.000 năm Phật giáo du nhập mà chưa có được Tam tạng kinh bằng tiếng Việt. Thế nên, mặc cho bao chướng ngại, khó khăn, mặc cho bao thị phi thấp thỏm, Ôn vẫn miệt mài hoàn thành chí nguyện của cả đời mình. Việc làm đã xong, Ôn nở nụ cười mãn nguyện, một nụ cười siêu thoát, thanh thản, an nhiên lạ lùng!

Để rồi ngày hôm nay, hàng triệu Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước nhờ công đức lớn lao của Ôn mà được gần gũi với lời dạy giản dị mà sâu sắc của Đức Từ Phụ. Nhờ đó người con Phật của Việt Nam có thể thâm hiểu để rồi áp dụng tu tập và hành trì một cách thiết thực và hiệu quả giáo huấn của Đức Thế Tôn. Biết bao cuộc đời, biết bao số phận nhờ vậy mà chuyển hóa từ khổ thành vui, từ nguy thành an. Biết bao niềm tin từng bị lung lay, nghiêng ngả giờ được vững vàng, bất động nhờ lời dạy ân cần chí thiết của Đức Thế Tôn qua bản dịch chân xác, giản dị và uyển chuyển của Ôn. Công đức cao dày của Ôn, muôn đời Phật tử Việt Nam ắt hẳn khắc cốt ghi tâm. Có vị đã từng so sánh Ôn như “Huyền Trang của đất Việt” quả thật cũng không quá lời.

Kính bái bạch Giác linh Ôn!

Nhân tuần thứ hai ngày Ôn tạm rời cõi trần ai, về trú xứ của Đức Di-lặc Bồ-tát, để cùng kề cận với chư tôn giả Vô Trước, Thế Thân, Huyền Trang, Pháp Hiền nơi nội viện Đâu-suất, con kính dâng đôi lời gọi chút tri ân. Cúi xin Ôn ở nơi xa kia thấu nghe tiếng lòng con!

Ngưỡng mong Ôn tạm vui nơi cung nội Đâu-suất ít lâu, để rồi thị hiện ở cõi Ta-bà, giáng hạ trên quê hương Việt Nam để tiếp tục hoàng pháp độ sinh. Con cũng lại xin được tiếp tục làm người học trò nhỏ nương oai đức, từ lực của Ôn, tiếp bước con đường Ôn đã chỉ lối, ngõ hầu góp phần gây dựng, vun bồi cho ngôi nhà Chánh pháp luôn bền vững, cho ngôi Tam bảo trụ thế dài lâu.

Tiền Giang, ngày 29 tháng 7 Nhâm Thìn - PL.2556

TÂM KHÚC DÂNG THẦY

Nguyễn Thọ - Bùi Công Toa

(G.Đ.P.T Thừa Thiên Huế - Hội Nhà văn Thừa Thiên Huế)

Thầy về nơi cõi Tịnh
 Thanh thân mùa An cư
 Chúng con nghe thương tiếc
 Còn đâu bóng Đại từ.

*

Nhớ nụ cười tươi thắm
 Của Thầy nở như hoa
 Thầy là người Cha lớn
 Cho tuổi trẻ thăng hoa
 Đấu tranh vì quyền sống
 Bất khuất giữa què nhà.

*

Tường Vân⁽¹⁾ hoài lưu dấu
 Hình ảnh vị danh tăng
 Mỗi góc chùa chim đậu
 Kêu chiêm chiếp gọi thắm

*

Tấm lòng từ bi vọng
Nơi Hồng Lĩnh, sông Lam⁽²⁾
Đã sản sinh nhân kiệt
Rạng rỡ ánh đạo vàng..

(1) Chùa, thuộc tỉnh TT Huế - nơi HT xuất gia năm 1946.

(2) Nghệ An - quê hương của HT.





PHẦN V



BẠC THẦY VIÊN MÃN
TÂM VÀ TUỆ GIẢI THOÁT



TUỞNG NIỆM ÂN SƯ

HT.Thích Nguyên Hạnh

Thứ Ba ngày 4-9-2012 vào lúc 8 giờ tối, nhiều cựu Tăng Ni sinh Học viện Vạn Hạnh và môn đồ pháp quyến tại Hoa Kỳ đã quy tụ về Trung tâm Phật giáo - chùa Việt Nam, Houston, để đốt nén tâm hương dâng lên tưởng niệm bậc Ân sư khả kính, cố Trường lão Hòa thượng thượng Minh hạ Châu. Buổi lễ diễn ra trong bầu không khí trang nghiêm, đạo vị, và đầy những cảm xúc kính tiếc lắng đọng. Sau buổi lễ, Hòa thượng Viện chủ Thích Nguyên Hạnh đã phát biểu lời truy niệm bậc Ân sư trước đại chúng, gồm quý thầy, quý sư cô cựu môn sinh và môn đồ pháp quyến. Chúng con xin đề đầu đánh lễ và ghi lại đạo từ của Hòa thượng:

“Đối với cố Trường lão Hòa thượng, chúng tôi là hàng hậu học. Ngài là một trong những vị đầu tiên đã xuất dương du học với ý nguyện sau này xây dựng cho sự nghiệp trí tuệ của Phật giáo Việt Nam. Sau năm 1963, Hòa thượng trở về nước, cùng với các bậc tôn túc lúc bấy giờ, thành lập Viện Cao đẳng Phật học đầu tiên, tiền thân của Viện Đại học Vạn Hạnh sau này. Và chính từ hai môi trường giáo dục cao cấp này mà tư tưởng của Phật giáo đã trở dậy để có thể đối thoại với các trào lưu tư tưởng Đông Tây lúc bấy giờ. Từ hai môi trường giáo dục này mà trong sinh hoạt trí thức tại miền Nam lúc bấy giờ bắt đầu có tiếng nói của Phật giáo, bên cạnh bao nhiêu những trào lưu tư tưởng của hiện sinh, của các tôn giáo Tây phương...”

Nhưng đối với chúng tôi, vượt lên tất cả những ngăn cách hoàn cảnh thời thế, tôi thấy ở nơi Ngài một công ơn lớn mà tất cả các thế hệ học Phật sau này không ai không hàm ơn. Đó là Ngài đã dịch tạng Kinh Pāli ra tiếng Việt để cho người Phật tử Việt Nam, những người trí thức học Phật, trong đó đại bộ phận là Tăng Ni, có cơ hội để tiếp cận với những lời dạy nguyên thủy hoặc gần nguyên thủy của Đức Phật. Công ơn đó, thưa quý vị, lớn biết bao nhiêu. “Ơn giáo dưỡng một đời nên huệ mạng”. Cái huệ mạng của người học Phật nếu không phải được xây dựng từ kinh điển thì từ ở nơi đâu? Cho nên, công ơn đó của Ngài là công ơn rất lớn. Nếu chúng ta hiểu được vị trí, vai trò của Ngài Huyền Trang trong lịch sử Phật giáo Trung Hoa thế nào, thì trên phương diện dịch thuật mà nói, vị trí của cố Trưởng lão Hòa thượng trong nền học thuật của Phật giáo Việt Nam, trong sự nghiệp trí tuệ của Phật giáo Việt Nam, nó cũng có một vai trò tương tự như thế. Và tôi biết rõ, đó mới thật sự là bản nguyện của Ngài - bản nguyện từ khi Ngài đi sang Sri Lanka để du học rồi qua Ấn Độ, đến tại Nalanda để học Phật ở tại nơi mà ngày xưa, Ngài Huyền Trang đã từng học Phật.

Mười hai năm du học, Ngài chỉ mong làm thế nào đọc được từ nguyên tác tạng Pāli, là nơi chứa đựng những lời dạy của Đức Phật gần với thời đại của Phật nhất, để làm sao chuyển dịch sang tiếng Việt mà xây dựng cho sự nghiệp trí tuệ của nền Phật giáo Việt Nam. Chúng tôi chỉ xin nhìn ở cái mặt đó để mà đánh lễ Ngài, để cảm niệm ân đức to lớn của Ngài đối với những thế hệ hậu học sau này.

Trước năm 1975, từ Viện Cao đẳng Phật học đến Đại học Vạn Hạnh, và sau này, những trường Cao cấp Phật học, những Học viện Phật giáo, Ngài đã dẫn thân vào sự nghiệp giáo dục để đào tạo biết bao những thế hệ Tăng Ni trong những hoàn cảnh hết sức khó khăn, những hoàn cảnh mà nếu chúng ta hiểu được, chúng ta mới thấy được bao nhiêu nỗi đau như những bi kịch mà các bậc Thầy Tổ, cha ông của chúng ta đã phải trải qua, để làm sao giữ được cái mạch mành của Phật giáo, để làm sao nuôi dưỡng được nền Phật giáo ở Việt Nam trong một hoàn cảnh hết sức khó khăn, khắc nghiệt, từ những khó khăn khắc nghiệt của lòng người đến những khó khăn khắc nghiệt của hoàn cảnh lịch sử đất nước.

Tôi có cơ may được sống gần gũi với một số các bậc Thầy Tổ để hiểu được ít nhiều tấm lòng của các Ngài trải ra cho đạo, cho đời. Tôi có cơ may được sống gần gũi từ Ôn Già Lam đến cố Hòa thượng Thích Thiện Minh. Gần gũi các Ngài như một người học trò, tôi hiểu được rằng, đi giữa những bi kịch của đất nước, của thời đại và của Phật giáo, những bậc Thầy Tổ của chúng ta đã phải đánh đổi bao nhiêu thứ để cố giữ lấy nền Phật giáo cho những thế hệ sau này. Và từ những hiểu biết đó, tôi có thể tự tin để nói điều này, đó là, từ trong đáy lòng của các bậc Thầy Tổ, dù ở bên này hay bên kia, ở hoàn cảnh này hay ở hoàn cảnh khác, dù

phải làm việc này việc nọ việc kia, nhưng trong chỗ sâu xa nhất của tâm hồn, các Ngài chỉ duy nhất nghĩ đến Đạo pháp, Dân tộc. Các Ngài chỉ ước mơ làm sao cho Phật giáo Việt Nam được tồn tại, được hưng thịnh để đóng góp vào cho dân tộc này bớt đau khổ. Các Ngài chỉ ước mơ làm thế nào để cho dân tộc Việt Nam được sống trong thanh bình, trong an lạc và tự do. Tôi đã từng biết đến những hoàn cảnh khắc nghiệt đẩy con người tới những bi kịch nhiều khi không dễ dàng vượt qua. Nhưng đối với một người tu sĩ Phật giáo, đối với một bậc cao tăng mà nói, cái mà các Ngài ôm giữ đi giữa đời, cái mà các Ngài để lại cho đời thì chỉ có một mà thôi, đó là cái tâm Bồ-đề chứ không có gì khác hơn - cái tâm làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh, cái tâm cầu đạo Vô thượng Bồ-đề.

Ngày hôm nay, quý Thầy, quý Sư cô, những người đã thọ ân giáo dưỡng của Ngài về nơi đây để tưởng niệm ân đức của Ngài, thọ tang báo ân Ngài cùng với một số Phật tử là những đệ tử, môn sinh của Ngài. Xin hãy nghĩ đến cái tâm Bồ-đề của Ngài, nghĩ đến những gì quý nhất mà Ngài đã làm cho bao thế hệ hậu học sau này. Tưởng niệm Ngài, xin tưởng niệm đến cái ơn giáo dưỡng đó, cái ơn đã phiên dịch các bộ Kinh tạng Pāli ra tiếng Việt để cho những người học Phật Việt Nam như chúng ta có cơ hội để tiếp cận được những lời dạy Nguyên thủy của Đức Phật.

Mỗi thời đại, mỗi hoàn cảnh, mỗi thế hệ phải tự tìm cho mình con đường để đi. Tưởng niệm Ngài là học lấy bài học từ cuộc đời của Ngài để đi con đường của chính mình. Tôi không mong gì hơn, mong các anh em Tăng Ni dù sống ở đâu, dù ở hoàn cảnh nào, dù hoàn cảnh ngày nay có khắc nghiệt đến đâu chăng nữa, thì cũng không bao giờ bỏ mất Bồ-đề tâm mà mình đã phát từ khi cất bước đi vào con đường của người xuất gia, cầu đạo giải thoát giác ngộ.

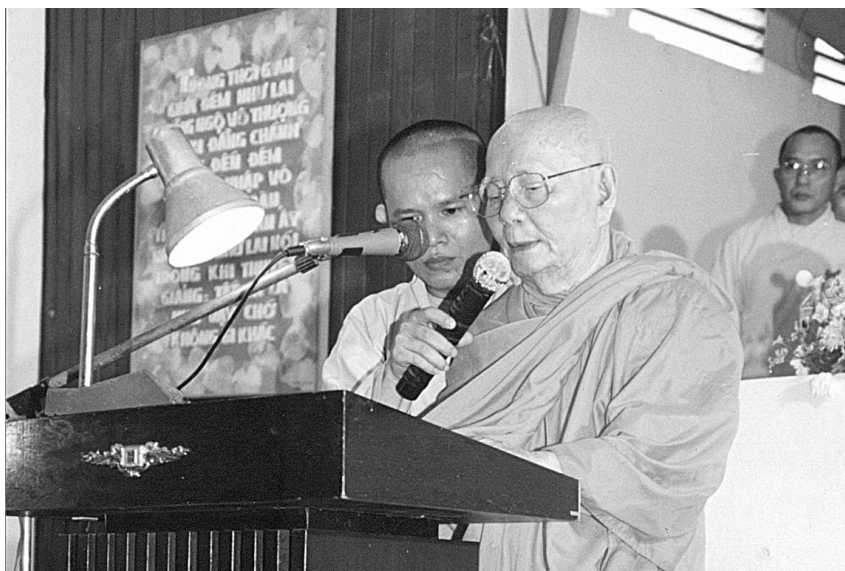
Trong con mắt của thế tình, người ta có thể nghĩ rằng, ông thầy tu này đi theo người này, đi theo người kia. Nhưng tôi tin một điều hết sức mạnh mẽ, một điều tôi có thể khẳng định trong suốt cuộc đời còn lại của mình, đó là đối với một người tu sĩ học Phật và có ít nhiều hiểu được Phật pháp - chỉ cần ít nhiều hiểu được Phật pháp thôi - thì, thưa quý vị, người đó sẽ không còn đi theo ai hết nữa, ngoài con đường theo Phật mà thôi, bởi vì, nghĩ cho cùng, có con đường nào ở giữa thế gian đầy tranh chấp nghi kỵ này quý hơn và đẹp hơn con đường của Phật đâu!

Mong rằng tất cả chúng ta nơi đây cùng hướng lòng tưởng niệm Ngài cũng như tưởng niệm bao nhiêu những vị Thầy Tổ đã đi qua trong cuộc đời của mình, trong thời kỳ nhiều nhương của vận nước, vận đạo ngày nay, cũng để tự khẳng định cho mình con đường đó - con đường của mình đi, con đường của Phật, con đường giải thoát giác ngộ chứ không phải

là con đường nào khác giữa thế gian điên đảo, mộng tưởng này”.

Toàn thể đại chúng lắng đọng tâm tư đón nhận từng lời từng chữ của Hòa thượng Viện chủ và ôn lại những kỷ niệm quý báu một thời, khi được học với cố Trưởng lão Hòa thượng dưới mái trường Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh. Chúng con xin đề đầu đánh lễ Giác linh Ôn.

Nguyễn Hương ghi



THẦY TÔI - BẬC THÂN GIÁO

Thích Tâm Hạnh

Còn gì đẹp hơn khi bài học giáo dục được biểu thị bằng chính cuộc đời của người Thầy! Đó là hình ảnh thầy tôi, Hòa thượng thượng Minh hạ Châu. Cuộc đời Thầy là bài pháp “thân giáo” sinh động, khai thị những thực tại ly ngôn, siêu thoát. Vậy mà khi tâm sư học đạo, tôi đã không hiểu hết những giá trị thân giáo ấy. Càng trải nghiệm đời sống xuất gia, tôi càng tỏ ngộ hơn những giá trị về đạo Thầy-Trò: Thầy dạy trò như chính Thầy sống!

Được làm đệ tử của Thầy là nhân duyên bất khả thuyết đối với tôi¹ dù ý niệm về mối quan hệ Thầy-Trò đã được ấp ủ trong tôi từ trước. Những ngày còn theo ba, theo chị lên chùa kỹ giỗ, tôi đã ý thức được đạo Thầy-Trò qua những môi trường như thế; đặc biệt, hình ảnh chú tiểu leo đèo theo vị thầy trông thật phơi phới tình thầy trò, khiến lòng tôi cảm giác lâng lâng một niềm khao khát...! Ở nhà, khi đọc trong cuốn *Kinh Lời Vàng*(?), câu chuyện người đệ tử bất chấp cả tính mạng để “*cầu đạo*” sao lại khắc sâu trong tâm trí tôi đến như vậy? Có lẽ vì thế mà ước mơ xuất gia từ thuở ban sơ của tôi là được sống dưới sự dạy dỗ và bảo bọc của một vị thầy khả kính nào đó.

¹ Đây là điều bất ngờ mà đến nay tôi vẫn chỉ nghĩ là cái ‘*duyên*’, bởi khi xuất gia tôi không được chọn thầy mà chỉ tìm nơi để được xuất gia. Và lại, tôi tu học ở Tường Vân được một thời gian thì Thầy mới trở về Huế sau ngày đất nước thống nhất. Sau đó, Thầy được tấn phong ngôi vị Trụ trì Tổ đình Tường Vân và lựa chúng đệ tử chúng tôi được chuyển sang cho làm đệ tử Thầy.

Tâm tưởng ấy cứ mãi phiêu diêu *một cõi đi về* cho đến khi tôi dừng chân nơi ngôi chùa mà không phải chỉ có một vị thầy khả kính như từng mơ ước.² Thế rồi, với môi trường mới lạ đây những thách thức ấy, mơ ước ban đầu của tôi dần chai thành ‘sỏi đá’ trên đồi núi Dương Xuân, nơi in hình bóng ‘*Mây Lành*’ mà thường gọi là *Tường Vân*. Nơi đây, tôi lớn lên và trưởng thành theo năm tháng dưới sự kiểm thúc, chỉ giáo của quý Thầy (thời ấy chưa ai gọi quý Thầy là *Ôn* cả): thầy Chơn Quả thì quá nghiêm khắc với từng oai nghi tế hạnh; thầy Chơn Tế thì luôn thuyết pháp dù với hoàn cảnh nào; còn thầy Chơn Hiển, thầy Chơn Trí và thầy Huệ Phước thì luân phiên chăm lo đời sống Tăng chúng và sâu sát chúng tôi trong mọi công việc. Đặc biệt, Ni sư Diệu Tấn là thành viên bất cộng trụ nhưng nặng lòng với Thầy Tổ trong sự nghiệp chăm sóc những thế hệ tương lai, làm trung gian hòa giải khi chúng tôi bị kỷ luật và quan trọng, đã cho chúng tôi không ít kiến thức về quá khứ sống động của Tổ đình. Bên cạnh đó, còn có những lớp giáo lý trong chùa theo kỳ hạn là dịp để thầy trò chúng tôi ngồi lại với nhau. Tường Vân trong tôi vừa là một gia đình lễ lối vừa là một xã hội thoáng mở.

Dưới sự chiếu cố của nhiều thầy ‘giáo thọ’ trong môi trường tu học như thế, tôi học được nhiều bài học sai khác, thậm chí trái chiều, và rồi quen dần với nếp sống *nhà thiền* phong phú ấy. Thêm vào đó, với sự dạy dỗ tâm huyết của quý thầy giáo thọ ở lớp Báo Quốc, đặc biệt là thầy Thiện Hạnh và thầy Quang Nhuận, chúng tôi không chỉ được trang bị nhiều tư lương Phật pháp, mà còn khắc cốt ghi tâm những hình ảnh về hạnh nguyện tiếp dẫn hậu lai của quý thầy. Nói chung, chúng tôi được quý thầy tận tình dìu dắt, chỉ giáo theo nhiều hình thái giáo dục trong môi trường truyền thống của Phật giáo Huế.

Tuy nhiên, tôi vẫn cảm thấy sở học của mình chưa tới đâu. Trong môi trường tu học như thế, nhiều khi tôi tự hỏi mục tiêu nào mình đang đi? Thật tình mà nói, mỗi lúc làm hương đăng trong cảnh thanh tịnh của điện Phật, tôi thường thâm cầu nguyện Đức Phật hiện ra nói cho mình biết pháp nào đúng để tu(!). Tâm trạng trẻ con ấy ít ra cũng nói lên nỗi bơ vơ đang cần nơi nương tựa. Và cũng đã mấy thu qua từ khi được làm đệ tử của Thầy - một danh tăng - , ước mơ của tôi về ‘một vị thầy khả kính’ ngày nào như được thặng hoa. Tâm tôi thường suy tưởng đến một Vạn Hạnh Sài Gòn, nơi Thầy đang ở. Tôi hằng ước mong được ở bên Thầy để làm phận sự của một đệ tử và để được Thầy dìu dắt, chỉ giáo. Và cuối cùng, thật hạnh phúc vô bờ khi tôi nhận được thư Thầy gọi...!

Ngờ đâu, những ước mong ‘*được dìu dắt*’ và ‘*được chỉ giáo*’ ấy lại hóa thành chuyện lòng

² Chùa Tường Vân lúc đó theo quy chế tri sự luân phiên hai năm một nhiệm kỳ và chúng tôi sinh hoạt dưới sự điều hành của thầy (đang làm) tri sự.

rùa, sùng thờ! Thầy không hề biểu hiện chút quan tâm nào của một vị thầy đối với đệ tử như đạo lý Thầy-Trò mà tôi thường hiểu. Bao nhiêu năm sống bên Thầy làm thị giả và kể cả sau đó, tôi hầu như không đích thân nhận được một lời giáo huấn nào từ Thầy dành riêng cho tôi, ngoại trừ những gì Thầy dạy trong lớp *Kinh Trung Bộ* cho Phật tử mà tôi theo làm thị giả, hay những buổi Thầy đứng lớp ở trường khi tôi là một Tăng sinh. Khi già từ xứ Huế, tôi mang theo hoài bão sẽ được Thầy dẫn dắt con đường ‘có mục tiêu’, nhưng kết quả chỉ là *sự im lặng*. Thêm vào đó, ngoài những biểu hiện tán thành, khích lệ của Thầy khi tôi có sự nỗ lực tinh tấn, thì Thầy dường như không hề để tâm tới cuộc sống của tôi như thế nào. Thầy mặc cho tôi tự do trong mọi sinh hoạt của mình. Sự thờ ơ của Thầy chẳng khác nào cây gươm bén phăng ngang những ước mơ về đạo Thầy-Trò mà một đệ tử hết lòng trân quý. Trong tôi man mác một cảm giác hụt hẫng và lạc lõng về những gì mình mong đợi.

Nhưng chính thời gian này, sư thúc Chơn Thiện, một hiện thân trái ngược, là chỗ dựa tuyệt vời cho tôi. Như sự bù đắp, tôi được Sư thúc quan tâm khá chu đáo về mọi mặt, từ nội điển cho đến việc đi học Anh văn ở ngoài. Với chỗ nương tựa như thế, nên ngoài công việc thị giả cho Thầy (Sư phụ), tôi thường ra phòng Sư thúc như nơi thứ hai để tôi được làm thị giả và đặc biệt, để được nghe pháp và học pháp. Nhờ vậy, tôi nhanh chóng thích ứng với môi trường tự ý thức, phóng khoáng và thoải mái của Vạn Hạnh.

Thì ra, chính nhờ sự im lặng của Thầy mà tôi được sự quan tâm của Sư thúc; chính nhờ sự im lặng của Thầy mà tôi được tự do học hỏi với bất kỳ ai. Và nhờ đó, tôi được tiếp nhận nhiều tư tưởng Phật học đầy thông thoáng, cũng như nhiều phương thức giáo dục khác nhau. Phải chăng có sự dung thông tư tưởng giữa Thầy và Sư thúc trong cung cách ứng xử trên?!

Quả thật sự dung thông ấy đã mở ra cho tôi nhiều bài học giá trị. Tôi hiểu chính xác hơn về những điều trước đây tôi chưa thật sự hiểu. Tôi nhận ra cách giáo dục bằng *thân giáo* của Thầy. Tưởng như không có sự quan tâm nhưng lại là một sự quan tâm tinh tế. Tưởng như không có dạy gì nhưng thật sự đã dạy những bài học thâm sâu, vô giá. Qua đó, Thầy đã giúp tôi hiểu được như thật thế nào là đạo Thầy-Trò.

Chính vì vướng vào những hình thức hay quan niệm truyền thống về đạo Thầy-Trò như được lưu truyền mà trong tôi những tâm lý mong đợi ‘*được điu dắt*’, ‘*được chỉ giáo*’ nảy sinh. Trong khi đó, mối quan hệ Thầy-Trò vốn không có hệ lụy hay trói buộc, mà là lối sống tự tại, giải thoát bằng sự tri ngộ giữa Thầy và Trò. Nói cách khác, đạo Phật không chấp nhận một mối quan hệ Thầy-Trò có sự trói buộc hay chấp thủ nào. Tình Thầy-Trò đẹp là ở *đạo vị*, *đạo tình*, chứ không phải là một sự *bảo bọc*. Nhưng trên thực tế, đây là vấn đề không hiếm thấy trong hiện trạng của Phật giáo, bởi vì hai từ ‘*chấp thủ*’ và ‘*trách nhiệm*’ thực chất là trái ý nghĩa, nhưng đôi khi lại đồng hình thức, nên dễ bị vận dụng sai lạc hoặc bị lợi dụng cho mục đích nào đó. Vì vậy,

đạo Thầy-Trò cũng là pháp môn mà sự thành tựu của nó còn tùy thuộc vào tuệ giác của vị thầy.

Vị thầy cần phải là *bậc thân giáo* (*upādhyāya*), tức là người có thể giáo dục đệ tử ngang qua những hành vi (thân, khẩu, ý)³ từ chính lối sống thật và đạo vị của mình, đồng thời có khả năng dẫn dắt đệ tử trong thực tế một cách đúng Chánh pháp. Đức Phật là một hiện thân hoàn hảo nhất của bậc thân giáo ấy. Trong kinh điển nguyên thủy, Ngài tự nhận là người chỉ đường và thường tự xưng là “Như Lai” (*Tathāgata*) với ý nghĩa “bậc nói gì làm vậy, làm gì nói vậy”; và con đường chứng ngộ Vô thượng Bồ-đề mà Ngài đã đi qua là con đường ai cũng có thể đi được và thành tựu được. Nhân cách của Đức Phật như vậy là biểu mẫu của trải nghiệm và làm gương trong định hướng giáo dục của Ngài.

Hệ quả tất yếu của định hướng giáo dục này là mối quan hệ thiêng liêng của đạo Thầy-Trò. Trong kinh *Tự Hoan Hỷ*, Tôn giả Sāriputta bày tỏ niềm hân hoan tôn kính cùng tột đối với bậc Đạo sư: “Bach Thế Tồn, những gì có thể đạt được bởi một thiện nam tử có lòng tin, có tinh cần, có kiên trì bởi sự kiên trì của con người, bởi sự tinh tấn của con người, bởi sự tiến bộ của con người, bởi sự nhẫn nhục của con người, đều được Thế Tồn chứng đạt!”⁴. Hình ảnh Đức Phật và Giáo pháp của Ngài cũng là nguồn thi hứng đầy kính mến cho các đệ tử mà hai tập *Trường lão Tăng kệ* và *Trường lão Ni kệ* là minh chứng hùng hồn. Chỉ có những tiết tấu siêu ngôn từ từ thân giáo mới có thể du dương những cung bậc đồng điệu tâm thức giữa thầy và trò như thế! Một tôn giáo không có sự tương ứng giữa thầy và trò thì đó không phải là Phật giáo⁵ và ở đó không thể có sự kiện người đệ tử được đặt ngang hàng vị giáo chủ về cứu cánh giải thoát.

Với nền tảng đạo Thầy-Trò từ nguồn văn học Phật giáo được xem là nguyên thủy nhất đã được Thầy chuyển dịch ra Việt ngữ bằng cả lòng chân thành và bầu nhiệt huyết, và đặc biệt được Thầy trì đọc và *sống với* mỗi ngày, thì hình ảnh Đức Phật như thế chắc chắn tác động không nhỏ đến đời sống thực tế của Thầy.

Phần lớn những bài pháp chúng tôi tiếp nhận được từ Thầy không thông qua khẩu thuyết, mà qua chính cách sống Thầy đã sống. Với nụ cười từ ái, Thầy luôn chu đáo, từ hòa, nhu thuận, nhẹ nhàng, trân trọng và bình đẳng trong cách ứng xử công việc cũng như trong giao tiếp với

³ Phật giáo luôn khuyên lời nói cần phải đi đôi với việc làm (*ngôn hành tương vi*), nên ‘khẩu giáo’ mà người ta thường đem phân biệt với ‘thân giáo’ và ‘ý giáo’ không thuộc phạm vi đề tài này. Như thế, có hai hình thái ‘khẩu giáo,’ một của bậc thân giáo và một của người diễn giảng. Về khía cạnh ‘bậc thân giáo,’ người đệ tử phải học luôn cả cách nói của vị thầy mà không phải chỉ học những gì thầy nói ra, và chính trong những tình huống như vậy mới có sự kiện “ý tại ngôn ngoại” của nhà thiền.

⁴ *Trường Bộ kinh*, số 28, ‘Kinh Tự Hoan Hỷ’ (đoạn 19).

⁵ Xem thêm ở *Trường Bộ kinh*, số 29, ‘Kinh Thanh Tịnh,’ và ở *Trung Bộ kinh*, số 77, ‘Kinh Mahā Sakuludāyī.’

mọi người, mọi tình huống. Đó là những hình ảnh gắn liền với nhân cách sống của Thầy.

Suốt đời Thầy chưa từng lớn tiếng với ai dù Thầy vẫn rất mực nghiêm túc trong công việc cũng như trong sự nghiệp giáo dục, học thuật. Tôi vẫn còn nhớ như in bài học thân giáo về sự trầm tĩnh của Thầy. Buổi sáng hôm đó, sau khi điểm tâm xong như thường lệ, Thầy đi bộ rồi đứng vịn lan can trên tiền đường tầng lầu để nghỉ ngơi chốc lát. Khi Thầy đang đứng ngắm nhìn cảnh quan buổi sáng trong lành với những hàng cây xanh tỏa bóng mát trước Thiền viện, giáo sư Minh Chi cầm ra cuốn *Từ điển Phật học Việt Nam* và nói “đã để tên Thầy đồng tác giả” cuốn từ điển ấy. Với vẻ không hài lòng nhưng vẫn bất động nhìn ra phía trước Thiền viện, Thầy chậm rãi phàn nàn: “Chú làm cái chi chi... rứa!”. Rồi Thầy không nói thêm một lời nào...! Giáo sư Minh Chi đứng im lặng một hồi rồi mang cuốn từ điển ấy vào để trong phòng cho Thầy. Và sau đó Thầy cũng chẳng bận tâm đến những phiền phức mà cuốn từ điển ấy đem đến, điều đã khiến chúng tôi cảm thấy bức lòng, còn Thầy thì vẫn tĩnh tại, an nhiên.

Một lần khác, thầy trò chúng tôi được một Việt kiều quen biết liên hệ rất thân thiện và hậu hĩnh, để rồi sau cùng vị ấy xin Thầy ký (khống) cho vị ấy một văn bằng cử nhân giả của Viện Đại học Vạn Hạnh (trước 1975). Điều này đã gây nên một tình huống khó xử. Như một nhà giáo dục mô phạm, Thầy đã khước từ yêu cầu của vị ấy và dứt khoát cự tuyệt tiếp xúc với vị ấy. Đó là những lần tôi chứng kiến thái độ nghiêm khắc và dứt khoát của Thầy trước những vấn đề liên quan đến sự nghiệp ‘trông người’ mà Thầy suốt đời đeo đuổi.

Sự từ hòa và nhu thuận là bản chất dễ mến vốn có của Thầy nhưng không phải không vận dụng trí tuệ rạch ròi trên con đường hoàng dương Chánh pháp. Điều đáng nói là những sự việc không hài lòng ấy của Thầy khó ai biết được nếu không trực tiếp chứng kiến. Đức tính im lặng và ít nói của Thầy là bản lĩnh hiếm có để Thầy là bề cả thâm sâu hơn là ba đào sóng vỗ!

Những hình ảnh chân chất của Thầy trong cuộc sống khó phản ánh như thật ngang qua ngôn từ. Thậm chí những hình ảnh ấy được cảm nhận khác nhau tùy theo mỗi người. Hơn nữa, qua nhiều biến cố của dân tộc gắn liền với cuộc đời mình, những công hạnh dẫn thân của Thầy khó tránh khỏi những ngộ nhận do tính chất thời cuộc, kể cả những ngộ nhận phát xuất từ sự cứu mang cho vận mệnh của Đạo pháp và Dân tộc. Cũng chính vì sự cứu mang này mà trải qua mười mấy năm Sư bà (chùa) Tâm Ấn (Quy Nhơn) đã nặng lòng ‘trắc ẩn’ với những *dẫn thân* của Thầy, để rồi vào ngày lễ Thượng thọ của Thầy tại Tổ đình Tường Vân, Sư bà về trước Thầy đánh lễ, nói lời tạ tội sám hối. Nghĩa cử của một bậc Ni trưởng như thế một phen làm cho toàn thể tứ chúng Tổ đình Tường Vân dâng trào niềm xúc cảm vô biên trước đạo tình thiêng liêng giữa nhị vị cao đức! Thầy sống không nói mà chỉ làm, và thành quả của việc làm đã nói lên tất cả.

Thế cuộc dù có thế nào đi nữa, tư thái im lặng của Thầy luôn toát ra một vẻ mô phạm, an tịnh và bình thản, bởi ngoài những trách nhiệm phải làm, Thầy dành phần lớn thì giờ cho các bộ kinh mà Thầy đã dịch như là suối nguồn của sự tịnh lạc. Ngang qua lối sống nhẹ nhàng mà siêu thoát ấy, Thầy đã dạy cho chúng tôi biết thế nào là giá trị chân thật của cuộc sống này, đồng thời muốn nhắn nhủ rằng chỉ có lời dạy của Đức Phật mới là đạo lộ đưa đến sự bình yên và hạnh phúc thật sự. Đây cũng là lý do Thầy đặt tên “Pháp Lạc” cho ngôi Bảo tháp, nơi tôn trí sắc thân cuối cùng của Thầy, như là lời di huấn tối hậu cho hậu thế về chân hạnh phúc an lạc lâu dài. Pháp lạc là *lõi cây* của Chánh pháp, và “cái gì là lõi cây, cái ấy sẽ tồn tại lâu dài!”.

Đối với tôi, cuộc đời Thầy được kết tinh thành viên ngọc vô giá trong tâm trí cho riêng mình mà không nói được, bởi vì khi xa Thầy, tôi lại càng cảm nhận sâu sắc hơn, thấm thía hơn, những giá trị từ hình ảnh đời thường của Thầy mà ngày nào tôi cứ ngỡ chỉ là chuyện ‘ngày ba bữa’!

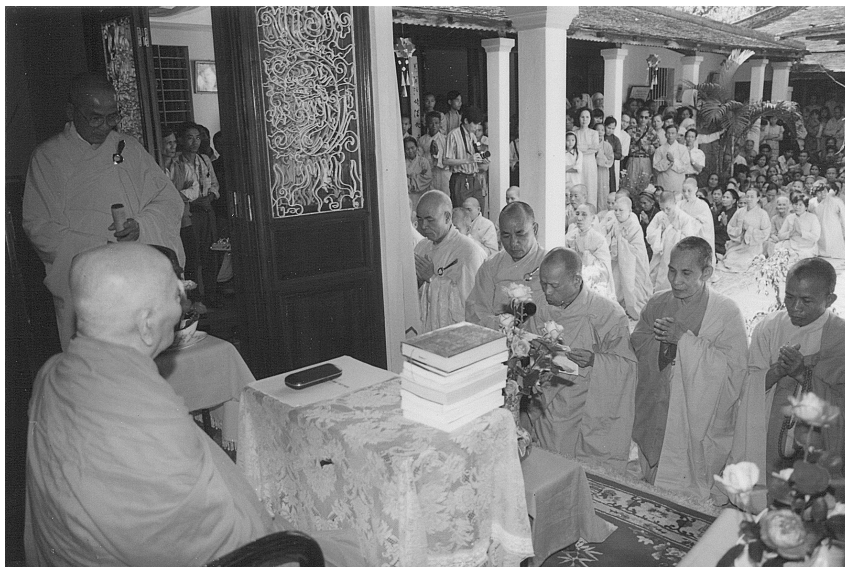
Những bài học từ chính cuộc đời Thầy sẽ vẫn mãi mãi khắc sâu trong tôi. Những hệ lụy, những mong chờ, những chấp thủ truyền thống đạo Thầy-Trò, đã được Thầy tháo gỡ, dứt trừ, và giải thoát bằng lối sống mặc nhiên, an tịnh và tự tại của Thầy. Và còn nhiều hơn thế nữa những tâm lý tiêu cực của tôi đã được chuyển hóa một cách tuyệt vời và thiết thực ngang qua uy lực thân giáo của Thầy. Có thể nói:

- Chính sự im lặng của Thầy đã giúp tôi không còn tâm lý mong đợi sự chiếu cố từ Thầy (huống là từ người khác);
- Chính đời sống an tịnh của Thầy đã khiến tâm tôi giảm bớt những bùng lung thế sự;
- Chính đời sống bình dị của Thầy đã bảo tôi phải dừng lại những sung túc;
- Chính tính hiền từ, hỷ xả của Thầy đã khuyên tôi không nên nghiêm khắc với ai;
- Chính sự chu đáo và trách nhiệm của Thầy đã nhắc tôi phải luôn ý thức những việc mình làm;
- Chính sự nghiệp giáo dục mô phạm của Thầy đã mở cho tôi một định hướng thiêng liêng trên con đường hoằng pháp;
- Chính những bài thuyết trình nhiệt huyết của Thầy trong các hội nghị quốc tế và quốc nội đã truyền cho tôi một cảm hứng Bồ-tát hạnh;
- Chính sự vô ưu, bình thản của Thầy trước bệnh tật đã giúp tôi hiểu rằng tâm giải thoát luôn bất động và tự tại trước sắc thân vô thường, tạm bợ này...

Những bài pháp thân giáo trong suốt cuộc đời Thầy quả thật không thể nói hết. Đó là những bài pháp thiết thực, sống động, chân thật mà tôi có được từ chính cuộc đời Thầy.

Thầy không nói nhiều mà chỉ sống vậy đó, để cho những bài pháp trực quan sinh động vẫn mãi mãi ngân vang trong tâm thức các chúng đệ tử. Đúng là, Thầy không cho gì mới là cho tất cả, tất cả cuộc đời Thầy! Thầy không cho ai mới là cho tất cả, tất cả ai biết Thầy! Thấp thoáng trong ‘tất cả’ đó, như vang vọng âm thanh “Hãy nương tựa chính mình!”, “Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi!”, “Các con hãy là những người thừa tự Pháp, chớ có là người thừa tự tài vật!”, “Đây là chỗ an tịnh, hãy hành thiền, tinh tấn lên để giải thoát!”. Âm vang ấy mãi ngân lên và hòa quyện vào nhịp thở của các chúng đệ tử trong mạch sống trường tồn của Đạo pháp, như thuở nào Đức Thế Tôn đã thi thiết bài học thân giáo trước các chúng đệ tử của Ngài.

Lành thay, những gì tôi nhận được từ Thầy trong đạo Thầy-Trò thật là to lớn và cao quý hơn nhiều so với những gì tôi mong đợi và ước mơ! Ngưỡng vọng về Thầy với lòng thành kính vô biên của một đệ tử, nguyện nhớ mãi hình ảnh: THẦY TÔI - BẠC THÂN GIÁO!



ÁNG MÂY GIỮA TRỜI

Khế thủ, Học trò cũ Nguyễn Siêu

Người nằm xuống để cho đời im lặng
Ủ hình hài nơi lòng Đất Mẹ yêu
Ngày hai buổi tiếng kinh chiều vang vọng
Vạn Hạnh buồn đưa tiễn bậc cao siêu.

Thành kính dâng lễ:

Giác linh Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu

Nhà phiên dịch Kinh tạng Pāli - Nhà Văn hóa Giáo dục,

Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh,

Bậc Ân sư - Giáo thọ sư

Lễ cung tống Kim quan nhập Bảo tháp

Hoa Kỳ, ngày 9-9-2012

LÀNH THAY GẶP MINH SƯ

Đệ tử Nguyễn Lạc - Nguyễn Đào

Quê hương đất nước bao đời thăng trầm thịnh suy, suy thịnh theo định luật vô thường đổi thay. Tuy giỏi nghề và khéo điều hành tổ sản xuất, nhưng cuộc sống chúng tôi vẫn luôn lam lũ để nuôi thân, gánh vác gia đình, và dưỡng dục tám con thơ ấu nên người, nên đầu óc lúc nào cũng ưu tư dao động. Ngày rằm tháng Tư năm Mậu Ngọ (1978), vợ chồng tôi - Vũ Văn Châm và Phạm Thị Kim Anh - về chùa Ấn Quang, đường Sư Vạn Hạnh, để dự lễ kỷ niệm Đức Phật đản sanh, PL.2522, lúc 9 giờ sáng ngày 21-05-1978. Đúng trên bục thuyết giảng của buổi lễ là Thầy - Thượng tọa Thích Minh Châu - ngày ấy còn trẻ với dung sắc bình an, thuần tịnh, và thánh thiện. Bài pháp Nhất Dạ Hiền Giả của Thầy hôm ấy đã đưa chúng tôi về Thiên viện Vạn Hạnh kể từ đó.

Chiều hôm ấy (21-05-1978), năm thứ tư sau ngày đất nước thống nhất, Thiên viện Vạn Hạnh, tại 716 Võ Di Nguy, Phú Nhuận, Sài Gòn (nay là 750 Nguyễn Kiệm, Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh) tổ chức kỷ niệm Đức Phật đản sanh, và trở thành truyền thống hàng năm của Thiên viện (cho đến nay đã gần 40 năm). Đức Phật Tổ ngồi tôn nghiêm trên bệ cao chưa đầy một thước. Ngài nhìn ra sân trước rộng dài thăm thẳm đến tận đường Võ Di Nguy (tên đường cũ). Bên phải là khóm bông giấy cổ thụ cao to, cành lá xanh tươi vắt ngang vòm thể dục bê-tông uốn cong, tỏa bóng mát một vùng rộng lớn. Chiều hôm ấy, nhiều chùm hoa đỏ thắm nở rộ trên nền trời xanh mây trắng lúc nắng nhạt chiều tà, hoa

lá hòa cùng thiên nhiên đong đưa làn gió mát như hăm hở đón mừng ngày Đức Thế Tôn ra đời. Dưới bóng cây râm mát, nhóm thiếu nữ hồn nhiên rạng rỡ mời mọi người dùng nước giải khát. Thiên môn Vạn Hạnh thanh bản lạc đạo, không ồn ào xa hoa. Người con Phật ấm lòng hân hoan kính mừng: “Vui thay Phật ra đời! Vui thay Pháp được giảng!”.

Thật vậy, Thầy luôn có những bài thuyết giảng trong những dịp lễ truyền thống như thế. Những lời dạy của Đức Phật từ Kinh tạng Pāli được Thầy tâm huyết trích dịch và truyền đạt lại cho các hội chúng Tăng Ni và Phật tử Thiên viện Vạn Hạnh. Thầy thường dạy, “Pháp của Đức Thế Tôn là dành cho người có mắt, không phải cho người không có mắt, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy”. Thông qua những bài thuyết giảng ấy, Thầy mong muốn người Phật tử phải có chánh kiến để hành trì lời dạy của Đức Phật một cách trong sáng và trí tuệ trong đời sống hàng ngày để đem lại lợi ích thiết thực cho cả mình và người. Những mong muốn ấy của Thầy được Thầy truyền cảm từ lời dạy của chính Đức Thế Tôn trong Kinh tạng Nikāya, rõ ràng, minh xác, và không có tí điều mù quáng.

Thiền viện Vạn Hạnh lúc ấy chỉ là một tòa villa cũ kỹ hướng ra đường được xây dựng từ thời Pháp thuộc giữa một khu đất rộng lớn khoảng 7.000m², cùng mấy căn nhà phụ đơn sơ để sinh hoạt. Chánh điện nằm giữa tầng trệt của tòa villa rộng gần ngàn mét vuông. Bức tượng Phật Tổ cao khoảng hai mét vốn được tôn trí ở phòng Thiền bên Đại học Vạn Hạnh cũ dưới sự chứng minh của Đức Đệ nhất Tăng thống GHPGVNTN, Bổn sư của Thầy, nên Thầy rất trân quý và cho thỉnh về tôn trí trên bệ chính giữa tòa villa cao thoáng, thông đến tầng trên. Hai bên chánh điện là hai phòng thư viện đọc sách thoáng mát và yên tĩnh; nhiều sinh viên từ các đại học ngoài cũng đến nương nhờ đây học rất đông. Kho pháp bảo *Kinh-Luật-Luận* thuộc Nam tạng và Bắc tạng có cả những ngôn ngữ như Anh, Đức, Pháp, Hoa, Nhật... cũng được đưa về đây làm thư viện, phần lớn được bảo quản ở Thư viện trên tầng lầu. Căn phòng phía sau bên cánh hữu của tầng lầu là nơi Thầy sinh hoạt và miệt mài dịch kinh trong suốt thời gian nhàn rỗi sau ngày giải phóng.

Bên trái villa - Bảo tháp Pháp Lạc bây giờ - vốn là hồ bơi hình chữ nhật. Gần hồ bơi hướng ra đường lộ là tòa nhà hai tầng biệt lập của Sư cô Trí Hải, một bậc Ni trưởng tài hoa xuất chúng, được Thầy mời về đó ở và tiếp tục phụ tá Thầy sau ngày đất nước thống nhất. Giữa hồ bơi và tòa nhà của Ni trưởng Trí Hải là câu lạc bộ giải khát. Đằng sau tòa nhà của Ni trưởng Trí Hải là dãy phòng cấp bốn rộng lớn, lợp tôn thấp lè tè, là ngôi trường cũ (Trường Cao cấp Phật học Việt Nam, Cơ sở 2) hướng ra một không gian thoáng rộng giữa tòa villa và cổng Thiền viện. Vào thập niên 80-90, cũng tại đây nhà này, Thầy mở lớp giảng dạy Kinh tạng Nikāya như *Trung Bộ kinh*, *Trường Bộ kinh*, *Tương Ưng Bộ kinh*, *Tăng Chi Bộ kinh*... mỗi chiều thứ Ba và thứ Bảy hàng tuần. Lớp học có khoảng trên 50 học viên, đa số là

Phật tử tại gia và duy trì đều đặn một thời gian dài trên 20 năm. Hiện nay, ngôi trường cũ đã được thay thế bằng ngôi trường mới cao 5 tầng bên cánh hữu Thiền viện - một công trình kiến trúc tuyệt đẹp và ấn tượng.

Khi Đại học Vạn Hạnh ở Trương Minh Giảng sau ngày giải phóng Nhà nước thu hồi, Thầy về đây ở và chuyên tâm vào việc phiên dịch Kinh tạng Nikāya. Quang cảnh nơi đây lúc ấy còn hoang vu, cây leo cỏ dại um tùm lan ra mặt đất. Thấy vậy, chúng tôi đi đến đường Nguyễn Trãi để tìm mua cây cảnh về trồng. Có một cây bồ-đề nhỏ đẹp nhưng nhà vườn không bán. Họ nói cây bồ-đề này được chiết từ cây bồ-đề Ananda xứ Phật (Ấn Độ); nếu được trồng ở chùa, nhà vườn sẽ không lấy tiền. Đúng thời, cây bồ-đề được thỉnh về Thiền viện Vạn Hạnh, cùng với nhiều loại cây cảnh khác được mua về trồng như mai vàng, mai tứ quý, mít... được trồng quanh Thiền viện, tạo ra môi trường xanh, cảnh quan đẹp với sáu bảy chục cây. Mỗi mùa Tết đến, dây mai vàng trước chánh điện nở rộ, tôn lên vẻ trang nghiêm rực rỡ của Thiền viện. Nhưng do nhu cầu xây dựng, nay chỉ còn lại cây bồ-đề to lớn, trở thành một trong những cây cổ thụ quý hiếm của Thiền viện Vạn Hạnh.

Dù bất cứ hoàn cảnh nào, hạnh nguyện suốt đời của Thầy là cống hiến cho sự nghiệp giáo dục Phật giáo. Vì thế, khi về môi trường mới, Thầy tiếp tục hoàn tất các bản dịch Việt ngữ những lời dạy nguyên thủy của Đức Phật để làm nền tảng cho định hướng giáo dục này, đồng thời bằng mọi cách, xin phép mở trường đào tạo Tăng Ni thành những tu sĩ chân chánh, thực tài thực đức, để đưa Chánh pháp vào đời. Đó là lý do Trường Cao cấp Phật học Cơ sở I tại chùa Quán Sứ (Hà Nội) ra đời năm 1981, và Cơ sở II tại Thiền viện Vạn Hạnh (TP.Hồ Chí Minh) năm 1984; cả hai đều được Thầy làm Hiệu trưởng và là tiền thân của Học viện Phật giáo Việt Nam ngày nay. Nhằm phục vụ cho sự nghiệp giáo dục này, năm 1990, Thầy còn xin phép mở thêm Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam mà Thầy là Viện trưởng, và thành lập Hội đồng Phiên dịch Đại tạng kinh Việt Nam do Thầy làm Chủ tịch. Quả thật, Thầy đã có một tầm nhìn toàn diện và chu đáo về một hệ thống giáo dục cho Phật giáo Việt Nam hiện đại.

Chính sách những năm 1978-1981 chủ trương “Bàn tay ta làm nên tất cả; với sức người sỏi đá cũng thành cơm”. Do đó, mọi người, kể cả thầy tu, đều phải lao động chân tay, làm ra của cải góp phần xây dựng no cơm ấm áo cho xã hội. Các thầy trẻ Vạn Hạnh cũng phải bày ra nghề lao động làm chao để tự lực cánh sinh và để khai báo với địa phương. Nhưng vì các thầy không giỏi làm kinh tế nên sau một thời gian thì xưởng chao hết vốn. Trong lúc kinh tế đang lúc cực kỳ khó khăn, vào một chiều sẩm tối, Thầy bản khoản chia sẻ với những Phật tử thâm tín tại gia: “Dù Tăng chúng ít ỏi nhưng không có gì để nuôi. Có lẽ

Thầy phải để cho vị nào tự lo vị ấy”. Lúc ấy có ba Phật tử đau xót trước hoàn cảnh này đã quyết tâm nguyện gánh bớt nỗi băn khoăn của Thầy cho dù khó khăn đến đâu. Ba vị đã phát tâm cúng dường mỗi vị một ngàn, cộng lại được ba ngàn để gây quỹ, và gọi là *Quỹ Ấm thực Ban Hộ trì Vạn Hạnh*.

Tuy đạm bạc nhưng được cúng dường để chư tôn đức yên tâm tu hành trong lúc đói khổ là một phước lạc vô biên của người Phật tử tại gia chúng tôi:

*Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiếu như thực là vậy,
Niết-bàn, lạc tối thượng. (PC.203)*

Theo Thầy học Phật pháp và được thực hành những điều đúng Chánh pháp, chúng tôi cảm thấy pháp học và pháp hành được hòa quyện với nhau như thể đang được sống dưới thời của Đức Thế Tôn. Công đức cúng dường thường được Thầy hướng dẫn một cách thiết thực, đem lại hạnh phúc cho cả người thí và người nhận ngay trong hiện tại và cả tương lai. Thầy dạy, trước khi cúng dường tâm hoan hỷ, trong lúc cúng dường tâm hoan hỷ, sau khi cúng dường tâm cũng hoan hỷ, đó là cúng dường đúng pháp. Cúng dường lớn - hạt nhân lớn - đưa đến quả lớn; người không có điều kiện cúng dường nhỏ - hạt nhân nhỏ - cũng đưa đến quả lớn. Cúng dường đúng pháp thì cả hai đều được phước báo lớn như nhau. Cúng dường bố thí là để buông bỏ tâm xan tham vị kỷ, để hướng tâm đến niềm hạnh phúc cao cả hơn, siêu thoát hơn.

Ban Hộ trì đã tạo được niềm tin và dần dần được nhiều đạo hữu tiếp sức như nhiều cây chụm lại làm nền tảng cho nhiều Phật sự khác. Rồi Thầy khích lệ *Ban Hộ trì Thiên viện Vạn Hạnh* nhân rộng thêm *Ban Bảo trợ Trường Cao cấp Phật học Việt Nam* và *Ban Bảo trợ Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam* - ba cơ sở do Thầy sáng lập và điều hành trong hệ thống phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam nằm trong khuôn viên 7.000m² của Thiên viện Vạn Hạnh. Tất cả đều hoạt động một cách đồng bộ và hiệu quả dưới sự lãnh đạo của Thầy.

Thời gian này, Vạn Hạnh là nơi hội tụ nhiều bậc cao tăng, thiện tri thức trong đạo, ngoài đời, trong nước, ngoài nước. Mỗi kỳ lễ khai giảng và lễ tốt nghiệp, Hội trường Vạn Hạnh luôn tiếp đón nhiều bậc tôn túc, các giáo sư và nhiều quan khách đến chứng minh và chào mừng các thế hệ Tăng Ni trẻ ra trường sau bốn năm khổ học. Ngoài ra, các buổi học ngoại khóa do các bậc tôn túc và các giáo sư nước ngoài phụ trách đã tạo nên một sinh khí học tập hướng thiện và nhập thế cao. Vạn Hạnh cũng là nơi tổ chức nhiều cuộc hội nghị, hội thảo để nêu lên những vấn đề bức thiết cần giải quyết liên quan đến con người và xã hội hiện đại. Và

dưới sự lãnh đạo của Thầy, rất nhiều văn nhân, nghệ sĩ, ca sĩ, nhạc sĩ hữu danh quy tụ về như Trịnh Công Sơn, Phạm Thế Mỹ, Thụy Nam, Đoàn Yên Linh, Bảo Yến, Nhã Phương, Huyền Trân, Đức Thành, Hồng Vân, Chúc Linh, Hữu Thọ, Bích Phương, Bảo Cường, Bảo Quốc, Út Trà Ôn... Các văn nhân nghệ sĩ vừa sáng tác, vừa thực hiện lời ca tiếng hát cúng dường Phật, Pháp, Tăng để giúp vui trong các buổi hội nghị, hội thảo, Tết, Phật đàn, Vu lan, dưới sự chứng minh của Thầy và sự quang lâm của chư tôn đức cùng đồng đạo quan khách và đồng bào Phật tử. Vạn Hạnh đúng nghĩa là môi trường văn hóa và giáo dục Phật giáo.

Thời gian vô tình trôi, Vạn Hạnh êm đềm đã trở thành ngôi nhà tâm linh không thể thiếu trong lòng chúng tôi khi sống trong cuộc sống đa đoan thế sự này. Khi được Thầy chính thức đề cử làm Trưởng ban Hộ trì trước đồng đạo hội chúng tại gia, chúng tôi đã xin Thầy cho phép hỏi các thân hữu Vạn Hạnh rằng: “Nguyên Lạc có xứng đáng được tin cậy không, đặc biệt là có tư cách của một Phật tử tại gia giữ đủ năm giới? Nếu không được như vậy thì Nguyên Lạc không xứng đáng được tín nhiệm”. Cả hội chúng đều hoan hỷ tán thành và tín nhiệm.

Mặc dù gánh vác nhiều trọng trách, chúng tôi luôn xem tất cả đều là những pháp hành sau khi pháp học đã được học từ Thầy - những gì Thầy đã dạy và đã sống. Sự hiến dâng trong tình đạo vị cao cả ấy quả là vô cùng thiêng liêng và cao quý. Với nhân duyên này, chúng tôi lại có thêm cơ hội tháp tùng Thầy đi nhiều nơi và được hưởng nhiều ân đức của Thầy trong mỗi chuyến đi. Đặc biệt, năm 1994, chúng tôi được theo Thầy viếng Thánh tích Ấn Độ. Đây là chuyến hành hương lịch sử bởi được Thầy làm Trưởng đoàn và Hòa thượng Thiện Siêu làm Phó đoàn. Đến Bốn động tâm, Thầy đã xúc động đến rơi nước mắt như thể đang được đối diện với Đức Thế Tôn - bậc Đạo sư vĩ đại vô song mà Thầy đã trọn đời hiến dâng không biết mệt mỏi. Hình ảnh chân thật ấy đã khiến Phật tử tại gia chúng tôi lúc ấy dâng trào một niềm cảm xúc siêu phàm thoát tục và một lòng tịnh tín vô biên trước sự nhiệm mầu của Chánh pháp.

Năm 2001, Thầy cho xây dựng lại Thiền viện Vạn Hạnh, làm tan biến toàn bộ dấu tích của tòa villa cũ kỹ ngày nào thành ngôi Bảo điện uy nghiêm, đơm hồn dân tộc. Khi lãnh đạo Nhà nước đến thăm Thầy và nhận thấy ba cơ sở lớn của Giáo hội - Thiền viện, Học viện, và Viện Nghiên cứu - chỉ nằm trong khuôn viên 7.000m², nên họ đã quyết định cấp cho Giáo hội khu đất mới để xây trường, rộng 23 mẫu tây, tại huyện Bình Chánh, TP.Hồ Chí Minh, mà Thầy là đại diện tiếp nhận khu đất này. Các cơ sở vật chất của Thiền viện Vạn Hạnh nói riêng và của Giáo hội nói chung càng ngày càng được cải thiện khang trang.

Suốt cả cuộc đời, Thầy chẳng nề vất vả gian khó. Mừng xuân mới, quý thầy cùng các Phật tử

đến chúc thọ Thầy. Đáp từ ngắn gọn, Thầy nói: “Những gì tôi làm được thì coi như là trách nhiệm và bổn phận của người con Phật thôi. Tôi không trông mong gì cả, chỉ mong quý vị, Tăng Ni Phật tử xa gần, cố gắng thực hành lời Phật dạy và duy trì môi trường văn hóa giáo dục tốt đẹp để quảng bá lời dạy trong sáng và thiết thực của Đức Phật đến với mọi người để lợi ích cho đời”. Như cây đại thụ, Thầy tỏa bóng mát từ bi và trí tuệ với phương châm “*Duy tuệ thị nghiệp*” đã đem lại nhiều lợi lạc cho Tăng Ni và Phật tử chúng tôi. Dưới bóng mát đạo hạnh của Thầy, chúng tôi - các đạo hữu thiện tri thức tâm tín từ ba miền đất nước - sống chung vui hòa hợp như con một nhà. Hàng ngày, hàng tuần, và nhiều năm tháng tới lui Vạn Hạnh để nghe Thầy giảng pháp, chúng tôi được học và được thực hành lời Phật dạy, đồng thời được làm các công đức như Thầy đã chỉ dạy. Chúng tôi thật sự an lạc và hạnh phúc khi được sống bên Thầy.

Nỗ lực cả đời, trụ thế 95 năm vì sự nghiệp giáo dục và phiên dịch cổ ngữ Pāli ra Việt ngữ, Thầy đã đào tạo nhiều thế hệ Tăng Ni trẻ kế thừa, đủ năng lực để dẫn thân và lãnh đạo Giáo hội. Đại nguyện ấy của Thầy đã thành hiện thực và đã để lại cho lịch sử Phật giáo Việt Nam một vết son tươi thắm và sáng ngời mãi mãi với thời gian.

Thầy đã “đặt gánh nặng xuống” lúc 09 giờ sáng ngày 16 tháng 07 Nhâm Thìn (01-09-2012), trụ thế 95 năm. Thầy ra đi nhưng công hạnh của Thầy vẫn còn lưu lại cho hậu thế với một ngôi Bảo điện uy linh, một nhà Hậu tổ trầm lắng, một Bảo tháp thanh bình, một Tăng xá hài hòa và một ngôi trường uy nghiêm nên giáo dục hiện đại. Đặc biệt, Thầy đã để lại một kho tàng các dịch phẩm và tác phẩm vô giá cho sự chuyển mình và phát triển của lịch sử Phật giáo Việt Nam. Và đối với mạng mạch Phật pháp, Thầy đã để lại những hội chúng đông đúc các đệ tử học trò xuất gia và tại gia thật tài thật tu để lưu truyền thông điệp mà Thầy đã cứu mang trong suốt cuộc đời thị hiện độ sanh của Thầy. Dù huyền thân Thầy đã trở về với cát bụi, nhưng pháp thân Thầy vẫn hiện hữu bất tận với hành trình sống đạo và hành đạo của chúng tôi.

*Trưởng ban Hộ trì Thiền viện Vạn Hạnh - Trưởng ban Bảo trợ Học viện PGVN tại TP.Hồ Chí Minh -
Trưởng ban Bảo trợ Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam,
Đệ tử Nguyễn Lạc - Nguyễn Đào
(Cty Cổ phần Giấy Việt “Vina Giấy”)*

QUỪ PHẠM THIÊN THU BẮT DIỆT

Hà Thúc Hoan

Vào một ngày trước Cách mạng Tháng Tám, tại một tỉnh nhỏ ở miền Trung, các vị chức sắc làng Văn Quỳ thỉnh cầu thân phụ Hòa thượng Viện trưởng Thích Minh Châu là Cụ Đình Văn Chấp viết cho một câu đối để treo ở ngôi đình mới hoàn thành. Vị Tiến sĩ khoa Quý Sửu (1913) sáng tác tại chỗ câu văn biền ngẫu:

“VĂN minh vạn cổ trường tồn, thiên nhật nguyệt, địa sơn hà (...);

QUỪ phạm thiên thu bắt diệt, quốc quân thân, gia phụ tử (...).

Giai thoại văn chương này chúng tôi được biết qua lời kể của thân sinh cách đây gần hai mươi năm, vì không ghi chép nên hôm nay chỉ còn nhớ được phần đầu của hai vế đối.

Sáng ngày 1 tháng 9, được nhân viên văn phòng Học viện Phật giáo tại TP.HCM báo tin Hòa thượng Viện trưởng viên tịch, chúng tôi nhớ lại câu đối vừa nêu trên và chợt nhận ra rằng sáu chữ “*Quỳ Phạm Thiên Thu Bắt Diệt*” phù hợp với cuộc sống đạo hạnh cũng như sự nghiệp giáo dục của Hòa thượng Viện trưởng. Chúng tôi dự tính sẽ đặt làm một bức trướng với sáu chữ ấy để tưởng niệm công đức của Người.

Trước khi thực hiện ý định, vì thói quen nghề nghiệp, chúng tôi tìm hiểu kỹ ý nghĩa của chữ “quỳ”. *Hán Việt từ điển* của Thiều Chửu có một chữ “quỷ” và mười chữ “quỹ”. “*Quỹ*” trong câu đối nêu trên có nghĩa là “vết bánh xe, con đường, phép tắc”. “*Quỳ*” này có trong các từ

ghép “quỹ đạo”, “quỹ tích”. Nhưng từ ghép “quỹ phạm” thì phải tra cứu *Từ lâm Hán Việt từ điển* của hai tác giả Vinh Cao và Nguyễn Phổ mới tìm gặp và tìm ra ý nghĩa thích hợp là “phép tắc mẫu mực”.

Sau khi tham khảo ý kiến và được sự đồng ý, đồng tình của chuyên gia Hán Nôm là anh Nguyễn Khuê, một cựu giảng sư của Học viện Phật giáo, chúng tôi mạnh dạn sử dụng sáu chữ “*Quỹ Phạm Thiên Thu Bất Diệt*” để nói về sự trường tồn của các quy tắc đạo lý, sự bất tử của những khuôn mẫu giáo dục mà Hòa thượng Viện trưởng đã trao truyền cho nhiều thế hệ đệ tử, ở Viện Đại học Vạn Hạnh trước đây và Học viện Phật giáo sau này, qua các bài giảng, các tác phẩm nghiên cứu, dịch thuật nói riêng và qua đạo nghiệp của Người nói chung.

Khó khăn còn lại là tìm cho ra cửa hàng làm trống liền biết trình bày màu sắc, hình ảnh có mỹ thuật, chịu viết, dán hoặc cắt chữ đúng yêu cầu của mình, và cố gắng làm việc tích cực sau hai ngày nghỉ lễ để nhanh chóng hoàn tất một thành phẩm như ý.

Ngày hôm sau, 2 tháng 9, trong khi liên lạc qua điện thoại với một số bạn đồng nghiệp để thành lập nhóm cựu giảng sư Học viện Phật giáo tham dự tang lễ Hòa thượng Viện trưởng, chúng tôi có dịp trình bày khó khăn vừa nói trên với anh Lâm Hữu Tài, một cựu giảng sư phụ trách môn Hán văn của Học viện. May mắn thay, vừa mới nghe qua sự việc thì anh Tài đã sốt sắng, công tâm nhận lãnh phần thiết kế và kiếm tìm cửa hàng có chuyên môn và trách nhiệm để giúp chúng tôi hoàn thành ý nguyện! Ngay sáng hôm ấy anh đã nhiệt tình đến nhà tôi để trao đổi ý kiến mà đi đến một kết luận chung về hình thức và nội dung bức trống. Sáng hôm sau, 3 tháng 9, anh Tài mang đến nhà tôi hai bản thảo viết bằng chữ Hán trên hai tờ giấy A4. Sáu chữ “*Quỹ Phạm Thiên Thu Bất Diệt*” viết lớn ở chính giữa, bên tay phải và ở trên cao có hai hàng chữ “Việt Nam Phật giáo Học viện Viện trưởng / Trưởng lão Hòa thượng thượng Minh hạ Châu viên tịch”, thấp hơn phía tay trái là hàng chữ “Bốn viện cựu giảng sư (...) đồng kính vãng.” Anh Tài còn mang bản thảo này đến trao đổi với anh Khuê và anh Khuê đề nghị sửa hai câu văn Hán Việt ở phía tay phải thành “Học viện Phật giáo Việt Nam / Đại lão Hòa thượng Viện trưởng thượng Minh hạ Châu viên tịch”.

Như đã nói từ đầu, câu đối ở đình làng Văn Quý được ghi lại bằng trí nhớ. Đến sáng ngày 4 tháng 9, khi công việc gần kết thúc, chúng tôi cảm thấy không yên tâm với hồi ức của mình và không biết nên chọn “*bất diệt*” hay “*bất tuyệt*”. Vấn đề chọn lựa từ ngữ được đặt ra. Anh Khuê cho rằng nói theo đa số để dễ tiếp thu thì dùng “*bất diệt*”, nhưng từ “*bất tuyệt*” có thêm ý nghĩa là đạo nghiệp của Hòa thượng Viện trưởng không đứt đoạn vì đã

được chú đệ tử thừa kế. Anh Tài cho rằng “*bất tuyệt*” hòa hợp với từ “*quỹ*” là con đường, nhưng “*bất diệt*” song hành với “*trường tồn*” ở về trước thì đối chỉnh hơn. Như vậy là cả hai từ “*diệt*” và “*tuyệt*” đều có thể dùng được. Cuối cùng, xét trong văn cảnh, chúng tôi chọn từ “*diệt*” với hi vọng đó là chữ của Tiến sĩ Hán học Đinh Văn Chấn.

Ở bản thiết kế bằng máy vi tính, với màu sắc chính là màu hỏa hoàng hiện rõ nét trên cái nền màu vàng, ngoài những chữ Hán đã được chọn lựa, sắp xếp và trình bày như đã nói trên, anh Tài còn đặt chân dung Hòa thượng Viện trưởng ở trên góc trái, gắn thêm huy hiệu và hình ảnh Học viện Phật giáo ở ngay chính giữa. Không cần phải mất nhiều thì giờ dùng thủ công để cắt, dán, viết chữ hay vẽ hình, đến 3 giờ chiều ngày 4 tháng 9, một bức trướng có nét mới lạ và đặc sắc cỡ 1m20 x 1m50 đã được hoàn thành bằng công nghệ ấn loát hiện đại, trên loại giấy đặc biệt dày dặn và láng bóng, trông đẹp mắt nhờ có sự hòa hợp mỹ thuật của thư pháp và hội họa.

Xế chiều ngày 4 tháng 9, đoàn cựu giáo chức Học viện gồm bốn người là anh Khuê, anh Nghệ, anh Tài và chúng tôi tề tựu ở Thiền viện Vạn Hạnh để phúng điếu và thọ tang Hòa thượng Viện trưởng. Tang lễ cử hành đã được bốn ngày mà hôm nay trong khuôn viên Thiền viện vẫn còn tấp nập vào ra nhiều quan khách, Tăng Ni và Phật tử. Dọc theo phần sân trước Học viện và Tăng xá, rất nhiều tràng hoa tươi thắm đã được sắp xếp, trưng bày. Ở giữa sân, một tấm thảm đỏ trải dài từ cổng tam quan đến nhà tang lễ cao rộng được phủ, bọc bằng một màu vải vàng tôn quý, trang nghiêm. Trên tấm thảm ấy, theo lời hướng dẫn phát ra từ máy phóng thanh, chúng tôi theo đoàn người lặng lẽ, kính cẩn tiến vào nhà tang lễ dựng sát tiền đường Thiền viện, nơi tôn trí kim quan của Hòa thượng Viện trưởng. Chậm rãi bước đi sau bức trướng do hai đoàn sinh Gia đình Phật tử mang giúp, chúng tôi miên man ngắm nghĩ chữ nghĩa của một tài năng lỗi lạc mới 21 tuổi mà đã đỗ đầu kỳ Hội thí niên hiệu Duy Tân thứ bảy: Quyền cao chức trọng, giàu sang phú quý đến mấy rồi cũng nát với cỏ cây. Chỉ có đức hạnh là hiện thân của những phép tắc mẫu mực thể hiện văn minh của con người có khối óc và trái tim mới còn mãi với núi sông và đời đời sáng đẹp như hai vầng nhật nguyệt...

TP.HCM, 7-9-2012

ÔN ĐÃ RA ĐI!

Chúc Phú

Con nhận được hung tin khi đang dự lễ Vu lan ở một ngôi chùa miền quê nghèo nắng gió. Khi đóa hồng vàng vừa được gắn lên ngực thì dòng cảm xúc đã chực chờ trong đôi mắt của con. Cố nén cảm xúc chảy ngược vào trong, con ráng bình tâm để chủ trì lễ hội rằm tháng Bảy, ai đó đâu biết rằng lần đầu con chủ lễ mà trong lòng pha chút tán loạn, phóng tâm.

Con chưa từng được kể cận Ôn trong nghĩa hiện thực cụ thể, và cũng không may mắn được ngồi dưới giảng đường do Ôn trực tiếp giảng dạy và bảo ban. Con chỉ là kẻ học đạo sơ cơ, đứng ở xa và cố hình dung ra dáng vẻ oai nghiêm của Ôn qua những tác phẩm mà con có duyên may gặp gỡ. Với con, Ôn là Thái sơn, là Bắc đẩu, là học giả, là tác giả của nhiều tác phẩm mà con luôn ngưỡng vọng, nường nhờ. Con viết về Ôn trong nhịp thốn thức của một viên đô, được gián tiếp thọ ơn Ôn qua kinh văn, sách vở.

Ấn tượng đầu tiên về Ôn khi con lần đầu được đọc tác phẩm *Trước sự nô lệ của con người*. Dù chưa thể lĩnh hội nội dung trong lần đầu tiếp cận, nhưng cảm giác khoáng đạt về tầm mức tư duy, chí nguyện dẫn thân phụng sự, cũng như nhân cách phiêu nhiên của một bậc xuất sĩ, được thể hiện qua ngòi bút, đã thôi thúc con tìm đọc những tác phẩm tiếp theo.

Với con, ấn tượng về Ôn in dấu mạnh mẽ nhất là những bộ kinh Nikāya đồ sộ mà Ôn đã

cần mẫn phiên dịch trong nhiều năm. Thở đầu nhập đạo, con đã từng xem các bộ kinh ấy như những ngọn núi ở quê nhà mà mỗi chuyến đi về, con đã cố tìm đường tránh để vượt qua. Mãi cho đến một hôm, bỗng đứng con chợt nhận ra, tại sao mình không thử rong chơi một chuyến, biết đâu non cao cách trở còn ẩn khuất nhiều lương vị bên trong.

Kính lạy Giác linh Ôn!

Ôn đừng chê con phước mỏng, nghiệp dày vì đã hơn một lần con nản lòng, thối chí, khi không thể đọc tiếp những trang kinh cứ lâu lâu lặp lại một lần; văn cảnh thì rời rạc, khô khốc và chẳng thu hút những kẻ xem việc đọc sách như một thú vui tao nhã dành cho những người nặng nghiệp như con. Cho đến một hôm, con chợt nghĩ về Ôn qua một tác phẩm của Ôn viết về ngài Huyền Tráng, và cảm xúc hôm nọ về Kinh tạng Nikāya một lần nữa trở lại trong con.

Quán niệm về sự nhẫn nại, bền bỉ, khổ công mà Ôn đã bỏ ra khi phiên dịch kinh điển, đã giúp con tăng thêm sức mạnh để vượt qua những cảm giác ngán ngại, ủ ê, nhàm chán khi đọc Kinh tạng Nikāya. Từ đây, con đã đọc kinh Nikāya một cách chậm rãi; con đã thông thả gặm nhấm như một loài bò sát; con đã nghiền ngẫm từng đoạn kinh mà Ôn đã cân nhắc khi phiên dịch, từng câu chữ ít dùng mà Ôn đã trân trọng và mạnh dạn sử dụng lần đầu trong khi phiên dịch kinh văn. Một thoáng liên hệ mở ra, khi con nghĩ về kho tàng dụng ngữ Phật học nước nhà, cũng như vốn từ vựng tiếng Việt đã được bổ sung một dung lượng không nhỏ, do những nỗ lực của Ôn trong khi phiên dịch và trước tác kinh văn.

Đọc sâu, con đã phần nào nhận ra tâm và tầm của Ôn qua những trang kinh Nikāya sống động và nhờ vậy rung động khi đọc kinh điển Nguyên thủy là cảm xúc được trải nghiệm khi con đọc kỹ Kinh tạng Nikāya. Thẩm quyền cũng như ảnh hưởng về Kinh tạng của Ôn ở Việt Nam quá lớn, lớn đến nỗi khi nói đến kinh điển Nikāya, đứng ra phải xem đó là kinh văn do Phật thuyết; nhưng một nếp nghĩ không chính thức đã định hình, khi gắn kèm và liên hệ với tên tuổi của Ôn!

Ôn giờ đã thông dong và an nhiên miền phương ngoại, nhưng với con, Ôn vẫn còn và như mãi quanh đây. Vì lẽ, mỗi khi con đọc lại những trang kinh Nikāya, thì khi ấy con chợt nhận ra Ôn vẫn còn đây, mệnh mang trong cuộc sống này.

HẠNH PHÚC KHI HỌC KINH NIKĀYA

Liễu Duyên

N*guống bạch Giác linh Ôn,*

Chúng con là những Phật tử ở Hoa Kỳ hữu duyên được học Phật pháp qua những bài kinh trong Niyaka mà Ôn đã dịch. Lớp học này chỉ diễn ra mỗi năm vào dịp An cư kiết hạ trong hai tuần tại Trung tâm Phật giáo - Chùa Việt Nam, Houston, do Hòa thượng Thích Nguyên Hạnh làm Viện chủ. Vì vậy, hàng năm chúng con mong chờ đến mùa An cư kiết hạ để xin phép được tòng hạ an cư cùng với chư tôn đức Tăng Ni.

Trong thời gian này chúng con được học, được nghe giảng về những bài kinh truyền thống Bắc tông và Nam tông (Nguyên thủy). Và khi bắt đầu học các kinh thuộc văn học Nikāya, chúng con cảm thấy như đang học một ngôn ngữ khác. Mới đầu đọc kinh văn này mà không nghe giảng thì thật là khó hiểu, sao mà nó khô khan quá? Nhưng Hòa thượng Viện chủ và quý Thầy giáo thọ tại khóa An cư đã giảng dạy rất thiện xảo, khiến chúng con có thể hiểu và tiếp thu được những giá trị thiết thực của giáo lý Nguyên thủy.

Kể từ khi chúng con được học những bài kinh từ *Trung Bộ kinh*, *Trường Bộ kinh*, *Pháp Cú*... chúng con cảm nhận rằng Kinh tạng Nikāya đã dẫn dắt chúng con đi vào lời dạy của Đức Phật một cách gần gũi và thực tế, đã mở ra cho chúng con hướng đi rõ ràng trên con đường tu học và phụng sự. Qua đó, chúng con cảm thấy như Đức Phật đang chỉ dạy trực

tiếp cho chúng con tu, và vô cùng ngạc nhiên khi thấy Ngài dạy rất tỉ mỉ, chi tiết cho đệ tử xuất gia và tại gia về cả pháp học và pháp hành.

Khi đã nắm được cách học và quen với kinh văn Nikāya rồi thì chúng con lại đam mê. Hạnh phúc trong từng giây phút hiện tại! Hạnh phúc hơn nữa là nhiều gia đình cả vợ lẫn chồng, con cái đều đi học Phật pháp, học ở lớp chưa đủ, về nhà bàn thảo tiếp. Và đó là thành quả mà Ôn đã cống hiến cho nhân loại.

Giác linh Ôn hẳn sẽ hoan hỷ khi được biết nhiều vị giáo thọ của khóa An cư đã từng là học sinh, sinh viên tại Vạn Hạnh và họ đã mang theo gia tài Pháp bảo mà Ôn đã truyền trao đi gieo rắc khắp mọi phương trời. Chúng con cũng thường được nghe quý vị giáo thọ kể chuyện về cuộc đời dẫn thân và hy sinh của Ôn cho ngành giáo dục, đặc biệt là Ôn đã dịch năm bộ Nikāya, mở ra một bước ngoặt mới cho lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Kính bạch Giác linh Ôn! Ôn đã ra đi nhưng sự đóng góp của Ôn vẫn còn tồn tại mãi ở thế gian này. Và chúng con rất hạnh phúc, sung sướng khi được học những bài kinh trong Nikāya. Chúng con xin trân trọng và gìn giữ gia tài Pháp bảo mà Ôn đã nhiều năm dịch và lưu lại thế gian, đó là sự thực tập và sống theo lời Phật dạy.

TƯỞNG NHỚ ÔN!

Viên Ngọc

“*Ôn*”, một từ Huế thật đẹp và thân thương mà Phật tử Vạn Hạnh chúng tôi thường dùng để gọi bậc Thầy khả kính của mình, Hòa thượng Thích Minh Châu. Tôi cũng không rõ tự thân từ “*Ôn*” nó đẹp và dễ thương đến thế, hay là hình ảnh hào tướng, từ hòa, dễ mến và đức độ của *Ôn* đã tô vẽ cho nó ý nghĩa này? Dù sao, mỗi khi gọi “*Ôn*” thì lòng tôi không liên tưởng ai khác ngoài niềm hạnh phúc dâng trào hướng về bậc Thầy cao cả tại Thiền viện Vạn Hạnh.

Tôi bắt đầu biết *Ôn* vào khoảng năm 1983 qua một vị sư (nay là HT.Giác Giới) giới thiệu tôi vào học lớp *Trung Bộ kinh* do *Ôn* giảng dạy. *Trung Bộ kinh* là một trong những bộ kinh do *Ôn* dịch từ Kinh tạng Pāli. Loại kinh điển này lúc ấy được xem là mới lạ và không dễ hiểu đối với những người sơ cơ học Phật như tôi. Tuy nhiên, hình ảnh trang nghiêm, sự kiên trì và lòng nhiệt huyết của *Ôn* trong việc giảng dạy và truyền trao lời dạy của Đức Phật đã trở thành động cơ khiến chúng tôi thương kính *Ôn* mà đi học đều đặn. Nhưng chính nhờ thế mà tình Thầy trò trở nên gắn bó thật lâu bền, để rồi mọi chướng ngại về ngôn từ khô khan khó hiểu của *Trung Bộ kinh*, cũng như giọng Huế của *Ôn*, dần dần được khắc phục dễ dàng.

Lớp học tuy ít người nhưng thật vui vì được rưới mát trong tình thương yêu và đạo vị bao la. Thầy trò lớp *Trung Bộ kinh* chúng tôi sống chan hòa như một đại gia đình. Chúng tôi xem *Ôn* như người cha lành với tất cả tình yêu thương và kính mến. Đặc biệt, điều hạnh phúc

lớn nhất mà tôi có được từ lớp *Trung Bộ* này là tôi đã tiếp thu được những lời dạy nguyên thủy nhất của Đức Thế Tôn, vô cùng giá trị và thiết thực cho đời sống bản thân. Kể từ đó, tôi gắn bó với Ôn, với Thiền viện Vạn Hạnh, và làm bất cứ những gì có thể để Ôn được vui.

Vì thế, bất kỳ Phật sự nào của Vạn Hạnh, tôi đều hào hứng tích cực tham gia. Do đó, Ôn giao cho tôi, cùng với hai đạo hữu Nguyên Liễu và Nguyên Mỹ, làm thư ký để chu toàn các Phật sự quan trọng hằng năm của Thiền viện, như chuẩn bị quà xổ số văn nghệ vui xuân chiêu mừng một Tết, giỗ Đức Tăng thống (22 tháng Giêng), Đại lễ Phật đản, An cư kiết hạ, Đại lễ Vu lan... Tất cả đều được làm vì mục đích phục vụ, với ước mong cho mọi người được an lạc và vui vẻ. Được như thế là niềm vui của Ôn.

Làm sao quên được hình ảnh tươi cười hiền hậu của Ôn khi Ôn ra lệnh chúng tôi: “Câu lạc bộ ẩm thực phải làm sao cho *ngon, đẹp và rẻ* hi!”. Thời ấy, tôi và cô Nhạn đảm trách câu lạc bộ ẩm thực để bán phục vụ cho Phật tử trong các lễ Phật đản và Vu lan. Đối với chúng tôi, lời dạy ấy của Ôn không những không tạo thêm gánh nặng mà còn làm dâng trào một tâm hồn lợi tha vô hạn với một niềm hạnh phúc vô biên. Với tình thương yêu rộng lớn, Ôn luôn hướng tâm đến hạnh phúc chung của toàn thể Phật tử Vạn Hạnh. Và tôi thật sự hạnh phúc mỗi khi Ôn hoan hỷ với những gì chúng tôi làm.

Quả thật, khi sống gắn bó với Ôn và làm cho Ôn được vui, tôi lại được tiến thêm một bước nữa trong việc hành trì Chánh pháp. Niềm vui của Ôn chính là niềm vui đại đồng. Tức là, Tăng chúng và mọi người - Phật tử cũng như không phải Phật tử - đều vui thì đó là niềm vui của Ôn. Và do đó, những gì tôi làm vì Ôn chính là tôi đang tu tập Bồ-tát hạnh, một hạnh nguyện lấy hạnh phúc của tất cả làm hạnh phúc của chính mình. Đây thật sự là bầu trời thênh thang rộng lớn để tôi có thể tìm thấy niềm vui và hạnh phúc bất cứ ở đâu. Điều này thật sự không dễ làm nếu như tôi không được sống dưới sự giáo dưỡng ân cần với tình thương thiêng liêng cao cả của Ôn.

Hồi tưởng lại những gì đã qua mà cảm xúc không khỏi tuôn trào! Có duyên lành được làm đệ tử Ôn, trong thâm tâm tôi luôn hiện lên hình ảnh Ôn: là bậc Thầy cao cả, là người Cha nhân từ, là Đức Phật thị hiện, bởi Ôn “như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem ánh sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc!” (trích *Trung Bộ kinh*).

Chiều Vu lan Nhâm Thìn, được tin Ôn đi bệnh viện, tôi cùng một số đạo hữu thân tín của Ôn tức tốc lên Bệnh viện Chợ Rẫy. Bên ngoài mưa to và giông tố dữ dội, ngói máy tiếng đồng hồ ở phòng chờ bệnh viện, lòng chúng tôi như bùng bùng sôi sục. Sau đó, quý thầy

chuyến Ôn qua Bệnh viện Nguyễn Tri Phương và ở lại đó một đêm. Như biết trước những gì sẽ đến, Ôn đã thực hiện một chuyến vân du cuối cùng để bái biệt dân chúng và bái biệt thế gian này. Và sáng hôm sau Ôn trở về Vạn Hạnh nghỉ ngơi được một tiếng đồng hồ, rồi thân thân viên tịch. Tin này đã làm cõi lòng tôi như se thắt lại và đôi chân tôi như lơ lửng không nơi nương tựa...! Sự ra đi của Ôn sao để lại trong tôi một khoảng trống quá lớn như vậy, dù học Pháp với Ôn, tôi vẫn hiểu được mọi thứ ở đời đều vô thường...?

Tuy nhiên, những ngày tang lễ Ôn là những ngày để lại nhiều cảm xúc thanh khiết nhất trong lòng tôi, và cũng có lẽ trong lòng những ai đến tham dự. Vô số hoa tươi đủ loại được trang trí khắp nơi đã làm cho không gian tang lễ Ôn vô cùng thiêng liêng với những sắc màu thanh thoát và trang trọng. Hoa từ khắp nơi đổ về như thể cũng đủ để biết đức hạnh của Ôn đã lưu lại cho đời như thế nào! Những ngày tang lễ Ôn, hàng lớp người đông đúc đến dự nhưng thật trang nghiêm và trật tự, bởi lẽ mỗi người đến đó dường như buông bỏ mọi thứ đằng sau, chỉ còn lại một nỗi lòng tiếc thương và kính ngưỡng trước cảnh uy nghiêm và thánh thiện của tang lễ. Đặc biệt, suốt thời gian ấy, mưa thuận gió hòa, thời tiết thật đẹp và mát làm sao! Điều hiếm có này đã khiến tôi liên tưởng đến sự hộ trì của chư Thiên cho những bậc Thánh tăng như trong kinh thường nói.

Có duyên lành được phục vụ Ôn một thời gian dài cũng như được chứng kiến những ngày cuối cùng của Ôn trên cõi đời này, tôi cảm thấy đó là nguồn hỷ lạc vô tận dâng trào trong tâm hồn tôi mỗi lúc tưởng nhớ về. Vậy là trong tôi Ôn luôn hiện hữu!

NHỚ MÃI VỀ ÔN

Phật tử Quảng Thành - Bùi Thế Thiên

Tuy Ôn đã niên cao lập lớn, sức khỏe yếu dần, nhưng khi nghe Ôn viên tịch, con vẫn bàng hoàng chưa thể tin được. Sáng hôm sau dậy sớm con đi ngay về Thiền viện Vạn Hạnh. Đến nơi, thấy quang cảnh khác thường, bước qua cổng tam quan, nhìn thẳng vào bên trong tiền đường, thấy tôn trí di ảnh và kim quan của Ôn, con mới tin Ôn thật sự đi xa!

Con cảm thấy mình là người Phật tử có chút may mắn. Tuy chưa một lần được trực tiếp nghe Ôn giảng dạy Phật Pháp, nhưng con lại có duyên được đọc qua một số ít các bộ kinh, sách do Ôn phiên dịch và viết ra, như *Phật pháp, Chánh pháp và Hạnh phúc, Những ngày và Những lời dạy cuối cùng của Đức Phật, Hành thiền (Như Lai thiền), Đại thừa và sự liên hệ với Tiểu thừa, v.v...* Và thỉnh thoảng con cũng được nghe quý chư Tăng, chư Ni trích vài đoạn kinh bộ do Ôn phiên dịch để giảng trong các thời thuyết pháp. Ngang qua đó, con được hiểu rõ thêm về Đức Phật lịch sử, đồng thời gắn gũi với Giáo pháp của Ngài hơn. Ôn gián tiếp mở ra cho con một chân trời mới, và thổi cho con một luồng sinh khí mới, để khi chánh niệm con có đôi chút cảm giác như mình đang sống trong thời Đức Thế Tôn còn tại thế. Từ đây con trưởng thành hơn về cả pháp học lẫn pháp hành. Tuy thế sự còn nhiều đa đoan, nhưng con cảm thấy thật hạnh phúc như mình đang có chiếc chìa khóa để mở cánh cửa kho báu vậy.

Khi nhận ra chân lý, con thâm cảm niệm ân đức của Ôn. Con cứ liên tưởng đến những chuỗi ngày trời qua Ôn phải lao tâm tổn trí mới có những tác phẩm quý giá như thế để truyền thừa cho các thế hệ hậu duệ hôm nay và mai sau nương tựa tu học. Thật vậy khi đọc qua bài “Dịch kinh và đại học” trong quyển *Chánh pháp và Hạnh phúc*, con lại càng cảm động hơn trước tấm lòng từ bi quảng đại của Ôn. Nơi đây con mới hiểu rõ tại sao Ôn lại cần mẫn và kiên nhẫn đến thế. Mặc dù khi đó con chưa biết thêm gì về Ôn, ngoài cái tên tác giả và dịch giả ghi trên các bìa sách mà con đã đọc qua.

Tình cờ một hôm (khoảng năm 2011) qua lần đàm đạo với một vị đạo hữu, con có thêm thông tin về Ôn. Sau đó con đi tìm về trú xứ của Ôn. Đến nơi con vào lễ Phật, lễ Tổ rồi hỏi thăm lối vào hậu liêu và được quý thầy (thị giả) hoan hỷ cho phép vào vấn an và đánh lễ Ôn (lúc này Ôn đang dưỡng bệnh). Hành lễ xong, con chắp tay, cung kính, chiêm ngưỡng Ôn không rời mắt. Đây là lần đầu tiên con diện kiến Ôn bằng xương bằng thịt. Ôi, vui sướng biết bao cái khoảnh khắc mà con hằng mơ ước bấy lâu nay, giờ đây, trở thành thực hiện. Càng xúc động khi đôi mắt tròn xoe của Ôn cứ nhìn thẳng vào con như thay cho nụ cười rạng rỡ hay những lời nói xã giao thông thường mà không nói ra. Con cảm nhận điều đó qua ánh mắt hiền từ của Ôn. Con muốn lưu lại nơi đây lâu hơn, nhưng sợ ảnh hưởng đến việc nghỉ dưỡng của Ôn nên con chỉ nán lại khoảng 10 phút rồi lui ra. Từ đó về sau, hễ khi có điều kiện con lại về thăm Ôn, bởi mỗi lần như vậy con hiểu rõ thêm về Ôn và cảm thấy an lạc hơn.

Từ nay, Ôn không còn tại thế nữa, nhưng với con Ôn vẫn mãi còn đâu đây, vì mỗi lần nhìn vào tủ sách của gia đình hoặc khi lật ra xem những trang sách do Ôn viết thì trong tâm thức con liền hiện hữu hình bóng của Ôn.

NGƯỜI THỪA TỰ PHÁP CỦA THẾ TÔN

Nguyễn Nghĩa

Con chỉ biết khóc và khóc, dù cố không suy nghĩ và cố làm việc khác để kiềm lại nước mắt, nhưng không được, rồi lại nghĩ tới Thầy và khóc. Bây giờ tay con vừa gõ vào bàn phím lại vừa khóc. Con cố kiềm nén cảm xúc nhưng cõi lòng cứ đau xót, nước mắt cứ rơi...

Sao sự viên tịch của Thầy lại để trong lòng con một sự hụt hẫng lớn đến như vậy? Nghĩ đến những lời Thầy dạy bảo ngày nào lúc con bước chân vào cửa thiền quy y, lòng con cảm thấy vô cùng hổ thẹn, ăn năn, xấu hổ. Chỉ có ngũ giới cấm mà con còn không giữ trọn, chỉ một phần nhỏ nhân cách của Thầy mà con còn không học được và hành được, thì nói gì đến việc luận bàn kinh luận, nói gì đến lý tưởng phụng sự tha nhân. Nghĩ đến đây, nước mắt con lại rơi...

Con thành kính ngưỡng bạch Thầy, *“giờ đây con thành tâm sám hối và nguyện sẽ kiên trì nỗ lực chuyên cần tinh tấn thực hiện những lời chỉ dạy của Thầy để xứng đáng là đệ tử của Thầy, xứng đáng với Pháp danh được phước duyên Thầy trao cho”*.

Thầy đã thuận theo luật vô thường và về với cõi tịch tịnh. Nhưng với hạnh Bồ-tát của Thầy, con nguyện ước Thầy sẽ hồi nhập nơi cõi trần, tại nước Việt Nam của con. Đất nước tuy chịu đựng quá nhiều đau khổ chất chồng liên tục suốt quá khứ cho đến tận

ngày nay nhưng lại vốn có căn duyên với Phật pháp để Thầy tiếp tục con đường mà Thầy và các bậc A-la-hán, chư vị Bồ-tát đã đến và đi trong quá khứ để ban mưa Chánh pháp. Ngưỡng mong Thầy trở lại thế gian này vì hạnh phúc, lợi ích và an lạc cho nhiều người và nhiều loài, và hướng dẫn dắt tứ chúng Phật tử - những người đang đến và sẽ đến với Tam bảo - để cho tất cả có được cơ hội thọ hưởng hương vị của Chánh pháp, để cho tất cả có trí tuệ để phân biệt được điều thiện và điều bất thiện, điều nên làm và điều không nên làm. Có vậy, đất nước mới được hòa bình, nhân dân mới được an lạc ngay trong hiện tại trên cõi đời này và cuối cùng đạt được giải thoát khổ đau.

Con có duyên lành được nghe Thầy giảng pháp tại Thiền viện Vạn Hạnh, được học tập những lời Thầy dạy bảo trong những tác phẩm, trong những công trình phiên dịch Kinh tạng Pāli ra tiếng Việt có một không hai trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, cũng như được học từ nhân cách vĩ đại và từ đời sống giới hạnh thanh cao của Thầy.

Nhờ đó, trong một thời gian dài, con được tiếp cận, được nghe, được thấy, được tìm hiểu để đi đến nhận thức chân xác rằng: “Pháp của Thế Tôn đã được Tỳ-kheo Thích Minh Châu kế thừa, thừa tự, giảng dạy và truyền bá một cách chân chánh trong suốt toàn bộ những tác phẩm, những bài thuyết giảng, những bài diễn văn, những bài tham luận... Pháp ấy luôn chói sáng, sáng ngời, không thay đổi, không biến đổi, không biến chuyển, rõ văn, rõ nghĩa, rõ ý trong từng chữ, từng câu, từng lời”.

Thật là hy hữu, thật là duyên lành khi Phật giáo Việt Nam có được vị chân tu đúng nghĩa như Thầy. Thật hy hữu thay, thật phước đức thay cho những ai được sinh ra trong thời đại này, được thiện duyên tiếp xúc với Thầy, được đọc và tìm hiểu các công trình, các tác phẩm của Thầy. Thật là phước báu vô biên, thật là công đức vô lượng, thật là thiện nghiệp vô cùng to lớn cho những ai có thể nghe, thấy, tìm hiểu, thành tín và làm theo những lời chỉ dạy của Thầy.

Trên cả ngàn năm trước đó và cho đến tận ngày nay, Phật tử chúng con chỉ có thể tìm hiểu, tin theo và tu tập theo Phật pháp duy nhất từ con đường chuyển tiếp từ Trung Hoa. Tất cả những gì liên quan đến Phật giáo xuất phát từ Trung Hoa, những Kinh, Luận viết bằng chữ Hán, được xem là Phật pháp, được Phật tử chúng con vô cùng quý trọng, trao truyền, tụng đọc, cung kính, mang tính chất linh thiêng dù có khi không rõ nghĩa. Nhưng từ khi có Thầy, có các công trình phiên dịch và các bài thuyết giảng của Thầy, sự tiếp cận Phật pháp của chúng con đã được thay đổi. Các công trình của Thầy thật vô cùng ý nghĩa, thật vô cùng quý giá đối với chúng con, đối với những ai đang mong muốn tìm hiểu chân Phật pháp, cũng như đối với những ai muốn tự mình bước chân trên con đường tu tập và thực hành lời dạy của chính Đức Phật mà không phải hồ nghi, lo ngại, nghi ngờ, lo lắng, bởi Thầy dạy,

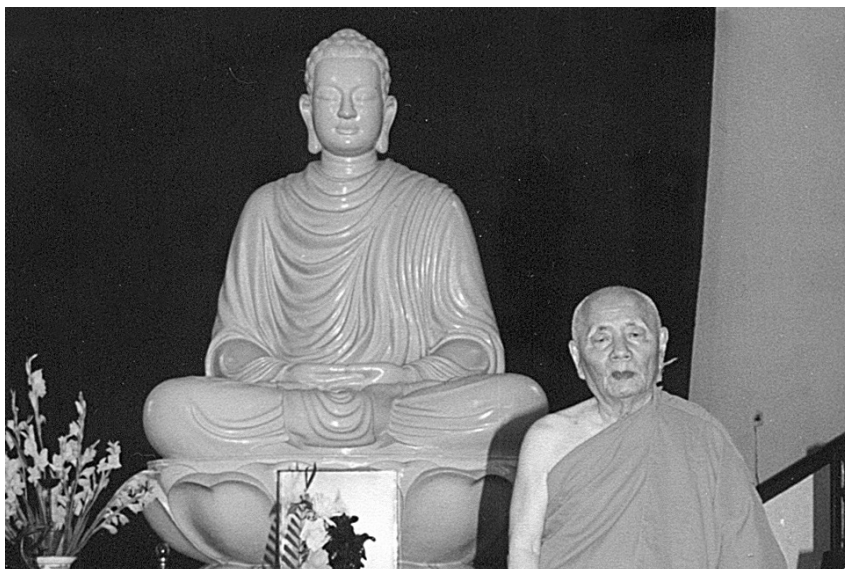
pháp của Đức Thế Tôn “có hiệu quả tức thời, đến đẽ mà thấy”.

Đối với con, thật đúng khi tôn vinh Thầy ngang với Ngài Huyền Trang của Trung Hoa, nhưng sẽ càng đúng hơn, chân xác hơn, khi nói rằng nơi Thầy còn có hình bóng Ngài Xá-lợi-phất đang thị hiện tại Việt Nam. Với lòng biết ơn và tôn kính vô lượng, con xin được phép mượn ý từ *Kinh Trung Bộ* để nói lên tiếng nói tự đáy lòng của con:

“Những lời dạy của Tỳ-kheo Thích Minh Châu được xem là cao quý trong những lời khuyến giáo.

Thật vi diệu thay, thưa Thầy! Thật vi diệu thay, thưa Thầy! Như người đứng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp của Thế Tôn dạy, đã được Tỳ-kheo Thích Minh Châu dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích.

Con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tỳ-kheo Tăng và quy y Tỳ-kheo Thích Minh Châu. Mong Thầy nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng”.



KÍNH NGƯỠNG MỘT BẠC THẦY

Thích Minh Hải

Thầy đã đến và đã đi. Thầy đến để mang lại hạnh phúc, bình an cho đời. Thầy đi để lại hương thơm bất diệt trong lòng người. Hình ảnh của Thầy sẽ còn lưu lại mãi mãi trong trái tim của hàng triệu Tăng Ni và Phật tử khắp năm châu. Chúng con xin ôn lại một vài giáo lý Thầy đã dạy để khơi dậy tâm tưởng chúng con trong niềm tri ân vô hạn đối với bậc Thầy vĩ đại.

Giáo lý đầu tiên trong truyền thống Phật giáo được Thầy chú tâm và đưa vào giảng dạy đó là Thiên học, vì đây là một pháp tu do chính Đức Thế Tôn chứng nghiệm và được ghi lại trong Kinh tạng. Trong sách *Hành thiên*, Thầy đã nêu rõ vai trò và công dụng của hành Thiên như sau: “Thiên nguyên thủy hay pháp môn niệm hơi thở vô ra đơn giản và thuần nhất, không gây một tác hại cho thân tâm, không sợ bị điên loạn, nổ mẩn, đau tâm thân. Trái lại là một phương pháp hiền thiện, điều hòa thân, điều hòa hơi thở, điều hòa tâm, giúp cho người hành thiên được phấn khởi, có sức khỏe, nhờ nếp sống lành mạnh, nhờ tâm tư an lạc nên ngủ ngon giấc, không có ác mộng, thân thể được khỏe mạnh, con mắt được sáng lên. Nhờ tu tập về niệm, trí nhớ được huấn luyện nên nhớ lâu, nhớ nhiều rất lợi cho thiên sinh và có khả năng phát triển trí tuệ rất lớn. Nhờ tu tập về thiên, người hành thiên được thiên

lạc, thân tâm thường được hoan hỷ, sáng khoái, phấn khởi, tác động tốt cho sức khỏe thân và tâm. Nhờ tu thiền, người hành thiền có được thiền lực, dồi dào ý chí và nghị lực, đối trị được sợ hãi và rụt rè, có sức mạnh để vượt qua những khó khăn và đạt cho được lý tưởng tối thượng” [tr.76].

Sự giảng dạy về thiền nguyên thủy của Thầy là thông điệp nhấn mạnh lợi ích của pháp thiền định Phật giáo, mang lại lợi ích thiết thực cho sự an lạc của thân và tâm.

Thầy đã giảng dạy giáo lý của Đức Như Lai rất rõ ràng bằng phương pháp thực tiễn chứ không phải chỉ là lý thuyết. Pháp thiền ấy nếu khéo áp dụng sẽ chuyển hóa thân tâm, giúp đời sống tràn đầy niềm vui, hạnh phúc và hỷ lạc. Nếp sống của Thầy là hình ảnh sống động với nụ cười thiền vị chính là hoa trái của thiền định. Ai một lần gặp Thầy, dù chỉ một lần, cũng phải thốt lên những lời quý mến, kính trọng, bởi nét uy nghiêm qua phong cách an tịnh của Thầy.

Bằng thực nghiệm của tự thân và thông qua con đường thực tập thiền định, Thầy đã dạy cho chúng ta thấy rằng, hãy tự nỗ lực để tẩy sạch ngọn đuốc trí tuệ bên trong của mình mà không cần nương tựa vào một đấng thần linh nào khác. Sách *Hành thiền* nêu rõ: “Do vậy, này các Tỷ-kheo, nếu vị Tỷ-kheo ước muốn rằng: mong rằng thân và mắt khỏi bị mệt mỏi, và mong rằng tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ... các niệm các tư duy của ta được đoạn tận... ly dục, ly pháp bất thiện, tôi sẽ chứng đạt và an trú sơ thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ... Làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, tôi sẽ chứng đạt và an trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ... Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, tôi sẽ chứng đạt và an trú thiền thứ ba... Xả lạc, xả khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ trước, tôi chứng đạt và an trú thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, thời định niệm hơi thở vô hơi thở ra này cần phải khéo tác ý” [tr.109].

Trí tuệ giúp con người ra khỏi hầm hố của si mê, vượt thoát luân hồi và đạt tới Niết-bàn tối thượng. Qua những lời dạy về trí tuệ, Thầy đang nói trực tiếp với chúng ta về kinh nghiệm của Thầy một cách sinh động. Trong tác phẩm *Hãy tự mình tẩy sạch lên mà đi*, có đoạn viết: “Như thế nào được gọi là Trí tuệ? Vì có tuệ tri, vì có tuệ tri nên được gọi là Trí tuệ. Tuệ tri là gì? Tuệ tri (*pajānāti*) đây là khổ. Tuệ tri đây là khổ tập. Tuệ tri đây là khổ diệt. Tuệ tri đây là con đường đi đến khổ diệt. Vì có tuệ tri nên được gọi là Trí tuệ” [tr.81-82]. Nhờ có trí tuệ mới có khả năng nhận biết các đối tượng để liễu tri, và nhờ có tuệ tri mới thấy được những việc đáng làm, và những việc cần viễn ly. Sự hiểu biết của tưởng tri, thức tri và ý tri hoàn toàn khác với tuệ tri. Cái tưởng, thức và ý tri đó là những kiến thức học hỏi

qua sách vở, trường lớp ở thế gian. Có những người rất giỏi về thiên văn địa lý, giỏi về khoa học kỹ thuật, thông thạo về ngôn ngữ, lịch sử thiên cổ chí kim, nhưng họ chưa chắc giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Tuệ tri hay thắng tri ở trong đạo Phật là sự hiểu biết sâu sắc. Sự hiểu biết ấy được thiết lập trên nền tảng của giới - định - tuệ. Nó có sức mạnh hùng hậu giúp con người làm chủ được bản thân mà không bị hoàn cảnh chi phối. Đó là sự hiểu biết hoàn mãn, toàn diện nhất, có khả năng diệt trừ tham sân si, và giải thoát mọi khổ đau”.

Duy tuệ thị nghiệp là một phương châm của Thầy cho Viện Đại học Vạn Hạnh và tiếp tục đến nay cho Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh. Vạn Hạnh là đạo hiệu của một vị thiên sư nổi tiếng của nước Việt đời Tiền Lê và đầu thời nhà Lý ở thế kỷ XI. Nhà Lý là một trong những triều đại hưng thịnh nhất của dân tộc ta, vì vua quan đều là Phật tử thực hành theo đạo Phật. Viện Vạn Hạnh đồng thời cũng là nơi kết tinh và truyền trao trí tuệ của Đức Phật, được tiếp nối cổ xưa từ Viện Đại học Nalanda - Bihar, India. *Nalan*, tiếng Anh dịch là *wisdom*, có nghĩa là trí tuệ; *da*, tiếng Anh dịch là *giving*, có nghĩa là cho, truyền trao; *Nalanda* có nghĩa là *truyền trao trí tuệ*. Nơi ấy Thầy trực tiếp và gián tiếp nhận ngọn đèn truyền đăng trí tuệ từ các bậc đạo sư nổi tiếng trong truyền thống Phật giáo như các Ngài Mã Minh, Long Thọ, Thế Thân, Huyền Tráng ...

Trong sách *Trước sự nô lệ của con người*, Thầy nhấn mạnh về đường hướng và lập trường của Viện: “Đại học Vạn Hạnh không phải là nơi tổng hợp hỗn tạp giữa văn hóa Tây phương và Đông phương, giữa truyền thống nhân loại và truyền thống dân tộc. Đại học Vạn Hạnh chỉ muốn đánh thức lại những tiềm thể vô biên của con người sáng tạo toàn diện, đưa cá thể trở lại ý thức độc lập, tham dự và nhập lưu cùng đời sống phong phú, tự quyết định cho mình và chuyển tính vận mệnh mình trong vận mệnh chung của toàn thể nhân loại. Như thế, giáo dục sẽ không còn là phạm vi khai triển và tích trữ trí thức, mà giáo dục trở thành đời sống toàn diện của tinh thần và tâm thức; giáo dục trở thành lộ trình tối hậu đi về cuộc cách mạng triệt để của nội tâm, nền tảng của cuộc phục hồi ý nghĩa cho đời sống con người” [tr.20-21]. Như một sứ mệnh gắn liền với đạo nghiệp của Thầy, khi nhắc đến Vạn Hạnh, những môn sinh không thể nào quên người Thầy khả kính tay nắm chéo đứng trên bục giảng, và những bước chân chậm rãi trên sân trường. Vạn Hạnh là nơi đã đào tạo con người toàn diện cả tâm đức và tuệ đức. Những con người đó đã và đang tung cánh bay khắp muôn nơi để hoàn thành sứ mệnh của mình.

Chiến tranh là thảm họa của nhân loại. Có lẽ Thầy đã thấm thía hơn khi lớn lên trong hoàn cảnh lịch sử tang thương của chiến tranh bằng bom đạn hay chiến tranh bằng ý

thức hệ của con người, nên Thầy đã giảng dạy về giáo lý hòa bình để giải phóng bế tắc, truyền thông tình huynh đệ làm giảm bớt khổ đau. Những lời dạy của Thầy nhắm tới mục đích khơi dậy sự bình an, hài hòa giữa con người với hoàn cảnh sống xung quanh, giữa quốc gia xã hội, và kể cả tôn giáo. Tập sách *Những lời dạy của Đức Phật về hòa bình, hòa hợp và giá trị con người* có đoạn: “Này các Tỷ-kheo, hãy du hành, vì hạnh phúc cho quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc, cho chư thiên và loài người. Chớ có đi hai người một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Hãy tuyên thuyết Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh” [tr.20].

Con người khổ đau vì còn sân hận và tranh chấp. Thầy đã chỉ cho chúng ta phương pháp hành trì sâu sắc để chấm dứt tranh chấp và đưa tới an lạc bằng lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Khi con người có tình thương thì sẽ không còn loại trừ lẫn nhau. Những lời dạy ấy đã đánh thức bao trái tim của sự sống. Lời kinh tiếp theo được Thầy trích dẫn trong tác phẩm ấy: “Này các Tỷ-kheo, Ta không tranh chấp với đời. Chỉ có đời tranh chấp với Ta. Này các Tỷ-kheo, người nói pháp không tranh chấp với một ai ở đời” [tr.21]. Với ý nghĩa này, Thầy là một tấm gương sáng cho thế hệ hậu lai, mà hình ảnh thể hiện rõ nét giáo lý ấy chính là đời sống của Thầy. Xuất thân từ Phật giáo Bắc truyền, nhưng Thầy đã mang y Nam truyền, dịch Kinh tạng Pāli, dung hòa chư tôn đức Tăng-già trong các hệ phái, vượt qua tất cả rào cản ý thức hệ của con người. Sự ra đời của đạo Phật đã giải phóng ý thức hệ truyền thống cũ kỹ xa xưa của Ấn Độ. Đức Thế Tôn là người tiên phong nói lên quyền bình đẳng của con người và bài bỏ sự phân chia giai cấp trong Tăng đoàn của Ngài, bởi tất cả con người dù ở địa vị nào trong xã hội cũng có quyền sống, cùng chung máu đỏ, nước mắt cùng mặn, xa lánh khổ đau, và mong được hạnh phúc.

Trong tác phẩm *Trước sự nô lệ của con người*, Thầy nói: “Tất cả những sự sụp đổ hiện nay đều xuất phát từ sự nô lệ tâm thức của cá thể. Chiến tranh xuất phát từ sự mâu thuẫn nội tại của cá thể; cơn bệnh của tập thể phát xuất từ ý thức phân tán của cá thể. Chủ nghĩa quốc gia, cũng như chủ nghĩa quốc tế, không giải quyết được sự mâu thuẫn của ý thức con người; tất cả những ý thức hệ cũng đều thất bại, vì ý thức hệ trở thành quan trọng hơn con người; con người bị nô lệ vào ý thức hệ gây ra những mầm mống phân ly với nhau và hy sinh cho một tương lai ảo tưởng mà bỏ quên hiện tại sống động. Tín điều và tín ngưỡng của tôn giáo cũng gây mầm mống chia rẽ trong con người. Tất cả những cuộc cách mạng lịch sử đều thất bại, vì những cuộc cách mạng ấy đã xây dựng trên những tương quan sai lầm bất động giữa cá thể và tập thể, giữa tư thể và xã hội” [tr.18-19]. Đại học là nơi quy tụ của các thế hệ thanh niên, bộ phận nòng cốt cho vận mệnh thiêng liêng của non sông đất nước. Vì vậy các

giáo sư cần gieo rắc những khát vọng chân chánh để thế hệ trẻ lớn lên có một hướng đi tươi sáng trong cuộc đời. Tiếng nói của Thầy như một hồi chuông đánh thức tuổi trẻ đang ngủ say trong đêm đông u tối, giữa màn vô minh ngự trị trong tâm thức vị ngã. Chừng nào con người còn sống với tâm thức vị ngã, thì chừng ấy con người vẫn còn triển miên trong bóng tối. Vì bị nô lệ do chấp thủ tự ngã (cái tôi), con người mất đi phương hướng đạo đức và rơi vào ngõ cụt. Ý thức được sự nguy hiểm do chấp thủ 'cái tôi' gây ra, con người mới có định hướng đúng đắn và sáng suốt bước trên con đường của chân lý và sáng tạo.

Chính sự dẫn thân mạnh mẽ để dung hòa và vượt qua ý thức hệ để hưng long Phật giáo mà có lúc Thầy đã gặp phải sự ngộ nhận từ những người thích tranh chấp. Nhưng đối với bậc thượng trí hiện thân giữa cõi đời để làm việc lợi sanh, thì những chức danh hay nhiệm vụ trong Giáo hội chỉ là phương tiện trong một giai đoạn xã hội nhất thời mà Thầy phải hòa nhập và lấy đó làm phương tiện độ sanh. Thầy đã vượt thoát khỏi sự khen chê của trần thế. Điều đó có nghĩa rằng Thầy nói và hành động với chúng ta bằng tiếng nói của Đức Thế Tôn.

Chín mươi lăm năm hiện hữu ở cõi đời, hơn bảy mươi năm hoàng truyền Chánh pháp, duyên trần đã viên mãn, Thầy đã an nhiên nơi trời phương ngoại, nhưng hình bóng của Thầy vẫn phảng phất đâu đây khi chúng con nhớ về Vạn Hạnh hay đọc những trang kinh Thầy dịch. Hình ảnh của bậc Đạo sư trầm tĩnh an tịnh, tay cầm kính lúp tra từng mẫu chữ đã bất sinh bất diệt giữa lòng người và thật sự đã đi vào huyền thoại. Nhiều thế hệ Tăng Ni và Phật tử đã từng ở dưới mái trường Vạn Hạnh, một lần gặp gỡ Thầy, hay chỉ đọc qua sách vở của Thầy cũng có thể cảm nhận được rằng nơi ấy có một vị Đạo sư phạm hạnh, một bậc thức giả khao khát trí tuệ và chân lý giải thoát tối thượng.

Tham khảo:

- 1- HT.Thích Minh Châu, *Hành thiền*, NXB.Tôn Giáo - Hà Nội, 2002.
- 2- HT.Thích Minh Châu, *Hãy tự mình thấp xuống lên mà đi*, NXB.Tổng Hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2012.
- 3- HT.Thích Minh Châu, *Những lời dạy của Đức Phật về hòa bình, hòa hợp và giá trị con người*, NXB.Tổng Hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 1984.
- 4- HT.Thích Minh Châu, *Trước sự nô lệ của con người (Con đường thử thách của văn hóa Việt Nam)*, Ấn quán Đại học Vạn Hạnh, 1969.

VỊ THẦY ĐẦU TIÊN

Nguyễn Nhật Trần Như Mai

K*ính dâng Giác linh Ôn,*

Một buổi sáng đầu tháng 9 năm 2012, xuân đã về trên lục địa Úc châu sau những tháng ngày mùa đông lạnh giá. Trăm hoa đang tung bùng đua nở trên khắp nẻo đường đất nước đây kỳ hoa dị thảo này. Tâm hồn tôi đang phơi phơi đón chào mùa xuân Melbourne, rồi tôi tung tăng lướt mạng internet để đọc tin tức quê nhà. Bỗng tôi giật mình khi đọc tin Ôn đã viên tịch ngày 1 tháng 9. Tôi lặng người trong giây lát, rồi nhủ thầm: “Thế là ngọn hải đăng đã tắt!”

Sau đó, qua mạng internet, mỗi ngày tôi đều có thể theo dõi nhiều lần tiến trình chư Tăng chuẩn bị tang lễ Ôn và cảm thấy như mình đang là người trong cuộc, cùng âm thầm nhỏ lệ với tất cả huynh đệ môn đồ pháp quyến trong những ngày tiễn đưa Ôn, đúng là:

*Trần gian nhỏ lệ tiễn đưa Người,
Vạn cánh hoa tươi phủ ngập trời,
Khắp cõi Ta-bà cơn địa chấn...
Hỡi ôi, Bồ-tát đã đi rồi!*

Dù biết sớm muộn gì cũng có ngày Ôn từ già cõi trần này để trở về Phật quốc, tôi vẫn cảm thấy hụt hẫng như vừa mất đi một điểm tựa tâm linh quý báu. Cội bồ-đề đã ngã xuống, còn đâu bóng mát để che chở cho biết bao tâm hồn bơ vơ đang đi tìm nơi nương tựa để

thấy được ý nghĩa của cuộc sống!

Rồi lần lượt bao kỷ niệm hiện về trong trí tôi ...

Nhớ lại lần về thăm Ôn gần đây nhất, tôi đã được chụp hình lưu niệm với Ôn, được mừng sinh nhật Ôn ..., không ngờ đó là những ngày tháng cuối cùng tôi được gặp Ôn. Tôi vẫn cảm thấy ấm lòng mỗi khi về thăm Ôn, vì Ôn vẫn nhận ra tôi, đứa đệ tử bé bỏng của Ôn ngày nào. Dù Ôn không nói được, Ôn vẫn có những biểu hiện trên nét mặt chứng tỏ Ôn đã nhận ra tôi, khi tôi hỏi: “Bạch Ôn, Ôn có nhận ra con không? Con là Ng Nh. đây, con là em Ng T. TPL đang làm việc cho Viện đó. Con ở Úc về thăm Ôn đây. Ôn nhận ra con thì Ôn mỉm cười và nhấp nháy mắt Ôn nhé”. Và quả nhiên, Ôn nhìn tôi chăm chăm, rồi tôi thấy môi Ôn hơi nhếch lên và mắt Ôn nhấp nháy... Tôi rất sung sướng khi thấy Ôn vẫn còn nhận ra đứa học trò bé bỏng ngày xưa, nay đã sống cách xa Ôn ngàn dặm ...

Nhớ lại những ngày đầu tiên hai chị em tôi đặt chân đến Thiền viện Vạn Hạnh. Hồi đó, chúng tôi vừa mới mất mẹ, đang đi tìm nơi nương tựa tâm linh để vơi bớt buồn đau. Danh tiếng của Ôn từ Đại học Vạn Hạnh đã thu hút chúng tôi tìm đến Thiền viện. Buổi đầu tiên vào giảng đường nghe Ôn thuyết pháp, tôi vẫn còn nhớ duyên lành của mình khi được nghe bài “*Kinh Kalama*”. Những lời dạy của Đức Phật trong kinh này mang tính thuyết phục đầy trí tuệ, khiến tôi nhận ra ngay đây chính là nơi tôi cần tìm về nương tựa. Thế là hai chị em tôi đều đặn đến Thiền viện mỗi chiều thứ Bảy để theo học lớp *Kinh Trung Bộ* do Ôn giảng dạy cho cư sĩ Phật tử. Lớp học kinh này đã trở thành một phần không thể thiếu trong sinh hoạt hằng tuần của tôi. Càng học, tôi càng thấm lời Phật dạy và cảm thấy mình quả thật có nhiều phước duyên mới được gặp Minh sư và Chánh pháp để được dẫn dắt đi trên con đường đạo chơn chánh.

Từ học kinh đến quy y thọ giới và trở thành đệ tử Ôn diễn tiến thật tự nhiên. Hai chị em tôi nhanh chóng hòa mình vào mọi sinh hoạt hằng tuần của Thiền viện, là ngôi nhà tâm linh đã giúp tôi tìm thấy ý nghĩa cuộc sống. Những buổi lễ đón mừng các ngày trọng đại của Phật lịch như Phật đản, Phật Thành đạo, Vu lan, tất niên, mừng xuân mới, mừng sinh nhật Ôn,... đã trở thành những nguồn vui thanh cao không thể thiếu của chúng tôi. Tôi còn nhớ bài thơ tôi dâng Ôn nhân dịp mừng sinh nhật thứ 70 của Ôn:

*Bảy chục mùa xuân xuống cõi trần,
Soi đèn trí tuệ, phá vô minh.
Lập trường đại học hoàng dương pháp,
Mở cổng đạo tràng quang độ sinh.
Kinh tạng đã dày công phiên dịch,*

*Thiền-na vốn rất mực uyên minh.
An nhiên tự tại không ngăn ngại,
Cũng bởi vì thương chúng hữu tình.*

Sau buổi lễ kết thúc lớp học kinh, Ôn đã dạy hai chị em chúng tôi hướng dẫn Anh văn cho Tăng Ni sinh theo học khóa đầu tiên của trường Cao cấp Phật học vừa mới được thành lập để đào tạo Tăng tài trong chương trình Cử nhân Phật học. Thế là chúng tôi có cơ hội tham gia công việc của Viện, và ngày càng gắn bó với ngôi nhà tâm linh này.

Tôi vẫn còn nhớ những buổi lễ tất niên ẩm cúng dưới mái Thiền viện, rồi những buổi văn nghệ của Ban Hộ trì Thiền viện, trong đó các vị cao niên đã vui vẻ bước lên sân khấu, cất cao tiếng hát bài “*Nhất dạ hiền già*” khiến mọi người cười quên thôi! Rồi làm sao quên được những lần Ban Hộ trì tháp tùng Ôn viếng thăm các Thiền viện ở Sài Gòn, ở Bà Rịa Vũng Tàu, về thăm Tổ đình Tường Vân ở Huế... Ôi biết bao kỷ niệm thân thương dưới mái Thiền viện, trong đó sự hiện diện của Ôn luôn luôn là cội bồ-đề tỏa bóng mát cho tất cả Phật tử chúng tôi nương tựa, và noi theo hạnh của Người để tu tập thân tâm, hoàn thiện chính mình.

Có lần tôi được Ôn giao làm nhiệm vụ thông dịch cho Ôn khi có phái đoàn giáo sư đại học Hoa Kỳ đến thăm Viện. Đây cũng là một kỷ niệm khó quên, vì lúc đó tôi đã trải qua những giờ phút căng thẳng, tập trung chú ý lắng nghe từng lời để thông dịch cho đúng. Lúc ấy tôi thấy mình như một đứa bé theo cha đi trên con đường gập ghềnh, nhưng vẫn yên tâm vì bao giờ cũng có cha mình đứng bên cạnh để che chở, còn có huynh đệ, chị em ngôi trước mặt để hỗ trợ tinh thần.

Rồi đến lúc Viện Nghiên cứu được thành lập, Ôn đã cho tôi giữ một chân thư ký của văn phòng Viện, mỗi tuần đến hai lần để tiếp khách và giúp đỡ Tăng Ni khi quý vị ấy cần đến.

Thế nhưng, cuộc đời đâu có bao giờ bình lặng trôi như mình mong ước! Theo định luật vô thường, các pháp đến rồi đi, sinh rồi diệt, không có gì tồn tại mãi mãi. Thế là một ngày, tôi phải từ già Ôn để lên đường đi đến một bến bờ xa lạ để thực hiện những mộng ước còn dang dở của đời mình. Âu cũng là nhân duyên của tôi đã đến một ngã rẽ, nên không còn được ở cạnh Ôn để phụng sự Đạo pháp như chị của tôi.

Tuy nhiên, dù ở xa xôi ngàn dặm, tôi vẫn luôn luôn ghi nhớ những lời dạy của Ôn, đem Phật pháp làm hành trang ứng dụng trên vạn nẻo đường đời. Nhờ vậy tôi đã vượt qua được bao chông gai thử thách để vững bước trong một thế giới đầy cạnh tranh khốc liệt. Tôi vẫn tiếp tục tu học và phụng sự Đạo pháp trong hoàn cảnh mới, và tìm được niềm an vui cho đến ngày hôm nay. Đó là nhờ Ôn đã trao truyền cho tôi Giáo pháp vi diệu của

Đức Phật, mà tôi vẫn luôn luôn mang theo bên mình như một viên ngọc quý để bảo hộ thân tâm trong mọi hoàn cảnh.

Ôn là vị thầy đầu tiên đã khai sáng trí tuệ cho tôi, diu dắt tôi trên bước đường tu học, để từ đó tôi có thể nhận biết đâu là Chánh pháp và có thể vững vàng tiến bước mà không sợ bị lạc đường.

Mỗi lần về thăm Ôn là mỗi lần tôi trở về với gia đình tâm linh đích thực của mình. Tuy vậy, còn một câu hỏi của Ôn mà mãi đến bây giờ tôi vẫn chưa có câu trả lời dứt khoát ... Tôi nhớ một lần về thăm Ôn, lúc Ôn còn khỏe mạnh, Ôn đã hỏi tôi: “Bao giờ con trở về?”. Tôi đã im lặng, không nói được một lời. Tôi biết đây không phải là câu hỏi hiểu theo nghĩa thông thường, mà là lời nhắc nhở của một bậc Đạo sư có cái nhìn xuyên suốt vào tâm can của người đệ tử còn ‘chân trong chân ngoài’ là tôi! Tôi hiểu ngụ ý thâm sâu của Ôn nên chỉ im lặng cúi đầu. Tôi biết Ôn muốn nhắc nhở tôi hãy dứt khoát buông xả cái tâm lăng xăng dao động để trở về với bản tâm thanh tịnh trong sáng của chính mình, đó mới chính là quê hương đích thực, là nơi chốn an bình, là cội nguồn hạnh phúc, nơi không còn những ý niệm đối đãi ta-người, được-thua, còn-mất, đến-đi..., mà là nơi các bậc hiền trí đã và đang quay về, hướng đến và an trú.

Tôi chưa trả lời được vì biết rằng con đường trở về tuy rất xa mà cũng thật gần, tùy thuộc vào mức độ tỉnh giác và buông xả của tâm mình! Tôi biết tâm mình vẫn còn dính mắc, vẫn còn dao động, chưa hoàn toàn buông xả, nên làm sao trả lời Ôn được? Tôi chỉ có thể thâm thưa với Ôn rằng: “Bạch Ôn, con vẫn đang trên đường trở về, nhưng bao giờ thì về đến nơi, con xin khẩn lại câu trả lời này... cho đến bao giờ?”.

Con xin kính dâng Ôn đôi dòng tưởng niệm:

*Con vẫn thấy Ôn trong từng trang sách,
Nụ cười hiền với nét mặt từ bi,
Đêm chong đèn dịch Kinh tạng Pāli,
Chuyển lời Phật trao truyền cho hậu thế.*

*Giữa sóng gió của cuộc đời dâu bể,
Ôn kiên cường hình ảnh của voi thiêng,
Ra chiến trường, hứng chịu vạn cung tên,
Cho Tam bảo được tùy duyên phát triển.
Là Bồ-tát đã phát lời đại nguyện,
Ôn dẫn thân không một chút ngại ngần*

*Lớp vỏ cây... nào có đáng quan tâm?
Bậc đại trí nhìn sâu phần cốt lõi!*

*Lời Ôn dạy, pháp âm còn vang mãi ...
Chúng con nguyện tiếp nối bước chân Ôn.
Đức hạnh Người tỏa sáng cả mười phương,
Và sống mãi trong lòng người con Phật.*

Melbourne, tháng 6, mùa đông 2014



MỘT LÒNG KÍNH LỄ

Thông Chánh

Sáng nay, khi đang chuẩn bị cho chuyến từ thiện ở vùng ngoại ô thành phố, con nhận được tin báo “Ôn đi rồi”. Con bàng hoàng và tim con như chết lịm. Mọi việc đều dừng lại. Con vội vã chạy xe gần trăm cây số để về với Vạn Hạnh. Con hối hả chạy xe trong dòng người tấp nập của xứ Sài Gòn. Đôi mắt con nhạt nhòa nước mắt, phải nhanh thôi, đã muện mắt rồi. Con về đây để đánh lễ Ôn.

Kính lạy Ôn! Bậc cao tăng mô phạm. Ba lạy này sao thấy dạ quặn đau! Cách đây hai hôm, sau ngày mãn hạ, con đã về đánh lễ Ôn. Ôn ngồi đó, trong căn phòng yên tĩnh, thảnh thỏa có tiếng tăng hăng của Ôn. Ôn nhìn con, ánh mắt từ hòa đầy tình thương và rạng ngời trí tuệ. Thế mà giờ đây...

Kính lạy Ôn! Như áng mây nhẹ lướt qua đỉnh núi, Ôn an nhiên sao con thấy nát lòng, kiếp phù sinh con vẫn thấy thương tâm, lòng cố nén sao lệ thấm rơi mãi!

Con nhớ lại lần đầu tiên được chiêm ngưỡng và đánh lễ tôn dung Ôn, con đã bật khóc. Kính lạy Ôn! Nếu khi xưa tiên nơn A-tư-đà đã khóc vì không được sống cùng thời với thái tử Sĩ-đạt-ta thì ngày nay con đã khóc vì tội phận kém phước không được trực tiếp phụng nghe những lời giáo dưỡng từ kim khẩu của Ôn. Nhưng con cũng cảm nhận được một điều

hạnh phúc dù muộn màng đi nữa con cũng được chiêm ngưỡng tôn dung Ôn. Ánh mắt từ hòa và nụ cười bi đưng của Ôn đã làm thiêu rụi những đám cỏ sâu phiền muộn trong tâm hồn con. Ý thức được điều đó, những ngày tháng tha phương học đạo, con luôn dành thời gian để được về thăm lễ Ôn.

Kính lạy Ôn! Con thăm mừng được hầu cận Ôn trong những năm tháng cuối đời, nhưng con lại tủi phận vì quá muộn màng. Con vẫn biết hoa Đàm kia dù rụng nhưng hương vẫn còn lưu, Ôn đến với đời như làn mây lướt qua đỉnh núi, và Ôn ra đi như nhận quá trường không, nhưng sao con vẫn thấy buốt cõi lòng, cả đất trời như đang cùng chuyển động.

Cúi đầu đánh lễ Ôn mà bao nỗi niềm thổn thức, cố viết về Ôn thì kẻ hậu học con càng cảm thấy quá vụng về. Nếu ví công Ôn như núi Thái Sơn con thấy còn chưa đủ, nếu kể ơn Ôn như nước đại dương con vẫn thấy thiếu nhiều. Bởi núi Thái kia có ngày cũng bị bào mòn, nước đại dương cũng có lúc bị cạn, nhưng ân đức của Ôn thì bất diệt với thời gian vô cùng và không gian vô tận. Nếu bảo đời Ôn như ánh trăng rằm thì cũng không đúng, bởi trăng kia có lúc cũng bị mây mù che phủ, nhưng tình thương và trí tuệ của Ôn thì không hạn cuộc, không một nhân tố gì có thể chướng ngại được. Đúng là:

*“Ngôn ngữ trần gian thô thiển lắm
Biết lấy gì để xưng tán về Ôn”
Cho nên, đối với con, Ôn là bậc ly ngôn.
Kính lạy Giác linh Ôn!
Thuyền đi còn để lại dầm
Ôn vào tịch diệt Pháp âm đong đầy.
Con quỳ kính lễ nơi đây
Nghe lòng quặn thắt ngẩn dãi lệ rơi.
Ôn luôn hiện hữu với đời
Mà sao con thấy đất trời chuyển rung.
Tường Vân mây trắng nào nùng
Sài thành Vạn Hạnh quặn lòng chịu tang
Tiễn Ôn vào cõi Niết-bàn
Không gian vương đọng những hàng châu sa.*

Kính lạy Giác linh Ôn! Con không muốn dùng giọt nước mắt trần gian làm nhiễm ô bước chân của bậc xuất trần thượng sĩ. Nhưng ngày xưa khi Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn nơi rừng Sa-la, Tôn giả A-nan-da vẫn không cầm được nước mắt thì giờ đây kẻ hậu học con làm

sao chế ngự được nổi mắt mát lớn lao này!

Con vẫn biết Ôn luôn hiện hữu như đất trời hiện hữu, nhưng trong cuộc đời sanh diệt diệt sanh này, con không thể bất động trước sự ra đi của Ôn như thế này được. Con quỳ lạy Giác linh Ôn và thắm khẩn nguyện nơi cõi Niết-bàn vô tung, Ôn hằng gia hộ cho con vững bước noi gương Ôn để tu tập hạnh lành, đem Đạo vào đời cho đời bớt lắm than.

Con quỳ kính tiễn biệt Ôn!

Học trò của Ôn



ẤN TƯỢNG VỀ MỘT VỊ THẦY CAO CẢ

Thích Tường Quang

Khó sanh được làm người! Khó gặp được Chánh pháp! Và lại càng khó gặp được bậc minh sư soi đường dẫn lối như cố Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu để được hiểu Chánh pháp!

Con được duyên may vào Tổ đình Bửu Quang, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tu học vào ngày rằm tháng Bảy năm 1983. Một năm sau, 1984, con gặp được một nhân duyên quý báu. Đó là sự hiện diện của cố Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu về tịnh dưỡng một tuần tại Tổ đình Bửu Quang.

Tổ đình Bửu Quang là một ngôi chùa có quang cảnh hết sức thiên nhiên. Cố Đại lão ngồi dưới cội cây dâu, trên phiến đá rộng lớn tọa thiền. Wo!!! Đây là một vị Phật chăng? Hay một vị Thánh hiền gì đây? Trong thâm tâm của một chú tiểu, con luôn nghĩ như vậy. Thời gian Hòa thượng tịnh dưỡng tại đây, con có cơ may được tiếp kiến Hòa thượng với bao ngưỡng vọng và ước mơ. Con được biết Hòa thượng đã sang Ấn Độ du học và đỗ bằng tiến sĩ tại Đại học Nalanda, Ấn Độ. Cảm kích trước sự nghiệp và đức hạnh của Hòa thượng, trong con - một chú tiểu nhỏ bé - gợi lên niềm khao khát và cũng ước mơ được sang Ấn Độ du học.

Một tuần trôi qua nhanh, Hòa thượng xin từ giã và trở về Thiền viện Vạn Hạnh để lo

điều hành Học viện. Nhân đây, Thầy của chúng con, cố TT.Thích Thiện Quang, kính tặng Hòa thượng một cây sala và được biết Hòa thượng cho trồng gần nhà ăn, đường lên hậu tổ của Thiền viện Vạn Hạnh.

Duyên may của con lần thứ hai là trúng tuyển vào Học viện Vạn Hạnh khóa III (1993) và tốt nghiệp vào năm 1997. Trong thời gian học tập tại đây, thường xuyên được nghe Hòa thượng giảng *Kinh Trung Bộ*, con lại càng thấm nhuần lời Phật dạy hơn.

Duyên may lần thứ ba là năm 1997, con được sang Ấn Độ du học tại Đại học New Delhi và đã hoàn tất chương trình học năm 2004. Vâng, ước mơ theo gót chân cố Đại lão Hòa thượng năm xưa, nay con đã đạt được.

Duyên may lần thứ tư là, sau nhiều năm du học tại Ấn Độ và đi tham quan các Thánh tích Phật giáo, năm 2009, chúng con đã mua được một khu đất tại Thánh tích nơi Đức Phật chuyển Pháp luân để xây ngôi chùa Việt Nam có tên là Đại Lộc. Và nay công trình xây dựng đang đi vào giai đoạn hoàn tất.

Chùa Đại Lộc tại Thánh tích nơi Đức Phật chuyển Pháp luân được xây dựng trong tinh thần văn hóa Phật giáo và dân tộc Việt Nam. Bước ngang qua cổng chùa, bên phải là chùa Một Cột, biểu trưng cho tinh thần Phật giáo Việt Nam, nơi đây được gắn một quả chuông nặng 525kg. Bên trái cổng chùa là bia Quốc Tử Giám, biểu tượng cho tinh thần văn hóa và dân tộc Việt Nam, và chiếc trống cao 2 mét. Quốc Tử Giám sẽ ghi lại đậm nét về cuộc đời của cố Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu trong suốt thời gian du học tại Ấn Độ và cho đến ngày an nhiên thân thần tịch vào cõi Vô dư Niết-bàn tại Thiền viện Vạn Hạnh.

Để thay cho lời kết, con xin được mạn phép nhắc lại lời của cố Đại lão Hòa thượng khi còn sanh tiền có nói: “Các Tăng Ni hiện học tập, nên nỗ lực tại đây. Nếu sau này các con khi ra làm Phật sự, các con xem xét thấy đúng Chánh pháp thì nên ủng hộ bằng cách im lặng, ngược lại không nên chống đối nghe!”. Lời dạy ấy đã theo con suốt hành trình cả cuộc đời và đã giúp con có được những thành quả như ngày hôm nay.

MỘT ÁNG HƯƠNG VÂN

Thích Minh Hiếu

Nhẹ nhàng như những áng mây trời lơ lửng và bay khắp thế giới, đến và đi không vướng bận tư hào. Nhân ảnh Ôn đã đến và ngự trị trong lòng con như thể đó! Nhưng không phải là một áng mây trắng bông bênh và vô định, mà Ôn là một áng Hương Vân thơm lừng tỏa ngát, hiền hòa và an tịnh đối với một môn hạ nhỏ bé như con.

Hôm nay áng Hương Vân - không phải như thân tượng xa vời, mà là thân thiết, quý kính trong hồn con - đã thật sự bay xa rồi sao? Câu hỏi như để lại bao tiếc quý chưa trọn vẹn của một môn sinh suốt đời ngưỡng vọng về Ôn của chúng con.

Hơn 20 năm rồi, những tháng ngày an lạc và hạnh phúc trong con vẫn tồn tại một cách tha thiết, vì Ôn chính là bậc Thầy sáng, là đấng Cha hiền, và là Từ mẫu thân thương của những học tăng chúng con! Giờ đây những ấn tượng, những kỷ niệm may mắn trong đời được cùng huynh đệ thân cận bên cạnh Ôn vẫn sẽ mãi mãi tồn tại trong đời tu học của chúng con. Những đêm thức thâu đêm vì nhiệt huyết ham mê thể thao của thanh niên Tăng tụi con, Ôn cũng cho phép và gận gũi thức khuya cùng học trò để nhắc nhở giờ giấc. Dáng Ôn cười hiền hòa như một người Cha và lời nói nhỏ nhẹ ngọt ngào như một người Mẹ, rồi lại bận rộn lo thức ăn khuya cho chúng con và chia sẻ niềm hân hoan của con trẻ. Ôi, chúng con tìm đâu được một thiên thần bảo hộ nào cao quý hơn thế! Và cứ thế chúng con lớn

lên suốt 4 năm dài trên quý đờ. Thưa Ôn! Cá nhân con, ngay cả khi con còn cắp sách đến trường Cao cấp Phật học, Ôn cũng đã nhìn thấy và tạo cơ duyên cho phép con có dịp tài bồi kiến thức và kinh nghiệm trong môi trường hoàng pháp của những tuần giảng kinh cho Phật tử tại gia tại Thiền viện Vạn Hạnh. Chính nhờ đôi tay dắt dìu con trẻ của Ôn kính yêu mà con có được một sự nghiệp nho nhỏ hôm nay.

Ôn kính yêu ơi! Tiếng gọi thân thương này nhắc cho con vài kỷ niệm được hầu cận cạnh Ôn. Vào năm 1990, con có may mắn được lái xe hầu Ôn đi Đà Lạt cùng với GS.Minh Chi. Con rất hồi hộp và thận trọng vì có trách nhiệm đưa đón những bậc tôn túc lớn trong Giáo hội, thế nhưng khi ngồi vào tay lái thì mọi lo âu đều tan biến. Ôn như một vị Thánh trang nghiêm hiền hòa và thanh tịnh. Màu y tươi sáng hòa hợp với màu da và đôi mắt trầm tư sâu xa của Ôn làm cả một không gian nhỏ bé trên chiếc xe an bình và ổn định. Sáu giờ chạy xe mà con không nhớ đến thời gian, lâu lâu lắng tai nghe tiếng Ôn nhẹ nhàng hiền dịu trao đổi với GS.Minh Chi. Con thấy mình như được nương vào áng mây Từ Vân vượt qua những đoạn đường khúc khuỷu của núi rừng, đèo dốc Đà Lạt. Và cũng nương vào áng Hương Vân này mà con vượt qua được những nẻo đường đời khúc khuỷu, xuôi ngược cho mãi đến hôm nay. Con nhớ mãi trên chuyến trở về, khi đến Thiền viện Vạn Hạnh, Ôn xuống xe rồi mỉm cười (nụ cười ngàn thuở khó quên). Ôn và GS.Minh Chi đồng khen: “Thầy Minh Hiếu nhanh nhẹn, sáng trí trong khi lái xe thật ổn định và an toàn, chính xác giờ giấc, đã cho Ôn có những giờ phút nghỉ ngơi bình an trên xe. Cảm ơn Thầy nhiều lắm!”.

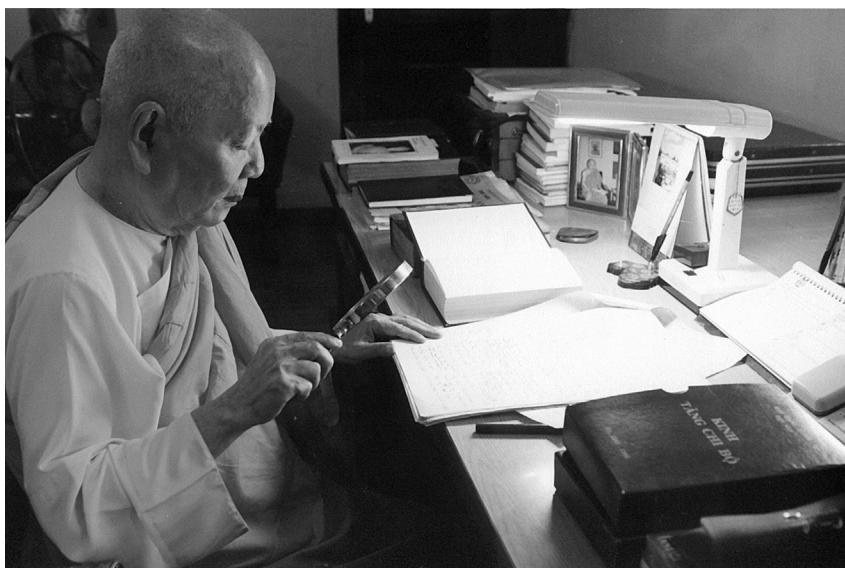
Thưa Ôn, con không hạnh phúc vì lời khen và đã làm tròn bổn phận, nhưng cảm xúc đọng đây trong trái tim khi nghĩ đến lời dạy của Ôn. Một bậc Thầy cao quý mà bình dị vì chúng sanh, vì sự nghiệp của Phật pháp, của Giáo hội, tuổi hạc chất chồng, ngay cả đến giờ nghỉ ngơi cũng không có thời gian, tranh thủ Phật sự mà tạm nghỉ ngơi trên một chuyến xe ngắn... rồi lại khen và cảm ơn một người học trò lái xe. Ôn là vậy đó! Còn chúng con, những môn hạ dưới sự dạy dỗ của Ôn, lại có quá nhiều thời giờ để ngủ nghỉ và rong chơi trong chốn Ta-bà cát bụi này. Bài học Nhân ảnh và lời giáo dục sâu xa của Ôn đã nhắc nhở con rằng nhanh nhẹn mà không khéo cũng sẽ nguy hiểm và mất đi sự an lành. Lời khen ngợi dạy dỗ ấy đã giúp cho con trưởng thành và có nhiều thay đổi trong Đạo nghiệp của mình.

Ôn là áng Hương Vân nhẹ nhàng không giai cấp, không màu sắc, đến đi tự tại. Ngay cả khi dạy môn sinh sai phạm, Ôn cũng sợ làm thương tổn đến tâm tư của chúng con thì làm sao chúng con còn lời nào để xưng tán, vì mọi lời tán dương cao quý cũng không thể diễn tả hết được tấm lòng của chúng con. Và ở nơi đây hay mười phương cao vời, Ôn lại một lần nữa mỉm cười thương yêu và tha thứ những đứa con vụng dại, những môn hạ ngô nghê như con, khi niệm tưởng những dòng chữ này.

Kính lạy Giác linh Ôn! Nơi khung trời Nam bán cầu xa xăm này, con không được về thụ tang Ôn lần cuối. Thành kính ngưỡng vọng Giác linh Ôn với muôn vàn lần thống hối, kính quý.

Đệ tử môn hạ thành kính khắp bái!

(Cựu học tăng Vạn Hạnh, khóa II)



HƯƠNG THƠM NGƯỜI ĐỨC HẠNH

Thích Pháp Bảo

Con đang ở lại trần gian trong bầu không khí Đạo pháp hơn 2.000 năm, nhưng kinh sách thiên vạn quyển cũng không bằng được sống bên bậc danh tăng thực đức trong ngôi nhà Vạn Hạnh. Tình thương yêu của Ôn luôn tưới tắm và lan tỏa trong toàn thân con mỗi ngày khi được sống bên Ôn.

Nhớ lại những ngày tháng mới vào mái trường Học viện Vạn Hạnh, con vừa lo lắng vừa ngỡ ngờ vì chưa định hướng được cho mình một hướng đi. Nhưng những tâm trạng lo âu ấy bỗng tan biến khi đến gần Ôn. Tâm từ quảng đại của Ôn như một uy lực làm xóa tan đi mọi khoảng cách chướng ngại giữa những tâm hồn.

Có một lần, cách ứng xử của Ôn đã trở thành bài học đáng nhớ mà con không thể nào quên được. Hôm đó, sau mùa An cư mãn hạ, chúng con lên đánh lễ Ôn ở tầng bốn. Chúng con dạo quanh Thiền phòng của Ôn nhưng không diện kiến để đánh lễ Ôn được, vì Ôn cũng vừa đi xuống theo hướng kia. Khi Ôn biết chúng con lên đánh lễ Ôn, Ôn cho thầy thị giả gọi chúng con xuống tại khách đường. Ôn ôn tồn dạy chúng con ngồi bên cạnh và ban cho chúng con những lời huấn thị. Hình ảnh Ôn khoan dung, từ hòa và cho phép chúng con ngồi cạnh bên để hầu chuyện, đã khiến cho chúng con vô cùng xúc động! Tại sao những học tăng bé bỏng như tụi con mà Ôn lại bỏ thì giờ ra để tiếp đón một cách ân cần và tận

tình như vậy? Hình ảnh thân thương, dễ mến ấy của Ôn đã khắc sâu trong tâm trí con ấn tượng về đức hạnh hiền từ của Ôn mà cho đến bây giờ niềm xúc cảm ngưỡng vọng về Ôn vẫn dâng trào mỗi lúc nhớ tới; đồng thời đây cũng là bài học mẫu mực để con luôn tự kiểm lại chính mình. Được che chở dưới bóng mát đạo hạnh của Ôn, bước chân con trở nên cứng cỏi hẳn lên.

Sống bên Ôn, con luôn cảm thấy tràn đầy an lạc và hạnh phúc! Con thật may mắn khi có duyên lành được hai lần nâng đép cho Ôn. Nụ cười, bước chân đi và tấm y vàng Ôn khoác lên vai tuy đơn sơ nhưng vô cùng thanh cao thoát tục. Nguồn vi diệu pháp mà con có được như ngày hôm nay là do một tay Ôn khai thông mở lối, làm thành con đường tỉnh thức cho con giữa lúc chiều tà.

Ôn đã cho con niềm tự tin cũng như cho con con đường tươi sáng để tiếp tục đi trong đời mà không cấu nhiễm. Ôn thật là vĩ đại trong lòng con!

Chiều Vu lan 2012, trời đất bỗng nổi cơn chấn động; sấm nổ rền trời, giông mưa tầm tã! Buổi văn nghệ cúng dường Vu lan tại Vạn Hạnh phải bị gián đoạn bởi những thay đổi *bất thường* của trời đất. Không, đó không phải là bất thường, mà là điềm báo trước cho một sự kiện trọng đại: sự ‘ra đi’ của một vĩ nhân, một bậc Thánh! Chiều hôm đó, khi trời đang còn nắng gắt và vắng vẻ, Ôn được đưa đi bệnh viện. Rồi... trời đất nổi cơn... và tầm tã...! Sáng hôm sau, sau khi về lại Vạn Hạnh một tiếng đồng hồ, thì Ôn thân thân viên tịch. Không gian như ngưng đọng dưới ánh nắng ban mai trong lành và mát dịu...!

Những ngày tang lễ của Ôn, chúng con không khỏi xót xa khi Ôn vắng bóng kể từ đây! Và sau đó chúng con lại tắm mình trong Pháp vũ trong hơn một tuần thọ tang Ôn. Những ngày qua, sau khi Ôn viên tịch, Sài Gòn bỗng đổ những cơn mưa như thối thức. Cơn mưa tạnh, nắng lên, sương rơi bảo điện, mây trắng kéo về đỉnh tháp... Con ở tại Vạn Hạnh, vùng Gia Định này, cũng thấm dần thời tiết hai mùa, nhưng chưa bao giờ cảm thấy giá buốt đêm thâu se lòng với những vật đổi sao dời như vậy. Mưa buông như suối ghềnh, trời im như cô quạnh, hoa nở như khép lại. Trong thời gian suốt gần mười ngày ấy, không có ngày nào trời không mưa. Nhưng con cảm giác như có chư Thiên tạo ra những cơn mưa để làm dịu mát tang lễ của một bậc vĩ nhân mà không làm cản trở bất kỳ giờ giấc hành lễ và phúng viếng nào!

Từng dòng người chí thành chí thiết từ khắp nơi quy tụ về trước long ảnh Ôn với bao tưởng niệm đầy xúc động, kính tiếc. Dưới chân Bảo tháp Pháp Lạc, từng người âm thầm chiêm bái, kính lễ và rũ bỏ mọi trần duyên để hướng tâm vào thế giới theo gót hài Từ Phụ.

Bao ân tình Ôn còn đọng mãi trong hàng triệu trái tim của nhân loại, bằng những câu thơ bá kính Ôn, bằng những bài văn ngợi tụng công hạnh Ôn, bằng những dòng nước mắt tuôn trào và bằng vô số vòng hoa tươi cúng dường lên Ôn trong tuần tang lễ ngàn năm lịch sử.

Lễ tang diễn ra thật trang nghiêm long trọng với những sắc màu lung linh thiêng liêng và thanh thoát. Người người đang dâng tràn hạnh phúc khi được hiến dâng tâm thành của mình trong đó. Không gian ấy khó có phim ảnh hay phương tiện truyền thông nào có thể truyền cảm thay được! Và biết bao triệu đóa hoa từ mọi phương trời đổ về; với hai ngàn năm trăm lẵng hoa là một dấu ấn Chánh pháp mẫu nhiệm của đời con!

*“Hương các loài hoa thơm, không ngược bay chiều gió.
Nhưng hương người đức hạnh, ngược gió khắp tung bay
Chỉ có bậc chân nhân, tỏa khắp mọi phương trời”.*

Lễ tang Ôn là cả rừng hoa, rừng hoa ấy đổ về từ khắp mọi miền đất nước và hải ngoại. Hương thơm đức hạnh của Ôn là thể, hương thơm ấy tỏa khắp muôn phương và từ muôn phương đổ về Vạn Hạnh, không một ngọn gió nào có thể ngăn cản được!

*Sáng nay đàn chim lú lo hót
Sáng nay sương phủ phiến đá sâu
Sáng nay từng hồi chuông buông rơi
Sáng nay ngàn bông hoa không ngủ
Để...
Nhớ Ôn!*

Buổi sáng tiễn đưa Ôn đi, đưa Ôn về nơi an nghỉ nghìn thu nơi Bảo tháp Pháp Lạc, cả rừng người trang nghiêm kính cẩn hướng về Ôn, một bậc xuất trần thượng sĩ vừa hoàn thành viên mãn hạnh nguyện hưng khởi Phật giáo và lợi sanh trên cõi đời này. Kim quan Ôn vừa đi ra, trời âm u, một làn mưa bụi làm se mát những tâm hồn đang bức lòng với niềm tiếc thương vô hạn. Rồi trời từ từ sáng dần... và nắng gắt khi kim quan đi vào khuôn viên tháp Pháp Lạc. Trời đất và lòng người như đang chuyển biến và hòa nhập cùng với sự kiện trọng đại này. Muôn hương hoa lễ nhạc trời người đang tung rải cúng dường lên kim thân Ôn vì lợi ích cho chư Thiên và loài người...

*Bảo tháp uy nghiêm quỳn nắng mây
Pháp Lạc nghìn thu nhớ thương Thầy.
Thầy về bên ấy dư âm vọng
Pháp thân còn mãi thế gian này.*

VẠN HẠNH CON VỀ VÀ LẦN NÀY KÍNH TIỀN THẦY ĐI

Phật tử Đỗ Thị Hồng Cúc

Bạch Thầy tôn kính,

Cách đây gần 30 năm, từ Đà Lạt bước chân vào thành phố Hồ Chí Minh học đại học, con ở ký túc xá cùng phòng với mấy chị quê ở Bến Tre. Giữa thành phố phồn hoa đô hội (chỉ là so với Đà Lạt vì những năm sau giải phóng, TP.HCM không nhộn nhịp như bây giờ), con cảm thấy nhớ nhà, bơ vơ giữa cảnh đời mới. Một lần các chị kể rằng, nhà các chị nghèo, khi khăn gói lên thành phố thi đại học phải tá túc ở chùa. Rồi các chị dẫn con đi thăm một số ngôi chùa ở thành phố. Một hôm, mấy chị rủ con đến Thiền viện Vạn Hạnh để học giáo lý, học cắm hoa và đặc biệt, học ở đó sẽ có duyên may được gặp Thầy Thích Minh Châu - Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh (một chị có chị là cựu sinh viên ĐHVH). Chị còn nhấn mạnh: “Chỉ ai có cơ duyên mới được gặp Thầy”.

Và thế là mỗi sáng Chủ nhật, lòng con hân hoan vui sướng đến Thiền viện để - sẽ - được gặp Thầy Thích Minh Châu mà con đã nghe danh từ hồi còn sinh hoạt Gia đình Phật tử. Thầy là bậc danh sư mà ai ai cũng tôn kính ngưỡng mộ - người đã dành trọn cuộc đời trần trở chăm lo cho nền giáo dục Phật giáo Việt Nam.

Lúc ấy, Thiền viện có tên là Trường Cao cấp Phật học. Cửa thiền luôn rộng mở để tất cả

những ai muốn tâm sư học đạo. Lớp học ngày Chủ nhật này ưu ái dành cho thiện nam tín nữ. Lớp học không chiêu sinh, không học phí, nhưng thật đông, chật kín cả giảng đường. Thầy giảng bài, trò lắng nghe ghi chép, không khí yên ắng, nghiêm túc. Chúng con được học giáo lý từ 7g30 đến 9g30. Sau đó, nghỉ giải lao, tiếp tục học cắm hoa và học vẽ tranh thư pháp. Con thực sự say mê khi nghe những bài giáo lý đạo Phật, trí con như được khai mở những điều rất gần gũi với cuộc sống quanh ta nhưng cách lý giải và cảm nhận thì thật uyên thâm.

Buổi chiều từ 2g, chúng con được học Thiên. Thầy nói, nếu chúng ta chịu dành ít phút mỗi ngày tập Thiên: hít sâu (vào tận đan điền), thở đều và nhẹ, điềm tĩnh thì mọi sự sẽ ổn thỏa. Lâu dần, tâm hồn sẽ an nhiên thư thái. Những phiền nhiễu trong cuộc sống không dễ bị phân tâm, chi phối.

Đối với con, mỗi sáng Chủ nhật như thế thật là ý nghĩa. Khởi đầu con học và làm quen chỉ bấy nhiêu thôi. Vâng! Bấy nhiêu nhưng cách thức trau dồi và rèn luyện đã theo mãi con trên suốt hành trình cuộc sống đầy gian truân, thử thách.

Trong suốt thời gian học ở Thiên viện, đôi lần mấy chị em con điếm phúc được gặp Thầy đi loanh quanh trong Thiên viện. Có lẽ đó là phút giây thư giãn sau những giờ Thầy miệt mài ngồi dịch kinh sách. Gặp Thầy, chúng con cũng chỉ biết cúi đầu xá lạy. Nhưng trên hết, chúng con khắc ghi ân sâu của Thầy - người đã khai sáng ngôi trường này để Tăng Ni có nơi tu học và Phật tử chúng con có nơi để trau dồi thêm kiến thức sơ đẳng về Phật giáo.

Chính ngôi trường Phật học (Chủ nhật) này, con *lắm chẫm* bước đầu học Phật. Lớp học ngày xưa con học là giảng đường rộng, thoáng, nằm phía bên phải từ cổng bước vào. Chính nơi này cũng đã vài lần con đến dự khai mạc triển lãm tranh thư pháp. Lần này, sau bao năm xa cách trở về, dấu tích lớp học xưa không còn nữa.

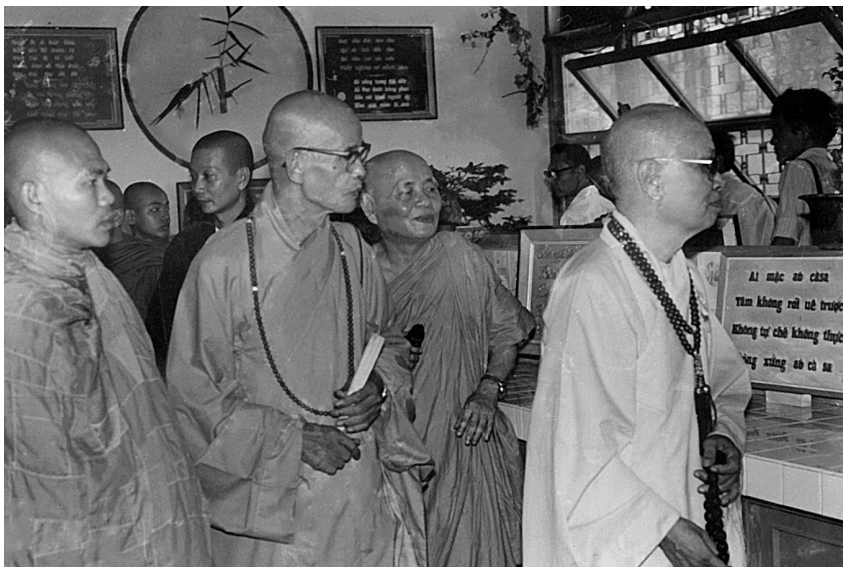
Thầy ơi! Chính những bài học đầu tiên ở nơi này đã khai tâm, mở trí để con biết thế nào là “*Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi*” (tên tác phẩm của Thầy). Nhờ ánh đuốc từ bi - trí tuệ của Đức Phật, của các bậc chân tu minh triết, trong đó có Thầy, đã soi sáng đường cho Phật tử chúng con đi. Thầy là người truyền lửa, chúng con là người tiếp ánh lửa truyền sinh và cố gắng giữ ngọn lửa ấy trong tim mình và cứ thế hành trình về phương Đông ánh sáng.

Theo dấu chân Thầy, sống theo lời Đức Từ Phụ dạy, con thấy tinh thần luôn an lạc và có thể đem lại niềm vui cho những người xung quanh. Giờ đây, mỗi ngày còn sống, còn làm việc con luôn tâm niệm lời Thầy dạy: “*Hãy tích cực làm việc, thận trọng và tao nhã - cứu lấy tâm linh của các người bằng cách làm tròn bổn phận trong cuộc sống hướng thiện*” (Thích

Minh Châu - Thích Thiện Châu, *Đường về xứ Phật*, Trường Cao cấp Phật học Việt Nam, 1989, trang 246).

Bạch Thầy tôn kính,

Hôm nay con về thăm Thầy, giữa mùa Vu lan báo hiếu, cửa thiền rộng mở, con thấy có hàng ngàn chư tôn giáo phẩm, Tăng, Ni, Phật tử các tỉnh, thành khắp cả nước tập trung đông đủ về đây trong suốt tuần để tiễn đưa Thầy về cõi Phật. Giữa rừng hoa bạt ngàn Kính viếng Ân sư, Thầy vẫn mỉm cười an lạc, mà sao chúng con giọt lệ long lanh. Thầy ơi! Hôm nay và nhiều ngày mai nữa con sẽ trở về thăm Thầy, quỳ dưới chân Bảo tháp của Thầy và suy gẫm câu: “CÁI GÌ LÀ LỜI CÂY, CÁI ẤY SẼ TỒN TẠI LÂU DÀI”.



BẠC THẦY TRÊN ĐỜI

Quế Anh

Bạc Thầy mà chúng con muốn nhắc đến ở đây chính là Ôn - cố Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh. Ngài là bậc Thầy vĩ đại trong đời mà chúng con đã may mắn được học. Thật vậy, với những ai đã học qua Học viện Phật giáo tại TP.Hồ Chí Minh thì đều không thể quên được hình bóng của Ngài bởi ánh sáng trí tuệ và bóng mát từ bi của Ngài đã phủ trùm bao thế hệ Tăng Ni sinh chúng con, đã chấp cánh cho chúng con vươn tới những vùng tri thức mới.

Nhớ ngày khai trường năm ấy, còn văng bèn tai câu nói của Người:

“Thầy vui mừng đón nhận các con vào Học viện”.

Đó là câu nói của Ôn trong ngày khai giảng. Câu nói ấy tuy rất ngắn, rất bình thường, và chỉ một lần thôi, nhưng âm vang của nó thì lại tồn tại mãi mãi cùng chúng con. Đến bây giờ trải qua nhiều năm tháng, Ôn cũng đã đi vào cõi Vô sanh, nhưng câu nói ấy vẫn còn đây, đã đi vào lòng, đã khắc đậm trong tâm thức mỗi chúng con. Vì sao vậy? Vì sao chỉ một câu nói đơn giản của Ôn mà chúng con mãi không quên? Bởi lẽ thường tình đối với chúng con, Ôn là bậc Thầy quá tôn nghiêm, quá vĩ đại, quá cao quý!

Từ miền quê xa xôi, chúng con đã được nghe các bậc tôn túc nói, Ôn như hiện thân của

một Bồ-tát lớn trên đời. Quả là như vậy, bởi sự nghiệp phiên dịch tam Tạng kinh điển của Ôn quá vĩ đại. Nhờ đó, chúng con mới được tiếp xúc trực tiếp những lời dạy minh triết và thiết thực hiện tại của Đức Thế Tôn thời nguyên thủy, để từ đó làm hành trang, làm tư lương trên bước đường tìm cầu giác ngộ giải thoát cho bản thân. Với Ôn, chúng con chỉ dám đứng từ xa vọng về nơi Ngài mà đánh lễ. Vậy mà hôm nay, ngày khai trường, đang đứng trước mặt chúng con chính là Ôn! Ôn thật gần gũi, thật thân quen! Ôn xứng là “Thầy” với chúng con. Ôi, thật là diễm phúc! Người không chê chúng con đến từ những nơi bùn hôi nước đọng, mà dang vòng tay lớn, vui mừng đón nhận chúng con vào Học viện của Người, để rồi Người lo hết mọi thứ; chúng con không phải lo bất cứ một chi phí nào. Làm sao nói hết được tâm trạng bồi hồi xúc động khi ấy của chúng con đối với Ôn.

Nhớ xưa mái trường Học viện vẫn là niềm mơ ước và tự hào của bao thế hệ Tăng Ni chúng con khi được bước chân vào đó, bởi lẽ những năm ấy thi tuyển vào rất khó. Nơi đó mọi thứ được xem như là chuẩn mực, là mô hình sư phạm mẫu mực nhất của Phật giáo. Để được đậu vào đây là một quá trình nỗ lực phấn đấu lâu dài. Cho nên khi thấy tên mình trong danh sách trúng tuyển thì có niềm vui nào hơn nữa. Ngày đầu tiên đến dưới mái trường, được nghe chính Ôn ban dạy câu nói ấy, thì còn có hạnh phúc nào hơn thế! Lòng chúng con sao khỏi lâng lâng nao nức lẫn bồi hồi, mà giờ đây khi nhắc lại, cảm giác ấy như vẫn còn đây.

Dù đã trải qua nhiều năm tháng, câu nói ấy vẫn không phai mờ trong tâm khảm mỗi chúng con. Nó đã đi vào lòng mỗi chúng con như một kỷ niệm khó phai trong đời. Bậc Thầy là vậy đó, chỉ một lời nói có thể đánh động tâm thức cả thế hệ; chỉ một lời nói đã làm hướng đi cho cả cuộc đời của chúng con. Giờ đây, bậc Thầy ấy đã không còn nữa, nhưng tôn dung từ hòa, nếp sống thanh đạm, và cả cuộc đời Ôn là bài pháp âm bất tuyệt đồng vọng mãi ngàn sau. Bậc Thầy trên đời là như vậy!

KHUNG TRỜI TUỔI TRẺ

Nguyễn Thụy

Lần đầu tiên tụi con - 3 đứa con nít tuổi khoảng 20, tíu tíu đạp xe lên Thiên viện Vạn Hạnh là một chiều mưa bão rất lớn, gió lạnh quất vào mặt như muốn đẩy ngược không cho tụi con đi tới, đứa nào cũng mím chặt đôi môi tái nhợt mà gồng mình đạp xe trườn tới. Đến nơi tụi con run cầm cập vì ướt và lạnh. Rồi từ đó tuổi trẻ bơ vơ, mất hướng sống của chúng con đã được sưởi ấm, bảo bọc và lớn mạnh trong tâm từ bi bao la của Ôn.

Vậy mà năm đầu, cứ đến giờ Ôn giảng kinh là tụi con lại đạp xe về: Kinh là để cho người già đọc(?), tuổi trẻ là để học ngôi thiên, cắm hoa, học Anh văn Phật pháp, Pāli... Và trong cái không khí rộn ràng của Thiên viện Vạn Hạnh thời đó, chúng con đã say mê học tập, cắm hoa, ngôi thiên...

Mặc dù đó là thời điểm ngán sông cấm chợ, nhưng vào các buổi chiều trong tuần, chùa vẫn được phép mở các lớp học Phật pháp, văn học... do Ôn, thầy Chơn Thiện, cụ Nguyễn Đăng Thực, cùng một số quý Thầy và các giáo sư khác giảng dạy. Như cá gặp nước, thời gian tụi con ở chùa nhiều hơn là ở nhà và trường. May mắn là học ngành Toán nên giờ đến lớp rất ít, mỗi ngày tụi con chỉ lên lớp ở trường vào buổi sáng, trưa về nhà vội vàng ăn cơm xong là xách xe đạp tất bật chạy lên chùa cách xa gần 10 cây số, tối về nhà thức khuya làm bài tập của trường, rồi lại còn dịch tự điển Pāli-Anh ra tiếng Việt phụ thầy Thát và thầy Như Minh

nữa chứ. Ôi, cuộc đời sao mà hạnh phúc quá! Đó là vào đầu những năm 80 - thời bao cấp đói khổ, thiếu thốn đủ thứ, vậy mà tụi con lại rất khỏe và rất vui.

Ngày Chủ nhật vì không phải đi học ở trường, sáng tinh mơ con đã có mặt ở chánh điện, ngồi thiền dưới sự hướng dẫn của Ôn. Giọng Huế hiền từ của Ôn chậm rãi đọc từng câu trong *Kinh Nhập Tức Xuất Tức Niệm*: “Thở... vô... dài..., tôi... rõ... biết... tôi... thở... vô... dài...” với mỗi chữ Ôn ngâm thật là dài. Lần đầu con đã hít vào một cái đầy bụng, trong khi Ôn đang còn ngâm chữ “thở” đầu tiên của câu kinh. Con nín thở lo thầm: “Chết rồi! Phải nín thở chờ tới câu *thở ra dài* mới được thở ra chắc chết quá! Hic, làm sao bây giờ?”. Nín thở không nổi, con đã len lén thở ra nhẹ nhẹ. Lần kế, rút kinh nghiệm, con hít vô thật chậm, thật chậm nhưng chỉ được 2 chữ của Ôn thôi là con lại đỏ mặt tía tai vì cố nín không dám thở ra. Dần dần con phải quán hơi thở màu trắng, mảnh và dài như sợi tơ thì mới có thể phân nào bắt kịp lời dẫn của Ôn. Nhờ những tháng năm học thở “gian khổ” đó mà bây giờ con có thể tự hào là một tay vô địch thế giới (?) về thở hơi dài nhất.

Một lần đang dắt xe ra cổng, chợt nghe giọng Huế thanh nhẹ từ hòa của Ôn đang giảng trong lớp: “*Thân này không phải của ta, không phải là ta, không phải là tự ngã của ta*”, con đứng lại ngắt vào tay mình nghe đau nhói và tự nhủ: “Trời, đau như vậy mà nói không phải của tui sao được?” rồi leo lên xe chạy tuốt.

Đó là thời đói khổ. Nhưng lúc đó con không hề cảm nhận được cái đói khổ của thân, phải chăng vì cái đói khổ của tâm quá lớn? Tiền học bổng trường phát mỗi tháng con đều đem ra khu bán sách cũ đường Nguyễn Thị Nhỏ mua sách hết, nào là *Số không và vô tận*, nào là *Giờ thứ hai mươi lăm*, nào là *Chiến tranh và Hòa bình*, nào là *Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh*¹ ... đem về đọc ngẫu nhiên để rồi lại vật vờ, đau khổ với các nhân vật trong truyện. Bế tắc vẫn hoàn bế tắc. Cuồng tử cùng đường mặt lối:

*Mộng寐 dâng đầy
về đâu trong chiêm bao
nắng vàng còn rơi rớt
ơi cùng tử về đâu?*

Lần đầu bộ *Nikāya* phát hành được in trên giấy vàng khè, sần sùi như giấy nhám. Con cũng bon chen thỉnh một bộ đem về nhà, lòng tự nhủ để dành mai mốt già đọc. Con không hiểu cái tư tưởng ngu si “già mới đọc kinh” này con lấy ở đâu ra? May là con đã không nghe theo nó.

¹ Truyện có bối cảnh về Thế chiến thứ II của các tác giả Erich Maria Remarque, Lev Tolstoy, v.v...

Một hôm, không có gì để đọc, con đem *Trung Bộ kinh* của Ôn ra đọc. Không ngờ sao mà kinh hay quá! Con đã đọc say sưa như người ta đọc tiểu thuyết Kim Dung. Mỗi lần gấp cuốn kinh lại, tâm hồn cảm thấy mát rượi, không vật vã khổ đau như đọc các cuốn tiểu thuyết.

*Khung trời mộng mị
bỗng dưng khép lại
cuồng tử chợt nhớ
có một quê nhà
xa xôi chờ đợi...*

Từ đó các cuốn tiểu thuyết, phim truyện không còn hấp dẫn con chút nào. Truyện Kim Dung là loại mà con mơ khi có thời gian rảnh là sẽ đọc ngay, nhưng khi có cơ hội đọc nó con lại thấy nhạt phèo, cũng vãn những hỷ, nộ, ái, ố như bao đời. Và lại, sống với điên đảo mộng tưởng của chính mình đã khổ lụy mệt mỏi quá rồi, con không còn muốn tìm cầu thêm những điên đảo mộng tưởng của các nhân vật trong phim ảnh, tiểu thuyết nữa. Chuyện đau khổ của nhân gian muôn đời vẫn vậy, cứ lặp đi lặp lại hoài đến sợ!

Đọc bộ *Nikāya* giống như được thưởng thức một món ăn thượng vị hảo hạng nên con không còn thích ăn lại các món ăn cũ nữa. Con lại bắt gặp mình chăm chỉ theo học các lớp *Nikāya* của Ôn, cứ như thể hơn mười năm trời. Một số người bảo *Nikāya* khó đọc phần vì có nhiều đoạn lặp lại, phần vì Ôn dịch sát ý kinh từng câu. Nhưng con lại rất thích cách hành văn của Ôn, rất là chơn chất, sát ý kinh.

Ví dụ một vị A-la-hán khi thân bệnh quá đau đớn thì Phật cho phép “*đem lại con dao*” mà không phạm tội sát. Lần đầu tiên đọc nhóm từ “*đem lại con dao*” con hơi bất ngờ, khựng lại, thấy lạ lẫm, ngổ ngợ. Nhưng càng về sau thì con thấy nhóm từ đó rất diễn cảm và phù hợp với ngữ cảnh của kinh. Nếu thử dịch “*vị Tỳ-kheo tự tử*” thì nghe rất nặng nề, u ám; nhưng nếu dịch “*vị Tỳ-kheo đem lại con dao*” thì người đọc cảm thấy nhẹ nhàng như không có một cái chết.

Có phải vì nhờ lời kinh chơn chất cho nên nhiều khi đang đọc kinh mà con cứ ngỡ như mình được nghe kinh trực tiếp từ kim khẩu của Phật? Nhờ ơn Ôn mà tuổi trẻ của con được may mắn đắm mình trong *Nikāya*, quên đi thế gian ngoài kia đang loạn ly chết chóc. Ôn pháp nhũ này con không biết làm sao mà đền trả.

Con nhớ một buổi sáng Chủ nhật, học ngôi thiền, cắm hoa xong, gần trưa, tụi con lên chào Ôn về như thường lệ. Ôn giữ lại, bảo: “*Mấy đứa ở lại tới chiều phụ Thầy, xuống Thư viện xếp hộp (giò đó mà con quên rồi)*”. Được Ôn sai bảo, tụi con mừng rơn chạy xuống Thư viện gặp

một cô đang ngồi xem sách, con hỏi về công việc Ôn giao thì cô ngỡ ngác bảo đâu có việc này đâu, đến các phòng khác thì cũng không có công việc đó, còn mọi việc khác thì đã làm xong hết rồi. Vậy là thất nghiệp, đứa nào cũng thắc mắc không hiểu sao Ôn lại bảo mình làm một việc không có? Nhưng không ai dám về vì Ôn đã dạy là phải ở tới chiều. Đến chiều con mới vỡ lẽ chùa có một buổi tiệc chiều đãi một vị nhân sĩ nào đó, và Ôn muốn tụi con ở lại ăn tiệc nên Ôn đã nói vậy. Một bọn con nít tào lao như tụi con mà cũng được Ôn quan tâm và lo lắng đến thế, tụi con đứa nào cũng giật mình cảm động! Ôn đâu biết đã nuôi tụi con một “món ăn” mà đến bây giờ con vẫn còn no. Con nguyện đời đời chia sẻ “thức ăn” này của Ôn đến khắp mọi loài trong Pháp giới.

Rồi một hôm con xin Ôn cho xuất gia, Ôn cười hiền từ bảo: “Thầy không có độ Ni!”. Con không chịu và đứng khóc hu hu đòi Ôn phải xuất gia cho bằng được. Ôn lại dỗ dành: “Thầy không độ Ni, thôi để Thầy giới thiệu con qua Cô T.H. tu hí?”. Trời ơi, sao Ôn lại rất từ bi và kiên nhẫn với một con bé lì lợm như con vậy? Rồi Ôn cầm cụi viết tay một lá thư dài gửi gắm. Ôn năn nỉ mãi rồi con cũng phải chịu cầm lá thư giới thiệu của Ôn mà đi tu. Nhưng chướng duyên khiến con không xuất gia nữa. Thế là con lại chạy về khóc suốt mướt, Ôn lại từ bi dỗ dành an ủi. Vậy mà gần 30 năm sau, khi được xuất gia thực sự thì con không còn vòi vĩnh, không còn được Ôn giới thiệu gửi gắm nữa. Một mình con độc hành, độc bộ, tự thấp đước lên mà đi.

Con lên đánh lễ Ôn, quỳ bên giường thâm tác bạch Ôn chứng minh cho con xuất gia. Ôn một đời lao nhọc cho chúng sanh, nay đang nằm im lìm mà lòng con đau nhói. Ước gì con được cúng dường lên Ôn thọ mạng của con.

Bây giờ thì Ôn đã về cõi Phật, nhưng con thấy Ôn vẫn còn đang đi kinh hành vòng quanh chánh điện cũ trong bộ đồ vàng chanh. Gương mặt tròn hoan hỷ, thanh tịnh. Người là cơn mưa lớn trong thời hạn hán, đã tưới tắm, nuôi dưỡng, cứu hộ đến tận loài cỏ cây thấp bé như chúng con. Cuối cùng con xin sám hối: tuổi nhỏ ngỡ ngác, lạc loài, đã không ít lần làm Người phải lo lắng, quan tâm. Con xin đê đầu đánh lễ, sám hối vô cùng.

ĐỜI ÔN - ĐỜI BẠCH CHÂN TU

*Hậu học **Hạnh Chơn***

Một bậc chân tu, một bậc tài đức vẹn toàn, một bậc có ảnh hưởng rất lớn cho nền Phật giáo Việt Nam giai đoạn nửa sau thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI vừa ra đi trong niềm kính tiếc vô hạn của tử chúng Phật tử Việt Nam. Cuộc đời Ôn sẽ không thể nào dùng lời lẽ để diễn tả, bởi đức hạnh và đạo nghiệp của Ôn vượt xa ngôn ngữ trần gian hạn cuộc. Ý thức như vậy, người học trò vô danh chỉ xin kính cẩn ghi lại vài dòng cảm niệm về cuộc đời của Ôn - cuộc đời bậc chân tu. Con xin được dùng từ 'Ôn' mộc mạc và thân thương để xưng gọi Người.

Bạch Ôn! Năm xưa Đức Thế Tôn từ bỏ ngai vàng để tìm đường giải thoát và, sau khi giác ngộ, đã dẫn thân không biết mệt mỏi để độ sanh cho đến hơi thở cuối cùng. Mặc dù Đức Thế Tôn đã tạo dựng nên một kho tàng Giáo pháp vô giá có thể nói là thuần thiện bậc nhất trên hành tinh này, Ngài thật an nhiên tự tại khi ra đi và đã để lại lời di giáo viên mãn cuối cùng cho hậu thế. Khoảng 26 thế kỷ sau, một ngôi sao sáng của nền Phật giáo Việt Nam xuất hiện, và chính sự nghiệp đời Ôn đã dựng lại hình ảnh sống động con đường mà Đức Thế Tôn đã dạy.

Đời Ôn là cuộc đời của học tập, hành trì, và dẫn thân phụng sự. Trong khi xã hội bao nhiêu người còn chạy đua theo thế lợi thì Ôn đã dành cả quãng thời gian đời mình cho sự nghiệp nghiên cứu, giáo dục, dịch thuật và chu toàn các Phật sự được giao. Thâm lặng làm việc

không biết mệt mỏi suốt nhiều năm ròng, Ôn đã cống hiến cho ngôi nhà Phật giáo Việt Nam một kho tàng kinh điển tiếng Việt chưa từng có trước đó và nhiều tác phẩm giá trị khác. Ôn cũng đã đào tạo nhiều lớp học trò mà trong số họ có rất nhiều vị đã thành danh và đã đóng góp nhiều cho xã hội. Dầu vậy, Ôn nào có quan tâm những gì Ôn đã đóng góp. Ôn thật sự đã dẫn thân phụng sự Đạo pháp xứng tầm bậc thượng sĩ xuất trần. Đời sống của Ôn luôn thông dong tự tại trong niềm vui với pháp vị và pháp lạc.

Có lẽ không ngoa khi nói rằng Ôn là một trong số rất ít ngôi sao sáng có đóng góp nhiều cho nền giáo dục Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn hiện đại. Ngày nay, sự thành danh của người xuất gia thường được đánh giá qua việc sở hữu chùa to Phật lớn, chức vụ quan trọng. Có rất nhiều người đạt được điều đó nhưng số người vượt qua nó là rất hiếm. Ôn là một trong số rất ít người có tất cả nhưng vượt qua tất cả. Chùa to, chức cao, đệ tử nhiều nhưng nó đâu làm Ôn vương bận. Sự tu tập và phụng sự chúng sanh suốt cuộc đời của Ôn là minh chứng thuyết phục cho nhận định ấy.

Từ tám gương sáng của đời Ôn, con suy ngẫm và rút ra nhiều bài học bổ ích. Con thầm ước gì người xuất gia ngày nay được tưới tắm và được thấm nhuần lối sống đức hạnh của Ôn thì Phật giáo Việt Nam sẽ được diễm phúc dường nào! Sự thị phi, tranh giành trong chốn thiền môn sẽ nhường chỗ cho tình thương pháp lữ trên căn bản lục hòa. Nụ cười hạnh phúc sẽ hiện khắp chốn già-lam như nụ cười từng hiển hiện trên gương mặt của Ôn ngày nào. Đời Ôn đến đi tự tại. Đến là mang lại niềm vui, đi là để lại niềm kính nhớ!

Bangkok, mùa thu 2012
Thành kính dành lễ Ôn

VẮNG VẮNG LỜI THẦY

Thích Hạnh Đức

Boong... boong... boong... Bừng tỉnh. Muôn vật còn yên giấc dưới màn đêm vắng lặng. Bên ngoài ánh trăng pha màu cho bầu trời thêm vẻ huyền vi. Như tỉnh giấc chánh niệm, tôi trực nhận thế giới tràn trề sinh lực đang thờ thề cùng chung cuộc sống thanh bình thâm lặng. Không tư tưởng, không suy tư, tôi cảm nhận sự an lạc gọi lên trong từng làn da thớ thịt và trong cả sức sống kỳ diệu của muôn sinh...

Khoảnh khắc ấy qua mau. Giữa đêm mà tiếng chuông từ đâu vọng lại? Miên man theo dòng suy tư, lòng tôi bỗng rười rượi cái cảm giác hôm nào, khi mà tiết học Hành Thiền năm cuối của khóa III, vị Thầy cao cả của chúng tôi run run cầm mấy trang giấy nhẵn như học trò bằng cả tâm huyết mà Thầy cư mang. Giữa không gian êm đềm tĩnh mịch, ký ức tôi hiện ra trình nguyên bài học Thầy đã dạy Tăng sinh chúng tôi hôm nào. Như thấu hiểu tâm tư người xuất gia trẻ chúng tôi trong thời hiện đại, không chút nao núng, Thầy dạy:

“Nếu không chánh niệm tỉnh giác trong khi sống trong cuộc sống thì cuối cùng ta sẽ đau khổ nhận ra rằng mình thật sự chưa hề xuất gia, dù rằng ta có hình thức là một tu sĩ, vì ta vẫn còn bị đau khổ chi phối, vẫn buồn vui, khóc cười, sợ hãi theo những cảm giác, những tư tưởng lăng xăng trong đầu... Đầu rồi chí nguyện ban đầu của bậc đại trượng phu?”

Nghe ri rắc cõi lòng, tôi bồi hồi xao xuyến trước những lời dạy xuyên thấu tâm can...! Nghĩ

lại bản thân mà lòng đau nhói khi nhiệm vụ của người xuất gia vẫn đang còn đó. Đứng trước sự hấp dẫn của những văn minh hiện đại, trước sự vươn mình của nền khoa học tối tân, tuổi trẻ chúng tôi như những đứa con thơ mới chào đời, nhìn mọi thứ đều thấy mới lạ và thích thú, cái gì cũng muốn nắm nhưng rồi chẳng biết nắm lấy cái gì, cuối cùng phân vân tự hỏi: “Phải chăng chỗ đứng trong đời là học vị?”. Không ai trả lời, nhưng về âm thầm như âm thầm thừa nhận.

Chính vì vậy mà không ít người trong chúng tôi đã quên mình cho chuyện học hay cho những gì được mệnh danh là học, đến nỗi làm cạn kiệt cả sức lực và thời gian đời người. Bên tai tôi, tiếng Thầy lại vang vọng:

“Là Tăng sinh, bốn phận trước mắt là học hành thi cử, nhưng nên nhớ mình là Tỳ-kheo, là người tiếp nối ánh sáng Chánh pháp của Phật, nên mục đích đời mình là phải đạt được giải thoát, chứ không phải chạy theo bằng cấp học vị. Bằng cấp học vị ấy chỉ là phương tiện độ sanh, nhưng chính mình chưa độ được mình thì tất cả chỉ là trống không. Trong bóng tối thì làm sao chỉ đường cho ai!”.

Giọng Thầy khàn khàn già yếu mà vẫn rót sâu vào tận tâm can mỗi Tăng sinh, làm cho những con tim bé bỏng đỏ thắm lại sau những tháng ngày rong ruổi xám màu phù vân.

Được bước chân vào ngôi trường Vạn Hạnh để mang về cái văn bằng của trường là ước mơ của bao Tăng Ni trẻ. Nhưng giờ đây, lời Thầy như gươm bén phá tan mọi giá danh của văn bằng học vị; lời Thầy như kim chỉ nam định hướng cho chúng tôi một mục đích chân thật hơn, cao cả hơn. Cảm nhận giá trị cao quý ấy, lòng tôi lâng lâng một niềm xúc cảm, nội tại thanh lương, vô cầu...

Xung quanh, cảnh vật còn giữ vẻ tôn nghiêm dưới ánh đêm mờ tủa. Đâu đây văng vẳng điệp khúc của những chú dế càng tô thêm phần thực hư. Trăng đỏ về tà, thoáng hiện chút buồn khi màn đêm biến dạng, hình ảnh Thầy lại hiện lên trong tâm trí. Lời Thầy lại văng vẳng vờ về bên tai những âm thanh tràn ngập tình thương, như người cha thấu cảm được nỗi lòng con trẻ đang lạc mất phương hướng:

“Nhận ra mình đang bị Dukkha chi phối là điều không phải dễ, mà vượt qua được chúng lại càng khó hơn. Nhiều khi biết chắc một sự kiện nào đó sẽ đưa ta đến khổ đau, muốn từ bỏ, tránh xa nó, nhưng ta vẫn bị lôi cuốn và rơi vào quyền lực của nó... Để thực hiện hoài bão ban đầu, để đạt được mục đích của đời mình, và để xứng danh là đệ tử của Như Lai, ta cần phải có an lạc, cần phải thăng hoa trong cuộc sống của chúng ta lên một bình diện cao hơn... không có cách nào khác hơn là hành thiền, một cách dừng lại để tìm hiểu chính mình”.

Như thao thức cho tiền đồ của Phật pháp, giọng nói của Thầy mỗi lúc mỗi mạnh hơn,

thôi thúc hơn, như muốn cảnh giác những học trò đang quên mất phát tâm xuất gia ban đầu và đang lơ đãng trên con đường trở về với chính mình. Là bậc thầy hiệu trưởng cao vời vợi, nhưng khi tiếp cận cũng như khi giảng dạy, Thầy lại rất mực gần gũi, rất mực thân thương quý kính đối với Tăng Ni sinh chúng tôi.

Thầy đã hướng dẫn chúng tôi cách sống mà Thầy đã sống. Nhưng cách sống ấy được Thầy khai tâm từ đáy lòng khát vọng của mỗi Tăng sinh để tạo niềm tự tin và nguồn cảm hứng thăng hoa cho cuộc đời ly gia cát ái. Lòng tôi tràn đầy cảm kích như mục đích của Thiên đang treo trước mắt.

Tự tìm cho mình một pháp môn tu tập là tinh thần đúng đắn của người học Phật. Nhưng pháp môn Hành thiên mà Thầy đã hướng dẫn đã chiếm trọn niềm tin của tôi trên con đường đưa đến giải thoát giác ngộ mà Đức Phật muốn khai thị. Thầy nói:

“Đức Phật dạy, Pháp của Ngài là thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng”.

Thật là cảm động khi Thầy nói đến cuộc đời của bậc Đạo sư - một cuộc đời mà ngoài việc thuyết pháp độ sanh, Ngài dành phần lớn thời gian còn lại cho việc hành thiên. Thiên định có mặt trong đời sống của Ngài cả khi Ngài chưa thành đạo, trong khi thành đạo, và sau khi thành đạo, thậm chí ngay cả khi Bát Niết-bàn. Thầy đã kể lại cuộc đời bậc Đạo sư trong niềm tôn kính và ngưỡng vọng vô biên. Lòng tôi bụi ngùi tự hỏi phải chăng nguồn giao cảm này đã khiến Thầy sống một lối sống mẫu mực, nghiêm khắc và mô phạm trong đời sống tự thân cũng như trong sự nghiệp hoằng dương Chánh pháp? Quả thật, gương đạo hạnh của Thầy đã tỏa sáng và sẽ tỏa sáng trong nhiều thế hệ Tăng, Ni, Phật tử và trong nhiều giới trí thức học giả, cả đạo và đời, cả trong nước và ngoài nước.

Suốt gần bốn năm học, Tăng sinh chúng tôi được Thầy dìu dắt chỉ giáo bằng con đường trung thực với những lời dạy của Đức Phật qua pháp học và pháp hành, hoặc qua những chia sẻ kinh nghiệm từ chính bản thân Thầy. Nhưng hôm nay, Thầy lại tha thiết nói lên từ đáy lòng những ưu tư và hoài bão của Thầy về nỗi niềm trắc ẩn mà Thầy đã cứu mang vì thế hệ tương lai, vì mạng mạch của Phật pháp. Lời Thầy đong đầy như lời di huấn sau cùng cho học trò khóa III của Thầy trước khi ra trường. Tôi xúc động, ngược nhìn trời cao... rạo rức trong lòng.

Trăng sắp tàn mà bình minh chưa ló dạng, nỗi buồn u tối không biết đến bao giờ? Bầu trời như thu hẹp, nghe trong tim văng vẳng lời cảnh tỉnh của Thầy: *“Hãy tinh tấn lên để giải thoát!”*. Lòng tràn ngập tình người, tình đạo. Tiếng chuông từ độ ấy vẫn còn ngân...

BẢNG KHUÂNG TIẾC NUỐI

Lâm Ánh Ngọc

Ngày đầu tiên khi biết tin Ôn viên tịch, con bất ngờ nhưng vẫn bình thường vì biết rằng đó là điều hiển nhiên khi Ôn tuổi đã già nằm thanh lạng đã lâu. Ngày thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7 con vẫn bình thường tác nghiệp để lo hậu sự tang lễ của Ôn về vấn đề đưa tin cho Phật tử khắp nơi trên thế giới biết.

Mỗi ngày con nhận rất nhiều thư của mọi người chờ đợi xem phóng sự lễ tang Ôn, suốt 9 ngày như vậy. Con cứ thế trong sự vội vàng, chỉ biết làm sao cho Phật tử được cập nhật tin tức sớm là tốt. Chẳng còn thời gian để nghĩ thêm gì.

Ngày giờ trôi qua thật nhanh... và con bỗng khựng lại ngay ngày thứ 8. Trong giây phút, con bỏ việc không làm nữa vì quá tải. Dầu biết là trẻ, con mặc kệ. Và điều đầu tiên con làm là đứng dậy, cầm đầu đi thẳng đến chánh điện...

... nhìn Ôn...

... nhìn kim quan Ôn....

Con không biết Ôn là gì của con... mà sao cảm giác đau đau cứ xoáy vào trái tim vốn nhỏ bé trong một thể xác to lớn? Có cái gì đó nghẹn ở cổ khiến con không nói được? Chỉ biết rằng mình đã mất đi một điều gì đó... rất thiêng liêng mà mình vốn thiết thòi hơn nhiều người

khác khi chỉ gặp được trong vài năm ngắn ngủi ở cái tuổi đời còn non trẻ. Đó là Ôn - bóng Tùng vĩ đại!

Không biết từ khi nào con lại gọi Ôn một cách thân quen mà trước đây con chưa bao giờ sử dụng từ ấy?

Nhớ những nụ cười hoan hỷ của Ôn trong những lúc Ôn gặp gian khó, con lại nghẹn... Một vị thầy trẻ nói với con rằng: “Ôn ở trên nhìn xuống nói: ‘*Con bé này nó nói mình nhiều nhất nè, Ôn để ý con đó nghe con*’. Nhưng nói vậy chứ chị có phước lắm mới được làm phim về Ôn để đời, bây giờ giá trị lắm đó chị!”

Nghe câu nói của thầy con thấy đúng là mình quá may mắn. Rồi lại nhớ đến những hình ảnh của Ôn khi con làm phim... lại nức nở không biết giấu đâu cho được...

Tối qua một đêm thức trắng bên ngọn nến hồng, bên tách trà ấm áp, chúng con lắng nghe bài thơ của thầy Mãn Pháp, nhẹ nhàng, sâu lắng:

*Đêm cuối trời muta tiễn biệt
Con ngồi nhìn khói trầm bay
Lời kinh vô ngôn vọng lại
Nghe Ôn bước nhẹ qua đời.*

Nhưng có cái gì đó vẫn trĩu nặng trong khóe mắt. Dầu biết mọi thứ đến - đi vô thường, dầu biết đạo hạnh sâu dày đưa Ôn đến cảnh giới cao siêu, an lạc, nhưng... tiếc nuối vẫn là lẽ thường của kẻ ở lại dương gian.

*Ôn đã đi về cõi Phật,
Con biết...
Ôn đang nhìn xuống mỉm cười,
Con cảm nhận...*

Nhưng nỗi nhớ về Ôn vẫn cứ dâng trào trong con sau những ngày vội vã...

Ôn ơi... con nhớ Ôn nhiều lắm!

TỤNG CA ĐĂNG TỶ-KHEO MINH CHÂU

Trần Thoại Nguyên

Một đời tâm sáng Minh Châu

Bước chân sen nở

Đón màu Phật ngôn

Dịch kinh

Thuyết pháp

Hoa

Hôn

Trăng Huyền Trang

Sử Việt

Còn thiên thu.

TƯỜNG NHỚ BẠC THẦY VĨ ĐẠI

Ngọc Châu

Thầy như ngọn đuốc thiêng liêng
 Chiếu soi tất cả mọi miền tối tăm.
 Thầy như trăng sáng đêm rằm
 Tươi màu rạng rỡ thậm thâm diệu huyền.
 Thầy mang cội gốc uyên nguyên
 Kho Kinh - Luật - Luận ban truyền thế gian.
 Thầy đem ánh sáng đạo vàng
 Hương từ thắm đượm chứa chan khắp miền.
 Thầy vì đời khổ truân chuyên
 Mở mang kiến thức hóa duyên độ đời.
 Thầy đem mầm đạo thanh tươi
 Ươm sâu chủng tử cho người thành tâm.
 Thầy đem tuệ phá mê lầm
 Ngát Bi - Trí - Dũng thâm trầm tỏa hương.
 Thầy đem trí tuệ Pháp Vương
 Dịch ra tiếng Việt từ nguồn Pa-li.
 Thầy như đại thọ từ bi

Tâm hồn trải rộng không vì Bắc Nam.
Thầy là Bạc Trí phi phạm
Đại nguyên hơn bảy mươi năm ở đời.
Thầy đem chân lý sáng ngời
Triển khai khắp chúng lời lời báu trân
Thầy không quân nhọc tấm thân
Nụ cười vẫn sáng muôn phần hỷ hoan.
Chín lăm năm xả báo thân
Tấm gương đạo hạnh sáng ngân hào quang.
Dựng xây sự nghiệp rõ ràng
Chân tu khả kính đáng hàng Trưởng tôn.
Đạo mẫu tòa khắp nước non
Tinh thần bất diệt trường tồn sử xanh.
Ưu-đàm bát ngát hương thanh
Pháp Chơn như tỏa sắc lành ý thiêng.
Vạn năm đại đức lưu truyền
Chúng con đệ tử kính nguyên nhớ ân.

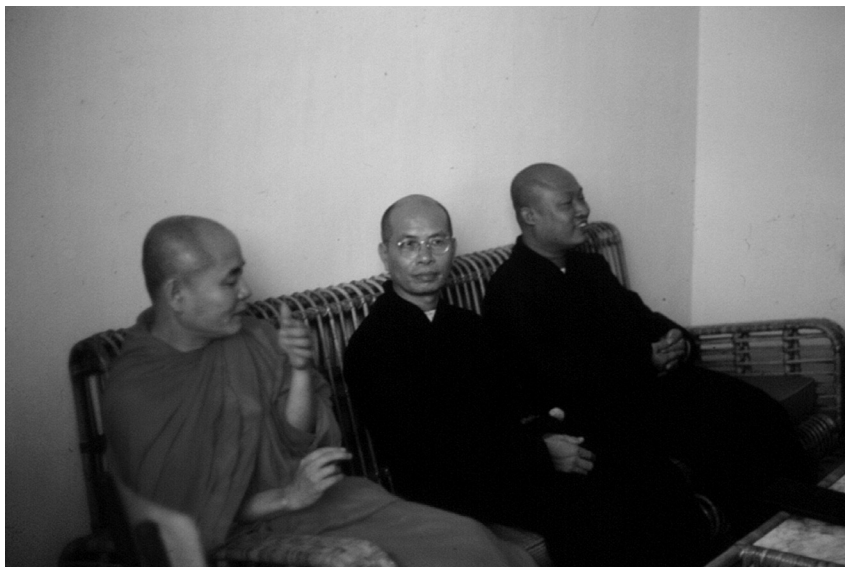
KÍNH THƯƠNG NHỚ ÔN

Thích Chúc Hiền

Đốt nén tâm hương kính lễ Thầy
 Bụi ngài lệ nhỏ khói hương bay
 Nhớ thương lưu nét vàng son sử
 Kính bút đề thơ tưởng nhớ Thầy.
 Vạn Hạnh trường xưa bóng thạch thiên
 Nghiên tâm bối điệp dịch kinh thiêng
 Pāli Kinh tạng ngài sao điểm
 Thắng Pháp Luận kinh ngát hương nguyên.
 Nụ cười hiền dịu điểm vành môi
 Mắt sáng long lanh hạnh rạng ngài
 Dáng vẻ khoan dung lòng độ lượng
 Thông dong tự tại giữa đây vơi.
 Vững nền giáo dục tạo Tăng tài
 Cần mẫn chăm lo chẳng bi ai
 Không nề gian khổ, vui vì đạo
 Rạng rỡ từ tâm với bao người.
 Duyên may con gặp được ơn Ngài

Pháp âm ngày ấy vắng bên tai
Thời gian thấm thoắt mười năm lẻ
Mà vẫn còn đây hiện hữu Ngài.
Sáng ra vừa đọc được hung tin
Thầy đã ra đi cuộc viễn trình
Thoáng chốc tim con như ngừng đập
Bồi hồi xúc động lệ tuôn rơi.
Dẫu biết cuộc đời là vô thường
Mà sao buồn quá hỡi Người ơi
Hôm nay cảm thấy màu hoa trắng
Trùm khắp không gian phủ kín trời.

(Học tăng khóa IV thành kính khể thủ)



NGÀY GHI DẤU

Pháp đệ **Thích Chân Toàn** kẻ thù

Là quyền hiện giữa khung trời Thiện nhập
Nghĩa đời bờ con sóng vô theo chân.
Biển ghi tình tháng 9, mộng Một nước triều dâng,
Bên kia Rằm tháng Bảy, Trăng hiện giữa vơi đầy
Chén cơm khuya tình tự
Người đứng giữa muôn phương
Tùy duyên ứng sở thọ
Năng thị nguyện Hòa-lan
Vô thường phân ảnh hiện
Giọt nước khóc bao la.

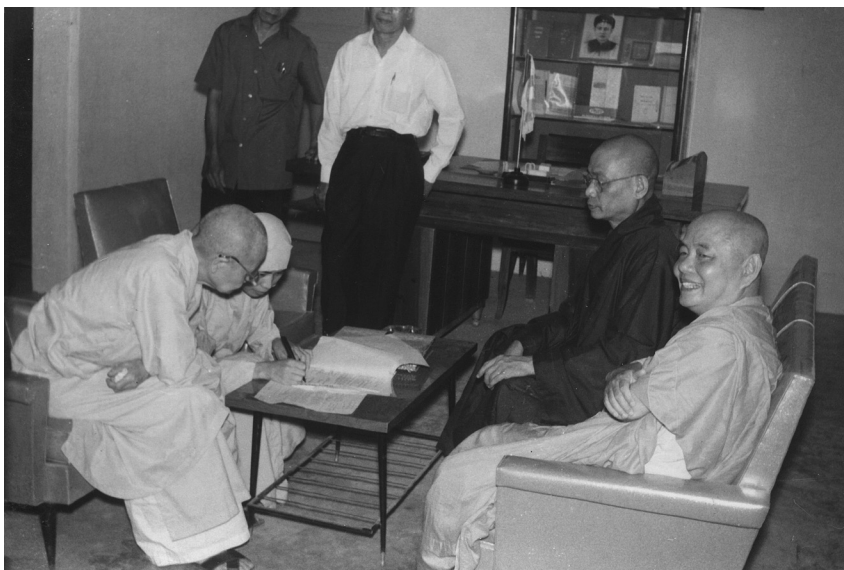
Chùa Phật Quốc Phổ Hiền - Canada

HOÀI NIỆM

Đệ tử **Thích nữ Như Minh**

T hây về Tịnh độ phương Tây
 Vạn Hạnh Thiên viện cỏ cây đượm buồn
 Tăng, Ni, Phật tử tiếc thương
 Môn đồ pháp quyến giọt buồn trào dâng
 Một đời hoằng pháp lợi sanh
 Pāli Kinh tạng dịch thành Việt văn
 Nào Pháp Cú, nào “Huyền Trang
 Chiêm Bái Học Giả” mở màn quý thay
 Viện trường Vạn Hạnh xưa nay
 Khởi nguồn tuệ giác đắp xây móng nền
 Giáo dục Tăng Ni ba miền
 Đào tạo nhiều khóa sinh viên, Tăng tài
 Truyền thừa Chánh pháp Như Lai
 “Gia Đình Hóa Phở” ơn Ngài mở mang
 Kiến tạo Vạn Hạnh già-lam
 Văn hóa giáo dục, vô vàn quý trân
 Việt Nam học tăng đầu tiên

Tiền sĩ Ấn Độ xứng tên danh Ngài
Phật giáo quốc tế sánh vai
ABCP Chủ tịch tên Ngài còn ghi
Quốc nội, quốc ngoại nể vì
Đời Thầy ngọn đuốc Trí Bi soi đường
Con quỳ dâng nén tâm hương
Nguyện Thầy về cõi Tây phương trọn lành.



MỘT ĐỜI VẠN HẠNH

Học đồ Tâm Pháp - Thiện Hữu

(Cựu Tăng sinh khóa III, Trường Cao cấp Phật học Việt Nam)

Hỡi ôi!

Mưa sầu thê thảm

Trời đất ngửa nghiêng

Cây cỏ ủ dột ưu phiền

Đất đá rơi muôn dòng lệ

Trời Việt Nam cỏ hoa khô héo

Đất Sài Gòn mây gió ngừng trôi

Phật tử khắp nơi thốn thức liên hồi

Tăng Ni cả nước xót thương vô hạn

Dòng Hương giang lững lờ khói quyện

Đất Thần kinh nhỏ giọt ai bi

Thiền viện Vạn Hạnh, tứ chúng bàng hoàng

Đất trời hải ngoại, Phật tử năm châu xúc động!

Ôi tôn quý thay:

Núi Ngự Bình, ánh từ dung **MINH CHÂU** chiếu diệu;
Nước sông Hương, nguồn tịnh thủy **TÂM TRÍ** sáng ngời!

Có những khi:

Nơi gương Thiện Tài đồng tử,
Mười hai năm du học xứ người
Biết bao mưa sa nắng cháy
Chẳng màng gian khổ khó khăn
Biết bao thử thách muôn phần
Ngài không sờn lòng thối chuyển
Với tâm nguyện đạo pháp vĩnh xương long
Thâm mơ ước quốc gia thịnh cường mãi.
Sau khi hoàn thành bút nghiên giấy mực
Trở về Việt Nam phát nguyện gieo mầm
Nghìn nghìn tri thức, hiến dâng máu xương cho quê hương miền viễn
Triệu triệu Tăng Ni, hy sinh tâm lực để Đạo pháp thiên thu!

Quả thật:

Ngài là hiện thân của Đức Văn-thù-sư-lợi
Hiển chánh phá tà như Bồ-tát Phổ Hiền
Nơi gương hiếu của Đức Mục-kiền-liên
Chấp nhận gian khổ oan khiên, chẳng khác gì Địa Tạng Vương Bồ-tát!

Nhớ lúc sinh tiền:

Chẳng phải Thế Thân, Vô Trước bên Thiên Trúc
Không như La Thập, Huyền Tráng đất Trung Hoa
Lập dịch trường, mở hội chiêu mộ anh tài
Hết thầy quốc chủ, vương hầu đồng tâm ủng hộ.

Còn Ôn thì:

Lẻ loi một mình, mà muôn nghìn Phật sự

Đơn thân độc mã, như ngựa hổ tàng long
 Đem hết máu xương, nhiệt huyết trái tim hồng
 Ngày làm việc, tối về âm thầm dịch kinh, viết sách!
 Oan khiên dứt sạch, chẳng màng khó khăn tai ách
“So sánh Trung Bộ kinh Pāli với Trung A-hàm chữ Hán”

Đau thương tát cạn
 Nước mát thanh lương
 Ấn Độ quê hương hoa nở đóa chân thường
 Việt Nam đạo pháp muôn vạn tình thương vô úy thí.
 Kia Đại học Na-lan-đà chứng tích còn ghi
“So sánh Na-tiên Tỳ-kheo chữ Hán và Pāli”.

Vượt ngoài bi thử
 Dứt sạch gông xiềng
 Noi gương **“Pháp Hiển nhà chiêm bái khiêm tốn”** tham thiền
 Học theo **“Huyền Tráng nhà chiêm bái và học giả”** rờng chuyên nghiên cứu.

Khi trở lại quê nhà:

Mở trang huyền sử
 Pháp tướng dung nghi
 Phiên dịch toàn bộ **Kinh tạng Pāli**
 Kết tinh lại những gì là **“Phật pháp”**
 Theo dấu chân xưa, cố tìm **“Đường về xứ Phật”**
 Quyết tâm triệt ngộ, mọi sự **“Liên hệ Đại thừa với Tiểu thừa”**
 Dẫn cho sáng tối, sớm trưa
 Sống với **“Những ngày và Lời dạy cuối cùng của Đức Phật”**.

Ôn khuyển mọi người mở lượng trượng phu chân thật
 Ôn dạy Tăng chúng nhớ câu báo bổ đàn-na
 Khắp nhân gian đều sống pháp Lục hòa
 Áp dụng **“Chữ Hiếu trong đạo Phật”** trở thành bản thiên ca vi vu bất tận.

Trời trí tuệ bao la cao ngất **“Hãy tự mình thấp được mà đi”**

Biển chân như sáng tỏ bất tư nghì, **“Lịch sử Đức Phật Thích Ca”** thấu đáo
“Chiến thắng Ác ma” hanh thông Lục đạo
 Tỏa sáng tình người, truyền trao **“Chánh pháp và Hạnh phúc”** nhiệm mầu
“Đạo đức Phật giáo và Hạnh phúc con người” quả thật cao sâu
“Những mẫu chuyện đạo” như bài tâm kinh siêu tuyệt.

Hướng dẫn Phật tử **“Hành Thiên”** cho tâm hồn tinh anh trinh khiết
 Tự tại khắp nhân gian, **“Đức Phật nhà đại giáo dục”** toàn tài
 Tự giác lợi tha, **“Tâm từ mở ra, khổ đau khép lại”** dứt sạch trần ai
“Những gì Đức Phật đã dạy” chúng con hôm nay quyết tâm thực hành
“Đức Phật của chúng ta” giúp ta **“Hiểu và Hành đúng Chánh pháp”**
 Nên tự tại vào ra trong chân thường diệu tánh!

Ôi, cao cả thay:

Thân lão niên chẳng ngại đường dài;
 Tuổi già lụn không màng gian khó.
 Nào Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Mỹ Tây Cơ - **Giáo dục quốc tế khơi nguồn**
 Mông Cổ, Tiệp Khắc, Ấn Độ, Úc Châu, Liên Xô - **Phật giáo vì Hòa bình**
 Nào Nhật Bản, Ý quốc, Đài Loan - **Hội nghị Tăng-già Quốc tế**
 Canada, Pháp quốc, Tích Lan - **Hội nghị Thế giới Tăng-già**
 Nào Hà Nội lịch sử còn ghi - **Vì thế giới giải trừ quân bị**
 Nào Sài Gòn hai lần hội thảo - **Giáo dục Phật giáo trong thời hiện đại.**

Quả thật cuộc đời Ngài:

Đạo phong tỏa chiếu khắp Bắc-Trung-Nam
 Từ ái Nam Quan đến mũi Cà Mau, lúc nói năng vẫn Tam thừa hưng hiển
 Tuệ nghiệp sáng ngời năm châu bốn biển
 Từ Á, Âu, Úc, Mỹ, khi động tịnh vẫn Tứ quả an nhiên.
 Pháp âm như ánh Minh Châu lung linh viên diệu
 Dầu sinh diệt vẫn nghìn năm tỏa chiếu
 Ân đức tợ đại địa Viên Dung nở nụ cười hàm tiếu
 Dầu vô thường vẫn an lạc chân thường!

Vậy mà:

Chín lăm năm khuôn vàng thước ngọc, thông dong đạo cõi nhân gian;
Sáu tư mùa hạ lập hoa khai, tự tại vui miền Tịnh độ.

Bởi thế:

Khắp sơn hà nhỏ lệ đau thương
Toàn thế giới vấn vương buồn tủi
Cõi rong rêu sẽ trở thành sông núi
Khắp đất trời rúng động tâm tư
Suốt đời con vẫn nhớ bóng Tôn sư
Dù địa thủy hỏa phong có điều tàn đổ nát!

Nơi phương xa con vẫn khắc sâu ghi tạc:

Mười phương hoa nở tuyệt vời
Ghi dòng Phật sử cuộc đời danh tăng
Dấu cho nát cuộc phù trầm
Dung nghi đức độ nghìn năm vẫn còn!!!

Chùa Phật Đà, Úc châu

NỤ CƯỜI ĐỂ LẠI

Cung tiễn Giác linh Ôn Minh Châu

Tâm Thường Định - *Thư pháp Võ Việt Tuấn*

Ô n cười hiền như But
 Ôn đi ai cũng thương
 Hương Ôn tỏa muôn phương
 Lung linh vàng Tâm Phật
 Thế gian còn hay mất
 Ôn thì rảnh Tâm Không
 Cười đại hạc thông dong
 Về Tây phương Tịnh độ
 Bạc xuất trần thổ lộ
 Hoan hỷ nụ cười Thiên
 Gieo Bi Trí mọi miền
 Bô-tát Thanh Lương Địa.

THẬP THỦ LIÊN HỒN

Bảo Minh Trang

1. Hào khí tô bồi tỉnh Quảng Nam
 Hương thiêng nở rộ đóa Ưu Đàm
 Kinh luân triệt thấu tài siêu việt
 Ngoại ngữ tường minh trí bất phàm
 Dịch thuật Tàng kinh vùng nước Ấn
 Ban hành Giáo điển đất phương Nam
 Trần gian nhuận thấm mưa cam lộ
 Sánh với Ngài Huyền (1) chí nhãn kham.

2. Nhãn kham huệ lực bủa giăng trời
 Lý tưởng kiên cường quá biển khơi
 Kiến giải uyên thâm lừng vạn kiếp
 Khả năng xuất sắc để muôn đời
 Tu gương hỷ xả hoài không cạn
 Luyện hạnh bi từ mãi chẳng vơi

Tổ chức khoa thi nền đại học
Hưng long Pháp bảo ánh tươi ngời.

3. Tươi ngời cứu cánh vỹ trường niên
Phát thệ thâm sâu trải mọi miền
Đò tuệ cầm chèo qua biển khổ
Lửa minh thắp đuốc rọi sông phiên
Cuộc đời nguyện hiến nền văn phạm
Sự nghiệp mong dâng gốc Thánh hiền
Khắp cả Đông Tây đều ngưỡng mộ
Bậc Thầy xuất chúng tạo cơ duyên.

4. Cơ duyên quảng bá phước liên thành
Bát chánh phương trình tải đạo nhanh
Giới - Định tu trì hoa báu nở
Vọng hư tận diệt gốc minh thành.
Mở kho Đại tạng màu chân mỹ
Khai nẻo Già lam nét thiện lành
Đào tạo truyền nhân cùng khắp chốn
Tên trường Vạn Hạnh nổi uy danh.

5. Uy danh vạn thuở vẫn chưa mờ
Thập địa xây cầu thỏa ước mơ
Ý sáng lòng thanh người kính ngưỡng
Công cao đức trọng chúng tôn thờ
Ân tình chất nặng tô vầng nguyệt
Đạo nghĩa vun đầy lộng áng thơ
Ban phát niềm tin và sức mạnh
Là nơi dân tộc thấy trông chờ.

6. Trông chờ Hòa thượng rải thâm ân
Đệ tử con nay được phúc phần

Hưởng nếm cơm ngon mùi Thánh lạc
 Được dùng sữa quý, vị tinh trần
 Trừ sâu bất giác lia tâm mạn
 Phá cội vô minh hiển sức thân
 Nói nghiệp Như Lai truyền giáo lý
 Pháp mầu mở khóa tỏ nguồn chân.

7. Nguồn chân giác ngộ vững trường niên
 Diệu Hữu Không Không tự tánh thiên
 Dương thế yêu kiều hoa Bát-nhã
 Ta-bà diễm lệ cội Uyên nguyên
 Ươm vườn Giác ngộ xinh thuần khiết
 Dựng cổng Vô vi sáng diệu huyền
 Tư hoặc mê lầm đà đoạn hết
 Nhất thừa rạng rỡ vẻ khôi nguyên.

8. Khôi nguyên nhập thế quyết không sờn
 Bồ-tát đầu mang thiết với hơn
 Thuyết giảng kiên cường tôn gốc thiện
 Hoảng truyền dưng cảm hiển đường chơn
 Chín lăm hạ lễ duyên vừa hết
 Bảy chục xuân đầy nghĩa đã hơn
 Vô số Tăng Ni bằng Phật học
 Trong ngoài Phật tử kính hàm ơn.

9. Hàm ơn Hòa thượng khâm trang đời
 Phật sự chu toàn nhẹ thảnh thơi
 Nghĩa cử vị tha dư chẳng khuyết
 Tinh thần bình đẳng đủ nào vơi
 Ra đi tĩnh lặng đường yên nghỉ
 Cất bước thư nhàn tựa dạo chơi

*Ở cõi Diêm-phù xong bốn phận
Nhẹ nhàng chấp cánh vượt trùng khơi.*

10. *Trùng khơi bóng nhận lướt cung mây
Giới - Định song tu đã trọn đầy
Quả mãn phiêu diêu rời cảnh tục
Đạo thành bình thân đến trời Tây
Niết-bàn tự tại an chân thức
Cực lạc thông dong ngự bảo đài
Phạm hạnh viên tròn vui giải thoát
Bồ-đề bất diệt muốt xanh cây.*



PHỤNG TÁN HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

萬行禪院奉讚

黃德整慧奉筆

祥	輝	法	種	自	初	源
雲	地	玄	開	弟	一	傳
淨	日	深	持	光	道	路
潔	圓	上	行	示	高	玄
萬	時	足	發	德	龍	象
行	滿	建	興	座	聖	賢
明	照	佛	光	常	普	利
珠	王	正	教	永	真	禪

順化故京庚寅年季秋(二拾拾日八月二千零百拾年)

VẠN HẠNH THIÊN VIỆN PHỤNG TÁN

Hoàng Đức **Chỉnh Tuệ** phụng bút

TUỜNG huy pháp chủng tự sơ nguyên
 VẤN địa huyền khai đệ nhất truyền
 TỊNH nhật thâm trì quang đạo lộ
 KHIẾT viên thượng hạnh thị cao huyền
 VẠN thời tức phát đức Long tượng
 HẠNH mãn kiến hưng tọa Thánh hiền
 MINH chiếu Phật quang thường phổ lợi
 CHÂU vương chánh giáo vĩnh chơn Thiên

Dịch nghĩa:

Hạt giống pháp tốt đẹp huy hoàng từ cổ xưa
 Đất Tổ mở bày truyền trao pháp tối thắng
 Sự thanh tịnh được giữ hằng ngày sáng lối đạo
 Vườn hạnh tinh tuyền rộng lớn hiện đài cao
 Vạn thời tới nay phát xuất bậc Long tượng
 Công hạnh tròn đầy xây nên tòa Thánh hiền
 Sáng chói hào quang Phật pháp thường phổ lợi
 Ngọc châu quý nhất là chánh giáo mãi pháp Thiên chân thật.

Dịch thơ:

TUỜNG huy giống pháp tự sơ nguyên
 VẤN địa mở bày đệ nhất truyền
 TỊNH nhật giữ gìn khai sáng đạo
 KHIẾT viên hạnh lớn hiện cao huyền
 VẠN thời phát xuất bậc Long tượng
 HẠNH mãn hưng công ứng Thánh hiền
 MINH chiếu Phật quang thường phổ lợi
 CHÂU vương chánh giáo vĩnh chơn Thiên.

Thuận Hóa Cổ Kinh, Canh Dần niên quý Thu (20-10-2010)

萬行院長上明下珠
長老和尚奉讚
黃德整慧奉筆

雲身行南院僧百歲行
祥應萬禪場俗迎慈
鎖顯開照立度奉
住峰光德藏乘專會
堅雄慈碩經三精海
如勝日星通攝道山
心智明珠圓融覺靈

河內首都壬辰年季秋(初壹日九月二零一二年)

VẠN HẠNH VIỆN TRƯỞNG THƯỢNG MINH HẠ CHÂU
TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG PHỤNG TÁN

Hoàng Đức **Chỉnh Tuệ** phụng bút

Dịch âm:

TÂM như kiên trụ tòa Tường Vân
TRÍ thắng hùng phong hiển ứng thân
MINH nhật từ quang khai Vạn Hạnh
CHÂU tinh thạc đức chiếu Thiên Nam
VIÊN thông kinh tạng lập trường viện
DUNG nhiếp tam thừa độ tục tăng
GIÁC đạo tinh chuyên phụng bách tuệ
LINH sơn hải hội nghinh Từ hàng.

Dịch nghĩa:

Tâm chân thật vững trụ, tòa rộng ánh mây lành
Trí tuệ cao cả như ngọn núi hùng dũng hiện ứng thân
Mặt trời sáng chói yêu thương khai mở (Đại học) Vạn Hạnh
Ánh sao ngọc châu cao đức chiếu Thiên học nước Việt Nam

Thông suốt Đại tạng kinh sáng lập thành trường viện
Bao dung thu nhiếp ba thừa cứu độ hàng tăng ni, thế tục
Giác ngộ đạo lớn tinh chuyên phụng sự ngót trăm năm
Hải hội Linh Sơn nghinh đón (Giác linh) Ngài.

Dịch thơ:

TÂM như vững trụ tòa Tường Vân
TRÍ thẳng uy hùng hiện ứng thân
MINH nhật ánh từ mở Vạn Hạnh
CHÂU tinh cao đức chiếu Thiên Nam
VIÊN thông kinh tạng lập trường viện
DUNG nhiếp ba thừa cứu tục tăng
GIÁC đạo hiển dăng trăm tuổi lễ
LINH Sơn hội lớn đón Hiền nhân.

Thủ đô Hà Nội, năm Nhâm Thìn, cuối thu (1-9-2012)

KHÓC ÔN

Học đồ **Tâm Chơn** kính bái

Từ bữa hạc vàng cất cánh bay
 Trời Nam âm đạm nét thu gầy
 Thiên môn Vạn Hạnh trăng vàng úa
 Phố xá Sài thành nhạt bóng mây.
 Non nước miền xa cũng ngậm ngùi
 Giáo đồ hải ngoại khóc chia phôi
 Vọng về xứ sở sầu cô tịch
 Lễ Giác linh Ôn lưỡng nghẹn lời.
 Con vẫn từng giờ mỗi mỗi trông
 Mở trang báo mạng hướng mệnh mông
 Lăn tin quê mẹ tìm hơi ấm
 Cho nhẹ niềm đau siết chặt lòng!
 Nghẹn ngào tâm tưởng thọ khăn tang
 Tứ chúng muôn phương lệ chứa chan
 Đưa tiễn Ôn về nơi cố quận
 Mà lòng quay quắt nổi bàng hoàng.

Dấu biết Ôn sang côi lạc thường
“Hoa Đàm tuy rụng vẫn dư hương”
Tặng kính nước Việt còn lưu dấu ...
Nhưng tiễn biệt Người vạn tiếc thương!
Ơi Đức Huyền Trang của Việt Nam!
Ơi tàng cổ thụ chốn già-lam!
Ta-bà mong đón Người quay lại
Diu dắt chúng sinh thoát lạc lầm.

Hoa Kỳ, tiết tháng Bảy Nhâm Thìn



THÀNH TÂM KÍNH LỄ

Học trò, NN

Bồ-đề đại thọ ra đi
Tỷ người con Phật khóc vì mất CHA.
Chín lăm năm trụ Ta-bà
Sáu lăm hạ lạp thiết tha đạo đời.

Còn đâu hình bóng Thầy tôi!
Cuộc đời Thánh hạnh sáng ngời năm châu
Khiêm cung giới đức hàng đầu
Trao truyền hậu thế đời sau phụng hành,

Những ngày lễ viếng qua nhanh
Cỏ cây lặng lẽ rủ vành khăn tang
Sánh tiền nghìn lớp y vàng
Cúi mình kính bái kim quan tạ từ.

*Lạy này xin lễ Chân sư
Giác linh Người mãi độ từ chúng con
Nguyện mong Phật pháp thường còn
Tường Vân lưu dấu chân son của Thầy.*

*Tim đâu hình bóng kính yêu
Người Thầy khả kính đã nhiều hy sinh.
Nghĩa ân con khắc tâm mình
Tu hành tinh tấn, niềm tin cho đời.*



MỘT ĐÓA TƯỜNG VÂN

Kính dâng Giác linh Hòa thượng

Thích Nhật Trí

Dầu trong vũng lầy sinh tử
 Ôn Châu đi giữa muôn trùng
 Núi cao bình nguyên ngôn ngữ
 Mím cười một thoáng... vô cùng
 Nhục vinh, buồn vui sự thế
 Con đường đã chọn cứ đi
 Trăm năm sau nhiều thế hệ.
 Còn ai biết nói thêm gì?
 Một đời dễ mấy được ai
 Thủy chung lý tưởng đường dài
 Công, hạnh mây lành che mát
 Danh thơm "hải học vô nhai".
 Tông môn rạng ngời nhân thế

*Kiếp nào báo được trọng ân?
Người đi, về trên "Chân đẽ"
Đời người một đóa Tường Vân!*

TÂM TĨNH AN NHIÊN

*Tường Vân La-hán
Tâm Trí Viên Dung
Như kim liễu tánh
Xử thế tùy cơ
Vô du Niết-bàn
Minh Châu Việt Nam Phật giáo.*

*Quảng Pháp **Trần Minh Triết**
kính dâng lễ bái vọng Giác linh
Bạc Chúng Trung Tôn Phật giáo Việt Nam 2-9-2012*

NHỚ MÃI VỀ ÔN

Kính dâng Giác linh Ôn

Nguyễn Châu Trần Quỳnh Chi

Nhớ thờ ban sơ đến học thiền
 Ngõ ngàng giữa cảnh đẹp thiền viên
 Gió chiều thoang thoang trang thiền viện
 Yên lặng trong thiền vắng tiếng chim.

Tiếng Huế, tiếng thiền, tiếng Ôn nhẹ nhẹ
 Thiền trừ năm triền cái
 Đổi lại ngũ Thiên chi
 Thiền trừ bát thiện pháp
 Thiền diệt tham, sân, si
 Thiền giúp trí tuệ phát
 Thiền dẫn tới Từ bi.

Chiều hôm ấy trong sân Thiền Vạn Hạnh
 Nhìn Thiền sư chậm rãi bước chân đi

*Dễ thương quá Thiên ơi, làm sao nói
Hết được lòng tôn kính của Thiên sinh
Ôn đem pháp hành Thiên truyền dạy
Cho chúng con thăm đạo huy hoàng
Ôn đã độ cho đời con an lạc
Ôn dẫn đường đưa lối chúng con đi
Nhất tâm con nguyện cầu chư Phật
Hóa thân Ôn trở lại với chúng con.*



THÀNH KÍNH NHỚ ƠN THẦY

Thái Không - Giác Nguyên

Mùa trăng Báo hiệu văng chuông ngân,
 Tiên biệt người xa lánh cõi trần
 Vạn Hạnh thiền lâm tròn đạo nghiệp
 Giác linh Hòa thượng sớm cao đăng.
 Minh Châu rạng rỡ Tâm như tạng
 Trí Hải thâm thâm Ý diệu thân
 Chín bốn xuân thu duyên đã mãn
 Hậu sinh lớp lớp đượm hồng ân.

Mái chùa cũ, cổng trường xưa,
 Lời kinh giáo hóa đong đưa tháng ngày
 ÔN vừa trở gót về Tây,
 Dấu chân cát bụi phủ đầy Có-Không
 Trời thu rực sáng mây hồng
 Trăm năm còn lại tấm lòng Từ Bi!

California, Hoa Kỳ 4-9-2012
 Học trò cũ của Ôn

VẠN HẠNH, HOA VÀ NƯỚC MẮT

Thích nữ Diệu Huệ

Tại giảng đường học viện Vạn Hạnh, năm 2003, tiết học cuối ngày với Giáo sư Lê Mạnh Thát, bốn mươi Tăng Ni sinh lớp Hán văn Phật học nâng cao chúng tôi đang chăm chú nghe Thầy Mạnh Thát giảng về môn Văn bản học, thì bỗng một âm thanh lạ vang lên khiến chúng tôi dồn sự chú ý vào đó: âm thanh của bước đi, nhưng bước đi không bình thường. Tiếng dép kéo lê sóng đôi, sóng ba, không khoan thai, không gấp rút... Rồi ba dáng người hiện ra, đó là hai thầy thị giả đang dìu Ôn bước tới. Lúc ấy tôi nhớ ngay lời Thượng tọa Tâm Hạnh nói với lớp chúng tôi trước đó mấy hôm trong tiết Luật học Trưng trị Tỳ-ni: “Ôn rất tâm đắc với chủ trương mở lớp Hán văn Phật học nâng cao để bồi dưỡng khả năng dịch thuật kinh điển Phật giáo, tiếp tục góp phần vào công trình phiên dịch Đại tạng kinh Việt Nam”.

Tôi nhìn theo dáng Ôn, Ôn bước đi khó khăn nhưng nét mặt rạng rỡ. Một sự xúc động mãnh liệt khiến nước mắt tôi trào dâng. Tôi để mặc những giọt lệ nhỏ xuống bàn học, không dám đưa tay chùi vì sợ các bạn Tăng Ni thấy biết. Từ đó, mỗi khi có chút tịnh tài, tôi đem cúng dường Ôn. Phòng học của lớp tôi chỉ cách phòng Ôn cái cầu thang. Sau khi tốt nghiệp khóa học này, tôi có xuất bản được dịch phẩm “*Hoa Vũ Hương Vân*” và tôi đem dâng cúng Ôn một cuốn. Tuy đã nhiều lần sang vấn an, cúng dường nhưng chưa bao giờ tôi trực tiếp, mà chỉ qua hai thầy thị giả, chuyển đạt ý nguyện của tôi với câu mở đầu: “Bạch Ôn,

có Sư cô... lớp *Hán văn Phật học nâng cao*...”. Hôm cúng dường dịch phẩm đó, lần đầu tiên tôi nghe tiếng Ôn “Ừ!” rất to nhưng hòa nhã. Tôi quỳ ngoài cửa vẫn nghe rõ.

Thế rồi sau đó, Sư cô Lệ Tuyên được Thượng tọa Tâm Hạnh báo tin “Ôn Minh Châu” nhập viện nơi Bệnh viện Nguyễn Tri Phương. Khi chúng tôi đến bệnh viện, Thượng tọa hướng dẫn chúng tôi đến phòng Hòa thượng nằm chữa bệnh để thăm hỏi. Trước khi ra về, chúng tôi nhờ hai thầy thị giả báo cho chúng tôi biết nếu Ôn có “mệnh hệ gì”! Mấy tháng sau, không nghe tin tức Ôn, tôi lại đến Học viện thăm. Nhưng phòng Ôn cửa đóng then cài, hành lang bụi bám, chỉ khăn khiu mấy giò lan treo lủng lẳng. Ôi! Lẽ nào...? Một ý nghĩ chợt lóe lên khiến tôi nghẹn ngào! Nhưng không. Ngay lúc đó chú Thiện bảo vệ chỉ tay sang dãy nhà sau lưng chánh điện, nói rằng Ôn đã được chuyển qua đó nằm cho thanh tịnh, ở đây gần lớp học ôn ào. Tôi đi như chạy sang phía đó. Một gian phòng rộng thênh thang, mát lạnh. Ôn nằm trong một phòng nhỏ có máy điều hòa phía sau gian phòng này.

Từ đây Ôn càng lặng lẽ. Các bữa ăn đã được chuyển bằng thức ăn lỏng chuyên vào thực quản bằng ống. Tôi hỏi quý thầy thị giả là Ôn suốt ngày có nói gì không? Ôn thích dùng món gì? Quý thầy cho biết Ôn chẳng nói gì, ngoại trừ buổi sáng dâng trà Bắc. Ôn dùng trà, quý Thầy hỏi Ôn trà có ngon không, Ôn đáp gọn: “Ngon!”

Thế thôi! Ôn vẫn nằm đó hơn năm năm trời, rất gần nhưng cũng rất xa chúng con. Và rồi, sau lễ Khánh tuế lần thứ 94 mà quý Pháp lữ của Ôn đã tổ chức cho Ôn ngày 20-10-2011, Ôn đã thật sự bỏ xa pháp lữ, môn đệ, Học viện Vạn Hạnh, bỏ xa tất cả chúng con để về cõi vĩnh hằng. Đối với Ôn, đó là đặt gánh nặng xuống nhưng đối với chúng con là cả một sự mất mát không gì bù cho được. Dầu bên tai chúng con vẫn vang vọng lời di giáo của Đức Thế Tôn ngày trước, trong rừng Ta-la song thọ: “Tỳ-kheo các người! Đừng ôm lòng bi não! Nếu Ta trụ thế trọn một kiếp nữa, rồi cuộc hội họp nào cũng sẽ tan. Có hội ngộ mà chẳng có chia ly, trọn không thể được. Tự lợi, lợi tha, pháp đều đủ cả. Nếu Ta trụ mãi cũng chẳng ích gì...”. Lời Phật dạy thật là thâm thúy, nhưng bạch Ôn thông cảm cho hàng hậu học chúng con: Bản chất phàm phu còn thì lệ tiếc thương vẫn còn. Học viện Vạn Hạnh còn đây thì ân đức Ôn vẫn bất diệt. Với những mẩu chuyện kể về Ôn của tác giả Cao Huy Thuần, Giáo sư Trần Văn Khê, Chúc Phú trên tuần báo *Giác Ngộ* càng làm chúng con nghẹn ngào kính tiếc. Ôn quả là một vị Tỳ-kheo giới đức băng thanh. Ôn là một học giả uyên thâm, uyên bác. Ôn là người lập ra Viện Đại học Vạn Hạnh và đào tạo bao thế hệ Tăng Ni sinh tài đức cho Phật giáo Việt Nam. Ôn là một đại dịch giả Kinh tạng Nikāya...

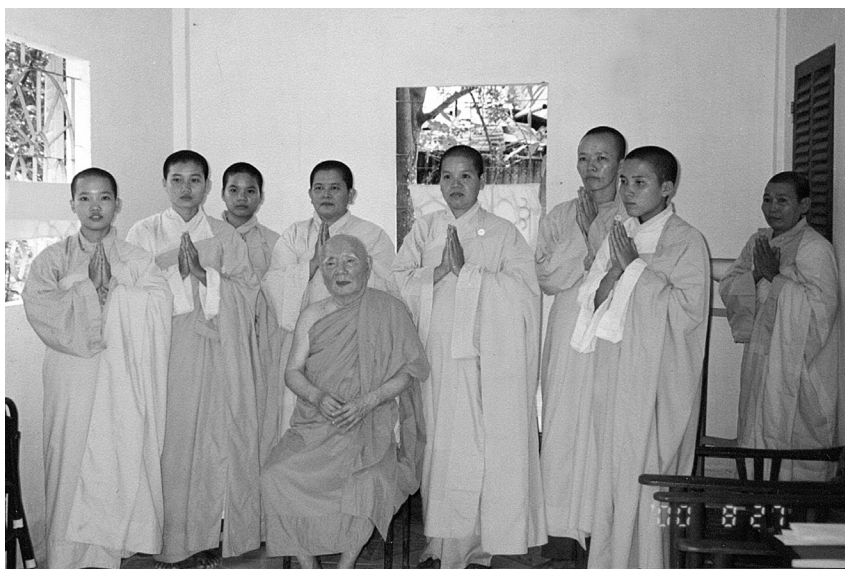
Giờ đây Ôn viên tịch. Cả một rừng hoa viếng lễ Ôn, cả một nguồn suối lệ tiếc thương Ôn.

Con cũng có dâng một vòng hoa lan trắng với bốn câu *Pháp cú* viếng lễ tang Ôn:

*“Hương của các loài hoa
Không bay ngược chiều gió
Hương thơm người đức hạnh
Ngược gió khắp bay xa”.*

Kính bạch Giác linh Ôn! Trên trang giấy này, con xin ghi lại những câu thơ mộc mạc xuất phát từ đáy lòng. Con xin kính dâng Ôn như một lễ vật cuối cùng đưa tiễn Giác linh Ôn về cõi Niết-bàn:

*“Xưa Thế Tôn tịch diệt
Ta-la ngập lá sầu
Đệ tử đều than khóc
Mắt thế gian còn đâu!
Ngày nay Ôn nhập diệt
Vạn Hạnh tuôn lệ sầu
Tăng Ni sinh ngỡ ngác
Gương giới đức tim đau”.*



ĐÊM CUỐI CÙNG

Hương Hải

Cuộc đời với bao đêm dài nếu không ngủ thì thốn thức với những chuyện đã qua, vô nghĩa. Thế mà có một đêm thật vô cùng ý nghĩa của đời con, thức đủ năm canh. Đó là đêm rằm tháng Bảy năm Nhâm Thìn (2012), đêm cuối cùng trên cõi đời này của Ôn - bậc Đại sĩ sau 95 năm viên mãn hạnh nguyện độ sanh tại đất nước Việt Nam này. Đêm đó con có duyên lành được ở lại hầu bên Ôn tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương. Đêm cuối cùng của đời Ôn cũng là đêm trở thành dấu ấn vô cùng thiêng liêng của đời con.

Ôn được đưa đi bệnh viện vào đầu giờ chiều ngày Vu lan, khi không khí văn nghệ hát cúng dường Đại lễ Vu lan tại Thiền viện Vạn Hạnh vẫn đang còn vắng vẻ. Trời nắng gắt. Bệnh viện Chợ Rẫy là nơi đầu tiên Ôn đến, và lưu lại 'chơi' được mấy tiếng đồng hồ. Trong khi tiến hành nhập viện cho Ôn thì, bên ngoài, trời trở cơn giông sấm, rồi mưa tuôn như thác đổ. Chương trình văn nghệ tại Thiền viện Vạn Hạnh chiều hôm ấy đang vui vẻ cũng phải giao cảm cùng với trời đất. Có ai biết được đó là dòng lệ chia ly hay những giọt cam-lô đang rớt xuống nhân gian chuẩn bị đón Người về cõi tịnh?

Trời chuyển tối cũng đã lâu, quý thầy lại đưa Ôn qua Bệnh viện Nguyễn Tri Phương. Cơn mưa bắt đầu nhẹ dần nhưng vẫn còn lác đác rơi như những giọt lệ chia phôi. Rằm đại lễ mà *chị Hằng* cứ che mắt lệ nhòa, không còn rạng rỡ như đất trời đã ban tặng cho *chị*, càng khiến cho không gian thêm u sầu tăm tối. Sân Bệnh viện Nguyễn Tri Phương cũng

ướt dầm dề lan tới lối vào bên trong. Quý thầy và các bác sĩ mỗi người một việc, làm các xét nghiệm cũng như các thủ tục cần thiết để chữa trị cho Ôn. Lòng thương kính thiêng liêng cao cả đối với Ôn là sợi chỉ đỏ để mọi việc được chu toàn trong tình người bao la vô hạn.

Sau khi mọi việc sắp xếp xong, đã khuya, quý thầy và quý Phật tử phải về, cử thầy Tâm Kiên và con ở lại trực hầu Ôn. Lòng con cảm thấy thật hạnh phúc vì có cơ hội được gần Ôn. Hình ảnh Ôn trên giường bệnh mà sao vẫn đẹp quá! Với bộ áo vàng chanh như ngày nào, sắc diện Ôn thật hồng hào và hiền từ, không chút sầu não, nhịp thở vẫn đều đặn như tiếng mõ trường canh buổi sớm. Nếu đây không phải là bệnh viện thì ít ai biết được Ôn là bệnh nhân và cũng ít ai biết được Ôn đang bị những cơn đau quấy rầy. Thịnh thoảng có bác sĩ đến truyền dịch và kiểm tra sức khỏe. Và chỉ những lúc này con mới thấy rõ hơn những phản ứng hợp tác nhẹ nhàng của Ôn, bởi bình thường con thấy Ôn như đang ngủ, chứ không phải là một bệnh nhân đang cần chăm sóc. Con biết lúc này có lẽ Ôn cũng đau lắm nhưng tại sao Ôn không nhăn nhó, cử động, như bao bệnh nhân trong cơn trọng bệnh mà con đã từng thấy? Bao nhiêu là thắc mắc đã gọi lên trong suy nghĩ của con.

Mưa vẫn rơi...

Rồi con bèn lên đến bên Ôn chấp tay khê gọi: “A Di Đà Phật! Ôn ơi, Ôn ơi!”. Con không dám gọi to vì sợ âm thanh của mình sẽ phá đi không gian yên lặng của căn phòng. Mắt Ôn từ từ mở ra, nhìn một người lạ như con với cái nhìn từ hòa như quen thuộc. Rồi Ôn nhắm lại đôi mắt, trở về với trạng thái bình an, không dao động. Con mừng lắm vì Ôn vẫn đang biết những gì đang xảy ra xung quanh. Thấy nhẹ lòng, con nghĩ rằng chắc Ôn sẽ khỏe lại thôi, rồi con sẽ có thêm nhiều cơ hội được gặp và ở bên cạnh Ôn để tỏ lòng tôn kính...

Dòng suy tư bị cắt ngang bởi có một người vừa được đưa vào cấp cứu. Bác sĩ rất khẩn trương tác nghiệp, cố gắng cứu chữa bệnh nhân khỏi cơn nguy kịch. Có lẽ người phụ nữ này bệnh nặng lắm. Một bức tranh hiện ra với những hình ảnh sáng tối tương phản trong suy nghĩ của con. Một người trẻ đang đau đớn, dùng sức mạnh còn lại của mình quần quai phản kháng, trông thật khổ sở; trong khi Ôn, một cụ già, được bác sĩ cho biết đang bị suy hô hấp cấp nhưng vẫn tĩnh tại, thở nhẹ nhàng. Qua bức tranh ấy, lòng con lâng lâng niềm tin về sức mạnh tâm linh mà Ôn đã huân tập qua đời sống đạo hạnh và tuệ giác sáng ngời của Ôn.

Mưa vẫn rơi...

Bản nhạc trời vẫn đang hòa tấu, lúc réo rắt, lúc du dương... Ôn vẫn nằm yên, trông thật an tĩnh. Cô bác sĩ nói sức khỏe của Ôn tạm thời chưa có dấu hiệu gì nguy kịch. Rồi cô ân cần bảo hai thầy trò ngả lưng ngủ một lát, để các chị điều dưỡng trực ca chăm sóc. Chúng con

gật đầu đồng ý, nhưng làm sao có thể ngủ được vì hai thầy trò tuy không nói nhưng có lẽ cả hai đều không muốn có một sơ suất nào xảy ra. Thường thì chỉ có những cuộc đàm luận mới làm tinh thần tươi tỉnh hơn trong đêm dài. Tạm quên những lo lắng, con thưa thầy Tâm Kiên kể cho con nghe về con đường xuất gia và những ngày tháng thầy sống ở chùa Tường Vân. Với con, đây sẽ là câu chuyện hấp dẫn, bởi trong lòng con đã nhen nhúm ước mơ được sống trong cảnh thanh vắng ở chốn già-lam và đang muốn giấc mơ này sớm thành hiện thực. Câu chuyện cũng nhanh chóng đi vào hồi kết, chắc tại thầy và con cả hai đều là những người ít nói.

Mưa nhẹ rơi...

Đêm càng khuya, những hạt mưa nhỏ giọt lác đác giữa đêm thâu nghe náo nê cô tịch. Rồi thầy Tâm Kiên đi lấy khăn choàng thêm cho Ôn. Thấy chăm sóc Ôn thật chu đáo. Ôn vẫn nằm đó trong không gian tĩnh lặng. Chúng con tiếp tục ngắm nhìn Ôn.

Đêm cũng đã gần tàn và những bệnh nhân đang còn say ngủ, con đến bên Ôn để nhìn... Có sự biểu hiện thay đổi gì đó về tình hình sức khỏe Ôn. Bác sĩ Thủy, đệ tử của Ôn, được hay tin liền đến theo dõi bệnh tình của Ôn và trao đổi với bác sĩ ca trực. Cả hai người cùng khám cho Ôn kỹ lưỡng. Nét buồn hiện ra trên nét mặt các bác sĩ. Con đoán có điều gì đó không mong đợi xảy đến? Bác sĩ cho biết Ôn đang suy hô hấp, tràn dịch phổi và tim suy, không biết có thể qua khỏi hay không? Con đã nghe, nghe rất rõ, tự dưng thấy bàng hoàng. Đó là sự xác chứng của một bác sĩ giỏi giàu kinh nghiệm. Có phải “vô thường” đang vẫy gọi đó chăng? Con thấy lòng trĩu nặng.

Các bác sĩ và y tá tiến hành điều trị hỗ trợ, dùng dụng cụ y tế để hút dịch phổi và đàm dãi để đường thở được lưu thông. Bệnh nhân nếu đang ở giai đoạn suy hô hấp cấp độ 3 thì thường kèm theo triệu chứng vật vã, còn Ôn thì vẫn bất động. Chỉ có khi ống máy hút dịch được đưa sâu vào họng và cô y tá phải miến cưỡng mạnh tay tác nghiệp, lúc đó con mới thấy Ôn nhúu đôi chân mày hay mím môi một chút. Thì ra đó là biểu hiện sự đau đớn của Ôn. Nhe nhàng quá! Nhưng con vẫn cảm thấy lòng quặn thắt vì không biết làm gì để chia sẻ nỗi đau. Con đến gần, nắm thật chặt bàn tay của Ôn. Đó là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng con có cơ hội được cảm nhận hơi ấm trực tiếp từ Ôn tỏa ra. Với con lúc đó, Ôn thật mạnh mẽ vì Ôn đã truyền cho con một năng lượng vô cùng thiêng liêng, khó tả...!

Trời sắp sáng, mưa tạnh ráo đã tự bao giờ! Quý thầy từ Vạn Hạnh cũng đã đến và quyết định đưa Ôn về phương trượng. Về lại Vạn Hạnh, sắc diện Ôn tươi tỉnh hẳn lên, khiến cho mọi người yên tâm là Ôn sẽ khỏe lại. Nhưng khi mọi việc đã đâu vào đấy, khi mọi người vẫn đang còn xum vầy, thì Ôn thâu thần viên tịch. Một sự ra đi viên mãn! Thì ra, Ôn đã thực

hiện một chuyến vân du nơi cõi mộng trần ai lần cuối để nói lời từ biệt. Sáng nay, trời nắng ráo thật đẹp, thật mát mẻ... khởi đầu cho những ngày tang lễ vô cùng uy linh và thiêng liêng tình người...!

Đêm cuối cùng của Ôn tại dương thế này, con được phúc duyên ở bên Ôn. Chỉ một đêm thôi mà đọng lại trong con bao niềm chan chứa. Bài học nơi đây từ thân giáo của Ôn, con cảm nhận càng sâu sắc hơn, cảm nhận được sự phi thường mà chỉ những bậc trí đức mới có thể có được, đó là sự tự tại bất động cho dù đối diện với sanh lão bệnh tử, cho dù đối diện với bát phong ở đời. Quả là một duyên lành đã mở ra cho con sự hiểu biết sâu sắc về giá trị sống và hình thành cho con một định hướng tương lai vững chãi, để rồi hôm nay, con được “giã từ chiếc áo phù sinh, khoác lên chiếc áo chân tình Như Lai”.





PHẦN VI



TƯ LIỆU VỀ TANG LỄ



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ
----- o0o -----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----- o0o -----

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 9 năm 2012

CÁO PHÓ

- Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
- Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
- Hội đồng Điều hành Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh
- Tổ đình Tường Vân, Thiền viện Vạn Hạnh
- Môn đồ pháp quyến vô cùng kính tiếc báo tin:

TRƯỜNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam; nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN; nguyên Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS; nguyên Trưởng ban Phật giáo Quốc tế TW, Viện Trưởng sáng lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam – Chủ tịch Hội đồng Phiên dịch Đại tạng Kinh Việt Nam, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; nguyên Hiệu trưởng Trường Cao cấp Phật học Việt Nam, cơ sở I – chùa Quán Sứ, Hà Nội; nguyên Tổng Vụ trưởng Tổng vụ Giáo dục GHPGVNTN; nguyên Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh – Sài Gòn; nguyên Phó Chủ tịch Hội Phật giáo Châu Á vì hòa bình (ABCP), Chủ tịch Trung tâm ABCP Việt Nam; Đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa (VI, VII, VIII, IX); Trụ trì Tổ đình Tường Vân, Tp. Huế; Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng nhì, Huân chương Đại đoàn kết; Bảng tuyên dương Công đức của GHPGVN và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Do niên cao lập trường, Trường lão Hòa thượng đã thu thân viên tịch vào lúc 09giờ00 ngày 01 tháng 9 năm 2012 (nhằm ngày 16 tháng 7 năm Nhâm Thìn), tại Thiền viện Vạn Hạnh, số 750 đường Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.

Trụ thế: 95 năm Hạ lập: 64 năm

Lễ nhập kim quan chính thức cử hành vào lúc 08giờ00 ngày 02 tháng 9 năm 2012 (ngày 17 tháng 7 năm Nhâm Thìn). Kim quan được tôn trí tại Thiền viện Vạn Hạnh, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.

Lễ viếng bắt đầu vào lúc 09giờ00 ngày 02 tháng 9 năm 2012 đến hết ngày 08 tháng 9 năm 2012 (từ ngày 17 - 23/7 năm Nhâm Thìn).

Lễ truy điệu được cử hành lúc 08giờ00 ngày 09 tháng 9 năm 2012 (ngày 24 tháng 7 năm Nhâm Thìn), sau đó cung tiễn kim quan Trường lão Hòa thượng nhập Báo tháp tại Thiền viện Vạn Hạnh.

Nay Cáo Phó

TM. BAN THƯỜNG TRỰC HĐCM, HĐTS GHPGVN
ĐỀ KIẾN PHÁP QUẢN ĐO PHÁP QUYỀN
ĐỀ KIẾN PHÁP CHỦ HĐCM, CHỦ TỊCH HĐTS



Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 9 năm 2012

BAN LỄ TANG TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

- Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam;
- Nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN;
- Nguyên Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS;
- Nguyên Trưởng ban Phật giáo Quốc tế T.U, Viện trưởng sáng lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam - Chủ tịch Hội đồng Phiên dịch Đại tạng kinh Việt Nam, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh;
- Nguyên Hiệu trưởng Trường Cao cấp Phật học Việt Nam, cơ sở I - chùa Quán Sứ, Hà Nội;
- Nguyên Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo dục GHPGVNTN;
- Nguyên Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh - Sài Gòn;
- Nguyên Phó Chủ tịch Hội Phật giáo Châu Á vì hòa bình (ABCP), Chủ tịch Trung tâm ABCP Việt Nam;
- Đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII, VIII, IX, X;
- Trú trì Tổ đình Tường Vân, TP.Huế; Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh, TP.Hồ Chí Minh.

01. Hòa thượng Thích Phổ Tuệ - Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

02. Hòa thượng Thích Trí Tịnh - Phó Pháp chủ, Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN.

03. Hòa thượng Thích Thanh Sam - Phó Pháp chủ, Chánh Thư ký HĐCM GHPGVN.

04. Hòa thượng Dương Nhơn - Phó Pháp chủ, Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN.
05. Hòa thượng Thích Hiến Pháp - Phó Pháp chủ, Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN.
06. Hòa thượng Thích Đức Nghiệp - Phó Thư ký HĐCM GHPGVN.
07. Hòa thượng Thích Thiện Bình - Phó Thư ký HĐTS, Ủy viên Kiểm soát HĐTS GHPGVN.
08. Hòa thượng Thích Từ Nhơn - Thành viên HĐCM, Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS GHPGVN.
09. Hòa thượng Thích Chơn Thiện - Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS, Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni T.Ư GHPGVN.
10. Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu - Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS GHPGVN.
11. Hòa thượng Thích Trí Quảng - Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Phật giáo Quốc tế T.Ư GHPGVN, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
12. Hòa thượng Thích Thiện Nhơn - Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS GHPGVN.
13. Hòa thượng Thích Giác Toàn - Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Kinh tế Tài chính T.Ư GHPGVN.
14. Hòa thượng Thích Bảo Nghiêm - Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Hoằng pháp T.Ư GHPGVN.
15. Hòa thượng Thích Đức Phương - Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN.
16. Thượng tọa Thích Quảng Tùng - Phó Chủ tịch HĐTS, Trưởng ban Từ thiện xã hội T.Ư GHPGVN.
17. Hòa thượng Thích Trí Tâm - Thành viên HĐCM, Trưởng ban Nghi lễ T.Ư GHPGVN.
18. Hòa thượng Thích Thiện Duyên - Thành viên HĐCM, Trưởng ban Hướng dẫn Phật tử T.Ư GHPGVN.
19. Hòa thượng Thích Trung Hậu - Trưởng ban Văn hóa T.Ư GHPGVN.
20. Hòa thượng Thích Phước Sơn - Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
21. Ông Nguyễn Viết Lệnh - Phó Trưởng ban Công tác đại biểu thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

22. Ông Hà Văn Núi - Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam.

23. Ông Dương Quan Hà - Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam TP.Hồ Chí Minh.

24. Ông Bùi Thanh Hà - Phó Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ.

25. Hòa thượng Thích Chơn Tế - Đại diện Sơn môn Pháp phái.

26. Thượng tọa Thích Tâm Minh - Trưởng tử.



GIAO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ



BAN TỔ CHỨC TANG LỄ
TRƯỜNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

- Phó Pháp chủ HĐCM GHPGVN;
- Nguyên Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS GHPGVN;
- Nguyên Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS;
- Nguyên Trưởng ban Phật giáo Quốc tế T.U, Viện trưởng sáng lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam - Chủ tịch Hội đồng Phiên dịch Đại tạng kinh Việt Nam, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.Hồ Chí Minh;
- Nguyên Hiệu trưởng Trường Cao cấp Phật học Việt Nam, cơ sở I - chùa Quán Sứ, Hà Nội;
- Nguyên Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo dục GHPGVNTN;
- Nguyên Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh - Sài Gòn;
- Nguyên Phó Chủ tịch Hội Phật giáo Châu Á vì hòa bình (ABCP), Chủ tịch Trung tâm ABCP Việt Nam;
- Đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa XHCNVN khóa VII, VIII, IX, X;
- Trú trì Tổ đình Tường Vân, TP.Huế; Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh, TP.HCM.

I. BAN CHỨNG MINH:

- Hòa thượng Thích Phổ Tuệ
- Hòa thượng Thích Trí Tịnh
- Hòa thượng Thích Thanh Sam
- Hòa thượng Dương Nhơn

II. BAN TỔ CHỨC:

* **Trưởng ban:** Hòa thượng Thích Trí Tịnh

* **Phó ban Thường trực:** Hòa thượng Thích Trí Quảng

* **Phó ban:**

- Hòa thượng Thích Thanh Nhiễu
- Hòa thượng Thích Thiện Nhơn
- Hòa thượng Thích Giác Toàn
- Hòa thượng Thích Bảo Nghiêm
- Thượng tọa Thích Quảng Tùng
- Ông Nguyễn Việt Lệnh - Phó Trưởng ban CTĐB thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
- Ông Hà Văn Núi - Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQVN.
- Ông Bùi Thanh Hà - Phó Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ.
- Hòa thượng Thích Thiện Pháp
- Hòa thượng Thích Thiện Tánh
- Hòa thượng Thích Gia Quang
- Hòa thượng Đào Như
- Hòa thượng Thích Trung Hậu
- Hòa thượng Thích Huệ Trí
- Hòa thượng Thích Chơn Hương
- Thượng tọa Thích Tâm Minh

* **Ủy viên:**

- HT.Thích Như Niệm
- HT.Thích Huệ Minh
- HT.Thích Nhật Quang
- HT.Thích Thiện Tâm
- HT.Thích Đạt Đạo
- HT.Thích Thanh Hùng
- TT.Thích Thiện Thống

- TT.Thích Quảng Hà
- TT.Thích Thanh Phong
- TT.Thích Phước Đạt
- NT.Thích nữ Ngoạ Liên
- NT.Thích nữ Tịnh Nguyên
- NT.Thích nữ Như Ngọc
- NS.Thích nữ Huệ Từ
- Cư sĩ Tống Hồ Cẩm
- GS.Lê Mạnh Thát
- Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn
- Cư sĩ Nguyễn Thắng Nhu
- Cư sĩ Phan Ba
- Ông Phạm Kiên Cường - Vụ trưởng Vụ Công tác tôn giáo - Ban Dân vận TƯ
- Ông Bùi Hữu Dực - Vụ trưởng Vụ Phật giáo Ban Tôn giáo Chính phủ

BAN TỔ CHỨC LỄ TANG



CẢM TẠ CỦA BAN TỔ CHỨC
LỄ TANG
TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU



Kính bạch chư tôn giáo phẩm Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chư tôn giáo phẩm lãnh đạo các cấp Giáo hội,

Kính thưa chư vị khách quý,

Kính thưa toàn thể chư tôn đức Tăng, Ni và đồng bào Phật tử trong và ngoài nước,

Thưa quý liệt vị,

Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, Phó Pháp chủ HĐCM GHPGVN; nguyên Đại biểu Quốc hội khóa VII, VIII, IX và X; nguyên Phó Chủ tịch Thường trực HĐTS GHPGVN; nguyên Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký HĐTS GHPGVN; nguyên Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo dục GHPGVNTN; nguyên Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh; nguyên Viện trưởng sáng lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam - Chủ tịch Hội đồng Phiên dịch Đại tạng kinh Việt Nam; nguyên Hiệu trưởng Trường Cao cấp PHVN, Cơ sở I, chùa Quán Sứ, Hà Nội; nguyên Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM; Trú trì Tổ đình Tường Vân, TP.Huế; Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh, TP.HCM; Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập hạng nhì, Huân chương Đại đoàn kết và nhiều giấy khen, bằng khen; sau 95 năm trụ thế, 64 năm sống đời Phạm hạnh, với nhiều cống hiến công đức cho Giáo hội và xã hội, đã thuận lý vô thường, thân thân viên tịch lúc 09 giờ ngày 16 tháng 7 năm Nhâm Thìn, nhằm ngày 01/9/2012. Tang lễ của Trưởng lão Hòa thượng được Trung ương Giáo hội, Môn phái và Môn đồ Pháp quyến trọng thể tổ chức từ ngày 02 đến ngày 09 tháng 9 năm 2012, nhằm ngày 17 đến 24 tháng 7 năm Nhâm Thìn, tại Thiền viện Vạn Hạnh, quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh.

Thay mặt Ban Tổ chức Tang lễ, chân thành cảm tạ và tri ân:

Đức Pháp chủ, chư vị Phó Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam; chư tôn giáo phẩm Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn phòng Trung ương Giáo hội, Ban Viện Trung ương Giáo hội; Ban Trị sự các Tỉnh, Thành hội Phật giáo; Ban

Đại diện Phật giáo các quận, huyện TP.Hồ Chí Minh; Hội đồng Điều hành Học viện Phật giáo Việt Nam; Ban Giám hiệu các Trường Cao, Trung cấp Phật học; Ban Chủ nhiệm các Lớp Sơ cấp Phật học trong toàn quốc.

Chân thành cảm ơn quý lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã đến kính viếng, gửi vòng hoa tưởng niệm, điện phân ưu cùng Ban Tổ chức Lễ tang và Môn đồ Pháp quyến Trường lão Hòa thượng Thích Minh Châu - Giáo phẩm Lãnh đạo cấp cao của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Trân trọng cảm ơn:

- Cụ Đỗ Mười - nguyên Tổng Bí thư; Cụ Nguyễn Minh Triết - nguyên Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Cụ Trương Tấn Sang - Chủ tịch nước; Ông Nguyễn Phú Trọng - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam; Ông Nguyễn Tấn Dũng - Thủ tướng Chính phủ; Ông Nguyễn Thiện Nhân, Ông Nguyễn Xuân Phúc - Phó Thủ tướng Chính phủ; Ông Nguyễn Sinh Hùng - Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và gia đình đã gửi vòng hoa đến viếng Giác linh Trường lão Hòa thượng.

Chân thành cảm ơn:

- Thượng tướng Trần Đại Quang - Bộ trưởng Bộ Công an và phái đoàn;
- Ông Phạm Dũng - Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ và phái đoàn;
- Ông Nguyễn Thanh Sơn - Thứ trưởng Bộ Ngoại giao và phái đoàn;
- Ông Võ Văn Phòng - Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội và phái đoàn.
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Ban Dân vận Trung ương Đảng và phái đoàn.
- Phái đoàn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ông Lê Thanh Hải - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy TP.Hồ Chí Minh.
- Ông Nguyễn Văn Đua - Phó Bí thư Thường trực Thành ủy TP.Hồ Chí Minh.
- Ông Lê Hoàng Quân - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh và phái đoàn.
- Ông Dương Quan Hà - Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP.Hồ Chí Minh và phái đoàn.
- Ông Huỳnh Thành Lập - Đoàn đại biểu Quốc hội TP.Hồ Chí Minh khóa VIII.
- Ông Võ Văn Thiện - Trưởng ban Công tác phía Nam - Đoàn đại biểu Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Ông Huỳnh Ngọc Thành - Phó Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo TP.Hồ Chí Minh và phái đoàn.

- Ông Trần Minh Chiến - Cục An ninh xã hội, Tổng cục An ninh II.

- Ông Nguyễn Chí Dũng - Đoàn Tổng cục An ninh II.

- Ông Nguyễn Chiến Lũy - Đoàn Công an TP.Hồ Chí Minh.

Và quý phái đoàn Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tôn giáo Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo; các ban ngành, đoàn thể TP.Hồ Chí Minh; Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Phòng Nội vụ và ban ngành, đoàn thể quận Phú Nhuận, các quận huyện; Đảng ủy, Ủy ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các ban ngành phường sở tại; Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi; quý phái đoàn đại diện tôn giáo bạn; quý vị giáo sư, tiến sĩ, giảng viên các trường đại học, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn; các nhà nghiên cứu, học giả, trí thức, quý thân hữu Phật tử gần xa trong và ngoài nước của Trưởng lão Hòa thượng.

Chân thành cảm ơn quý Tổng Lãnh sự, Đại sứ quán tại thủ đô Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, các tổ chức Phật giáo thế giới, Hội Phật tử Việt Nam tại châu Âu, Hội Phật giáo Châu Á vì Hòa bình và quý phái đoàn ngoại giao đã đến viếng lễ tang Trưởng lão Hòa thượng, phân ưu cùng Ban Tổ chức Lễ tang và ký sổ tang lưu niệm.

Chân thành cảm ơn quý phóng viên, báo đài truyền hình, truyền thanh Trung ương, thành phố Hồ Chí Minh, kênh Truyền hình An Viên, Sen Việt, Báo Giác Ngộ, báo điện tử đã đến ghi nhận và đưa tin về tang lễ của Trưởng lão Hòa thượng.

Chân thành cảm ơn các cơ quan chính quyền, mặt trận, ngành an ninh TP.Hồ Chí Minh, quận Phú Nhuận và địa phương đã tạo điều kiện thuận lợi và hết lòng hỗ trợ cho Trung ương Giáo hội, Môn đồ Pháp quyền hoàn thành công tác tổ chức lễ tang, truy niệm và di quan Trưởng lão Hòa thượng nhập Bảo tháp được thành tựu mỹ mãn.

Chân thành cảm ơn chư tôn đức Tăng Ni, các tự viện tịnh xá, tịnh thất, Niệm Phật đường; quý vị huynh trưởng, Gia đình Phật tử đã trực tiếp hay gián tiếp trợ duyên, giúp cho lễ tang Hòa thượng được thành tựu tốt đẹp.

Trong suốt thời gian cử hành tang lễ, dù Ban Tổ chức đã hết sức cố gắng để trang nghiêm đạo tràng và cung tiếp chư tôn giáo phẩm, chư tôn đức Tăng Ni cùng quý liệt vị, nhưng cũng không sao tránh khỏi những điều sơ sót, kính mong chư tôn giáo phẩm, chư tôn đức Tăng Ni và liệt quý vị niệm tình hoan hỷ.

Một lần nữa, Ban Tổ chức xin chân thành cảm tạ, tri ân đến toàn thể liệt quý vị; kính chúc quý liệt vị thân tâm thường lạc, thành tựu các ý nguyện, vạn sự an lành, kiết tường khương thời.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát.

TM.Ban Tổ chức Tang lễ

Trưởng ban

Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH



KÝ SỰ TANG LỄ

Hương Vân

Chiều rằm Vu lan Nhâm Thìn (2012), đất trời Sài thành bỗng nổi cơn giông chấn động, rồi mưa tầm tã; trong khi ở Huế “hai tiếng sấm lớn đã làm chấn động chốn Cố đô, quả địa cầu như rung chuyển” (Nguyễn Tịnh trong *Ánh sáng viên Minh Châu*). Sự phi thường hi hữu này phải chăng là điềm báo cho một sự kiện chấn động: Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu viên tịch?

Quả thực như vậy, Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, tứ chúng đệ tử thường gọi một cách thương kính là ÔN VẠN HẠNH, đã nhẹ bước vân du vào cõi tịnh vào lúc 09 giờ ngày 16-7- Nhâm Thìn (01-09-2014) để lại biết bao niềm kính tiếc cho chư Tăng Ni và đồng bào Phật tử trong và ngoài nước!

Chi trong thoáng chốc, tin Ôn vĩnh viễn đi xa đã khiến bao người con Phật tử trong nước ra đến ngoài nước đều cảm thấy bàng hoàng, hụt hẫng và tiếc thương!

Bàng hoàng vì kể từ đây Phật giáo Việt Nam đã mãi mãi mất đi một bậc tông lâm thạch trụ, quân chúng mất đi một người thầy đạo đức, mô phạm; điều mà người ta không muốn chấp nhận mặc dầu họ biết rằng trước sau gì rồi cũng đến!

Hụt hẫng vì từ đây người ta không còn cơ hội để thân cận, gần gũi một bậc chân tu đáng kính để được tắm mát đức hạnh và lòng từ bi của Ôn.

Tiếc thương vì một bậc cao tăng thạc đức, một nhà văn hóa giáo dục lớn của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX đã rời bỏ cõi đời vốn đang rất cần đến con tim và khối óc của Ôn!

Hàng vạn trái tim đồng thốn thức trước sự ra đi của Ôn! Hàng trăm ngàn con mắt cùng hướng vọng về Thiền viện Vạn Hạnh, nơi giả thân của Ôn đang yên nghỉ. Mọi người quay quắt như đang mất đi một cái gì thiêng liêng, quý giá! Trong giờ phút như thế, dường như người ta có khuynh hướng quay trở về với quá khứ để tìm lại những kỷ niệm vô giá mà họ từng có duyên hội kiến với Ôn để tự an ủi lòng mình.

Vạn Hạnh ngày thường vốn đã đông đảo hình bóng Tăng Ni, Phật tử đến để học đạo, nghe pháp, hành thiền, tụng kinh và để chiêm ngưỡng tôn dung của Ôn; hôm nay sân chùa lại càng tấp nập hơn. Từng đoàn người lặng yên tiến vào cổng Thiền viện với nỗi buồn man mác hiện rõ trên đôi mắt mỗi người, không kể già trẻ, lớn bé, nam hay nữ, Phật tử hay Tăng Ni. Không ai nói với ai một lời nào, người ta lặng lẽ tìm chỗ ngồi thích hợp và mắt

hướng về liêu phòng nơi Ôn đang yên nghỉ! Có lẽ lúc này lòng ai cũng đầy tâm sự và mong muốn được sẻ chia, nhưng họ ngồi trong yên lặng, lặng yên để hồi tưởng lại cuộc đời và đạo nghiệp của Ôn. Những phẩm chất dung dị nhưng phi thường, giản đơn mà đầy đạo vị, nhẹ nhàng nhưng đầy quyết đoán, hoan hỷ nhưng luôn nghiêm túc ... trong cuộc sống đời thường của Ôn đã lan tỏa khắp tâm thức của những người có duyên hội ngộ. Đó chính là những chất liệu sống khiến ai chỉ một lần diện kiến sẽ cảm nhận được tính chất từ ái và trí tuệ trong cách hành xử của Người, như lời tâm sự của Giáo sư Tiến sĩ Trần Văn Khê khi đến viếng lễ tang của Ngài: *“Từ khi được vinh hạnh gặp cố Trường lão Hòa thượng tại Pháp đến nay, chúng tôi luôn kính thương Hòa thượng như một vị tôn sư...”*¹.

Thời gian chậm chậm trôi đi! 7 giờ kể từ lúc Trường lão Hòa thượng thu thân thị tịch, Vạn Hạnh nghiêng mình cung đón chư Tăng Ni và Phật tử mười phương. Chư thiền đức Tăng Ni Tổ đình Tường Vân, Thừa Thiên Huế và các tỉnh thành trong cả nước lần lượt vân tập về Thiền viện để chung lo và chịu tang Tôn sư. Chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội Trung ương cũng đã đến kính lễ người đồng đạo, người thầy, người anh lần cuối, đồng thời trực tiếp chỉ đạo tổ chức tang lễ. Ban Lễ tang được thành lập do Trường lão Hòa thượng Pháp chủ Thích Phổ Tuệ đứng đầu, Ban Tổ chức Tang lễ do Trường lão Hòa thượng Chủ tịch Thích Trí Tịnh làm Trưởng ban, Hòa thượng Thích Trí Quảng làm Phó ban Thường trực. Bên cạnh đó, còn có Ban Tổ chức tang lễ nội bộ do Hòa thượng Thích Chơn Hương điều hành. Nhân sự của các ban đều thống nhất hài hòa với nhau trong mọi công việc.

Như là việc riêng của mình, ai cũng mong được làm một điều gì đó trong lúc này! Làm không phải vì lợi lạc cho tự thân, không mong được mọi người biết đến, chỉ biết được làm là lòng cảm thấy nhẹ nhàng và an tịnh. Vì lẽ đó mà nhiều người nói rằng tang lễ của Ôn thật sự thanh tịnh và trang nghiêm. Có lẽ đây là hương hoa giải thoát mà mọi người đã học được từ đức hạnh của Ôn, vì Ôn luôn hành xử như thế trong đời sống thường nhật.

Mặt trời vẫn chưa thức giấc Vạn Hạnh vẫn đắm mình trong đêm tối không yên ngủ! Mới năm giờ sáng (02-9-2014) mà sân Thiền viện đã rộn rã chân người. Người nào việc nấy, ai cũng cố tranh thủ từng giây phút để ổn định đạo tràng trước giờ phụng thỉnh nhục thân Ôn nhập kim quan. Hàng trăm Tăng Ni trong y hậu vàng rực rỡ, hàng ngàn Phật tử trong đồng phục tràng lam trải dài khắp không gian Vạn Hạnh, lặng yên chờ đợi cái phút giây thiêng liêng mà đầy ngậm ngùi sắp diễn ra. Sợ làm tan vỡ cái không khí thanh tịnh của chốn thiền môn, ai ai cũng luôn tỉnh giác trong mỗi oai nghi của mình. Chính cái không khí đầy xúc cảm và lắng đọng này đã tạo nên một đạo tràng thật sự trang nghiêm và bi tráng!

Rồi giờ phút chờ đợi cũng đã đến! Chuông đồng hồ điểm 6 tiếng! Mọi con mắt đổ dồn

¹ Trích Sổ tang

về phía hậu điện khi hình bóng của Tăng đoàn cung nghinh nhục thân Hòa thượng từ phương trượng từng bước tiến về nơi tôn trí kim quan. Tiếng niệm Phật rền vang khắp cả không gian Vạn Hạnh như khúc nhạc lòng trôi lên để tiễn biệt bậc Ân sư khả kính! Âm thanh niệm Phật càng lúc càng trầm hùng khi đoàn cung nghinh hòa vào dòng đại chúng! Tận mắt nhìn thấy hình bóng Tôn sư mãi mãi ra đi đã làm biết bao trái tim thổn thức. Không ai bật khóc nhưng sao nước mắt lưng tròng! Không ai cảm thấy buồn nhưng sao lòng lại xót xa! Có lẽ không có ngôn ngữ nào có thể diễn tả được cảm xúc sâu lắng của hàng vạn trái tim lúc này. Không có cái gì có thể bù đắp được nỗi mất mát lớn lao này của những người con Phật. Người ta chỉ biết lặng yên để phải chấp nhận sự thật. Lặng yên để trầm tư về những gì mà Ngài đã làm cho Đạo pháp - Dân tộc trong suốt cuộc đời 95 năm hiện diện tại trần thế này...

Chuông trống Bát-nhã ngừng vang! Di ảnh bậc Tôn sư cũng được an trí, từ trên đài cao nụ cười Di Lạc của Ôn vẫn rạng nở trên môi! Cả cuộc đời lấy lòng từ làm lẽ sống, lấy trí tuệ làm phương châm, *“gương sáng của Ôn đã soi tỏ trái tim nhiệt huyết của bao thế hệ thanh niên đồng hướng theo Ôn trên con đường Chánh pháp. Đời đời hình ảnh của vị Bồ-tát bất tranh rọi sáng mọi thế hệ Phật tử Việt Nam”*². Ít ai biết rằng để Phật giáo Việt Nam có được một viên ngọc quý sáng ngời (Minh Châu) như hôm nay, Ôn đã trải qua biết bao nhiêu mặn ngọt chua cay, thăng trầm trong cuộc đời tu học ở trong nước cũng như nước ngoài. Khi đối diện với những hiện tượng thịnh suy, khen chê, được mất, nụ cười hoan hỷ ấy luôn là chìa khóa để Ôn hóa giải những chướng ngại, vướng mắc, vì đối với bậc chân tu *“... lợi danh như bóng mây chìm nổi, chỉ có tình thương để lại đời...”*³.

Nhớ thuở xưa, cuộc đời của Tam tạng Huyền Trang trải đầy gian lao khổ nhọc trong chuyến Tây du lịch sử để thỉnh cho được chân kinh của Đức Phật về làm lợi lạc cho quần sanh; quá trình học tập, phiên dịch và truyền bá Kinh tạng Pàli của Ôn cũng ẩn chứa muôn vàn khó khăn, thử thách. Với chánh kiến bất động, với lòng nhẫn nại và kiên trì, sự hy sinh thâm lặng của Ôn đã thắp sáng mọi nẻo đường. Theo thời gian, những lời dạy thiết thực trong Kinh tạng Pàli đã trở thành chỗ nương tựa vững chắc cho những ai có duyên học tập và hành trì. Lời Phật dạy mà Ôn tâm đắc nhất là *“cái gì là lời cây, cái ấy sẽ tồn tại lâu dài”*. Ôn luôn nhắc nhở mọi người như thế và chính Phật ngôn này đã trở thành kim chỉ nam trong đời sống tu hành của Ôn. Ôn thật sự đã trở thành *“cái lõi của Đạo pháp và Dân tộc”* vì *“trong suốt đời hoạt động Phật sự, cố Hòa thượng đã có nhiều đóng góp to lớn về công sức và trí tuệ để xây dựng và phát triển Giáo hội và Dân tộc”*⁴.

² Thái Thị Kim Lan (trích Sổ tang)

³ Tôn Nữ Hỷ Khương (trích Sổ tang)

⁴ Huỳnh Ngọc Thành, Trưởng ban Tôn giáo TP.HCM (trích Sổ tang)

Vì thế, sự ra đi của Ôn thật sự đã để lại quá nhiều cảm xúc và tiếc thương cho nhân thế! Chỉ hơn 7 ngày kể từ lúc Ôn trả lại xác thân huyền hóa cho cuộc đời, có trên 500 phái đoàn lớn nhỏ, bao gồm các vị lãnh đạo Đảng, Chính phủ, các tôn giáo, các nhà ngoại giao, các tổ chức kinh tế, xã hội, hội đoàn, doanh nhân, các nhà giáo, giới trí thức ... đã đến để tiễn biệt Ôn. Hàng chục ngàn người từ Bắc đến Nam, từ trong nước cho đến nước ngoài đã lần lượt đổ về Vạn Hạnh thiền môn; không kể là tu sĩ hay tín đồ, không kể là đời hay đạo, ai cũng muốn một lần được kính viếng Giác linh Ôn, để nói lên điều mà người ta vẫn chưa có cơ hội nói *“con xin cúi lạy Ôn với lòng tri ân vô hạn”*⁵. *“Con mãi mãi không quên Ôn với tấm lòng tri ân và quy ngưỡng Ôn”*⁶ ...; bởi lẽ *“từ khi con được may mắn làm nên bộ phim ký sự tài liệu về Ôn, cuộc đời con đã thay đổi rất nhiều... con biết sống giàu tình yêu thương, và làm nhiều điều có ích cho xã hội và Phật giáo”*⁷.

Sự cung kính và quy ngưỡng đối với Ôn không chỉ gói gọn trong hàng ngũ Phật giáo đồ, mà còn mở rộng khắp mọi tầng lớp trong xã hội, vì theo Giáo sư Nguyễn Khắc Thuần và Tiến sĩ Lý Bạch Mai, *“Đại lão Hòa thượng về với cõi vĩnh hằng nhưng trong tình cảm và nhận thức của xã hội, Hòa thượng mãi mãi gần bó và ân cần chỉ dạy cho các thế hệ hậu sinh”*⁸. Không biết bao cuộc đời đã bớt phức tạp, rối ren sau khi học tập nếp sống vị tha, hoan hỷ và không chấp thủ từ Ôn! Không biết bao nhiêu người đã thấm nhuần tinh thần từ bi hỷ xả nhờ tụng đọc và hành trì Kinh tạng Nguyên thủy do Ôn phiên dịch và giảng dạy! Bởi vậy, thật khó lòng để phản ánh được tất cả tâm sự và cảm xúc của những người đến đây muốn bày tỏ với Ôn! Tuy nhiên, có lẽ một việc làm khiến mọi người cảm thấy cõi lòng mình có vài phút giây thanh thản và an ủi là khi đã về Vạn Hạnh, được ngồi dưới chân Ôn là không cần nói một điều gì nữa. Và nếu có gì cần phải nói chẳng, cần ghi lại chẳng, đó là bày tỏ lòng tôn trọng và kính ngưỡng đối với Ôn, nguyện đi theo gương sáng của Ôn để đạo pháp và xã hội mỗi ngày mỗi tốt đẹp hơn, như lời tâm sự của bà Mai Thị Hạnh, phu nhân Ngài Trương Tấn Sang, Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *“Ngài đã đóng góp rất lớn cho Phật pháp và Dân tộc. Chúng con nguyện học tập gương đạo hạnh của Ngài để đóng góp nhiều hơn nữa cho Dân tộc, Tổ quốc và Phật pháp”*⁹. Ai cũng nghĩ như thế và muốn nói như thế khi quay về quỳ dưới Giác linh đài của Ôn! Chắc chắn Ôn sẽ vô cùng hoan hỷ nếu những tâm tư, ý nghĩ này được hiện thực hóa trong cuộc sống!

Một ngày trôi qua ! Hai ngày... rồi sáu ngày trôi qua!

⁵ Hậu học Viên Trí (Trích Sổ tang)

⁶ Ca sĩ Bảo Yến - Nguyễn Thảo (trích Sổ tang)

⁷ Đạo diễn Điệp Văn (trích Sổ tang)

⁸ Trích Sổ tang

⁹ Trích Sổ tang

Hàng vạn người đổ về Vạn Hạnh! Hàng trăm phái đoàn lần lượt đến thắp hương tưởng niệm Ôn trong suốt tuần tang lễ! Nhìn thấy các bậc cao tăng lạp trưởng, chư vị tôn đức Ni tuổi đã thượng tuần dẫn đầu các ban ngành viện Trung ương Giáo hội, Phân ban Ni giới Trung ương, các phái đoàn Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo các tỉnh thành trong cả nước lần lượt về viếng tang Hòa thượng mới cảm nhận được đức hạnh và công lao của Ôn đối với Dân tộc và Đạo pháp! Hàng trăm trường liên, vòng hoa, điện hoa, điện tín và những dòng lưu niệm được ghi lại trong 04 sổ tang là tấm lòng mọi người bày tỏ đến Ôn. Cảm xúc chung của chư tôn đức Tăng Ni là ngưỡng mộ và tiếc thương. Tâm nguyện của Phật giáo đồ là Ôn cao đăng Phật quốc và sớm trở lại với cuộc đời để tiếp tục sự nghiệp độ sanh. Để nói lên tất cả tâm tư và tình cảm của mình, phái đoàn Hệ phái Khất sĩ Việt Nam đã viết rằng: *“Một lòng quý trọng kính thương, Phẩm đức mô phạm sáng gương đạo từ, Giáo dục, dịch giảng kinh thư, Truyền đăng tục diệm đạo sư muôn đời, Giới định tuệ tòa sáng ngời, Đại ân đại đức người người an vui”*¹⁰.

Nhằm tỏ lòng tôn kính đối với một bậc thầy có công xây dựng Giáo hội, tạo nên sự đoàn kết trong tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam, hàng trăm tu sĩ của phái đoàn Phật giáo Nam tông Khmer thuộc sáu tỉnh miền Tây Nam Bộ đã đến kính lễ, cầu nguyện và bày tỏ sự xúc động của mình trước sự viên tịch của Trưởng lão Hòa thượng: *“Vô cùng thương tiếc bậc Trưởng lão. Ngài đã có công rất lớn trong Giáo hội, đào tạo Tăng tài, là bậc đại trí thức. Ngài đã để lại những giá trị tinh thần vô giá. Chúng con nguyện theo gương Ngài”*¹¹.

Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã ghi lại những dòng chữ đầy đạo tình để ca ngợi cuộc đời và đạo nghiệp của Ôn:

*“Điêu dặt bốn phương ngàn nhạc trời,
Kết thành ánh ngọc ngát thiên hương
Ngài đi vào cõi chân thường,
Pháp thân hiển hiện mười phương chan hòa
Tùy duyên hóa độ hằng sa,
Vườn hoa Vạn Hạnh nở hoa bốn mùa”*

Những cống hiến của Ôn cho cuộc đời không giới hạn trong lãnh vực tôn giáo tín ngưỡng; ảnh hưởng của Ôn còn mở rộng trong các lãnh vực nghiên cứu, học thuật, đặc biệt là giáo dục. Có thể nói rằng Ôn là người có nhiều đóng góp quan trọng cho hệ thống giáo dục Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ XX; đặc biệt Ôn đã đặt nền móng cho một nền đại học Phật giáo, mà tiêu biểu là Đại học Vạn Hạnh trước năm 1975, nơi đã đào tạo ra

¹⁰ Trích Sổ tang

¹¹ Trích Sổ tang

rất nhiều hiền tài cho quốc gia; trong số đó, rất nhiều người đã và đang gánh vác những trọng trách trong nhiều lãnh vực của xã hội. Ôn là thầy của những bậc thầy, những người đang giảng dạy tại các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân cũng như Phật giáo! Vì vậy, từ lúc được tin Ôn xả bỏ huân thân cho đến giờ phút nhập bảo tháp, hàng trăm giảng viên, hàng ngàn môn sinh đã cùng về quỳ dưới chân Ôn để tỏ lòng tri ân người thầy vĩ đại của mình. Học đồ của Ôn bao gồm rất nhiều tầng lớp, có người nay đã ở cái tuổi 80, nhưng hình ảnh người thầy năm xưa vẫn còn in đậm trong tâm khảm của họ, vì *“con có duyên lành học với Thầy... được Thầy truyền dạy rất nhiều về tư tưởng Phật giáo Nguyên thủy... con đã được lợi lạc rất nhiều và lúc nào cũng nhớ ơn Thầy, Thầy thật xứng đáng với danh từ “Thầy của Đông phương”¹².*

Với cả tấm lòng tôn kính, các nhà giáo lão thành như thầy Hà Thúc Hoan, Nguyễn Khuê, Nguyễn Văn Nghệ, Lâm Hữu Tài đã mượn sáu chữ sau đây để ca ngợi sự nghiệp giáo dục của Ôn: *“Quý phạm thiên thu bất tuyệt”*, có nghĩa là “bậc khuôn mẫu, mô phạm cho ngàn đời sau”. Cùng với suy nghĩ như thế, khi đến tiễn biệt Ôn, nhà giáo ưu tú Nguyễn Ngọc Thoa cũng xúc động viết rằng: *“Vô cùng thương kính Hòa thượng Thích Minh Châu - tấm gương sáng về người thầy đối với sự nghiệp giáo dục Việt Nam”¹³*. Đối với Tăng Ni đang hoạt động trong ngành giáo dục, Ôn không chỉ là nhà giáo mà còn là một mẫu người giáo dục đặc biệt của Phật giáo Việt Nam. Biết không thể nào diễn tả hết tâm tư, tình cảm và lòng biết ơn của mình, Ban Giảng huấn Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh tạm mượn những dòng chữ dưới đây để dâng lên Ôn: *“Sáu mươi bốn lap, chín mươi lăm tuổi, Giáo dục Tăng Ni, giáo hóa quần sanh; Gương hạnh hòa hợp, đạo đời tỏa sáng, Đường tăng Việt Nam, có một không hai”¹⁴.*

Để ghi nhận những cống hiến to lớn của Ôn trong lãnh vực giáo dục Phật giáo, chư tôn giáo phẩm của Trung ương Giáo hội đã thật sự cảm phục và xúc động khi ghi lại những dòng chữ sau đây trong lễ truy niệm : “Đối với sự nghiệp giáo dục, với trách nhiệm đào tạo Tăng tài, tiếp dẫn hậu lai, truyền trì Phật pháp, chấn hưng Phật giáo nước nhà, Hòa thượng đã tham gia xây dựng và điều hành Viện Cao đẳng Phật học Sài Gòn, Đại học Vạn Hạnh, hệ thống trường Bồ Đề trong cả nước. Hòa thượng mở Trường Cao cấp Phật học, Học viện Phật giáo Việt Nam và đào tạo nhiều thế hệ Tăng Ni tài đức, tích cực dẫn thân và kiên định trong chí nguyện phụng sự Đạo pháp theo phương châm của Giáo hội. Rất nhiều thế hệ Tăng Ni, Phật tử là học đồ, môn đệ do Hòa thượng đào tạo, hoặc ảnh hưởng

¹² Vũ Văn Phường, cựu sinh viên khóa I, Đại học Vạn Hạnh (trích Sổ tang)

¹³ Trích Sổ tang

¹⁴ Trích Sổ tang

ân đức của Ngài, hiện nay đang đảm nhiệm nhiều trọng trách của các cấp Giáo hội, tiếp nối sự nghiệp mà Ngài đã dày công tạo dựng. Có thể nói, tinh thần và chủ trương Vạn Hạnh, *con người Vạn Hạnh của Trường lão Hòa thượng mãi mãi trường tồn*”.

Nhớ lại trước kia, khi ca ngợi công đức của Pháp sư Huyền Trang đối với Phật giáo Trung Quốc, học giả Nguyễn Hiến Lê đã phát biểu: *“Ngài được ngồi riêng một chiếu trong hàng vĩ nhân thế giới...”*. Với Phật giáo Việt Nam, vai trò và vị trí của Ôn có lẽ cũng như thế!

Quả thực Ôn ra đi là một sự mất mát to lớn và đã để lại vô vàn tiếc thương cho chư Tăng Ni, Phật tử nói riêng và người Việt Nam nói chung ở trong và ngoài nước. Chư tôn đức và nhiều tổ chức Phật giáo hải ngoại đã biểu lộ sự kính ngưỡng đối với công đức của Ôn qua các điện thư phân ưu gửi Ban Tổ chức Tang lễ, đồng thời ra các thông tư yêu cầu các tự viện trực thuộc tổ chức lễ Tưởng niệm và Thọ tang Ôn. Từ Canada, Trường lão Thích Tâm Châu chia sẻ như sau: *“Thực vô cùng xúc động hay tin Trường lão Hòa thượng Thích Minh Châu, nguyên Viện trưởng Đại học Vạn Hạnh viên tịch hồi 09 giờ ngày 01 tháng 09 năm 2012 tại Thiền viện Vạn Hạnh, thành phố Sài Gòn, trụ thế 95 năm, hạ lạp 64 năm. Thuận thế vô thường, Hòa thượng an nhiên hỷ xả báo thân, từ xa, ngậm ngùi thương nhớ, nhất tâm cầu nguyện Giác linh Hòa thượng tự tại nơi cảnh giới vô sinh và công đức lưu truyền Chính pháp của Hòa thượng mãi mãi trường tồn với lịch sử Phật giáo và văn học Việt Nam”*. Tại Hoa Kỳ, thông tư của Hội đồng Điều hành GHPGVNTNKH ghi rõ: *“Giáo hội kính mong chư tôn đức giáo phẩm Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni, tùy hoàn cảnh sở tại, thiết lễ cầu nguyện và truy niệm công đức lớn lao mà cố Đại lão Hòa thượng đã một đời cống hiến cho Đạo pháp và Dân tộc.”* Ở Úc châu, thông tư đề ngày 03/9/2012 viết: *“Để tưởng nhớ, tri ân công đức phiên dịch kinh điển và hoằng pháp lợi sinh của cố Hòa thượng, 34 cơ sở chùa, viện của Giáo hội PGVNTN Hải ngoại tại Úc - Tân Tây Lan chúng ta tùy nghi trang nghiêm tổ chức tại từng trụ xứ của mình để tỏ lòng tri ơn đến cố Đại lão Hòa thượng”*.

Bên cạnh đó, Ban Hướng dẫn Gia đình Phật tử Việt Nam trên thế giới cũng có thông tư bày tỏ tấm lòng quý kính của mình bằng những việc làm cụ thể như sau:

“... Để tỏ lòng hiếu kính đối với bậc Thầy khả kính, giàu lòng yêu thương nhân loại và màu Lam, Ban Hướng dẫn Gia đình Phật tử Việt Nam trên thế giới kính yêu cầu các Ban Hướng dẫn quốc nội, hải ngoại, các châu và quốc gia:

Giảm thiểu tất cả các cuộc hội họp liên hoan có tính vui chơi trong vòng 30 ngày.

Phát tâm chay tịnh từ nay cho đến ngày kim quan Ngài nhập Bảo tháp hoặc nhiều hơn nữa.

Đồng loạt tổ chức lễ Tưởng niệm và Thọ tang Ngài vào ngày Chủ nhật 09 tháng 9 năm 2012, hoặc tùy thuận duyên của mỗi quốc gia.

Yêu cầu các đơn vị Gia đình Phật tử thay vào buổi lễ Phật hằng tuần là lễ cầu nguyện trong thời gian 4 tuần liên tục.

Yêu cầu Ban Hướng dẫn quốc nội đốc toàn lực để hỗ trợ tang lễ”.

Thật vậy, các cộng đồng Phật giáo Việt Nam từ trong nước cũng như ở hải ngoại đều đồng loạt tổ chức lễ Tưởng niệm và Thọ tang Ôn. Đây cũng chính là cơ hội để bày tỏ đạo lý uống nước nhớ nguồn của các Tăng, Ni đang du học hoặc đang lưu trú ở nước ngoài hoặc đang hoằng pháp tại các tỉnh huyện quê nhà mà phần lớn là học trò của Ôn và của các đơn vị Gia đình Phật tử Việt Nam khắp nơi mà Ôn là một thành viên sáng lập sáng ngời của GDPTVN ở đó họ đang kế thừa và dẫn thân.

Trong cảm thức của những vị lãnh đạo đất nước, *“Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu viên tịch là một mất mát to lớn. Cụ là tấm gương về trí tuệ và đạo hạnh cho mọi người Việt Nam noi theo”*¹⁵. Cùng cảm thức trên, xúc động trước những việc làm thâm lặng và cuộc sống đầy ý nghĩa của Ôn, đồng thời để thừa nhận những đóng góp to lớn của Ôn đối với Đạo pháp và Dân tộc, đại diện Văn phòng Quốc hội ghi: *“Chúng tôi kính ghi nhận đánh giá công lao vô cùng to lớn của Hòa thượng Thích Minh Châu, người có công thống nhất các tổ chức Phật giáo, hình thành Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng có công to lớn cho việc đào tạo trong GHPGVN - Hòa thượng vừa là một Trưởng lão, vừa là một nhà giáo lớn của Phật giáo Việt Nam yêu nước, góp công to lớn vào sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc...”*¹⁶. Không những thế, đại diện lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã đến kính viếng và bày tỏ tấm lòng của mình đối với một người con ưu tú của dân tộc: *“Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam vô cùng thương tiếc Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu... đã cống hiến trọn cuộc đời cho Đạo pháp và Dân tộc. Những đóng góp to lớn của Trưởng lão trong việc giáo dục, đào tạo Tăng tài, đoàn kết và phát huy những giá trị tích cực của tôn giáo để xây dựng đạo đức xã hội tốt đẹp, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa vững mạnh, xây dựng thế giới hòa bình an lạc... Trước Giác linh của Trưởng lão Hòa thượng, xin thấp nén tâm hương tưởng niệm bậc đạo sư đạo cao đức trọng”*¹⁷.

¹⁵ Phạm Dũng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban Tôn giáo Chính phủ (trích Sổ tang)

¹⁶ Vũ Văn Phòng, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội (trích Sổ tang)

¹⁷ Lê Thanh Hải, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành T.Ư Đảng (trích Sổ tang)

Với những bày tỏ chân thành và kính trọng của các vị lãnh đạo đất nước, Giáo hội, và của toàn thể Tăng Ni, Phật tử, ai cũng có thể hiểu rằng công đức của Ôn là khó có thể ca tụng, diễn bày; bởi vì Ôn không chỉ là người đệ tử xuất chúng của Đức Phật mà còn là một người con ưu tú của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX. Điều này chứng tỏ rằng cuộc đời của Ôn không chỉ là ngọn đèn tâm linh rọi soi cho những người hữu duyên được bước chân vào ngôi nhà Phật pháp; cuộc đời của Ôn còn là chiếc cầu vô hình nối liền những khoảng cách tâm lý giữa người với người, giữa đạo và đời, giữa các dân tộc.

Trong thực tế, những giá trị sống ấy cũng đã chiếm trọn tình cảm tâm tư mến mộ của nhiều người nước ngoài. Đặc biệt là Ngài Tổng Lãnh sự Ấn Độ tại thành phố Hồ Chí Minh, Abhay Thakur, khi nghe tin Ôn viên tịch, đã lập tức đến kính viếng Giác linh Ôn và tỏ bày những dòng xúc cảm: *“Tôi vô cùng xúc động và đau buồn khi được tin Hòa thượng Thích Minh Châu đã nhập Niết-bàn. Ngài là ánh sáng soi đường, một nhân cách lớn, một vị tổ sư của ngành nghiên cứu Phật học, không chỉ ở Việt Nam mà khắp trên thế giới... Với Ngài, chúng tôi đã mất đi một vị triết gia lớn và là một người bạn của Ấn Độ. Ngài đã khích lệ, động viên rất nhiều tu sĩ và Phật tử Việt Nam quan tâm đến Ấn Độ, tạo nên một mối dây liên kết tinh thần giữa hai quốc gia và hai dân tộc... Vì vậy, tôi cầu nguyện Giác linh Ngài sẽ an nghỉ, chúng tôi sẽ luôn chăm sóc và nuôi dưỡng những di sản tinh thần ấy sống mãi theo năm tháng. Mối dây liên kết tinh thần mà cố Hòa thượng đã gây dựng giữa Ấn Độ và Việt Nam sẽ tồn tại mãi mãi”*¹⁸.

Hương sắc nổi bật trong lễ tang Ôn chính là hoa tâm thanh khiết. Ngay lúc được tin Ôn viên tịch, mọi tầng lớp đã đổ về Thiên Viện Vạn Hạnh để chung tay lo hậu sự cho Ôn. Từng lớp thanh niên và Gia đình Phật tử đảm nhiệm các công việc nặng nhọc. Thượng tọa chùa Huỳnh Kim, cựu môn sinh của Ôn phát tâm lo liệu kim quan, đội cắm hoa hàng chục người của nhóm Hoa Tâm Việt đã có mặt. Chư Ni các chùa như Diệu Giác, Liên Trì, Pháp Hội, Bát Nhã, Bảo Vân, Kim Sơn, Thiên Long, Quan Âm, Kiều Đàm, Kỳ Viên, An Lạc, Ni viện Vạn Hạnh... cùng Chư Ni Học viện các khóa phát tâm lo phần ẩm thực và hành đường... Các đạo tràng, ban đang tu học tại Vạn Hạnh đều tự nhận lãnh trách nhiệm để chung lo tang lễ. Các đơn vị truyền hình, truyền thông báo giấy và báo mạng thường xuyên có mặt để tác nghiệp, đưa tin về lễ tang Ôn kịp thời để đáp ứng sự quan tâm theo dõi của Phật tử khắp nơi trong và ngoài nước. Đặc biệt, Hãng phim Sen Việt đã làm việc cật lực không ngừng nghỉ để đưa những thước video thực tế, sống động và thường xuyên được cập nhật. Khoảng 20.000 đĩa phim *“Cuộc đời và đạo nghiệp”* và 18.000 ảnh chân dung của Ôn do quý Phật tử

¹⁸ Trích Sổ tang

phát tâm ấn tổng đã kịp thời chuyển đến cho mọi tầng lớp ngưỡng vọng về Ôn. Tất cả đều tự nguyện, với lòng tôn kính vô biên dâng lên bậc Thầy cao cả, hết thảy mọi người đều hoan hỷ chung tay góp sức để lo hậu sự của Ôn được thành tựu viên mãn.

Suốt thời gian lễ tang, tiết trời thật đẹp. Hầu như ngày nào cũng có mưa, nhưng chỉ mưa lúc giữa đêm khuya hoặc mưa nhẹ trong chốc lát, mà không làm trở ngại việc phúng viếng hay những giờ hành lễ. Liệu chư Thiên đã che chở và phò trì lễ tang Hòa thượng chăng, như được đề cập trong kinh điển? Thực tế, đây là yếu tố không kém phần quan trọng để cho không khí lễ tang Ôn được thanh lương và kỳ diệu như thế, thấu cảm đến lòng người tham dự. Mọi người đều cảm nhận sự thoải mái, an lạc và hạnh phúc.

Thời gian lặng lẽ trôi qua! Hôm nay là ngày cuối của tang lễ, ngày đưa tiễn nhục thân Ôn nhập Bảo tháp Pháp Lạc.

Đêm trước ngày lễ nhập Bảo tháp là một đêm đầy cảm xúc và tràn đầy nước mắt. Đó là đêm tưởng niệm của tứ chúng môn đồ pháp phái Tường Vân và chư Tăng Ni, Phật tử từng thọ ơn Ôn. Mong muốn bày tỏ lòng tri ân trước khi nhục thân Ôn mãi mãi đi xa, không còn hiện hữu trên trần thế này nữa. Hòa thượng Thích Chơn Thiện quá xúc động và nghẹn ngào đọc điệu văn tưởng niệm mà những dòng xúc cảm tuôn trào, khiến cho hàng ngàn Tăng, Ni và Phật tử trong hội chúng không thể nào cầm được nước mắt. Mỗi lời, mỗi chữ nhắc lại những tháng ngày Hòa thượng đã đi qua là mỗi tấm gương sáng ngời đạo hạnh cho hậu thế, thì có niềm cảm xúc cảm nào cao quý hơn và sâu lắng hơn! Toàn thể hội chúng chấp tay nghiêm trang hướng lên Giác linh đài và hữu nhiều kim quan Ôn hòa cùng tiếng niệm Phật mà những giọt lệ cứ lăn dài lấp lánh dưới ánh màn đêm sâu thẳm.

Hôm nay là ngày 29 tháng 9, từ sáng sớm tinh mơ, sân Thiền viện đã không còn chỗ trống. Trong lặng yên, người ta chờ đợi! Rồi giờ phút cuối cùng đã đến! Giờ khắc chia ly cũng đã điểm! Sau buổi lễ cầu nguyện và tưởng niệm, Tăng Ni, Phật tử và đồng bào cúi đầu đưa tiễn kim quan Ôn nhập Bảo tháp.

Làm xúc động cả vạn người trong buổi lễ là Lời tưởng niệm của Trung ương Giáo hội do Hòa thượng Thích Trí Quảng tuyên đọc. Ôn lại hành trạng và công đức của Ôn, mỗi lời tưởng niệm được Hòa thượng Phó ban Tổ chức Tang lễ nhắc đến đều là những niềm tri ân sâu sắc vô hạn đối với Ôn mà thế hệ hôm nay và mai sau của Phật giáo Việt Nam đều thọ ân: *“Trên bước đường trở thành bậc tri thức Phật học uyên thâm, sau hơn 10 năm xuất dương du học, trên diễn đàn học thuật bác học đa văn, Hòa thượng là một danh tăng của Phật giáo Việt Nam và được thế giới hết lòng kính mộ, làm gạch nối, nhịp cầu giữa Phật giáo Việt Nam và các nước ... Với ân đức uy nghiêm, đạo tâm trác thế, trí tuệ viên dung,*

tòng lâm thạch trụ, bậc mô phạm cho đàn hậu học, cho nên mỗi lời pháp của Trưởng lão Hòa thượng là khơi nguồn trí huệ, mỗi việc làm của Trưởng lão Hòa thượng mở lối tương lai, mỗi cử chỉ của Trưởng lão Hòa thượng là thể hiện sự khoan dung độ lượng, lòng từ chan chứa. Trưởng lão Hòa thượng chính là hình ảnh giải thoát vô ngại, là lẽ sống muôn đời cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước học tập và làm theo”. Nghe ngào trong niềm xúc cảm dâng trào, những lời lời cảm niệm của Hòa thượng đã làm cho những dòng nước mắt của hội chúng cứ mãi tuôn trào. Trong giây phút thiêng liêng này, hình ảnh quý kính của Ôn đang chiếm trọn tâm hồn những con tim bé bỏng trong pháp giới duyên sinh mà viên dung nhất thể.

Giờ khắc chia ly đã đến! Sau buổi lễ cầu nguyện và tưởng niệm, Tăng Ni, Phật tử và đồng bào cúi đầu đưa tiễn kim quan Ôn nhập Bảo tháp. Quang cảnh buổi lễ thật trang nghiêm, uy linh và mầu nhiệm. Các nam nữ đoàn sinh Gia đình Phật tử đồng phục trang nghiêm đứng hai hàng thẳng tắp trước Giác linh đài, nói dài bao quanh Thiên viện lối dẫn đến Bảo tháp Pháp Lạc. Cả rừng người mà vẫn thông thoáng, trang nghiêm. Kim quan Ôn đến đâu đâu có các thiếu nữ hai bên tung hoa muôn sắc dâng lên cúng dường, người người cúi mình thi lễ, cung kính đội lên đầu di ảnh của Ôn. Hương, hoa, lễ nhạc cùng chuông trống Bát-nhã đồng vang vọng để tiễn biệt một bậc Thượng sĩ vừa viên mãn hạnh nguyện độ sanh trên cõi đời này.

Muôn vàn cảm thán! Vạn nỗi bàng khuâng trước sự ra đi của một nhân cách lớn, một bậc chân tu, một nhà giáo dục mô phạm! Không cầm được nước mắt trước cảnh sinh ly tử biệt này:

*“Người xưa nay đã còn đâu
Chỉ còn mây bạc lòng sầu tiếc thương
Ra vào lòng dạ vấn vương
Nụ cười bất diệt, dư hương hoa từ”.*

Thật vậy! Ôn tuy không còn nữa nhưng tấm lòng của Ôn đối với Dân tộc và Đạo pháp vẫn còn mãi với thời gian:

*“Hương các loại hoa thơm
Không ngược bay chiều gió
Nhưng hương người đức hạnh
Ngược gió khắp tung bay
Chỉ có bậc chân nhân
Tỏa khắp mọi phương trời”.*

Trời âm u, một làn mưa bụi đi qua, làm thanh mát bầu không khí cho rừng người đang nao lòng kính cẩn hướng về Ôn. Rồi trời từ từ sáng và nắng gắt khi kim quan đi vào khuôn viên Bảo tháp Pháp Lạc. Lúc kim quan Ôn vào lòng đất mẹ, dòng người cứ nối tiếp nhau cung kính tiễn biệt với những nhành hoa. Trời đất và lòng người như đang di chuyển và hòa nhập cùng với sự kiện lịch sử này.

